

SỐ 99

KINH TẠP A-HÀM (III)

雜阿含經

Hán dịch: Tống, Tam tạng Câu-na-bạt-dà-la.

Việt dịch: Thích Đức Thắng.

Hiệu đính & Chú thích: TUỆ SỸ.

TẬP A-HÀM QUYỂN 45

KINH 1198. A-LẠP-TỠ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ² ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà³ tọa thiền.

Khi ấy Ma Ba-tuần nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Nay ta nên đến đó làm trở ngại.” Liền biến thành thiếu niên tướng mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni ấy nói với Tỳ-kheo-ni rằng:

“A-di muốn đi đâu?”

Tỳ-kheo-ni đáp:

“Hiền giả, tôi muốn đi đến chỗ thật xa.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Đời không thể ra khỏi,
Viễn ly để làm gì?
Trở về hưởng ngũ dục,
Chớ về sau hối hận.*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ tự nghĩ: “Người này là ai mà

¹. Đại Chánh quyển 45. Quốc Dịch, quyển 39, “Tụng vii. Kệ. 7. Tương ứng Tỳ-kheo-ni”. Ấn Thuận, “Tụng viii. Tám chúng. 23. Tương ứng Tỳ-kheo-ni”, mười kinh: 1298-1307 (Đại Chánh: 1198-1207). Phật Quang, quyển 45. –Pāli, S. 5. 1. Āḷavikā. Cf. Theri 57-59. Biệt dịch, N^o100(214).

². A-lạp-tỳ 阿闍毘. Pāli: Āḷavikā bhikkhunī.

³. An-đà lâm 安陀林. Pāli: Andhavana.

muốn khùng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Cô liền nghĩ đây ắt là ác ma muốn nã loạn ta. Biết rõ rồi, liền nói kệ:

*Đời có thể ra khỏi,
Ta tự biết sở đắc;
Này ác ma hèn hạ,
Người không biết đạo kia.
Như dao bén tác hại,
Ngũ dục cũng như vậy.
Như thân bị xẻo thịt,
Khổ thủ uẩn cũng vậy.
Như điều người vừa nói,
Người vui hưởng ngũ dục;
Người đó không thể vui.
Nơi đó đáng sợ hãi.
Lìa tất cả hỷ lạc,
Vứt bỏ mọi tối tăm;
Vì diệt tận tác chứng,
An trụ lìa các lậu.
Biết rõ người ác ma,
Hãy mau chóng tự diệt.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ này đã biết rõ tâm ta.” Rồi buồn bã không vui, liền biến mất.

M

KINH 1199. TÔ-MA⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tô-ma⁵ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Tô-ma đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá,

4. Pāli, S. 5. 2. Somā. Cf. Theri 60-62. Biệt dịch, N^o100(215).

5. Tô-ma Tỳ-kheo-ni 蘇摩比丘尼。Pāli: Somā bhikkhunī.

cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tô-ma, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Nay ta nên đến đó làm trở ngại.” Liền biến thành thiếu niên tướng mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tô-ma hỏi rằng:

“A-di muốn đi đâu?”

Đáp:

“Hiền giả, ta muốn đi đến chỗ thật xa.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Chỗ ở của Tiên nhân,
Nơi đó khó đến được.
Trí bằng hai ngón tay⁶,
Chẳng thể đến nơi đó.*

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tô-ma tự nghĩ: “Người này là ai mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, cô liền biết rõ đây là ác ma muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Tâm nhập vào chánh thọ⁷,
Thân nữ có làm sao?
Khi trí tuệ phát sanh,
Liền được pháp Vô thượng.
Đối với tướng nam, nữ,
Nếu tâm không xa lìa,
Người đó nghe theo ma,
Người nên đến đó nói.
Lìa xa tất cả khổ,
Vứt bỏ mọi tối tăm;*

6. Nhị chỉ trí 二指智。Pāli: dvaṅgulapaññā, trí tuệ bằng hai ngón tay. Chỉ trí tuệ người nữ. SA. i. 190: yasmā vā dvīhi aṅgulehi kappāsavaṭṭiṃ gahetvā suttam kantati, “Bởi vì (người nữ) dùng hai ngón tay nắm mép vải rồi khâu chỉ.”

7. Pāli: cittamhi susamāhite, khi tâm nhập chánh định.

*Mau diệt tận chúng đắc,
An trụ các lậu sạch.
Biết rõ người ác ma,
Hãy mau chóng tự diệt.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tô-ma này đã biết rõ tâm ta.” Rồi buồn bã không vui, liền biến mất.

M

KINH 1200. CÙ-ĐÀM-DI⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di⁹ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, kiết già phu tọa, nhập chánh thọ ban ngày, dưới bóng cây.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, kiết già phu tọa, nhập chánh thọ ban ngày, dưới một bóng cây. Nay ta hãy đến đó làm trở ngại.” Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di nói kệ:

*Có phải người chôn con,
Mặt buồn râu khóc lóc?
Một mình dưới bóng cây,
Muốn tìm nam tử nào?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá tự nghĩ: “Là ai mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, cô

⁸. Pāli, S. 5. 3. Gotamī. Biệt dịch, N^o100(216).

⁹. Cát-ly-xá Cù-đàm-di 吉離舍瞿曇彌。Pāli: Kisāgotamī.

liền biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần đến nhiều loạn ta. Biết là ma rồi, liền nói kệ:

*Con cái, cùng biên tế¹⁰,
Tất cả đều mất hết.
Đây biên tế nam tử¹¹,
Đã vượt tướng nam tử.
Không nã, không lo sầu,
Phật dạy làm, đã làm;
Tất cả lìa ưu khổ,
Bỏ tất cả tối tăm.
Đã diệt tận tác chứng,
Hết các lậu, an ổn.
Đã biết người ma xấu,
Hãy mất đi khỏi đây.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di đã biết rõ tâm ta.” Rồi buồn lo khổ não, liền biến mất.

M

KINH 1201. LIÊN HOA SẮC¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc¹³ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở

¹⁰. Pāli: *accanta*, tận cùng, không còn gì nữa. Bản Hán hiểu là *ananta*: không biên tế.

¹¹. Hán sát nghĩa đen Pāli: *purisā etad antikā*, “Những người đàn ông, đã chấm dứt”.

¹². Pāli, S. 5. 5. *Uppalavaṇṇā*. Cf. Theri. 230-233. Biệt dịch, N^o100(217).

¹³. Ưu-bát-la-sắc 優鉢羅色; Hán thường được biết qua tên Liên Hoa Sắc. Pāli: *Uppalavaṇṇā*.

nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó làm trở ngại.” Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc nói kệ:

*Cây kiên cố¹⁴ hoa đẹp,
Nương nghỉ dưới bóng cây;
Một mình không bè bạn,
Không sợ người khác sao?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc tự nghĩ: “Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?” Suy nghĩ như vậy, biết rõ đây ắt là ác ma muốn nhiễu loạn ta chẳng? Liền nói kệ:

*Giả sử có trăm nghìn,
Đều là người gian xảo;
Như ác ma các người,
Có đi đến chỗ tôi.
Cũng không động lông tóc.
Không sợ người, ác ma.*

Ma lại nói kệ:

*Nay ta vào bụng người,
Sẽ ở trong nội tạng;
Hoặc giữa hai lông mày,
Người không thể thấy ta.*

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc lại nói kệ:

*Tâm tôi có sức lớn,
Khéo tu tập thần thông;
Đã giải thoát ràng buộc,
Không sợ người, ác ma.*

¹⁴. Kiên cố thọ 堅固樹; cây sa-la; nhưng bản Hán đọc là sara: kiên cố, thay vì sāla.

*Ta đã nhờ ba cấu,
 Cội gốc của khùng bố;
 Trụ vào đất an ổn,
 Đối quân ma không sợ.
 Đối tất cả ái hỷ,
 Xa lìa mọi tối tăm;
 Đối tịch diệt đã chứng,
 Các lậu hết, an trụ.
 Biết rõ người, ác ma,
 Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la-sắc đã biết rõ tâm ta.” Rồi ôm lòng sầu lo, liền biến mất.

M

KINH 1202. THI-LA¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thi-la¹⁶ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.” Liền biến thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước Tỳ-kheo-ni Thi-la nói kệ:

¹⁵. Pāli, S. 5. 10. Vajirā. Biệt dịch, N^o100(218).

¹⁶. Thi-la Tỳ-kheo-ni 尸羅比丘尼。Pāli: Vajirā bhikkhunī.

*Chúng sanh sanh làm sao?
Ai là người tạo nó?
Chúng sanh khởi chỗ nào?
Và rồi đi về đâu?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-la tự nghĩ: “Đó là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, biết rõ đó là ác ma muốn gây chướng nạn, liền nói kệ:

*Ngươi bảo có chúng sanh,
Đó là thấy của ma.
Chỉ có uẩn trống rỗng,
Không có ai chúng sanh.
Nhiều thanh gổ hợp lại,
Đời gọi nó là xe;
Các uẩn do duyên hợp,
Tạm gọi là chúng sanh.
Sanh này là khổ sanh,
Trụ cũng là khổ trụ;
Không pháp nào sanh khổ,
Khổ sanh, khổ tự diệt.
Xả tất cả ưu khổ,
Xa lìa mọi tối tăm;
Đối tịch diệt, đã chứng,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết ngươi, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Thi-la đã biết rõ tâm ta.’ Nên ôm lòng lo lắng, liền biến mất.

M

KINH 1203. TỖ-LA¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà,

¹⁷. Pāli, S. 5. 9. Selā. Biệt dịch, N^o100(219).

nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-la¹⁸ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.” Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, nói kệ:

*Làm sao tạo hình¹⁹ này?
Ai là người tạo nó?
Hình này khởi từ đâu?
Hình này đến chỗ nào?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Tỳ-la tự nghĩ: “Đây là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?” Nghĩ như vậy, liền biết rõ ác Ma Ba-tuần muốn làm nhiều loạn, liền nói kệ:

*Hình này không tự tạo,
Cũng không người khác tạo.
Nhân duyên hợp mà sanh,
Duyên tan tức biến diệt.
Như đời gieo hạt giống,
Nhờ đất đai mà sanh;
Đủ đất, nước, lửa, gió.
Ấm giới nhập cũng thế;
Nhân duyên hòa hợp sanh.
Duyên lìa thì biến diệt.
Xả tất cả ưu khổ,*

¹⁸. Tỳ-la Tỳ-kheo-ni 毘羅比丘尼。Pāli: Selā bhikkhunī.

¹⁹. Hán: hình 形。Pāli: bimba, hình bóng, ảnh tượng.

*Xa lìa mọi tối tăm.
 Đối tịch diệt, đã chứng,
 Các lậu hết, an trụ.
 Vì biết người, ác ma,
 Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tỳ-la đã biết rõ tâm ta.” Nên sanh lòng lo lắng, liền biến mất.

M

KINH 1204. TỖ-XÀ-DA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da²¹ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước cô, nói kệ:

*Nay cô còn tuổi trẻ,
 Tôi cũng còn trẻ tuổi;
 Nơi này, cùng ở chung,
 Tạo năm thứ âm nhạc.
 Để cùng nhau vui hưởng,
 Thiên tư để làm gì?*

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da tự nghĩ: ‘Đây là những người nào

²⁰. Pāli, S. 5. 4. Vijayā. Cf. Therī. 139-140. Biệt dịch, N^o100(220).

²¹. Tỳ-xà-da Tỳ-kheo-ni 毘闍耶比丘尼。Pāli: Vijayā bhikkhunī.

mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, biết rõ đây là ác Ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Ca múa, các nghệ thuật,
Các thú cùng vui chơi;
Nay đều cho người hết,
Ta chẳng cần đến chúng.
Nếu chánh thọ vắng lặng,
Thì ngũ dục trời, người;
Tất cả đều cùng cho,
Ta cũng không cần chúng²².
Bỏ tất cả vui vẻ,
Xa lìa mọi tối tăm;
Đã tác chúng, tịch diệt,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết người, ác ma,
Hãy tự biến khỏi đây.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da đã biết rõ tâm ta.’ Nên trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

M

KINH 1205. GIÁ-LA²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Giá-la²⁴ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày.

²². Tham chiếu Pāli: ye ca rūpūgatā sattā, ye ca arūpaṭṭhāyino; yā ca santā samapatti, sabbattha vihatō tamo’ ti, “Chúng sanh sanh sắc giới; chúng sanh hành vô sắc; và chánh thọ tịch tĩnh; ở tất cả nơi ấy, bóng tối bị tiêu diệt”.

²³. Pāli, S. 5. 6. Cālā. Biệt dịch, N^o100(221).

²⁴. Giá-la Tỳ-kheo-ni 遮羅比丘尼。Pāli: Cālā bhikkhunī.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước Tỳ-kheo-ni Giá-la nói kệ:

*Biết thọ sanh là vui²⁵,
 Sanh hưởng thụ ngũ dục²⁶.
 Ai đã truyền dạy cô,
 Khiến chán lìa thọ sanh?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Giá-la tự nghĩ: ‘Đây là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? mà đến đây muốn nhiễu loạn,’ liền nói kệ:

*Có sanh ắt có chết,
 Sanh thì chịu các khổ:
 Roi vọt, các khổ ão,
 Duyên sanh có tất cả.
 Hãy đoạn tất cả khổ,
 Siêu việt hết thủy sanh;
 Tuệ nhãn quán Thánh đế,
 Những gì Mâu-ni nói:
 Khổ khổ và khổ tập,
 Diệt tận lìa các khổ;
 Tu tập tám Thánh đạo,
 An ổn đến Niết-bàn.
 Pháp Đại Sư bình đẳng,
 Tôi hâm mộ pháp này;
 Vì tôi biết pháp này,*

25. Giác thọ sanh vi lạc 覺受生為樂。 Bản Pāli: kim nu jātiṃ na rocesi, “Sao cô không thích sự thọ sanh?”

26. Trong bản Pāli, câu này được hiểu là trả lời của Cālā: jāto kāmāni bhuñjati.

*Không thích thọ sanh nữa.
Lìa tất cả buồn vui,
Xả bỏ mọi tối tăm;
Đã tác chứng tịch diệt,
Phiền não hết, an trụ.
Biết rõ người, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

M

KINH 1206. UÙ-BA-GIAU-LA²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Uù-ba-giá-la²⁸ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Uù-ba-giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai vào rừng An-đà ngồi dưới bóng một gốc cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta hãy đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Uù-ba-giá-la nói kệ:

*Trên cõi Tam thập tam,
Diệm-ma, Đâu-suất-đà;
Hóa lạc, Tha tự tại,
Nguyện được sanh về đó.*

²⁷. Pāli, S. 5. 7. Upacālā. Cf. Theri. 197-198, 200-201. Biệt dịch, N^o100(222).

²⁸. Uù-ba-giá-la 優波遮羅。Pāli: Upacālā bhikkhunī.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la tự nghĩ: “Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo?” Tự nghĩ đã biết rõ đây ắt là ác ma muốn nhiễu loạn, liền nói kệ:

*Trên cõi Tam thập tam,
Diêm-ma, Đâu-suất-đà;
Hóa lạc, Tha tự tại,
Trên các cõi trời ấy.
Không lìa hành hữu vi²⁹,
Nên bị Ma khống chế;
Tất cả các thế gian,
Đều là tỵ các hành.
Tất cả các thế gian,
Đều là pháp dao động;
Tất cả các thế gian,
Lửa khổ thường cháy mạnh.
Tất cả các thế gian,
Đều khởi dậy khói bụi.
Không động cũng không lay;
Không tập cận phạm phu;
Không rơi vào đường ma;
Ở nơi đó an vui;
Lìa tất cả ưu khổ,
Xả bỏ mọi tối tăm.
Đã tác chứng tịch diệt,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết người, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la đã biết rõ tâm ta’, trong lòng ôm lo, lặng lẽ biến mất.

M

²⁹. Bản Pāli: kāmabandhanabaddhā te, “chúng bị trói bởi sợi dây ái dục”.

KINH 1207. THI-LỢI-SA-GIÁ-LA³⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la³¹ ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.’ Liền hóa thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la nói rằng:

“A-di! Cô thích đạo giáo³² nào?”

Tỳ-kheo-ni đáp:

“Tôi không thích bất cứ đạo giáo nào.”

Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Cô chấp nhận chỗ nào,
Cạo tóc làm Sa-môn;
Mình đắp y ca-sa,
Mà làm tướng xuất gia;
Đối các đạo không thích,
Mà sống ôm ngu si?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la tự nghĩ: ‘Đây là những người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Hay là người gian xảo? Nghĩ vậy rồi, tự biết rõ là ác Ma Ba-tuần

³⁰. Pāli, S. 5. 8. Sīsupacālā. Biệt dịch, N^o100(223).

³¹. Thi-lợi-sa-giá-la 施利沙遮羅。Pāli: Sīsupacālā bhikkhunī.

³². Pāli: pāsaṇḍa, đạo giáo, giáo phái. Đây chỉ các giáo phái ngoài Phật giáo.

muốn làm nhiều loạn, liền nói kệ:

*Các đạo ngoài Pháp này,
Bị các kiến trói buộc.
Bị các kiến trói rồi,
Thường bị ma khống chế.
Nếu sanh nhà họ Thích,
Không ai bằng Đại Sư;
Hay dẹp các ma oán,
Không bị chúng chế phục.
Thanh tịnh thoát tất cả,
Đạo nhãn quan sát khắp;
Trí nhất thiết ắt biết,
Tối thắng lia các lậu.
Ngài Đại Sư của ta.
Ta chỉ thích pháp Ngài.
Ta vào pháp Ngài rồi,
Được xa lia, vắng lặng.
Lìa tất cả ái hỷ,
Xả bỏ mọi tối tăm;
Đã tác chứng, tịch diệt,
Các lậu hết, an trụ.
Đã biết người, ác ma,
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la đã biết rõ tâm ta.’ Trong lòng ôm lo lắng, liền biến mất.

M

KINH 1208. AO YẾT-GIÀ³³

Tôi nghe như vậy:

³³. Quốc Dịch, quyển 39, nửa sau, Tụng vii. Kệ. 8. Tương Bà-kỳ-xá, hai phẩm. Ấn Thuận, 24. Tương ưng Bà-kỳ-xá, 16 kinh (Đại Chánh quyển 45, kinh 1208-1211; quyển 36, kinh 993-994). – Pāli, S. 8. 11. Gaggārā. Cf. Thera. 1252. Biệt dịch, N^o100(224).

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già³⁴, tại nước Chiêm-bà.

Bấy giờ, ngày thứ mười lăm của tháng, vào lúc bố-tát, Thế Tôn ngồi trước đại chúng. Khi trăng vừa mới mọc, lúc ấy ở trong chúng có Tôn giả Bà-kỳ-xá³⁵, nghĩ như vậy: “Bây giờ, ta muốn ở trước Thế Tôn, đọc kệ khen về thí dụ mặt trăng”. Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Muốn nói thì cứ nói.”

Lúc ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá liền ở trước Phật nói kệ:

*Như trăng treo hư không,
Trong sáng không mây che;
Ánh sáng trong vằng vặc,
Chiếu khắp cả mười phương.
Như Lai cũng như vậy,
Trí tuệ soi thế gian;
Công đức nổi tiếng thơm,
Lan tỏa khắp nơi nơi.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

M

KINH 1209. KIÊU-TRẦN-NHU³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-nhu ở lâu nơi a-luyện-nhã thanh vắng, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, áp mặt lên chân Phật mà nói rằng:

³⁴. Yết-già 揭伽。Pāli: Gaggarā pokkhaṇi.

³⁵. Bà-kỳ-xá 婆耆舍。Pāli: Vaṅḡsa.

³⁶. Pāli, S. 8. 9. Koṇḍañña. Thera. 1246-1248. Biệt dịch, N^o100(225).

“Lâu quá con không gặp Thế Tôn! Lâu quá con không gặp Thiện Thệ!”

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở trong chúng hội, nghĩ như vậy: “Bây giờ, ta sẽ đến trước mặt Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như khen ngợi bằng thí dụ Thượng tọa.” Nghĩ vậy xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, làm lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Muốn nói gì thì cứ nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Thượng tọa của Thượng tọa³⁷,
Tôn giả Kiều-trần-như;
Đã độ, đã vượt qua,
Được an lạc, chánh thọ.
Ở nơi a-luyện-nhã,
Luôn vui nơi viễn ly.
Điều đệ tử cần làm,
Chánh pháp Đại Sư dạy³⁸.
Tất cả đều mở bày,
Chánh thọ, không phóng dật;
Sức đức lớn ba minh,
Trí tha tâm sáng tỏ;
Thượng tọa Kiều-trần-như,
Hộ tài sản Phật pháp;
Bằng cung kính tặng thượng,
Cúi đầu lễ chân Phật.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

³⁷. Pāli: Buddhānubuddho so thero, “Ngài là vị Thượng tọa giác ngộ theo sau Đức Phật”.

³⁸. Pāli: yam sāvakeṇa pattaḃbaṃ, satthusāsanakārinā, điều mà đệ tử cần đạt đến, vị thực hành giáo pháp của Đạo Sư.

M

KINH 1210. XÁ-LỢI-PHÁT³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với các Tỳ-kheo hội họp tại nhà cúng dường. Tôn giả vì họ mà thuyết pháp, cú vị đầy đủ, biện tài đơn giản, dễ hiểu, ưa nghe; thông suốt không gián đoạn, hiển bày nghĩa sâu. Các Tỳ-kheo này chuyên thích đến nghe; một lòng lắng nghe, tôn kính ghi nhớ. Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ngồi giữa pháp hội, tự nghĩ: ‘Ta sẽ ở trước mặt Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ tán thán.’ Nghĩ vậy xong, liền đứng dậy chấp tay bạch:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi có điều muốn xin nói.”

Xá-lợi-phất bảo:

“Tùy sở thích mà nói.”

Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Khéo nói pháp tóm lược,
 Khiến ai cũng hiểu rộng;
 Ưu-bà-đề-xá hiền⁴⁰,
 Giữa đại chúng tuyên dương.
 Đang lúc ngài nói pháp,
 Từ cổ phát tiếng hay⁴¹;
 Âm thanh ái niệm vui,
 Tiếng thư thả điều hòa.
 Ai nghe cũng ưa thích,
 Chuyên nhớ không đời đổi.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói đều rất hoan hỷ.

M

³⁹. Pāli, S. 8. 10. Sāriputta. Thera. 1231-1233. Biệt dịch, N^o100(226).

⁴⁰. Ưu-bà-đề-xá 優婆提舍。Pāli: Upatissa, tên của ngài Xá-lợi-phất.

⁴¹. Pāli: sālīkāyivā nigghosa, tiếng phát ra như chim sālī.

KINH 1211. NA-GIÀ SƠN⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá, gần núi Na-già⁴³ cùng với năm trăm Tỳ-kheo câu hội, đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa bỏ các gánh nặng, chóng được lợi mình, dứt hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên quan sát tâm của đại chúng, thấy tất cả đều đã giải thoát tham dục. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa đại chúng, nghĩ như vậy: ‘Bây giờ, ta nên ở trước Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng nói kệ tán thán.’ Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Tùy sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Vô Thượng Sĩ, Đạo Sư,
Trụ sườn núi Na-già;
Cùng năm trăm Tỳ-kheo,
Thân kính phụng Đạo Sư.
Tôn giả Đại Mục-liên,
Thần thông thấu rõ hết;
Quan sát tâm đại chúng,
Thấy đều lìa tham dục.
Độ đầy đủ như vậy⁴⁴,
Mâu-ni qua bờ kia;
Mang thân này sau chót,
Nay con cúi đầu lễ.*

⁴². Pāli, S. 8. 10. Moggallāna. Thera. 1240-1251. Biệt dịch, N^o100(227).

⁴³. Na-già 那伽。 Bản Pāli: Isigilipasse Kāḷasilāyaṃ, trong hang Đá đen, trên sườn núi Isigili.

⁴⁴. Pāli: evaṃ sabbaṅgasampannaṃ, thành tựu tất cả chi phần như vậy. SA.i.284: evaṃ sabbaguṇasampannaṃ, thành tựu tất cả công đức như vậy

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

M

KINH 1212. TỰ TỰ⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá⁴⁶. Bấy giờ, Phật kiết hạ an cư cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm, đã lìa các bỏ gánh nặng, dứt trừ hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo là Tôn giả A-nan, được Thế Tôn ký thuyết, ngay trong đời hiện tại Tôn giả sẽ đắc vô tri chứng⁴⁷.

Bấy giờ, ngày mười lăm⁴⁸, vào giờ thực thọ⁴⁹, Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, rồi bảo các Tỳ-kheo:

“Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Đại Y Sư, nhổ những gai nhọn. Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân sau cùng, là Vô Thượng Y Sư, nhổ những gai nhọn. Các ông là con, từ miệng Ta sanh ra, từ pháp hóa sanh, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ⁵⁰. Chớ để cho thân, khẩu, ý Ta có điều đáng hiềm trách.”

⁴⁵. Pāli, S. 8. 7. Pavāraṇā. Thera. 1234-1237. Biệt dịch, N⁰100(228); N⁰125 (32.5); N⁰26(121); N⁰61~ 63.

⁴⁶. Bản Pāli: Sāvattiyam.

⁴⁷. Vô tri chứng 無知證。Có lẽ Pāli: diṭṭheva dhamme aññaṃ sacchikarissati, sẽ chứng đắc chánh trí ngay hiện pháp. Nhưng bản Hán đọc là aññāṇa: vô tri (không biết) thay vì aññā (chánh trí, chỉ quả A-la-hán).

⁴⁸. Hán dịch: thập ngũ nhật nguyệt (hay nguyệt nhật), để chỉ ngày thứ 15 của nửa tháng. Pāli: paṇṇarasa.

⁴⁹. Thực thọ 食受。Không đoán được từ gốc. Với ý nghĩa tương tự, đoạn dưới Hán dịch là hoài thọ 懷受。Quốc Dịch, quyển 29, cht.64, đây chỉ giờ tự tứ; Pāli: pavāraṇā.

⁵⁰. Đương hoài thọ ngã 當懷受我; Hán dịch không rõ nghĩa. Nhưng theo ngữ cảnh, đây là lời tự tứ, để nghị Tỳ-kheo khác nêu khuyết điểm của mình. So sánh đoạn Pāli tương đương: handa dāni, bhikkhave, pavāremi vo; na me kiñci garahatha kāyikaṃ vā vācasikaṃ vā ti, “Nay, này các Tỳ-kheo, Ta mong các ông hãy nói lên; chớ để hiềm trách Ta điều gì về thân và khẩu”.

Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn vừa nói rằng: ‘‘Ta là Bà-la-môn đắc Bát-niết-bàn, mang thân cuối cùng, là Đại Y Sư, nhờ những mũi nhọn. Các ông là con, sanh ra từ miệng Ta, được hóa sanh từ pháp, được gia tài pháp. Hãy để Ta tự tứ. Chớ để cho thân, khẩu, tâm ý⁵¹ Ta có điều đáng hiềm trách.’

“Bạch Thế Tôn, chúng con không thấy thân, khẩu và tâm ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Thế Tôn, với người không thể điều phục có thể khiến điều phục, người không tịch tĩnh có thể khiến tịch tĩnh, người không an nghỉ⁵² có thể khiến an nghỉ, người không Bát-niết-bàn có thể khiến Bát-niết-bàn. Như Lai biết đạo, Như Lai nói đạo, Như Lai hưởng đạo. Các đệ tử sau đó thành tựu, tùy thuận đạo tôn sùng đạo, vâng theo lời dạy của Đạo sư sống đúng như những lời chỉ dạy, chánh hưởng, hân lạc chân như thiện pháp. Đối với Thế Tôn con không thấy thân hành, khẩu hành, ý hành có điều gì đáng hiềm trách. Nay đối trước Thế Tôn, xin chỉ cho con các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Ta không thấy ông có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất, ông trì giới, đa văn, thiếu dục, trí túc, tu hạnh viển ly, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy⁵³, trí tuệ sáng suốt sắc bén, trí tuệ giải thoát, trí tuệ yểm ly, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ

⁵¹. Trong bản Pāli, chỉ tự tứ những điều liên hệ thân và khẩu, kāyikaṃ vā vācasikaṃ vā.

⁵². Hán: tò túc 稣息。

⁵³. Khen ngợi các trí tuệ của Xá-lợi-phất: tiếp tậ trí tuệ, minh lợi trí tuệ, xuất yếu trí tuệ, yểm ly trí tuệ, đại trí tuệ, quảng trí tuệ, thâm trí tuệ, vô tỷ trí tuệ, trí bảo thành tựu 捷疾智慧明利智慧出要智慧厭離智慧大智慧廣智慧深智慧無比智慧智寶成就。So sánh Pāli: pañḍitapañño, tvaṃ sārīputta, mahāpañño... putthupañño... hāsapañño... javanapañño... tikkhapañño... nibbedhikaṃpañño, tvaṃ, sārīputta.

sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí tuệ bảo⁵⁴; khai thị, chỉ giáo, soi sáng, hoan hỷ; và thường cũng tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, mà vì chúng sanh thuyết pháp chưa từng mỗi một. Thí như thái tử thứ nhất của Chuyển luân Thánh vương đáng thọ lễ quán đảnh; nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp quán đảnh như pháp của vua cha, những gì người đã chuyển cũng sẽ theo đó mà chuyển. Nay ông cũng như vậy, là trưởng tử của Ta, gần được thọ quán đảnh, nhưng chưa quán đảnh mà đang ở vào nghi pháp. Những gì Ta đã chuyển, ông cũng theo đó chuyển và đạt được vô sở khởi; hết các hữu lậu, tâm khéo giải thoát. Cũng vậy, đối với ông, Ta không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách; vậy thì năm trăm Tỳ-kheo này có không các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách?”

Phật đáp:

“Đối với năm trăm Tỳ-kheo này, Ta cũng không thấy các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là A-la-hán, các lậu đã hết, những việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng, đoạn các kết sử, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Trừ một Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan, Ta ký thuyết cho A-nan đối trong hiện pháp sẽ đắc vô trí chứng. Cho nên, năm trăm Tỳ-kheo, Ta không thấy họ có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, năm trăm Tỳ-kheo này đã không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và thân, khẩu, ý có điều gì đáng hiềm trách hết. Vậy trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tam minh? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Câu giải thoát? Có bao nhiêu Tỳ-kheo

⁵⁴. Tống-Nguyên-Minh đọc là *thật* 實. Ấn Thuận, Quốc Dịch, Phật Quang đều đọc là *bảo* 寶.

được Tuệ giải thoát?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Trong năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo được Tam minh; chín mươi Tỳ-kheo được Câu giải thoát; những vị còn lại được Tuệ giải thoát. Nay Xá-lợi-phất, những Tỳ-kheo này đã lìa khỏi mọi dao động, không có ai là vỏ ngoài, mà đều là lõi thật cứng chắc.”

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: “Nay ta sẽ ở trước Thế Tôn và hội chúng nói kệ tán thán sự hoại thọ.” Nghĩ vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, gối phải quỳ sát đất chấp tay bạch:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Cứ nói theo những gì muốn.”

Lúc ấy, Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Ngày mười lăm thanh tịnh,
Chúng kia năm trăm người;
Đoạn trừ tất cả kết,
Đại Tiên diệt tận hữu.
Thanh tịnh tập thân cận,
Thanh tịnh rộng giải thoát;
Không còn thọ các hữu,
Sanh tử đã đoạn hẳn.
Việc cần làm đã làm,
Đã hết tất cả lậu;
Mây ngũ cái đã trừ,
Nhỏ rễ gai ái dục.
Sư tử không sợ hãi,
Lìa tất cả hữu dư;
Giết kẻ thù là hữu,
Siêu việt cảnh hữu dư.
Các oán địch hữu lậu,
Thấy đều đã tiềm phục.
Giống như Chuyển luân vương,*

*Bao dung⁵⁵ các quyển thuộc⁵⁶.
 Tâm từ rộng tuyên hóa,
 Mọi thân dân vâng theo.
 Hay phục dịch ma oán,
 Là Đạo Sư Vô Thượng.
 Tâm kính tín phụng thờ,
 Ba minh, lão, tử diệt;
 Là chân tử của pháp,
 Không lo lắng dao động.
 Nhỏ sạch gai phiền não,
 Kính lễ Đấng Nhật Thân.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1213. BÁT LẠC⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tướng⁵⁸ ở chỗ hoang dã nơi ở của cầm thú⁵⁹. Tôn giả Bà-kỳ-xá xuất gia chưa lâu mà có những oai nghi như vậy: sống nương vào thành ấp, làng xóm. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành ấp, làng xóm đó khát thực, khéo bảo vệ thân mình, giữ gìn các căn môn, nhiếp tâm cột niệm. Ăn xong, trở về trú xứ, cất y bát, rửa chân xong, vào thất tọa thiền, giây lát xả thiền. Không chấp đắm

⁵⁵. Hán: hoài thọ 懷壽。

⁵⁶. Pāli: cakkavattī yathā rājā, amaccaparivārito, như Chuyển luân vương được vây quanh bởi các đại thần.

⁵⁷. Pāli, S. 8. 2. Arati. Thera. 1214-1218. Biệt dịch, N^o100(229).

⁵⁸. Ni-câu-luật Tướng 尼拘律相。Bản Cao-ly đọc là tướng 相。Tống-Nguyên-Minh đọc là tướng 想。Pāli: Nīgrodhakappa, Hòa thượng của Vaṅgīsa.

⁵⁹. Bản Pāli: Āḷaviyaṃ Āggāḷave cetiye, trong miếu Āggāḷava, ở Āḷavi. Bản Hán hiểu Āḷavi là danh từ chung chứ không phải địa danh.

khất thực, nhưng vị kia⁶⁰ không tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sau, chung quanh bị che kín.

Rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: “Ta không được lợi, khó được, chứ không phải dễ được! Ta không được tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sau, chung quanh bị che kín. Nay ta nên nói kệ tán thán sự nhàm chán của mình.”
Liên nói kệ:

*Phải bỏ vui, không vui,
Cùng tất cả giác tham⁶¹;
Không gầy dựng xóm giềng⁶²,
Lìa nhiễm gọi Tỳ-kheo.
Với sáu giác tâm tưởng⁶³,
Rong ruổi nơi thế gian;
Che giấu ác bất thiện,
Không thể lột bỏ vỏ.
Nơi tâm vui ô uế,
Đó không gọi Tỳ-kheo.
Trói buộc bởi hữu dư⁶⁴,
Cùng thấy, nghe, hiểu, biết.
Với người giác ngộ dục⁶⁵,
Nơi kia không còn nhiễm.
Người không nhiễm như vậy,*

⁶⁰. Chỉ Tôn giả Ni-câu-luật Tướng. Trong bản Pāli, đoạn này nói, Nīgodhakappa sau khi khất thực về, vào thất, đóng cửa cho đến chiều hôm sau. Vì vậy, Vaṅgīsa buồn rầu, vì không được Thầy quan tâm giáo giới.

⁶¹. Tham giác 貪覺。Pāli: gehasikaṃ vitakkaṃ, tâm tư thế tục.

⁶². Hán: ư lân vô sở tác 於鄰無所作。Pāli: vanathaṃ na kareyya kuhiñca, không tạo rừng tham ái bất cứ ở đâu.

⁶³. Lục giác tâm tưởng 六覺心想。So Pāli: saṭṭhi nissitā savitakkā, puthū janatāya adhammaṃ nivittā, y chấp nơi sáu mươi loại tâm cầu, phạm phu bị dính chặt vào phi pháp. Theo Số giải, với sáu cảnh, mỗi cảnh có mười tâm cầu phi pháp.

⁶⁴. Hữu dư 有餘; đây chỉ hữu dư y, phiền não làm sở y cho thọ sanh. Pāli: upadhi janā gadhitāse, chúng sanh bị trói chặt vào hữu y.

⁶⁵. Pāli: vinodaya chadam, đã đoạn dục.

Thì đó là Mâu-ni.
 Đại địa và hư không,
 Các sắc tượng thế gian;
 Chúng là pháp biến diệt,
 Vắng lặng tự quyết định.
 Tu tập lâu pháp khí,
 Mà được tam-ma-đề;
 Không xúc, không đối nịnh,
 Tâm này rất chuyên chú.
 Thánh kia Niết-bàn lâu,
 Cột niệm đợi thời diệt⁶⁶.

Khi Tôn giả nói kệ tự nhàm chán, xa lìa; tâm tự khai giác đối với những điều không vui, sau khi đã khai giác rồi thì tâm trụ hân hoan.

M

KINH 1214. THAM DỤC⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, cùng với bạn là Tôn giả Bà-kỳ-xá. Lúc này Tôn giả Bà-kỳ-xá thấy một cô gái rất xinh đẹp. Thấy rồi, tâm tham dục khởi lên. Lúc đó Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: “Hôm nay ta gặp bất lợi, bị khổ, không được vui. Nay ta đã gặp thiếu nữ xinh đẹp này, tâm tham dục sanh khởi. Bây giờ để sanh tâm yếm ly, ta hãy làm bài kệ.” Liền nói kệ:

Bị tham dục che khuất,
 Hừng hực thiêu tâm ta.
 Xin Tôn giả A-nan,
 Vì tôi diệt lửa tham.
 Khởi lòng từ thương xót,

⁶⁶. Pāli: santam padam ajjhagamā muni paṭicca parinibbuto kaṅkhati kālan'ti, “đã đi đến con đường tịch tịnh, Đấng Mâu-ni y trên Niết-bàn mà chờ mệnh chung.

⁶⁷. Pāli, S. 8. 4. Ānanda. Biệt dịch, N^o100(230); No 125(35.9).

Phương tiện vì tôi nói.

Tôn giả A-nan nói kệ đáp:

*Vì tưởng kia điên đảo,
Hừng hực thiêu tâm người.
Đối tịnh tưởng xa lìa,
Nuôi lớn lòng tham dục.
Nên tu quán bất tịnh,
Thường nhất tâm chánh thọ;
Diệt nhanh lửa tham dục,
Chớ để thiêu tâm thầy.
Quán sát kỹ các hành,
Khổ, không, cùng phi ngã;
Buộc niệm quán thân chánh,
Tu tập nhiều yếm ly.
Đối vô tướng, tu tập,
Diệt trừ sử kiêu mạn;
Đối mạn được hiện quán,
Rốt ráo đối mé khổ.*

Sau khi Tôn giả A-nan nói những lời này, Bà-kỳ-xá nghe những gì Tôn giả nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1215. XUẤT LY⁶⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có gia chủ thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà họ thọ thực. Sau khi đã đến nhà họ rồi, chỉ có Tôn giả Bà-kỳ-xá vì gặp ngày trực, ở lại giữ tinh xá, nên để dành phần ăn.

Bấy giờ, một số đông phụ nữ của gia chủ ra khỏi tụ lạc, đi đến tinh xá. Bà-kỳ-xá thấy các thiếu nữ có dung mạo đoan chánh, liền khởi tâm tham dục. Lúc này, Tôn giả lại nghĩ: “Hôm nay ta bất lợi,

⁶⁸. Pāli, S. 8. 1. Nikkhanta. Thera. 1209-1213. Biệt dịch, N^o100(250).

không được lợi, bị khổ, không được vui. Thấy thiếu nữ nhan sắc đoan chánh kia, liền khởi lòng tham dục. Bây giờ, ta phải làm kế yếm ly.” Nghĩ xong, liền nói kệ:

*Ta đã được xuất ly,
 Xuất gia, sống không nhà;
 Tham dục đuổi theo ta,
 Như trâu nhớ lúa mạ.
 Phải như con đại tướng,
 Sức mạnh cầm cung lớn;
 Bắn phá trận trùng điệp,
 Một người diệt cả nghìn.
 Mâu-ni Đấng Nhật Thân,
 Trước mặt được nghe nói;
 Hướng thẳng đạo Niết-bàn,
 Tâm quyết trụ an lạc.
 Không buông lung như vậy,
 Trụ chánh thọ vắng lặng;
 Đối tâm ta không ai
 Huyền hoặc, hay lừa dối.
 Quyết định khéo quán sát,
 Đối chánh pháp, an trụ;
 Dù cho vô số lượng,
 Muốn đến mê hoặc ta.
 Những ác ma như vậy,
 Không thể gặp được ta.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, tâm được an trụ.

M

KINH 1216. KIÊU MẠN⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bây giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự cho trí tuệ của mình có khả

⁶⁹. Pāli, S. 8. 3. Pesalā-atimaññanā. Thera. 1219-1222. Biệt dịch, N^o100(251).

năng nói hay, rồi đối với những vị⁷⁰ phạm hạnh thông minh khác sanh tâm kiêu mạn, sau đó liền tự tâm nghĩ: ‘Ta bất lợi, sẽ không được lợi, bị khổ không được vui, ta tự cho mình có trí tuệ, mà đối với những người phạm hạnh thông minh khác khinh mạn. Bây giờ ta nên nói kệ sanh lòng yếm ly’, liền nói kệ:

*Cù-đàm không kiêu mạn,
Đoạn mạn khiến vô dư;
Không khởi giác tưởng mạn,
Chớ thoái lui sanh hối.
Đối người không che giấu,
Sát mạn rơi địa ngục⁷¹;
Chánh định hay trừ ưu,
Thấy đạo trụ Chánh đạo.
Tâm này được hỷ lạc,
Thấy đạo tự thâm giữ;
Cho nên biện không ngại,
Thanh tịnh lìa chướng cái.
Đoạn trừ tất cả mạn,
Khởi minh tất cả nơi;
Đối Tam minh, chánh niệm,
Thần túc tha tâm trí.*

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ sanh lòng yếm ly rồi, tâm được thanh tịnh.

M

KINH 1217. BẢN DỤC CUỒNG HOẶC⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc tử mẫu,

⁷⁰. Nguyên bản: ư pháp 於法; theo đoạn dưới, nên sửa lại là ư bỉ 於彼..

⁷¹. Pāli: mānahatā nirayaṃ papatanti, những người hành kiêu mạn đọa địa ngục. Mānahata, mạn mang đi, bản Hán đọc là mānahana, mạn giết hại.

⁷². Quốc Dịch, phẩm 2. Pāli, S. 8. 12. Vaṅgīsa. Thera. 1253-1262. Biệt dịch, N^o100(252).

vườn phía Đông nước Xá-vệ, một mình tư duy, sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, đạt được Tam minh, tự thân tác chứng. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: ‘Ta một mình ở chỗ vắng tư duy, sống không phóng dật, chuyên tu tự nghiệp, để được Tam minh, tự thân tác chứng. Bây giờ, ta nên nói kệ tán thán Tam minh’. Liền nói kệ:

*Trước, tâm dục cuồng hoặc⁷³,
Đi khắp nhà, khắp xóm;
Đu hành, gặp thấy Phật,
Dạy ta pháp thù thắng.
Đấng Cù-đàm thương xót,
Vì ta nói chánh pháp.
Nghe pháp được tịnh tín,
Xả phi gia, xuất gia.
Nghe Ngài nói pháp rồi,
An trụ nơi pháp giáo.
Cần phượng tiện buộc niệm,
Kiên cố thường kham năng.
Tam minh đã đạt được,
Lời Phật dạy đã làm.
Thế Tôn khéo hiển bày,
Đấng Nhật Chứng diễn nói.
Vì chúng sanh mù lòa,
Mở cửa xuất yếu kia;
Khổ khổ và nhân khổ,
Khổ diệt hết, tác chứng.
Bát Thánh lìa đường khổ,
An lạc đến Niết-bàn;
Nghĩa lành, cú vị lành,
Phạm hạnh không ai hơn.
Thế Tôn khéo hiển bày,
Niết-bàn cứu chúng sanh.*

M

⁷³. Pāli: kāveyyamattā ... pubbe, khi xưa, ta đam mê làm thơ.

KINH 1218. BỐN PHÁP CÚ⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về bốn pháp cú⁷⁵. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Những gì là bốn?

Pháp Hiền thánh khéo nói,

Đây là điều tối thượng.

Ái ngữ chẳng phải không,

Đây là điều thứ hai.

Nói thật chẳng hư vọng,

Đây là lời thứ ba;

Thuyết pháp không nói khác⁷⁶,

Đây là điều thứ tư.

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là nói về bốn cú pháp.”

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: ‘Thế Tôn ở giữa bốn chúng nói về bốn cú pháp. Ta phải dùng bốn cách để khen ngợi, xưng tán và tùy hỷ.’ Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật dạy:

“Tùy theo sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Nếu ai khéo nói pháp,

Đối mình không bức não,

Cũng không khùng bố người,

Thì đó là khéo nói.

⁷⁴. Pāli, S. 8. 5. Subhāsītā. Thera. 1227-1230; Sn. 3. 3. Subhāsita-sutta, Biệt dịch, N^o100 (253).

⁷⁵. Tú pháp cú 四法句。Pāli: catūhi añgehi samannāgatā vācā subhāsītā, lời được khéo nói gồm có bốn chi.

⁷⁶. Pāli: dhamma bhāṇe nādhammaṃ taṃ, nói pháp chứ không phải phi pháp.

*Điều người ái ngữ thuyết,
 Nói làm người hoan hỷ;
 Không khiến họ làm ác,
 Thì đó là ái thuyết.
 Nói thật, biết cam lộ,
 Nói thật, biết vô thượng.
 Nói pháp, nói nghĩa thật,
 Chỗ Chánh sĩ kiến lập.
 Như pháp Phật đã nói,
 Đạo Niết-bàn an ổn;
 Diệt trừ tất cả khổ,
 Đó gọi khéo nói pháp.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1219. SƯỜN NÚI NA-GIÀ⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá, cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết sạch các hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở giữa nghĩa địa trong Hàn lâm, thành Vương xá, suy nghĩ rằng: ‘Nay Thế Tôn đang ở trên sườn núi Na-già, thành Vương xá cùng với một nghìn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, hết các hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, chóng được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Nay, ta nên đến đó tán thán Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng.’ Nghĩ vậy xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Đấng Đạo Sư Vô Thượng,
 Trụ bên núi Na-già;*

⁷⁷. Pāli, Parosahassa. Thera. 1238-1245.

Nghìn Tỳ-kheo quyến thuộc,
 Phụng sự Đức Như Lai.
 Pháp Đại Sư rộng nói,
 Đạo Niết-bàn thanh lương;
 Chuyên nghe pháp thanh bạch,
 Mà Đấng Chánh Giác nói.
 Đấng Chánh Giác tôn kính,
 Ở ngay giữa đại chúng;
 Là Đại long đức rợp,
 Là Thượng thủ Tiên nhân.
 Nổi kín mây công đức,
 Mưa khắp chúng Thanh văn;
 Xuất chánh thọ ban ngày,
 Đến phụng sự Đại Sư.
 Đệ tử Bà-kỳ-xá,
 Cúi đầu xin đánh lễ.

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Tùy những gì ông nói, đừng suy nghĩ trước.”

Lúc ấy, Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

Ba-tuần khởi ác mọn,
 Ngâm chế khiến diệt ngay;
 Thường ngăn chặn các ma,
 Khiến tự hiểu biết lỗi.
 Quán sát mở trời buộc,
 Phân biệt pháp thanh bạch;
 Sáng soi như nhật nguyệt,
 Làm vua các đệ đạo.
 Chứng ngộ trí siêu xuất,
 Diễn nói pháp đệ nhất.
 Ra các dòng phiền nã,
 Nói về đạo vô lượng.
 Đối cam lộ, kiến lập,

*Kiến đế, pháp chân thật;
 Tùy thuận đạo như vậy,
 Khó gặp Thầy như vậy.
 Kiến lập đạo cam lộ,
 Kiến đế, sùng viển ly;
 Thế Tôn khéo thuyết pháp,
 Trừ ấm cái cho người.
 Thấy rõ đối các pháp,
 Theo học để điều phục.*

Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ này rồi, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả nói, đều rất hoan hỷ.

M

KINH 1220. NHỔ TÊN⁷⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, nơi ở của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói về pháp tương ứng bốn Thánh đế. Đó là: Đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ tập Thánh đế, đây là Khổ diệt Thánh đế, đây là Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng tự nghĩ: ‘Nay ta nên đến trước Thế Tôn tán thán về ví dụ nhổ mũi tên.’ Nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con có điều muốn nói. Bạch Thiện Thệ, con có điều muốn nói.”

Phật bảo Bà-kỳ-xá:

“Tùy sở thích mà nói.”

Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ:

*Con nay kính lễ Phật,
 Thương xót mọi chúng sanh.
 Thứ nhất nhổ tên nhọn,
 Cách trị các bệnh, khéo.*

⁷⁸. Biệt dịch, N^o100(254).

Thầy thuốc Ca-lộ-y⁷⁹,
 Thầy thuốc Ba-hầu-la⁸⁰;
 Và thầy Chiêm-bà-kỳ⁸¹,
 Thầy Kỳ-bà⁸² chữa bệnh.
 Hoặc có bệnh hơi khởi,
 Gọi là trị bệnh hay;
 Sau đó bệnh phát lại,
 Bệnh kéo dai đến chết.
 Đại Y Vương, Chánh Giác,
 Khéo cho thuốc chúng sanh;
 Trừ các khổ, rớt ráo,
 Không còn thọ các hữu.
 Cho đến trăm nghìn thứ,
 Na-do-tha số bệnh;
 Phật đều chữa trị hết,
 Rớt ráo thoát khỏi khổ.
 Các ông thuốc nếu hợp,
 Con ắt sẽ bảo họ;
 Được thuốc pháp cam lộ,
 Tùy sở thích mà uống.
 Đệ nhất nhỏ tên nhơn,
 Khéo hiểu biết các bệnh;
 Tối thượng trong chữa trị,
 Con đánh lễ Cù-đàm.

Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói những lời này, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Bà-kỳ-xá nói, đều rất hoan hỷ.

M

KINH 121. NI-CÂU-LUẬT TƯỚNG⁸³

79. Ca-lộ-y 迦露醫。

80. Ba-hầu-la 波睺羅。

81. Chiêm-bà-kỳ 瞻婆耆。

82. Kỳ-bà 耆婆. Pāli: Jīvaka-komārabhacca, thái y của vua Tân-bà-sa-la (Bimbisāra).

83. Pāli, Thera. 1263-1279; Sn. 2. 12. Vaṅgīsa-sutta. Biệt dịch, N^o100(255).

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng ở nơi hoang dã chỗ ở của cầm thú, bị bệnh thật là nặng. Tôn giả Bà-kỳ-xá là người nuôi bệnh, chăm sóc, cung phụng. Nhưng Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng vì bệnh tật nặng quá, nên đã Bát-niết-bàn. Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tự nghĩ: ‘Hòa thượng của ta Niết-bàn là Hữu dư Niết-bàn hay là Vô dư Niết-bàn? Nay ta nên tìm cầu tướng này.’

Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá cúng dường xá-lợi Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng xong, mang y bát đi về thành Vương xá. Lần lượt đến thành Vương xá, cất y bát, rửa chân xong, rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Nay con lễ Đại Sư,
 Đẳng Chánh Giác không giảm⁸⁴;
 Ở trong hiện pháp này,
 Đoạn tất cả lưới nghi.
 Tỳ-kheo ở khoáng dã,
 Mạng chung Bát-niết-bàn;
 Oai nghi nhiếp các căn,
 Đức lớn nêu ở đời;
 Được Thế Tôn đặt tên,
 Gọi Ni-câu-luật Tưởng.
 Nay con hỏi Thế Tôn,
 Người bất động giải thoát;
 Siêng năng cần phượng tiện,
 Vì con nói công đức.
 Con là họ Thích-ca,
 Đệ tử pháp Thế Tôn;
 Ngoài ra còn muốn biết,
 Những gì Đạo Nhãn nói.
 Chúng con đang ở đây,
 Tất cả đều muốn nghe;
 Thế Tôn là Đại Sư,*

⁸⁴. Bản Cao-ly đọc là *diệt* 滅。Tống-Nguyên-Minh đọc là *giảm* 減。

Cứu thế gian vô thượng.
 Đại Mâu-ni dứt nghi,
 Trí tuệ đã đầy đủ;
 Đạo nhãn thần chiếu khắp,
 Ánh sáng hiển bốn chúng.
 Giống như Thiên đế Thích,
 Chiếu trời Tam thập tam;
 Các tham dục nghi hoặc,
 Đều từ vô minh khởi.
 Nếu được gặp Như Lai,
 Thì diệt mất không còn.
 Đạo nhãn thần Thế Tôn,
 Là Tối thượng thế gian.
 Diệt trừ lỗi chúng sanh,
 Như gió thổi bụi bay;
 Tất cả các thế gian,
 Phiền não che giấu mất.
 Còn lại đều không có,
 Mất sáng như cửa Phật;
 Tuệ quang chiếu khắp cả,
 Khiến đồng đại tinh tẩn.
 Cúi xin Đấng Đại Trí,
 Nên vì chúng ký thuyết;
 Phát âm thanh vi diệu,
 Chúng con một lòng nghe.
 Dẫn nói lời dịu dàng,
 Các thế gian nghe khắp;
 Giống như nóng, khát, bức,
 Tìm kiếm nước mát mẻ.
 Như Phật, biết không giảm,
 Chúng con cũng mong biết.

Tôn giả Bà-kỳ-xá lại nói kệ:

Nay nghe Đấng Vô Thượng,
 Ký thuyết công đức kia;

*Không uống tu phạm hạnh,
Con nghe rất hoan hỷ.
Nói tùy thuận như thuyết,
Đệ tử thuận Mâu-ni;
Cắt dây dài sanh tử,
Và dây trời hư, huyễn.
Vì nhờ gặp Thế Tôn,
Nên đoạn trừ các ái;
Qua khỏi bờ sanh tử,
Không còn thọ các hữu.*

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ ra về.



TẬP A-HÀM QUYỂN 46

KINH 1222. TỔ CHIM¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, chư Thiên và A-tu-la dàn trận đánh nhau. A-tu-la thắng, chư Thiên thua. Lúc ấy, quân của Thiên đế Thích thua, thoái lui tan rã, nên rất sợ hãi, quay xe chạy theo hướng Bắc, trở về cung trời, qua đường tắt trong rừng rậm dưới chân núi Tu-di. Nơi đây có một tổ Kim sí điểu², có nhiều chim con cánh vàng. Lúc ấy Đế Thích sợ xe ngựa đi qua sẽ cán chết những chim con, liền bảo người đánh xe rằng:

“Hãy quay xe lại, chớ giết những chim con!”

Người đánh xe tâu vua:

“Quân A-tu-la đang đuổi theo người phía sau, nếu quay xe lại sẽ bị khốn.”

Đế Thích bảo:

“Thà nên quay lại bị A-tu-la giết, chứ không để quân lính dẫm chết chúng sanh.”

Người đánh xe, quay xe trở lại hướng Nam. Quân A-tu-la từ xa trông thấy xe Đế Thích quay lại, cho rằng đó là chiến sách nên vội rút lui lại. Quân lính rất sợ hãi, thua trận chạy tán loạn trở về cung A-tu-la.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thiên đế Thích kia là vua Tự tại của trời Tam thập tam, nhờ từ tâm nên có oai lực đẹp được quân A-tu-la và cũng thường tán thán

¹. Đại Chánh quyển 46. Phật Quang, quyển 41. Ấn Thuận, Tụng viii, “19. Tương ưng Đế thích” tiếp theo Đại Chánh quyển 41. Quốc Dịch, quyển 35, Tụng vii, “3. Tương ưng Đế thích” tiếp theo. Tương đương Pāli, S. 11. 1. 6. Kulāvaka. Biệt dịch, N^o100(49).

². Kim sí điểu 金翅鳥。(Pāli: garuḷa); S. ibid. kulāvakā simbalismiṃ, có những tổ chim trên cây bông gòn.

công đức từ tâm. Tỳ-kheo các ông chánh tín xuất gia học đạo, không nhà, phải tu tập từ tâm và cũng nên tán thán công đức từ tâm.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1223. NGƯỜI NGHÈO³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, trong thành Vương xá có một người bần cùng, khổ cực, nhưng tin⁴ Phật, Pháp và Tăng, giữ gìn cấm giới, học rộng nghe nhiều, ra sức bố thí, thành tựu chánh kiến. Người này sau khi mạng chung được sanh lên trời. Sau khi sanh về cõi trời Tam thập tam, có ba điểm thù thắng hơn những vị trời Tam thập tam khác. Những gì là ba? Đó là được tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời. Các trời Tam thập tam thấy Thiên tử này có ba đặc biệt hơn về tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời; họ thấy rồi, bèn đến chỗ Thiên đế Thích, nói như vậy:

“Kiều-thi-ca nên biết, có một Thiên tử vừa sanh cõi trời này; đối với những vị Thiên tử cũ, có ba đặc thù hơn là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời.”

Khi ấy Thiên đế Thích nói với Thiên tử này rằng:

“Chư Nhân giả, tôi biết người này trước đây làm một người bần cùng nghèo khổ ở thành Vương xá, nhưng đối với pháp luật của Như Lai, rất có lòng tin,... cho đến thành tựu chánh kiến. Cho nên, khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời này và có điểm thù thắng hơn những vị trời Tam thập tam khác, là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời.”

Rồi Thiên đế Thích liền nói kệ:

³. Pāli, S. 11. 14. Daliddo. Biệt dịch, N^o100(51).

⁴. Bản Cao-ly: 於 於 ; bản Tống-Nguyên-Minh: trụ 住。 Pāli: tathāgatappavedita-dhammavinaye saddham samādiyī, duy trì tín tâm nơi pháp luật được Như Lai tuyên thuyết.

*Chánh tín đối Như Lai,
Nhất định không dao động;
Thọ trì giới chân thật,
Không nhàm chán Thánh giới.
Đối Phật tâm thanh tịnh,
Đối chánh kiến thành tựu;
Nên biết không nghèo khổ,
Tự sống không vô ích.
Nên đối Phật, Pháp, Tăng,
Khởi lòng tin thanh tịnh;
Trí tuệ càng sáng hơn,
Nhớ nghĩ lời Phật dạy.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1224. ĐẠI TẾ TỰ (1)⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, dân chúng thành Vương xá mở đại hội rộng rãi, mời hết các đạo khác nhau.

Có một người ngoại đạo Giá-la-ca⁶ tự nghĩ: ‘Nay ta thỉnh vị Trời ngoại đạo là Giá-la-ca⁷ làm phước điền trước.’ Hoặc những người theo ngoại đạo xuất gia; hoặc người theo đạo Ni-kiên Tử; hoặc người theo đạo Lão đệ tử; hoặc theo đệ tử đạo thờ lửa. Trong đó có những người theo Tăng đệ tử Phật, tự nghĩ: ‘Nay hãy trước hãy thỉnh Tăng mà đứng đầu là Phật⁸ để làm ruộng phước.’

Bấy giờ, Thiên đế Thích tự nghĩ: ‘Chớ để cho dân chúng thành

⁵. Pāli, S. 11.16. Yajamānaṃ. Biệt dịch, N^o100(52).

⁶. Giá-la-ca 遮羅迦。 (Pāli: caraka), tu sĩ lang thang, thuộc nhóm hành trì theo Yajur-veda (Tế tự Vệ-đà). Pāli, S. ibid. không có chi tiết này.

⁷. Giá-la-ca 遮羅迦。 (Pāli: Caraka), tên một ẩn sĩ cũng là y sĩ, truyền thường đi lang thang khắp nơi để trị bệnh cho người đời.

⁸. Cf. Sn.111, Jā iii.51: buddha-pamukhaṃ bhikkhusaṅghaṃ nimantetvā.

Vương xá bỏ Tăng đứng đầu là Phật mà đi thờ những đạo khác để cầu phước điền. Ta nên nhanh chóng vì người thành Vương xá mà kiến lập phước điền.’ Liền hóa ra một Đại Bà-la-môn, tướng mạo nghiêm chỉnh, đi xe ngựa trắng, có các thiếu niên Bà-la-môn hộ tống trước sau, cầm dù lọng cán vàng đến thành Vương xá, đi khắp mọi nơi trong hội chúng. Bấy giờ, tất cả nam nữ thành Vương xá đều tự nghĩ: ‘Phải nhìn xem nơi phụng sự của vị Bà-la-môn này, rồi ta sẽ theo họ để cúng dường cầu ruộng phước tốt trước nhất.’

Lúc này Thiên đế Thích biết rõ tất cả ý nghĩ của nam nữ thành Vương xá, bèn đánh xe dẫn đầu, theo đường hẹp đến núi Kỳ-xà-quật, đến ngoài cửa, bỏ hết năm thứ trang sức, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Khéo phân biệt hiển bày,
Hết thấy pháp bờ kia;
Qua khỏi mọi sợ hãi,
Nên kính lễ Cù-đàm.
Mọi người mở hội khắp,
Muốn cầu công đức lớn;
Người người mở đại thí,
Thường cầu quả hữu dư.
Xin Ngài nói ruộng phước,
Khiến người thí được quả.
Ở núi Kỳ-xà-quật,
Đức Đại Sư trả lời,
Điều hỏi của vua trời,
Để Thích đại tự tại.
Mọi người mở hội khắp,
Muốn cầu công đức lớn;
Người người mở đại thí,
Thường cầu quả hữu dư.
Nay nói về ruộng phước,
Bố thí được quả lớn.
Chánh hướng gồm có bốn⁹,*

⁹. Chỉ Dục lưu hướng cho đến A-la-hán hướng. Pāli: cattāro ca paṭipannā.

Trụ Thánh quả cũng bốn¹⁰.
 Gọi là Tăng ruộng phước.
 Minh hạnh, định đầy đủ;
 Ruộng phước Tăng thêm rộng,
 Vô lượng vượt biển cả.
 Đệ tử Điều Ngự Sư,
 Sáng soi bày chánh pháp;
 Khéo cúng dường nơi này,
 Cúng Tăng, phước điền tốt.
 Tăng là ruộng phước tốt,
 Phật nói được quả lớn.
 Vì Tăng lia năm cái,
 Thanh tịnh, đáng tán thán.
 Cúng Tăng, ruộng tối thượng,
 Cúng ít, thâm lợi nhiều.
 Vậy hết thấy mọi người,
 Nên cúng ruộng phước Tăng.
 Pháp thắng diệu càng được,
 Minh hạnh, định tương ưng.
 Cúng Tăng trân bảo này,
 Tâm thí chủ hoan hỷ.
 Phát sanh ba thứ tâm,
 Thí y phục, ẩm thực.
 Lià kiếm nhọn trần cấu,
 Vượt qua các đường ác;
 Tự thân đi mời thỉnh,
 Tự tay cúng bình đẳng.
 Tự lợi cũng lợi người,
 Thí này được lợi lớn.
 Người trí thí như vậy,
 Tịnh tín tâm giải thoát.
 Thí an lạc không tội,
 Nương trí vãng sanh kia.

¹⁰. Bốn Thánh quả, từ Dự lưu, cho đến A-la-hán. Pāli: cattāro ca phale ʔitā.

Sau khi Đế Thích nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật rồi biến mất.

Bấy giờ, dân chúng thành Vương xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, lễ Phật, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn và đại chúng nhận sự cúng dường của chúng con.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời.

Dân chúng thành Vương xá biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời của họ rồi, làm lễ ra về. Họ về nơi đại hội, chuẩn bị thức ăn và sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm, sai người đến bạch Phật: ‘Đã đến thời! Xin Ngài biết cho.’

Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng đáp y, ôm bát, đến chỗ đại hội, trải tòa ngồi trước đại chúng. Nhân dân thành Vương xá biết Phật đã ngồi yên, tự làm đồ ăn thức uống tươi tốt. Thọ trai rồi, rửa bát, rửa răng xong, họ trở về chỗ cũ nghe Phật nói pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì dân chúng thành Vương xá thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

KINH 1225. ĐẠI TẾ TỰ (2)¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành Vương xá. *Nói đầy đủ như kinh trên, chỉ có một vài sai biệt là:*

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói bài kệ khác hỏi Phật:

*Nay xin hỏi Cù-đàm,
Tuệ vi diệu sâu kín;
Thế Tôn đã thể nhập,
Thấy biết không chướng ngại.*

Dân chúng thiết lập đại hội khắp, *nói đầy đủ như trên... cho đến* vì dân chúng thành Vương xá mà thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

M

¹¹. Tham chiếu kinh 1224.

KINH 1226. TAM-BỒ-ĐỀ¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Thế Tôn ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ; nghe rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con nghe Thế Tôn tự ký thuyết đã chứng Vô thượng Bồ-đề¹³ mà mọi người đã loan truyền, là không phải hư vọng và nói quá chăng? Là đã nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp chăng? Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp chăng? Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém chăng¹⁴?”

Phật bảo Đại vương:

“Những điều họ nói như vậy là lời nói chân thật, chẳng phải là hư vọng, nói như thuyết, nói như pháp, nói tùy thuận pháp. Chẳng phải là bị người khác làm tổn thương đồng pháp. Trong khi hỏi đáp, không bị rơi vào chỗ yếu kém. Vì sao? Nay Đại vương, hiện tại thực sự Ta đã đắc Vô thượng Bồ-đề.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Tuy Thế Tôn đã nói như vậy, nhưng con vẫn còn chưa tin. Vì sao? Vì trong đây còn có nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng, như Phú-lan-na Ca-diếp, Mặc-già-lợi Cù-xá-lê Tử, San-xà-da

¹². Quốc Dịch, tụng vii, “4. Tương ưng Câu-tát-la”, hai phẩm. – Ấn Thuận, tụng viii, “20. Tương ưng Sát-lợi”, hai mươi một kinh, 1229-1249 (Đại Chánh, 1226-1240, 1145-1150/quyển 42). Tương đương Pāli, phần lớn, S. 3. Kasalā-samyutta. Đại Chánh, kinh 1226; Pāli, S. 3.1. Daharo. Biệt dịch, N^o100(53).

¹³. Nguyên Hán: a-nậu-đa-la tam-miêu-tam-bồ-đề 阿耨多羅三藐三菩提。Pāli: anuttaram sammāsambodhim.

¹⁴. Nguyên Hán: 得非虛妄過長說耶為如說說如法說隨順法說耶非是他人損同法者於其問答生厭薄處耶。So sánh câu văn có nội dung tương tự, kinh 113 trên 得無過耶將不毀謗世尊耶毀謗世尊耶說說耶如法說將不為他難問詰責墮負處耶。Không có sai lầm chăng? Không hủy báng Thế Tôn chăng? Nói như thuyết chăng? Nói như pháp chăng? Không bị người khác chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng?

Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử. Những vị đó không tự nói được Vô thượng Bồ-đề. Sao Thế Tôn còn trẻ, tuổi còn nhỏ, xuất gia chưa bao lâu, mà lại tự nói chứng Vô thượng Bồ-đề?”

Phật bảo Đại vương:

“Có bốn thứ tuy trẻ, nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Vương tử Sát-lợi, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Rồng con¹⁵, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Đóm lửa tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Tỳ-kheo tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đủ hình tướng Sát-lợi,
 Danh tiếng, dòng quý tộc;
 Tuy tuổi còn trẻ nhỏ,
 Người trí không thể khinh.
 Tất sẽ ở ngôi vua,
 Nhớ lại, sanh oán hại.
 Cho nên khó thể khinh;
 Phải sanh lòng đại kính.
 Người khéo biết tự hộ,
 Hãy giữ kỹ mạng mình;
 Bình đẳng mà tự hộ,
 Tránh xa để hộ mạng¹⁶.
 Nơi làng xóm, chỗ vắng,
 Nếu gặp rồng con kia;
 Chớ cho là rắn nhỏ,
 Mà sanh lòng coi thường.
 Minh rồng nhỏ nhiều màu,
 Cũng nên để yên ổn;
 Nam hay nữ khinh rắn,*

¹⁵. Hán: long tử 龍子, rồng con. Đoạn sau, cũng nói là tiểu xà 小蛇. Pāli: urago, con rắn.

¹⁶. Pāli: tasmā taṃ parivajjeyya, rakkham jīvitam attano, Vì vậy, hãy tránh xa nó, để giữ mạng sống của mình.

Đều bị độc làm hại.
Cho nên, để tự hộ,
Hãy giữ kỹ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.
Mãnh hỏa khi xâm thực,
Dù ít nhưng không hạn;
Đuốc nhỏ có thể thiêu
Khắp nơi, nếu củi đủ.
Thiêu từ nhỏ dần lên,
Tận xóm làng thành ấp;
Cho nên, để tự hộ,
Nên như hộ mạng mình.
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để tự hộ.
Bị lửa dữ thiêu đốt,
Trăm thứ cỏ cháy rụi.
Tắt rồi, không co rút;
Lửa tắt cỏ lại sanh.
Nếu khinh hủy Tỳ-kheo,
Người giữ lửa tịnh giới.
Thì đốt mình, con cháu,
Tai nạn lưu trăm đời.
Như đốt cây đa-la,
Không bao giờ sanh lại.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;
Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.
Đủ hình tướng Sát-lợi,
Rắn con và đóm lửa;
Đủ tịnh giới, Tỳ-kheo,
Không nên sanh coi thường.
Cho nên phải tự hộ,
Như tự hộ mạng mình;

*Vì khéo tự hộ này,
Tránh xa để hộ mạng.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc kia, nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1227. MẸ¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc có bà nội, người mà vua rất kính trọng, bỗng nhiên mạng chung¹⁸. Vua đưa ra ngoài thành hỏa táng, cúng dường xá-lợi xong, mặc áo tang, tóc bù xù, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương từ đâu lại, mặc đồ tang, tóc bù xù vậy?”

Vua Ba-tư-nặc thưa:

“Bạch Thế Tôn, con đã mất bà nội mà con rất kính trọng. Bà đã bỏ con ra đi. Con đã đưa ra ngoài thành để hỏa táng, cúng dường xong, rồi đến Thế Tôn.”

Phật bảo:

“Đại vương thương kính bà nội lắm phải không?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, rất kính trọng thương mến. Bạch Thế Tôn, nếu đem những gì có được ở trong nước như voi, ngựa, bầy báu, cho đến ngai vàng đem bố thí hết cho người mà có thể cứu sống bà nội thì con sẽ bố thí hết. Nhưng vĩnh viễn đã không thể cứu được; kể sống người chết mãi mãi xa lìa; nhớ thương, buồn khổ, không tự mình vượt nổi. Con đã từng nghe Thế Tôn nói: ‘Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết.’ Hôm nay con mới nhận thấy lời Thế Tôn nói đúng.”

Phật bảo Đại vương:

¹⁷. Pāli, S. 3.22. Ayyakā. Biệt dịch, N^o100 (54), N^o125 (26.7).

¹⁸. Bản Pāli, bà sống một trăm hai mươi tuổi.

“Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết.”

Phật bảo Đại vương tiếp:

“Cho dù dòng họ Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, hay gia chủ, nếu có sanh đều phải chết, không ai không chết. Cho dù là Đại vương Sát-đế-lợi, ở ngôi quán đảnh, làm vua bốn thiên hạ, được sức tự tại; đối với các địch quốc đều hàng phục, cuối cùng không ai là không chết. Lại nữa, Đại vương, dù sanh trời Trường thọ, làm vua Thiên cung, tự tại khoái lạc, cuối cùng cũng phải chấm dứt. Lại nữa, Đại vương, Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết, đã lìa các gánh nặng, việc cần làm đã làm xong, đã được lợi mình, hết các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng phải chấm dứt, xả thân vào Niết-bàn. Lại nữa, hàng Duyên giác, khéo điều phục, khéo tịch tĩnh, khi hết thân mạng này, cuối cùng cũng vào Niết-bàn. Chư Phật Thế Tôn đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, hơn tiếng rống sư tử, cuối cùng cũng xả thân vào Bát-niết-bàn. Vì vậy, Đại vương nên biết, tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, cho đến tất cả quỷ thần, có sanh đều phải chết, rốt cùng cũng phải chấm dứt, không có ai sanh ra mà không chết.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Tất cả loài chúng sanh,
Có mạng đều phải chết;
Chúng đi theo nghiệp mình,
Tự nhận quả thiện ác.
Nghiệp ác vào địa ngục,
Làm lành lên trên trời;
Tu tập đạo thắng diệu,
Lậu hết, Bát-niết-bàn.
Như Lai và Duyên giác,
Thanh văn đệ tử Phật;
Đều phải bỏ thân mạng,
Huống là người phạm phư.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

KINH 1228. THÂN YÊU¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh thiền tứ tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự thương yêu mình, thế nào là không tự thương yêu mình²⁰?’ Lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình.’ Sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tứ duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự thương yêu, thế nào là không tự thương yêu mình?’ Rồi lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu mình. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình’.”

Phật bảo Đại vương:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương, nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, thì nên biết những người này không tự thương yêu. Dầu cho họ tự nói, tự thương yêu, nhưng thật ra không phải tự thương yêu. Vì sao? Vì không có điều xấu ác nào mà người bạn xấu ác làm cho không phải là điều không là thân thương đối với người mà nó không thân thương, không phải là điều được yêu mến đối với người mà nó không yêu mến²¹. Cho

¹⁹. Pāli, S. 3. 4. Piya.

²⁰. ...tự niệm,...bất tự niệm 云何為自念。云何為不自念。Pāli: kesam nu kho piyo attā, kesam appiyo attā ti, “đối với ai ta (tự ngã) là thân yêu? Đối với ai, ta (tự ngã) không là thân yêu?”

²¹. Dịch sát văn Hán nên hơi tối nghĩa. So sánh Pāli: yañhi appiyo appiyassa kareyya, tam te attanāva attano karonti; tasmā tesam appiyo attā, “Điều gì mà người không thân thương (= kẻ thù) có thể làm cho người không thân thương (= kẻ thù), điều đó ta (tự ngã) làm cho ta (tự ngã) cũng vậy; vì vậy, đối với chúng, tự ngã không phải là thân thương (= kẻ thù).”

nên những người này là không phải tự yêu thương mình. Lại nữa, Đại vương, người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, thì nên biết những người này tự thương yêu mình. Dầu cho những người này tự nói không tự thương tiếc thân mình, nhưng thực ra những người này là tự thương yêu mình. Vì sao? Vì không có điều tốt nào mà người bạn tốt làm không phải là đáng thân đối với người mà nó thân, không phải là đáng yêu đối với người mà nó yêu. Cho nên những người này là người tự thương yêu mình.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Bảo rằng tự thương mình,
Không nên tạo ác hạnh.
Vì nhân không ác hạnh,
Nên đã được an lạc.
Bảo rằng tự thương mình,
Quyết không tạo ác hạnh.
Người tạo mọi nghiệp thiện,
Nên đã được an lạc.
Nếu ai tự yêu mình,
Khéo hộ mà tự hộ;
Như vua khéo giữ nước,
Ngoài, canh phòng biên giới.
Nếu ai tự yêu mình,
Khéo tự giữ báu vật;
Như vua khéo giữ nước,
Trong, canh giữ thành quách.
Như tự giữ bảo vật,
Sát-na không gián đoạn;
Sát-na nếu thiếu lo,
Đường ác chịu khổ mãi.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

KINH 1229. TỰ HỘ²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ?’²³ Lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự hộ.’ Sau khi từ thiền tịnh dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế nào là tự hộ, thế nào là không tự hộ?’ Rồi lại nghĩ: ‘Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ. Nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự hộ.’

Phật bảo Đại vương:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân hành ác hạnh, khẩu hành ác hạnh, ý hành ác hạnh, nên biết những người này là không tự hộ, mà nói là hay tự phòng hộ. Tuy nói là tự phòng hộ bằng quân voi, ngựa, xe, bộ, dùng chúng để tự phòng hộ, nhưng thực ra không phải là tự phòng hộ. Vì sao? Vì tuy phòng hộ bên ngoài, nhưng không phòng hộ bên trong. Cho nên, Đại vương! Đó gọi là không tự phòng hộ.

“Đại vương, nếu người nào thân hành thiện hạnh, khẩu hành thiện hạnh, ý hành thiện hạnh, nên biết những người này là tự phòng hộ. Tuy họ không dùng quân voi, ngựa, xe, bộ để tự phòng hộ, nhưng thực ra là tự phòng hộ. Vì sao? Vì phòng hộ bên trong. Đó gọi là khéo tự phòng hộ, chẳng cần phòng hộ bên ngoài.”

²². Pāli, S. 3.5. Attānurakkhita. Biệt dịch, N^o100(56).

²³. Pāli: kesam nu kho rakkhito attā, kesam arakkhito attā ti, “Đối với những ai tự ngã được thủ hộ? Đối với những ai tự ngã không được thủ hộ?” Xem cht.20 kinh 1228.

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Khéo phòng hộ thân, khẩu,
Và tất cả ý nghiệp;
Tự hộ bằng tâm quý,
Đó là khéo phòng hộ.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1230. TÀI LỢI²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu mà không phóng dật, không tham đắm, không tạo những ác hạnh đối với chúng sanh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu là hay sanh ra phóng dật, tăng trưởng tham đắm chúng, khởi lên các tà hạnh.’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu và đối với tài lợi đó không sanh ra phóng dật, không sanh ra tham đắm, không tạo ra tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu là hay sanh ra phóng dật, sanh ra tham đắm, khởi lên các tà hạnh.’

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu mà không tham đắm, không sanh ra phóng dật, không khởi lên những tà hạnh. Nhưng thế gian có nhiều người được tài lợi thắng diệu và đối với tài lợi phóng dật, mà khởi lên tham đắm, khởi lên các tà hạnh.’ Đại vương nên biết, những người thế gian kia được tài lợi thắng diệu, đối với tài lợi mà phóng dật, mà khởi tham đắm, làm các tà hạnh, đó là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu

²⁴. S. 3.6. Appakā. Biệt dịch, N^o100(58).

dài, không lợi ích. Đại vương, giống như người thợ săn, học trò thợ săn, giăng lưới bắt giết nhiều thú vật, trong rừng hoang vắng; hại chúng sanh khổ khổ, nghiệp ác tăng trưởng. Cũng vậy, người thế gian được tài lợi thắng diệu, đối tài lợi sanh phóng dật, khởi lên tham đắm, tạo các tà hạnh; người ngu si này sẽ chịu khổ não lâu dài, không được lợi ích.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Đối tài vật tham dục,
Bị tham làm mê say,
Cuồng loạn không tự biết;
Giống như người thợ săn.
Vì sự phóng dật này,
Nên chịu báo khổ lớn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1231. THAM LỢI²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đang ngự trên chánh điện²⁶, tự mình xem xét những việc của quốc vương, thấy giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ, liền tự nghĩ: ‘Hãy ngưng việc xét đoán này, dừng việc xét đoán này. Ta không còn đích thân xét đoán việc nữa. Ta có người con hiền, sẽ bảo nó xét đoán. Làm sao ta có thể nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ?’ Khi vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đang ngự trên chánh điện, để tự xét đoán những việc của quốc vương, thấy các giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn,

²⁵. S. 3.7. Atthakaraṇa. Biệt dịch, N^o100(57).

²⁶. Chánh điện 正殿。Pāli: atthakaraṇa, công đường hay pháp đường.

Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Bạch Thế Tôn, con nhận thấy được điều này rồi, tự nghĩ: ‘Từ nay ta hãy ngưng việc xét đoán này, đừng việc xét đoán này. Ta có người con hiền sẽ bảo nó xét đoán. Con không có thể chính mình nhìn những dòng họ sang cả này, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ.’”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Các dòng họ sang cả kia, giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ kia, vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ là những người ngu si, sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích. Giống như người chài lưới và đệ tử của chài lưới thả câu, giăng lưới nơi sông, suối, khe, rạch giết hại chúng sanh tạo ra khổ lớn. Cũng vậy, Đại vương, các giai cấp Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Gia chủ vì tham dục nên hay dối trá, vọng ngữ. Họ sẽ chịu khổ mãi mãi, không được lợi ích lâu dài.”

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Khởi tham muốn tài sản,
Tham dục làm say mê;
Cuồng loạn không tự giác,
Giống như người bắt cá.
Do vì nghiệp ác này,
Nên chịu báo khổ lớn.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1232. BỒN SẸN²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

²⁷. S. 3.19. Aputtaka (1): không con. Biệt dịch, N^o100(59), N^o125(23.4).

“Bạch Thế Tôn, nước Xá-vệ này có gia chủ Ma-ha-nam²⁸, giàu có nhiều của cải, kho chứa vàng ròng có đến trăm nghìn ức, huống là những của khác. Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam giàu có như vậy, nhưng đồ ăn chỉ dùng những thứ như: Ăn gạo tấm thô sơ, canh đậu, gừng cũ nát; còn mặc thì áo vải thô, mang giày da đơn; đi thì xe cũ kỹ, đội nón lá cây. Chưa từng nghe ông ta cúng dường, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, hay thấy ông cung cấp giúp đỡ cho những người nghèo khổ, những người lỡ đường thiếu thốn, những người ăn xin. Khi ăn thì đóng cửa, không để cho các Sa-môn, Bà-la-môn nào hay những người bạn cùng, những người lỡ đường, những người ăn xin, trông thấy.”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương, gia chủ này không phải là Chánh sĩ²⁹, được tài lợi thắng diệu mà không tự thọ dụng, không biết phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, bà con quyến thuộc, đoái nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ cho người quen biết, không biết tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, để gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hưởng đến chỗ cao quý, hưởng thụ an lạc lâu dài, đời sau sanh về cõi trời. Được những tài vật thù thắng mà không biết cách dùng rộng rãi để thu lợi lớn.

“Đại vương, thí như nước được tích chứa trong ao hồ ở giữa đồng hoang, mà không có người dùng đến để uống ăn, tắm rửa, nước trong đầm bị nung khô tiêu hết. Cũng vậy, kẻ sĩ bất thiện³⁰ được tài vật thắng diệu,... cho đến không chịu dùng rộng rãi để thu lợi lớn, cũng giống như hồ nước kia vậy.

“Đại vương, có thiện nam tử³¹ được tài lợi thắng diệu, sung sướng mà thọ dùng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp vợ con bà con quyến thuộc, nghĩ đến tôi tớ, giúp đỡ người quen biết, thường xuyên

28. Ma-ha-nam 摩訶男。S. *ibid.*, Sāvattiyam setṭhi gahapati kālānkato, một gia chủ giàu có ở Sāvattī đã chết.

29. Chánh sĩ 正士。Pāli: asappuriso, con người không cao thượng, không phải chân nhân, không phải thượng nhân.

30. Bất thiện sĩ phu 不善士夫。Đồng nhất với phi chánh sĩ trên. Pāli: asappuriso.

31. Thiện nam tử 善男子。Trái với phi chánh sĩ hay bất thiện sĩ phu ở trên. Pāli: sappuriso.

cũng cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, để hưởng đến chỗ cao quý, đời sau sanh về cõi trời; được tiền của thù thắng, biết cách thọ dụng rộng rãi để thu lợi lớn gấp bội. Đại vương, giống như bên cạnh thành ấp, làng xóm có ao nước trong sạch mát mẻ, cây cối che mát, khiến mọi người yêu thích, nhiều người chịu dùng, cho đến loài cầm thú. Cũng vậy, thiện nam tử kia được tài lợi thắng diệu, tự cúng dường tùy thích, phụng dưỡng cha mẹ,... cho đến gieo trồng ruộng phước thù thắng, thu lợi rộng lớn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Hồ nước nơi hoang mạc,
Dù trong mát sạch sẽ,
Mà không người thọ dụng,
Thì nơi đó khô hết.
Cũng vậy của thắng diệu,
Mà ở nơi người ác,
Không thể tự thọ dụng,
Cũng không thương giúp ai.
Luống tự gom góp khổ,
Chứa rồi tự tiêu tán.
Người trí được của nhiều,
Tự mình vui thọ dụng;
Thí khắp làm công đức,
Giúp đỡ cho thân thuộc;
Tùy chỗ cần cung cấp,
Như trâu chúa lãnh đàn.
Bố thí cùng thọ dụng,
Không mất cơ hội cần.
Nương lý mà mạng chung³²,
Sanh Thiên hưởng phước lạc.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

³². Hán: thừa lý 乘理。Pāli: anindito, không bị chê bai. Hán đọc là ānendito?

KINH 1233. MỆNH CHUNG³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có gia chủ Ma-ha-nam mạng chung³⁴, nhưng không có con cháu. Vua Ba-tư-nặc mới đem tài sản không có con, không có thân thuộc nhập hết về nhà vua. Vua Ba-tư-nặc hằng ngày phải đi xem xét tài sản, thân thể dính bụi bặm, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Đại vương từ đâu đến, thân thể dính bụi bặm và có vẻ mệt nhọc?”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam nước này mạng chung, để lại tài sản, nhưng không con, nên tất cả phải nhập về nhà vua. Con phải trông coi, liệu lý, nên bụi bặm dính vào người, mệt nhọc. Từ nhà đó con đến đây.”

Phật hỏi vua Ba-tư-nặc:

“Gia chủ Ma-ha-nam kia giàu có nhiều của lắm sao?”

Vua đáp:

“Bạch Thế Tôn, rất giàu, tiền của rất nhiều, tiền vàng của báu có đến trăm nghìn ức, hưởng lại là những của khác. Bạch Thế Tôn, ông Ma-ha-nam kia lúc còn sống mặc thô sơ, ăn uống cực khổ. *Nói đầy đủ như trên.*”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Ông Ma-ha-nam kia vào thời quá khứ, gặp Bích-chi-phật Đa-ca-la-thi-khí³⁵ có cúng dường một bữa ăn, nhưng không có lòng tin thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường; sau khi cúng rồi lại hối tiếc nói rằng: ‘Cơm này ta có thể cho những tôi tớ của mình, không tội gì lại đem cho Sa-môn!’ Nhờ phước bố thí này,

³³. S. 3. 2. 10. Aputtaka (2). Biệt dịch, N^o100(60).

³⁴. Xem cht.28 kinh 1232 trên.

³⁵. Đa-ca-la-thi-khí Bích-chi-phật 多迦羅尸棄辟支佛。Pāli: Tagarasikhim pacceka-sambuddham. Cf. M.iii. 69.

bảy lần được sanh lên trời Tam thập tam và bảy lần sanh vào nước Xá-vệ này thuộc dòng họ tối thắng, tiền của giàu có bậc nhất. Nhưng vì khi cúng dường vị Bích-chi-phật kia với lòng tin không thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường; sau khi cúng dường rồi lại hối tiếc, nên dù nơi khi sanh ra tuy được giàu có, nhưng phải thọ dụng quần áo thô sơ, ăn uống khổ cực, ngọc cụ, nhà cửa, xe cộ thô sơ cũ kỹ. Ngay từ đầu chưa nếm qua được sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt đẹp để tự an thân.

“Lại nữa, Đại vương, trước kia gia chủ Ma-ha-nam đã giết người anh khác mẹ của mình để chiếm lấy tài sản. Vì tội này nên trải qua trăm nghìn năm phải đọa vào địa ngục, tội báo ấy còn sót nên sanh vào nước Xá-vệ, bảy lần thọ thân mà thường không có con; tài sản tịch thu về nhà vua. Đại vương, gia chủ Ma-ha-nam nay mạng chung, phước báo bố thí quá khứ đã hết mà đời này ông lại keo kiệt, tham lam, buông lung đối với tài sản, nhân tạo tội ác, sau khi mạng chung ở đây sẽ đọa địa ngục, chịu nhiều khổ não.”

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, gia chủ Ma-ha-nam sau khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục chịu khổ đau phải không?”

Phật đáp:

“Đúng vậy, Đại vương! Đã đọa vào địa ngục.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghĩ đến ông mà rơi lệ, lấy áo lau nước mắt, nói kệ:

*Của cải, kim bảo thật,
Voi ngựa đồ dùng tốt;
Nô bộc, trẻ hầu hạ,
Cùng nhà cửa ruộng nương.
Tất cả đều bỏ lại,
Thần thức đi một mình.
Vận phước số đã hết,
Vĩnh viễn bỏ thân người.
Nay họ sở hữu gì?
Đem theo được những gì?
Với cái gì không bỏ,
Như bóng đi theo hình?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chỉ có nghiệp tội, phước,
 Người nào đã tạo ra;
 Thì đó là sở hữu,
 Họ sẽ thường mang theo.
 Sống chết chưa từng lia,
 Giống bóng đi theo hình.
 Như người ít tư lương,
 Đi xa gặp nạn khổ.
 Người không tu công đức,
 Phải qua khổ đường ác.
 Như người nhiều tư lương,
 Đi xa được an lạc.
 Người tu đức thuần hậu,
 Luôn hưởng vui cõi lành.
 Như người đi chơi xa,
 Lâu năm về an ổn.
 Người thân và bằng hữu,
 Tụ tập đón mừng vui;
 Người khéo tu công đức,
 Chết đây sanh nơi khác.
 Những thân quyến của họ,
 Gặp nhau tâm hoan hỷ.
 Cho nên phải tu phước,
 Tích tụ thành vĩnh cửu.
 Phước đức hay vì người,
 Kiến lập vui đời khác;
 Phước đức được trời khen,
 Cùng hạnh tu chánh khác.
 Hiện tại người không chê,
 Chết sanh lên cõi trời.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

KINH 1234. TẾ TỰ³⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội³⁷ rộng rãi. Vì đại hội nên đem cả nghìn con bò đực³⁸ cột vào trụ và những đồ vật cúng tế. Cho mời hết các ngoại đạo khác nhau, từ xa đến tụ tập đông đủ nơi đại hội của vua Ba-tư-nặc.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến các ngoại đạo, tất cả đều đến tập hợp.* Nghe rồi, sau khi khát thực xong, trở về tinh xá cất y bát, rửa chân rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, sáng sớm hôm nay, các Tỳ-kheo chúng con đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc mở đại hội rộng rãi. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến các ngoại đạo khác đều tập hợp đến chỗ đại hội.*”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Tháng tháng³⁹ mở đại hội,
Cho đến số trăm nghìn⁴⁰;
Không bằng chánh tín Phật,
Bằng một phần mười sáu.*

³⁶. S. 3. 9. Yañña. Biệt dịch, N^o100(61).

³⁷. Đại hội 大會。Pāli: mahāyañño paccupaṭṭhito, tổ chức đại tế đàn, lễ hiến tế sanh vật cho thần linh.

³⁸. Đặc ngưu 特牛。Pāli: pañca ca usabhasatāni, pañca ca vacchatarasatāni, pañca ca vacchatarisatāni, pañca ca ajasatāni, pañca ca urabhasatāni, năm trăm bò đực, năm trăm bê đực, năm trăm bê cái, năm trăm sơn dương, năm trăm con cừu.

³⁹. Các bản Tống-Nguyên-Minh: nhật nhật 日日: ngày ngày. Ấn Thuận, Phật Quang đọc là nguyệt nguyệt: 月月: tháng tháng.

⁴⁰. Bài kệ này không có trong S. ibid., nhưng, cf. Dh. 106: māse māse sahasena, yo yajetha satam samam, ekañca bhāvitattānam muhuttampi pūjaye, mỗi tháng với trăm nghìn, tế tự cho đến trăm năm, không bằng chỉ một lần cúng dường người tự mình tu tập.

*Cũng vậy, tìn Pháp, Tăng,
 Từ tâm với chúng sanh;
 Phước của đại hội kia,
 Không bằng phần mười sáu.
 Nếu người ở thế gian,
 Ưc năm⁴¹ tạo nghiệp phước;
 Không bằng một phần bốn.
 Kính lễ vị trực tâm⁴².*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1235. HỆ PHƯỚC⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nổi giận, bắt nhiều người trong nước bỏ tù, gồm các Sát-đế-lợi, nào Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, Chiên-đà-la, trì giới hay phạm giới, tại gia hay xuất gia đều bị trói, bị xiềng xích, bị cùm, hoặc bị cột dây. Bấy giờ, sáng sớm, có các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người,... cho đến xiềng xích, cột trói. Sau khi khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành khát

⁴¹. Bản Cao-ly & Ấn Thuận đọc là *úc niên* 億年; Phật Quang đọc là *cánh niên* 竟年, theo bản Thánh và dẫn Biệt dịch: *mãn túc nhất niên trung* 滿足一年中。

⁴². Trực tâm 直心。Pāli: ujuṭṭipanna, trực hành hay chất trực hành, chỉ Tăng, đệ tử Phật, thực hành Thánh đạo tám chi. Cf. Pháp uẩn 3, Đại 26, tr.463a. Cf. Dh. 108: yaṃ kiñci yiṭṭha va hutam va loke, saṃvaccharam yajetha puññapekkho; sabbampi tam na catubhāgameti abhivādanā ujjagatesu seyyo, trong đời này, vì mong cầu phước đức mà tế tự hay hiến tế cả trăm năm, tất cả không bằng một phần tư của sự kính lễ đối với vị Chất trực hành bậc nhất.

⁴³. S. 3.10. Bandhana. Biệt dịch N^o100(62).

thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người,... cho đến xiềng xích, cột trói.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng phải dây, cùm, xích,
Là trói buộc kiên cố.
Tâm ô nhiễm, luyến tiếc
Của báu, tiền, vợ con:
Dây trói bền lâu nhất;
Tuy lỏng nhưng khó thoát.
Người trí không luyến tiếc
Lạc thú ngũ dục đời.
Đó là dứt được trói,
An ổn siêu xuất thế⁴⁴.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1236. CHIẾN ĐẤU (1)⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy nước Ma-kiệt-đà chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế khởi bốn thứ quân voi, ngựa, xe, bộ kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc nghe bốn thứ quân của vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy kéo đến, cũng tập hợp bốn thứ quân voi, ngựa, xe, bộ ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua A-xà-thế đắc thắng, bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn thoái lui, một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ.

Bấy giờ sáng sớm, có các Tỳ-kheo, đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hy đem bốn thứ quân đến nước Câu-tát-la; vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân ra

⁴⁴. Cf. Dh. 345-346.

⁴⁵. Quốc Dịch, phẩm 2. S. 3.14. Saṅgāma. Biệt dịch, N^o100(63).

nginh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc thua, tán loạn rút lui, vua Ba-tư-nặc khốn đốn sợ hãi, một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ. Nghe rồi, khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về tỉnh xá, cất y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành Xá-vệ khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn binh. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến* một mình một xe chạy trở về thành Xá-vệ.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Chiến thắng thêm oán thù,
Bại khổ nằm không yên.
Thắng bại, bỏ cả hai,
Nằm yên vui tịch tịnh.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1237. CHIẾN ĐẤU (2)⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc và vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hy chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề A-xà-thế con bà Vi-đề-hy khởi bốn thứ quân kéo đến nước Câu-tát-la. Vua Ba-tư-nặc khởi bốn thứ quân gấp đôi ra nghinh chiến. Bốn thứ quân của vua Ba-tư-nặc đắc thắng, bốn thứ quân của vua A-xà-thế thua, khiếp phục tán loạn. Vua Ba-tư-nặc bắt sống vua A-xà-thế và thu được tiền tài, bảo vật xe cộ ngựa voi. Bắt sống vua A-xà-thế, chở cùng xe đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đây là vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, mà con

⁴⁶. S. 3.15. Saṅgāma (2). Biệt dịch, N^o100(64).

không bao giờ oán hận. Nhưng người lại gây oán kết; đối với người tốt mà tạo điều không tốt. Song người này là con của bạn con. Con sẽ trả ra cho trở về nước.”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Lành thay, Đại vương, trả cho người đi, bệ hạ sẽ được an ổn, lợi ích lâu dài.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cho dù sức tự tại,
Thường hay xâm lược người;
Sức tăng thì càng oán,
Bội thu lợi mình người⁴⁷.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc và vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1238. KHÔNG BUÔNG LUNG (1)⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này⁴⁹, là thiện tri thức, thiện

⁴⁷. Cf., Pāli, S. ibid., vilumpateva puriso, yāvassa upakappati; yadā caññe vilumpanti, so vilutto viluppati, con người vì lợi mình mà cướp đoạt người khác; khi cướp đoạt người khác, thì người cướp đoạt cũng bị cướp đoạt.

⁴⁸. S. 3.18. Appamāda. Biệt dịch, N^o100(65).

⁴⁹. Các phẩm tính của Pháp, văn chuẩn Pāli, cf. Saṅgīti, D.iii. 227: svākkhāto bhagavatā dhammo sandiṭṭhiko akāliko ehipassiko opanayiko paccattam veditabbo viññūhī ti. Tham chiếu, Tập dị môn 7 (Đại 26, tr. 393b): Phật chánh pháp thiện thuyết, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng, “Pháp của Phật được tuyên thuyết một cách hoàn hảo, (là Pháp) dập tắt sự thiêu đốt, thích hợp cho mọi thời, hướng dẫn (đến Niết-bàn), được quán sát trực tiếp, được chứng nội tâm bởi bậc trí.”

bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng⁵⁰.’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: ‘Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này, là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng.’”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Chánh pháp của Thế Tôn, là pháp hiện tiền, xa lìa sự thiêu đốt, không đợi thời tiết, thông suốt đến nơi, được thấy ngay trong hiện tại, bằng tự giác mà chứng biết pháp này, là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải ác tri thức, ác bạn đảng.’ Vì sao? Ta là thiện tri thức, đối với chúng sanh có pháp sanh được giải thoát khỏi sanh; chúng sanh có pháp già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, đều giải thoát khỏi tất cả.

“Đại vương, có một thời Ta ở tại tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá⁵¹. Khi ấy Tỳ-kheo A-nan-đà một mình ở nơi yên tĩnh, tư duy tự nghĩ: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng⁵².’ Nghĩ như vậy rồi, đến chỗ Ta, cúi đầu lễ dưới chân Ta, ngồi lui qua một bên, bạch Ta rằng:

“Bạch Thế Tôn, con một mình ở nơi chỗ yên tĩnh, tư duy, tự nghĩ: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đảng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đảng’”

⁵⁰. Cf. Pāli, S. *ibid.*, svākkhato bhagavatā dhammo, so ca kho kālyāṇamitassa kālyāṇa-sahāyassa kālyāṇasampavaṅkassa, no pāpamitassa no pāpasahāyassa no pāpasampa-vaṅkassa, “Chánh pháp được Thế Tôn tuyên thuyết một cách hoàn hảo, pháp ấy là cho người bạn tốt, cho người đồng hành tốt, cho người thân cận tốt, chứ không phải cho người bạn ác, người đồng hành ác, người thân cận ác”.

⁵¹. Sơn cốc tinh xá 山谷精舍。Bản Pāli, sakkesu... nagarakaṃ nāma sakyānaṃ nigamo, giữa những người họ Thích, một thị trấn của người Thích-ca, gọi là Nagaraka.

⁵². Pāli: upaḍḍham idaṃ bhante brahmacāriyassa yadidaṃ kalyāṇamittatā kalyāṇa-sahāyatā kalyāṇasampavaṅkatā, “một nửa phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện đồng hành, thiện giao hảo”.

“Lúc ấy Ta bảo rằng:

“A-nan, đừng nói những lời như vậy: ‘Một nửa phạm hạnh là thiện tri thức, thiện bạn đồng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng.’ Vì sao? Phạm hạnh thanh bạch, thuần nhất, mãn tịnh này, chính là thiện tri thức, thiện bạn đồng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng. Vì sao? Ta thường vì các chúng sanh làm thiện tri thức. Vì những chúng sanh này có sanh, nên biết, chánh pháp của Thế Tôn ngay trong đời này khiến thoát khỏi sự sanh; đối chúng sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, lia các nhiệt não, khiến cho thoát khổ não, không đợi thời tiết, hiện tại, thông suốt dẫn đến, bằng tự giác mà chứng biết; thì đó gọi là thiện tri thức, thiện bạn đồng, chẳng phải là ác tri thức, ác bạn đồng.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Khen ngợi không buông lung,
Đó là chánh giáo Phật;
Tu thiền không buông lung,
Mau đạt được lậu tận.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1239. KHÔNG BUÔNG LUNG (2)⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?’ Nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, một mình con ở chỗ yên tĩnh, tự nghĩ: ‘Có hay không một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở

⁵³. S.3.17. Appamāda. Biệt dịch, N⁰100(66), N⁰26(141).

nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ?”

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Có một pháp mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ. Đó là pháp lành không buông lung. Pháp lành không buông lung mà được tu tập, tu tập nhiều, trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

“Đại vương, thí như những công nghiệp đồ sộ được tạo ra ở thế gian, chúng đều nương vào đất mà được kiến lập. Pháp lành không buông lung cũng lại như vậy, được tu tập, tu tập nhiều thì trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ; sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ.

“Như lực, cũng vậy, hạt giống, rễ, lõi, loài đi trên bộ, đi dưới nước, sư tử, nhà cửa⁵⁴, cũng nói như vậy.

“Cho nên, Đại vương nên trụ vào không buông lung; nên nương vào không buông lung. Sau khi trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung thì phu nhân sẽ nghĩ: ‘Đại vương đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, nay ta cũng nên như vậy, trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.’ Phu nhân đã như vậy, đại thần, thái tử, mãnh tướng cũng như vậy. Cũng vậy, nhân dân trong nước cũng sẽ nghĩ: ‘Đại vương đã trụ vào không buông lung, phu nhân, đại thần, thái tử, mãnh tướng đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, chúng ta cũng như vậy, nên trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung.’ Đại vương, nếu người nào trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, thì có thể tự hộ. Phu nhân, thế nữ cũng có thể tự bảo vệ và kho tàng của báu sẽ tăng lên thật nhiều.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

⁵⁴. Bản Pāli, chỉ nêu một thí dụ: cũng như dấu chân của tất cả mọi loài thú bộ hành đều lọt vào trong dấu chân voi. Vì chân voi lớn nhất. Cũng vậy... không buông lung...

*Xưng tán không buông lung,
 Chê bai sự buông lung.
 Để Thích không buông lung,
 Làm chúa trời Đạo-lợi.
 Xưng tán không buông lung,
 Chê bai sự buông lung.
 Có đủ không buông lung,
 Thâu giữ gồm hai nghĩa.
 Một hiện tại đượ lợi,
 Hai đời sau cũng vậy.
 Đó gọi là hiện quán,
 Của người trí sâu xa⁵⁵.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ làm lễ ra về.

M

KINH 1240. BA PHÁP⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tư duy, tự nghĩ: ‘Có ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Những gì là ba? Đó là già, bệnh, chết. Như vậy là ba pháp mà tất cả thế gian không yêu, không mến. Nếu không có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến này, thì chư Phật Thế Tôn cũng không xuất hiện ở đời và thế gian cũng không biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi. Vì có ba pháp này mà tất cả thế gian không yêu, không mến này là già, bệnh, chết nên chư Phật Như Lai mới xuất hiện ở đời và thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diễn nói rộng rãi.’ Vua Ba-tư-nặc nghĩ vậy rồi, đến chỗ Phật, cúi

⁵⁵. Pāli: atthābhisamayā dhīro paṇḍitoti pavuccati, do chiêm nghiệm ý nghĩa này, người khôn ngoan được gọi là bậc Hiền trí.

⁵⁶. S. 3. 1. 3. Rājā. Biệt dịch, N^o100(67), N^o125(26.6).

đầu đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, đem những điều suy nghĩ kia bạch Thế Tôn.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

“Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Đây có ba pháp mà thế gian không yêu, không mến là già, bệnh, chết,... cho đến thế gian biết có pháp mà chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi vì con người diển nói rộng rãi.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Xe báu của vua đi,
Cuối cùng cũng hư hoại.
Thân này cũng như vậy,
Biến chuyển sẽ về già.
Chỉ chánh pháp Như Lai,
Không có tướng suy, già.
Người nhận chánh pháp này,
Luôn đến chỗ an ổn.
Phàm phu luôn suy yếu,
Hình tướng tẻ, xấu xí;
Suy già đến tàn lụn,
Người ngu tâm mê muội.
Nếu người sống trăm tuổi,
Thường lo chết theo đến;
Già bệnh đuổi theo nhau,
Dò xét liền gia hoại.*

Phật nói kinh này xong, vua Ba-tư-nặc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ ra về.⁵⁷



⁵⁷. Đại Chánh hết quyển 41.

TẬP A-HÀM QUYỂN 47

KINH 1241. GIA NHÂN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, gia chủ Cấp Cô Độc, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu ai ở nhà con đều có lòng tin thanh tịnh. Khi những người ở nhà con mạng chung, có được sanh lên trời không?”

Phật dạy:

“Lành thay! Lành thay, gia chủ! Đây là câu hỏi thâm diệu về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: ‘Mọi người ở nhà con đều có lòng tin thanh tịnh. Khi mạng chung họ có được sanh lên trời?’ Vậy đã có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đã vì ông nói: ‘Bất cứ người nào ở trong nhà ông, mà mạng chung, thảy đều sanh lên cõi trời chăng?’”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Lại hỏi:

“Hay có Tỳ-kheo-ni nào, chư Thiên nào đã nói; hay ông đã nghe trực tiếp từ Ta?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

“Thế nào gia chủ, hay ông dựa vào tri kiến của mình, mà biết những người nhà ông sau khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời?”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Phật bảo gia chủ:

“Ông đã không nghe từ vị Tỳ-kheo đại đức thần lực, không

¹. Đại Chánh, quyển 47. Ấn Thuận Hội Biên, tụng 7 Như Lai sở thuyết; 48. Tương ưng Tập (Đại Chánh, quyển 35, phần sau, kinh 980-992; quyển 47, phần đầu, kinh 1241-1245). –Đại Chánh kinh 1241.

phải từ Tỳ-kheo-ni, không phải từ chư Thiên, lại không phải đã có mặt trước chỗ Ta nghe nói, lại cũng không phải dựa vào tri kiến của mình để biết: ‘Ở nhà con nếu mọi người mạng chung, đều được sanh lên trời.’ Vậy do đâu, hôm nay ông nói lên những lời thâm diệu như vậy về việc thọ báo, ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, nói rằng: ‘Bất cứ người nào ở trong nhà con, khi mạng chung đều được sanh lên trời?’ ”

Gia chủ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không có Tỳ-kheo đại đức thần lực nào đến nói với con. *Nói đầy đủ như trên*, ... cho đến tất cả đều sanh lên trời. Bạch Thế Tôn, nhưng khi con thấy những người mang thai, con liền chỉ bày họ nên vì con mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Sau khi đứa bé ra đời, con dạy nó về tam quy; đến khi hiểu biết, lại dạy nó trì giới. Giả sử tôi tớ hạ tiện, người ngoài nào có mang và sanh con, con cũng chỉ bày như vậy. Nếu có người bán nô tỳ, con liền đến nói với họ rằng: ‘Hiền giả, tôi muốn mua người, nhưng anh nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, thọ trì cấm giới. Theo lời tôi dạy, mau thọ trì năm giới. Sau đó tùy giá mà mua, nếu không theo lời chỉ dạy của tôi thì không chịu mua.’ Hoặc có khách trọ hay người làm thuê, trước tiên con cũng yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, rồi sau đó con mới nhận họ. Hoặc lại có người đến xin làm học trò, hay đến xin vay lấy lãi, con cũng đều yêu cầu thọ tam quy, ngũ giới, sau đó mới chịu nhận. Lại nữa, khi nào nhà con cung dưỡng Phật và Tỳ-kheo Tăng thì đọc tên cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc quen biết, quốc vương đại thần, chư thiên, long thần, hoặc kẻ còn người mất, Sa-môn hay Bà-la-môn, nội ngoại quyến thuộc, dưới cho đến nô bộc đều đọc tên họ, vì họ chú nguyện. Hơn nữa, con được nghe từ Thế Tôn dạy, nhờ duyên xưng tên chú nguyện nên đều được sanh lên trời. Hoặc nhân bố thí ruộng vườn, nhà cửa, giường nằm; hoặc nhân thường bố thí, hoặc bố thí cho người đi đường, nhỏ cho đến bố thí cho chúng sanh một nắm nhỏ, nhờ những nhân duyên này thấy được sanh lên trời.”

Phật bảo:

“Lành thay! Lành thay, gia chủ! Ông nhờ lòng tin nên nói ra được như vậy. Như Lai đối với điều đó có tri kiến vô thượng, nên biết rõ mọi người ở nhà ông mạng chung đều sanh lên trời.”

Sau khi gia chủ Cấp Cô Độc nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ Phật ra về.

M

KINH 1242. SỐNG CUNG KÍNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy sống cung kính. Hãy thường buộc tâm. Hãy thường cẩn thận sợ hãi. Hãy phục tùng các bậc tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa. Vì sao? Vì nếu có Tỳ-kheo sống không cung kính, không buộc tâm, không cẩn thận sợ hãi, không phục tùng các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác mà muốn được đầy đủ các oai nghi, thì không hề có trường hợp đó. Vì nếu không đầy đủ oai nghi mà muốn học pháp viên mãn, thì không hề có trường hợp đó. Nếu học pháp không viên mãn mà muốn có giới thân, định thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, thì cũng không hề có trường hợp đó. Nếu giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà muốn được Vô dư Niết-bàn, cũng không hề có trường hợp đó. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi đầy đủ, điều này có thể xảy ra. Nếu oai nghi đã đầy đủ thì việc học pháp sẽ đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu học pháp đã đầy đủ rồi thì giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, việc này có thể xảy ra. Nếu giải thoát tri kiến thân đã đầy đủ rồi thì được vô dư Niết-bàn, việc này có thể xảy ra. Cho nên, Tỳ-kheo cần phải cung kính, buộc tâm, cẩn thận sợ hãi, theo đức lực các vị tu phạm hạnh thượng, trung, hạ tọa khác thì oai nghi được đầy đủ,... cho đến được Vô dư Niết-bàn, cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1243. TÀM QUÝ²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp tịnh có thể hộ trì thế gian. Những gì là hai? Đó là tâm và quý. Giả sử thế gian không có hai pháp tịnh này, thế gian cũng không biết có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân quyến, sư trưởng, tôn ty, trật tự; điên đảo hỗn loạn như hàng súc sanh. Nhờ có hai pháp tịnh tâm và quý cho nên thế gian biết có cha mẹ, ... cho đến sư trưởng, tôn ty, trật tự; không hỗn loạn như hàng súc sanh.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu thế gian không có,
Hai pháp tâm và quý;
Vượt trái đạo thanh tịnh,
Hưởng sanh, già, bệnh, chết.
Nếu thế gian thành tựu,
Hai pháp tâm và quý;
Đạo thanh tịnh tăng trưởng,
Đóng kín cửa sanh tử.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1244. THIÊU ĐỐT

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có pháp đốt cháy và pháp không đốt cháy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào, hành pháp ác bất thiện, phạm

² Pāli, A.2.9 Cariya; It. A2 Dhamma.

giới; thân thành tựu ác hạnh; khẩu, ý thành tựu ác hạnh; người ấy về sau, khi khốn khổ bởi tật bệnh, nằm liệt trên giường, chịu nhiều đau đớn. Lúc bấy giờ, tất cả những việc làm ác trước kia người ấy đều nhớ lại hết. Cũng như bóng núi lớn che ánh mặt trời Tây; cũng vậy, chúng sanh trước kia đã tạo ra mọi điều ác, những pháp ác bất thiện do thân, khẩu, ý nghiệp, đến lúc lâm chung, tất cả đều hiện ra, tâm sanh hối hận: ‘Than ôi! Than ôi! Vì trước kia không tu thiện, chỉ làm ác, nên sẽ đọa vào đường dữ, chịu nhiều khổ đau.’ Sau khi nhớ lại rồi, tâm bị đốt cháy, tâm sanh hối hận. Khi sanh tâm hối hận nên không được chết với tâm thiện; đời sau tâm bất thiện cũng tiếp nối sanh. Đó gọi là pháp đốt cháy.

“Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào thọ trì tịnh giới, tu pháp chân thật, thân thành tựu nghiệp thiện; khẩu, ý thành tựu nghiệp thiện; khi lâm chung tuy thân gặp phải khổ nạn, nằm liệt trên giường bệnh, thân thể chịu nhiều đau đớn, nhưng tâm người ấy nhớ lại pháp thiện trước kia đã tu; thân, khẩu và ý đã thành tựu thiện hạnh. Lúc bấy giờ, duyên vào những pháp thiện, người ấy nghĩ rằng: ‘Thân, khẩu, ý ta đã tạo ra thiện hạnh như vậy, không làm các điều ác, sẽ sanh về đường thiện, không đọa vào đường ác, tâm không có gì hối hận.’ Do tâm không biến hối, nên mạng chung với thiện tâm, qua đời sau thiện vẫn tiếp tục. Đó gọi là pháp không đốt cháy.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đã gieo nghiệp thiêu đốt,
Sống nương theo phi pháp;
Theo đó làm nghiệp ác,
Ắt sanh vào địa ngục.
Đẳng hoạt và Hắc thành,
Chúng hợp, hai Khiếu hô;
Thiên nhiên, Cực thiên nhiên,
Đại địa ngục Vô trạch.
Tám đại địa ngục ấy,
Cực khổ khó vượt qua;
Vì bao nhiêu ác nghiệp,
Mười sáu nơi khác nhau.*

Mở bốn cửa bốn bên,
 Khoảng giữa lượm bằng nhau;
 Bốn bên bằng vách sắt,
 Bốn cánh cửa cũng sắt.
 Đất sắt lửa cháy bùng,
 Chúng cháy rục khắp nơi;
 Ngang dọc trăm do tuần,
 Hừng hực không đoạn dứt.
 Điều phục phi chư hành,
 Khảo trị người cương cường;
 Cho đau đớn lâu dài,
 Khổ này khó thể thấy.
 Người thấy sanh sợ hãi,
 Run sợ, lông dựng đứng.
 Khi đọa địa ngục này,
 Chúc đầu xuống, chân lên.
 Ngăn³ người tu hành phạm hạnh
 Tâm nhu hòa bậc Thánh;
 Nơi chỗ Hiền thánh này,
 Khinh tâm khởi phi nghĩa,
 Và sát hại chúng sanh,
 Đọa địa ngục nóng này.
 Quẫn quại ở trong lửa,
 Giống như cá nướng lửa.
 Thống khổ kêu, la hét,
 Như tiếng đàn voi chiến.
 Lửa lớn tự nhiên sanh,
 Đó do nghiệp của chúng.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

³. Nguyên bản: chỉ 止 ; bản Tống: chánh 正 。

KINH 1245. ÁC HÀNH⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người nào bỏ ác hành nơi thân, có thể đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân. Người nào không đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân, Ta không nói người đó xả bỏ ác hành nơi thân⁵. Do vì người kia có thể đạt được sự đoạn trừ ác hành nơi thân, cho nên Ta nói người đó xả bỏ ác hành nơi thân. Thân ác hành, không đem lại nghĩa lợi an lạc cho chúng sanh. Lìa bỏ ác hành nơi thân, tất được nghĩa lợi an lạc. Cho nên Ta nói hãy xả bỏ thân ác hành. Khẩu, ý ác hành cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1246. LUYỆN KIM⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại thành Vương xá, tại trú xứ của người thợ vàng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như người đúc vàng, gom đất cát lại bỏ vào máng. Sau đó dùng nước dội lên. Những thứ nặng thô, tạp uế và các thứ đá vụn⁷, đất rắn,

4. Pāli, A.3. 17. Pāpanika.

5. A.3.17: Ba pháp khiến tự hại, hại người, hại cả hai (attavyābādhāyapi... paravyābādhāyapi... ubhayavyābādhāyapi samvattati); đó là, ác hành nơi thân, miệng, ý.

6. Ấn Thuận, “Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 49. Tương ưng thí dụ”, mười chín kinh, Đại Chánh, 1246-1264. –Đại Chánh, kinh 1246, tương đương Pāli, A.3. 100. Suvanna-kāra (phần đầu).

7. Nguyên bản, trên chữ cương thạch 剛石, có bốn chữ: thô thượng phiền não 麤上煩惱, Ấn Thuận lược bỏ vì cho là dư thừa theo ngữ cảnh. Nhưng bản Pāli nói: *o jārika upakkilesā*, trong đó *upakkilesā* bản Hán hiểu là “thượng phiền não” thay vì là “các thứ tạp uế”.

theo nước trôi đi. Nhưng những hạt cát thô vẫn còn kết dính. Lại dùng nước dội vào; những hạt cát thô ấy theo nước trôi đi. Sau đó mới có vàng nguyên⁸, nhưng vẫn bị những thứ cát mịn bị đất đen kết dính. Lại dùng nước dội lên, những hạt cát mịn, đất đen theo nước trôi đi. Sau đó còn lại vàng ròng thuần tịnh không tạp. Nhưng vẫn còn cẩu bợn rất nhỏ, tợ vàng. Tiếp đó, người thợ vàng đem nó bỏ vào lò, thụt ống bệ để tăng lửa cho nó tan thành dung dịch, loại bỏ hết cẩu bợn. Nhưng vàng nguyên vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa phát ánh sáng; gấp lại, kéo ra, còn bị gãy. Người luyện vàng hay người đệ tử luyện vàng lại phải bỏ vào lò, thụt bệ cho lửa tăng, lật qua, lật lại để hun đúc, sau cùng, vàng nguyên mới nhẹ mềm, trở thành bóng loáng, gấp, kéo, không bị gãy, tùy theo ý muốn, làm các loại đồ trang sức như xoa, bông tai, vòng, xuyên.

“Tỳ-kheo tiến hưởng tịnh tâm⁹ cũng như vậy. Những phiền não thô đang quán chặt¹⁰, nghiệp ác bất thiện, các tà kiến ác, dần dần được đoạn trừ khiến cho tiêu diệt; như vàng nguyên kia phải loại bỏ đi những đá vụn, đất rấn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hưởng tịnh tâm tiếp đến từ bỏ những cẩu bợn thô như dục giác, nhuế giác, hại giác¹¹; như vàng nguyên được loại bỏ cát sạn thô.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hưởng tịnh tâm tiếp tục loại bỏ những cẩu bợn vi tế như giác tưởng về thân tộc, giác tưởng vì nhân chúng, giác tưởng về sanh thiên, bằng tư duy mà loại trừ; như vàng nguyên kia được loại bỏ đi bụi bặm, cát mịn, đất đen.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hưởng tịnh tâm, khi có giác tưởng về thiện pháp¹², bằng tư duy mà trừ diệt, cho tâm thanh tịnh; giống như vàng nguyên được loại bỏ đi những cẩu bợn có màu như vàng ròng, để trở thành thuần tịnh.

⁸. Sanh kim 生金。Pāli: jātarūpa, vàng nguyên, chưa chế biến.

⁹. Pāli: adhiccittam anuyuttasa bhikkhuno, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm (tu định).

¹⁰. Trên kia dịch: thô thượng phiền não. Pāli: O lārikā upakkilesā.

¹¹. Ba bất thiện tâm. Pāli: tayo akusalavitakkā, kāmavitakko, vyāpādavitaṅkko, vihiṃsavitaṅkko, tham dục, thù hận, ác hại.

¹². Chỉ ba thiện tâm. Pāli: tayo kusalavitakkā: nekkhamavitakko, avyāpādavitaṅkko, avihimsavitakko, viễn ly tâm, vô sân tâm, bất hại tâm.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đối với các tam-muội được duy trì bởi hữu hành¹³, cũng giống như ao nước có bờ giữ chung quanh. Còn được duy trì bởi pháp, thì không được tịch tĩnh, thắng diệu, không được sự an lạc của chỉ tức, diệt tận các hữu lậu; như thầy trò thợ vàng đãi lọc vàng nguyên, loại bỏ những cặn bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, uốn lại kéo ra bị gãy, không thể làm đồ trang sức theo ý muốn được.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi đã đắc các tam-muội, không cần được duy trì bởi hữu hành, được tịch tĩnh thắng diệu, được con đường dẫn đến an lạc của chỉ tức, nhất tâm nhất ý, diệt tận các hữu lậu; như thầy trò thợ vàng luyện lọc vàng nguyên cho đến khi nó nhẹ, mềm, bóng loáng, tùy ý uốn vào kéo ra.

“Lại nữa, Tỳ-kheo liìa các giác quán, cho đến đắc đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiên; chánh thọ như vậy thuần nhất thanh tịnh, liìa các phiền não, nhu nhuyễn, chân thật, bất động. Nếu muốn tác chứng các nhập xứ kia¹⁴ tất có thể được tác chứng; như thợ vàng, luyện lọc vàng nguyên đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm đồ gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy, Tỳ-kheo chứng nhập tam-muội¹⁵,... cho đến đối các nhập xứ, đều có thể tác chứng được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1247. BA TƯỚNG¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Phải nên chuyên tâm phương tiện tùy thời tư duy về ba tướng. Những gì là ba? Tùy thời tư duy về tướng chỉ, tùy thời tư duy về tướng

¹³. Pāli: abhisamkūra, sự nỗ lực thực hành. sự dụng công.

¹⁴. Chỉ bốn xứ của vô sắc định.

¹⁵. Tam-muội chánh thọ 三昧正受。

¹⁶. Pāli, A.3. 100. Suvanna-kāra (phần sau).

cử, tùy thời tư duy về tướng xả¹⁷. Nếu Tỳ-kheo chỉ một mực tư duy tướng chỉ, thì ở nơi đó tâm trở thành hạ liệt. Nếu chỉ một mực tư duy tướng cử, thì ở nơi đó, tâm trạo loạn khởi lên. Nếu chỉ một mực tư duy tướng xả, thì ở nơi đó không được chánh định, để diệt tận các hữu lậu. Vì Tỳ-kheo kia tùy thời tư duy tướng chỉ, tùy thời tư duy tướng cử, tùy thời tư duy tướng xả, nên tâm được chánh định và diệt tận các hữu lậu. Như thầy trò thợ vàng, lấy vàng nguyên bỏ vào trong lò rồi cho tăng lửa, tùy thời quạt ống bệ, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai. Nếu chỉ một mực quạt ống bệ, thì ở đây vàng nguyên sẽ tiêu tan hết. Nếu chỉ một mực dội nước, thì ở đây vàng nguyên trở thành chai cứng. Hoặc ngưng cả hai, thì ở đây vàng nguyên không chín tới, không thể dùng được. Cho nên thầy trò thợ vàng thiện xảo, đối với vàng nguyên kia tùy thời quạt bệ, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng cả hai, vàng nguyên như vậy mới đúng độ, tùy theo việc mà sử dụng. Cũng vậy Tỳ-kheo chuyên tâm phương tiện thường xuyên tư duy niệm tướng ba tướng, ... cho đến lậu tận.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1248. CHẶN BÒ (1)¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiệt-đề có người chặn bò ngu si không có trí tuệ. Cuối hạ đầu thu, không chịu xem xét kỹ bờ này sông Hằng, cũng không chịu xem xét kỹ bờ kia sông Hằng, mà lừa bầy bò xuống bờ dốc dựng đứng, lên bờ dốc dựng đứng, giữa dòng nước xoáy, phát sanh nhiều tai nạn.

“Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ, tại nước Ma-kiệt-đề có

¹⁷. Chỉ tướng, cử tướng, xả tướng 止相舉相捨相。Pāli: samādhinimitta, paggahanimitta, upekkhanimitta, định tướng, tinh tấn tướng, xả tướng.

¹⁸. Pāli, M. 34. Cūḷa-Gopālaka; Cf. N^o125(43.6).

người chặn bờ, không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ. Cuối hạ đầu thu có thể xem xét kỹ bờ này sông Hằng, xem xét kỹ bờ kia sông Hằng, khéo lừa bò qua sông, đến hang núi rộng bằng, nơi cỏ tươi, nước sạch. Khi bắt đầu lừa bò qua sông, trước tiên lừa những con bò lớn có khả năng làm đầu đàn để chặn bớt dòng nước đang chảy xiết kia; tiếp đến, lừa những con bò trẻ sung sức, theo sau qua sông; sau cùng, lừa những con bò nhỏ gầy yếu theo phía dưới dòng nước. Tất cả đều theo thứ lớp qua sông an ổn. Những con nghé mới sanh, quyến luyến mẹ chúng, cũng theo sau mẹ qua được bờ kia.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, nên hiểu nghĩa của thí dụ mà Ta đã nói này. Những người chặn bờ ngu si vô trí ở nước Ma-kiệt-đề kia, là lục sư ngoại đạo, Phú-lan-na Ca-diếp và những người khác, cũng lại như vậy. Tập hành những tà kiến, hưởng đến đường tà, như người chặn bờ ngu si vô trí kia, cuối hạ đầu thu không xem xét kỹ bờ bên này bờ bên kia, dốc dựng đứng, núi hiểm trở, xuống bờ dốc, lên bờ dốc, giữa dòng nước xoáy, phát sanh nhiều tai nạn. Cũng vậy, các lục sư ngoại đạo Phú-lan-na Ca-diếp v.v... ngu si, vô trí, không biết xem xét bờ này, là chỉ cho đời này; không biết xem xét bờ kia, là chỉ cho đời khác; giữa dòng nước chảy xoáy, là chỉ cho các ma cảnh, tự gặp những khổ nạn. Những tà kiến kia, những sở học được tập hành, đều dẫn đến các hoạn nạn.

“Người khéo chặn bờ nước Ma-kiệt-đề kia không ngu, không si, có phương tiện trí tuệ, là chỉ cho Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như người chặn bờ xem xét kỹ bờ này, xem xét kỹ bờ kia, khéo lừa bò qua sông, đến hang núi rộng bằng; trước tiên lừa những con bò lớn có khả năng làm đầu đàn để chặn ngang dòng nước đang chảy xiết, an ổn qua bờ kia. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta diệt tận các lậu, ... cho đến tự biết không còn tái sanh, cắt ngang dòng ác ma tham dục thế gian, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

“Như người khéo chặn bờ nước Ma-kiệt-đề, kế đến, thứ hai, lừa những con bò trẻ sung sức, cắt ngang dòng nước mà qua. Cũng vậy, các hàng Thanh văn của Ta đoạn tận năm hạ phần kết sử, được A-na-hàm, đối với việc thọ sanh kia, không trở lại cõi này nữa; lại cũng cắt đứt dòng tham dục ác ma, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

“Như người khéo chặn bờ nước Ma-kiệt-đề, tiếp đến, thứ ba, lừa

bầy bò nhỏ yếu theo phía dưới dòng, được qua an ổn. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết; tham, sân, si mỏng, đắc Tư-đà-hàm, tái sanh cõi này một lần, rốt ráo hết khổ, cắt ngang dòng ác ma tham dục kia, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.

“Như người khéo chẵn bờ nước Ma-kiệt-đề, những con nghé mới sanh, quuyến luyến mẹ chúng cũng theo mà qua sông được. Cũng vậy, hàng Thanh văn của Ta đã đoạn ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, nhất định hướng thẳng đến Chánh giác, bảy lần qua lại Trời, Người, rốt ráo hết khổ, cắt đứt dòng ác ma tham dục, được an ổn qua sanh tử, đến bờ kia.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đời này và đời khác,
Minh trí khéo hiển bày:
Chỗ ma đến, không đến;
Cho đến đối ma chết¹⁹.
Tất cả đều được biết,
Bằng trí Đẳng chánh giác;
Cắt đứt các dòng ma,
Phá hoại, khiến tiêu mất.
Khai mở cửa cam lộ,
Hiển hiện đạo chánh chân;
Tâm luôn luôn vui vẻ,
Đến được nơi an ổn.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1249. CHẶN BÒ (2)²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà,

¹⁹. Pāli: *ayaṃ loko paraṃ loko, jānatā suppakāsito, yañ ca mārena samapatto, appattaṃ yañ ca maccunā*, bậc minh trí khéo soi tỏ đời này và đời sau, chỗ nào Ma đến được, chỗ nào tử thân không đến được.

²⁰. Pāli, M. 33. Mahā-Gopālaka; No 125(49.1).

nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người chăn bò nếu có đủ mười một pháp, sẽ không thể làm cho bò tăng trưởng, cũng không thể giữ gìn bầy bò lớn được an ổn. Những gì là mười một? Không biết sắc; không biết tướng; không biết trừ trùng; không băng vết thương; không un khói; không biết chọn đường; không biết chọn chỗ nghỉ²¹; không biết chỗ qua sông; không biết chỗ cho ăn²²; vắt hết sữa của bò; không biết chăm sóc con đầu đàn. Đó gọi là người có đủ mười một pháp thì không thể chăn giữ đàn bò lớn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đủ mười một pháp, không thể tự mình an ổn, cũng không thể an ổn cho người khác. Những gì là mười một điều? Không biết sắc; không biết tướng; không thể trừ trùng hại; không băng vết thương; không thể un khói; không biết đường chánh; không biết chỗ dừng nghỉ; không biết chỗ vượt qua; không biết chỗ để ăn; vắt hết sữa của bò; hoặc có Thượng tọa đa văn kỳ cựu, tu phạm hạnh lâu, được Đại Sư khen ngợi, mà không hưởng đến các phạm hạnh có minh trí để khen ngợi đức độ kia, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

“Thế nào là không biết sắc? Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và sở tạo từ bốn đại. Đó gọi là không biết như thật về sắc.

“Thế nào gọi là không biết tướng? Không biết như thật về sự nghiệp nào là tướng lỗi, sự nghiệp nào là tướng tu²³. Đó gọi là không biết tướng.

“Thế nào gọi là không biết trừ trùng. Dục giác²⁴ đã khởi mà nhẫn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt; sân nhuế, hại giác đã khởi, mà nhẫn thọ, không xa lìa, không giác sát, không trừ diệt. Đó gọi là không biết trừ trùng.

“Thế nào là không băng vết thương? Mắt thấy sắc, theo đó nắm giữ hình tướng. Do không thủ hộ mắt, khiến cho tham ưu thế

21. Bất tri trạch xứ 不知擇處; đoạn dưới: bất tri chỉ xứ 不知止處。Pāli: na pītaṃ jānāti, không biết nước uống.

22. Bất tri thực xứ 不知食處; đoạn dưới: bất tri phóng mục xứ 不知放牧處。Pāli: na gocarakosalo hoti, không thiện xảo hành xứ, hay mục trường.

23. Pāli: kammalakkhaṇo bālo kammalakkhaṇo paṇḍito, nghiệp tướng kẻ ngu, nghiệp tướng người trí.

24. Dục giác; Pāli: kāmavitakka, tâm cầu dục.

gian, pháp ác bất thiện chảy lọt vào tâm mà không thể phòng hộ²⁵. Tai mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đó gọi là không bằng vết thương.

“Thế nào là không un khói? Như những pháp đã nghe, như những pháp đã thọ, không thể vì người phân biệt, chỉ rõ. Đó gọi là không un khói.

“Thế nào là không biết chánh đạo? Tám Chánh đạo và Thánh pháp luật, đó gọi là đạo. Kia không biết như thật; đó gọi là không biết chánh đạo.

“Thế nào là không biết chỗ nghỉ²⁶? Đối với những pháp mà Như Lai sở tri²⁷, không đạt được sự hoan hỷ, sự hân hoan, sự thắng diệu, sự ích lợi xuất ly²⁸. Đó là không biết chỗ dừng nghỉ.

“Thế nào là không biết chỗ vượt qua? Không biết Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không biết tùy thời đến thưa hỏi thỉnh thọ, rằng, ‘Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội; tạo những pháp nào là pháp thù thắng không phải ác?’ Đối với pháp ẩn mật thì không thể khai phát, đối với pháp hiển lộ thì không thể hỏi rộng, đối với cú nghĩa sâu xa đã tự biết mà không thể diễn rộng chỉ rõ. Đó gọi là không biết chỗ vượt qua.

“Thế nào là không biết chỗ chặn thả bò? Bốn Niệm xứ và pháp luật Thánh hiền, gọi là chỗ chặn thả bò. Ở đó mà không biết như thật, thì đó gọi là không biết chặn thả bò.

“Thế nào là vắt hết sữa? Hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay gia chủ kia, tự tại bố thí y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc

25. Pāli: yatvādhikaraṇam eṇaṃ cakkhundriyaṃ asaṃvuttaṃ viharantaṃ abhiññādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyuṃ, tassa saṃvarāya na paṭipajjati, nó không tu tập để phòng hộ nguyên nhân mà do sống không phòng hộ nhân căn, nên tham ưu, các pháp ác bất thiện tuôn chảy vào.

26. Xem cht.22 trên.

27. Pāli: tathāgatappavedite dhammavinaye, ở nơi pháp luật mà Như Lai đã tuyên thuyết. Pavedita, được công bố; bản Hán hiểu là vedita, được kinh nghiệm hay được biết.

28. Pāli: na labhati atthavedaṃ, na labhati dhammavedaṃ, na labhati dhammūpasamhitaṃ pamojjaṃ, không đạt được sự tin thọ đối với nghĩa, tin thọ đối với pháp, không đạt được sự hoan hỷ liên hệ đến pháp.

men và những vật dụng trong đời sống; Tỳ-kheo thọ dụng không biết hạn lượng, đó gọi là vắt hết sữa.

“Thế nào là đối với các Thượng tọa, Đại đức đa văn kỳ cựu, ... cho đến không hưởng đến chỗ các vị thắng trí, phạm hạnh, xưng dương công đức kia, khiến cho họ tôn trọng thừa sự, cung dưỡng để được an vui? Là Tỳ-kheo không tán dương Thượng tọa kia, ... cho đến khiến các bậc trí tuệ phạm hạnh đi đến chỗ đó, đem thân khẩu ý nghiệp tùy thuận thừa sự. Đó gọi là không hưởng đến những bậc Thượng tọa đa văn kỳ túc,... cho đến, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cung dưỡng.

“Người chăn bò kia nếu có đủ mười một pháp thì có thể làm cho đàn bò kia tăng trưởng, bảo vệ bầy bò, làm cho vui vẻ. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, nói rõ ràng phân biệt như trên, ... cho đến có thể lãnh đàn, tùy thời liệu lý, khiến được an ổn. Đó gọi là người chăn bò có đủ mười một pháp, sẽ khiến cho bầy bò tăng trưởng, bảo vệ khiến chúng được an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo có đầy đủ mười một pháp, tự mình sẽ được an lạc, cũng có thể làm cho người khác được an lạc. Những gì là mười một? Biết sắc, biết tướng, ... cho đến nói đầy đủ phân biệt rõ ràng. Đó gọi là Tỳ-kheo có đủ mười một điều, tự mình an và làm cho người an.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1250. NA-ĐỀ-CA (1)²⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la³⁰, tại tự lạc Nhất-xa-năng-già-la. Lúc ấy, cũng có Tôn giả Na-đề-ca³¹ đã từng ở trong tự lạc Nhất-xa-năng-già-la.

²⁹. Pāli, A. 5. 30 Nāgita, A. 6. 42 Nāgita, A. 8. 86. Yasa.

³⁰. Nhất-xa-năng-già-la 一奢能伽羅。Pāli: icchānaṅgala.

³¹. Na-đề-ca 那提迦。Pāli: Nāgita.

Bấy giờ, Sa-môn, Bà-la-môn ở tụ lạc ấy nghe tin Sa-môn Cù-đàm đang trú tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đã đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la, tại tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la. Nghe rồi, mỗi người đều sửa soạn một cái chỗ đồ ăn để bên cửa³², họ tự nghĩ: ‘Ta cung dưỡng Thế Tôn trước, ta cung dưỡng Thiện Thệ trước.’ Mỗi người tự cao giọng lớn tiếng xưng lên như vậy. Bấy giờ, Thế Tôn nghe trong viên lâm có tiếng nói to lớn của nhiều người, liền hỏi Tôn giả Na-đề-ca:

“Nhân gì, duyên gì, ở trong viên lâm có tiếng nói to lớn nhiều người như vậy?”

Tôn giả Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Đây là các Sa-môn, Bà-la-môn, Gia chủ ở tụ lạc Nhất-xa-năng-già-la, nghe tin Thế Tôn ở trong rừng này, mỗi người sửa soạn một chỗ đồ ăn đem để trong viên lâm và tự họ xưng lên: ‘Ta cung dưỡng Đức Thế Tôn trước, ta cung dưỡng Đức Thiện Thệ trước.’ Vì vậy nên có tiếng nói to lớn của nhiều người ở trong rừng này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận đồ ăn của họ.”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Chớ đem lợi dưỡng cho Ta, Ta không cầu lợi. Chớ xưng tụng Ta, Ta không cầu xưng tụng. Nay Na-đề-ca, nếu có ai, đối với sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác mà Như Lai đạt được dễ dàng như vậy, đối với những thứ lợi lạc như kia, mà nếm vị, mà mong cầu³³. Na-đề-ca, duy Ta đối với sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế ấy, không cầu mà được, không khổ nhọc mà vẫn được; thì Ta há có nếm vị, mong cầu những thứ lợi lạc

³². Pāli: bahidvāraṅṅhake atthaṃsu uccāsaddā mahāsaddā, họ đứng ngoài cổng vào, cao giọng, lớn tiếng.

³³. Chỗ này, Hán dịch hơi tối nghĩa. So sánh Pāli: yo kho, nāgita, nayimassa nekkhamasukhassa pavivekasukhassa upasamasukhassa sambodhasukhassa nikālamalābhī assa akicchālābhī akasiralābhī, yassāhaṃ nekkhamasukhassa... akasiralābhī, so taṃ mīhasukhaṃ middhasukhaṃ lābhasakkarasilokasukhaṃ sādīyeyya, Những ai không đạt được dễ dàng, không mệt nhọc, không khó khăn, sự an lạc do xuất ly, viễn ly... này, mà Ta đạt được dễ dàng..., thì những người ấy có thể thụ hưởng sự an lạc như phân dơ ấy, sự an lạc ngủ nghĩ, sự an lạc do lợi lộc, cung kính, danh vọng ấy.

được khởi lên như thế kia? Nay Na-đề-ca, các người do không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia, nên không đạt được sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Này Na-đề-ca, chư Thiên cũng không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia; sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc. Chỉ có Ta đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế kia, an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc; Ta há có nếm vị, mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia? ”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con muốn nêu thí dụ.”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Nên biết đúng thời.”

Na-đề-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, ví như trời mưa, dòng nước thuận dòng chảy xuống. Ở nơi nào mà Thế Tôn dừng chân, ở nơi đó các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hay Gia chủ kia kính tín phụng thờ. Vì Thế Tôn giới đức thanh tịnh, chánh kiến chân trực. Cho nên nay con thưa như vậy, cúi xin Thế Tôn thương xót nhận lời mời của họ.³⁴”

Phật bảo Na-đề-ca:

“Chớ đem lợi cho Ta, Ta không cầu lợi, ... thì Ta há có nếm vị, mong cầu...?”

“Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo ăn ngon; ăn xong rồi nằm ngửa bụng mà thở gấp, thở dài. Thấy vậy rồi, Ta tự nghĩ, như trưởng lão này không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Lại nữa, Na-đề-ca, Ta thấy ở đây có hai Tỳ-kheo ăn ngon; ăn xong, no bụng, thở dốc, ưỡn người mà đi. Ta tự nghĩ, những trưởng lão kia không đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc.

“Này Na-đề-ca, Ta thấy nhiều Tỳ-kheo ăn ngon, ăn xong đi từ

³⁴. Pāli: *adhivāsetu dāni, bhante, bhāgvā...*, bạch Thế Tôn, xin hãy kiên nhẫn chịu đựng.

vườn này đến vườn kia, từ phòng này đến phòng kia, từ người này đến người kia, từ đám đông này đến đám đông kia. Thấy vậy rồi, Ta tự nghĩ, những trưởng lão kia như vậy không thể đạt được sự an lạc do xuất yếu, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác; chỉ có Ta mới đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, Đẳng chánh giác như thế ấy.

“Lại nữa, này Na-đề-ca, một thời, Ta đi trên đường, thấy có Tỳ-kheo đi xa ở trước, lại cũng có Tỳ-kheo từ sau xa đến³⁵. Ta bấy giờ nhàn tĩnh vô vi, cũng không có sự mệt nhọc vì sự đại tiểu tiện³⁶. Vì sao? Y vào ăn uống, tham đắm mùi vị nên có đại tiểu tiện, đó là y tựa. Quán sát sự sanh diệt của năm thọ ấm, mà sống yếm ly, đó là y tựa. Đối với sáu xúc nhập xứ quán sát tập diệt, mà sống yếm ly, đó là y tựa. Đối với cái vui đám đông hội tụ, siêng năng tụ tập nhóm họp, mà chán ghét sự viễn ly, đó là y tựa. Ưa thích tu tập viễn ly, siêng năng nơi viễn ly, mà yếm ly đám đông tụ hội, đó là y tựa. Cho nên, này Na-đề-ca, nên học như vậy. Đối với năm thọ ấm, quán sát sanh diệt, đối với lục xúc nhập xứ, phải quán sát tập diệt, ưa thích viễn ly, tinh cần viễn ly, nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Na-đề-ca nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đành lễ rồi đi.

M

KINH 125I. NA-ĐỀ-CA (2)³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, đến ở tại tụ lạc Na-lăng-già-la³⁸.

Nói đây đủ như trên, ... cho đến “... mong cầu những thứ lợi lạc được khởi lên như thế kia?”

³⁵. Tham chiếu bản Pāli: (...) na kiñci passāmi purato vā pacchato vā... không thấy bất cứ ai ở phía trước hay phía sau.

³⁶. Hán: tiện lợi chi lao 便利之勞。Pāli:... phāsu me, nāgita, tasmim samaye hoti antamaso uccārapassāvakkammāyā ti, lúc ấy Ta thoải mái cho đến cả việc đại tiểu tiện.

³⁷. Pāli, A.6. 42. Nāgita.

³⁸. Na-lăng-già-la tụ lạc 那楞伽羅聚落。Kinh 1250: Nhất-xa-năng-già-la.

Phật bảo Na-đề-ca:

“Ta thấy bên cạnh tụ lạc có tinh xá, có Tỳ-kheo tọa thiền. Thấy rồi Ta tự nghĩ, những người trong tụ lạc này, hoặc Sa-di, qua lại, gây tiếng động ồn ào, làm rối loạn, gây chướng ngại thiền tư cho Tôn giả này, khiến cho tỉnh giấc chánh thọ³⁹, cản trở ước muốn đến chỗ chưa đến, muốn đạt chỗ chưa đạt, muốn chứng chỗ chưa chứng. Na-đề-ca, Ta không hài lòng Tỳ-kheo ấy sống ở tinh xá cạnh tụ lạc.

“Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, nằm ngửa mà than thở⁴⁰. Thấy rồi Ta tự nghĩ, nay⁴¹ Tỳ-kheo này sau khi ngủ dậy, sẽ tư niệm với ý tưởng về rừng vắng nhàn tĩnh⁴². Nay Na-đề-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy⁴³.

“Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi lắc lư mà ngủ gật. Thấy rồi, Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này, sau khi thức dậy, sẽ chứng đắc định chưa từng chứng đắc; do tâm định mà được giải thoát. Cho nên, Na-đề-ca, Ta cũng không hài Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy⁴⁴.

“Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh, ngồi ngay thẳng nhập chánh thọ. Thấy rồi, Ta tự nghĩ, nay Tỳ-kheo này, nếu chưa giải thoát, sẽ nhanh chóng được giải thoát. Nếu đã giải thoát, sẽ khiến tự phòng hộ, không để thoái thất. Na-đề-ca, Ta sẽ hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh như vậy.

“Này Na-đề-ca, Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Tỳ-kheo ấy về sau rời xa chỗ rừng vắng, tập xả giường, ngọa cụ, lại trở về tụ lạc nhận lấy giường, ngọa cụ. Nay Na-đề-ca, Ta cũng không hài lòng Tỳ-kheo trở lại thôn xóm như vậy.

“Lại nữa, này Na-đề-ca, Ta thấy Tỳ-kheo sống ở tinh xá nơi

³⁹. Pāli:… vā taṃ tamhā samdhimhā cāvessati, sẽ khiến vị ấy xuất khỏi thiền định.

⁴⁰. Pāli:… araññikaṃ araññe asamāhitam nisinnam, Tỳ-kheo a-lan-nhã ngồi trong rừng mà không nhập định.

⁴¹. Nguyên bản: kim 金。Bản Nguyên-Minh: linh 令。

⁴². Pāli: araññasaññāmyeva manasikarissati, sẽ tác ý với ấn tượng về rừng vắng.

⁴³. Pāli: tassa bhikkuno attamano homi araññaviharena, Ta hài lòng Tỳ-kheo sống trong rừng ấy.

⁴⁴. Xem cht.43 trên.

thôn xóm, đức nhiều nổi tiếng, được các thứ tài lợi, y phục, ẩm thực, thuốc men, đủ thứ. Tỳ-kheo ấy sau đó bỏ hết lợi dưỡng, làng xóm, sàng tọa, đến an nghỉ trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Ta rất hài lòng Tỳ-kheo tập xả lợi dưỡng, chòm xóm, giường nằm, ngọa cụ như vậy, mà sống trong rừng vắng nhàn tĩnh. Na-đề-ca, Tỳ-kheo nên học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Na-đề-ca nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đành lễ rồi đi.

M

KINH 1252. MỘC CHẤM⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Những người Ly-xa thường dùng cây gối đầu, tay chân chai cứng⁴⁶, nghi ngờ, sợ sệt, không để cho A-xà-thế vua nước Ma-kiệt-đề, con bà Vi-đề-hy thừa cơ hội thuận tiện, cho nên thường răn nhắc chính mình, không sống buông lung. Do họ sống không buông lung nên vua nước Ma-kiệt-đề, A-xà-thế con bà Vi-đề-hy không thể rình rập cơ hội thuận tiện. Trong đời vị lai không lâu, những người Ly-xa mặc tình hưởng lạc, vô sự; tay chân mềm mại, lựa là làm gối, tứ chi nằm yên, ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, sống buông lung. Vì họ sống buông lung nên vua nước Ma-kiệt-đề A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, tìm được cơ hội thuận tiện.

“Như vậy, các Tỳ-kheo, phải tinh cần, phượng tiện, kiên cố chịu đựng, không bỏ pháp lành; cho dù gầy còm da bọc xương, cũng phải tinh cần phượng tiện, không bỏ pháp lành, cho đến nếu chưa đạt những điều đáng được, không lìa bỏ tinh tấn, thường nhiếp tâm sống không buông lung. Nhờ sống không buông lung nên ma vương Ba-tuần không tìm được cơ hội. Trong đời vị lai có các Tỳ-kheo mặc tình

⁴⁵. Gối bằng gỗ. Pāli, S. 20. 8. Kalingara.

⁴⁶. Nguyên Hán: quy sách 龜坼, nứt nẻ. Ở đây nên hiểu, vì làm việc nhiều nên tay chân chai cứng. Pāli: appamatt ātāpino upāsanasmim, không buông lung, tích cực trong nhiệm vụ.

hưởng lạc, vô sự; tay chân mềm mại, lụa là làm gối, tứ chi nằm yên, ngủ mặt trời mọc vẫn chưa dậy, sống buông lung. Vì sống buông lung nên ác ma Ba-tuần tìm được cơ hội. Cho nên Tỳ-kheo phải học như vậy, tinh cần phương tiện, cho đến nếu chưa đạt những điều chưa được thì không từ bỏ phương tiện.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1253. BÁCH PHỦ⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người, buổi sáng đem ba trăm chảo thức ăn bố thí cho chúng sanh, trưa và chiều cũng lại làm như vậy. Người thứ hai, chỉ trong khoảnh khắc tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò. Nếu so sánh, công đức bố thí của người trước không bằng phần trăm, phần nghìn, phần vạn ức, hay dùng toán số thí dụ cũng không thể so sánh được. Cho nên các Tỳ-kheo, phải khởi học như vậy: ‘Trong thời gian khoảnh khắc tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1254. GIA ĐÌNH⁴⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như gia đình con gái nhiều, con trai ít, nên biết gia đình này dễ bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam, thiện nữ

⁴⁷. Pāli, S.20. 4. Ukkā.

⁴⁸. Pāli, S. 20. 3. Kula.

không thể thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò, nên biết người này sẽ dễ bị lừa dối bởi quỷ thần ác. Thí như gia đình có con trai nhiều, con gái ít, sẽ không bị cướp đoạt bởi giặc trộm. Cũng vậy, người thiện nam thường tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh, cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò, sẽ không bị lừa dối bởi các quỷ thần ác. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn tu tập lòng từ cho đến như trong khoảnh khắc vắt sữa bò.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1255. DAO GĂM⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như có người có con dao găm, mũi nó rất bén nhọn. Có người khỏe mạnh nói rằng: ‘Tôi có thể dùng tay, hay nắm tay, đập vào con dao của anh, làm cho nó gãy vụn.’ Nay các Tỳ-kheo, người khỏe mạnh kia có thể dùng tay, hay nắm tay đập vào con dao kia, làm gãy vụn chẳng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì con dao găm kia có mũi rất bén nhọn. Người đàn ông kia không thể dùng tay, hay nắm tay đập cho vụn, mà chính tự làm khốn khổ.”

“Cũng vậy, Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn tu tập lòng từ đối tất cả chúng sanh cho đến như trong khoảnh khắc vắt sữa bò, nếu có quỷ thần ác muốn đến dò tìm chỗ hở, không thể tìm được cơ hội thuận tiện. Chúng chỉ tự làm thương tổn lại chính mình. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải học như vậy, thường thường tu tập lòng từ cho đến như khoảnh khắc vắt sữa bò.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁴⁹. Pāli, S. 20. 5. Satti.

M

KINH 1256. MÓNG TAY⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay nhúm đất, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

“Các người nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều, hay là đất đại địa nhiều?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đất trên móng tay rất quá ít. Đất đại địa này thì vô lượng, vô số, không thể so sánh được.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Cũng vậy, chúng sanh thường xuyên tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay, chúng sanh đó ít như đất trên móng tay; còn những chúng sanh thường không tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh, cho đến như trong khoảnh khắc khảy móng tay, số chúng sanh đó nhiều như đất đại địa. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải luôn luôn tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1257. CUNG THỦ⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hành vô thường, không thường hằng, không an ổn, là pháp biến dịch. Nay các Tỳ-kheo, phải thường xuyên quán sát tất cả các hành, tu tập yếm ly, không ham thích, để giải thoát.”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đánh lễ Phật, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

⁵⁰. Pāli, S. 20. 2. Nakkhasikha.

⁵¹. Pāli, S. 20. 6. Dhanuggaha.

“Bạch Thế Tôn, mạng sống đời đời, hủy diệt, nhanh chậm như thế nào?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ta có thể nói, nhưng người muốn hiểu thì khó!”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Có thể nói thí dụ được chăng?”

Phật bảo:

“Có thể được.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn người, tay cầm cung cứng, cùng lúc bắn ra cả bốn phương. Có một người theo kịp khi tên chưa rơi, chụp lấy bốn mũi tên. Thế nào, Tỳ-kheo, người như vậy là nhanh chóng phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nhanh chóng.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người chụp những mũi tên này tuy có nhanh chóng, nhưng có Địa thần Thiên tử còn nhanh chóng hơn người đó gấp bội. Thiên thần Hư không lại nhanh hơn Địa thần gấp bội. Tứ thiên vương lại nhanh hơn Thiên thần hư không gấp bội. Có Nhật nguyệt thiên tử lại nhanh hơn Tứ thiên vương gấp bội. Có thần hưởng đạo Nhật nguyệt⁵² lại nhanh hơn Nhật nguyệt thiên tử gấp bội. Nay các Tỳ-kheo, sự thay đổi biến hoại của mạng hành còn nhanh hơn thần hưởng đạo Nhật nguyệt gấp bội. Cho nên, các Tỳ-kheo, phải tinh tấn phương tiện quán sát mạng hành là vô thường nhanh chóng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1258. A-NĂNG-HA⁵³

Tôi nghe như vậy:

⁵². Đạo nhật nguyệt thần 導日月神。Pāli: devā candimasuriyānaṃ purato dhāvanti, những Thiên thần chạy trước mặt trăng và mặt trời.

⁵³. Pāli, S. 20. 7.Āṇi.

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển, trú xứ của các Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một người tên là Đà-xá-la-ha⁵⁴. Người này có một cái trống tên là A-năng-ha⁵⁵, âm thanh rất hay, rất thâm trầm, vang bốn mươi dặm. Trống kia đã lâu nên nhiều chỗ bị rách thủng. Bấy giờ, thợ bịt trống cắt lột da bò để quấn chung quanh. Tuy được quấn chung quanh, tiếng trống vẫn không cao, không hay, không thâm trầm. Một thời gian sau, trống lại hư mục, da bị tróc mảng lớn, chỉ còn lại là đồng gỗ. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ. Do tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, nên đối với những kinh điển⁵⁶ mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiếu sáng, khó thấy khó hiểu, không thể suy lường, quyết định nghĩa vi diệu bí mật, là chỗ biết của bậc minh trí; Tỳ-kheo ấy nhận hiểu nhanh chóng và đầy đủ hết, nghe những điều được nói ấy, hoan hỷ kính cẩn tu tập, để được lợi ích xuất ly. Tỳ-kheo đời vị lai không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ; nghe kinh điển mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiếu sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ưng với Không⁵⁷, mà không thọ trì liên, không thích đến để nhận lãnh; nghe những lời nói ấy thì không hoan hỷ, không kính cẩn tu tập, không được lợi ích xuất ly. Nhưng đối với những sách dị luận tạp nham thế gian, văn từ trau chuốt, tạp cú thể tục, thì chuyên tâm lãnh thọ, nghe những lời nói ấy hoan hỷ, kính cẩn tập theo, không được lợi ích xuất ly. Đối với Tỳ-kheo ấy, những điều được Như Lai thuyết, sâu xa, chiếu sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ưng với Không, ở đây tiêu diệt. Cũng như trống kia vì hư mục nên rách nát, chỉ còn lại đồng gỗ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải siêng năng phương tiện tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, đối với những điều mà Như Lai đã nói, sâu xa, chiếu sáng, là pháp duyên khởi tùy thuận tương ưng với Không, hãy tức thời thọ trì, toàn bộ thọ trì; nghe những lời nói ấy thì hoan hỷ, kính cẩn tu tập, được

⁵⁴. Đà-xá-la-ha 陀舍羅訶。Pāli: Dasārahā, tên chỉ một nhóm người khattiya.

⁵⁵. A-năng-ha 阿能訶。Pāli: Ānaka.

⁵⁶. Trong bản Hán: tu-đa-la.

⁵⁷. Pāli: (suttantā) lokuttarā suññatappaṭisaṃyuttā, những kinh điển siêu xuất thế gian, hoàn toàn phù hợp với tính không.

lợi ích xuất ly.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1259. HÒN SẮT⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như hòn sắt ném vào trong lửa, có màu như lửa, được đựng trong bông kiếp-bối. Thế nào, Tỳ-kheo, nó sẽ cháy nhanh chẳng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Người ngu si sống nương nơi thôn xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn xóm khát thực; không khéo hộ thân, không giữ căn môn, tâm không buộc niệm; nếu thấy thiếu nữ, mà không chánh tư duy, nắm giữ tướng sắc kia, khởi tâm tham dục; dục thiêu đốt tâm, dục thiêu đốt thân. Khi thân tâm đã bị thiêu đốt, xả giới, thoái thất. Người ngu này sẽ lâu dài không được nghĩa lợi, hữu ích. Cho nên, này Tỳ-kheo, phải học tập như vậy: Khéo giữ thân mình, thủ hộ các căn môn, buộc niệm, khi vào thôn khát thực. Phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1260. MIÊU LY⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵⁸. Không thấy Pāli tương đương.

⁵⁹. Pāli, S. 20. 10. Bilāra.

“Thời quá khứ, có một con chồn mèo đói khát, gầy yếu, rình con chuột ở trong hang. Nếu chuột ra thì nó sẽ bắt lấy mà ăn. Một hôm, chuột ra khỏi hang rong chơi, chú mèo kia liền chộp nuốt nhanh. Thân chuột nhỏ, bị nuốt sống vào bụng. Khi vào bụng rồi, nó ăn nội tạng mèo. Bị ăn nội tạng, mèo mê cuồng chạy lung tung khắp nơi, từ nhà trống đến gò mả, không biết dừng lại nơi nào, dần dần cho đến chết. Cũng vậy, Tỳ-kheo, có người ngu si nương nơi làng xóm mà sống, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn khát thực mà không khéo hộ thân, không giữ các căn, tâm không cột niệm, thấy các nữ nhân, khởi tư duy bất chánh, liền nắm bắt tướng sắc mà phát khởi lòng tham dục. Khi tham dục đã phát khởi, lửa dục cháy bùng, thiêu đốt thân tâm. Khi thân tâm bị thiêu đốt, tâm dong ruổi cuồng phóng, không thích ở tịnh xá, không thích nơi rừng vắng, không thích dưới bóng cây; bị tâm ác bất thiện ăn vào pháp bên trong mà xả giới, thoái thất. Người ngu này lâu dài chịu khổ đau, không lợi lạc. Cho nên, Tỳ-kheo, cần phải học như vậy: Khéo hộ thân mình, giữ gìn các căn môn, buộc tâm chánh niệm mà vào thôn khát thực. Cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1261. CHÀY GỖ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như cái chày gỗ thường dùng không thôi, lâu ngày mòn dần. Cũng vậy, Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn từ trước đến nay không đóng chặt các căn, ăn uống không biết chừng mực, đầu đêm cuối đêm không tinh cần tỉnh giác tu tập thiện pháp; nên biết hạng người này trọn ngày bị tổn giảm, thiện pháp không tăng, như cái chày gỗ kia.

“Này các Tỳ-kheo, thí như cây ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-mâu-đâu, phân-đà-lợi mọc ở trong nước, lớn lên trong nước, theo nước tăng trưởng. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn nào khéo đóng các

căn môn, ăn uống biết chừng mực; đầu đêm cuối đêm tinh cần tỉnh giác, công đức thiện pháp ngày đêm tăng trưởng. Cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1262. DẤ HỒ (1)⁶⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, vào cuối đêm, Thế Tôn nghe chồn hoang kêu. Qua sáng hôm sau, bấy giờ Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

“Lúc cuối đêm, các ông có nghe chồn hoang kêu không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có nghe.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Có một người ngu si suy nghĩ như vậy: ‘Mong⁶¹ ta thọ thân, được hình tướng như vậy, phát ra tiếng như vậy.’ Người ngu si này mong cầu chỗ thọ sanh tương tự như vậy, có gì mà không được! Cho nên, Tỳ-kheo, các ông phải tinh cần phương tiện, cầu đoạn tận các hữu, đừng tạo phương tiện tăng trưởng các hữu. Cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1263. PHÂN TIỂU⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành

⁶⁰. Pāli, S. 20. 11. Sīṅgāḷaka.

⁶¹. Trong bản: linh 令。 Tống-Nguyên-Minh: kim 金。

⁶². Cf. Pāli, S. 17. 5. Mīḷhaka.

Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta không tán thán ít thọ hữu thân, huống chi là thọ nhiều. Vì sao? Vì thọ hữu là khổ. Thí như phân tiểu, dù ít cũng đã hôi thối, huống chi là nhiều. Cũng vậy các hữu dù ít cho đến sát-na cũng không tán thán, huống chi lại nhiều. Vì sao? Vì hữu là khổ. Cho nên, Tỳ-kheo, cần phải học như vậy: Đoạn trừ các hữu, chớ cho hữu tăng trưởng. Cần phải học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1264. DÃ HỒ (2)⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, sau nửa đêm Thế Tôn nghe chồn hoang kêu. Qua sáng hôm sau, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

“Lúc cuối đêm, các thầy có nghe chồn hoang kêu không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có nghe.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Con chồn hoang kia bị khốn vì ghẻ lở nên nó phải kêu. Nếu có người nào vì con chồn hoang kia mà chữa trị ghẻ lở cho nó, chồn hoang ắt sẽ biết ơn và báo ơn. Nay có một kẻ ngu si không có biết nhớ ơn và báo ơn. Cho nên, các Tỳ-kheo cần phải học như vậy: Biết ơn và báo ơn. Nếu có ơn nhỏ còn báo đáp, trọn không hề quên, huống chi là ơn lớn.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

⁶³. Pāli, S. 17. 8 Siṅgāla.

KINH 1265.⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Bạt-ca-lê⁶⁵ ở tại tinh xá Kim-sư⁶⁶ trong thành Vương xá, bị khốn khổ vì tật bệnh, được Tôn giả Phú-lân-ni chăm sóc cung dưỡng. Lúc đó Bạt-ca-lê nói với Phú-lân-ni:

“Thầy đến chỗ Thế Tôn, vì tôi cúi đầu lễ chân Thế Tôn, thưa hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, đi ở có nhẹ nhàng, thuận lợi, trú an lạc không? Và bạch với Ngài: ‘Con là Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sư, bị khốn khổ vì tật bệnh, đang nằm liệt giường, muốn gặp Thế Tôn. Nhưng bị khốn khổ vì tật bệnh, khí lực sút kém, không tự đến được. Cúi xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà đến tinh xá Kim-sư này.’”

Bấy giờ, Phú-lân-ni nhận lời Bạt-ca-lê, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, thưa hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, đi ở có nhẹ nhàng, thuận lợi, trú an lạc không?”

Thế Tôn đáp:

“Nay được an lạc.”

Tôn giả Phú-lân-ni lại thưa:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sư đau nặng nằm liệt giường, muốn gặp Thế Tôn. Nhưng sức yếu không thể tự đi đến chỗ Thế Tôn được. Lành thay, xin Thế Tôn thương xót, thỉnh Ngài đến tinh xá Kim-sư.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Thế Tôn đã nhận lời, liền đánh lễ lui ra. Vào buổi chiều, sau khi từ thiền tỉnh giấc, Thế Tôn đến tinh xá Kim-sư, vào phòng Tôn giả Bạt-ca-lê.

⁶⁴. Ấn Thuận, “Tụng 7; 50. Tương ưng bệnh”; hai mươi kinh; Đại Chánh, quyển 47 (phần sau) kinh 1265-1266; quyển 37 (phần đầu), kinh 1023-1038. Kinh 1265, tương đương Pāli, S. 22. 87. Vakkali.

⁶⁵. Bạt-ca-lê 跋迦梨。Pāli: Vakkali.

⁶⁶. Kim-sư tinh xá 金師精舍。Pāli: kimbhakāranivesane, trong nhà của người thợ gốm.

Tôn giả Bạt-ca-lê từ xa trông thấy Phật liền muốn giương dậy.

Phật bảo Bạt-ca-lê:

“Hãy thôi, chớ ngồi dậy.”

Thế Tôn liền ngồi xuống giường khác, bảo Bạt-ca-lê:

“Tâm ông có chịu nổi cái khổ của bệnh này không? Bệnh nơi thân ông tăng hay giảm?”

Bạt-ca-lê bạch Phật:

*Nói đầy đủ như kinh Tỳ-kheo Xoa-ma ở trước.*⁶⁷

“Bạch Thế Tôn, thân con đau khổ quá chịu không nổi, muốn tìm dao tự sát, không thích sống khổ.”

Phật bảo Bạt-ca-lê:⁶⁸

“Nay Ta hỏi ông, tùy ý mà trả lời Ta. Thế nào, Bạt-ca-lê, sắc là thường chăng, hay là phi thường chăng?”

Bạt-ca-lê đáp:

“Bạch Thế Tôn, vô thường.”

Lại hỏi:

“Vô thường là khổ chăng?”

Đáp:

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

Lại hỏi:

“Này Bạt-ca-lê, nếu vô thường, khổ, là pháp biến dịch, ở trong đó há có đáng tham, đáng ham muốn chăng?”

Bạt-ca-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không đáng.”

Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

Phật bảo Bạt-ca-lê:

“Nếu đối với thân kia không có gì đáng tham, đáng ham muốn, thì mạng chung tốt lành, đời sau cũng tốt lành.”

⁶⁷. Xem các kinh 103, 540, 544, 1030, 1031... Để Bản: Hựu-ma 又摩, sửa lại là Xoa-ma 叉摩。Chỗ khác cũng nói là Sai-ma 差摩。

⁶⁸. Trước đoạn tiếp theo của bản Hán, Pāli: alam, vakkali, kim te iminā pūtikāyena ditthena? Yo kho, vakkali, dhammaṃ passati, so maṃ passati; yo maṃ pasati so dhammaṃ pasati, “Thôi đủ rồi, Vakkali, người hà có nhìn thân thể hôi thối này? Vakkali, ai thấy pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy pháp.”

Bấy giờ Thế Tôn vì Bạt-ca-lê nói pháp bằng nhiều cách. Sau khi khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Ngay đêm hôm ấy, Tôn giả Bạt-ca-lê tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu nữa. Khi ấy vào cuối đêm, có hai vị trời thân hình rất đoan chánh, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân, đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Bạt-ca-lê bị khốn khổ vì bệnh hoạn, tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.”

Vị trời thứ hai thưa:

“Tôn giả Bạt-ca-lê kia đã được giải thoát bằng sự giải thoát khéo léo.”⁶⁹

Thưa những lời này xong cả hai cúi đầu lễ chân Phật, rồi biến mất.

Bấy giờ, vào lúc đêm đã qua, trời sáng, Thế Tôn trải tòa ngồi kiết già trước đại chúng bảo các Tỳ-kheo:

“Đêm qua có hai Thiên tử hình thể đoan chánh, đến chỗ Ta, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng qua một bên thưa: ‘Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim-sư bị khốn khổ vì tật bệnh, nên tư duy về giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.’ Vị trời thứ hai thưa: ‘Tôn giả Bạt-ca-lê kia đã được giải thoát bằng sự giải thoát khéo léo.’ Thưa những lời này xong, cúi đầu làm lễ rồi biến mất.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-ca-lê nói với Bạt-ca-lê rằng đêm qua có hai vị trời đến chỗ Ta cúi đầu đánh lễ, đứng lui qua một bên thưa với Ta rằng: ‘Tôn giả Bạt-ca-lê bị khốn khổ vì bệnh tật, nên tư duy đến sự giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu nữa.’ Vị trời thứ hai thưa: ‘Tôn giả Bạt-ca-lê kia đã được giải thoát bằng sự giải thoát khéo léo.’ Thưa những lời này xong liền biến mất. Đó là những lời của chư Thiên. Như Lai cũng nói lại với ông là, ông đối với thân này chớ khởi ham muốn thì mạng chung tốt lành, đời sau cũng sẽ tốt lành.”

⁶⁹. Pāli: so hi nūna, bhante, suvimutto vimuccissati, “vị ấy sẽ giải thoát với thiện giải thoát.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn, rồi đến phòng Bạt-ca-lê, tinh xá Kim-sư. Lúc ấy Bạt-ca-lê nói với người nuôi bệnh rằng:

“Các vị hãy mang giường dây tới và khiêng giùm thân tôi ra đặt ngoài cổng tinh xá⁷⁰. Tôi muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.”

Lúc đó có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đang đi kinh hành nơi đất trống. Tỳ-kheo được Phật sai đến chỗ các Tỳ-kheo, hỏi các Tỳ-kheo rằng:

“Thưa chư Tôn giả, Tỳ-kheo Bạt-ca-lê ở chỗ nào?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bảo thị giả khiêng giường dây ra ngoài tinh xá, muốn cầm dao tự sát, không thích sống lâu.”

Vị Tỳ-kheo được Phật sai, liền đến chỗ Bạt-ca-lê. Tỳ-kheo Bạt-ca-lê từ xa trông thấy Tỳ-kheo được sai đến, nói với những người nuôi bệnh:

“Hạ giường dây xuống đất. Tỳ-kheo đang vội đến kia, hình như được Thế Tôn sai đến.”

Thị giả liền hạ giường dây đặt xuống đất. Lúc ấy, Tỳ-kheo được sai kia nói với Bạt-ca-lê:

“Thế Tôn có lời dạy và các vị Thiên tử cũng có lời nói.”

Bấy giờ, Bạt-ca-lê nói với những người nuôi bệnh:

“Đỡ tôi xuống đất. Không nên ở trên giường mà nhận lãnh lời dạy Thế Tôn và những lời nói của chư Thiên.”

Lúc đó, thị giả liền đỡ Bạt-ca-lê xuống đất. Khi ấy, Bạt-ca-lê nói:

“Thầy có thể tuyên thị lời dạy của Thế Tôn và chư Thiên”.

Tỳ-kheo sử giả nói:

“Bạt-ca-lê, Đại Sư bảo thầy: ‘Đêm qua có hai vị Thiên tử đến nói với Ta là Tỳ-kheo Bạt-ca-lê bị khốn khổ vì bệnh tật nên tư duy đến giải thoát, muốn cầm dao tự sát, không muốn sống lâu.’ Vị trời thứ hai thì thưa: ‘Tỳ-kheo Bạt-ca-lê đã được giải thoát bằng thiện giải thoát.’ Nói những lời này xong liền biến mất. Thế Tôn lại ký thuyết cho Thầy: mạng chung được tốt lành, đời sau cũng tốt lành.”

⁷⁰. Pāli: isigilipassam kālasilā, lên núi Tiên nhân, trong hang Hắc thạch.

Bạt-ca-lê thưa:

“Tôn giả, Đại Sư khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy, hai vị Thiên kia cũng khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy. Nhưng hôm nay, tôi đối với sắc thân này là vô thường, quyết định không còn nghi ngờ. Vô thường là khổ, quyết định không còn nghi ngờ. Vô thường, khổ là pháp biến dịch, đối với chúng không gì đáng tham, không có gì đáng muốn, đã quyết định không còn nghi ngờ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nhưng hôm nay tôi bệnh tật đau đớn vẫn bám theo thân. Tôi dùng dao tự sát, không thích sống lâu.”

Nói rồi liền cầm dao tự sát. Bấy giờ vị Tỳ-kheo sứ giả cung đường thi thể Bạt-ca-lê xong trở về chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân, ngời lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã đem lời dạy của Thế Tôn nói lại cho Tôn giả Bạt-ca-lê, Tôn giả nói rằng: ‘Đại Sư đã khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy. Hai vị Thiên tử kia cũng khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy.’ ... *nói đầy đủ cho đến cầm dao tự sát.*”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo cùng đi đến tinh xá Kim-sư, chỗ thi thể của Bạt-ca-lê. thấy thi thể Bạt-ca-lê có sắc viễn ly. Thấy rồi liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông có thấy thi thể Bạt-ca-lê trên đất có sắc viễn ly không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có thấy.”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Có thấy quanh thi thể Bạt-ca-lê có bóng bao quanh bốn phía, vậy lấy thân thể không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đó là tượng của Ác ma đi quanh để tìm thần thức của thiện nam Bạt-ca-lê sẽ sanh về chỗ nào?”

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Thiện nam tử Bạt-ca-lê, với thân thức không sờ trứ mà cầm dao tự sát.”⁷¹

Bấy giờ, Thế Tôn vì Bạt-ca-lê nói lời thọ ký đệ nhất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1266. XIỂN-ĐÀ⁷²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la⁷³, bị nguy khốn vì tật bệnh. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la, đang bị nguy khốn vì bệnh tật, nghe rồi, nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la:

“Tôn giả biết không? Tỳ-kheo Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại tụ lạc Na-la, bị nguy khốn vì bệnh tật. Chúng ta nên cùng đến đó thăm.”

Ma-ha Câu-hi-la im lặng nhận lời. Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất cùng Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la đến phòng Tôn giả Xiển-đà, trong rừng Hảo y Am-la tại tụ lạc Na-la. Tôn giả Xiển-đà từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, vịn giường muốn đứng dậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Tôn giả Xiển-đà:

“Thầy đừng ngồi dậy.”

Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la ngồi xuống nơi giường khác, hỏi Tôn giả Xiển-đà:

“Thế nào, Tôn giả Xiển-đà, có kham nổi sự đau đớn không? Bệnh tăng hay giảm?” *Nói đầy đủ như kinh Xoa-ma trước.*⁷⁴

⁷¹. Pāli: appatitthitena ca, bhikkhave, viññāṇena vakkali kulaputto parinibbuto ti, “Thiện gia nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn với thức vô trụ.”

⁷². Pāli, S. 35. 87. Channa.

⁷³. Na-la tụ lạc, Hảo y Am-la, xem kinh 914.

⁷⁴. Xem kinh 103.

Tôn giả Xiển-đà thưa:

“Nay thân bệnh của tôi quá đau đớn, khó kham nhẫn được. Bệnh tiếp tục tăng chứ không giảm, chỉ muốn cầm dao tự sát, không thích sống khổ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Tôn giả Xiển-đà, thầy nên nỗ lực, chớ có tự hại mình. Nếu thầy còn sống, thì tôi sẽ tới lui chu toàn với thầy. Nếu thầy có thiếu gì, tôi sẽ cung cấp cho thầy, thuốc thang đúng pháp. Nếu thầy không có người nuôi bệnh, tôi sẽ chăm sóc thầy, làm cho thầy vừa ý, chẳng phải không vừa ý.”

Xiển-đà thưa:

“Tôi được các Gia chủ, các Bà-la-môn trong thôn Na-la đến chăm sóc và cúng dường y phục, mền nệm, đồ ăn thức uống, ngọc cụ, thuốc thang không thiếu thứ gì. Tôi cũng có đệ tử tu phạm hạnh, nuôi bệnh vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nhưng tôi bị đau khổ bức bách vì tật bệnh nên thân khó chịu đựng được nổi, chỉ muốn tự sát, không thích sống khổ.”

Xá-lợi-phất nói:

“Bây giờ, tôi hỏi thầy, cứ tùy ý trả lời tôi. Mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt, chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không.”

Lại hỏi Xiển-đà:

“Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ... ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý, chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, không.”

Xá-lợi-phất lại hỏi:

“Xiển-đà, ở nơi mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt, thầy thấy chúng thế nào, phân biệt chúng thế nào, biết chúng thế nào, mà bảo rằng mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Ở nơi mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt, tôi

thấy sự diệt tận. Vì biết diệt tận, nên thấy mắt, thức con mắt và sắc được nhận thức bởi mắt không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau.”

Lại hỏi Xiển-đà:

“Ở nơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ... ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý, thầy thấy chúng thế nào, biết chúng thế nào, mà đối với ý, ý thức cùng pháp thấy không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau?”

Xiển-đà đáp:

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ở nơi ... ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý, tôi thấy sự diệt tận. Vì biết diệt tận, nên ở nơi ... ý thức cùng pháp được nhận thức bởi ý nhận thấy không phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng hiện nay thân tôi đau khổ, không thể chịu nổi, muốn dùng dao tự sát, không muốn sống khổ.”

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hi-la nói với Tôn giả Xiển-đà:

“Nay thầy hãy tu tập chánh niệm nơi Đại Sư, như văn cú đã được nói: ‘Có sợ y thì dao động⁷⁵. Dao động thì có thú hưởng. Có thú hưởng thì không nghỉ ngơi. Không nghỉ ngơi thì qua lại theo các cõi. Qua lại theo các cõi thì có sanh tử trong vị lai. Có sanh tử trong vị lai thì có nổi chìm⁷⁶ vị lai. Có nổi chìm vị lai thì sẽ có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, tụ tập thuần đại khổ như vậy.’ Như văn cú đã được nói: ‘Không sợ y thì không dao động. Không dao động thì không có thú hưởng. Không có thú hưởng thì có dừng nghỉ. Có dừng nghỉ thì không qua lại các đường⁷⁷. Không qua lại các đường thì không nổi chìm trong vị lai. Không có nổi chìm trong vị lai thì không có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, não, khổ, thuần đại tụ tập khổ diệt như vậy.’”

⁷⁵. Pāli: nissitassa calitaṃ, anissitassa calitaṃ natthi, có y chỉ thì có dao động, không y chỉ thì không dao động. Số giải, SA. 2. 370: nissitasāti taṇhāmādiṭṭhīhi nissitassa, “y chỉ, tức là y chỉ với ái, mạn và kiến.”

⁷⁶. Nguyên Hán: xuất một 出沒, chỉ sanh ra và chết đi. Pāli: cutūpapāto.

⁷⁷. Pāli: calite asati pasaddhi hoti; passaddhiyā sati nati na hoti; natiyā asati agatigati na hoti, “không dao động thì có khinh an. Có khinh an thì không thiên hưởng. Không thiên hưởng thì không qua lại (các cõi thú).”

Xiển-đà thưa:

“Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, tôi cung dưỡng⁷⁸ Thế Tôn, phạm sự nay đã xong, tùy thuận Thiện Thệ nay đã hoàn tất, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Những việc cần làm của đệ tử, nay đã làm xong. Nếu có phạm sự nào khác của đệ tử cung dưỡng Đại Sư, thì cũng sẽ như vậy mà cung dưỡng Đại Sư, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Nhưng bây giờ, thân tôi đau khổ, không thể chịu nổi, chỉ muốn dùng dao tự sát, không muốn sống khổ.”

Bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà dùng dao tự sát ngay ở trong rừng Hảo y Am-la thôn Na-la. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất cung dưỡng xá-lợi của Tôn giả Xiển-đà xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo y Am-la, tại thôn Na-la, đã dùng dao tự sát. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tôn giả Xiển-đà kia sẽ đến đường nào? Thọ sanh thế nào? Đời sau ra sao?”

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Người kia đã chẳng tự ký thuyết rằng: ‘Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la, ‘Tôi cung dưỡng Thế Tôn, phạm sự nay đã xong, tùy thuận Thiện Thệ nay đã hoàn tất, vừa ý chẳng phải không vừa ý. Những việc cần làm của đệ tử, nay đã làm xong. Nếu có phạm sự cung dưỡng Đại Sư khác nữa, thì cũng sẽ như vậy mà cung dưỡng Đại Sư, vừa ý chẳng phải không vừa ý’ ư?”⁷⁹

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Thế Tôn:

“Tôn giả Xiển-đà kia, trước ở thôn Bà-la-môn Trấn-trân-ni⁸⁰, có nhà cung dưỡng, nhà thân hậu, nhà khéo nói năng.”⁸¹

⁷⁸. Cung dưỡng hay cúng dường, ở đây được hiểu là hầu hạ hay phụng sự.

⁷⁹. Pāli: Nanu... channena... anupavajjatā vyākatā, “há không phải Channa tự xác nhận là không đáng bị khiển trách (vì muốn tự sát)?” Trong bản Hán, đoạn trên, không có câu này.

⁸⁰. Trấn-trân-ni Bà-la-môn tụ lạc 鎮珍尼婆羅門聚落。Pāli: Pubbavijjhana, một thôn của người Vajji. Cf. M. iii. 266: Pubbajira. Bản Hán tách Pubba thành bất biến từ và tên thôn là Vijjhana.

⁸¹. Pāli: upavajjakulāni, (Sāriputta cho rằng) những gia đình (ở Pubbavijjhana) đáng bị khiển trách (vì sự tự sát của Channa). Bản Hán hiểu ngược lại: đáng được tán dương.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Như vậy, Xá-lợi-phất, thiện nam tử bằng chánh trí mà chân chánh khéo giải thoát, thì có nhà cung dưỡng, nhà thân hậu, nhà khéo nói năng. Nay Xá-lợi-phất, Ta không nói người kia⁸² có lỗi lớn. Nếu có người nào bỏ thân này để rồi tiếp tục thân khác, Ta mới nói người đó có lỗi lớn. Nếu có người nào bỏ thân này rồi không tiếp tục thân khác, Ta không nói người đó có lỗi lớn. Do không có lỗi lớn, Xiển-đà đã dùng dao tự sát ở thôn Na-la trong rừng Am-la.”⁸³

Như vậy, Thế Tôn vì Tôn giả Xiển-đà kia nói lời thọ ký đệ nhất.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ làm lễ rồi đi.



⁸². Chỉ Xiển-đà.

⁸³. Pāli: anupavajjam channena bhikkhunā sattham āharitan ti, Tỳ-kheo Channa cầm dao đến (tự sát) mà không có lỗi.”

TẬP A-HÀM QUYỂN 48

KINH 1267. SỬ LƯU¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử này bạch Phật:

“Thế Tôn, Tỳ-kheo², Tỳ-kheo vượt qua dòng xiết chãng?”

“Thiên tử! Đúng vậy.”

Thiên tử lại hỏi:

“Không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ, mà vượt qua dòng xiết chãng?”

Phật bảo:

“Thiên tử! Đúng vậy.”

Thiên tử lại hỏi:

“Không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng xiết, ý nghĩa ấy thế nào?”

Phật bảo:

“Này Thiên tử, Ta ôm chặt như vậy, như vậy, tiến thẳng như vậy, như vậy; không bị nước cuốn trôi. Không ôm chặt như vậy, như vậy, không tiến thẳng như vậy, như vậy, thì bị nước cuốn trôi³. Thiên tử, như vậy gọi là không chỗ vin duyên, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng xiết.”

¹. Đại Chánh, quyển 48, kinh 1267-1293. Ấn Thuận, “Tụng 5; 25. Tương ứng chur Thiên (tiếp theo Đại Chánh quyển 22, kinh 603).” Đại Chánh kinh 1267, tương đương Pāli, S. 1. 1. Cf. N^o100(180).

². Thiên thần này gọi Phật là “Tỳ-kheo”. Bản Hán dư từ Thế Tôn. Pāli: katham nu tvam, mārisa, oghamatarī? “Thưa Tôn giả, Ngài làm thế nào vượt qua dòng thác?”

³. Pāli: appatiṭṭham khvāham, āvuso, ayūham oghamataran’ti, “Ta không đình trú, không thẳng tiến (không cầu), mà vượt qua dòng thác.”

Khi ấy Thiên tử kia nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn
Đã đạt Bát-niết-bàn;⁴
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.⁵*

Thiên tử kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ chân Phật, rồi biến mất.

M

KINH 1268. GIẢI THOÁT⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia bạch Phật:

“Này Tỳ-kheo, biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng⁷ của tất cả chúng sanh bị đấm trước, bị tập khởi

4. Pāli: cirassa vata passāmi, brāhmaṇaṃ parinibbutaṃ, từ lâu rồi, tôi mới thấy vị Bà-la-môn tịch diệt.

5. Pāli: appatitthaṃ anāyūhaṃ, tiṇṇaṃ loke visattikaṃ ti, “không trú, không thẳng tiến, vượt qua ái dục trong đời.”

6. Pāli, S.1. 2. Nimokkha.

7. Pāli: sattānaṃ nimokkhaṃ pamokkhaṃ vivekaṃ, “(Biết) sự giải thoát, thẳng giải thoát, viễn ly. Số giải, SA. 1.21: nimokkhanti ādīni maggādinaṃ nāmāni; maggena hi sattā kilesabandhanato nimuccati, tasmā maggo sattānaṃ nimokkhoti vutto. phalakkhaṇe pana te kilesabandhanato pamuttā, tasmā phalaṃ sattānaṃ pamokkhoti vuttaṃ; nibbānaṃ patvā sattānaṃ sabbadukkhaṃ viviccati, tasmā nibbānaṃ viveko ti vuttaṃ, “Giải thoát (nimokkha, Hán: quyết định giải thoát) là tên gọi đầu tiên của sơ Thánh đạo. Bằng Thánh đạo, các chúng sanh giải thoát khỏi sự trói buộc của phiền não; do đó, Thánh đạo được nói là sự giải thoát của chúng sanh. Trong sát-na đặc quả, chúng hoàn toàn giải thoát khỏi các trói buộc của phiền não; do đó, quả chúng là thẳng giải thoát của chúng sanh. Sau khi đạt đến Niết-bàn, chúng sanh xa lìa tất cả khổ, do đó, Niết-bàn là sự viễn ly của chúng sanh.”

chăng?”

Phật bảo Thiên tử:

“Ta tất biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đấm trước, bị tập khởi.”

Thiên tử bạch Phật:

“Tỳ-kheo, làm thế nào để biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đấm trước, bị tập khởi?”

Phật bảo Thiên tử:

“Ái, hỷ diệt tận, tâm Ta giải thoát. Do tâm đã giải thoát nên biết sự quyết định giải thoát, giải thoát rộng, giải thoát cực rộng của tất cả chúng sanh bị đấm trước, bị tập khởi.”

Khi ấy Thiên tử kia nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1269. CHIÊN-ĐÀN⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử ấy bạch Phật:

*Ai vượt các dòng thác,
Ngày đêm siêng tinh tấn;
Không vin cũng không trụ,
Nhiễm gì mà không dính?⁹*

⁸. Pāli, S. 2. 15. Candana; N^o100(178).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
Trí tuệ, khéo chánh thọ;¹⁰
Trong tư duy, buộc niệm,
Qua nạn, vượt các dòng.
Nơi dục tưởng không ham,
Nơi sắc kết vượt qua;
Không bám cũng không trụ,
Nơi nhiễm cũng không dính.¹¹*

Khi ấy Thiên tử lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.*

Sau khi Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1270. CÂU-CA-NI (1)¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Câu-ca-ni là con gái của Quang minh thiên¹³, dung sắc tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đi đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc.

⁹. Pāli: ko gambīre na sīdati? Ai không chìm sâu?

¹⁰. Pāli: paññāvā susamāhito, bằng trí tuệ mà khéo léo nhập định.

¹¹. Pāli: nandīrāgaparikkhīṇo, gambīre na sīdati, người đã diệt tận hỷ tham không bị chìm sâu.

¹². Cf. N^o100(269).

¹³. Câu-ca-ni, Quang minh thiên nữ 拘迦尼, 光明天女。Đoạn sau, nói là Câu-ca-na-sa. N^o100(269): Câu-ca-ni-sa, Ba-thuần-đề nữ 求迦尼婆, 波純提女。Xem kinh 1273.

Lúc ấy, Thiên nữ Câu-ca-ni nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Phật bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy!”

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thiên nữ Câu-ca-ni nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

Bấy giờ, Thế Tôn, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, vào giữa Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỷ-kheo:

“Cuối đêm qua, có Thiên nữ Câu-ca-ni, dung sắc tuyệt diệu đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Ta liền đáp: ‘Đúng vậy! Đúng vậy!’”

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,*

Cùng hòa hợp phi nghĩa.

“Khi nói những lời này, Thiên nữ Câu-ca-ni nghe những gì Ta nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ sát chân Ta, liền biến mất.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1271. CÂU-CA-NI (2)¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

“Nay tôi sẽ nói kinh Tứ cú pháp, hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các thầy mà nói. Thế nào là kinh Tứ cú pháp?”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Này các Tỳ-kheo, đó gọi là kinh Tứ cú pháp.”

Khi ấy, cách Tôn giả A-nan không xa, có một Bà-la-môn đang dạy các Bà-la-môn thiếu niên đọc tụng kinh. Bấy giờ, Bà-la-môn kia tự nghĩ: ‘Bài kệ mà Sa-môn A-nan đã nói, đối với kinh mà ta đã nói, thì đó là phi nhân¹⁵ nói.’ Bà-la-môn kia liền đến chỗ Phật, sau khi chào hỏi, ủy lạo Thế Tôn xong, ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, Sa-môn A-nan đã nói kệ rằng:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng, trong đời.
Năm dục đều hư vọng.*

¹⁴. Xem kinh 1270.

¹⁵. Phi nhân, đây chỉ chư Thiên.

*Chánh trí, chánh buộc niệ̣m.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghị̃a.*

“Những điều được nói như vậy, thật sự đó là lời của phi nhân, không phải của người.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Bà-la-môn, đó là phi nhân nói không phải người nói.

“Bấy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-ni đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên, nói kệ rằng:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệ̣m.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghị̃a.*

“Ta liền trả lời:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như Thiên nữ đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng.
Chánh trí, chánh buộc niệ̣m.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghị̃a.*

“Cho nên Bà-la-môn, nên biết, những điều trong bài kệ này nói là do phi nhân nói, không phải người nói.”

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, ra về.

M

KINH 1272. CÂU-CA-NI (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, thành Vương xá. Bấy giờ,

có Thiên nữ Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên, phát ra ánh chớp lớn sáng rực, quy Phật, quy Pháp, quy Tỳ-kheo Tăng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc, ở trước Phật, liền nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.”*

Bấy giờ, Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

Khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn vào giữa Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, Thiên nữ Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên, đến chỗ Ta, cúi đầu đánh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Lúc ấy, Ta liền đáp:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như những gì người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
 Và thân, miệng; trong đời
 Năm dục đều hư vọng,
 Chánh trí, chánh buộc niệm.
 Không tập cận các khổ,
 Cùng hòa hợp phi nghĩa.
 Thiên nữ Câu-ca-na,
 Ánh chớp sáng rực rỡ;
 Kính lễ Phật, Pháp, Tăng,
 Nói kệ nghĩa lợi ích.*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1273. CÂU-CA-NI (4)¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Sơn cốc, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có Câu-ca-na-sa là con gái của Quang minh thiên¹⁷, phóng ra điện chớp, ánh sáng chói lọi, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân kia tỏa ra ánh sáng chiếu khắp Sơn cốc, ở trước Phật, liền nói kệ:

*Con có thể diễn rộng,
 Chánh pháp luật Như Lai;
 Nhưng nay chỉ nói lược,
 Đủ để tỏ lòng con.
 Tâm kia không tạo ác,
 Và thân, miệng; trong đời*

¹⁶. Pāli, S. 1. 40. Pajjunadhīta (2) (Vân thiên Công chúa); N^o100(271).

¹⁷. Câu-ca-na-sa thiên nữ, Quang minh chi thiên nữ 拘迦那娑天女, 光明之天女。Pāli: Kokanadā Pajjunassa dhīta, Kokanadā, con gái của Pajjuna (Hồng Liên, hay Vân Thiên công chúa). Pajjuna, thần mưa; có hai người con gái: Kokanadā và Cūḷa-Kokanadā.

*Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như lời người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ, liền biến mất.

Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ Thế Tôn vào trước Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi giữa đại chúng, bảo các Tỷ-kheo:

“Cuối đêm qua, Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại đến chỗ Ta, cung kính làm lễ, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Con có thể diễn rộng,
Chánh pháp luật Như Lai;
Nhưng nay chỉ nói lược,
Đủ để tỏ lòng con.
Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Lúc ấy, Ta trả lời:

“Đúng vậy Thiên nữ! Đúng vậy Thiên nữ! Như lời người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.*

*Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

“Thiên nữ kia nghe những gì Ta nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Ta, liền biến mất.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1274. CÂU-CA-NI (5)¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên ao Di-hầu, trong giảng đường Trùng các, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có Thiên nữ Câu-ca-na-sa, Thiên nữ Châu-lô-đà¹⁹ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ra ánh sáng chiếu khắp cạnh bờ ao Di-hầu. Lúc này, Thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ bạch Phật:

*Đại Sư Đẳng Chánh Giác,
Ở nước Tỳ-xá-ly.
Câu-ca-na, Châu-lô,
Xin cung kính đánh lễ.
Xưa con chưa từng nghe,
Chánh pháp luật Mâu-ni;
Nay đích thân được gặp,
Hiện tiền nói chánh pháp.
Nếu đối pháp luật Thánh,
Ác tuệ sanh chán ghét,
Ắt sẽ rơi đường ác,
Chịu các khổ lâu dài.
Nếu đối pháp luật Thánh,
Chánh niệm đủ luật nghi,*

¹⁸. Pāli, S. 1. 39. Pajjuna-dhīṭā(1)

¹⁹. Châu-lô-đà 朱盧陀。Pāli: Cūḷa-Kokanadā (Tiểu Hồng Liên), em gái của Kokanadā; xem kinh 1273.

*Người kia sanh lên Trời,
Được an vui lâu dài.*

Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Thế Tôn bảo Thiên nữ:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì các người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
Và thân, miệng; trong đời
Năm dục đều hư vọng,
Chánh trí, chánh buộc niệm.
Không tập cận các khổ,
Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Các Thiên nữ kia nghe những gì Phật dạy hoan hỷ, tùy hỷ, rồi biến mất.

Qua sáng sớm hôm sau, bấy giờ Thế Tôn vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ mà ngồi, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua có hai Thiên nữ nhan sắc tuyệt vời, đến chỗ Ta, vì Ta làm lễ, ngồi lui qua một bên, Thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ:

*Đại Sư Đấng Chánh Giác,
Ở nước Tỳ-xá-ly;
Con Câu-ca-na-sa,
Và cùng Châu-lô-đà;
Hai Thiên nữ chúng con,
Đảnh lễ sát chân Phật.
Xưa con chưa từng nghe,
Chánh pháp luật Mâu-ni;
Nay mới thấy Chánh giác,
Diễn nói pháp vi diệu.
Nếu đối pháp luật Thánh,*

*Chán ghét trụ ác tuệ;
 Ất rơi vào đường ác,
 Chịu khổ lớn lâu dài.
 Nếu đối pháp luật Thánh,
 Chánh niệm đủ luật nghi;
 Sanh lên Trời, đường lành,
 Được an vui lâu dài.*

Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ:

*Tâm kia không tạo ác,
 Và thân, miệng; trong đời
 Năm dục đều hư vọng,
 Chánh trí, chánh buộc niệm.
 Không tập cận các khổ,
 Cùng hòa hợp phi nghĩa.*

Lúc ấy, Ta đáp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì người đã nói:

*Tâm kia không tạo ác,
 Và thân, miệng; trong đời
 Năm dục đều hư vọng,
 Chánh trí, chánh buộc niệm.
 Không tập cận các khổ,
 Cùng hòa hợp phi nghĩa.”*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, phụng hành.

M

KINH 1275. XÚC²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một

²⁰. S. 1. 22. Phussati; N^o100(273).

bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử kia nói kệ:

*Không xúc, không báo xúc²¹,
Có xúc, có báo xúc.
Do vì xúc, báo xúc,
Không sân, không rời sân.²²*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đừng đối người không sân,
Chống lại bằng sân hận.
Bậc Chánh sĩ thanh tịnh,
Lià các phiền não kết,
Với họ khởi tâm ác,
Tâm ác trở lại mình.
Như nghịch gió tung bụi,
Bụi kia lại dính mình.²³*

Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

-
- ²¹. Pāli: nāphusataṃ na phussati, cái phi xúc không xúc. Số giải, SA. 1. 48: kammaṃ aphasantaṃ, vipako na phusati, nghiệp là phi xúc; dị thực, nó không xúc.
- ²². Pāli: tasmā phusantaṃ phusati, appaduṭṭhapadosinan ti, vì vậy cái xúc chạm nó xúc chạm người nào gây sự tà ác cho người vô tội. Bản Hán hiểu padosin là sự sân hận thay vì là người gây sự tà ác.
- ²³. Xem Pháp cú 125, Pāli: yo appaduṭṭhassa narassa dussati, suddhassa posassa anaṅgaṇassa, tam eva bālaṃ pacceti pāpaṃ; sukkhūmo rajo paṭivātaṃvā khitto. “Ai gây ác cho người vô tội, người thanh tịnh, không tì vết, ác báo rơi trở lại chính kẻ ngu ấy, như ngược gió tung bụi.”

KINH 1276. AN LẠC²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử ấy nói kệ:

*Việc làm người ngu si,
Không hợp với trí tuệ;
Việc ác do mình làm,
Là bạn ác của mình.
Tạo ra nhiều ác hành,
Cuối cùng chịu báo khổ.*

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đã tạo nghiệp bất thiện,
Cuối cùng chịu khổ não;
Tạo nghiệp tuy hoan hỷ,
Thọ báo thì kêu khóc.
Người tạo các nghiệp thiện,
Cuối cùng không khổ não;
Khi tạo nghiệp hoan hỷ,
Khi thọ báo an vui.*

Khi ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

²³. S.2. 22. Khema.

KINH 1277. HIỀM TRÁCH²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử kia nói kệ:

*Không thể chỉ nói suông,
Cũng không một mực nghe,
Mà đạt được đạo tịch,
Kiên cố thẳng vượt qua.
Tư duy khéo tịch diệt,
Giải thoát các ma phược.
Làm được mới đáng nói;
Không được, không nên nói.
Người không làm mà nói,
Thì người trí biết sai.
Không làm điều nên làm;
Không làm mà nói làm,
Là đồng với giặc quấy.*

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

“Nay ông có điều gì hiềm trách chăng?”²⁶

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con hối lỗi. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi.”

Bấy giờ, Thế Tôn mỉm cười vui vẻ. Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Nay con xin hối lỗi,
Thế Tôn không nạp thọ;*

²⁵. S. 1. 35. Ujjhānasaññino; N^o100(275).

²⁶. Số giải của Pāli, SA. 1. 64, các Thiên thần này bất bình về sự thọ dụng bốn duyên của Phật: Phật ca ngợi người sống với y phẩn tảo, ngủ dưới gốc cây..., nhưng chính Ngài lại khoác y thượng hạng, sống tại trú xứ như cung điện vua.

*Trong lòng ôm tâm ác,
Oán hờn mà không bỏ.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chỉ nói lời hối lỗi,
Trong tâm kia không dừng;
Làm sao dứt được oán,
Mà gọi là tu thiện?*

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Ai không có lỗi kia?
Người nào không có tội?
Ai lại không ngu si?
Ai thường hay kiên cố?*

Thiên tử kia lại nói kệ tiếp:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1278. CÙ-CA-LÊ²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù-ca-lê²⁸ là bè đảng Đề-bà-đạt-đa, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Cù-ca-lê:

“Này Cù-ca-lê, vì sao đối với phạm hạnh thanh tịnh của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, người khởi tâm không thanh tịnh, để sẽ phải chịu khổ não lâu dài, không lợi ích.”

²⁷. Sn.3. 10. Kokāliya; N^o100(276).

²⁸. Cù-ca-lê 瞿迦梨。Pāli: Kokāliya.

Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con tin lời Thế Tôn, những điều đó là đúng. Nhưng tâm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có ác dực.”

Nói như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa ở chỗ Thế Tôn, trong khi nói lại lần thứ ba, chống đối, không nhận chịu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Sau khi đứng dậy bỏ đi, khắp người ông nổi đầy mụn nhọt giống như trái lật, dần dần to lên như trái đào. Khi ấy Tỳ-kheo Cù-ca-lê đau đớn thống khổ, miệng kêu lên: ‘Nóng quá! Nóng quá!’ Máu mủ chảy ra, thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục lớn Bát-đàm-ma²⁹.

Bấy giờ, có ba vị Thiên tử dung mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, một Thiên tử bạch Phật:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa nay mạng chung.”

Thiên tử thứ hai thưa:

“Chư tôn nên biết, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục.”

Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

*Con người sanh ở đời,
Búa sanh từ trong miệng,
Trở lại chém thân mình,
Đó do lời nói ác.
Đáng chê lại khen ngợi;
Đáng khen ngợi lại chê.
Tội này sanh nơi miệng,
Chết rơi vào đường ác.
Cờ bạc mất hết của,
Phải quấy là lỗi lớn;
Hủy Phật cùng Thanh văn,
Thì đó là tội lớn.*

Ba vị Thiên tử kia nói kệ này rồi liền biến mất. Qua sáng sớm

²⁹. Bát-đàm-ma 鉢曇摩。Pāli: Paduma (sen đỏ) tên địa ngục.

hôm sau, bấy giờ Thế Tôn đi vào trong Tăng, trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, có ba vị Thiên tử đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên. Thiên tử thứ nhất thưa Ta rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa nay mạng chung.

“Thiên tử thứ hai nói với chư Thiên khác rằng:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung, rơi vào địa ngục.”

“Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

*“Con người sanh ở đời,
Búa sanh từ trong miệng,
Trở lại chém thân mình,
Đó do lời nói ác.
Đáng chê lại khen ngợi,
Đáng khen ngợi lại chê.
Tội này sanh nơi miệng,
Chết rơi vào đường ác.”*

“Sau khi nói kệ này rồi liền biến mất.

“Này các Tỳ-kheo, các ông có muốn nghe kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh sanh vào địa ngục A-phù-đà³⁰ không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay chính đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì đại chúng nói về kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thí như tại nước Câu-tát-la bốn thặng là một a-la, bốn a-la là một độc-lung-na, mười sáu độc-lung-na là một xà-ma-na, mười sáu xà-ma-na là một ma-ni, hai mươi ma-ni là một khứ-lê³¹, hai mươi khứ-lê

³⁰. A-phù-đà 阿浮陀。Pāli: abbuda.

³¹. Các đơn vị đo lường: A-la 阿羅; độc-lung-na 獨籠那; xà-ma-na 闍摩那; ma-ni 摩尼; khứ-lê 佉梨。Pāli: khārika. Số giải, 4 patthā = 1 āḷhaka; 4 āḷhaka = 1 doṇa; 4 doṇa = 1 māṇika; 4 māṇika = 1 khāri.

là một kho hạt cải đầy trong đó³². Giả sử, nếu có người, cứ một trăm năm lấy một hạt cải, như vậy cho đến khi hết sạch kho hạt cải đầy kia, thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà vẫn chưa hết. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-phù-đà như vậy bằng một thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục Ni-la-phù-đà³³. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ni-la-phù-đà bằng thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-tra-tra³⁴. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-tra-tra bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-ba-ba³⁵. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-ba-ba bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-hưu-hưu³⁶. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-hưu-hưu bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ưu-bát-la³⁷. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ưu-bát-la bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Bát-đàm-ma. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Bát-đàm-ma bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma.

“Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma, vì Tỳ-kheo này đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sanh ác tâm phỉ báng. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vậy: Ở nơi chỗ tìm đèn, mỗi lửa đang cháy kia còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có thức.”

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

³². Pāli: 20 khārika = 1 xe hạt cải (tilavāha).

³³. Ni-la-phù-đà 尼羅浮陀。Pāli: Nirabbuda.

³⁴. A-tra-tra 阿吒吒。Pāli: Aṭṭa.

³⁵. A-ba-ba 阿波波。Pāli: Ababa.

³⁶. A-hưu-hưu 阿休休。Pāli: Ahaha.

³⁷. Ưu-bát-la 優鉢羅。Pāli: Uppalaka.

KINH 1279.³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Thoái lạc, bị đánh bại
Làm sao mà biết được?
Cúi xin Thế Tôn nói,
Cửa bại vong thế nào?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chỗ thắng dễ biết được,
Chỗ bại biết cũng dễ;
Pháp lạc chỗ thắng xít,
Hủy pháp là bại vong.
Ưa thích tri thức ác,
Không ưa tri thức thiện;
Sanh oán kết bạn lành,
Đó gọi cửa bại vong.
Ưa thích người bất thiện,
Người thiện lại ganh ghét;
Muốn ác, không muốn thiện,
Đó gọi cửa bại vong.
Đấu, cân, lừa dối người,
Đó gọi cửa bại vong.
Đam mê rượu, cờ bạc,
Chơi bời mê nữ sắc;
Tiêu tan hết của cải,
Đó gọi cửa bại vong.
Người nữ không tự giữ,*

³⁸. Pāli, Sn.1.6. Parābhava. N^o100(277).

Bỏ chồng theo người khác;
 Người nam tính phóng đảng,
 Bỏ vợ theo ngoại sắc.
 Những gia đình như vậy,
 Đều đọa cửa bại vong.
 Vợ già lấy chồng trẻ,
 Tâm thường hay ghen ghét;
 Ghen ghét nằm không yên,
 Đó gọi cửa bại vong.
 Chồng già lấy vợ trẻ,
 Đọa bại vong cũng vậy.
 Thường thích mê ngủ nghỉ,
 Bạn bè cùng đi chơi.
 Biếng lười, ưa sân hận,
 Chúng rơi cửa bại vong.
 Nhiều cửa kết bạn bè,
 Ăn uống không điều độ;
 Tiêu tan nhiều cửa cải,
 Chúng rơi cửa bại vong.
 Ít cửa nhiều tham dục,
 Sanh vào nhà Sát-lợi;
 Thường mong làm vương giả,
 Đó là cửa bại vong.
 Cầu châu ngọc anh lạc,
 Giày da, che tàn lọng;
 Trang sức từ keo kiệt,
 Đó là cửa bại vong.
 Nhận thức ăn của người,
 Keo kiệt tiếc của mình;
 Không đáp ơn cho người,
 Đó là cửa bại vong.
 Sa-môn, Bà-la-môn,
 Cung thỉnh vào nhà mình;
 Keo lãn không cúng kíp,
 Đó là cửa bại vong.

*Sa-môn, Bà-la-môn,
 Thứ lớp đi khát thực;
 Quả trách không muốn cho,
 Đó là cửa bại vong.
 Cha mẹ nếu tuổi già,
 Không tùy thời phụng dưỡng;
 Có của mà không nuôi,
 Đó là cửa bại vong.
 Đối cha mẹ, anh em,
 Đánh đuổi và mạ nhục;
 Không tôn ti trật tự,
 Đó là cửa bại vong.
 Đối Phật và đệ tử,
 Tại gia cùng xuất gia;
 Hủy báng không cung kính,
 Đó là đọa cửa phụ.
 Thật chẳng A-la-hán,
 Tự xưng A-la-hán;
 Đó là giặc thế gian,
 Rơi vào cửa bại vong.
 Đó, bại vong ở đời,
 Ta thấy biết nên nói;
 Giống như đường hiểm sợ,
 Người trí phải lánh xa.*

Khi ấy Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
 Mau đạt Bát-niết-bàn;
 Qua rồi mọi sợ hãi,
 Vượt hẳn đời ái ân.*

Sau khi Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

KINH 1280.³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

*Gì xuống thấp, xuống theo,
Gì cất cao, cất theo;
Trẻ em chơi thế nào,
Như trẻ ném đất nhau?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái xuống thì xuống theo,
Ái lên thì lên theo;
Ái đùa đối kẻ ngu,
Như trẻ ném đất nhau.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1281.⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo rất đẹp đẽ, vào lúc

³⁹. Cf. N^o100(278).

⁴⁰. S. 1.24 Nanonivāraṇā; N^o100(279).

cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

*Quyết định để ngăn chặn,
Ý vọng tưởng mà đến;
Nếu người ngăn tất cả,
Thì nó không bức bách.⁴¹*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Quyết định để ngăn chặn,
Ý vọng tưởng mà đến;
Chẳng cần ngăn tất cả,
Chỉ ngăn nghiệp ác kia.⁴²
Khi ngăn ác kia rồi,
Không để nó bức bách.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1282.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên,

⁴¹. Pāli: yato yato mano nivāraye, na dukkhameti nam tato tato, nơi nào ý bị ngăn chặn, nơi ấy không đau khổ.

⁴². Pāli: yato yato ca pāpakam, tato tato mano nivāraye, nơi nào có sự ác, nơi đó ngăn chặn ý.

từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.
Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Làm sao được nổi danh?
Làm sao được của nhiều?
Làm sao đức lan rộng?
Làm sao được bạn lành?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trì giới được nổi danh,
Bố thí được của nhiều;
Đức chân thật lan khắp,
Ân huệ được bạn lành.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1283.⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Người tạo tác thế nào,
Trí tuệ để cầu tài;
Cùng nhiếp thọ tài sản,
Hoặc hơn, hoặc lại kém?*

⁴³. D.31. Sīgāḷaka. Cf. N^o26(135. Kinh Thiện Sanh), N^o1(16. Kinh Thiện Sanh), N^o100(281).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Mới học nghề nghiệp khéo,
 Tìm cách gom tài vật;
 Được tài vật kia rồi,
 Phải nên phân làm bốn.
 Một phần tự nuôi thân,
 Hai phần cho doanh nghiệp;
 Phần còn lại để dành,
 Nghĩ đến người thiếu thốn.
 Người kinh doanh sự nghiệp,
 Làm ruộng hay buôn bán;
 Chăn trâu, dê phồn thịnh;
 Nhà cửa dùng cầu lợi,
 Tạo phòng ốc giường nằm;
 Sáu thứ đồ nuôi sống,
 Phương tiện tạo mọi thứ;
 An lạc sống suốt đời.
 Khéo tu nghiệp như vậy,
 Trí tuệ dùng cầu tài;
 Cửa báu theo đó sanh,
 Như các dòng về biển.
 Tài sản nhiều như vậy,
 Như ong gom vị ngọt;
 Ngày đêm của tăng dân,
 Như kiến đồn đống mồi.
 Không giao của người già,
 Không gởi người bên cạnh;
 Không tin người gian xảo,
 Cùng những người keo lẩn.
 Gân gũ người thành công,
 Xa lìa người thất bại;
 Người thường thành công việc,
 Giống như lửa cháy bùng.
 Người quý trọng bạn lành,
 Thân mật theo người tốt;

*Đồng cảm như anh em,
Khéo đùm bọc lẫn nhau.
Ở trong vòng quyến thuộc,
Biểu hiện như trâu chừa;
Tùy chỗ cần mọi người,
Phân của cho ăn uống;
Khi tuổi hết mạng chung,
Sanh về trời hưởng lạc.*

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi biến mất.

M

KINH 1284.⁴⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ ở Câu-tát-la có một người đánh đàn tên là Thô Ngưu, du hành trong nhân gian tại nước Câu-tát-la, dừng nghỉ ở chỗ vắng. Bấy giờ, có sáu Thiên nữ từ cung trời rộng lớn, đến chỗ người đánh đàn Thô Ngưu nước Câu-tát-la, nói với người đánh đàn Thô Ngưu rằng: ‘Thưa Cậu, Cậu hãy vì chúng tôi đánh đàn, chúng tôi sẽ ca múa theo.’”

Người đánh đàn Thô Ngưu nói:

“Được vậy, các chị em! Tôi sẽ vì các chị em mà đánh đàn. Nhưng các chị em hãy nói với tôi, các chị là ai, ở đâu đến đây?”

Thiên nữ nói:

“Cậu cứ khảy đàn đi, chúng tôi sẽ ca múa, ở trong những lời ca

⁴⁴. Jā. 243. Guttīla; N^o100(282).

tụng, sẽ tự nói lên nhân duyên ở đâu đến đây.”

Người đánh đàn Tô Ngưu kia liền khảy đàn, còn sáu Thiên nữ kia liền ca múa theo.

Thiên nữ thứ nhất nói kệ ca rằng:

*Nếu người nam, người nữ,
Bố thí y thắng diệu;
Vì nhân duyên thí y,
Chỗ sanh được thù thắng.
Vật yêu thích đem cho,
Theo ý muốn sanh Thiên;
Thấy tôi ở cung điện,
Nương hư không đi dạo.
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ;
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong hồi hương.*

Thiên nữ thứ hai lại nói kệ:

*Nếu người nam, người nữ,
Bố thí hương thắng diệu;
Vật yêu mến vừa ý,
Theo ý muốn sanh Thiên.
Thấy tôi ở cung điện,
Nương hư không đi dạo;
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ.
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong hồi hương.*

Thiên nữ thứ ba lại nói kệ:

*Nếu người nam, người nữ,
Đem thức ăn bố thí;
Vật yêu mến vừa ý,
Theo ý muốn sanh Thiên.
Thấy tôi ở cung điện,
Nương hư không đi dạo;*

*Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ.
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong hồi hương.*

Thiên nữ thứ tư lại nói kệ:

*Nhớ lại những đời trước,
Từng làm tôi tớ người;
Không trộm, không tham ăn,
Siêng tu, không biếng nhác.
Vừa bụng tự điều thân,
Phần dư giúp người nghèo;
Thấy tôi ở cung điện,
Nương hư không đi dạo.
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ;
Xem xét phước đức này,
Là nhất trong cúng dường.*

Thiên nữ thứ năm lại nói kệ:

*Nhớ lại những đời trước,
Từng làm vợ con người;
Bố mẹ chồng hung bạo,
Thường thêm lời thô thiển.
Vẫn giữ lễ làm dâu,
Khiêm tốn và vâng thuận;
Thấy tôi ở cung điện,
Nương hư không đi dạo;
Thân trời như khối vàng,
Hơn trong trăm Thiên nữ.
Xem xét phước đức này,
Thứ nhất trong cúng dường.*

Thiên nữ thứ sáu lại nói kệ:

*Xưa từng thấy đường đi,
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni;
Theo họ nghe chánh pháp,*

*Một đêm giữ trai giới.
 Nay thấy ở cung điện,
 Nương hư không đi dạo;
 Thân trời như khối vàng,
 Hơn trong trăm Thiên nữ.
 Xem xét phước đức này,
 Thứ nhất trong hồi hướng.*

Bấy giờ, người đánh đàn Thô Ngưu nước Câu-tát-la nói kệ:

*Nay tôi may đến đây,
 Trong rừng Câu-tát-la;
 Thấy được các Thiên nữ,
 Thân trời thật tuyệt vời.
 Đã thấy lại được nói,
 Phải tu thêm thiện nghiệp;
 Nay duyên tu công đức,
 Cũng sẽ sanh lên trời.*

Nói những lời này xong, các Thiên nữ liền biến mất.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1285.⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì khởi nên diệt?
 Sanh gì phải phòng hộ?
 Pháp gì phải nên lìa?
 Đẳng quán vui được gì?*

⁴⁵. S. 1.71. Chetvā; N^o100(283).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sân nhuế khởi, nên diệt,
Tham sống, lo phòng hộ;
Vô minh, nên xa lìa,
Đẳng quán vui chân đế.
Dục sanh các phiền não,
Dục là gốc sanh khổ;
Người điều phục phiền não,
Thì điều phục các khổ.
Người điều phục các khổ,
Cũng điều phục phiền não.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1286.⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Nếu người hành phóng dật,
Lìa ác tuệ ngu si,
Thiền tư không phóng dật,
Có mau sạch các lậu?*

⁴⁶. S. 1.34. Nasanti, 36. Saddhā; N^o100(284).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Các sự việc thế gian
Không phải đều thuộc dục;
Tâm pháp theo giác tưởng,
Là dục của con người.⁴⁷
Mọi việc trong Thế gian,
Thường ở tại thế gian;⁴⁸
Trí tuệ tu thiên tư,
Ái dục điều phục hẳn.
Tin tưởng là bạn người,
Không tin, không vượt qua;
Tin, danh xưng mình tăng,
Mạng chung được sanh Thiên.
Đối thân tưởng hư không,
Danh sắc không bền chắc;
Người không đắm danh sắc,
Thì xa lìa chứa nhóm.
Quán nghĩa chân thật này,
Như giải thoát ai mãi;
Do vì trí tuệ này,
Đời khen ngợi cúng dường.
Hay đoạn các tạp tưởng,
Thoát khỏi dòng sanh tử;
Vượt qua các dòng rồi,
Đó gọi là Tỳ-kheo.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

⁴⁷. Pāli: na santi kāmā manujesu niccā, santīdha kamanīyāni yesu baddho, các dục trong đời vốn không thường. Ai ở đó có ái lạc, kẻ đó bị trói buộc.

⁴⁸. Pāli: tiṭṭhanti citrāni tatheva loka: Những vật đa dạng vẫn tồn tại như vậy trong đời.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1287.⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Cùng ở chung người nào,
Lại cùng ai cộng sự;
Biết pháp của những ai,
Là thù thắng không ác?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Cùng đạo chung Chánh sĩ,
Cùng Chánh sĩ cộng sự;
Hiểu biết pháp Chánh sĩ,
Là thù thắng không ác.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

⁴⁹. S. 1.31. Sabbī; N^o100(285).

KINH 1288.⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

*Tham lẫn sanh trong tâm,
Không thể hành bố thí.
Người minh trí cầu phước,
Mới thường hành bố thí.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sợ hãi không hành thí,
Thường sợ vì không thí;
Sợ hãi về đói khát,
Tham lẫn từ sợ sanh.
Đời này cùng đời khác,
Thường si, sợ đói khát;
Chết thì không ai theo,
Cô độc không tư lương.
Người ít của, hay thí,
Nhiều của khó cũng xả;
Khó xả mà hay xả,
Thì đó là thí khó.
Người vô tri không biết,
Người trí biết khó biết;
Đúng pháp nuôi vợ con,
Của ít tịnh tâm thí.
Hội thí trăm nghìn vật⁵¹*

⁵⁰. S. 1.32. Macchari; N^o100(286).

⁵¹. Hán: Bách thiên da thanh hội 百千耶盛會。Pāli: satam sahaṣṣānaṃ sahaṣṣayāginam.

*Phước lợi được từ đó,
 So với thí pháp trước,
 Không bằng phần mười sáu.
 Đánh, trói, hại chúng sanh,
 Tài vật được từ đó,
 Bố thí an cõi nước,
 Đó gọi thí có tội.
 So với thí bình đẳng,
 Cân lường nào sánh kịp;
 Đúng pháp không làm trái,
 Được tài vật đem cho;
 Khó thí mà hành thí,
 Đúng là Hiền thánh thí;
 Chỗ trụ thường được phước,
 Mạng chung sanh lên trời.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
 Mau đạt Bát-niết-bàn;
 Qua rồi mọi sợ hãi,
 Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1289.⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong thất đá, chỗ của quỷ thần Kim-bà-la, nơi núi Kim-bà-la, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn vừa bị cây thương vàng⁵³ đâm chân chưa bao lâu, nên khi cử động thân thể còn cảm thấy đau đớn; nhưng Ngài xả tâm chánh trí, chánh niệm, kham

⁵². S. 1.38. Sakalika; N^o100 (287).

⁵³. Hán: Kim thương 金鎗 (槍) 。 Pāli: sakalikā ya khato hoti: bị mảnh vụn (dằm cây) đâm.

nhẫn tự an, không có tướng thoái thất. Khi ấy có tám vị Thiên tử sơn thần tự nghĩ: ‘Hôm nay Thế Tôn đang ở trong thất đá chỗ của quý thần núi Kim-bà-la tại thành Vương xá. Ngài bị cây thương vàng đâm chân, cử động thấy đau, nhưng Ngài có thể xả tâm, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn tự an, không có tướng thoái thất. Chúng ta phải đến tán thán trước Ngài.’ Nghĩ rồi, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Vị Thiên thần thứ nhất nói kệ tán thán:

*Sa-môn Cù-đàm,
Sư tử giữa người;
Thân gặp thốn khổ,
Kham nhẫn tự an.
Chánh trí chánh niệm,
Không hề thoái thất.*

Thiên tử thứ hai lại tán thán:

*Bậc Đại sĩ đại long,
Bậc Đại sĩ ngưu vương;
Đại sĩ phu đồng lực,
Đại sĩ phu ngựa hay.
Đại sĩ phu thượng thủ,
Đại sĩ phu thù thắng.*

Thiên tử thứ ba lại tán thán:

*Sa-môn Cù-đàm này,
Sĩ phu Phân-đà-lợi⁵⁴;
Thân bị những thốn khổ,
Mà vẫn hành tâm xả.
Trụ chánh trí, chánh niệm,
Kham nhẫn để tự an;
Mà không hề thoái thất.*

Thiên tử thứ tư lại tán thán:

“Đối với Sa-môn Cù-đàm, nếu có những gì sĩ phu Phân-đà-lợi nói, mà hiềm trái phản lại, thì nên biết những người đó sẽ bị khổ mãi

⁵⁴. Hoa sen trong loài người.

mãi, không được lợi ích. Chỉ trừ người không biết chân thật.”

Thiên tử thứ năm lại nói kệ:

*Quán định, tam-muội kia,
Khéo trụ nơi chánh thọ;
Giải thoát lìa các trần,
Không hiện cũng không ẩn.
Tâm kia trụ an ổn,
Mà được tâm giải thoát.*

Thiên tử thứ sáu lại nói kệ:

*Dù trải năm trăm năm,
Tụng kinh Bà-la-môn;
Tinh cần tu khổ hạnh,
Không lìa trần giải thoát.
Thì là hàng thấp kém,
Không qua được bờ kia.*

Thiên tử thứ bảy lại nói kệ:

*Vì bị dục bức bách,
Trì giới là trói buộc;
Dù đồng mãnh khổ hạnh,
Trải qua một trăm năm.
Tâm kia không giải thoát,
Không lìa các trần cấu;
Thì là loại thấp kém,
Không qua đến bờ kia.*

Thiên tử thứ tám lại nói kệ:

*Tâm trụ dục kiêu mạn,
Không thể tự điều phục;
Không được định, tam-muội,
Chánh thọ của Mâu-ni.
Một mình ở rừng núi,
Tâm kia thường phóng dật;
Với quân ma chết kia,
Không qua được bờ kia.*

Sau khi tám Thiên tử sơn thần kia tán thán xong, đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1290.⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

*Rộng không gì hơn đất,
Sâu không gì qua biển;
Cao không bằng Tu-di,
Đại sĩ không Tỳ-nữ⁵⁶.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Rộng không gì hơn ái,
Sâu không gì qua bụng;
Cao không gì bằng kiêu,
Đại sĩ không hơn Phật.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

⁵⁵. N^o100(288).

⁵⁶. Tức Thần Viṇṇu, không gì cao cả hơn.

KINH 1291.⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Vật gì lửa không thiêu?
Gì gió không thể thổi?
Nạn lửa thiêu đại địa,
Vật gì không chảy tan?
Vua ác và giặc cướp,
Cưỡng đoạt tài vật người;
Người nam, người nữ nào,
Không bị họ tước đoạt?
Làm sao chứa trân bảo,
Cuối cùng không mất mát?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phước, lửa không thể thiêu,
Phước, gió không thể thổi;
Thủy tai hại trời đất,
Phước, nước không chảy tan.
Vua ác và giặc cướp,
Cưỡng đoạt của báu người;
Nếu người nam, người nữ,
Có phước không bị cướp.
Kho báu, báu phước lạc,
Cuối cùng không bị mất.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

⁵⁷. N^o100 (289).

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1292.⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Ai nên giữ tư lương?
Vật gì giặc không cướp?
Kẻ nào cướp thì ngăn,
Người nào cướp không ngăn?
Người nào thường đi đến,
Người trí tuệ hỷ lạc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người tín giữ tư lương,
Phước đức giặc không cướp.
Giặc cướp đoạt thì ngăn,
Sa-môn đoạt hoan hỷ.
Sa-môn thường đi đến,
Người trí tuệ mừng vui.*

Bấy giờ Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

⁵⁸. N^o100(290).

KINH 1293.⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử tướng mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Tất cả tướng ngăn che,
Biết tất cả thế gian;
An úy, vui tất cả,
Cúi xin Thế Tôn nói.
Thế nào là thế gian,
Những gì khó được nhất?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Làm chủ mà nhẫn nhục,
Không của, mà muốn thí;
Gặp khó mà hành pháp,
Phú quý tu viễn ly.
Bốn pháp ấy như vậy,
Thì đó là rất khó.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Mau đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ sát chân Phật, liền biến mất.



⁵⁹. N^o100 (292).

TẬP A-HÀM QUYỂN 49

KINH 1294. SỞ CẦU¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Sức lớn, vui tự tại,
Mọi sở cầu đều được;
Ai vượt trên vị kia,
Mọi mong cầu thỏa mãn?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sức lớn, vui tự tại,
Vị kia không sở cầu.
Nếu ai có mong cầu,
Thì khổ chẳng phải lạc.
Tìm cầu đã qua rồi,
Vị kia chỉ có lạc.*

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

¹. Đại Chánh quyển 49, Ấn Thuận, 25. Tương ưng Chư thiên tiếp theo. Kinh 1294, biệt dịch, N^o100(291).

KINH 1295. XE²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Xe khởi từ chỗ nào?
Ai có thể chuyển xe?
Xe chuyển đến nơi nào?
Có sao biến hoại mất?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Xe khởi từ các nghiệp.
Tâm thức chuyển dịch xe.
Tùy nhân mà chuyển đến.
Nhân hoại thì xe mất.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1296. SANH CON³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên;

². Biệt dịch, N⁰100(293).

³. Biệt dịch, N⁰100(294).

từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà.
Lúc ấy, Thiên tử kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con gái của vua Câu-lâu-đà là Tu-ba-la-đê-sa⁴,
hôm nay sanh con.”

Phật bảo Thiên tử:

“Đây là điều không tốt lành, chẳng phải là tốt lành!”

Thiên tử kia liền nói kệ:

*Người sanh con là vui.
Thế gian có con vui.
Cha mẹ tuổi già yếu,
Cần con để phụng dưỡng.
Vì sao Cù-đàm nói,
Sanh con là không tốt?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nên biết luôn vô thường,
Uẩn thuần không, chẳng con.
Sanh con thường bị khổ,
Người ngu nói là vui.
Cho nên Ta nói rằng,
Sanh con là chẳng tốt;
Không tốt mà như tốt,
Như yêu, chẳng đáng yêu.
Thật khổ, đáng tợ vui,
Bị phóng dật dẫm đạp.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ
dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁴. Câu-lũ-đà vương nữ Tu-ba-la-đê-sa 拘屢陀王女修波羅提沙。N^o100(294):
Tu-đa-mật-xa-cứ-đà 須多蜜奢锯陀。Không rõ Pāli.

KINH 1297. SỐ ⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Thế nào số được đếm?
Thế nào số không ẩn?
Thế nào số trong số?
Thế nào thuyết ngôn thuyết?*⁶

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phật pháp khó đo lường,
Hai dòng không hiển hiện.
Nếu danh và sắc kia,
Diệt tận hết không còn;
Đó là số được đếm.
Số kia không ẩn tàng.
Đó là số trong số,
Đó là thuyết danh số.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁵. Biệt dịch, N^o100(295).

⁶. Cf. N^o100(295): “Thế nào tự tính toán, không bị phiền não che? Thế nào được gọi là vĩnh viễn lìa các số?”

KINH 1298. VẬT GÌ⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Vật gì nặng hơn đất?
Vật gì cao hơn không?
Vật gì nhanh hơn gió?
Vật gì nhiều hơn cỏ?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Giới đức nặng hơn đất.
Mạn cao hơn hư không.
Hồi tưởng nhanh hơn gió.
Tư tưởng nhiều hơn cỏ.*

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn đời ái ân.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1299. GIỚI GÌ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc

7. Biệt dịch, N^o100(296).

8. Biệt dịch, N^o100(297).

cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Thiên tử kia nói kệ:

*Giới gì, oai nghi gì?
Đức gì, nghiệp là gì?
Người tuệ làm sao trụ?
Làm sao sanh về trời?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Xa lìa việc sát sanh,
Vui trì giới tự phòng;
Không sanh tâm gia hại,
Đó là đường sanh Thiên.
Không lấy của không cho,
Vui nhận của được cho;
Đoạn trừ tâm trộm cướp,
Đó là đường sanh Thiên.
Không phạm vợ người khác;
Xa lìa việc tà dâm;
Bằng lòng vợ riêng mình,
Đó là đường sanh Thiên.
Tự vì mình và người,
Vì của và cười đùa;
Không nói dối lừa gạt,
Là con đường sanh Thiên.
Đoạn trừ nói hai lưỡi,
Không ly gián bạn người;
Thường nghĩ hòa kia đây,
Là con đường sanh Thiên.
Xa lìa lời thô lỗ,
Lời dịu, không hại người;
Thường nói lời hay tốt,
Là con đường sanh Thiên.
Không nói lời phi giáo,
Không nghĩ, không lợi ích;*

Thường nói lời thuận pháp,
 Là con đường sanh Thiên.
 Tụ lạc hoặc đất trống,
 Thấy lợi, nói của ta;
 Không hành tướng tham này,
 Là con đường sanh Thiên.
 Tâm từ không tưởng hại,
 Không hại các chúng sanh;
 Tâm thường không oán kết,
 Là con đường sanh Thiên.
 Nghiệp khổ và quả báo,
 Cả hai đều tịnh tín;
 Thọ trì nơi chánh kiến,
 Là con đường sanh Thiên.
 Những thiện pháp như thế,
 Mời con đường tịnh nghiệp;
 Luôn giữ gìn kiên cố,
 Là con đường sanh Thiên.

Bấy giờ, Thiên tử kia lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,
 Đã đạt Bát-niết-bàn;
 Qua rồi mọi sợ hãi,
 Vượt hẳn đời ái ân.

Thiên tử kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1300. MẠNG⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thích Đề-hoàn Nhân, vào lúc cuối đêm, đến

⁹. S. 10. 1. Indaka; biệt dịch, N^o100(298).

chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ hỏi Phật:

*Pháp gì mạng không biết?
Pháp gì mạng không tỏ?¹⁰
Pháp gì xiềng xích mạng?
Pháp gì trói buộc mạng?¹¹*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sắc pháp mạng không biết,
Các hành mạng không tỏ;
Thân xiềng xích mạng kia,
Ái trói buộc mạng này.*

Thích Đề-hoàn Nhân lại nói kệ:

*Sắc chẳng phải là mạng,
Chư Phật đã từng nói.
Làm sao thuần thực được,
Nơi tạng sâu thẳm kia?
Làm sao trụ khối thịt,
Làm sao biết mạng thân?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ban đầu ca-la-la,¹²
Từ ca-la sanh bào;¹³
Từ bào sanh khối thịt,
Khối thịt thành dày cứng.
Thịt dày sanh tứ chi,
Và những thứ lông tóc;
Các căn tình gồm sắc,
Dần dần thành hình thể.*

¹⁰. Pāli: rūpaṃ na jīvanti vadanti buddhā, kathaṃ nvayaṃ vindatimaṃ sarīraṃ, “Chư Phật không nói mạng (jīva) là sắc, nhưng tại sao mạng có nơi thân này?”

¹¹. Pāli: kathaṃ nvayaṃ sajjati gabbasmim, làm sao trú trong thai?

¹². Ca-la-la 迦羅邏。Pāli: kalala, phôi mới kết.

¹³. Bào 胞。Pāli: abudda, phôi bào.

*Nhờ người mẹ ăn uống,
Nuôi lớn bào thai kia.*

Sau khi Thích Đề-hoàn Nhân nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1301. TRƯỜNG THẮNG¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Trường Thắng¹⁵ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

*Khéo học lời vi diệu,
Gần gũi các Sa-môn;
Một mình không bạn bè,
Chánh tư duy tĩnh mặc.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Khéo học lời vi diệu,
Gần gũi các Sa-môn;
Một mình không bạn bè,
Tịch mặc tĩnh các căn.*

Sau khi Thiên tử Trường Thắng kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1302. THI-TÌ¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước

¹⁴. Biệt dịch, N^o100(300).

¹⁵. Trường Thắng 長勝。N^o100(300), Tối Thắng trưởng giả 最勝長者。

¹⁶. S. 2. 21. Siva; N^o100(901). Túc thân Siva của Ấn độ giáo.

Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Thi-tù¹⁷ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Nên sống chung với ai?*¹⁸
Cộng sự cùng những ai?
Nên biết những pháp gì,
Càng thù thắng, phi ác?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Với Chánh sĩ cùng ở.*¹⁹
Cùng Chánh sĩ cộng sự.
Nên biết pháp Chánh sĩ,
Càng thù thắng, phi ác.

Sau khi Thiên tử Thi-tù kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1303. NGUYỆT TỰ TẠI²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Nguyệt Tự Tại²¹ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Nguyệt Tự Tại kia nói kệ:

Kia sẽ đến cứu cánh,
*Như muối nương theo cỏ.*²²

17. Thi-tì thiên tử 尸毘天子。Pāli: Sivo devaputto.

18. Nguyên bản: đồng chỉ 同止。Bản Thánh: đồng tâm 同心。

19. Pāli: Sabbhireva samāsetha, hāy ngòi chung với người thiện lương.

20. S. 2. 11. Candimasa; N^o100(302).

21. Nguyệt Tự Tại thiên tử 月自在天子。Pāli: Candimaso devaputto, chỉ thần mặt trăng.

22. Pāli: te hi sotthim gamissanti, kacche vāmakase magā, “họ sẽ đi đến chỗ an ổn, như những con nai trên đồng cỏ không muối. Bản Hán hiểu ngược: có muối.

*Nếu được chánh hệ niệm,
Nhất tâm khéo chánh thọ.²³*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Kia sẽ đến bờ kia,
Như cá cắn rách lưới.
Trụ thiền định đầy đủ,
Tâm thường đạt hỷ lạc.*

Sau khi Thiên tử Nguyệt Tự Tại kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1304. VI-NỰU²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Tỳ-sấu-nữ²⁵ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ:

*Cúng dường Đức Như Lai,
Thường tặng trưởng hoan hỷ.
An vui Chánh pháp luật,
Theo học không phóng dật.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu nói pháp như vậy,
Phòng hộ không phóng dật;
Vì nhờ không phóng dật,
Không bị ma chế ngự.*

²³. Pāli: Jhānāni upasampajja, ckodi nipakā satā, chúng nhập các thiền, chuyên tâm nhất cảnh.

²⁴. S. 2. 12. Veṇḍu; N^o100(303).

²⁵. Tỳ-sấu-nữ 毘瘦紐。Pāli: Veṇḍu devaputto, tức thần Viṇḍu của Ấn độ giáo.

Thiên tử Tỳ-sấu-nữ kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1305. BAN-XÀ-LA-KIỆN²⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ban-xà-la-kiền²⁷ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thiên tử kia nói kệ:

*Ở ngay chỗ ồn ào,
Bậc hiệt trí giác ngộ;
Giác ngộ bằng thiên giác,
Sức tư duy Mâu-ni.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Biết rõ pháp náo nhiệt,
Chánh giác được Niết-bàn.
Nếu được chánh hệ niệm,
Nhất tâm khéo chánh thọ.*

Sau khi Thiên tử Ban-xà-la-kiền kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1306. TU-THÂM²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Tu-thâm²⁹ cùng với năm trăm quyến

²⁶. S. 2. 7. Pañcālacaṇḍa; N^o100(304).

²⁷. Ban-xà-la-kiền 般闍羅捷。Pāli: Pañcālacaṇḍa.

²⁸. S. 2. 29. Susīma; N^o100(305).

²⁹. Tu-thâm thiên tử 須深天子。Pāli: Susīmo devaputto.

thuộc, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“A-nan, đối với pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm ông có hỷ lạc không?”

A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có vậy. Những người nào không ngu, không si, có trí tuệ, mà ở trong pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết, tâm lại không hỷ lạc? Vì sao? Vì Tôn giả Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít muốn, biết đủ, tinh cần viển ly, trụ vững chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo³⁰, hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỗi một.”

Phật bảo A-nan:

“Đúng thế! Đúng thế! Như những gì ông đã nói, A-nan! Vì những người không ngu, không si, có trí tuệ, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết các thứ pháp, mà ai lại không hỷ lạc! Vì sao? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trì giới, đa văn, ít muốn, biết đủ, tinh cần chánh niệm, trí tuệ, chánh thọ, trí tuệ siêu việt, trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ xuất ly, trí tuệ quyết định, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, thành tựu trí bảo, hay khéo giáo hóa, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; cũng thường tán thán việc khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, luôn vì tứ chúng thuyết pháp không mỗi một.”

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy!”

Thế Tôn hưởng về Tôn giả A-nan khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất

³⁰. Tán thán trí tuệ của Xá-lợi-phất: tiếp tạt trí tuệ, lợi trí tuệ, xuất ly trí tuệ, quyết định trí tuệ, đại trí tuệ, quảng trí tuệ, thâm trí tuệ, vô đẳng trí tuệ, trí bảo thành tựu 捷疾智慧·利智慧·出離智慧·決定智慧·大智慧·廣智慧·深智慧·無等智慧·智寶成就。Pāli: paṇḍito, mahāpaṇḍo, putthupaṇḍo, hāsapaṇḍo, javanapaṇḍo, tikkhapaṇḍo, nibbedikapaṇḍo.

khéo thuyết pháp như vậy, như vậy. Thiên tử Tu-thâm cùng quyến thuộc trong tâm hoan hỷ, từ thân hào quang càng thêm sáng chói, thanh tịnh như vậy, như vậy. Bấy giờ, Thiên tử Tu-thâm trong tâm hoan hỷ, từ thân phát ra ánh sáng thanh tịnh chiếu sáng, liền nói kệ:

*Xá-lợi-phát đa văn,
Trí sáng tuệ bình đẳng;
Trì giới, khéo điều phục,
Được Niết-bàn vô sanh.³¹
Thọ trì thân tối hậu,
Hàng phục các ma quân.*

Sau khi Thiên tử Tu Thâm cùng quyến thuộc nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1307. XÍCH MÃ³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Xích Mã³³, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ Thiên tử Xích Mã kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết chăng?”

Phật đáp Xích Mã:

“Không thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được.”

Thiên tử Xích Mã bạch Phật:

“Lạ thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa này! Như những gì Thế Tôn đã nói: ‘Không thể vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được.’ Vì sao? Bạch Thế Tôn, con tự nhớ kiếp

³¹. Nguyên Hán: bất khởi Niết-bàn 不起涅槃。

³². S. 2. 26. Rohita; N^o100(306).

³³. Xích Mã 赤馬。Pāli: Rohitassa.

trước tên là Xích Mã, làm Tiên nhân ngoại đạo, đắc thần thông, lia các ái dục. Lúc đó, con tự nghĩ: ‘Ta có thần túc nhanh chóng như vậy, giống như kiện sĩ, dùng mũi tên nhọn trong khoảnh khắc bắn xuyên qua bóng cây đa-la, có thể lên một núi Tu-di đến một núi Tu-di, cất bước từ biển Đông đến biển Tây.’ Lúc ấy con tự nghĩ: ‘Nay ta đạt được thần lực nhanh chóng như vậy, hôm nay có thể tìm đến biên tế của thế giới được chăng?’ Nghĩ vậy rồi liền khởi hành, chỉ trừ khi ăn, nghỉ, đại tiểu tiện và giảm bớt ngủ nghỉ, đi mãi đến một trăm năm, cho tới khi mạng chung, rốt cuộc không thể vượt đến biên tế của thế giới, đến nơi không sanh, không già, không chết.”

Phật bảo Xích Mã:

“Nay Ta chỉ bằng cái thân một tâm để nói về thế giới, về sự tập khởi của thế giới, về sự diệt tận của thế giới, về con đường đưa đến sự diệt tận của thế giới. Nay Thiên tử Xích Mã, thế giới là gì? Là năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm, thọ thọ ấm, tưởng thọ ấm, hành thọ ấm, thức thọ ấm. Đó gọi là thế giới.

“Thế nào là sự tập khởi sắc? Ái đương lai hữu³⁴, câu hữu với hỷ tham, ưa thích chỗ này chỗ kia. Đó gọi là sự tập khởi của thế giới.

“Thế nào là sự diệt tận thế giới? Sự diệt tận của ái đương lai hữu, câu hữu với hỷ tham, ưa thích chỗ này chỗ kia; đoạn tận, xả ly không còn sót, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh. Đó gọi là sự diệt tận thế giới.

“Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh trí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới.

“Này Xích Mã, biết khổ thế giới, đoạn khổ thế giới; biết sự tập khởi thế giới, đoạn sự tập khởi thế giới; biết sự diệt tận thế giới, chứng sự diệt tận thế giới; biết con đường đưa đến sự diệt tận thế giới, tu con đường đưa đến sự diệt tận thế giới. Nay Xích Mã, nếu Tỳ-kheo nào đối với khổ thế giới, hoặc biết hoặc đoạn; sự tập khởi thế giới, hoặc biết hoặc đoạn; sự diệt tận thế giới, hoặc biết hoặc

³⁴. Đương lai hữu ái 當來有愛 ; tham ái về sự tồn tại trong tương lai, cùng tồn tại với hỷ tham. ước muốn sẽ sanh chỗ này hay chỗ kia trong tương lai.

chứng; con đường đưa đến sự diệt tận thế giới, hoặc biết hoặc tu, thì này Xích Mã, đó gọi là đạt đến biên tế thế giới, qua khỏi ái thế gian.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ lập lại:

*Không bao giờ dạo xa,
Mà đến biên thế giới.
Chưa đến biên thế giới,
Trọn không hết biên khổ.
Vì vậy nên Mâu-ni,
Biết biên tế thế giới.
Khéo rõ biên thế giới,
Các phạm hạnh đã lập.
Đối biên thế giới kia,
Bình đẳng mà giác tri;
Đó gọi hạnh Hiền thánh,
Qua bờ kia thế gian.*

Sau khi Thiên tử Xích Mã nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1308. NGOẠI ĐẠO³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú bên núi Tỳ-phú-la, thành Vương xá, có sáu Thiên tử, vốn là xuất gia ngoại đạo. Một tên là A-tỳ-phù, hai là Tăng thượng A-tỳ-phù, ba là Năng Cầu, bốn là Tỳ-lam-bà, năm là A-câu-tra, sáu là Ca-lam³⁶, đến chỗ Phật.

Thiên tử A-tỳ-phù nói kệ:

*Tỳ-kheo chuyên chú tâm,
Thường tu hạnh yếm ly;
Ở đầu đêm, cuối đêm,*

³⁵. S. 2. 30. Nānātitthiyā.

³⁶. Các Thiên thân: 阿毘浮·增上阿毘浮·能求·毘藍婆·阿俱吒·迦藍。 Danh sách Pāli: Asamo, Sahali, Nīko, Ākoṭako, Vegabbhari, Mānavagāmiyo.

*Tư duy khéo tự nhiếp,
Thấy nghe những lời kia,
Không rơi vào địa ngục.*

Thiên tử Tăng thượng A-tỳ-phù lại nói kệ:

*Yếm ly chỗ đen tối,
Tâm thường tự nhiếp hộ;
Vĩnh viễn lìa thế gian,
Tranh ngôn ngữ, luận pháp.
Theo Đại Sư Như Lai,
Xin thọ pháp Sa-môn;
Khéo nhiếp hộ thế gian,
Không tạo các điều ác.*

Thiên tử Năng Cầu lại nói kệ:

*Đoạn hẳn đánh, đập, giết,
Cúng dường cho Ca-diếp;
Không thấy đó là tội,
Cũng không thấy là phước.*

Thiên tử Tỳ-lam-bà lại nói kệ:

*Con nói Ni-càn kia,
Ngoại đạo Nhã-đề Tử³⁷;
Xuất gia, hành học đạo,
Thường luôn tu hạnh khó.
Đối đồ chúng Đại Sư,
Xa lìa lời nói dối.
Con nói người như vậy,
Không xa bậc La-hán.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Con hồ ly gây chết,
Thường đi cùng sư tử,
Suốt ngày, vẫn nhỏ, yếu,
Không thể thành sư tử.*

³⁷. Ni-càn Nhã-đề Tử.

*Chúng Đại sư Ni-càn,
Hư vọng tự xưng tán;
Là nói dối ác tâm,
Cách rất xa La-hán.*

Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần dựa vào Thiên tử A-câu-tra nói kệ:

*Tinh cần bỏ tối tăm,
Thường giữ gìn viễn ly;
Đắm nhiễm sắc vi diệu,
Ham thích cõi Phạm thế.
Ta giáo hóa chúng này,
Để được sanh Phạm thiên.*

Khi ấy Thế Tôn liền tự nghĩ: ‘Bàì kệ mà Thiên tử A-câu-tra đã nói này, là do Thiên ma Ba-tuần thêm sức vào, chứ không phải do tự tâm Thiên tử A-câu-tra kia nói:

*Tinh cần bỏ tối tăm,
Thường giữ gìn viễn ly;
Đắm nhiễm sắc vi diệu,
Ham thích cõi Phạm thế.
Ta giáo hóa chúng này,
Để được sanh Phạm thiên.*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:

*Nếu những gì là sắc,
Ở đây hay ở kia;
Hoặc ở trong hư không,
Sáng chiếu rực mỗi khác.
Nên biết tất cả kia,
Không lìa ma, ma trói;
Giống như mỗi lưỡi câu,
Câu cá đang lượn chơi.*

Khi ấy những Thiên tử kia đều nghĩ rằng: ‘Hôm nay Thiên tử A-câu-tra nói kệ, mà Sa-môn Cù-đàm nói là ma nói. Vì sao Sa-môn Cù-đàm nói là ma nói?’

Bấy giờ, Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm các Thiên tử nên bảo rằng:

“Nay Thiên tử A-câu-tra nói kệ, nhưng chẳng phải tự tâm Thiên tử kia nói mà là do sức của Ma Ba-tuần dựa vào nên mới nói:

*Tinh cần bỏ tối tăm,
Thường giữ gìn viễn ly;
Đắm nhiễm sắc vi diệu,
Ham thích cõi Phạm thế.
Nên giáo hóa chúng này,
Để được sanh Phạm thiên.*

Cho nên, Ta nói kệ:

*Nếu những gì là sắc,
Ở đây hay ở kia;
Hoặc ở trong hư không,
Sáng chiếu rực mỗi khác.
Nên biết tất cả kia,
Không lìa ma, ma trói;
Giống như mỗi lưỡi câu,
Câu cá đang lượn chơi.*

Khi ấy các Thiên tử lại tự nghĩ: ‘Lạ thay! Sa-môn Cù-đàm thần lực, oai đức lớn mới có thể thấy được Thiên ma Ba-tuần, còn chúng ta thì không thấy. Chúng ta mỗi người hãy làm kệ tán thán Sa-môn Cù-đàm.’ Liền nói kệ:

*Đoạn trừ đối tất cả,
Tưởng tham ái hữu thân;
Khiến người khéo giữ này,
Trừ tất cả vọng ngữ.
Nếu muốn đoạn dục ái,
Nên cúng dường Đại Sư;
Đoạn trừ ba hữu ái,
Phá hoại đối nói đối.
Đối kiến tham đã đoạn,
Nên cúng dường Đại Sư.
Đệ nhất thành Vương xá;
Tên núi Tỳ-phú-la;
Tuyết sơn hơn các núi,*

*Kim sí vua loài chim;
Tám phương, trên và dưới,
Tất cả cõi chúng sanh;
Ở trong các Trời, Người,
Tối thượng Đẳng Chánh Giác.*

Sau khi các Thiên tử nói kệ tán thán Phật rồi và nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1309. MA-GIÀ³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ma-già³⁹ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ma-già nói kệ hỏi Phật:

*Giết gì được ngủ yên?
Giết gì được hỷ lạc?
Giết những hạng người nào,
Được Cù-đàm tán thán?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu giết hại sân nhuế,
Giác ngủ được an ổn.
Sự giết hại sân nhuế,
Khiến người được hỷ lạc.
Sân nhuế là gốc độc,
Ta khen người giết được.
Giết sân nhuế kia rồi,
Đêm dài không lo lắng.*

Sau khi Thiên tử Ma-già nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

³⁸. S. 2. 3. Māgha.

³⁹. Ma-già 摩伽 ° Pāli: Māgho devaputto.

M

KINH 1310. DI-KÌ-CA⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Di-kỳ-ca⁴¹ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Có mấy loại chiếu sáng,
Luôn chiếu sáng thế gian?
Cúi xin Thế Tôn nói,
Ánh sáng nào tối thượng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Có ba loại ánh sáng,
Luôn soi sáng thế gian;⁴²
Mặt trời chiếu ban ngày,
Ban đêm ánh trăng rọi.
Ánh đèn chiếu ngày đêm,
Chiếu soi mọi cảnh tượng.
Trên dưới và các phương,
Chúng sanh nhờ soi sáng.
Trong ánh sáng Trời, Người,
Ánh sáng Phật hơn hết.*

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Di-kỳ-ca nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁴⁰. S. 2. 4. Māgadha.

⁴¹. Di-kỳ-ca 彌耆迦。Pāli: Māgadho devaputto.

⁴². Pāli: cattāro loke pajjotā, pañcamettha na vijjati, có bốn loại chiếu sáng trong thế gian. Không có loại thứ năm.

KINH 1311. ĐÀ-MA-NI⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Đà-ma-ni⁴⁴ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Phận sự Bà-la-môn,
Học hết chớ mỗi mệ.
Đoạn trừ các ái dục,
Không cầu thọ thân sau.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Bà-la-môn vô sự,
Việc cần làm đã làm;
Chừng nào chưa đến bờ,
Ngày đêm thường siêng quỳ.
Đã đến trụ bờ kia,
Đến bờ, quỳ làm gì?
Đây là Bà-la-môn,
Chuyên tinh thiền lậu tận.
Tất cả các ưu não,
Hùng hực, đã dứt hẳn;
Đó là đến bờ kia,
Niết-bàn vô sở cầu.*

Sau khi Thiên tử Đà-ma-ni nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁴³. S. 2. 5. Dāmali.

⁴⁴. Đà-ma-ni 陀摩尼。Pāli: Dāmani.

KINH 1312. ĐA-LA-KIÊN-ĐÀ⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Đa-la-kiên-đà⁴⁶ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Đoạn mấy, xả mấy pháp,
Tu mấy pháp tăng thượng,
Vượt qua mấy tích tụ⁴⁷,
Gọi Tỳ-kheo vượt dòng?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đoạn năm⁴⁸, xả bỏ năm⁴⁹,
Tu năm pháp tăng thượng⁵⁰,
Vượt năm thứ tích tụ⁵¹,
Gọi Tỳ-kheo vượt dòng.*

Sau khi Thiên tử Đa-la-kiên-đà nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁴⁵. S. 1. 5. Katichinda; N^o100(311).

⁴⁶. Đa-la-kiên-đà 多羅捷陀。

⁴⁷. Pāli: kati saṅgā tigo, vượt qua bao nhiêu sự kết buộc?

⁴⁸. Số giải Pāli (A.1.24): Pañca chindeti chindanto pañca orambhāgiyasamyojānāni chindeyya, đoạn năm, là đoạn trừ năm hạ phần kết.

⁴⁹. Số giải Pāli, nt: Pañca jaheti jahanto pañcuḍham bhāgiyasamyojānāni jaheyya, xả năm, là xả năm thuận thượng phần kết.

⁵⁰. Số giải Pāli, nt: tu tậ năm căn, tín v.v...

⁵¹. Số giải Pāli, nt: Pañca saṅgātigoti rāgasāṅgo dosasaṅgo mohasaṅgo mānasaṅgo diṭṭhisāṅgo, năm kết phược: tham kết phược, sân, si, mạn và kiến kết phược.

KINH 1313. CA-MA (1)⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-ma⁵³ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Thật khó, bạch Thế Tôn! Thật khó, bạch Thiện thế!”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sở học là rất khó;
Giới, tam-muội đầy đủ;⁵⁴
Sống viễn ly không nhà,
Vui nhàn cư tịch tĩnh.*

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tịch mặc thật khó được⁵⁵.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Được điều học khó được,
Giới, tam-muội đầy đủ;
Ngày đêm thường chuyên tinh,
Tu tập điều thích ý.*

Thiên tử Ca-ma bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, tâm chánh thọ khó được⁵⁶.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trụ chánh thọ khó trụ
Các căn, tâm quyết định;
Cắt đứt lưới tử ma,
Bậc Thánh tùy ý tiến.*

⁵². S.2. 6. Kāmada; N^o100(312).

⁵³. Ca-ma 迦摩。Pāli: Kāmado devaputto.

⁵⁴. Pāli: dukkaram vāpi karonti sekkhā sīlasamāhitā, bậc hữu học mà y giới là làm điều khó làm.

⁵⁵. Pāli: dullabhā bhagavā yadidaṃ tuṭṭhī ti, thật khó được, là sự tri túc. Bản Hán đọc là tunhī, sự im lặng (tịch mặc), thay vì tuṭṭhi, sự thoả mãn, tri túc.

⁵⁶. Pāli: dussamādaḥaṃ bhagavā yadidaṃ cittaṃ ti, tâm thật là khó định tĩnh.

Thiên tử Ca-ma lại bạch Phật:
 “Bạch Thế Tôn, đường hiểm rất khó đi.”
 Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đường hiểm khó đi qua,
 Thánh bình an vượt qua;
 Phàm phu té ở đó,
 Chân trên, đầu chúc xuống.
 Hiền thánh thẳng đường đi,
 Đường hiểm tự nhiên bình.*

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1314. CA-MA (2)⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bây giờ, có Thiên tử Ca-ma⁵⁸ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bây giờ, Thiên tử kia nói kệ:

*Tham nhuế nhân những gì,
 Không vui, lòng dựng đứng?
 Sợ hãi từ đâu khởi?
 Giác tưởng⁵⁹ do đâu sanh;
 Giống như Cưu-ma-la⁶⁰,
 Nương tựa vào vú mẹ?⁶¹*

⁵⁷. Tham chiếu kinh 1324. S. 10. 3. Suciloma; N⁰100(313).

⁵⁸. Bản Pāli: kharo ca yakkho sūcilomo ca yakkho, dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sūciloma (quý lông kim).

⁵⁹. Giác tưởng 覺想。Pāli: manovitaṅka, sự suy tưởng tâm cấu của tâm.

⁶⁰. Cưu-ma-la 鳩摩羅。Pāli: kumārakā, trẻ nhỏ. Bản Hán hiểu là tên người.

⁶¹. Pāli: kumārakā dhaṅkam ivossajanti, như trẻ nhỏ thả chim bồ câu. Trẻ nhỏ buộc chân chim lại, rồi mới thả bay đi. Chim bay lên, phút chốc rơi trở lại. Cũng vậy, ác tâm cấu buộc tâm khiến khởi lên (Sớ giải, SA. 1.303).

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái sanh, lớn từ thân,
Như cây Ni-câu-luật;⁶²
Khắp nơi bị dính mắc,
Như rừng rậm chẳng chặt.⁶³
Nếu biết nguyên nhân kia,
Tĩnh ngộ khiến khai giác;
Qua dòng biển sanh tử,
Không còn thọ thân sau.*

Sau khi Thiên tử Ca-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1315. CHIÊN-ĐÀN (I)⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Chiên-đàn⁶⁵, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Chiên-đàn kia nói kệ hỏi Phật:

*Nghe Cù-đàm Đại trí,
Tri kiến không chướng ngại:
Trụ chỗ nào, học gì,
Không gặp ác đời khác?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

⁶². Pāli: snehajā attasambhūtā, nigrodhasseva khandhajā, sanh ra từ sự kết dính (= *tham ái*), khởi lên từ tự ngã, như cây nigrodha (*cây bàng*) sanh ra từ thân cây.

⁶³. Pāli: puthū visattā kāmesu, māluvāva vitatā vane, phạm phu bị dính mắc trong các dục vọng, như dây leo bò lan khắp rừng.

⁶⁴. S. 2. 14. Nandana; N^o100(314).

⁶⁵. Chiên-đàn thiên tử 梅檀天子。Xem kinh 1316. Pāli: Nandana-devaputta. Bản Hán đọc là Candana.

*Nhiếp trì thân, miệng, ý,
 Không tạo ba pháp ác;
 Sống tại nhà của mình,
 Rộng họp nhiều khách khứa.
 Tín, bố thí tài, pháp,
 Dùng pháp lập tất cả.
 Trụ kia, học pháp kia,
 Không còn sợ đời khác.*

Phật nói kinh này xong, Thiên tử Chiên-đàn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1316. CHIÊN-ĐÀN (2)⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Chiên-đàn⁶⁷ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử kia nói kệ hỏi Phật:

*Ai vượt qua các dòng,
 Ngày đêm siêng không lười?
 Không vin, không chỗ trụ,
 Làm sao không đắm chìm?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
 Trí tuệ khéo chánh thọ;
 Trong chánh niệm tư duy,
 Vượt qua dòng khó vượt.
 Không nhiễm tưởng dục này,
 Vượt qua sắc ái kia;*

⁶⁶. S. 2. 15. Candana; N^o100(315).

⁶⁷. Xem cht.65 trên. Pāli: Candana.

*Tham, hỷ đều đã hết,
Không vào chỗ khó dò.⁶⁸*

Sau khi Thiên tử Chiên-đàn kia nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1317. CA-DIỆP (1)⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-diếp⁷⁰ dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con sẽ nói về Tỳ-kheo và công đức Tỳ-kheo.”

Phật bảo:

“Tùy Thiên tử cứ nói!”

Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp nói kệ:

*Tỳ-kheo tu chánh niệm,
Thân⁷¹ kia khéo giải thoát;
Ngày đêm thường siêng cầu,
Công đức diệt⁷² các hữu.
Biết rõ nơi thế gian,
Diệt trừ tất cả hữu;
Tỳ-kheo được vô ưu,
Tâm không còn nhiễm trước.*

“Bạch Thế Tôn, đó gọi là Tỳ-kheo. Đó gọi là công đức Tỳ-kheo.”

Phật bảo Ca-diếp:

⁶⁸. Pāli: so gambīre na sīdati, người ấy không chìm chỗ nước sâu.

⁶⁹. S. 2. 1, 2. Kassapa (1, 2). N^o100(316-317).

⁷⁰. Ca-diếp thiên tử 迦葉天子。Pāli: Kassapo devaputto.

⁷¹. Thân 身; bản Thánh: tâm 心。

⁷². Nguyên bản: hoại 壞。Bản Thánh: hoại 懷。

“Lành thay! Lành thay! Đúng như những gì ông nói!”

Thiên tử Ca-diếp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi biến mất.

M

KINH 1318. CA-DIỆP (2)⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Thiên tử Ca-diếp dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên; từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con sẽ nói về Tỳ-kheo và những gì Tỳ-kheo nói.”

Phật bảo Thiên tử Ca-diếp:

“Tùy theo sở thích mà nói.”

Bấy giờ, Thiên tử Ca-diếp kia liền nói kệ:

*Tỳ-kheo giữ chánh niệm,
Tâm kia khéo giải thoát;
Ngày đêm thường siêng cầu,
Mong lìa được trần cấu.
Biết rõ ràng thế gian,
Ở đời, lìa trần cấu;
Tỳ-kheo không ưu tư,
Tâm không bị nhiễm trược.*

“Bạch Thế Tôn, đó gọi là Tỳ-kheo, đó gọi là những gì Tỳ-kheo nói!”

Phật bảo Ca-diếp:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như những gì ông đã nói!

Thiên tử Ca-diếp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

M

⁷³. Xem kinh 1317. N^o100(318).

Kinh 1319. Khuất-ma⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại nước Ma-kiệt-đà, du hành trong nhân gian. Vào buổi chiều hôm, cùng với năm trăm Tỳ-kheo nghỉ đêm nơi trú xứ quý Dạ-xoa Khuất-ma⁷⁵. Bấy giờ, quý Dạ-xoa Khuất-ma⁷⁶ đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, quý Dạ-xoa bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay thỉnh Thế Tôn và đại chúng nghỉ đêm nơi này.”

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Lúc đó, quý Dạ-xoa Khuất-ma biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời rồi, liền hóa ra năm trăm tòa lầu các; phòng xá, giường nằm, ghế ngồi, màn, nệm, gối. Mỗi thứ năm trăm cái đầy đủ, tất cả đều do biến hóa mà thành; rồi lại hóa ra năm trăm ngọn đèn sáng trưng không có khói tỏa. Sau khi hóa xong, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ân cần thỉnh Thế Tôn vào phòng và mời các Tỳ-kheo lần lượt nhận phòng ốc cùng ngọa cụ. Sau khi công việc đã xong xuôi, trở lại chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Hiền đức có chánh niệm,
Hiền đức luôn chánh niệm;
Chánh niệm ngủ an ổn,
Đời này cùng đời khác.
Hiền đức có chánh niệm,
Hiền đức luôn chánh niệm;
Chánh niệm ngủ an ổn,
Tâm kia thường dừng lặng.
Hiền đức có chánh niệm,*

⁷⁴. Ấn Thuận, “Tụng v. Bát chúng, 26. Tương ứng Dạ-xoa”; Đại Chánh kinh 1319-1330. –Kinh 1319, Pāli: S. 10. 4. Mañibhadda.

⁷⁵. Khuất-ma Dạ-xoa quý trú xứ 屈摩夜叉鬼住處。Pāli: Mañimālike cetiye Mañibhaddassa yakhassa bhavane, tại trú xứ của Dạ-xoa Mañibhadda, trong tháp Mañimālika.

⁷⁶. Khuất-ma dạ xoa quý 屈摩夜叉鬼。Pāli: Mañibhadda, quý bảo hộ những người lữ hành.

*Hiền đức luôn chánh niệm;
Chánh niệm ngủ an ổn,
Xả, hàng phục quân khác.
Hiền đức có chánh niệm,
Hiền đức luôn chánh niệm;
Không giết không sai giết,
Không phục, không bảo phục.
Lòng từ đối tất cả,
Lòng không ôm oán kết.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo quỷ Dạ-xoa Khuất-ma:

“Đúng vậy, đúng vậy! Như những gì ông nói!”

Sau khi quỷ Dạ-xoa Khuất-ma nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đảnh lễ dưới chân Phật, trở về chỗ mình ở.

M

KINH 1320. MA-CUU-LA⁷⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Ma-cưu-la⁷⁸, Tôn giả Na-già-ba-la⁷⁹ làm thị giả. Bấy giờ đêm tối, trời mưa nhỏ, có chớp lóe, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Lúc ấy, Thiên đế Thích tự nghĩ: ‘Hôm nay Thế Tôn ở tại núi Ma-cưu-la, Tôn giả Na-già-ba-la gần gũi hầu hạ cung dưỡng. Đêm tối, trời mưa nhỏ, có chớp lóe, Thế Tôn ra khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Ta sẽ hóa ra ngôi nhà sàn bằng pha-lê, rồi bưng ngôi nhà sàn ấy, theo Phật kinh hành.’ Nghĩ vậy xong, liền hóa ra ngôi nhà sàn bằng pha lê, mang đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi theo Phật đi kinh hành.

Bấy giờ, dân chúng nước Ma-kiệt-đề, nếu khi nào có bé trai, bé gái khóc đêm, đem quỷ Ma-cưu-la⁸⁰ ra để dọa, chúng liền ngưng khóc.

⁷⁷. Cf. Udāna 1. 7. Pāṭalī; N^o100(319). Tham chiếu, Luật Tứ Phần, Ba-dật-đề 55.

⁶⁹. Ma-cưu-la sơn 摩鳩羅山。100(319): Bạch sơn 白山。

⁷⁹. Na-già-ba-la 那伽波羅。N^o100(319): 象護。Pāli: Nāgapāla, nhưng không tìm thấy tên này trong các tài liệu Pāli.

⁸⁰. Ma-cưu-la quỷ 摩鳩羅鬼。N^o100(319): Bạc-câu-la quỷ 薄俱羅鬼。Pāli: Bakkula, con quỷ có tiếng kêu dễ sợ, Ud 1.7.

Theo pháp đệ tử gần gũi hầu hạ cung dưỡng, chờ thầy an giấc thiền rồi sau đó mới đi ngủ. Bấy giờ, Thế Tôn vì Đế Thích nên ban đêm đi kinh hành lâu. Bấy giờ, Tôn giả Na-già-ba-la tự nghĩ: ‘Đêm nay Thế Tôn đi kinh hành lâu quá, ta phải giả dạng làm quỷ Ma-cưu-la để khủng bố Ngài.’ Khi ấy Tỳ-kheo Na-già-ba-la liền mặc ngược câu-chấp⁸¹, để mặt có lông dài ra ngoài, đến đứng chặn đầu đường đi kinh hành của Thế Tôn, bạch Phật:

“Quỷ Ma-cưu-la đến! Quỷ Ma-cưu-la đến!”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Na-già-ba-la:

“Này Na-già-ba-la, người là người ngu si, định dùng hình tướng quỷ Ma-cưu-la khủng bố Phật ư? Không thể làm lay động một lông tóc của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã xa lìa khủng bố từ lâu!”

Khi ấy Thiên đế Thích bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, trong Chánh pháp luật của Thế Tôn cũng lại có hạng người này sao?”

Phật bảo:

“Này Kiều-thi-ca, trong ngôi nhà cực kỳ rộng rãi to lớn của Cù-đàm, những người này vào đời vị lai cũng sẽ đắc pháp thanh tịnh.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Nếu Bà-la-môn nào,
Nơi pháp tự sở đắc,
Đến được bờ bên kia;
Dù một Tỳ-xá-già⁸²,
Cùng với Ma-cưu-la,⁸³
Đều vượt qua hết thảy.
Hoặc Bà-la-môn nào,
Nơi pháp tự mình hành,
Biết tất cả các thọ,*

⁸¹. Câu-chấp 俱執。Pāli: kojava, chặn bằng lông dê.

⁸². Tỳ-xá-già 毘舍遮。Pāli: pisāca.

⁸³. Pāli, Ud.1.7: atha etaṃ pisācañca pakkulañcattivattati, ở đây vị ấy đã vượt qua quỷ Pisāca và tiếng kêu “pakkula”. Quỷ Ajakalāpaka muốn dọa Phật nên phát ra âm thanh để sợ “akkulapakkula”.

*Quán sát đều đã diệt.
 Hoặc Bà-la-môn nào,
 Tự mình qua bờ kia,
 Hết thấy các nhân duyên,
 Thấy đều đã diệt tận.
 Hoặc Bà-la-môn nào,
 Tự mình qua bờ kia,
 Tất cả các nhân ngã,
 Thấy đều đã diệt tận.
 Hoặc Bà-la-môn nào,
 Tự mình qua bờ kia,
 Nơi sanh, già, bệnh, chết,
 Thấy đều đã vượt qua.*

Phật nói kinh này xong, Thiên đế Thích nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ đánh lễ Phật, liền biến mất.

M

KINH 1321. TẮT-LĂNG-GIÀ QUỶ⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-la-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ mẹ của quỷ con Tắt-lăng-già⁸⁵. Bấy giờ, vào cuối đêm, Tôn giả A-na-luật-đà thức dậy, ngồi ngay thẳng tụng các đoạn kinh Ưu-đà-na⁸⁶, Ba-la-diên-na⁸⁷, Kiến chân đế⁸⁸, Thượng tọa sở thuyết kệ⁸⁹, Tỳ-kheo-ni sở thuyết kệ⁹⁰, Thi-lộ kệ⁹¹,

⁸⁴. S.10. 6. Piyaṅkara. N^o100(32).

⁸⁵. Tắt-lăng-già quỷ tử mẫu 畢陵伽鬼子母。N^o100(320): Tân-già-la 賓伽羅。Pāli: Piyaṅkaramātā, mẹ của quỷ con Piyaṅkara.

⁸⁶. Ưu-đà-na 憂陀那。Pāli: Udāna, Vô vấn tự thuyết hay Kệ cảm hứng, các kinh thuộc Tiểu bộ Khuddaka-nikāya.

⁸⁷. Ba-la-diên-na 波羅延那。Pāli: Pārāyana-vagga (phẩm Đáo bỉ ngạn), phẩm thứ 5 trong Suttanipāta, thuộc Tiểu bộ Khuddaka-Nikāya.

⁸⁸. Kiến chân đế 見真諦。

Nghĩa phẩm⁹², Mâu-ni kệ⁹³, Tu-đa-la; tất cả đều tụng hết.

Bấy giờ quý con Tất-lăng-già khóc đêm, quý mẹ Tất-lăng-ca nói bài kệ cho con nghe để đỡ nỗi nín:

*Này Tất-lăng-ca con,
Nay, con không được khóc;
Hãy nghe Tỳ-kheo kia
Đọc tụng kệ Pháp cú.
Nếu ai biết Pháp cú,
Tự mình hộ trì giới,
Xa lìa sự sát sanh,
Nói thật, không nói dối,
Tự bỏ điều phi nghĩa,
Giải thoát đường quý thân.⁹⁴*

Sau khi quý mẹ Tất-lăng-ca nói kệ, quý con Tất-lăng-già nín khóc.

M

KINH 1322. PHÚ-NA-BÀ-TÁU⁹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian cùng với đại chúng, đến nghỉ đêm tại trụ xứ mẹ của quý con Phú-na-bà-tấu⁹⁶. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp tương ứng bốn

⁸⁹. Thượng tọa sở thuyết kệ 上座所說偈。Pāli: Thera-gāthā, Trưởng lão kệ, sách thứ 8 thuộc Tiểu bộ Khuddaka-nikāya.

⁹⁰. Tỳ-kheo-ni sở thuyết kệ 比丘尼所說偈。Pāli: Theri-gāthā; sách thứ 9, thuộc Khuddaka-nikāya.

⁹¹. Thi-lộ kệ 尸路偈。

⁹². Nghĩa phẩm 義品。Pāli: Aṭṭhaka-vagga, phẩm thứ tư của Suttanipāta.

⁹³. Mâu-ni kệ 牟尼偈。Pāli: Muni-gāthā, tức Muni-sutta, trong Suttanipāta 1. 12, các kệ 207-221.

⁹⁴. Pāli: pisāca-yoni, sanh đạo loài quỷ.

⁹⁵. S. 10. 7. Punabbasu.

⁹⁶. Phú-na-bà-tấu quỷ tử mẫu 富那婆藪鬼子母。Pāli: Punabbasumātā, mẹ của

Thánh đế: Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế.

Khi ấy, quý mẹ Phú-na-bà-tẩu có con là quý con Phú-na-bà-tẩu cùng quý nữ Uất-đa-la⁹⁷. Hai con quý nhỏ này khóc đêm. Quý mẹ Phú-na-bà-tẩu nói kệ dạy hai đứa con trai và gái của nó:

*Này Phú-na-bà-tẩu,
Uất-đa-la! Đừng khóc!
Để mẹ được lắng nghe,
Như Lai đang thuyết pháp.
Cha mẹ không thể nào,
Khiến con giải thoát khổ.
Nghe Như Lai thuyết pháp,
Giải thoát được khổ này.
Người đời theo ái dục,
Bị các khổ bức bách.
Như Lai vì thuyết pháp,
Khiến hủy diệt sanh tử.
Nay mẹ muốn nghe pháp,
Các con nên im lặng.”
Khi ấy Uất-đa-la,
Và Phú-na-bà-tẩu.
Đều vâng lời mẹ chúng,
Im lặng mà lắng nghe.
“Lời mẹ nói hay thay,
Con cũng thích nghe pháp.
Thế Tôn chánh giác này,
Ở Thắng sơn Ma-kiệt;
Vì các loài chúng sanh,
Diễn nói pháp vượt khổ.
Nói khổ cùng nhân khổ,
Khổ diệt, đạo diệt khổ;
Từ bốn Thánh đế này,*

quý con Punabbasa.

⁹⁷. Uất-đa-la 鬱多羅。Pāli: Uttarā.

*An ổn đến Niết-bàn.
Vậy mẹ hãy lắng nghe,
Những pháp Thế Tôn thuyết.”*

Khi ấy quý mẹ Phú-na-bà-tẩu liền nói kệ:

*“Lạ thay, con trí tuệ,
Khéo hay chịu tâm ta.
Con Phú-na-bà-tẩu,
Khéo khen Phật Đạo Sư.
Con Phú-na-bà-tẩu,
Cùng con Uất-đa-la;
Nên sanh lòng tùy hỷ,
Ta đã thấy Thánh đế.”*

Sau khi, quý mẹ Phá-na-bà-tẩu nói kệ xong, quý con trai và con gái, tùy hỷ im lặng.

M

KINH 1323. MA-NI-GIÁ-LA⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian cùng với đại chúng, đến nghỉ đêm tại trú xứ của quý Ma-ni-giá-la⁹⁹. Bấy giờ, quý Ma-ni-giá-la hội các quý thần, tập hợp lại một chỗ. Khi ấy có một người nữ đem hương hoa trang sức và đồ ăn thức uống đến chỗ ở quý thần Ma-ni-giá-la kia. Người nữ này từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi tại trú xứ quý Ma-ni-giá-la; thấy rồi tự nghĩ: ‘Nay ta đang thấy quý thần Ma-ni-giá-la’, liền nói kệ:

*Lành thay! Ma-ni-giá,
Ở nước Ma-già-dà;
Dân nước Ma-già-dà,
Cầu gì đều như nguyện.*

⁹⁸. Biệt dịch, N⁰100(322).

⁹⁹. Ma-ni-giá-la quý 摩尼遮羅鬼。N⁰100(322): Ma-ni hành dạ xoa 摩尼行夜叉。Pāli: Mānica-yakkha, Cf. D.iii. 205. Theo các bản Hán: Mānicara.

*Làm sao ở đời này,
Thường được sống an lạc;
Còn đời sau thế nào,
Mà được sanh Thiên lạc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chớ buông lung, kiêu mạn;
Cần gì quỷ Ma-ni?
Nếu tự sửa việc làm,
Thì được sanh Thiên lạc.*

Khi ấy người nữ kia tự nghĩ: ‘Đây không phải là quỷ Ma-ni-giá-la mà là Sa-môn Cù-đàm.’ Biết như vậy rồi, liền đem hương hoa trang sức cúng dường Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên, nói kệ:

*Đường nào đến an lạc,
Phải tu những hành gì;
Đời này thường an ổn,
Đời sau sanh Thiên lạc?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Khéo điều tâm, bố thí,
Thích giữ gìn các căn;
Chánh kiến tu hạnh hiền,
Gần gũi với Sa-môn.
Tự sống bằng chánh mạng,
Đời khác sanh Thiên lạc;
Đâu cần Tam thập tam,
Lưới khổ của chư Thiên.
Chỉ cần nhất tâm kia,
Đoạn trừ nơi ái dục.
Ta sẽ nói lìa cấu,
Pháp cam lộ khéo nghe.*

Người nữ ấy nghe Phật thuyết pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ; những pháp như bố thí, trì giới, phước báo sanh Thiên, vị ngọt của dục, tai hại của dục, phiền não, thanh tịnh, xuất

yếu, viên ly, công đức phước lợi, tiếp tục diễn nói pháp Phật thanh tịnh. Giống như tấm vải trắng sạch dễ nhuộm màu, người nữ kia cũng vậy, ngay trên chỗ ngồi đắc bình đẳng quán¹⁰⁰: Khổ, Tập, Diệt, Đạo đối với bốn Thánh đế. Lúc đó, người nữ này đắc pháp, thấy pháp, biết pháp và nhập pháp, vượt qua các nghi hoặc, không do người khác, đối với Chánh pháp luật được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

“Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thế! Từ hôm nay cho đến suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng.”

Sau khi người nữ ấy nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, lễ Phật rồi ra về.

M

KINH 1324. CHÂM MAO QUỶ¹⁰¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ quỷ Châm Mao¹⁰². Bấy giờ, quỷ Châm Mao hội họp hết các quỷ thần lại một chỗ. Lúc đó có Viêm quỷ¹⁰³, thấy Thế Tôn nghỉ đêm tại trú xứ quỷ Châm Mao. Thấy rồi, liền đến chỗ quỷ Châm Mao nói với quỷ Châm Mao:

“Thưa thôn chủ, nay ông được nhiều may mắn. Hiện tại Đức Như Lai Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đang nghỉ tại nhà ông.”

Quỷ Châm Mao nói:

“Bây giờ, thử xem có đúng là Như Lai hay chẳng phải!”

Khi ấy, quỷ Châm Mao sau khi cùng các quỷ thần hội họp, trở về ngôi nhà của mình. Nó co mình lại xông tới Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền tránh người. Ba lần nó co mình lại xông tới Phật như vậy, Đức Phật cũng ba lần tránh người. Khi ấy, quỷ Châm Mao hỏi:

¹⁰⁰. Bình đẳng quán 平等觀。Đây chỉ hiện quán 現觀。

¹⁰¹. S. 10. 3. Sūciloma; N^o100(323).

¹⁰². Châm Mao quỷ 針毛鬼。N^o100(323): Tiên Mao dạ xoa 箭毛夜叉。Pāli: Sūciloma, quỷ có lông như kim.

¹⁰³. Viêm quỷ 炎鬼。N^o100(323): Chích dạ xoa 炙夜叉。Pāli: Kharo yakkho.

“Sa-môn sợ ư?”

Phật bảo:

“Này thôn chủ, Ta không sợ! Nhưng người có ác xúc.”¹⁰⁴

Quý Châm Mao nói:

“Bây giờ, tôi có vài điều để hỏi. Mong vì tôi mà trả lời. Nếu có thể làm tôi vui thì tốt, còn nếu không thể làm tôi vui thì tôi sẽ hủy hoại tâm ông, phá vỡ ngực ông, làm cho máu nóng của ông từ mặt vọt ra, nắm hai tay ông ném qua bờ bên kia sông Hằng.”

Phật bảo quý Châm Mao:

“Thôn chủ, Ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần, Người đời nào, có thể hủy hoại tâm của Như Lai, Đẳng Chánh Giác, có thể phá vỡ ngực Ta, có thể làm cho máu nóng từ mặt vọt ra, nắm hai tay của Ta ném qua bờ bên kia sông Hằng. Nay, ông cứ hỏi đi, Ta sẽ vì ông mà nói, khiến cho ông được hoan hỷ.”

Bấy giờ, quý Châm Mao nói kệ hỏi Phật:

*Hết thấy tâm tham, nhuế,
Lấy gì để làm nhân?
Không vui, lòng dưng đứng,
Sợ hãi từ đâu sanh?
Ý niệm các giác tưởng,
Khởi lên từ chỗ nào;
Giống như trẻ mới sanh,
Nương nhờ vào vú mẹ?¹⁰⁵*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái sanh, lớn từ thân,
Như cây Ni-câu-luật;
Chằng chịt câu móc nhau,
Như dây leo rừng rậm.¹⁰⁶
Nếu biết những nhân kia,
Sẽ khiến quý giác ngộ;*

¹⁰⁴. Pāli: te samphasso pāpako ti, “xúc chạm với người là điều tai ác”.

¹⁰⁵. Xem kinh 1314.

¹⁰⁶. Xem kinh 1314, các cht. 61-63.

*Vượt dòng biển sanh tử,
Không còn tái sanh nữa.*

Bấy giờ, quý Châm Mao nghe Phật nói kệ, tâm được vui vẻ, sám hối Phật và xin thọ trì tam quy.

Phật nói kinh này xong, quý Châm Mao nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, phụng hành.



TẬP A-HÀM QUYỂN 50

KINH 1325. QUỶ ÁM¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có con trai của Ưu-bà-di² thọ trai tám chi³, sau đó phạm giới, liền bị quỷ thần ám. Lúc ấy, Ưu-bà-di liền nói kệ:

*Ngày mười bốn, mười lăm,
Mồng tám mỗi phần tháng⁴;
Tháng điềm hiện thần thông⁵,
Tám chi khéo chánh thọ.
Đối trai giới thọ trì,
Không bị quỷ thần ám.
Xưa tôi hỏi mấy lần,
Thế Tôn nói điều này.*

Lúc ấy, Quỷ kia liền nói kệ:

*Ngày mười bốn, mười lăm,
Và mồng tám mỗi tháng;
Ứng tháng thần túc tốt,
Tu tám chi chánh thọ.
Sống trai giới thanh tịnh,
Kéo giữ gìn giới đức;
Không bị quỷ trêu đùa,
Lành thay, nghe từ Phật.*

-
1. Đại Chánh, quyển 50. Ấn Thuận, 26. Tương ưng Dạ xoa, tiếp theo. Kinh 1325, Pāli: S. 10. 5. Sānu, N^o100 (324).
 2. Ưu-bà-di tử 優婆夷子。Pāli: aññatarissa upāsikāya sānu nāma putto, con trai của một ưu-bà-di nọ tên là Sānu.
 3. Bát chi trai 八支齋。
 4. Chỉ mỗi nửa tháng.
 5. Thần thông nguyệt 神通月。Tháng thần biến 神變月。Pāli: pāṭihāriya-pakkha, các tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chín, bốn Thiên vương hiện thần thông đi quan sát nhân gian. Xem cht.49, kinh 1117.

Theo những lời bà nói,
 Ta sẽ thả con bà.
 Ai có nghiệp hoãn mạn,⁶
 Nhiễm ô hành khổ hạnh,
 Phạm hạnh không thanh tịnh,
 Trọn không được quả lớn.
 Thí như nhổ cỏ may⁷,
 Nắm lỏng thì hại tay;
 Sa-môn hành ác xúc,
 Tất sẽ đọa địa ngục.
 Thí như nhổ cỏ may,
 Nắm chặt không hại tay;
 Sa-môn khéo nhiếp trì,
 Tất đến Bát-niết-bàn.

Khi ấy, Quỷ thần kia liền thả con Ưu-bà-di này ra. Bấy giờ, Ưu-bà-di nói kệ dạy con:

Nay con hãy nghe mẹ,
 Nhắc lời quỷ thần nói.
 Nếu có nghiệp hoãn mạn,
 Nhiễm ô tu khổ hạnh,
 Phạm hạnh không thanh tịnh,
 Thì không được quả lớn.
 Thí như nhổ cỏ may,
 Nắm lỏng thì hại tay.
 Sa-môn khởi ác xúc,
 Tất sẽ đọa địa ngục;
 Như nắm chặt cỏ gai,
 Tất tay mình không hại.
 Sa-môn khéo giữ gìn,
 Tất đắc Bát-niết-bàn.

⁶. Hán: mạn hoãn nghiệp 慢緩業。Pāli: mākāsi pāpakam kammaṃ āvi vā yadi vā raho, chớ tạo ác nghiệp, dù công khai hay bí mật.

⁷. Để bản: gian thảo 菅草。Tống-Nguyên-Minh: gian thảo 葦草。

Khi ấy, con Ưu-bà-di tỉnh ngộ như vậy rồi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, nhưng tâm không được vui, trở về nhà mình. Người mẹ từ xa thấy con liền nói kệ:

*Lánh tục mà xuất gia,
Tại sao trở về làng?
Nhà cháy, cửa kéo ra,
Sao ném vào lửa lại?*

Tỳ-kheo con Ưu-bà-di kia nói kệ đáp:

*Chỉ nghĩ mẹ mạng chung,
Còn mất không gặp nhau;
Nên trở về thăm viếng,
Sao thấy con không vui?*

Lúc ấy, người mẹ Ưu-bà-di nói kệ đáp:

*Bỏ dục mà xuất gia,
Trở về muốn thụ hưởng;
Cho nên mẹ lo buồn,
Sợ bị Ma lung lạc.*

Sau khi Ưu-bà-di đã giác ngộ con mình như vậy, như vậy rồi, người con trở lại chỗ thanh vắng, tinh cần tư duy, đoạn trừ tất cả phiền não kết buộc, chứng đắc quả A-la-hán.

M

KINH 1326. A-LẠP QUỶ⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, du hành trong nhân gian, đến nghỉ đêm tại trú xứ của quỷ A-lạp⁹. Bấy giờ, quỷ A-lạp tập hội các quỷ thần. Lúc đó có quỷ Kiệt-đàm¹⁰ thấy Thế Tôn nghỉ đêm

⁸. S. 10. 12. ālavam; N⁰100(325).

⁹. A-lạp quỷ 阿騰鬼。N⁰100(325): Khoáng dã dạ xoa 曠野夜叉。Pāli: ālavako yakkho.

¹⁰. Kiệt-đàm quỷ 竭曇鬼。N⁰100(325): Lô Câu 驢駒。Theo Hán dịch, Pāli có thể là Kharo (lừa con). Xem cht.103, kinh 1324.

tại trú xứ của quý A-lạp. Thấy vậy, đến chỗ quý A-lạp nói với quý A-lạp:

“Này thôn chủ, ông được lợi lớn. Như Lai đã nghỉ đêm tại trú xứ ông.”

Quý A-lạp nói:

“Hôm nay có người sống ở tại nhà tôi sao? Bây giờ phải làm cho rõ, là Như Lai hay chẳng phải là Như Lai.”

Sau khi, quý A-lạp cùng các quý thần tụ tập xong, trở lại nhà mình, nói với Đức Thế Tôn:

“Sa-môn, đi ra!”

Bấy giờ, Thế Tôn, vì là nhà người, liền ra khỏi nhà kia.

Quý A-lạp lại nói:

“Sa-môn, đi vào!”

Đức Phật liền vào lại, vì muốn diệt kiêu mạn kia. Diễn ra ba lần như vậy. Đến lần thứ tư, quý A-lạp lại nói với Thế Tôn:

“Sa-môn, đi ra.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với quý A-lạp:

“Thôn chủ, đã ba lần mời rồi, bây giờ Ta không ra nữa.”

Quý A-lạp nói:

“Bây giờ, tôi hỏi Sa-môn. Sa-môn hãy trả lời tôi, làm cho tôi hoan hỷ thì tốt. Nếu không thể làm cho tôi hoan hỷ, tôi sẽ hủy hoại tâm của ông, làm vỡ ngực ông, làm cho máu nóng của ông từ đó vọt ra, nắm hai tay ông ném qua bờ bên kia sông Hằng.”

Thế Tôn bảo:

“Thôn chủ, Ta chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên thần, Người đời nào mà có thể hủy hoại tâm Ta, làm vỡ ngực Ta, làm cho máu nóng của Ta từ đó vọt ra, nắm hai tay ném qua bên kia bờ sông Hằng. Song, thôn chủ, nay ông cứ hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói, khiến cho tâm ông được hoan hỷ.”

Khi ấy, quý A-lạp nói kệ hỏi Phật:

*Nói những gì gọi là,
Vật tối thắng của người¹¹?*

¹¹. Thắng sĩ phu sự vật 勝士夫事物。N^o100(325): “Trong tất cả tài bảo, cái gì tối thắng?” Pāli: kimsūḍha vittam purissa setṭham, “Trong đời này, tài sản quý nhất

*Thực hành những pháp gì,
Được quả báo an lạc?
Những gì là vị ngon?
Thọ mạng nào hơn cả¹²?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trong các vật của người,
Tịnh tín là tối thắng.
Hành pháp được quả vui.
Vị giải thoát tối thượng.
Trí tuệ trừ già, chết,
Là thọ mạng bậc nhất.*

Khi ấy, quý A-lạp lại nói kệ:

*Làm sao được nổi danh,
... Như kệ đã nói ở trên.¹³*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trì giới lừng danh tiếng,
... Như kệ đã nói ở trên.*

Khi ấy, quý A-lạp nói kệ:

*Mấy pháp khởi thế gian?
Mấy pháp tùy thuận nhau?
Đời mấy pháp chấp thủ?
Đời mấy pháp tổn giảm?¹⁴*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đời sáu pháp nguyên khởi.
Sáu pháp tùy thuận nhau.
Đời sáu pháp chấp thủ.
Đời sáu pháp tổn giảm.*

của con người là gì?”

¹². Vân hà thọ trung thắng 云何壽中勝? Pāli: kathaṃ jīvaṃ jīvatamāhu seṭṭhan'ti, “Sanh mạng nào cao thượng nhất trong các sanh mạng?”

¹³. Xem kinh 1282.

¹⁴. Xem kinh 1329.

Khi ấy, quý A-lạp nói kệ hỏi Phật:

*Ai hay qua các dòng,
Ngày đêm siêng phượng tiện?
Không vin, không chỗ trụ,
Ai hay không đắm chìm?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
Trí tuệ khéo chánh thọ.
Trong chánh niệm tư duy,
Hay qua dòng khó qua.
Không ưa nơi ngũ dục,
Cũng vượt qua sắc ái;
Không vin, không chỗ trụ,
Ấy không bị đắm chìm.*

Khi ấy, quý A-lạp nói kệ hỏi Phật:

*Dùng pháp gì qua dòng?
Làm sao qua biển lớn?
Làm sao xa lìa khổ?
Làm sao được thanh tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dùng tín vượt qua dòng.
Không phóng dật qua biển.
Tinh tấn hay trừ khổ.
Nhờ tuệ được thanh tịnh.
Người nên hỏi điều khác,
Pháp Phạm chí, Sa-môn;
Pháp nào không sai lầm,
Chân đế, thí, điều phục¹⁵.*

Khi ấy, quý A-lạp lại nói kệ hỏi Phật:

*Phiền gì hỏi chuyện khác,
Pháp Phạm chí, Sa-môn;*

¹⁵. Túc sự thật, bố thí và sự tự chế ngự. Pāli: saccā, dammā, cāgā.

*Tức nói người tối thắng,
 Vì hiển đức pháp lớn.
 Nơi Kiệt-đàm-ma¹⁶ kia,
 Thường phải báo ân này;
 Bảo tôi: Đẳng Chánh Giác,
 Bạc Vô Thượng Ngự Sư.
 Tôi đi liền hôm nay,
 Thôn nọ đến thôn kia;
 Hầu hạ Đẳng Chánh Giác,
 Để nghe Ngài nói pháp.*

Sau khi, quý A-lạp nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ làm lễ, rồi ra về.

M

KINH 1327. THÚC-CA-LA¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la¹⁸ ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua, được mọi người thành Vương xá cung kính cúng dường như A-la-hán.

Một hôm, nhân ngày cát tinh¹⁹, dân chúng thành Vương xá tụ tập đại hội vui vẻ, nên ngày đó bỏ sót, không cúng dường. Lúc đó có một quỷ thần vì kính trọng Tỳ-kheo-ni ấy nên vào trong đường làng thành Vương xá, đến từng nhà nói kệ:

*Nhân dân thành Vương xá,
 Say sưa, ngủ mê mết,
 Không siêng cúng dường kia,
 Tỳ-kheo-ni Thúc-ca.*

¹⁶. Kiệt-đàm-ma 竭曇摩, phiên âm khác của Khara, xem cht.10 trên.

¹⁷. S. 10. 9-10. Sukkā; N^o100(327).

¹⁸. Thúc-ca-la 叔迦羅. Pāli: Sukkā bhikkhunī.

¹⁹. Cát tinh nhật 吉星日. N^o100(327): Lễ hội sao Câu-mật-đầu 俱蜜頭星會. Pāli: komudī, ngày rằm tháng Kattika, hay Ca-đế tháng cuối mùa mưa.

*Nhờ khéo tu các căn,
 Tên gọi Thúc-ca-la;
 Khéo nói pháp ly cấu,
 Nơi Niết-bàn thanh lương.
 Thuận nghe những lời ấy,
 Suốt ngày vui không chán.
 Nương trí tuệ nghe pháp,
 Được qua dòng sanh tử.
 Như thương nhân đi biển,
 Nương vào sức Mã vương²⁰.*

Khi ấy có một vị Ưu-bà-tắc đem y cúng Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la; lại có một vị Ưu-bà-tắc đem thức ăn cúng dường. Lúc ấy, vị quỷ thần kia liền nói kệ:

*Ưu-bà-tắc trí tuệ,
 Được phước lợi rất nhiều;
 Cúng y Thúc-ca-la,
 Nên là các phiền não.
 Ưu-bà-tắc trí tuệ,
 Được phước lợi rất nhiều;
 Vì cúng ăn Ca-la,
 Nên là sự tích tụ.*

Sau khi vị quỷ thần kia nói kệ xong, liền biến mất.

M

KINH 1328. TỖ-LA²¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-la²² ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua, thành Vương xá. Nhân ngày cát tinh²³ dân chúng thành

²⁰. Mã vương 馬王。Pāli: Valāhaka, ngựa thần của Chuyển luân vương.

²¹. S.10. 11. Vīrā; N^o100(336).

²². Tỳ-la 毘羅。Pāli: Vīrā (bản Miến: Cīrā).

²³. Xem kinh 1327 trên.

Vương xá tụ tập đại hội, nên ngày đó Tỳ-kheo-ni Tỳ-la không có người cúng dường. Lúc đó, có quỷ thần kính trọng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la nên đi vào trong các đường làng hay đầu ngã tư đường, thành Vương xá, nói kệ:

*Nhân dân thành Vương xá,
Say sưa ngủ mê mệt;
Tỳ-kheo-ni Tỳ-la,
Không người nào cúng dường.
Tỳ-kheo-ni Tỳ-la,
Đồng mãnh tu các căn;
Khéo nói pháp lìa cấu,
Pháp Niết-bàn thanh lương.
Tùy thuận điều được nói,
Suốt ngày vui không chán.
Nương trí tuệ nghe pháp,
Được qua dòng sanh tử.*

Khi ấy, có một Ưu-bà-tắc đem y đến cúng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la; lại có một Ưu-bà-tắc đem đồ ăn đến cúng dường. Khi ấy, vị quỷ thần kia liền nói kệ:

*Ưu-bà-tắc trí tuệ,
Nay được phước lợi nhiều;
Vì cúng y Tỳ-la,
Nên đoạn được phiền não.
Ưu-bà-tắc trí tuệ,
Nay được phước lợi nhiều;
Vì cúng ăn Tỳ-la,
Nên lìa các hòa hiệp.*

Sau khi vị quỷ thần kia nói kệ xong, liền biến mất.

M

KINH 1329. HÊ-MA-BA-ĐÊ²⁴

Tôi nghe như vậy:

²⁴. Sn. i. 9. Hemavata; N^o100(328).

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi²⁵ và Thiên thần Hê-ma-ba-đê²⁶ cùng phát lời thề: ‘Nếu trong cung mình có vật báu xuất hiện, thì phải nói với nhau. Nếu không nói, mang tội vi ước.’

Lúc ấy, trong cung Thiên thần Hê-ma-ba-đê có xuất hiện vật báu chưa từng có là hoa ba-đàm-ma²⁷. Hoa có nghìn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng. Lúc ấy Thiên thần Hê-ma-ba-đê sai người đến báo Sa-đa-kỳ-lợi:

“Thưa thôn chủ, hôm nay trong cung chúng tôi bỗng xuất hiện một vật báu chưa từng có là hoa ba-đàm-ma. Hoa có nghìn cánh, lớn như bánh xe, cọng báu màu vàng, mời đến xem qua.”

Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi liền sai người đến nhà Thiên thần Hê-ma-ba-đê nói rằng:

“Thưa thôn chủ, ba-đàm-ma trăm nghìn cánh ấy mà làm gì! Hôm nay trong cung chúng tôi có xuất hiện hoa ba-đàm-ma vĩ đại, của báu chưa từng có, tức là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thôn chủ có thể đến phụng sự cúng dường.”

Bấy giờ, Thiên thần Hê-ma-ba-đê liền cùng với năm trăm quyến thuộc đến chỗ Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ hỏi:

*Ngày rằm là thời tốt,
Ban đêm gặp hội vui;
Nên nói thọ trai gì,
Thọ từ A-la-hán?²⁸*

Lúc ấy, Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Hôm nay Phật Thế Tôn,
Tại thắng quốc Ma-kiệt,
Trụ tại thành Vương xá,
Vườn Trúc, Ca-lan-đà.*

25. Sa-đa-kỳ-lợi Thiên thần 娑多耆利天神。Pāli: Sātāgira.

26. Hê-ma-ba-đê Thiên thần 醯魔波低天神。

27. Ba-đàm-ma hoa 波曇摩華。Pāli: Paduma (sen đỏ).

28. Ấn Thuận đọc là: Tụng hà La-hán thọ, “thọ từ La-hán nào?”

*Diễn nói pháp vi diệu,
Diệt trừ khổ chúng sanh.
Khổ khổ và khổ tập,
Khổ diệt tận tác chúng;
Đường bát Thánh khởi khổ,
An ổn đến Niết-bàn.
Nên đến để cúng dường,
Thế Tôn, La-hán tôi.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Ngài có tâm nguyện vui,
Cứu giúp chúng sanh không?
Ngài với thọ, không thọ,
Tâm tưởng bình đẳng không?²⁹*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Ngài tâm từ, nguyện diệu,
Độ tất cả chúng sanh.
Đối các thọ, không thọ,
Tâm tưởng thường bình đẳng.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Bậc cụ túc mình đạt,
Thành tựu chánh hành chưa?³⁰
Các lậu diệt sạch hẳn,
Không tái sanh nữa ư?*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Minh đạt khéo đầy đủ,
Đã thành tựu chánh hành;
Các lậu đã dứt hẳn,
Không tái sanh đời sau.*

²⁹. Pāli: *kacci itṭhe anitṭhe ca, sankappassa vasīkatā?* Tâm tư vị ấy có tụ tại nơi cái đáng yêu và không đáng yêu không?

³⁰. Pāli: *kacci vijāya sampanno, kacci saṃsuddhacaraṇo,* “Đã thành tựu minh tuệ chưa? Sở hành thanh tịnh chăng?”

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Mâu-ni ý hành mãn,
Cùng nghiệp thân, miệng chẳng?
Minh hạnh đều đầy đủ,
Đúng pháp tán thán chẳng?*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Tâm Mâu-ni đầy đủ,
Cùng nghiệp thân, miệng đầy;
Minh hạnh đều đầy đủ,
Đúng pháp mà tán thán.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Xa lìa hại sanh mạng,
Không cho không lấy chẳng?
Có xa lìa phóng dăng,
Không rời thiền tư chẳng?*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Thường không hại chúng sanh,
Không cho, không lấy còn;
Xa lìa nơi phóng dăng,
Ngày đêm thường thiền tư.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Không ưa ngũ dục chẳng?
Tâm không trước loạn chẳng?
Có pháp nhãn thanh tịnh,
Diệt hẳn ngu si chẳng?*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Tâm thường không ưa dục,
Tâm cũng không trước động;
Pháp nhãn Phật thanh tịnh,
Ngu si hết không còn.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

Chí thành không vọng ngữ,

*Không nói lời thô chǎng?
Không nói lời ly gián,
Chỉ nói chân thành chǎng?*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Chỉ thành không vọng ngữ,
Cũng không nói lời thô;
Không ly gián người khác,
Thường nói lời như pháp.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Gìn giữ giới thanh tịnh,
Chánh niệm vắng lặng chǎng?
Đầy đủ pháp giải thoát,
Như Lai đại trí chǎng?*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Tịnh giới đều đầy đủ,
Chánh niệm thường tịch tĩnh;
Thành tựu pháp giải thoát,
Đắc đại trí Như Lai.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Minh đạt đều đầy đủ,
Chánh hạnh đã thanh tịnh;
Sở hữu các lậu hết,
Không còn tái sanh nữa?*

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Minh đạt đều đầy đủ,
Chánh hạnh đã thanh tịnh;
Tất cả các lậu hết,
Không còn tái sanh nữa.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Mâu-ni đủ thiện tâm,
Cùng nghiệp đạo thân, miệng;
Minh hạnh đều đầy đủ,*

Nên tán thán pháp này?

Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp:

*Mâu-ni đủ thiện tâm,
Cùng nghiệp đạo thân, miệng;
Minh hạnh đều đầy đủ,
Nơi pháp này tán thán.*

Hê-ma-ba-đê nói kệ hỏi:

*Đùi nai Y-ni-diên³¹,
Thắng tướng của Tiên nhân;
Ít ăn, xả thân tham,
Chỗ Mâu-ni rừng thiền.
Nay ông hãy cùng đi,
Kính lễ Cù-đàm kia.³²*

Lúc ấy, Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê, có trăm nghìn quyến thuộc quỳ thân vây quanh, vội vàng đi đến chỗ Phật, đánh lễ cúng dường; sửa lại y phục, trích vai bên hữu, chấp tay kính lễ và nói kệ:

*Đùi nai Y-ni-diên,
Thắng tướng của Tiên nhân;
Ít ăn, không tham đắm,
Mâu-ni ưa rừng thiền.
Hôm nay chúng con đến,
Thỉnh vấn Đức Cù-đàm.
Sư tử đi một mình,
Đại long không sợ hãi.
Nên nay đến thỉnh vấn.
Xin Mâu-ni quyết nghị:
Thế nào ra được khổ?
Làm sao giải thoát khổ?
Xin Ngài nói giải thoát,
Khổ diệt ở chỗ nào?*

³¹. Y-ni-diên lộc 伊尼延鹿。Pāli: eṇi, sơn dương, có đùi (jaṅga) thon dài, rất đẹp; một tướng của Phật.

³². Bài kệ này cũng thay nơi kinh 602 trên.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm điều dục ở đời,
Và thứ sáu là ý³³;
Nơi dục kia không tham,
Giải thoát tất cả khổ.
Ra khỏi khổ như vậy.
Giải thoát khổ như vậy.
Nay đáp điều ông hỏi,
Khổ từ đây mà diệt.*

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

*Suối từ đâu quay về,
Đó đường ác không chuyển?
Mọi khổ lạc thế gian,
Ở đâu mà diệt hết?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,
Cùng với ý nhập xứ;
Nơi kia danh và sắc,
Vĩnh viễn không còn gì.
Suối từ đó quay về,
Đó đường ác không chuyển.
Đối với khổ lạc kia,
Diệt hết không còn gì.*

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ:

*Thế gian mấy pháp khởi,
Mấy pháp đời hòa hợp;
Đời mấy pháp chấp thủ,
Mấy pháp khiến đời diệt?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sáu pháp khởi thế gian,
Sáu pháp hòa hợp đời;*

³³. Xem kinh 602.

*Sáu pháp chấp thủ đời,
Sáu pháp tổn giảm đời.*

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

*Làm sao qua các dòng,
Ngày đêm siêng phương tiện,
Không vin, không chỗ trụ,
Mà không chìm vực sâu?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tất cả giới đầy đủ,
Trí tuệ khéo chánh thọ;
Như tư duy buộc niệm,
Thì qua được vực sâu.
Không ưa các dục tưởng,
Cũng vượt sắc trời buộc;
Không vin, không chỗ trụ,
Không chìm nơi vực sâu.*

Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại nói kệ hỏi:

*Pháp gì qua các dòng?
Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao rời khỏi khổ?
Làm sao được thanh tịnh?*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chánh tín, qua các dòng.
Không phóng dật, vượt biển.
Tinh tấn hay dứt khổ,
Trí tuệ được thanh tịnh.*

Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ tiếp:

*Ông có thể hỏi khác,
Pháp Phạm chí Sa-môn;
Chân thật, thí, điều phục,
Ngoài đây không pháp nào?³⁴*

³⁴. Xem kinh 1326 trên.

Hê-ma-ba-đê lại nói kệ:

*Cần gì hỏi chỗ khác,
Pháp Phạm chí, Sa-môn?
Hôm nay Đại Tinh Tấn,
Đã khéo léo dẫn khai.
Nay con nên báo đáp,
Ơn Sa-đa-kỳ-lợi,
Hướng dẫn đến Ngự Sư,
Bảo với chúng con rằng:
Con nên đến thôn xóm,
Theo Phật đến mọi nhà;
Thừa sự, lễ, cúng dường,
Theo Phật nghe chánh pháp.
Trăm nghìn quỹ thân này,
Đều chấp tay cung kính;
Tất cả quy y Phật,
Bậc Đại Sư Mâu-ni.
Đáng danh xưng Vô Thượng,
Ắt thấy nghĩa chân thật;
Thành tựu trí tuệ lớn,
Với dục không nhiễm trước.
Người trí nên quan sát,
Cứu giúp kẻ thế gian;
Được dấu đạo Hiền thánh,
Đó là Đại Tiên Nhân.*

Phật nói kinh này xong, Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê cùng các quyến thuộc năm trăm quỹ thân nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ lễ Phật, rồi ra về.

M

KINH 1330. ƯU-BA-GIÀ-TRA³⁵

³⁵. Pāli: Ud. 4. 4. Junha (Yakkhapahāra); N^o100(329).

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên đang trú trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo râu tóc, có con quỷ Già-tra và Ưu-ba-già-tra³⁶ đi ngang qua. Quỷ Ưu-ba-già-tra thấy Tôn giả Xá-lợi-phất mới cạo râu tóc, bèn nói với quỷ Già-tra:

“Bây giờ tôi sẽ đến đánh đầu của Sa-môn kia.”

Quỷ Già-tra nói:

“Ưu-ba-già-tra, anh chớ nói vậy! Sa-môn này có thần lực, đức độ lớn, anh chớ làm vậy, sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích.” Ba lần nói như vậy, mà quỷ Ưu-ba-già-tra sau ba lần can gián vẫn không nghe lời quỷ Già-tra, liền dùng tay đánh đầu Tôn giả Xá-lợi-phất, đánh xong, rồi tự kêu lên rằng:

“Già-tra, tôi bị thiêu! Già-tra, tôi bị lược!” Kêu lên ba lần rồi, liền bị vùi vào trong đất, đọa xuống địa ngục A-tỳ.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe tiếng động do con quỷ đánh Tôn giả Xá-lợi-phất, liền đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Thế nào, Tôn giả, có thể chịu được sự đau đớn đó không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tuy có đau đớn, nhưng ý có thể chịu đựng, không đến nỗi đau quá.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Kỳ diệu thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật là thần lực, đức độ lớn. Con quỷ này nếu dùng tay đánh núi Kỳ-xà-quật, sẽ khiến nát ra như cám, huống là đánh vào người mà không đau đớn?”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Thật ra là tôi không đau đớn lắm!”

³⁶. Già-tra, Ưu-ba-già-tra quỷ 伽吒優波伽吒鬼。N^o100(329): Hai, Phục Hai 害復害。Pāli: dve yakkhā sahāyakā, hai con quỷ dạ-xoa, bạn của nhau, không nói tên. Theo các bản Hán, Pāli có thể là Ghata, upaghata, nhưng không thấy trong các tài liệu Pāli.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng ủy lạo nhau như vậy, Đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ nghe những lời này. Nghe xong, liền nói kệ:

*Tâm kia như đá cứng,
Trụ vững không lay động;
Đã lia tâm nhiệm trước,
Người sân không trả lại.
Nếu tu tâm như vậy,
Sao có nỗi đốn đau!*

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 1331. CHÚNG ĐA³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, kiết hạ an cư trong một khu rừng. Trong rừng này có Thiên thần ở, biết đến ngày mười lăm các Tỳ-kheo nhận tuổi³⁸, nên rất lấy làm buồn bã. Có vị Thiên thần khác nói với vị Thiên thần kia:

“Cớ sao anh sanh ra buồn rầu khổ não? Anh nên hoan hỷ, vì các Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, hôm nay nhận tuổi.”

Thiên thần trong rừng đáp:

“Tôi biết các Tỳ-kheo hôm nay mãn hạ, nhưng không giống ngoại đạo vô tu³⁹ nhận tuổi. Những Tỳ-kheo tinh tấn nhận tuổi, là sáng

³⁷. Ấn Thuận, “Tụng 5, 27. Tương ưng Rừng”; Đại Chánh kinh 1331-1462; phần lớn tương đương Pāli: S.9 Vanasamyutta. –Kinh 1331, Pāli: S.9.4. Sambahula (Cārika); N^o100(351).

³⁸. Nguyên Hán: thọ tuế 受歲, hết mùa an cư, Tỳ-kheo nhận tuổi hạ. Pāli: vasaṃvuttha.

³⁹. Vô tu ngoại đạo 無羞外道, ngoại đạo không biết xấu hổ; thường chỉ các nhóm Ca-cưu-đà Ca-chiên-diên (Pāli: Kakudha-Kaccāyana), Ni-kiền Tử (Pāli: Nigantha) và những nhóm lõa hình khác. Ở đây, Ud. 9.4, chỉ các nhóm Cārika,

hôm sau ôm bát đi đến nơi khác, rừng này sẽ vắng vẻ.”

Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, Thiên thần trong rừng nói kệ:

*Nay tâm tôi không vui,
Chỉ thấy rừng trống vắng.
Tâm thanh tịnh thuyết pháp,
Các Tỳ-kheo đa văn,
Đệ tử Đấng Cù-đàm,
Nay đang đến xứ nào?*

Khi ấy, có Thiên tử khác nói kệ:

*Người đến Ma-già-đà,
Người đến Câu-tát-la;
Hoặc đến Kim cương địa⁴⁰,
Mọi nơi, tu viễn ly.
Giống như cầm thú hoang,
Tùy sở thích dạo chơi.*

M

KINH 1332. HAM NGŨ⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, kiết hạ an cư trong một khu rừng. Ban ngày thì nhập chánh thọ,⁴² thân thể mệt mỏi, còn đêm đến thì ngủ. Lúc đó, trong rừng kia có Thiên thần trú ngụ, tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo. Ở trong rừng vắng, ban ngày nhập chánh thọ, ban đêm lại ham ngủ nghỉ. Bấy giờ ta sẽ đến thức tỉnh vị ấy.’ Lúc đó, Thiên thần đến trước Tỳ-kheo nói kệ:

các ngoại đạo du hành.

⁴⁰. Kim cang địa 金剛地。N^o100(351): Tỳ-xá-ly quốc 毘舍離國。Pāli: Vajjibhūmi, lãnh thổ của người Vajji mà thủ phủ là Vesali, Tỳ-xá-li). Bản Hán đọc là Vajirabhūmi.

⁴¹. S. 9. 2. Upatthāna; N^o100(352).

⁴². Túc ngủ trưa.

Tỳ-kheo! Thấy tỉnh dậy!
 Vì sao ham ngủ nghỉ?
 Ngủ nghỉ có lợi gì?
 Khi bệnh sao không ngủ?
 Khi gai nhọn đâm thân,
 Làm sao ngủ nghỉ được?
 Ngài vốn xả, không nhà,
 Ý muốn đi xuất gia.
 Nên như ý muốn xưa,
 Cầu tăng tiến ngày đêm;
 Chớ rơi vào mê ngủ,
 Khiến tâm không tự tại.
 Dục vô thường, biến đổi,
 Say mê nơi người ngu.
 Người khác đều bị trôi,
 Nay ngài đã cõi trời,
 Chánh tín mà xuất gia,
 Vì sao ham ngủ nghỉ?
 Đã điều phục tham dục,
 Tâm kia được giải thoát.
 Trí thắng diệu đầy đủ,
 Xuất gia, sao ham ngủ?
 Cần tinh tấn chánh thọ,
 Thường tu sức kiên cố.
 Chuyên cầu Bát-niết-bàn,
 Tại sao mà ham ngủ?
 Khởi minh, đoạn vô minh,
 Diệt tận các hữu lậu.
 Điều phục thân sau cùng,
 Tại sao ham ngủ nghỉ?

Khi vị Thiên thần kia nói kệ, Tỳ-kheo này nghe xong, chuyên tinh tư duy đắc A-la-hán.

M

KINH 1333. VIỄN LY⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở trong rừng Câu-tát-la, nhập chánh thọ ban ngày, tâm khởi giác bất thiện, nường vào ác tham. Lúc đó, trong rừng này có vị Thiên thần đang trú ngụ, tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng nhập chánh thọ ban ngày, tâm khởi giác bất thiện⁴⁴, nường vào ác tham. Bấy giờ ta nên đến làm tỉnh ngộ vị ấy.’ Lúc ấy, Thiên thần kia liền nói kệ:

*Tâm kia muốn viễn ly,
Cư ngụ nơi rừng vắng.
Phóng tâm theo ngoại duyên,
Dong ruổi theo loạn tưởng.
Chế ngự tâm mê đời,
Luôn vui tâm giải thoát.
Nên xả tâm không vui,
Chấp thọ, sống an lạc⁴⁵.
Tư duy không chánh niệm⁴⁶,
Chớ chấp ngã, ngã sở;
Như để bụi dính đầu,
Nếu dính rất khó phủi⁴⁷.
Chớ đắm nhiễm lạc dục,
Tâm bị dục vẫn dục;
Như Thích quân⁴⁸ cỡi voi,*

⁴³. S. 9. 1. Viveka; N⁰100(353).

⁴⁴. Bất thiện giác 不善覺, tức *bất thiện tâm* 不善尋, tư duy tâm cầu bất thiện.

⁴⁵. N⁰100(353): “Ông hãy xả bỏ tâm không hoan hỷ, mà an tâm hoan hỷ với pháp này.” Pāli: aratim pajahāsi sato, bhāvasi satam tam sārāyāmase, “ông chánh niệm, trừ bỏ sự bất mãn, chúng tôi ca ngợi ông là thiện nhân”.

⁴⁶. Tư phi ưu chánh niệm 思非於正念。

⁴⁷. Pāli: pātālarajo hi duttaro, mā tam kāmārajo avāhasi, “bụi trần địa ngục thật khó trừ; ông chớ mang theo bụi trần ái dục.”

⁴⁸. Thích quân 釋君; chỉ Thiên đế Thích? Pāli: sākuṇo yathā paṃsukunthito, vidhunaṃ pātayati sitaṃ rajam, “như con chim vùi mình trong cát, rừng mình, bụi

*Ruổi nhanh, giữ sạch bụi.
 Tỳ-kheo đối tự thân,
 Chánh niệm, trừ trần cấu;
 Trần chỉ cho tham dục,
 Chẳng phải bụi thế gian.
 Người trí tuệ sáng suốt,
 Phải tỏ trần cấu kia;
 Nơi pháp luật Như Lai,
 Giữ tâm, chớ buông lung.
 Trần cấu là sân nhuế,
 Chẳng phải bụi thế gian;
 Người trí tuệ sáng suốt,
 Phải tỏ trần cấu kia.
 Nơi pháp luật Như Lai,
 Giữ tâm, chớ buông lung.
 Trần cấu là ngu si,
 Chẳng phải bụi thế gian.
 Người trí tuệ sáng suốt,
 Phải xả trần cấu kia;
 Nơi pháp luật Như Lai,
 Giữ tâm không buông lung.*

Sau khi Thiên thần kia nói kệ rồi, Tỳ-kheo này nghe những gì vị kia đã nói, chuyên tinh tư duy, trừ bỏ phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1334. BÁT CHÁNH TƯ DUY⁴⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, dừng nghỉ trong một khu rừng, nhập chánh thọ ban ngày, khởi tư

rơi hết". Bản Hán đọc: sakkanāga...?

⁴⁹. S. 9. 11. Ayoniso; N^o100(354).

duy bất chính⁵⁰. Lúc đó có một Thiên thần đang ở trong rừng này, tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng nhập chánh thọ ban ngày mà khởi tư duy bất chính. Bây giờ ta nên đến dùng phương tiện khéo làm tỉnh ngộ vị ấy.’ Lúc này Thiên thần kia nói kệ:

*Sao tư duy bất chính,
Bị giác quán nuốt chửng?
Nên bỏ niệm bất chính,
Chuyên tu nơi chánh thọ.
Tôn trọng Phật, Pháp, Tăng,
Và tự giữ tịnh giới.
Luôn sanh tâm tùy hỷ,
Hỷ lạc càng tăng tiến.
Nhờ tâm hoan hỷ đó,
Cứu cánh, thoát khổ nhanh.*

Sau khi Thiên thần kia nói kệ khuyến khích rồi, Tỳ-kheo này chuyên tinh tư duy, tận trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1335. GIỮA TRƯA⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong một khu rừng, nhập chánh thọ ban ngày, vào lúc giữa trưa, Tỳ-kheo kia sanh tâm không vui, nói kệ:

*Nơi đây trời đứng bóng,
Chim chóc đều lặng thinh;
Hoang vắng chợt có tiếng,
Làm tâm ta sợ hãi.*

Lúc ấy, Thiên thần ở trong rừng kia nói kệ:

Hôm nay trời đứng bóng,

⁵⁰. Pāli: pāpake akusale vittake vitakketi, tâm cầu nơi ác bất thiện tâm.

⁵¹. S. 0. 12. Majjhantika; N^o100(355).

*Chim chóc đều lặng thinh;
Hoang vắng chợt có tiếng,
Vì tâm ông không vui.
Hay xả tâm không vui,
Chuyên vui tu chánh thọ.*

Sau khi Thiên thần kia nói kệ làm cho Tỳ-kheo này tỉnh ngộ rồi, Tỳ-kheo này chuyên tinh tư duy, trừ bỏ phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1336. A-NA-LUẬT⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Bấy giờ có Thiên thần tên là Xà-lân-ni⁵³ là thiện tri thức trước kia của Tôn giả A-na-luật, đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Sau khi đến chỗ A-na-luật rồi nói kệ:

*Nay ngài hãy phát nguyện,
Nguyện sanh về chốn cũ;
Lên trời Tam thập tam,
Vui ngũ dục đầy đủ.
Hàng trăm thứ âm nhạc,
Thường dùng để tự vui;
Mỗi khi đến giờ ngủ,
Âm nhạc báo thức giấc.
Hàng chữ Thiên ngọc nữ,
Hầu hai bên ngày đêm.*

Tôn giả A-na-luật nói kệ đáp:

⁵². S. 9. 6. Anuruddha; N^o100(356).

⁵³. Xà-lân-ni thiên tử 閼鄰尼天子。Pāli: devatā jālinī.

*Hàng chữ Thiên ngọc nữ,
 Chúng là khối khổ lớn.
 Vì tường diên đảo kia,
 Bị trời hữu thân kiến.
 Người cầu sanh nơi đó,
 Đây cũng là khổ lớn.
 Xà-lân-ni, nên biết,
 Ta không nguyện sanh kia.
 Sanh tử đã hết hẳn,
 Không còn tái sanh nữa.*

Sau khi Tôn giả A-na-luật nói những lời này, Thiên tử Xà-lân-ni nghe những gì Tôn giả A-na-luật nói, hoan hỷ, tùy hỷ liền biến mất.

M

KINH 1337. TỤNG KINH⁵⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tinh tấn tư duy, đắc quả A-la-hán. Sau khi chứng quả rồi, không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa. Khi ấy có vị Thiên thần đang ở trong rừng đó, nói kệ:

*Tỳ-kheo! Ngài trước kia,
 Ngày đêm siêng tụng tập;
 Luôn vì các Tỳ-kheo,
 Cùng luận nghĩa quyết định,
 Nay, ngài đối pháp cú,
 Im lặng không mở lời;
 Không vì các Tỳ-kheo,
 Cùng luận nghĩa quyết định.*

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

⁵⁴. S. 10. Sajjhāya; N^o100(357).

*Xưa, vì chưa lìa dục,
 Tâm thường ưa pháp cú;
 Nay, vì đã lìa dục,
 Việc tụng thuyết đã xong.
 Trước, biết đạo đã đủ,
 Thấy, nghe đạo làm gì?
 Các thấy, nghe thế gian,
 Bằng chánh trí⁵⁵ buông hết.*

Sau khi Thiên thần nghe những gì Tỳ-kheo nói, hoan hỷ, tùy hỷ, liền biến mất.

M

KINH 1338. BÁT-ĐÀM-MA⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Tỳ-kheo này bị bệnh mắt, vâng lời thầy thuốc dạy phải gửi hoa bát-đàm-ma. Sau khi Tỳ-kheo kia nhận lời dạy của thầy rồi, liền đến bờ ao hoa bát-đàm-ma, ngồi theo chiều gió bên bờ ao và theo gió mà gửi hương. Khi đó có vị Thiên thần chủ hồ này nói với Tỳ-kheo:

“Vì sao ngài trộm hoa? Ngài nay là giặc trộm hương!”

Bấy giờ, Tỳ-kheo nói kệ đáp:

*Không phá cũng không đoạt,
 Đứng xa gửi hương bay.
 Tại sao nay ông nói,
 Ta là giặc trộm hương?*

Lúc ấy, Thiên thần nói kệ:

⁵⁵. Để bản: bất tri 不知。Bản Nguyên-Minh: bất như 不如。Cf. Pāli: yaṃ kiñci diṭṭhaṃ va suttaṃ vā mutaṃ vā, aññāya nikkhepanamāhu santo, bất cứ những gì được thấy, nghe, biết, đều bằng chánh trí mà xả hết. Trong bản Hán, aññāya (bằng chánh trí), được hiểu là aññāṇa: vô tri.

⁵⁶. S. 9. 14. Padumapuppha; N^o100(358).

*Không xin mà tự lấy,
Thế gian gọi là giặc.
Ông, nay người không cho,
Mà tự đến người lấy;
Thì thế gian gọi là,
Giặc trộm hương thật sự.*

Lúc đó có một người nhỏ ngó sen kia, vác cả đi. Bấy giờ Tỳ-kheo nói kệ cho Thiên thần kia:

*Hiện tại, như người kia,
Bẻ gãy phân-đà-lợi,
Nhỏ rẽ vác cả đi,
Mới là người gian xảo.
Vì sao ông không ngăn,
Mà nói ta trộm hương?*

Lúc ấy, Thiên thần kia nói kệ đáp:

*Người gian xảo cuồng loạn,
Giống như áo nhũ mầu;
Đủ thiếu gì nói thêm!⁵⁷
Nên mới nói cùng ngài.
Ca-sa, không thấy bản,
Áo đen, mực chẳng dơ.
Người hung ác gian xảo,
Thế gian không nói tới.
Chân ruồi dơ lụa trắng;
Kẻ sáng, thấy vết nhỏ.
Như mực dính hạt châu,
Tuy nhỏ nhưng thấy hết.
Thường theo kia cầu tịnh,
Không kết, lia phiền não,
Ác tuy như lông tóc,*

⁵⁷. N^o100(358): “Như bà mẹ cho con bú, mặc chiếc áo đen, tuy bị dính nước giải, cũng chẳng thấy xấu hổ gì”. Pāli: ākiṇṇaluddo puriso, dhāticelaṃvā makkhito, tasmim me vacanaṃ natthi, hạng người hung bạo, dơ bẩn như chiếc áo của bà vú; tôi không nói đến hạng người ấy.

Người thấy như thái sơn.

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia lại nói kệ:

*Nói hay thay! Hay thay!
Dùng nghĩa an ủi tôi.
Ông hãy thương vì tôi,
Luôn luôn nói kệ này.*

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

*Tôi chẳng phải nô lệ
Ngài mua, hay người cho;
Làm sao luôn theo ngài,
Lúc nào cũng nhắc nhở?
Nay ngài nên tự biết,
Mọi việc lợi ích kia.*

Sau khi Thiên thần kia nói rồi, Tỳ-kheo này nghe những gì người ấy nói, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, một mình nơi chỗ thanh vắng, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1339. THỢ SĂN⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp⁵⁹ đang ở trong hang Tiên nhân⁶⁰, thành Vương xá. Lúc đó, có người thợ săn tên là Xích Chỉ,⁶¹ cách Tôn giả Thập Lực Ca-diếp không xa, giăng lưới bắt nai. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp vì thương xót người thợ săn kia nên thuyết pháp. Nhưng lúc đó người thợ săn kia không hiểu những gì ngài nói. Lúc bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp bèn dùng thần lực làm lửa cháy đầu ngón tay, nhưng ông vẫn không hiểu. Bấy giờ, Thiên thần đang ở trong hang Tiên nhân, nói kệ:

⁵⁸. S. 9. 3. Kassapagotta; N^o100(359).

⁵⁹. Thập Lực Ca-diếp 十力迦葉。Pāli: Kassapagotta.

⁶⁰. Tiên nhân quật 仙人窟。N^o100(359): Thê-ni quật 透泥窟。

⁶¹. Xích Chỉ 尺只。N^o100(358): Liên-ca 連迦。

*Thợ săn trong núi sâu,
Ít trí, mù không mắt.
Sao nói không đúng thời,
Đức mỏng, không tuệ biện?
Đã nghe cũng không hiểu,
Trong sáng cũng không thấy;
Đối mọi pháp thiện thẳng,
Ngu si chẳng thể tỏ.
Dù đốt mười ngón tay,
Chúng trợn không kiến đế.*

Sau khi Thiên thần nói kệ này xong, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp liền im lặng.

M

KINH 1340. KIÊU-MÂU-NI⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tôn giả Kim Cương Tử⁶³ ở một nơi trong rừng, tại ấp Ba-liên-phất⁶⁴. Lúc đó dân chúng ấp Ba-liên-phất qua bốn tháng mùa hạ, mở đại hội Kiêu-mâu-ni⁶⁵. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cương Tử nghe dân chúng mở đại hội, sanh tâm không vui, nói kệ:

*Một mình ở rừng vắng,
Giống cây khô bị bỏ.
Mùa hạ cuối tháng tư,
Thế gian ư trang nghiêm.
Xem khắp các thế gian,
Không ai khổ hơn ta.*

⁵⁶. Pāli, S.9. 9. Vajjiputta; N^o100(360).

⁶³. Kim Cương Tử 金剛子。N^o100(360): Bạt-kỳ tử. Pāli: Vajjiputta. Bản Hán đọc là Vajiraputta.

⁶⁴. Ba-liên-phất 巴連弗。

⁶⁵. Kiêu-mâu-ni đại hội 橋牟尼大會。N^o100(36): Câu-mật-đề đại hội 拘蜜提大會。Pāli: Komudī; đại hội ngày trăng tròn tháng Kattika, tháng cuối mùa mưa. Bản Pāli: sabbaracāro, dạ hành đại hội, lễ hội suốt đêm.

Khi ấy vị Thiên thần ở trong rừng liền nói kệ:

*Một mình ở rừng vắng,
Giống cây khô bị bỏ.
Làm trời Tam thập tam,
Tâm thường mong an vui.
Giống như trong địa ngục,
Mong tưởng sanh cõi người.*

Lúc đó Kim Cương Tử được vị Thiên thần khuyến khích rồi, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1341. CHỈ TRÌ GIỚI⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, vì chỉ thích trì giới, nên công đức không thể tăng tiến lên được. Lúc đó vị Thiên thần trong rừng tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo trụ ở trong rừng, vì chỉ thích trì giới, nên công đức không thể tăng tiến lên được. Nay ta phải dùng phương tiện làm tỉnh ngộ vị ấy.’ Liền nói kệ:

*Chẳng phải chỉ trì giới,
Cùng tu tập đa văn;
Độc tĩnh thiền tam-muội,
Nhàn cư tu viễn ly.
Tỳ-kheo thiên khinh an,
Trọn không hết lậu được.
Vui chánh giác bình đẳng,
Xa lìa bọn phàm phu.*

Tỳ-kheo được Thiên thần khuyên tinh tấn, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

M

⁶⁶. Biệt dịch, N^o100(361).

KINH 1342. NA-CA-ĐẠT-ĐA⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Na-ca-đạt-đa⁶⁸ ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc ấy, có người tại gia xuất gia, thường gần gũi nhau⁶⁹. Thiên thần ở trong rừng kia tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo ở trong rừng, người xuất gia và tại gia cùng nhau thân cận, nay ta phải đến dùng phương tiện cảnh tỉnh.’ Thiên thần liền nói kệ:

*Tỳ-kheo sớm ra đi,
Gần tối trở về rừng.
Đạo tục gần gũi nhau,
Khổ vui cùng chia sẻ.
E buông thói tục gia,
Để cho ma lung lạc.*

Khi Tỳ-kheo Na-ca-đạt-đa được Thiên thần kia nhắc nhở như vậy rồi, chuyên tinh tư duy như vậy như vậy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1343. PHÓNG TÚNG⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, nói năng cười giỡn suốt ngày, tâm tán loạn không định được, buông thả các căn, chạy theo sáu cảnh. Lúc ấy Thiên thần ở trong rừng này thấy những Tỳ-kheo này không thu nhiếp oai nghi, tâm không vui nói kệ:

Trước đây chúng đệ tử

⁶⁷. S. 9. 7. Nāgadatta; N^o100(362).

⁶⁸. Na-ca-đạt-đa 那迦達多。N^o100(362): Long Dữ 龍與。Pāli: Nāgadatta.

⁶⁹. N^o100(362): “ham mê pháp tại gia; sáng sớm vào xóm; chiều tối mới trở về”.

⁷⁰. S. 9. 13. Pākatindriya (Sambahulā bhikkhū); N^o100(363).

Chánh mạng của Cù-đàm,
 Tâm vô thường⁷¹, khát thực,
 Vô thường, dùng giường chõng.
 Quán thế gian vô thường,
 Nên cứu cánh thoát khổ.
 Nay có chúng khó nuôi,
 Sống ở chỗ Sa-môn.
 Xin ăn uống mọi nơi,
 Đạo khắp hết mọi nhà;
 Mong của mà xuất gia,
 Không phải nguyện Sa-môn.
 Tăng-già-lê lết phết,
 Như trâu già kéo đuôi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nói với Thiên thần:

“Ông chán ghét chúng tôi chăng?”

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Không chỉ tên dòng họ,
 Không nêu đích danh ai,
 Mà nói chung chúng này,
 Nêu rõ điều bất thiện.
 Tướng lậu hoặc mới bày,
 Phương tiện chỉ lỗi lầm.
 Ai siêng năng tu tập,
 Tôi quy y kính lễ.

Sau khi được Thiên thần nhắc nhở rồi, các Tỳ-kheo kia đều chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1344. GIA PHỤ⁷²

Tôi nghe như vậy:

⁷¹. Vô thường tâm 無常心; tâm quán vô thường. N⁰100(363): thường tư duy vô thường 常思於無常。

⁷². S. 9. 8. Ogāḷho (Kulagharaṇī): N⁰100(364).

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc ấy, Tỳ-kheo kia đùa giỡn với vợ con của gia chủ, bị mang tiếng xấu. Lúc đó Tỳ-kheo tự nghĩ: ‘Nay ta hồng mắt, mang tiếng xấu chung đặng vợ con người. Nay ta muốn tự sát ở trong rừng này.’

Lúc ấy Thiên thần ở trong rừng kia tự nghĩ: ‘Không tốt, hồng mắt rồi! Tỳ-kheo này không hư hồng, không lỗi lầm, mà muốn tự sát ở trong rừng. Bây giờ, ta hãy đến đó tìm cách khai ngộ.’

Lúc ấy, Thiên thần kia hóa thân thành con gái của gia chủ, nói với Tỳ-kheo rằng: ‘Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và ngài rằng đã gần gũi nhau, làm những việc bất chính. Vốn đã mang tiếng xấu rồi, bây giờ có thể hoàn tục để cùng nhau hưởng lạc.’ Tỳ-kheo đáp:

‘Nơi các đường làng, giữa các ngã tư đường, mọi người đều đồn tiếng xấu về tôi và các cô đã cùng gần gũi nhau, làm những việc bất chính. Hôm nay tôi chỉ còn tự sát.’ Lúc ấy, Thiên thần kia liền hiện lại thân Trời, nói kệ:

*Tuy mang nhiều tiếng xấu,
Người khổ hạnh nên nhẫn;
Không vì khổ, tự hại,
Cũng không nên sanh phiền.
Nghe tiếng mà sợ hãi,
Ấy là thú trong rừng;
Là chúng sanh khinh tháo,
Không thành pháp xuất gia.
Nhân giả nên nhẫn nại,
Không vướng vào tiếng xấu;
Giữ tâm, trụ vững chắc,
Đó là pháp xuất gia.
Không vì người ta nói,
Mà mình thành giặc cướp;
Cũng không vì người nói,
Mà mình đắc La-hán.
Như ngài đã tự biết,*

Chư Thiên cũng biết vậy.

Sau khi được Thiên thần kia khai ngộ rồi, chuyên tinh tư duy, đoạn trừ các phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1345. KIẾN-ĐA⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa⁷⁴, ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, trì y phấn tảo. Lúc đó, Phạm thiên vương cùng với bảy trăm vị trời Phạm thiên từ cung điện của họ đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa, cung kính lễ bái. Lúc ấy có Thiên thần ở trong rừng ấy nói kệ:

*Thấy kia các căn lặng,
Cảm đến, thiện cúng dường;
Đạt ba minh đầy đủ,
Được pháp không lay động.
Độ tất cả phương tiện,
Y phấn tảo, ít việc.
Bảy trăm vị Phạm thiên,
Nương cung điện đến đây.
Thấy sanh tử hữu biên,
Lễ vị vượt bờ hữu.*

Sau khi Thiên thần kia nói kệ tán thán Tỳ-kheo Kiến-đa xong, liền biến mất.

M

KINH 1346. HAM NGŨ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc này, thân thể Tỳ-kheo ấy mỗi một, ban đêm đến ngủ say. Lúc đó, có Thiên thần ở trong rừng này đến nhắc nhở, liền nói kệ:

⁷³. Không có Pāli tương đương.

⁷⁴. Kiến-đa 見多。

*Hãy tỉnh dậy Tỳ-kheo!
 Vì sao lại ngủ mê?
 Ngủ nghỉ có nghĩa gì?
 Tu thiền chớ ngủ nghỉ.*

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

*Không khứng, nên làm sao?
 Lười biếng ít phương tiện;
 Duyên hết, thân thể suy,
 Nên đem đến ngủ mê.*

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

*Ông cần nên giữ gìn,
 Vật có tiếng, kêu lớn;
 Ông đã được tu nhàn,
 Chớ để cho thoái thất.*

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

*Tôi sẽ theo lời ông,
 Tinh cần tu phương tiện;
 Không vì mê ngủ kia,
 Luôn bao phủ tâm mình.*

Sau khi Thiên thần kia cảnh tỉnh Tỳ-kheo này như vậy như vậy, thì Tỳ-kheo ấy chuyên tinh phương tiện, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

Lúc ấy, Thiên thần lại nói kệ:

*Ông hãy tự thức tỉnh,
 Chuyên tinh cần phương tiện;
 Không bị bọn quân ma,
 Bắt ông phải ngủ nghỉ.*

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:

*Từ nay đến bảy đêm,
 Thường ngồi chánh tư duy;
 Thân này sanh hỷ lạc,
 Không điều gì thiếu sót.*

Đầu đêm quán túc mệnh,
 Giữa đêm thiên nhãn tịnh;
 Cuối đêm trừ vô minh.
 Thấy khổ vui chúng sanh.
 Hình loại thượng trung hạ,
 Biết nhân duyên nghiệp gì,
 Mà thọ quả báo này.
 Nếu những gì người tạo,
 Tự thấy điều đã làm;
 Thiện, tự thấy là thiện;
 Ác tự thấy là ác.

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Tôi biết trước tất cả,
 Mười bốn người Tỳ-kheo;
 Đều là Tu-đà-hoàn,
 Thấy được thiên chánh thọ.
 Đi đến trong rừng này,
 Sẽ đắc A-la-hán.
 Thấy ông chỉ giải đãi,
 Nằm giữa ham ngủ nghỉ.
 Chớ sống như phạm phu,
 Nên phương tiện giác ngộ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo lại nói kệ:

Lành thay, này Thiên thần!
 Dùng nghĩa an ủi tôi;
 Chí thành đến khai ngộ,
 Khiến tôi hết các lậu.

Lúc ấy, Thiên thần kia lại nói kệ:

Tỳ-kheo nên như vậy,
 Tin, xuất gia, không nhà;
 Ôm ngu mà xuất gia,
 Chóng được kiến thanh tịnh.
 Nay tôi hộ trì ông,
 Trọn cả một đời này;

*Khi nào ông ốm đau,
Tôi sẽ cúng thuốc hay.*

Sau khi Thiên thần kia nói kệ xong, liền biến mất.

M

KINH 1347. BÌNH RƯỢU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại bên mé ruộng của một tụ lạc. Sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y ôm bát vào làng khất thực. Lúc đó có một Ni-kiền Tử uống rượu say cuồng, cầm bình rượu từ tụ lạc ra, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, bèn nói kệ:

*Mỡ gạo ướp thân tôi,
Cầm một bình mỡ gạo;
Núi, đất và cỏ cây,
Thấy chúng toàn màu vàng.*

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: ‘Những ác thanh này được nói ra trong bài kệ, là do ác vật kia, ta há không thể dùng kệ đáp sao?’ Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ:

*Được ướp vị vô tướng,
Cầm bình Không tam-muội;
Núi, đất và cỏ cây,
Thấy chúng như đờm giải.*

M

KINH 1348. DÃ CAN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, tuy đã đắc tha tâm trí nhưng phiền não vẫn còn. Cách rừng không xa có cái giếng. Có dã can uống nước, cổ bị mắc kẹt trong cái gàu. Lúc đó dã can kia tìm đủ cách để thoát và

tự nghĩ: ‘Trời sắp muốn sáng rồi, người nông dân nếu ra, sẽ khùng bố ta. Người, cái gàu múc nước, làm ta sợ đã lâu, hãy để cho ta thoát ra.’ Lúc đó, Tỳ-kheo kia biết được tâm niệm con dã can này, liền nói kệ:

*Mặt trời tuệ Phật chiếu,
Lìa rừng nói pháp Không;
Từ lâu tâm sợ ngã,
Nay nên buông xả đi.*

Sau khi Tỳ-kheo tự nhắc nhở mình rồi, tất cả phiền não sạch hết, đắc A-la-hán.

M

KINH 1349. CHIM ƯU-LÂU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, nghỉ lại ở trong một khu rừng. Bấy giờ, có một Thiên thần nương ở rừng này, thấy dấu chân đi của Phật, cúi xuống xem kỹ, liền nhớ đến Phật. Lúc đó có con chim ưu-lâu⁷⁵ đứng giữa đường, muốn bước lên dấu chân Phật. Bấy giờ, Thiên thần kia liền nói kệ:

*Nay, người, chim ưu-lâu,
Mắt tròn đậu trên cây;
Chớ xóa vết Như Lai,
Hoại cảnh ta nhớ Phật.*

Sau khi Thiên thần nói kệ xong, im lặng niệm Phật.

M

KINH 1350. HOA BA-TRA-LỢI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la du hành trong nhân gian, ở trong một khu rừng; dừng nghỉ dưới bóng cây ba-tra-lợi⁷⁶. Khi

⁷⁵. Ưu-lâu 優樓。Pāli: ulūka, một loại cú.

⁷⁶. Ba-tra-lợi 波吒利。Pāli: pātālī, tên một loại cây. Phật Tỳ-bà-thi thành Phật dưới gốc cây này.

ấy có Thiên thần ở trong rừng này, liền nói kệ:

*Hôm nay gió chợt khởi,
Thổi cây ba-tra-lợi;
Hoa tra-lợi rơi đầy,
Cúng dường Đức Như Lai.*

Sau khi Thiên thần nói kệ xong, đứng im lặng.

M

KINH 1351. KHỔNG TUỐC

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo đang trú bên sườn núi Chi-đê⁷⁷, là những Tỳ-kheo a-luyện-nhã, trì y phẩn tảo, thường hành khát thực. Lúc đó Sơn thần trụ ở núi này, nói kệ:

*Mình công như gấm thêu,
Ở núi Bê-đê-hê⁷⁸;
Thỉnh thoảng hót tiếng hay,
Nhắc Tỳ-kheo khát thực.
Mình công như gấm thêu,
Ở núi Bê-đê-hê;
Thỉnh thoảng hót tiếng hay,
Nhắc vị trì phẩn tảo.
Mình công như gấm thêu,
Ở núi Bê-đê-hê;
Thỉnh thoảng hót tiếng hay,
Nhắc vị ngồi bóng cây.*

Sau khi Thiên thần nói kệ xong, đứng im lặng.

M

⁷⁷. Chi-đê sơn 支提山。Pāli: Cetiya, tên núi, cũng gọi là Vedisa; xem cht. dưới.

⁷⁸. Bê-đê-hê 鞞提醯。Pāli: Vedisagiri, tên núi, cũng gọi là Cetiya, cách Pāṭaliputta khoảng năm mươi do-tuần.

KINH 1352. DOANH SỰ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo ở núi Chi-đề, tất cả đều tu hạnh A-luỵen-nhã, trì y phẩn tảo, thường hành khát thực. Bấy giờ, bờ sông Na-sa-khư-đa⁷⁹ bị lở, làm chết ba vị Tỳ-kheo doanh sự⁸⁰. Lúc ấy, Thiên thần núi Chi-đề nói kệ:

*A-lan-nhã, khát thực,
Cẩn thận chớ xây dựng.
Không thấy sông Khu-đa,
Bờ bên chợt sạt lở,
Đề chết người xây dựng.,
Ba Tỳ-kheo doanh sự?
Tỳ-kheo trì phẩn tảo,
Cẩn thận chớ xây dựng.
Không thấy sông Khu-đa,
Bờ bên chợt sạt lở,
Đề chết người xây dựng,
Ba Tỳ-kheo doanh sự?
Tỳ-kheo nương bóng cây,
Cẩn thận chớ xây dựng.
Không thấy sông Khu-đa,
Bờ bên chợt sạt lở.
Đề chết người xây dựng,
Ba Tỳ-kheo doanh sự?*

Sau khi Thiên thần kia nói kệ xong, liền đứng im lặng.

M

⁷⁹. Na-sa-khư-đa 那娑佉多。

⁸⁰. Doanh sự Tỳ-kheo 營事比丘, chỉ Tỳ-kheo phụ trách công tác xây dựng cho Tăng. Pāli: navakammika.

KINH 1353. NÚI TẦN-ĐÀ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo sống trong núi Tần-đà⁸¹. Lúc ấy rừng trên núi chột bốc lửa lớn, cả núi cháy rực. Lúc đó có người thế tục nói kệ:

*Nay núi Tần-đà này,
Lửa cháy suốt dữ dội;
Thieu rụi rừng trúc kia,
Đốt cả hoa⁸², trái trúc.*

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Nay, người thế tục này có thể nói kệ này, sao ta không nói kệ để đáp?’ Liền nói kệ:

*Tất cả hữu cháy rực,
Không tuệ nào dập tắt;
Thieu đốt các thọ dục,
Cũng đốt khổ bất tác.*

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

M

KINH 1354. THEO DÒNG TRÔI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở bên cạnh sông Hằng, trụ trong một khu rừng. Khi ấy có một cô gái thiện gia, thường bị bố mẹ chồng trách mắng, nên đến bên bờ sông Hằng, nói kệ:

*Sông Hằng, nay ta muốn,
Theo dòng trôi dần biển;
Không còn để cô cậu,
Thương xuyên phải hiềm trách.*

⁸¹. Tần-đà 頻陀山。

⁸². Nguyên bản: *uyển* 苑。 Bản Tống, Ấn Thuận đọc là *hoa* 花。

Khi Tỳ-kheo kia thấy cô gái thiện gia này, nghe nói kệ như vậy, liền tự nghĩ: ‘Cô gái này còn có thể nói kệ, nay tại sao ta không nói kệ đáp?’ Liền nói kệ:

*Tịnh tín, nay ta muốn
Theo vào sông bát Thánh;
Trôi xuôi đến Niết-bàn,
Không gặp ma lung lạc.*

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

M

KINH 1355. TRĂNG SÁNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Cách rừng không xa, có ruộng trồng dưa. Đêm đó có kẻ trộm đến trộm dưa, thấy mặt trăng sắp mọc, nói kệ:

*Trăng sáng, người chớ hiện,
Đợi ta hái dưa này.
Ta đem dưa đi rồi,
Mặc người hiện hay không.*

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Kẻ trộm dưa còn có thể nói kệ, chẳng lẽ ta không thể nói kệ đáp trả sao?’ Liền nói kệ:

*Ác ma, người chớ hiện,
Chờ ta đoạn phiền não;
Đoạn phiền não kia rồi,
Mặc người hiện hay không.*

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

M

KINH 1356. PHUỚN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân

gian, sống trong một khu rừng. Lúc đó có một Sa-di nói kệ:

*Thế nào gọi là thường?
 Khất thực tức là thường.
 Thế nào là vô thường?
 Tăng ăn là vô thường.
 Thế nào gọi là thẳng?
 Chỉ phước Nhân-đà-la.
 Thế nào gọi là cong?
 Cong, chỉ thấy móc câu.*

Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Sa-di kia còn có thể nói kệ như vậy, nay sao ta không nói kệ mà đáp.’ Liền nói kệ:

*Thế nào gọi là thường?
 Thường tức là Niết-bàn.
 Thế nào là vô thường?
 Chỉ các pháp hữu vi.
 Thế nào gọi là thẳng?
 Chính là Bát Thánh đạo;
 Thế nào gọi là cong?
 Cong là lối mòn ác.*

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, ngồi im lặng.

M

KINH 1357. BÁT SÀNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có đệ tử Xá-lợi-phất, uống thuốc xong, muốn tìm cháo ăn. Lúc đó Tôn giả Xá-lợi-phất đến nhà thợ gốm để xin cái chậu sành. Khi đó thợ gốm kia nói kệ:

*Thế nào được nổi danh,
 Mà không thí một đồng?
 Thế nào thẳng thật đức,
 Của cải không bị giảm?*

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ đáp:

Như người không ăn thịt,
 Mà đem thịt cho họ.
 Những người tu phạm hạnh,
 Mà đem nữ sắc cho.
 Người không ngồi giường cao,
 Mà đem giường cao cho.
 Đối người sắp đi kia,
 Mà cho chỗ nghỉ ngơi.
 Giúp đỡ cho như vậy,
 Thì của cải không giảm,
 Mà lại được tiếng khen,
 Và không tốn một tiền,
 Thật đức danh tiếng vang,
 Của cải không giảm sút.

Lúc ấy, người thợ gốm kia lại nói kệ:

Thừa ngài Xá-lợi-phất,
 Đã nói điều thật hay;
 Xin cúng ngài trăm bát,
 Không dư, cũng không được.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

Trời Tam thập tam kia,
 Diêm-ma, Đâu-suất-đà,
 Hóa lạc, các Trời, Người,
 Cùng Tha hóa Tự tại,
 Được bát sành, nhờ tín,
 Mà người không sanh tín.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ xong, im lặng đi ra khỏi nhà thợ gốm.

M

KINH 1358. NGƯỜI NGHÈO

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà,

nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Lúc đó có một người nghèo ở bên cạnh rừng, tự suy nghĩ hy vọng như vậy mà nói kệ:

*Nếu được một đầu heo,
Một bình đầy rượu ngon;
Đựng đầy trong một chậu,
Người luôn luôn đem cho.
Nếu mà được như vậy,
Sẽ còn lo lắng gì?*

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Người nghèo này còn có thể nói kệ, nay sao ta không nói.’ Liền nói kệ:

*Nếu được Phật, Pháp, Tăng,
Tỳ-kheo khéo thuyết pháp;
Ta không bệnh, nghe luôn,
Không sợ các ma oán.*

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ này xong, ngồi im lặng⁸³.

M

KINH 1359. KIẾP-BỐI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, sống trong một khu rừng. Tỳ-kheo kia tự nghĩ như vậy: ‘Nếu được kiếp-bối tốt, dài bảy khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay để may cái y xong, ta vui tu thiện pháp.’

Lúc đó có vị Thiên thần nương ở trong rừng này tự nghĩ: ‘Đây không phải là pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng mà tư duy hy vọng y tốt.’ Khi ấy Thiên thần hóa thành một bộ xương, múa trước Tỳ-kheo kia và nói kệ:

*Tỳ-kheo nghĩ kiếp-bối,
Bảy khuỷu rộng sáu thước;
Ngày thì tưởng như vậy,*

⁸³. Nguyên bản: trụ 住。 Bản khác: khứ 去。

Đêm tư duy cái gì?

Lúc ấy, Tỳ-kheo kia lòng kinh hãi, thân sợ run, nói kệ:

*Thôi! Thôi! Không cần vải,
Nay đắp y phẩn tảo;
Ngày thấy bộ xương múa,
Đêm lại thấy gì đây?*

Sau một phen tâm kinh sợ, Tỳ-kheo kia liền chánh tư duy, chuyên tinh tu tập, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán.

M

KINH 1360. VÚNG SÌNH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, đắc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã trút gánh nặng, đoạn các hữu kết, chánh trí, tâm khéo giải thoát. Khi đó có một người nữ, trong đêm tối, trời mưa lâm râm, sấm chớp lóe sáng, đi ngang qua muốn đến với người đàn ông khác. Cô bị té trong bùn sâu, vòng xuyên bị gãy, chuỗi hoa rơi vãi. Lúc bấy giờ, cô gái kia nói kệ:

*Đầu tóc đều xoắn tung,
Chuỗi hoa rơi bùn sâu;
Vòng xuyên đã gãy khúc,
Chàng đang đắm nơi đâu?*

Khi ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Cô con gái còn có thể nói kệ, sao ta không thể nói kệ để đáp lại?’

*Phiền não đều đã dứt;
Qua vũng bùn sanh tử;
Trời buộc thấy rơi vãi,
Mười phương tôn, thấy ta.*

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, ngồi im lặng.

M

KINH 1361. BÊN BỜ SÔNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, bên bờ sông. Lúc đó có đôi vợ chồng theo nhau qua sông, đứng lại ở bên bờ, khảy đàn, đùa giỡn, rồi nói kệ:

*Nhớ thương mà phóng dật,
Tiêu dao khoáng rừng xanh;
Nước chảy, chảy lại trong,
Tiếng đàn thật hòa mỹ.
Mùa xuân thỏa thích chơi,
Khoái lạc còn gì hơn?*

Lúc đó Tỳ-kheo ấy tự nghĩ: ‘Người kia còn có thể nói kệ, sao ta không thể nói kệ đáp?’

*Thọ trì giới thanh tịnh,
Nhớ thương Đẳng Chánh Giác;
Tắm gội ba giải thoát,
Khéo dùng rất mát trong.
Nhập đạo đủ trang nghiêm,
Khoái lạc nào hơn đây?*

Sau khi Tỳ-kheo kia nói kệ xong, đứng im lặng.

M

KINH 1362.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng. Lúc đó có Thiên thần thấy những con chim bồ câu, liền nói kệ:

*Bồ câu, hãy tích tụ,
Mè, gạo, lật vân vân,*

*Ở ngọn cây trên núi,
Làm hang tổ trên cao.
Nếu gặp khi trời mưa,
Yên tâm ăn uống ngủ.*

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: ‘Kia cũng giác ngộ ta.’ Liền nói kệ:

*Phàm phu chứa pháp lành,
Cung kính nơi Tam bảo;
Khi thân hoại mạng chung,
Tinh thần, tâm an lạc.*

Sau khi Tỳ-kheo nói kệ xong, liền tỉnh ngộ, chuyên tâm tư duy, dứt trừ các phiền não, đắc A-la-hán.



SỐ 100 → 124

TẬP A-HÀM BIỆT DỊCH

SỐ 100

BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

*Hán dịch: Mất tên người dịch.**- Phụ vào dịch phẩm đời Tần.*

QUYỂN I

TỤNG 1: Phần 1

1. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi vườn Am-bà-la, thuộc nước Di-si-la. Bấy giờ Tôn giả Thiện Sanh vừa mới cạo bỏ râu tóc, xuất gia, đến gặp Phật, làm lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tộc tánh tử Thiện Sanh này có hai mặt đoan nghiêm: Một, dung mạo kỳ vĩ, xinh đẹp đặc biệt. Hai, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y vì tin chắc chắn các pháp thế gian đều quy về vô thường, nên đã xuất gia học đạo, diệt tận các phiền não, đầy đủ vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thân chứng Niết-bàn, xa lìa sanh tử, phạm hạnh đã lập, không còn luân hồi.

Đức Phật dạy xong, nói kệ:

*Tỳ-kheo thường định tịch
Trừ dục, lìa sanh tử
Ngay thân cuối cùng này
Phá tan các ma quân
Tu tâm đoan phiền não
Đoan chính không ai bằng.*

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

2. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có vô số đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn để nghe thuyết pháp. Có một Tỳ-kheo dung sắc gầy yếu, không có uy nghi, đến chỗ Đức Phật, làm lễ dưới chân Ngài, chắp tay, theo các Tỳ-kheo ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Tỳ-kheo này vì sao dáng dấp gầy yếu như vậy, không có uy đức?”.

Thế Tôn biết ý nghĩ của các Tỳ-kheo, nên bảo:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy có thấy vị Tỳ-kheo vừa làm lễ Ta không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy.

Đức Phật bảo:

–Nay các ông chớ sanh tâm xem thường vị ấy. Tại sao? Vì Tỳ-kheo đó việc làm đã xong, chứng đắc A-la-hán, đã bỏ gánh nặng, diệt sạch phiền não, đạt chánh giải thoát. Thế nên các ông không được sanh ý tưởng khinh khi đối với vị ấy. Nếu các ông được thấy biết như Ta, sau đấy mới có thể xét đoán vị ấy. Nếu các ông xét đoán sai lầm là tự hại mình.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Khổng tước màu lông tuy rực rỡ
Đâu bằng Hồng hộc vượt tầng không
Ngoại hình tuy xinh đẹp tươi hồng
Chẳng như Tôn đức sạch phiền não.
Vị Tỳ-kheo ấy như ngựa thuần
Giỏi tự điều phục cả thân tâm
Đoạn dục, diệt kết, thoát sanh tử
Mang thân cuối cùng phá ma quân.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng hành.

M

3. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa vừa đắc Tứ thiền, tự nghĩ: “Nước Ma-kiệt-đề này, ai là tối thắng?”. Ông ta lại suy nghĩ: “Hiện nay Thái tử A-xà-thế sẽ kế vị ngôi vua, nếu ta điều phục được ông ta thì có thể khống chế được dân chúng cả nước”.

Suy nghĩ như thế xong, Đề-bà-đạt-đa bèn đi ngay đến chỗ A-xà-thế, hóa làm con voi quý đi vào cửa, rồi bay ra ngoài; lại hóa làm con ngựa quý cũng như vậy; lại hóa làm Sa-môn đi vào cửa rồi bay lên hư không. Ông ta lại hóa làm đứa bé, trên thân trang sức bằng các chuỗi ngọc quý, ngồi trên đùi A-xà-thế. A-xà-thế ôm lấy đứa bé, nhỏ nước bọt vào miệng đứa bé. Đề-bà-đạt-đa vì tham lợi dưỡng liền nuốt nước miếng ấy. Đề-bà-đạt-đa bèn bỏ thân đứa bé biến trở lại thân cũ.

A-xà-thế thấy sự việc ấy liền sanh tà kiến, cho rằng thần thông biến hóa của Đề-bà-đạt-đa hơn cả Đức Thế Tôn. Do đó, A-xà-thế sanh tâm vô cùng tín ngưỡng đối với Đề-bà-đạt-đa, hằng ngày chở đến năm trăm xe lương thực để cúng dường Đề-bà. Đề-bà-đạt-đa và năm trăm đồ chúng cùng nhau thọ hưởng các vật cúng dường ấy.

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo mặc y, mang bát vào thành khát thực. Sau khi thọ trai, họ đến gặp Thế Tôn, thưa:

–Bạch Thế Tôn, trước đây chúng con vào thành khát thực, thấy Đề-bà-đạt-đa chiêu tập những kẻ gần xa, thu đạt lợi dưỡng lớn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông không nên đối với địa vị của Đề-bà-đạt-đa mà sanh tâm tham muốn. Tại sao vậy? Đề-bà-đạt-đa chắc chắn bị lợi dưỡng làm hại. Như cây chuối ra buồng rồi phải chết, cây trúc, cây lau ra bông rồi chết, con la mang thai rồi phải chết, Đề-bà-đạt-đa được nhiều lợi dưỡng rồi sẽ như các loại trên không khác. Đề-bà-đạt-đa ngu si vô trí, không biết nghĩa lý, phải chịu khổ lâu dài. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, ai thấy Đề-bà-đạt-đa bị lợi dưỡng làm hại, cần phải xả bỏ những việc tham cầu, quan sát rõ ràng, hiểu cho thật đúng, đừng tham lợi dưỡng.

Đức Phật nói kệ:

*Trở buông, cây chuối chết
Trúc, lau nào khác gì
Người tham lợi cũng vậy
Gây tổn thương cho mình.
Người được nhiều lợi dưỡng
Sẽ tổn giảm, suy tàn
Trẻ ngu vì lợi dưỡng
Làm hại đến pháp thiện
Cũng như cây Đa-la
Đứt đầu không mọc lại.*

Đức Phật dạy kinh này, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo, đến giờ thọ trai, đắp y mang bát vào thành khát thực. Các Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo Thích Tử Tượng Thủ bị bệnh qua đời ở trong thành, nên sau khi thọ trai, họ đến gặp Phật, lạy sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch:

–Bạch Thế Tôn, sáng sớm, Tỳ-kheo chúng con đắp y mang bát vào thành khát thực, nghe Tỳ-kheo Tượng Thủ đã qua đời. Cầu mong Thế Tôn vì chúng con mà nói rõ Tỳ-kheo Tượng Thủ sanh vào chỗ nào và thọ quả báo gì?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người nào thường gia tăng ba loại phi pháp, sau khi qua đời phải đọa vào địa ngục. Ba loại phi pháp là gì? Đó là: tham lam, ngu si, giận dữ. Nay Tỳ-kheo ấy đã phạm ba thứ phi pháp, các Tỳ-kheo nên biết, ông ấy bị đọa vào địa ngục.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ai sanh tâm bất thiện
Kết nên tham, sân, si
Chính thân này làm ác
Trở lại hại thân này.*

*Như cây chuối trở buồng
 Tự hại cho thân nó
 Ai không tham sân si
 Chính là bậc trí tuệ.
 Không làm hại bản thân
 Là trượng phu tối thắng
 Thế nên phải trừ diệt
 Bệnh lớn tham, sân, si.*

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

5. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Trưởng lão Nan-đà đắp y sang trọng, bưng bát tốt đẹp, ý khí kiêu mạn, xem thường mọi người, nói lời tự cao, ta là em Phật, con của Di mẫu.

Có nhiều Tỳ-kheo đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Nan-đà đắp y sang trọng, tay cầm bát đẹp, tự xưng là em Phật, con của Di mẫu, trong lòng kiêu mạn, khinh miệt người khác.

Đức Phật nghe lời ấy, bèn sai một vị Tỳ-kheo đi gọi Nan-đà đến. Một Tỳ-kheo vâng lệnh Đức Phật, đến nơi bảo với Nan-đà:

–Thế Tôn gọi Hiền giả.

Nghe xong, Nan-đà đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Nan-đà:

–Ông mặc y sang trọng, tay cầm bát đẹp, tự xưng là em Phật, con của Di mẫu, kiêu mạn với người khác, việc này có thật không?

Nan-đà đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Thế Tôn bảo Nan-đà:

–Nay ông không được làm những việc như thế. Ông nên ưa thích ở nơi vắng lặng, giữa gò mả, bên gốc cây, mặc y vá, sống bằng khát thực. Nếu ông là em Ta, do Di mẫu sanh ra, cần phải tu hành những việc như vậy.

Đức Phật nói kệ:

*Ta muốn thấy Nan-đà
Tinh tấn vui tu hành
Ở nơi a-luyện-nhã
Bên gò mả, khát thực
Chỗ núi rừng yên tịnh
Bỏ dục, nhập thiền định.*

Đức Phật nói kệ này, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

6. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Nan-đà đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong những người giỏi thuyết pháp, Tỳ-kheo Nan-đà vào hàng thứ nhất. Về hình dáng tuấn tú, con nhà quý tộc, Tỳ-kheo Nan-đà cũng là hàng thứ nhất. Về xả bỏ ái dục đang đầy mạnh, Tỳ-kheo Nan-đà là bậc đứng đầu. Về việc giữ gìn các căn, biết tiết độ trong ăn uống, vào đầu đêm, cuối đêm tinh tấn tu hành, luôn luôn an trú trong chánh niệm tỉnh giác, Tỳ-kheo Nan-đà cũng là bậc đứng đầu.

Vì sao nói Tỳ-kheo Nan-đà thường giữ gìn các căn? Vì vị ấy không tham đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thế nên gọi Tỳ-kheo Nan-đà thường giữ gìn các căn.

Vì sao nói Tỳ-kheo Nan-đà thường tiết độ trong ăn uống? Vị ấy ăn để khỏi đói, không phải vì sắc đẹp và sự cường tráng, chỉ vì để tu phạm hạnh, chỉ thọ dụng vừa đủ, như mỡ bôi vào xe, như trị mụn ghẻ, không vì sắc đẹp, cường tráng, mập mạp, xinh đẹp. Nên nói rằng là Nan-đà biết tiết độ trong ăn uống.

Vì sao nói Tỳ-kheo Nan-đà đầu đêm, cuối đêm luôn tinh tấn tu hành, ngày thì kinh hành, đêm thì tọa thiền, trừ bỏ tâm bị trói buộc che phủ; vào đầu đêm sau khi rửa chân, vững thân ngồi ngay ngắn, đặt chánh niệm trước mặt, nhập thiền định; qua khỏi đầu đêm, đến giữa đêm, nằm nghiêng hông bên phải xuống đất, hai chân xếp vào nhau,

tâm nghĩ đến ánh sáng, tu niệm giác ý; vào cuối đêm giữ thân ngồi ngay thẳng, đặt chánh niệm trước mặt? Tỳ-kheo Nan-đà vào đầu đêm, cuối đêm chuyên tâm hành đạo, như nói ở trên. Tộc tánh tử Nan-đà được chánh niệm tỉnh giác tối thượng. Tỳ-kheo Nan-đà nhất tâm không tán loạn, chánh quán phương Đông, các phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy, nhất tâm quán sát, không cho tán loạn, đối với Khổ thọ, Lạc thọ, Xả thọ đều biết duyên khởi, biết rõ sự sanh diệt nhanh chậm của các thọ ấy, cũng biết nhân duyên sanh diệt của các tướng, cũng biết nhân duyên sanh diệt mà các giác sẽ trụ.

Này các Tỳ-kheo, nên học như vậy, giữ gìn các căn, biết tiết độ trong ăn uống, đầu, giữa, cuối đêm luôn tinh tấn hành đạo, tu chánh niệm tỉnh giác tối thượng, như là Nan-đà.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta dạy các ông học tập theo sự tu hành của Nan-đà. Nếu các Tỳ-kheo nào tu hành cũng như Nan-đà thì Ta cũng dạy các ông nên học theo vị ấy.

Thế Tôn nói kệ:

*Người nào thường giữ gìn các căn
Tiết độ ăn uống, thường chánh niệm
Đây mới thật là người có trí
Biết rõ tánh tướng tâm sanh diệt
Ta khen Nan-đà đã đạt được
Các ông cần phải học như thế.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

7. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Có Tỳ-kheo tên Trất Sư, là con người cô của Phật, ỷ lại Đức Phật nên tâm ý kiêu mạn, không kính trọng các Tỳ-kheo Trưởng lão có đức độ, không biết hổ thẹn, thường luôn nói nhiều. Nếu các Tỳ-kheo nói về ông một ít điều gì, ông thường sanh tâm sân hận.

Bấy giờ các Tỳ-kheo thấy ông ta như vậy, nên đến gặp Phật, làm lễ rồi ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, Tỳ-kheo Trất Sư thường sanh tâm kiêu mạn, tự tuyên bố mình là em, con người cô của Phật, khinh mạn các Tỳ-kheo Trưởng lão khác, thường nói nhiều lời. Nếu bị các Tỳ-kheo nói một ít điều gì, vị ấy liền phát sanh sân hận.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nay các ông đến gọi Tỳ-kheo Trất Sư lại đây.

Các Tỳ-kheo theo lời Phật dạy, đến gọi Trất Sư. Trất Sư vâng lời, đến ngay chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, đứng qua một bên. Bấy giờ Đức Phật bảo Trất Sư:

–Ông gặp các vị Tỳ-kheo Trưởng lão, không có tâm cung kính, không biết hổ thẹn, phóng túng về lời nói, nếu bị các Tỳ-kheo nói ít lời gì liền sanh tức giận, có đúng vậy không?

Trất Sư thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Phật bảo Trất Sư:

–Nếu ông cho rằng mình là con người cô của Ta, phải đối với các vị Tỳ-kheo Trưởng lão tức đức luôn có tâm ý cung kính, biết hổ thẹn, giữ gìn lời nói mình, lắng nghe lời nói của họ, cần phải gắng sức thọ trì.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thường phải tu thiện không khởi sân
Nếu sanh sân hận là bất thiện
Trất Sư, ông phải nghe Ta dạy
Cần phải trừ sân, bỏ kiêu mạn
Hành trì các thiện, tu phạm hạnh
Ông làm như thế Ta hoan hỷ.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

8. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Tỳ-kheo Tỳ-xá-khư con dòng Ban-xà-la, ở trên giảng đường, tập hợp các Tỳ-kheo, thuyết pháp cho họ, ngôn từ viên mãn, lời lẽ thông suốt, khiến cho đại chúng nghe rất hoan hỷ, không chán, được hiểu rõ ràng.

Các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả giảng dạy, hoan hỷ, vui mừng, chí tâm nghe và ghi nhận, cúng dường cung kính, chuyên tâm chú ý nghe Tôn giả thuyết pháp, không vì lợi dưỡng, không vì tiếng khen. Tôn giả có biện tài ứng hợp với nghĩa lý, lưu loát bất tuyệt, làm cho người nghe ghi nhớ không quên.

Trong đại chúng, có những Tỳ-kheo nghe như vậy, bèn đi đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Ngài, đứng qua một bên, thưa:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Tỳ-xá-khư, con dòng họ Ban-xà-la, ở trên giảng đường thuyết pháp cho mọi người, không vì để được lợi dưỡng, không vì tiếng khen, biện luận hợp nghĩa lý, lưu loát vô cùng, làm cho người nghe ghi nhận không quên.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ông hãy đến gọi Tỳ-kheo Tỳ-xá-khư, con nhà Ban-xà-la đến đây.

Các Tỳ-kheo vâng lệnh Đức Phật, đến gọi Tỳ-xá-khư. Sau khi được gọi, Tỳ-xá-khư đến chỗ Phật, lạy sát dưới chân Ngài, đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Tỳ-xá-khư:

– Có thật ông đã tập hợp các Tỳ-kheo lại để thuyết pháp cho họ, cho đến... làm cho các Tỳ-kheo chí tâm ghi nhận. Có việc này không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Nay Tỳ-xá-khư, ông tập hợp các Tỳ-kheo trên giảng đường, thuyết pháp cho họ không vì danh lợi, ngôn từ viên mãn, người nghe hoan hỷ, chí tâm tín thọ. Từ đây về sau, ông thường nên thuyết pháp tạo lợi ích như vậy. Nay các Tỳ-kheo, dù ít hay nhiều người, phải làm hai việc: Một, phải giảng thuyết giáo pháp. Hai, nếu không có gì đáng nói thì nên trả lời bằng cách im lặng. Không được bàn luận các việc thế sự. Nay các ông đừng khinh thường sự im lặng. Sự im lặng có lợi ích lớn.

Thế Tôn nói kệ:

*Giữa đại chúng hội hợp
Có cả ngu và trí
Nếu không trình bày rõ
Thì người không hiểu được.
Nếu giảng giải rõ ràng*

*Nhờ vậy người mới hiểu
 Vì thế nay các ông
 Phải thường giảng pháp yếu.
 Đốt sáng ngọn đuốc pháp
 Dựng cao cờ chư Phật
 Các vị A-la-hán
 Lấy diệu pháp làm cờ
 Chư Phật và Thánh hiền
 Lấy thiện ngữ làm cờ.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

9. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Trong thời gian ấy, có nhiều Tỳ-kheo tập hợp ở giảng đường cùng nhau may y. Khi ấy, có một Tỳ-kheo trẻ, xuất gia chưa lâu, mới thọ giới cụ túc, chỉ ngồi yên giữa Tăng chúng, không giúp đỡ chúng Tăng may y.

Bấy giờ các Tỳ-kheo may y xong, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, thưa:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con ở trong giảng đường may y phục. Vị Tỳ-kheo trẻ ấy chỉ ngồi yên giữa chúng Tăng, không phụ giúp công việc may y phục.

Đức Phật hỏi vị Tỳ-kheo trẻ:

– Ông thật đã không giúp đỡ chúng Tăng may y phải chăng?

Vị ấy thưa với Phật:

– Bạch Thế Tôn, con tùy theo sức lực, khả năng của mình để làm việc cho Tăng chúng.

Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo kia, nên bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông đừng phiền lòng vì vị Tỳ-kheo trẻ kia không làm. Tỳ-kheo đó việc làm đã xong, đắc quả A-la-hán, các lậu đã hết, bỏ gánh nặng xuống, chứng đạt chánh trí, tâm được giải thoát.

Thế Tôn nói kệ:

*Pháp giác ngộ giải thoát
 Trọn không phải vì kẻ
 Biếng nhác và vô trí
 Có thể chứng đắc được.
 Cũng như con ngựa giỏi,
 Bạc Trượng phu cao thượng
 Cắt đứt dây tham ái
 Diệt sạch các não phiền
 Phá tung cả bốn thủ
 Chứng được quả tịch diệt
 Diệt trừ chúng ma quân
 Sống với thân sau chết.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

10. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Có một Tỳ-kheo tên là Trưởng Lão, ở riêng trong một phòng, hết lời ca ngợi việc ở riêng.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Phật, lay sát chân Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Tỳ-kheo Trưởng Lão này đã hết lời ca ngợi việc ở một mình, đi một mình, ngồi một mình.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ông hãy đến gọi Tỳ-kheo Trưởng Lão.

Một Tỳ-kheo đến chỗ vị ấy, bảo Trưởng Lão:

–Thế Tôn gọi thầy.

Tỳ-kheo Trưởng Lão vâng lời dạy, đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Ngài, đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Trưởng Lão:

–Có thật ông ở một mình, tán thán pháp ngồi, đi một mình không?

Trưởng Lão bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng như vậy.

Thế Tôn dạy:

–Nay ông ưa thích việc sống một mình và tán thán việc sống một mình như thế nào?

Trưởng Lão bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con thật có vào làng một mình, đi về một mình, ngồi một mình.

Đức Phật dạy:

–Có cách sống một mình khác hơn cách sống một mình của ông. Đó là gì? Là làm khô kiệt nguồn gốc tham dục, chặn đứng tham dục trong tương lai không cho phát sanh, diệt trừ tham dục hiện tại không cho phát triển. Đây gọi là Bà-la-môn không có ngã và mọi sở hữu của ngã, đoạn trừ nghi kết, xa lìa các nhập, diệt trừ phiền não.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tất cả thế gian
Ta đều biết rõ
Xả bỏ tất cả
Diệt các ái kết
Thẳng pháp như thế
Gọi là độc trụ.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

11. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Thượng tọa Tăng Kiềm từ nước Kiền-tát-la du hành đến nước Xá-vệ, vào khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Bấy giờ người vợ cũ biết Tăng Kiềm đến nước Xá-vệ, liền mặc y phục, đeo chuỗi ngọc, trang sức xinh đẹp, bồng con nhỏ đến phòng của Tăng Kiềm.

Khi Tôn giả Tăng Kiềm đang đi kinh hành trên chỗ đất trống, bà ta tới chỗ Tôn giả, nói:

–Con tôi còn nhỏ, không thể tự sanh sống, vì thế đến đây gặp Tôn giả.

Tuy gặp gỡ nhau nhưng Thượng tọa Tăng Kiềm không trả lời bà ta. Lần thứ hai, lần thứ ba, bà ta cũng nói như vậy. Tôn giả Tăng Kiềm tuy nghe thấy nhưng không nhìn ngó, cũng không nói chuyện. Người

vợ cũ liền nói:

–Thiếp đến đây gặp chàng, chàng không thềm nói chuyện với thiếp. Đây là con chàng, hãy nuôi nấng nó.

Nói xong, bà đặt đứa nhỏ ở đầu đường kinh hành rồi bỏ đi, đứng ở chỗ xa xa nhìn lại. Bấy giờ Tôn giả cũng không nói chuyện với đứa con. Người vợ cũ lại suy nghĩ: “Nay vị Sa-môn này đã giải thoát hoàn toàn, đoạn hẳn tham ái như các vị Tiên thánh đã đoạn. Vị này đã chứng đắc đầy đủ”.

Không được mãn nguyện, người vợ cũ quay lại bồng con trở về nhà. Bấy giờ Đức Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn mọi người, nên đã nghe đầy đủ lời nói nơi người vợ cũ của Thượng tọa Tăng Kiềm. Thế Tôn nói kệ:

*Thấy đến không vui mừng
Thấy đi cũng không buồn
Người xả trừ ái dục
Bà-la-môn tối thượng
Khi đến đã không mừng
Khi đi cũng không buồn
Lìa cấu hạnh thanh tịnh
Gọi trí Bà-la-môn.*

Đức Phật thuyết kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

Nhiếp tụng:

*Thiện Sanh và Sắc xấu
Đề-bà và Tượng Thủ
Nhị Nan-đà, Trất Sư
Thiếu niên Ban-xà-la
Trường lão và Tăng Kiềm.*

M

12. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú ở trong núi Tiên nhân, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở nơi yên tịnh, suy nghĩ: “Trước đây Thế Tôn có giảng về ba loại hương, đó là hương của rễ, hương của cành và hương của hoa. Tất cả các mùi hương đều không ngoài ba loại này. Nhưng ba loại hương này thuận chiều gió thì nghe, ngược chiều gió thì không nghe”.

Tôn giả A-nan suy nghĩ như vậy, liền rời chỗ ngồi, đến chỗ Đức Phật, lạy sát dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vừa rồi con ở một mình nơi yên tĩnh, vắng lặng suy nghĩ: “Thế Tôn có dạy về mùi hương của ba loại rễ, cành và hoa là thơm nhất trong các loại hương. Nhưng mùi hương của chúng, thuận chiều gió thì nghe, ngược gió thì không nghe. Bạch Thế Tôn, có loại hương nào dù nghịch hay thuận gió đều nghe không?

Thế Tôn bảo A-nan:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Trong thế gian có loại hương thơm dù nghịch hay thuận gió đều nghe. Đó là loại hương gì? Trong xóm làng, thành phố có người đàn ông hay đàn bà sống nếp sống không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu thì chư Thiên và các vị chứng đắc thiên nhân đều khen ngợi người nam hay nữ thọ trì năm giới ở thành phố, xóm làng kia. Mùi hương của giới đức như vậy thì thuận hay ngược chiều gió đều nghe.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Hương hoa hồng, trầm hương
Ở rễ, nhánh, lá, hoa
Hương này thuận chiều gió
Ngược gió, không nghe mùi.
Hương thơm bậc Trì giới
Bay thơm khắp thế gian
Mười phương đều khen ngợi
Thuận, nghịch gió đều nghe.
Hoa hồng và trầm hương
Thiết mộc lan, nguyệt quế*

Mùi hương này thoang thoảng
 Không bằng hương trì giới.
 Các loại hương như vậy
 Mùi thơm không bay xa
 Hương giới bay mười phương
 Thù thắng hơn hương trời.
 Giới thanh tịnh như vậy
 Không phóng dật làm gốc
 An trú pháp vô lậu
 Chánh trí đắc giải thoát.
 Chúng ma tuy muốn tìm
 Chẳng biết họ ở đâu
 Đây là đạo an ổn
 Đạo này rất thanh tịnh
 Xa lìa sự loạn động
 Từ bỏ nẻo luân hồi.

Đức Phật nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

13. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Ma-kiệt-đề, cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo trước đây là hàng Bà-la-môn kỳ cựu, đức độ, chứng A-la-hán, các lậu đã tận, hết các kết nghiệp, chỗ làm đã xong, bỏ gánh nặng xuống, chứng đắc tự lợi. Đức Như Lai đến chùa Thiện trụ thiên, trong rừng Từ tự. Vua Tần-bà-sa-la nghe Đức Phật đến ngự trong rừng Từ tự, liền dẫn đầu một đoàn gồm một vạn tám ngàn kỵ binh, một vạn hai ngàn chiếc xe, ngàn ức vạn Bà-la-môn, cư sĩ, trước sau nối nhau đi đến chỗ Phật. Đến nơi, nhà vua xuống xe voi ngựa, bỏ những trang sức, đến gặp Đức Phật, quỳ chấp tay, bạch ba lần:

– Bạch Thế Tôn, con là Tần-bà-sa-la, vua nước Ma-kiệt-đề.

Đức Phật nói:

– Lành thay! Lành thay! Tần-bà-sa-la vua nước Ma-kiệt-đề.

Vua Tần-bà-sa-la lạy sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Các

Bà-la-môn và Trưởng giả nước Ma-kiệt-đề cùng lạy sát chân Phật rồi đều ngồi ở trước. Bấy giờ, trong hội có người chấp tay, có người im lặng ngồi.

Khi ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp ngồi ở bên Đức Phật, người nước Ma-kiệt-đề đều sanh nghi ngờ, suy nghĩ: “Phật và Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, ai là đạo sư?”. Đức Thế Tôn biết tâm niệm của người nước Ma-kiệt-đề nên dùng kệ hỏi Ca-diếp:

*Ông ở vùng Ưu-lâu
Tu theo pháp thờ lửa
Nay vì nhân duyên gì
Bỏ hẳn được nghiệp ấy?*

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nói kệ đáp:

*Trước kia con thờ lửa
Tham đắm nơi mùi vị
Cùng năm dục sắc trần
Đấy đều là cấu uế
Vì vậy nên vứt bỏ
Pháp thờ lửa, tế lửa.*

Thế Tôn nói kệ:

*Ta biết ông không ưa
Năm dục và sắc vị
Nay ông tín ngưỡng gì?
Hãy vì Trời, Người nói!*

Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nói kệ:

*Trước con rất ngu si
Không biết pháp chí chân
Khổ hạnh thờ tế lửa
Cho là nhân giác ngộ.
Như người mù bầm sanh
Không thấy đường giải thoát
Nay gặp Đấng Đại Long
Dạy con pháp chánh kiến.
Ngày nay con mới thấy*

*Nẻo vô vi chân chánh
Lợi ích cho tất cả
Điều ngự khiến giải thoát.
Phật xuất hiện trong đời
Khai thị pháp chân đế
Làm cho các chúng sanh
Đều được thấy tuệ sáng.*

Thế Tôn lại nói kệ:

*Nay ông đã khéo đến
Đạt được điều mong cầu
Ông có sức tư duy
Phân biệt pháp tối thắng
Nay ông phải quán sát
Thâm tâm của đại chúng
Vì họ hiện thần thông
Khiến họ sanh kính tín.*

Bấy giờ Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp tức thời nhập định, hiện các thần thông, bay lên hư không, nằm, ngồi, kinh hành; ngay ở phương Đông đi, đứng, ngồi, nằm hiện bốn uy nghi, trên thân phun nước, dưới thân phát lửa, dưới thân phun nước, trên thân phát lửa, nhập Hỏa quang tam-muội, phát ra các loại hào quang, hiện thần biến này ở phương Đông, rồi phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy. Tôn giả hiện thần biến xong, đứng ở trước Phật, lạy sát chân Ngài, chấp tay thưa:

–Đại Thánh Thế Tôn là thầy của con, hiện nay con là đệ tử của Phật.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Ông học nơi Ta, là đệ tử của Ta.

Đức Phật bảo:

–Ông hãy về chỗ ngồi của mình.

Lúc ấy vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

14. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ có Tỳ-kheo Đà-phiêu, là con của người lực sĩ. Đức Thế Tôn sai Tỳ-kheo này xử lý công việc của chúng Tăng. Tỳ-kheo Đà-phiêu phụng mệnh làm Tri sự cho Tăng.

Sau đó có một Tỳ-kheo tên là Di-đa-câu, là người đến lượt được mời thọ thỉnh trong Tăng. Bấy giờ Đà-phiêu y theo thứ lớp trong Tăng bố trí Tỳ-kheo Di-đa-câu đi thọ thỉnh. Tỳ-kheo này gặp phải thí chủ thiết cúng thực phẩm không ngon. Như vậy đến ba lần, nên vị ấy rất buồn bực, rất là khổ não, đến gặp em gái mình là Tỳ-kheo-ni Di-đa-la, nói:

–Ta bị khổ não bởi vì Đà-phiêu cắt ta đến thọ trai ở chỗ thức ăn rất dở. Nay em, Tỳ-kheo Đà-phiêu đã ba lần cho ta thức ăn quá dở, ta rất bực tức. Vậy em lẽ nào chẳng vì ta tạo các phương tiện để trả thù cho ta hay sao?!

Tỳ-kheo-ni Di-đa-la nói:

–Em làm sao tương trợ được?

Tỳ-kheo Di-đa-câu nói:

–Để ta tính toán cho. Em hãy đến gặp Phật, bạch: “Trước đây Tỳ-kheo Đà-phiêu làm việc phi tịnh hạnh với con”. Ta sẽ làm chứng, nói: “Đúng vậy, đúng vậy”.

Tỳ-kheo-ni Di-đa-la nói:

–Em làm sao lại hủy báng người trì giới thanh tịnh?

Di-đa-câu nói:

–Nay em, nếu em không chịu làm việc ấy cho anh, từ nay về sau anh không thềm nói chuyện với em nữa.

Vị Tỳ-kheo-ni nói:

–Ý anh đã quyết, em sẽ nghe theo.

Tỳ-kheo Di-đa-câu nói:

–Nay em, nay anh đi trước, em đến sau.

Tỳ-kheo Di-đa-câu đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên.

Tỳ-kheo-ni Di-đa-la lại đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không biết vì sao Đà-phiêu, con của người lực sĩ, vừa rồi hành động phi phạm hạnh với con?!

Tỳ-kheo Di-đa-câu thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng như vậy!

Bấy giờ Tỳ-kheo Đà-phiêu đang ở trong đại chúng. Đức Phật bảo Tỳ-kheo Đà-phiêu:

–Ông nghe lời nói này không?

Tỳ-kheo Đà-phiêu bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Phật biết rõ con.

Phật bảo Đà-phiêu:

–Nay ông không nên phát biểu như vậy. Nếu có làm việc ấy, ông phải nói là nhớ có. Nếu không làm các việc ấy, ông phải nói là nhớ không có.

Đà-phiêu liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nhớ rõ là không có việc như vậy.

Bấy giờ La-hầu-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đà-phiêu này cùng với Tỳ-kheo-ni Di-đa-la hành động phi phạm hạnh. Tỳ-kheo Di-đa-câu phát biểu làm chứng. Con thấy Tỳ-kheo Đà-phiêu đối với Tỳ-kheo-ni Di-đa-la hành động phi phạm hạnh. Tỳ-kheo Đà-phiêu vì sao lại nói như vậy?!

Đức Phật bảo La-hầu-la:

–Nếu Tỳ-kheo-ni Di-đa-la vu báng ông bằng lời thế này: “La-hầu-la làm việc phi phạm hạnh đối với con”, Tỳ-kheo Di-đa-câu lại phát biểu làm chứng: “Con thật thấy La-hầu-la đối với Tỳ-kheo-ni Di-đa-la đã hành động phi phạm hạnh”, thế thì ông sẽ nói gì?

La-hầu-la thưa:

–Bạch Thế Tôn, nếu con bị vu báng, con chỉ nói Đức Bạc-già-phạm tự chứng biết cho con.

Phật bảo La-hầu-la:

–Ông còn biết như vậy, huống chi vị kia thanh tịnh không vi phạm, lại không biết phát biểu như vậy hay sao?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nên vì Tỳ-kheo Đà-phiêu tiến hành pháp Ưc niệm Yết-ma. Tỳ-kheo-ni Di-đa-la vì tự phát ngôn, phải bị xử lý riêng.

Các Tỳ-kheo vâng lệnh Phật, kiểm tra Tỳ-kheo Di-đa-câu, hỏi ông ta:

–Tỳ-kheo Đà-phiêu cùng Tỳ-kheo-ni Di-đa-la hành động phi phạm hạnh, ông thấy ở chỗ nào? Thấy một mình hay cùng nhiều người thấy?

Các Tỳ-kheo xét hỏi như vậy. Tỳ-kheo Di-đa-câu không trả lời được, mới thú thật là vu báng:

–Trước đây Tỳ-kheo Đà-phiêu theo thứ lớp trong Tăng bố trí tôi thọ thỉnh, ba lần bị ăn không ngon. Thực ra tôi vì tham, sân, si nên gây ra sự vu báng này.

Bấy giờ Thế Tôn ra khỏi tịnh thất, trải tọa cụ ngồi trước chúng Tăng. Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con đã vì Tỳ-kheo Đà-phiêu tiến hành Yết-ma Úc niệm, đã hỏi Di-đa-câu nên biết rõ việc kia là vu báng, lại đã tiến hành diệt tận Tỳ-kheo-ni Di-đa-la.

Thế Tôn nói kệ:

*Để thành tựu tất cả
Bằng lời nói dối trá
Là vứt bỏ đời sau
Không ác gì không làm
Thà dùng thân miệng này
Nuốt viên sắt cháy nóng
Không được sống phá giới
Nhận tịnh tín cúng dường.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

15. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ Tỳ-kheo Đà-phiêu đến chỗ Phật, ở giữa đại chúng, đánh lễ chân Phật, bạch ba lần:

–Bạch Thế Tôn, nay con muốn vào Niết-bàn. Ngưỡng mong Thế Tôn cho phép con diệt độ.

Đức Phật bảo Đà-phiêu:

–Ông muốn vào Niết-bàn, Ta không ngăn ông.

Tỳ-kheo Đà-phiêu ở trước Đức Như Lai hiện mười tám phép biến hóa, vọt lên hư không, ngay ở phương Đông hiện bốn oai nghi với sắc thân đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc hiện ra nước, hoặc hiện lửa cháy; trên thân phun nước, dưới thân phun lửa, trên thân phun lửa, dưới thân phun nước, hoặc hiện thân to lớn đầy cả hư không, rồi lại hiện nhỏ, bước trên nước như trên đất bằng, đi vào đất như trong nước, phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Tôn giả biến hóa như thế xong, ngay giữa không trung nhập tam-muội Hỏa quang, lửa cháy rực rỡ, như đồng lửa lớn, nhập vào Niết-bàn, không có tro tàn để lại, cũng như dầu bơ cháy hết một lần.

Thế Tôn nói kệ:

*Ví như sắt nóng
Đập xẹt lửa ra
Tan rồi diệt ngay
Không biết nơi nào
Đắc chánh giải thoát
Cũng giống như vậy
Đã thoát phiền não
Chốn đục bùn lầy
Không thể biết được
Nơi vị ấy đến.*

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

16. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở rừng cây bên sông Đào thuộc nước Ma-kiệt-đà. Một mục đồng gặp Ngài, thưa:

–Trong rừng này có tên cướp Ưng-quật-ma-la có thể làm hại người.

Đức Phật bảo mục đồng:

–Tên giặc ấy không thể làm hại Ta được.

Ngài liền tiến bước lại gặp một mục đồng khác cũng nói như vậy, Phật đáp như trước. Cho đến lần thứ ba, Đức Phật vẫn đáp: “Kẻ ác ấy không thể hại Ta”.

Đức Phật vào trong rừng, Ương-quật-ma-la từ xa thấy Đức Phật đến, tay trái cầm bao dao, tay phải cầm dao, vọt chạy tới. Ương-quật chạy nhanh, Đức Như Lai đi chậm rãi, nhưng hắn không thể đuổi kịp. Ương-quật-ma-la cố chạy nên hết sức mệt mỏi, bèn nói với Phật:

–Đứng lại! Đứng lại! Này Sa-môn.

Đức Phật bảo:

–Ta luôn luôn đứng lại, chỉ tại người không chịu dừng lại đấy thôi!

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Sa-môn đi không ngừng
Lại nói mình luôn đứng
Còn ta đã đứng lại
Ông bảo ta chưa dừng
Tại sao ông nói đứng
Nói ta đi không ngừng?*

Thế Tôn nói kệ:

*Ta đối với chúng sanh
Không sát hại lâu rồi
Ông nào loạn chúng sanh
Không bỏ nghiệp ác ấy
Vì vậy nói Ta đứng
Còn ông chưa dừng lại.
Ta với loài hữu tình
Không có tâm độc hại
Người không ngừng nghiệp ác
Thường tạo nghiệp bất thiện
Vì vậy nói Ta đứng
Còn người không dừng lại.
Ta đối với chúng sanh
Trừ bỏ những nỗi hại
Người hại mạng mọi người*

Chưa trừ nghiệp hắc ám
 Vì vậy nói Ta dừng
 Còn người chưa đứng được.
 Ta vui nơi pháp mình
 Nhiếp tâm không phóng dật
 Người không thấy Tứ đế
 Không biết đứng chỗ nào
 Nên Ta nói đứng hẳn
 Còn người vẫn còn đi.

Ương-quật-ma-la nói kệ:

Ta ở nơi hoang dã
 Chưa gặp người thế này
 Bà-già-bà đến đây
 Dạy pháp thiện cho ta
 Từ lâu ta làm ác
 Hôm nay quyết từ bỏ
 Nay con nghe Ngài dạy
 Thuận pháp, đoạn các ác
 Đẻ dao vào trong vỏ
 Ném hết xuống hố sâu
 Tức thời con đánh lễ
 Quy y với Thế Tôn
 Lòng tin rất dững mãnh
 Phát tâm cầu xuất gia.
 Phật rải tâm đại bi
 Lợi ích khắp thế gian
 Gọi thiện lai Tỳ-kheo!
 Ương-quật thành Sa-môn.

Bấy giờ Tộc tánh tử Ương-quật-ma-la râu tóc tự rụng, thân mặc pháp y, đã được xuất gia, ở nơi vắng lặng tâm không phóng dật, chuyên tinh hành đạo, tu tập tinh tấn, luôn luôn siêng năng nhiếp tâm chánh niệm, tu pháp phạm hạnh vô thượng, diệt tận các khổ, trong hiện pháp này tự thân chứng tri, tự biết pháp chứng, sự sanh khởi về ngã đã hết, phạm hạnh đã lập, chỗ làm đã xong, không thọ thân sau.

Khi ấy, Tôn giả Vô Hại đã thành vị A-la-hán, đắc an lạc giải thoát, nói kệ:

Nay ta tên Vô Hại
 Sau khi tàn hại nhiều
 Nên tên đúng của ta
 Chân thật là Vô Hại.
 Nay thân ta thoát khổ
 Miệng, ý cũng như vậy
 Không còn hại người khác
 Đúng với tên Vô Hại.
 Trước thân ta đầy máu
 Tên Ương-quật-ma-la
 Được nước mạnh dội sạch
 Thế nên quy y Phật.
 Quy y thọ cụ túc
 Chúng đắc được ba minh
 Biết đủ giáo pháp Phật
 Thọ trì tu hành theo.
 Kẻ ngự trị trong đời
 Hành xử bằng dao gậy
 Móc sắt, roi, dây cương
 Các hình phạt cấm, đánh.
 Thế Tôn Đại Điều ngự
 Xả ly các pháp ác
 Từ bỏ đao, trượng, gậy
 Là điều ngự chân chánh.
 Qua sông cần cầu đò
 Uốn tên cần dùng lửa
 Thọ nhờ rìu đẽo thẳng
 Trí dùng tuệ tự điều.
 Ai trước đây làm ác
 Sau bỏ không làm nữa
 Người ấy sáng thế gian
 Như trăng thoát mây che.
 Ai trước sống phóng dật

*Sau không còn phóng dật
 Chánh niệm tránh gai độc
 Chuyên tâm đến bờ kia.
 Tạo đủ hành động ác
 Phải đọa cảnh giới ác
 Nhờ Phật, tội con diệt
 Được thoát khỏi nghiệp ác.
 Những người nghe con nói
 Điều bỏ ý oán thù
 Đắc nhãn tịnh, được nhãn
 Phật dạy: không tranh, thắng.*

M

17. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Vào lúc trời mờ sáng, có một Tỳ-kheo đến bên bờ sông, cởi y phục để một nơi, xuống sông tắm rửa. Sau đó, vị ấy ra khỏi nước, lên bờ sông, ở trần phơi mình cho khô.

Có vị trời tỏa chiếu hào quang sáng rực nơi bờ sông ấy, nói với Tỳ-kheo:

–Thầy xuất gia chưa bao lâu, mái tóc tốt đẹp, sức khỏe cường tráng, tại sao không thọ hưởng năm dục lạc, xuất gia phi thời vậy?

Tỳ-kheo đáp:

–Nay tôi xuất gia chính vì đúng thời, chứng đắc nơi phi thời.

Vị trời nói với Sa-môn:

–Thế nào là xuất gia đúng thời, chứng đắc nơi phi thời?

Sa-môn đáp:

–Đức Phật Thế Tôn dạy năm dục lạc là thời, Phật pháp là phi thời. Lạc thú của năm dục ý vị rất ít, nguy hiểm lại nhiều, là chỗ tập hợp của khổ não. Tôi ở trong Phật pháp tự thân tác chứng, không có các phiền não, kết quả tu hành không đợi ngày giờ, trồng nhân duyên nhỏ ít, được quả báo lớn.

Vị trời lại hỏi:

–Vì sao Phật dạy năm dục là thời? Vì sao gọi Phật pháp là phi thời?

Tỳ-kheo đáp:

–Tôi còn nhỏ tuổi, xuất gia chưa lâu, học vấn cạn cợt, làm sao có thể trình bày ý nghĩa rộng lớn, sâu sa của Đức Như Lai Chí Chân. Đức Bà-già-bà đang ở nơi vườn trúc Ca-lan-đà gần đây, ông có thể đến đó hỏi về điều nghi ngờ này.

Vị trời đáp:

–Nay trời uy đức lớn đang hầu cận Đức Phật đầy cả hai bên. Tôi phận thấp hèn không thể gặp được. Thầy hãy vì tôi đến bạch Thế Tôn. Nếu Đức Như Lai từ bi cho phép, tôi sẽ đến gặp Ngài thưa hỏi chỗ nghi ngờ.

Tỳ-kheo đáp:

–Nếu ông có thể cùng đi, tôi sẽ vì ông bạch với Thế Tôn.

Vị trời đáp:

–Tôi sẽ đi theo thầy đến gặp Thế Tôn.

Khi ấy vị Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn đánh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem đầy đủ lời hỏi của vị trời thưa với Đức Phật. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Từ Danh sắc sanh tướng
Cho là chân thật có
Nên biết người như vậy
Là đi trên đường chết
Nên biết rõ Danh sắc
Vốn không, không có tánh
Đó là tôn kính Phật
Thoát ly hẳn luân hồi.*

Đức Phật hỏi vị trời:

–Ông đã hiểu chưa?

Vị trời đáp:

–Bạch Thế Tôn, chưa hiểu.

Đức Phật lại nói kệ:

*Thắng mạn và đẳng mạn
Cùng với mạn không bằng
Có ba loại mạn này
Thì phải có tranh luận.
Trừ diệt ba mạn ấy*

Gọi là tướng bất động.

Đức Phật hỏi vị trời:

– Ông đã hiểu chưa?

Vị trời đáp:

– Bạch Thế Tôn, con chưa hiểu.

Đức Phật lại nói kệ:

*Đoạn ái và danh sắc
Diệt trừ ba loại mạn
Không tiếp xúc các dục
Diệt trừ những giận dữ
Nhỏ sạch các gốc độc
Diệt tận tướng nguyên dục
Người làm được như vậy
Vượt qua biển sanh tử.*

Vị trời bạch Phật:

– Con đã hiểu.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

18. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Vào sáng sớm có một Tỳ-kheo đến bên bờ sông, cởi y phục, tắm rửa. Sau đó lên bờ, hong cho khô thân.

Có vị trời chiếu hào quang sáng xuống chỗ bờ sông ấy, hỏi Tỳ-kheo:

– Đây là hang ổ, ban đêm phun khói, ban ngày lửa cháy. Có vị Bà-la-môn thấy sự việc này nên muốn phá hang ổ kia và đào đất ấy lên. Có người trí bảo Bà-la-môn: “Hãy để tôi cầm dao đào đất lên”. Đào lên thấy có một con rùa, Bà-la-môn nói: “Lấy con rùa này lên”. Lại bảo đào đất, thấy một rắn độc, bảo bắt đem đi. Lại bảo đào đất, thấy một miếng thịt, bảo hãy lấy lên. Lại bảo đào đất, thấy một con dao phay, Bà-la-môn nói: “Đây là con dao, hãy lấy lên”. Lại bảo đào đất, thấy độc trùng Lãng-kỳ-mang, bảo hãy lấy lên. Lại bảo đào đất, thấy có hai con đường, bảo đem lên. Lại bảo đào đất, hãy đào nữa,

thấy có năm cục đá, bảo hãy đem đá lên. Lại bảo đào đất, thấy một con rồng. Bà-la-môn nói: “Đừng làm phiền rồng”, liền quỳ bái con rồng kia.

Vị trời bảo Tỳ-kheo:

–Đừng quên lời tôi. Hãy đến hỏi Đức Phật, hãy chí tâm thọ trì những gì Phật dạy. Vì sao? Tôi không thấy Trời, Ma, Phạm nào có thể phân biệt được, trừ Đức Phật và Tỳ-kheo Thanh văn đệ tử ra, không ai có thể giải đáp được câu hỏi này.

Bấy giờ Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, lạy sát chân Ngài, đứng qua một bên, hướng về Ngài trình bày hết những lời được nghe từ vị trời:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là hang ổ, đê mê phun khói, ngày lửa cháy. Ai là vị Bà-la-môn, ai là người có trí. Dao là gì, đào lên là gì, con rùa là gì, rắn độc là gì? Miếng thịt là gì, dao vừa là gì, độc trùng Lãng-kỳ-mang là gì, hai đường là gì, đồng đá là gì, con rồng là gì?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng cho ông. Hang ổ là thân này, do tinh khí của cha mẹ, bốn đại hợp thành, nuôi dưỡng bằng cơm áo mới trở thành thân. Nhưng thân này khi chết đi thì tan rã sinh trưởng, trùng ăn nát ra cho đến tan hoại.

Ban đê mê phun khói là ban đê mê suy nghĩ, quán sát. Ban ngày lửa cháy là từ thân khẩu nghiệp có các hành động rộng lớn.

Bà-la-môn chỉ cho Đức Như Lai. Người có trí chỉ cho các vị Thanh văn. Con dao dụ cho trí tuệ. Đào đất dụ cho tinh tấn. Con rùa dụ cho năm thứ che phủ trí tuệ. Rắn độc dụ cho tai hại của sân hận, phiền não. Cục thịt dụ cho tham lam keo kiệt, ganh ghét. Dao phay dụ cho năm dục. Độc trùng Lãng-kỳ-mang dụ cho ngu si. Hai con đường dụ cho sự nghi ngờ. Các cục đá dụ cho ngã mạn. Con rồng dụ cho vị A-la-hán đoạn tận các hữu, kết.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hang ổ gọi là thân
Giác quán như khói lửa
Hành động là lửa cháy
Bà-la-môn như Phật
Người trí là Thanh văn
Dao đào là trí tuệ*

*Đào đất là tinh tấn
 Năm che phủ dụ rùa
 Sân giận như rắn độc
 Tham, ganh như cục thịt
 Ngũ dục như dao phay
 Ngu si như Lãng-kỳ
 Nghi ngờ là hai đường
 Ngã kiến như đồng đá
 Ông chớ làm phiền rồng
 Rồng là chân La-hán
 Khéo trả lời người hỏi
 Chỉ có Phật, Thế Tôn.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

19. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Tiên nhân Lộc dã, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại, thấy một Tỳ-kheo thân ý không được định tĩnh, các căn tán loạn. Tỳ-kheo ấy từ xa thấy Thế Tôn, cúi đầu xấu hổ.

Sau khi thọ trai, Đức Phật rửa chân, đến chỗ chư Tăng, vào tịnh thất ngồi giữa chúng, bảo các Tỳ-kheo:

–Sáng nay Ta thấy một Tỳ-kheo không thu nhiếp các căn. Khi vị ấy từ xa thấy Ta thì có sắc thái thẹn thùng, cúi đầu khép nép. Đó là ai vậy?

Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ ngồi, sửa y Uất-đa-la-tăng, chừa vai phải, chấp tay bạch Phật:

–Thế Tôn, người tâm ý không ổn định, các căn tán loạn chính là con.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Nay Tỳ-kheo, ông thấy Ta mà có thể hộ tâm nhiếp ý thì khi thấy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng phải hộ tâm nhiếp ý như thấy Ta vậy. Ông làm được như thế thì đạt

được an lạc, lợi ích suốt cả đời mình.

Có một Tỳ-kheo ở trước Đức Phật nói kệ:

*Tỳ-kheo khát thực vào xóm làng
Tâm ý loạn động không chánh niệm
Thấy Phật tinh tấn, thu nhiếp căn
Thế nên Đức Phật khen lành thay.*

M

20. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi vườn Lộc dã, chỗ ngự của Tiên nhân xưa, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành khát thực. Có một Tỳ-kheo ở bên miếu Thiên thần, tâm niệm hướng đến những tiếp xúc xấu ác, trong tâm cảm thọ dục lạc. Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo:

–Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Ông đang trồng hạt giống khổ, rất là ô uế, các căn tiết ra điều ác, nơi có nước ác rỉ ra thì có ruồi lẫn tụ tập.

Khi Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật nói, biết Đức Thế Tôn đã rõ tâm niệm của mình nên rất sợ hãi, toàn thân nổi gai ốc, vội vàng bỏ đi.

Sau khi khát thực, Đức Phật trở về, thọ trai xong, rửa chân, đến chỗ ở chư Tăng, vào phòng yên tịnh ngồi. Sau đó Ngài ra khỏi phòng, đến trước chúng Tăng, trải tọa cụ ngồi, bảo các Tỳ-kheo:

–Sáng nay, Ta vào thành khát thực, thấy một Tỳ-kheo ở bên cạnh miếu thờ trời, tâm niệm hướng đến các mối tiếp xúc xấu ác, trong tâm cảm thọ dục lạc. Ta liền bảo: “Tỳ-kheo, Tỳ-kheo! Ông đang trồng hạt giống khổ, rất là ô uế, các căn tiết ra điều ác, nơi có nước rỉ ra thì có ruồi lẫn tụ tập”. Khi Tỳ-kheo ấy nghe Ta nói, rất sợ hãi, toàn thân nổi gai ốc, vội vàng bỏ đi.

Đức Phật nói như vậy, có một Tỳ-kheo rời chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tại sao gọi là trồng hạt giống khổ, tại sao gọi là ô uế, tại sao gọi là lậu ác, tại sao gọi là ruồi lẫn tụ tập?

Đức Phật dạy:

–Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ giảng cho ông. Sân giận, hiềm khích, mưu hại là trồng hạt giống khổ. Buông lung tâm theo năm dục

là ô ướ. Theo sáu xúc xứ, không giữ giới hạnh gọi là rỉ chảy điều ác. Sống trong phiền não, dấy khởi vô minh kiêu mạn, không hổ, không thẹn, phát sanh các kết sử, gọi là ruồi lẩn tụ tập.

Thế Tôn nói kệ:

*Người nào không thu nhiếp các căn
Tăng trưởng ái dục trồng hạt khổ
Làm các ô ướ thường chảy ra
Thân cận dục cảm và não hại.
Ở tại làng xóm hay chỗ vắng
Tâm không khi nào nghĩ dục lạc
Tự thân tinh tấn hành chánh định
Tụ tập thông đạt đắc ba minh.
Vị ấy an lạc và yên định
Diệt ruồi ác giác không còn gì
Tu hành đạt đến không thoái chuyển
Đi trên đường Thánh đến chỗ thiện.
Đắc quả chánh trí, không trở lại
Thẳng vào Niết-bàn, vui tịch diệt.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.

M

21. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Có một Tỳ-kheo đắp y cầm bát vào thành khát thực. Sau khi thọ trai, vị ấy trở về, rửa chân, cầm tọa cụ đi vào rừng Đắc nhãn, trải tọa cụ ngồi bên một gốc cây, phát sanh ý niệm về những tiếp xúc xấu ác, tham muốn năm dục.

Vị thần rừng Đắc nhãn biết tâm niệm của Tỳ-kheo ấy đang nghĩ đến điều bất tịnh, đã ở trong rừng này thì không nên tham muốn điều ác. Vị thần tự nghĩ: “Ta nên cảnh tỉnh vị ấy” liền lên tiếng:

–Này Tỳ-kheo, này Tỳ-kheo! Làm sao trị vết thương?

Tỳ-kheo đáp:

–Ta sẽ băng lại.

Thần rừng lại nói:

–Vết thương như cái bình, thì lấy gì băng lại?

Tỳ-kheo đáp:

–Tôi dùng chánh niệm tỉnh giác để băng vết thương ấy.

Thần rừng tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Thầy giỏi biết cách băng vết thương, băng vết thương đúng cách.

Đức Phật với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe thần rừng cùng Tỳ-kheo nói chuyện. Thế Tôn nói kệ:

*Thế gian khát dục
Làm theo ý tà
Vết thương đã sanh
Ruồi lẩn bu đến
Tham dục là ghẻ
Tiếp xúc là ruồi
Ngã mạn theo tham
Tâm trượng phu nát
Tham danh và lợi
Trói trong hoặc, nghi
Không biết đường thoát
Nội tâm tu định
Học hành thông suốt
Không tạo ghẻ lở
An ổn giác ngộ
Chúng được Niết-bàn.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

22. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo đắp y cầm bát vào thành khát thực. Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi mới tu học, đi vào làng xóm không đúng lúc. Các Tỳ-kheo ở các nơi thấy Tỳ-kheo mới tu học kia, bảo vị ấy:

–Ông mới tu học, chưa biết pháp môn đối trị, vì sao la cà đến

nhiều nhà vậy?

Tỳ-kheo tân học bạch với các Tỳ-kheo:

–Các Thượng tọa, Đại đức đều đến nhiều nhà, tại sao ngăn không cho con đến những nhà ấy?

Sau khi các Tỳ-kheo khát thực, thọ trai xong, xếp y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Họ bạch Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn, chúng con vào thành khát thực, thấy một tân Tỳ-kheo trẻ tuổi, chẳng kể ngày giờ, lui tới nhiều nhà. Chúng con bảo vị ấy: “Ông là tân học, chưa biết pháp đối trị, vì nhân duyên gì lui tới nhà người khác lúc phi thời?”. Vị ấy trả lời: “Các Trưởng lão Tỳ-kheo cũng đến nhiều nhà, tại sao ngăn cản riêng con?”.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong đồng trống mênh mông có một hồ nước rộng. Có những voi lớn vào trong hồ, dùng vòi nhỏ ngó, rẽ sen, giữ cho sạch, dùng nước rửa, sau đó mới ăn, nhờ vậy thân thể mập mạnh, khí lực sung mãn. Những con voi nhỏ cũng ăn ngó sen, nhưng không biết giữ sạch và dùng nước rửa. Chúng ăn cả ngó lẫn bùn nên bị bệnh hoạn, không còn sức lực, bị chết hay gần chết.

Thế Tôn nói kệ:

*Khi voi lớn vào hồ
Dùng vòi nhỏ ngó sen
Giữ, rửa sạch hết bùn
Sau đó mới chịu ăn.
Nếu có các Tỳ-kheo
Tu nhiều pháp thanh tịnh
Nếu thọ dụng lợi dưỡng
Không lỗi bị nhiễm đấm.
Đây là bậc tu hành
Cũng như voi lớn kia
Nếu không hiểu phương tiện
Sau phải chịu nguy hiểm
Sau phải chịu khổ não
Như các chú voi con.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm lược:

*A-nan và Kết phát
Cùng với hai, Đà-phiêu
Tặc và tán đảo thác
Bạt-di, tầm quý căn
Hạt khổ và băng lở
Lớn nhỏ ăn ngó sen.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN II

TỤNG 1: Phần 2

23. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong khu Hàn lâm (*rừng lạnh*) thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Tuổi thọ loài người ngắn ngủi, hội họp phải chia ly, nên phải siêng năng hành đạo, tịnh tu phạm hạnh. Vậy các ông không được biếng nhác, phải tu hạnh thiện, tu đúng pháp nghĩa, hành động chân chính.

Khi đó Ma vương nghe lời dạy này, tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở nơi rừng lạnh thuộc thành Vương xá, đang giảng dạy pháp quan trọng cho các Thanh văn. Ta phải đến đó để quấy nhiễu”. Ma vương nghĩ như thế rồi bèn hóa ra một thanh niên, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đứng qua một bên, nói kệ:

*Đời người quá dài
Không có khổ nào
Thường được an ổn
Đường chết không có.*

Đức Phật biết Ma vương Ba-tuần đến quấy nhiễu, nên nói kệ:

*Đời người ngắn ngủi
Khổ hại quá nhiều
Hãy mau tu thiện
Như cứu đầu cháy
Nên biết Ba-tuần
Muốn đến quấy nhiễu.*

Ma vương nghe Phật nói kệ, tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết

tâm niệm của ta”. Ma vương sanh tâm hối hận ưu sầu khổ não, liền biến mất trở về Thiên cung.

M

24. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu Hàn lâm thuộc thành Vương xá.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các hành vô thường, qua nhanh không ngừng, là pháp hư hoại, không thể nương nhờ, cần phải thoát ly mau, hướng đến đường giải thoát.

Ma vương Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang ở nơi rừng lạnh thuộc thành Vương xá, thuyết pháp như vậy cho các Thanh văn. Ta nên đến đó để quấy nhiễu.” Ma vương nghĩ thế rồi, bèn hóa ra một thanh niên, đến chỗ Phật, đứng một bên, nói kệ:

*Ngày đêm vẫn vậy
Mạng sống trở lại
Như bánh xe quay
Chuyển vận không ngừng.*

Phật biết Ma vương quấy nhiễu, nên nói kệ:

*Mạng theo ngày đêm chết
Đời sống nhiều nguy nan
Như dòng sông quá nhỏ
Mau cạn không còn gì
Thế nên này Ba-tuần,
Không được gây nhiễu loạn.*

Ma tự nghĩ: “Đức Phật đã biết tâm ta”. Ma liền ưu sầu, khổ não, hối hận, biến mất, trở về Thiên cung.

M

25. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ là nửa đêm về sáng, Đức Thế Tôn đang kinh hành trong

rừng. Khi trời gần sáng, Ngài rửa chân, vững thân ngồi ngay thẳng, đặt niệm trước mặt.

Ma vương tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, nửa đêm về sáng, kinh hành trong rừng. Sáng sớm, vị Sa-môn ấy rửa chân, vào tịnh thất, ngồi ngay thẳng, đặt niệm trước mặt. Nay ta hãy đến đó quấy nhiễu”. Ma vương nghĩ xong liền hóa ra một thanh niên, đứng trước Phật, nói kệ:

*Tâm ta biến hóa đượ
Lưới trùm khắp hư không
Sa-môn gặp phải ta
Không thể nào giải thoát.*

Đức Phật biết Ma đến nhiễu loạn, nên nói kệ:

*Thế gian có năm dục
Kẻ ngu bị chúng trói
Đoạn sạch các dục này
Vĩnh viễn không còn khổ
Ta đã đoạn hết dục
Ý không còn nhiễm đấm
Ba-tuần người nên biết
Ta phá lưới dục rồi.*

Ma vương nghe Phật nói kệ này, tâm rất ưu sầu khổ não vì không đạt ý nguyện, bèn biến hình trở về Thiên cung.

M

26. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Vào nửa đêm về sáng, Đức Thế Tôn tọa thiền rồi kinh hành. Gần sáng Ngài rửa chân đi vào phòng, nằm nghiêng bên hông phải, hai chân xếp lên nhau, hướng tâm đến ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, tưởng đến lúc thức dậy.

Ma vương Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, kinh hành, ngồi nằm, lúc sáng sớm rửa chân vào phòng, nằm nghiêng bên phải, hai chân xếp lên nhau, hướng

tâm đến ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, tưởng đến lúc thức dậy. Ta nên tới đó gây nhiễu loạn”. Ma vương nghĩ xong, bèn hóa ra một thanh niên, ở trước Phật, nói kệ:

*Sao ngủ như vậy
Sao ngủ như vậy
Vì sao còn ngủ?
Như vào tịch diệt
Đã xong việc chưa?
Mà an lòng ngủ?
Đến khi trời sáng
Vẫn còn nằm ngủ!*

Đức Phật biết Thiên ma đến gây nhiễu loạn, nên nói kệ:

*Lưới ái nhất chúng sanh
Che khắp hết mọi nơi
Nay ta phá lưới này
Đoạn trừ hẳn các ái
Diệt tận hết sanh hữu
An ổn vui Niết-bàn
Này Ma vương Ba-tuần
Người làm được gì Ta?*

Khi Ma vương nghe kệ xong, ưu sầu khổ não, liền biến mất, trở về Thiên cung.

M

27. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, gặp lúc trời mưa lâm râm, sấm chớp chiếu sáng khắp nơi. Vào đêm ấy, Đức Phật đi kinh hành ngoài đất trống.

Ma vương Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, vào ban đêm trời mưa lâm râm, sấm chớp lờ sáng khắp nơi, vị ấy đang kinh hành ngoài đất trống. Ta nên đến đó quấy nhiễu”. Ma vương nghĩ như thế rồi bèn ở trên núi, xô tảng đá lăn xuống đến gần chỗ Thế Tôn. Bấy giờ tảng đá lớn kia, tự nhiên tan nát.

Thế Tôn nói kệ:

*Dầu người phá Linh thúu
Tan nát như hạt bụi,
Làm biển lớn, đại địa,
Đều khô cạn, nát tan,
Muốn bậc chánh giải thoát
Sanh ý nghĩ sợ hãi,
Hay khiến cho giật mình
Không thể nào làm được.*

Lúc ấy Ma vương tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta”, nên ưu sầu khổ não, liền biến mất trở về Thiên cung.

M

28. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá. Vào khoảng nửa đêm, Đức Thế Tôn đang kinh hành nơi đất trống. Sau đó Ngài rửa chân, vào tịnh thất, chánh thân ngồi ngay, đặt niệm trước mặt.

Ma vương Ba-tuần tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, đang kinh hành trên đất trống. Ta nên đến đó quấy nhiễu!”. Ma vương liền biến thành con mãng xà, thân hình dài lớn, như chiếc thuyền to, hai mắt sáng rực như cái bát nước Kiểu-tát-la, le lưỡi như lửa cháy, như chớp sáng, hơi thở vào ra như tiếng sấm lớn, ngay ở trước Phật, quần lấy Ngài, cất đầu giơ cao cổ, phủ trên đầu Đức Phật.

Thế Tôn biết Ma quấy nhiễu nên nói kệ:

*Ta sống nơi tịch tĩnh
Nhất tâm chánh giải thoát,
Thiền định, thân tu hành
Như pháp Phật quá khứ
Rắn độc rất hung dữ
Hình dạng thật đáng sợ
Muỗi, ruồi, bọ chét, rận
Những xúc não như vậy,*

Không động sợi lông Ta,
 Huống chi làm Ta sợ.
 Giả sử hư không nứt
 Trời đất đều chấn động
 Tất cả các chúng sanh
 Đều sanh tâm hãi hùng,
 Nhưng muốn Ta kinh sợ,
 Không thể nào làm được.
 Giả sử có tên độc
 Bắn trúng vào tim Ta,
 Ngay khi bị tên độc
 Cũng không cầu cứu giúp
 Nhưng loại tên độc ấy
 Không thể nào trúng Ta.

Ma vương nghe Phật nói kệ, tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta!” nên Ma sanh tâm sợ hãi, ưu sầu, hối hận, biến mất, trở về Thiên cung.

M

29. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi rừng Mạn trực, thuộc thành Vương xá. Vào đầu đêm, Đức Phật tọa thiền, kinh hành, giữa đêm rửa chân rồi vào phòng, nằm nghiêng bên phải, hai chân gác lên nhau, đặt tâm ở ánh sáng, nghĩ đến khi thức dậy.

Ma vương Ba-tuần biết tâm Phật, tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở trong rừng Mạn trực, thuộc thành Vương xá, vào đầu đêm tọa thiền, kinh hành, đến trước giữa đêm thì rửa chân, vào phòng, nằm nghiêng bên phải, hai chân xếp lên nhau, đặt tâm ở ánh sáng, nghĩ đến khi thức dậy. Ta hãy đến đó quấy nhiễu!”

Bấy giờ Ma vương hóa ra một thanh niên, đến trước Như Lai, nói kệ:

Tại sao không làm việc
 Lại nằm dài ngủ nghĩ
 Ngủ mãi không thức dậy

*Nào khác gì người say.
 Người không tiền, thất nghiệp,
 Mới rảnh rồi ngủ vùi
 Người sản nghiệp đầy đủ
 Cũng thích thú ngủ nghỉ.*

Bấy giờ Thế Tôn biết Ma đến quấy nhiễu, nói kệ:

*Ta chẳng ở không, ngủ
 Cũng chẳng phải ngủ say
 Ta không có tài sản
 Vì thế nên ngủ nghỉ
 Ta có nhiều pháp tài
 Thế nên ta ngủ yên
 Ta ngay trong khi ngủ
 Niệm hơi thở vào ra
 Luôn có nhiều lợi ích
 Chưa từng bị tổn giảm
 Nghỉ thì không lo lắng
 Ngủ yên không sợ hãi
 Ví như có tên độc
 Người bị bắn vào tim
 Thường chịu nhiều đau khổ
 Vẫn tìm được giấc ngủ
 Ta đã nhờ tên độc
 Vì sao lại không ngủ?!*

Ma nghe kệ ấy, tự nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta”. Tâm ma buồn bã áo não, bèn trở về Thiên cung.

M

30. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi hang Thất diệp, trong núi Tỳ-bà-ba-thế, thuộc thành Vương xá. Có một Tỳ-kheo tên Cầu Đức ở một mình trong hang đá đen, núi Tiên, sống nơi yên tịnh, siêng năng tinh tấn, dứt mọi phóng dật, đoạn trừ ngã kiến, một thời gian đạt giải thoát, tự thân chứng đắc, rồi lại bị thoái thất, lần thứ hai, thứ ba cho đến lần thứ

sáu, cũng bị thoát thất.

Tỳ-kheo tự nghĩ: “Hiện nay ta sống một mình, tu hành tinh tấn, đã sáu lần bị thoát thất. Nếu ta bị thoát thất nữa thì sẽ tự sát bằng dao”.

Ma vương Ba-tuần biết Đức Phật ở trong hang Thất diệp, núi Tỳ-bà-ba-thế, thuộc thành Vương xá và đệ tử của Sa-môn Cù-đàm tên là Cầu Đức ở một mình trong hang đá đen, núi Tiên, thành Vương xá, tu hành tinh tấn, tâm không phóng dật, một thời được giải thoát, tụ thân tác chứng, đắc rồi lại thoát, như vậy đến sáu lần.

Ma vương tự nghĩ: “Nếu Tỳ-kheo Cầu Đức vào lần thứ bảy chứng đắc được, thì ta bị tổn hại”.

Ma vương nghĩ thế, ra khỏi cảnh giới Ma, ôm đàn lưu ly đến chỗ Phật, gảy đàn xướng kệ:

*Đại trí, đại tinh tấn
Có thần thông lớn lao
Được tự tại trong pháp
Hào quang rất rực rỡ
Thanh văn đệ tử Ngài
Nay đang muốn tự sát
Bậc Tối Thượng Thế Gian
Xin hãy mau ngăn lại
Vì sao tu pháp Ngài
Không chứng, lại muốn chết?*

Khi Ma vương nói kệ xong, Đức Phật bảo Ma vương:

–Này Ba-tuần, người là bạn thân lớn của những kẻ phóng dật. Lời người nói là theo ý riêng, chớ không vì vị Tỳ-kheo kia mà nói.

Thế Tôn đọc kệ:

*Người nào không khiếp nhược
Tinh tấn vững tu hành
Thường vui nơi thiền định
Ngày đêm tu pháp thiện
Làm khô kiệt ái dục
Phá ma quân của người
Nay bỏ thân cuối này*

Vĩnh viễn nhập Niết-bàn.

Bấy giờ Ma vương ưu sầu khổ não bỏ đàn lưu ly, buồn bã hối hận, trở về Thiên cung.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta cùng các ông đến núi Tiên nhân, chỗ Tỳ-kheo Cầu Đức.

Đức Phật đưa các Tỳ-kheo đến chỗ Cầu Đức, thấy bên thi thể của Cầu Đức có đám khói tụ ở phương Đông, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông thấy đám khói này không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn, thấy. Ở phía Nam, Tây, Bắc thi thể của Cầu Đức cũng có khói tụ như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đấy là Ba-tuần biến hình bao quanh chỗ Cầu Đức, tìm tâm thức của vị ấy.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo Cầu Đức đã nhập Niết-bàn, không có thân thức, không đến phương nào cả.

Ma vương biến hình là một thanh niên, nói kệ:

Trên dưới và bốn phương

Tìm cầu thức Cầu Đức

Không biết đi về đâu

Thân thức vào chốn nào.

Thế Tôn nói với Ba-tuần:

–Bậc trượng phu này, phá tan các thứ ma quân của người, đã vào Niết-bàn.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

31. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở xóm Ưu-lâu-tần-loa, bên bờ sông Ni-liên-thiền, cạnh cây Bồ-đề, sau khi Ngài thành đạo chưa bao lâu.

Ma vương tự nghĩ: “Đức Phật đang ở dưới bóng cây Bồ-đề, bên

bờ sông Ni-liên, thuộc xóm Ưu-lâu-tần-loa, thành đạo chưa bao lâu. Ta nên đến đó tìm lối lằm của vị ấy”. Nghĩ thế rồi, Ma vương đến chỗ Phật, nói kệ:

*Ngài một mình chỗ vắng
Im lặng thường tịch tĩnh
Thân tâm luôn rạng ngời
Các căn đều hỷ lạc.
Như người mất tài sản
Sau đó tìm lại được
Nay Ngài hưởng thiên định
Hoan hỷ cũng như vậy.
Đã từ bỏ ngôi vua
Lại không mong danh lợi
Sao không cùng mọi người
Cùng nhau kết bạn thân.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta đã đắc thiên định
Tâm Ta thường tịch tĩnh
Phá ma dục của người
Đạt pháp tài vô thượng
Các căn ta điềm đạm
Trong lòng được lặng không
Phá ma dục người rồi
Tu hành ý hoan hỷ
Một mình lìa ồn ào
Kết bạn thân làm chi?*

Ma vương nói kệ:

*Ngài đã đạt chánh đạo
An ổn hưởng Niết-bàn
Đã chứng đắc diệu pháp
Nên giữ kín trong lòng
Cần phải độc quyền biết
Sao lại dạy cho người?*

Thế Tôn nói kệ:

*Những người không theo Ma
Hỏi Ta pháp bờ kia
Ta vì họ phân biệt
Sự thật để diệt khổ
Giữ tâm, không phóng dật
Ma không tìm được lỗi.*

Ma vương lại nói kệ:

*Ví như núi đá trắng
Màu sắc như cục mỡ
Bọn quạ không biết rõ
Bay đến để mổ ăn
Đã không được vị gì
Dập mỡ trở về không
Ta nay cũng như vậy
Một nhọc chẳng được gì.*

Bấy giờ Ma vương nói kệ ấy xong, ưu sầu khổ não, rất hối hận, bèn đến một chỗ trống, ngồi chồm hổm, cầm mũi tên vẽ trên đất, suy tìm mưu kế.

Khi ấy ba người con gái của Ma, một tên Cực Ái, hai tên Duyệt Bỉ, ba tên Thích Ý. Ba Ma nữ này đến bên cha, nói kệ:

*Cha nay là Trượng phu
Vì sao lòng ưu sầu?
Con sẽ dùng bẫy dục
Bẫy như thể bắt chim
Đem đến giao cho cha
Tùy ý cha sử dụng.*

Ma vương nói kệ đáp:

*Vị ấy khéo đoạn dục
Dục không thể lôi kéo
Đã vượt cảnh giới ma
Thế nên ta sầu khổ.*

Ba Ma nữ kia biến ra hình dáng rất xinh đẹp, đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, đứng qua một bên.

Ba cô gái đồng lên tiếng bạch Phật:

–Chúng con đến đây để cúng dường và xin hầu hạ Ngài.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã chứng đắc vô thượng, đoạn sạch ái dục, nên không để ý đến. Lần thứ hai, lần thứ ba, họ cũng thưa như vậy, Đức Phật vẫn không ngó ngang tới.

Ba Ma nữ, lùi lại một chỗ, bàn luận với nhau:

–Phàm đàn ông, sở thích khác nhau, hoặc yêu người nhỏ, hoặc yêu người vừa, hoặc yêu người lớn.

Thế rồi, một ma nữ hóa ra sáu trăm người nữ, có cả gái còn nhỏ, đồng nữ, thiếu nữ, gái vừa lấy chồng, gái đã có con, gái chưa có con. Nhiều hạng nữ nhân được hóa ra như vậy, cùng đến chỗ Phật, bạch với Ngài:

–Thế Tôn, chúng con đến đây cúng dường Đức Thế Tôn và xin được gần gũi hầu hạ, tùy Ngài sai khiến.

Đức Phật không để ý tới. Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy, Ngài đều không chút bận tâm.

Lúc ấy các Ma nữ lại lui về một chỗ, bàn luận với nhau: “Vị này chắc đã đắc quả vô thượng, đoạn ái dục, chứng giải thoát. Nếu chẳng như vậy thì khi thấy chúng ta, ắt phải cuồng loạn tâm ý mê muội. Chúng ta nên đến chỗ vị ấy, nói kệ để vấn nạn:

Ma nữ Cực Ái nói kệ:

*Ngồi đoan chính bên cây
Yên tĩnh tự tư duy
Là vì mất tài sản
Hay muốn tài sản lớn
Trong thành phố, xóm làng
Đều không tâm ái, vương
Sao không cùng mọi người
Cùng nhau kết bạn thân?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta được nhiều tài sản
Trong tâm luôn tịch diệt
Ta phá quân ái dục
Không vương sắc trần nào*

*Tọa thiền riêng một mình
Hưởng an lạc đệ nhất
Vì nhân duyên như vậy
Không cần đến bạn bè.*

Ma nữ Thích Ý lại nói kệ:

*Tỳ-kheo trú chốn nào
Vượt qua năm dòng thác
Dòng thứ sáu cũng qua
Nhập nẻo thiền định nào
Vượt dục đến bờ kia
Vĩnh viễn thoát trói buộc?*

Thế Tôn nói kệ:

*Thân được vui khinh an
Tâm luôn đạt giải thoát
Tâm xa lìa nẻo nghiệp
Ý không còn thoái chuyển
Đoạn giác quán chứng thiền
Xa lìa sân, dục, động
An trú vào chốn ấy
Vượt được năm dòng chảy
Và vượt dòng thứ sáu
Tu pháp tọa thiền này
Vượt qua lưới dục lớn
Và thoát hẳn bể khổ.*

Ma nữ Duyệt Bỉ nói kệ:

*Đã đoạn trừ ái kết
Xa lìa những buộc ràng
Có nhiều người mong muốn
Vượt dòng chảy, bờ chết,
Chỉ có bậc Trí tuệ
Vượt qua những nạn này.*

Thế Tôn lại nói kệ:

*Đại tinh tấn Như Lai
Dùng chánh pháp cứu độ
Như pháp đạt giải thoát
Người trí rất vui mừng.*

Ba Ma nữ không đạt ước nguyện, trở về chỗ cha. Ma vương mắng ba Ma nữ bằng kệ:

*Ba gái ma phá Phật
Hình dáng nhanh như điện
Gặp Bạc Đại Tinh Tấn
Như tơ bị gió thổi,
Dùng móng tay phá núi,
Lấy răng cắn sắt cục,
Trẻ ngu dùng tơ sen
Muốn treo hòn núi lớn.
Phật vượt các ràng buộc
Muốn tranh luận với Ngài
Như lấy bẫy bắt gió
Muốn hạ trăng xuống đất
Lấy tay tát biển lớn
Hy vọng biển cạn khô.
Phật đã lừa tham vương
Muốn đến cùng tranh luận
Như nhảy qua Tu-di
Tìm đất trong biển lớn
Phật đã đắc giải thoát
Làm sao đến tranh luận.*

Ma vương ưu sầu hối hận, liền biến mất, trở về Thiên cung.

M

32. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Linh thú, thuộc thành Vương xá. Đức Phật vì các Tỳ-kheo mà tán thán pháp Niết-bàn.

Ma vương tự nghĩ: “Đức Phật ở thành Vương xá vì các Tỳ-kheo mà tán thán pháp Niết-bàn. Ta hãy đến đó quấy nhiễu.” Nghĩ thế

xong, Ma vương bèn biến hóa thành một trăm người, năm mươi người rất đẹp, năm mươi người rất xấu.

Các Tỳ-kheo trông thấy rất kinh ngạc, vì sao kẻ rất xinh đẹp, người lại quá xấu xí.

Đức Phật biết Ma đến muốn quấy nhiễu nên bảo Ba-tuần:

–Người ở mãi trong đêm dài sanh tử, mang đủ những hình dáng đẹp xấu như vậy rồi. Người phải làm thế nào để vượt qua bờ khổ, biến hóa như vậy thì có ích gì? Ai có tham ái với nam hay nữ, người nên biến hóa những hình tướng ấy cho họ. Ta không còn tưởng về nam hay nữ, người biến hóa những hình tướng như thế để làm gì?

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm lược:

*Trường thọ, hà đế và quyền cương
Thùy miên, kinh hành, đại độc xà
Vô sở vi, Cầu Đức, ma nữ
Hoại loạn biến hình và hảo ố.*

M

33. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Kiên trì bầy hạnh thì đạt được địa vị Đế Thích. Tại sao? Ngày xưa khi Đế Thích còn làm người, khởi đầu tu tập, hiếu thuận với cha mẹ, cung kính bậc Tôn trưởng, nói lời nhu hòa, không nói hai lưỡi, ưa bố thí không tham lam keo kiệt, thường nói lời chân thật không dối trá, không sân hận, nếu sanh giận hờn thì liền suy nghĩ để từ bỏ.

Thế Tôn nói kệ:

*Đối với cha mẹ
Hiếu thuận hết lòng
Đối với Tôn trưởng
Ý rất kính trọng*

*Nói lời nhu hòa
 Hiền thiện tốt đẹp
 Từ bỏ hai lưỡi
 Xan tham sân giận
 Trời Tam thập tam
 Điều bày tỏ rằng
 Người tu hạnh ấy
 Chúng ta không bằng
 Nên để riêng ngài
 Tôn làm Thiên chủ.*

Đức Phật giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

34. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong đại giảng đường bên bờ hồ Di-hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

Có một Ly-xa tên Ma-ha-ly, đến chỗ Phật, lay dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, Ngài có bao giờ gặp Đế Thích chưa?

Đức Phật đáp:

–Ta có thấy.

Ly-xa lại thưa:

–Có quỳ Dạ-xoa hình dạng như Đế Thích. Vị mà Thế Tôn thấy phải chăng là quỳ Dạ-xoa kia?

Đức Phật bảo Ly-xa:

–Chính là Đế Thích, Ta biết rõ vị ấy. Dạ-xoa có hình dạng như Đế Thích, Ta cũng biết rõ. Hành động và việc đã làm của Đế Thích, Ta đều biết rõ.

Khi Đế Thích còn là người, rất hiếu thuận với cha mẹ, cung kính các bậc Tôn trưởng, nói lời nhu hòa, không nói hai lưỡi, trừ bỏ tham lam keo kiệt, thường thích bố thí, nói lời chân thật, đoạn trừ sân si, không sanh hận thù.

Thế Tôn nói kệ:

Đối với Cha mẹ
 Hết sức hiếu thuận
 Thân tâm cung kính
 Với các Tôn trưởng
 Lời nói nhu hòa
 Hiền thiện tốt đẹp
 Không nói hai lưỡi
 Xan tham sân hận
 Trời Tam thập tam
 Điều tán dương rằng:
 Vị hành giả này
 Chúng ta không bằng
 Phải mời riêng ngài
 Tôn làm vua trời.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

35. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Tỳ-kheo đến chỗ Phật, lạy dưới chân Ngài, đứng qua một bên, thưa:

– Bạch Thế Tôn, vì sao gọi là Đế Thích? Làm gì để trở thành Đế Thích?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

– Đế Thích trước đây cũng là người, có bố thí, sanh tâm thuần tín, bố thí thức ăn uống, các món ăn ngon, các loại vòng hoa, các loại hương thơm, hương đốt, hương xoa, tài sản, vải vóc, giường nằm ngò, do nhân duyên này nên chư Thiên gọi vị ấy là Đế Thích.

Có Tỳ-kheo bạch Phật:

– Tại sao Đế Thích có tên là Phú-lan-đản-na?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Ngày xưa khi Đế Thích còn là người đã thực hành bố thí không hạn chế, bố thí luôn luôn, nên chư Thiên gọi là Phú-lan-đản-na.

Hỏi:

– Tại sao Đế Thích có tên là Ma-khư-bà?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

– Ngày xưa, Đế Thích là vị Bà-la-môn tên là Ma-khư-bà.

Hỏi:

– Vì nhân duyên gì Đế Thích tên là Bà-sa-bà?

Phật dạy:

– Vị ấy luôn luôn đem y phục bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, vì nhân duyên này nên có tên Bà-sa-bà.

Hỏi:

– Vì nhân duyên gì Đế Thích tên Kiêu-thi-ca?

Phật dạy:

– Khi Đế Thích còn làm người, thuộc họ Kiêu-thi-ca nên tên là Kiêu-thi-ca.

Hỏi:

– Vì nhân duyên gì Đế Thích tên là chồng của Xá-chỉ?

Phật dạy:

– Đế Thích cưới Vương nữ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, nên tên là chồng của Xá-chỉ.

Hỏi:

– Vì nhân duyên gì Đế Thích tên là Ngàn mắt?

Phật dạy:

– Khi Đế Thích còn là người, hết sức sáng suốt, xét đoán sự việc chỉ trong thời gian rất ngắn, có khả năng xử đoán ngàn việc, vì nhân duyên này nên tên là Ngàn mắt.

Hỏi:

– Vì nhân duyên gì Đế Thích tên là Nhân-đà-la?

Phật dạy:

– Đế Thích ở ngôi vị vua trời, xử lý việc trời, nên gọi là Nhân-đà-la.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Vì đủ bảy nhân duyên trên nên chư Thiên gọi vị ấy là Đế Thích.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

36. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có một Dạ-xoa, hình dáng bé nhỏ, nhan sắc xấu ác, thân hình đen thui, không ai ưa nhìn, ngồi trên ngai của Đế Thích. Chư Thiên cõi trời Tam thập tam thấy Dạ-xoa ấy ngồi trên ngai của Đế Thích, đều rất phẫn nộ nên mắng nhiếc đủ điều.

Bấy giờ Dạ-xoa, tướng xấu giảm bớt phát sanh tướng đẹp, dần dần to lớn hơn. Chư Thiên mắng chửi, phẫn nộ càng nhiều thì thân hình Dạ-xoa càng lớn, nhan sắc càng đẹp, càng dễ thương.

Chư Thiên cùng nhau đến chỗ Đế Thích, thưa:

–Có một Dạ-xoa quá xấu xí, thân hình rất nhỏ, ngồi trên ngai của Đế Thích. Chư Thiên chúng con cùng nhau hết sức mạ ly, thế mà tên Dạ-xoa ấy, nhan sắc trở nên xinh đẹp, thân hình dần dần to lớn.

Đế Thích bảo:

–Thật có loại Dạ-xoa, được mắng nhiếc càng nhiều, thân hình càng xinh đẹp, tên là “Được nuôi dưỡng bằng sự phẫn nộ của mọi người”.

Bấy giờ Đế Thích trở về, hưởng đến chỗ ngồi của mình, mặc áo bày vai bên phải, tay bưng lò hương, nói với Dạ-xoa:

–Thưa Đại Tiên, tôi là Đế Thích. Tôi là Đế Thích.

Đế Thích ba lần xưng tên, Dạ-xoa nhỏ trở lại, hình sắc xấu dần, cho đến bị tiêu diệt mất.

Đế Thích ngồi lại trên ngai của mình, bảo chư Thiên:

–Từ đây về sau đừng sanh phẫn nộ. Nếu có tiếp xúc với điều xấu ác thì cẩn thận chớ nổi sân hận.

Đế Thích nói kệ:

*Bị xâm phạm, khinh khi
Chớ có coi khinh lại
Với kẻ xâm hại mình
Đối họ bằng từ tâm.
Người không sân, không hại,
Thường nên thân gần gũi,*

*Họ là bậc Hiền thánh
 Hay đê tử Thánh hiền.
 Những người hay nóng giận
 Là bị núi giận ngăn
 Khi dấy khởi lòng giận
 Nên hạn chế tối thiểu
 Đây gọi là pháp thiện
 Như cương chế ngựa dữ.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đế Thích ở địa vị vua trời, thọ hưởng các dục lạc, còn có thể chế ngự lòng giận, lại thường tán thán sự hạn chế được lòng sân hận, hướng chi Tỳ-kheo các ông, tin nơi nhà thế tục chẳng phải là nhà thật nên lìa bỏ đi học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, mà không chế ngự lòng sân, tán thán việc bỏ lòng sân hay sao! Thế nên các Tỳ-kheo phải học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

37. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào buổi sáng, Đức Phật mặc y, cầm bát vào thành khát thực. Sau khi thọ trai, Ngài rửa chân, cầm tọa cụ vào rừng Đắc Nhân, xem xét khắp nơi, đến chỗ yên tịnh, ngồi kiết già bên gốc cây, trụ vào chánh định.

Bấy giờ, trong tinh xá Kỳ-đà có hai vị Tỳ-kheo, khi Tăng chúng xử đoán công việc, cùng nhau giận dữ tranh cãi. Một người im lặng nhẫn nhục. Một người phẫn nộ hung hăng. Người phẫn nộ tự thấy lỗi của mình, nên đến chỗ vị Tỳ-kheo im lặng nhẫn nhục, cầu xin sám hối.

Vị Tỳ-kheo im lặng nhẫn nhục kia không nhận sự sám hối ấy. Sự việc như vậy lan rộng, các Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận, phát ra lời to tiếng lớn.

Đức Như Lai đang trụ trong thiền định, với thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn mọi người, từ xa nghe âm thanh ấy, liền đứng dậy đi

vào chỗ chúng Tăng.

Đến trước chư Tăng, Ngài trải tòa ngồi yên, bảo các Tỳ-kheo:

–Sáng nay, Ta mặc y, mang bát vào thành khát thực... *cho đến...* ngồi yên trong rừng, nghe các Tỳ-kheo với lời to tiếng lớn, vì sự việc gì vậy?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Thưa Thế Tôn, trong tinh xá Kỳ-đà có hai Tỳ-kheo, khi Tăng xử đoán sự việc, cùng nhau sanh giận dữ tranh cãi. Một Tỳ-kheo tự im lặng nhẩn nhục, một Tỳ-kheo thì hung hăng nhiều lời. Tỳ-kheo giận dữ ấy tự biết lỗi mình nên trở lại chí thành sám hối. Vị Tỳ-kheo im lặng không chịu nhận cho sám hối. Các Tỳ-kheo cùng nhau bàn tán rộng ra, nên có lời to tiếng lớn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tại sao ngu si không nhận sự sám hối của người khác. Nay các Tỳ-kheo, nên biết rằng ngày xưa, tại Thiện pháp đường, giữa chư Thiên, Thích Đề-hoàn Nhân đã nói kệ:

*Ví như dùng vỏ bầu
Múc bơ để đốt đèn
Lửa bốc cháy bùng lên
Đốt luôn cả vỏ bầu.
Tâm sân cũng như vậy
Đốt trở lại thiện căn
Lòng ta không oán nộ
Sân đến liền tiêu tan.
Không như dòng nước chảy
Cuồn cuộn chảy vô cùng
Sân nhưng không ác khẩu
Không chạm sờ đoản người.
Sờ đoản như mạch máu
Ta không gây tổn thương,
Điều phục được tự thân
Là thành tựu tự lợi.
Người không sân, không hại
Bậc ấy là Thánh hiền
Hay đệ tử Hiền thánh*

*Phải thường thân cận họ.
 Những kẻ có sân hận
 Chướng ngại nặng như núi,
 Khi phẫn nộ nổi lên
 Ngăn chặn, còn rất ít
 Đây gọi là nghiệp thiện
 Như cương chế ngựa dữ.*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thích Đề-hoàn Nhân ở ngôi vị Thiên vương tự tại trong cõi trời, còn phải tu hành nhẫn nhục, tán thán sự nhẫn nhục, hướng chi Tỳ-kheo các ông, xuất gia, bỏ hình thế tục mà lại không nhẫn và tán thán sự nhẫn nhục hay sao?

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

38. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, Thích Đề-hoàn Nhân thống lãnh chúng chư Thiên chuẩn bị giao chiến cùng A-tu-la.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la:

–Nay chúng ta chẳng cần đưa nhiều người làm hại lẫn nhau, chỉ cần biện luận để quyết định hơn thua.

Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca, chúng ta tranh luận, nếu có thắng thua, ai sẽ phân biệt được.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Trong đám của chúng ta, như về A-tu-la cũng có người minh triết trí tuệ biện tài, có khả năng nhận thức thiện ác, quyết định hơn thua.

Tỳ-ma-chất-đa nói:

–Này Đế Thích, người hãy nói trước.

Đế Thích đáp:

–Ta có thể nói, nhưng người là vị trời cũ, nên nói trước.

Tỳ-ma-chất-đa nói kệ:

*Ta thấy lỗi của nhân
Ngu cho nhân là pháp
Họ sợ nên phải nhân
Lại cho mình là thắng.*

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ:

*Mặc người nói là sợ
Tự lợi là thắng nhất
Của báu, các lợi khác
Không bằng người nhân nhục.*

Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ:

*Người ngu không trí tuệ
Nên cần phải ngăn chặn
Như bò đi ở sau
Chen lấn lên bò trước.
Thế nên cần dao gậy
Để khuất phục kẻ ngu.*

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ:

*Ta thấy chế phục ngu
Nhân nhục là tối thắng
Kẻ phẫn nộ hung tợn
Ta nhân họ hết giận.
Người không sân, không hại
Họ chính là Hiền thánh
Hay đệ tử Thánh hiền
Phải thường thân cận họ.
Người có nhiều sân hận
Sân nặng ngăn như núi
Khi phẫn nộ nổi lên
Ngăn chặn, còn chút ít
Đây gọi là nghiệp thiện
Như cương chế ngựa dữ.*

Trong Thiên chúng và chúng A-tu-la, người có trí tuệ cùng nhau

bàn luận rõ ràng, cân nhắc về việc thắng bại kia. Chủ thuyết của A-tu-la lấy việc tranh đấu làm cơ sở, còn chủ trương của Thích Đề-hoàn Nhân là chấm dứt tranh cãi, tâm không phần nộ, đánh nhau. Thế nên A-tu-la thua, Thích Đề-hoàn Nhân thắng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thích Đề-hoàn Nhân tự tại trong thiên giới, luôn luôn nhẫn nhục, tán thán pháp nhẫn nhục. Tỳ-kheo các ông nếu tự mình nhẫn nhục, tán thán người nhẫn nhục, mới xứng đáng với việc xuất gia.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

39. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ngày xưa Thích Đề-hoàn Nhân và A-tu-la sắp đánh nhau. Sau khi chuẩn bị xong, Thích Đề-hoàn Nhân bảo chư Thiên:

–Chư Thiên chúng ta, nếu đắc thắng phải dùng năm sợi dây trói A-tu-la đem về Thiên cung.

Bấy giờ vua A-tu-la cũng ra lệnh cho chúng của mình:

–Nếu chúng ta thắng, dùng năm sợi dây trói Thích Đề-hoàn Nhân đem về cung A-tu-la.

Lúc thấy Đế Thích, Tỳ-ma-chất-đa tức giận mắng nhiếc, phát ra lời nói rất xấu ác.

Đế Thích nghe lời mắng nhiếc ấy thì chỉ im lặng không hề mắng lại.

Người đánh xe là Ma-đắc-già nói kệ:

*Này chồng Thích Chỉ Ma-khư-bà
Thiên chủ vì sợ hay không sức
Tỳ-ma-chất-đa mắng ngay mặt
Bằng lời rất ác, sao vẫn nhẫn?!*

Thích Đề-hoàn Nhân đáp kệ:

*Ta vì nhẫn nhục chứ không sợ
Cũng chẳng phải ta không tài sức*

Mà sợ Tỳ-ma-chất-đa-la
 Ta dùng thắng trí tự tu nhẫn
 Kẻ ngu trí thức cạn không bằng
 Nên thường tranh tụng tâm không yên
 Nếu ta dùng sức cấm chế người
 Khác nào đồng hạng với kẻ ngu.

Người đánh xe lại nói kệ:

Trẻ ngu hay phóng túng
 Tăng trưởng mạnh không ngừng
 Như bò đi ở sau
 Lấn lên bò phía trước
 Người mạnh phải dùng dao
 Kềm chế kẻ ngu ấy.

Đế Thích lại nói kệ:

Ta thấy hàng phục ngu
 Chẳng gì hơn nhẫn nhục
 Khi phẫn nộ bùng nổ
 Nhẫn mới chế ngự được
 Người ngu cho là đao
 Thật ra không phải đao
 Ngu không biết thiện ác
 Không pháp nào chế ngăn
 Thân ta có sức mạnh
 Mời nhẫn được kẻ ngu
 Gọi nhẫn là đệ nhất
 Là thiện ở trong nhẫn.
 Người yếu mới cần đao
 Vì họ không làm được
 Nên gọi nhẫn vì sợ
 Chứ không phải thật nhẫn.
 Uy lực được tự tại
 Bị người khác mắng nhiếc
 Im lặng không đáp lại
 Đây là nhẫn thù thắng.

Hèn yếu sợ uy lực
 Im lặng không chống nổi
 Đây gọi là sợ hãi
 Không phải là hành nhẫn.
 Trẻ ngu không trí tuệ
 Ác hại đến người khác
 Thấy họ im lặng nhẫn
 Lại cho mình là hơn.
 Hiền thánh có trí tuệ
 Cho nhẫn là tối thắng
 Thế nên bậc Hiền thánh
 Thường khen công đức nhẫn.
 Trừ hại ta và người
 Diệt hết các tai nạn
 Thấy họ nổi sân hận
 Phải im lặng nhẫn nhục,
 Sân hận tự tiêu tan
 Không phiền sức đao gậy
 Ta, người đều lợi lớn
 Tự lợi và lợi tha.
 Ngu cho nhẫn là sợ
 Hiền trí tán thán nhẫn
 Nhẫn với kẻ thắng mình
 Vì sợ tạo nguy hại
 Nếu tranh kẻ bằng ta
 Hại cả hai, nên nhẫn
 Nhẫn với người thua mình
 Nhẫn này là tối thượng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đế Thích ở cõi trời Tam thập tam rất là tự tại, thi hành vương pháp, mà còn tu nhẫn, tán thán nhẫn, hướng chỉ các Tỳ-kheo đã bỏ hình tướng thế gian, vào đạo, cần phải tu nhẫn, tán thán nhẫn, chính là thực hành đúng pháp xuất gia.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

40. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày trước, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đến vườn vui chơi, ra lệnh cho người đánh xe tên Ma-đắc-lê-già, hãy bố trí ngàn chiếc xe ngựa.

Ma-đắc-lê-già vội vàng bố trí xe ngay và thưa với Đế Thích:

–Xa giá đã xong, Thiên chủ nên biết là đã đúng lúc.

Bấy giờ Đế Thích rời tòa nhà Tỳ-thiên-diên, chấp tay quay mặt về phương Đông, hưởng về Đức Phật.

Ma-đắc-lê thấy Đế Thích hưởng về phương Đông, chấp tay thì sanh tâm sợ hãi, làm rơi cả roi và cương ngựa đang cầm.

Đế Thích nói:

–Người thấy việc gì mà kinh sợ đến nỗi rơi cả roi và cương ngựa?

Ma-đắc-lê thưa:

–Thưa người chồng của Ma-khư-thích-chỉ, thần thấy Thiên chủ chấp tay hưởng về phương Đông, nên tâm sợ hãi, rớt cả roi và cương. Tất cả chúng sanh đều kính trọng Thiên chủ. Tất cả chúa đất đều thuộc về Thiên chủ. Tứ Thiên vương và trời Tam thập tam đều lễ kính Thiên chủ. Ai có đức độ hơn cả Thiên chủ nên Thiên chủ phải chấp tay đứng hưởng về phương Đông?

Đế Thích đáp:

–Tất cả cung kính ta, đúng như người nói. Bậc được tất cả Trời, Người đều cung kính, hiệu là Phật. Nay ta cung kính, lễ hưởng về Phật.

Đế Thích nói kệ:

*Này Ma-đắc-lê, người phải biết
Tối thượng thế gian là Thế Tôn
Nay ta hưởng Phật sanh kính tín
Thế nên chấp tay đứng lạy Ngài.*

Ma-đắc-lê nói kệ:

Thiên chủ kính lễ thế gian thắng.

Tôi cũng thuận theo cung kính lễ.

Họ nói xong, chắp tay cung kính lễ, rồi lên xe đi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đế Thích tự tại ở ngôi vị Thiên vương, vẫn cung kính lễ bái Đức Phật. Tỳ-kheo các ông cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo cần phải cung kính Phật mới đúng pháp xuất gia.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

41. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày trước, Thích Đề-hoàn Nhân muốn đến vườn vui chơi, ra lệnh cho người đánh xe là Ma-đắc-lê là hãy bố trí ngàn chiếc xe ngựa.

Ma-đắc-lê bố trí xe ngựa xong, đến chỗ Đế Thích, thưa:

–Xa giá đã xong, xin Thiên chủ biết là đã đến lúc.

Bấy giờ Đế Thích ra khỏi Tỳ-thiền-diên đường, chắp tay hướng về phương Nam. Ma-đắc-lê thấy vậy, tâm ý kinh hãi, làm rơi cả roi và dây cương.

Đế Thích hỏi:

–Người thấy việc gì mà kinh hãi đến như vậy?

Ma-đắc-lê trả lời:

–Thưa phu quân của Ma-khư-thích-chỉ, tôi thấy Thiên vương chắp tay hướng về phương Nam, nên tâm kinh sợ, rớt cả roi và cương. Tất cả chúng sanh đều kính trọng Thiên vương, tất cả chúa đất đều thuộc về Thiên vương. Trời Tứ Thiên vương và Tam thập tam thiên đều lễ kính Thiên vương. Ai có đức độ hơn Thiên vương đến nỗi khiến Thiên vương phải chắp tay đứng hướng về phương Nam.

Đế Thích đáp:

–Tất cả cung kính ta đúng như người nói. Đáng được tất cả trời, người đều cung kính là Đức Phật. Nay ta cung kính lễ Bạc Đầy Đủ Giới Pháp.

Đế Thích nói kệ:

*Có những vị xuất gia
 Tu hành không phóng dật
 Nhập tịch định lâu dài
 Tu phạm hạnh tối thượng
 Trừ bỏ cả ba độc
 Chứng đắc pháp giải thoát
 Bạc có những pháp ấy
 Nay tôi cung kính lễ.
 Chư đại A-la-hán
 Xa lìa các tham dục
 Trừ diệt sạch vô minh
 Đoạn trừ các kết sử
 Bạc tại gia tu thiện
 Không làm các nghiệp ác
 Con chánh pháp như vậy
 Tôi đều cung kính lễ.*

Ma-đắc-lê nói:

–Thiên vương lễ Bạc Tối Thắng, tôi nguyện được lễ theo.

Đế Thích nói xong bài kệ ấy, chấp tay kính lễ, rồi cỡi xe đi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đế Thích sống tự tại giữa Trời, Người, vẫn cung kính lễ bá pháp, hướng chi các ông đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo mà không siêng năng cung kính pháp hay sao?

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

42. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa Thích Đề-hoàn Nhân muốn đến vườn vui chơi, ra lệnh cho người đánh xe tên Ma-đắc-lê:

–Người hãy chuẩn bị một ngàn chiếc xe ngựa.

Ma-đắc-lê bố trí xe ngựa xong, đến gặp Đế Thích thưa:

–Xa giá đã sẵn sàng, thưa Thiên chủ đã đúng lúc.

Bấy giờ Đế Thích ra khỏi Tỳ-thiên-diên đường, chấp tay hướng về phương Tây. Người đánh xe Ma-đắc-lê thấy việc này nên rất kinh hoàng, làm rớt cả roi và dây cương.

Đế Thích hỏi:

–Người thấy gì mà kinh sợ đến như vậy?

Ma-đắc-lê thưa:

–Thưa chồng của Ma-khư-thích-chỉ, nay tôi thấy Thiên chủ chấp tay hướng về phương Tây, sanh tâm sợ hãi nên rớt cả roi và dây cương. Tất cả các loài hiện có đều cung kính Thiên chủ, tất cả chúa đất đều thuộc về Thiên chủ, trời Tứ Thiên vương và trời Tam thập tam đều lễ kính Thiên chủ. Ai có đức độ thù thắng hơn, khiến Thiên chủ phải chấp tay cung kính hướng về phương Tây?

Đế Thích đáp:

–Đúng như người nói, tất cả đều cung kính ta. Bậc được tất cả trời, người đều cung kính là Tăng bảo. Nay ta kính tín, hướng về Tăng bảo.

Ma-đắc-lê nói kệ:

*Thân người đầy hôi hám
Như thây chết để trần
Thường nguy khổ đói khát
Lại chuộng sống không nhà,
Nay Thiên chủ vì sao
Vô cùng cung kính họ
Họ có uy nghi gì
Và hành đạo đức gì
Xin chỉ dạy cho tôi
Xin chỉ tâm lắng nghe.*

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ:

*Vì họ sống không nhà
Nên ta thật chuộng họ
Họ không có kho tàng
Phòng chứa và ngũ cốc
Thoát ly những việc đời
Ăn tiết độ để sống
Khéo họ trì giới luật*

*Giảng thuyết pháp vì diệu
 Tâm tinh tấn dũng mãnh
 Im lặng hành thánh pháp
 Chư Thiên, A-tu-la
 Với nhau thường gây chiến
 Trong tất cả loài người
 Cũng đều có phần nộ
 Nay Bạc ta cung kính
 Đều xa lìa đao gậy
 Mọi người đều tích chứa
 Các vị ấy xa lìa
 Điều thế gian yêu, đắm
 Tâm vị ấy từ bỏ
 Nay ta cung kính Bạc
 Xa lìa tất cả lỗi
 Nay Ma-đắc-lê-già
 Cần phải biết việc ấy.*

Ma-đắc-lê lại nói kệ:

*Vương lễ bậc tối thắng
 Tôi cũng cung kính theo
 Ma-khư lễ vị nào
 Tôi cũng lễ vị ấy.*

Nói kệ xong, Đế Thích lên xe đi.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đế Thích sống tự tại giữa Trời, Người, vẫn còn kính trọng Tăng bảo, hướng chi Tỳ-kheo các ông đã xuất gia tu đạo, đều phải kính trọng Tăng bảo.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm lược:

*Đế Thích, Ma-ha-ly
 Vì nhân gì Dạ-xoa
 Đắc nhân, đắc thiện thắng*

*Phước hệ và kính Phật
Kính Pháp, lễ chủ Tăng.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN III

TỤNG 1: Phần 3

43. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, các A-tu-la tập hợp bốn loại binh gồm tượng, mã, xa, bộ, đều trang bị đầy đủ dụng cụ chiến đấu, muốn đến cõi trời Đao-lợi để đánh nhau với chư Thiên. Bấy giờ, Đế Thích nghe A-tu-la bố trí bốn loại binh, liền bảo thiên tử Tu-tỳ-la:

–Ta nghe A-tu-la bố trí bốn loại binh, người cũng phải trang bị bốn loại binh để đến đánh với chúng

Tu-tỳ-la thưa:

–Việc này rất tốt.

Sau khi nói xong, Tu-tỳ-la lại phóng dật vui chơi, không nhớ đến việc ấy. Đế Thích nghe A-tu-la ra khỏi thành, lại triệu Tu-tỳ-la đến bảo:

–Nay A-tu-la đã ra khỏi thành, người hãy trang bị bốn loại binh để đến đánh với chúng

Tu-tỳ-la thưa:

–Này Kiều-thi-ca, việc này rất tốt.

Tu-tỳ-la vẫn ham chơi như cũ, không chuẩn bị chiến đấu.

A-tu-la trang bị bốn loại binh, đã lên núi Tu-di, tiến gần đến đỉnh. Đế Thích lại nói:

–Ta nghe A-tu-la tiến dần đến gần rồi, người hãy thống lĩnh bốn loại binh đến chống lại chúng.

Tu-tỳ-la nói kệ:

Nếu có chỗ thanh nhàn vô sự

Chỉ mong ta được ở chỗ ấy.

Đế Thích nói kệ:

*Nếu có chỗ nhàn lạc như vậy
Người hãy đưa ta cùng đến đó.*

Tu-tỳ-la lại nói kệ:

*Nay tôi lười biếng chẳng muốn đi
Không muốn trang bị, tuy nghe rõ
Thiên nữ, năm dục khắp bốn bên
Đế Thích cho tôi thỏa nguyện này.*

Đế Thích nói kệ đáp:

*Nếu có chỗ biếng nhác như vậy
Có trăm ngàn Thiên nữ vây quanh
Thỏa thích năm dục, hưởng an lạc
Nếu người đến đó, ta theo với.*

Tu-tỳ-la nói kệ:

*Chỗ nào vô sự không đao binh
Không khổ, hưởng lạc, cho tôi đến.*

Đế Thích nói kệ đáp:

*Này Tu-tỳ-la, có việc ấy
Ta sẽ cùng người hưởng vui ngay
Nếu từng thấy nghe không sợ nghiệp
Được sống an nhàn hưởng lạc hỷ
Này người, nếu có chỗ như vậy
Hãy nên đi đến, ta theo người
Người sợ lắm việc, muốn chỗ yên
Hãy mau nhanh chóng hưởng Niết-bàn!*

Nghe lời ấy xong, Tỳ-la liền tập hợp bốn loại binh ra ngoài chiến đấu với A-tu-la. Chư Thiên đắc thắng, A-tu-la thua chạy, đem tất cả các loại trang cụ chiến đấu trở về cung của mình.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thích Đề-hoàn Nhân ở ngôi vị Thiên vương được đại tự tại, còn tự tinh cần, tán thán sự tinh tấn, hướng chi các ông xuất gia bằng lòng tin, mặc pháp y, sao lại không siêng năng tinh tấn, tán thán tinh tấn? Ai siêng năng tinh tấn, tán thán tinh tấn là làm đúng với pháp xuất gia.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan

hỷ phụng hành.

M

44. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, ở chỗ A-lan-nhã, cách xa xóm làng có nhiều vị Tiên tu hành ở đó. Cách không xa ở chỗ chư Tiên ở, có chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau. Bấy giờ vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la mặc năm loại trang sức, đầu đội mũ thiên quan, tay cầm phát ma-ni, che lọng hoa ở trên, mang bảo kiếm, đi giày da quý báu, đến chỗ ở của chư Tiên nhân. Ông ta không đi vào bằng cửa, mà xuyên tường vào, cũng không chào hỏi, nói chuyện với chư Tiên, rồi xuyên vách đi ra.

Bấy giờ có một vị Tiên nhân nói:

–Tỳ-ma-chất-đa-la... không có tâm cung kính, không chào hỏi nói chuyện với chư Tiên, đi ra bằng vách.

Lại có vị Tiên lên tiếng:

–Những A-tu-la nào cung kính chào hỏi chư Tiên thì chắc thắng chư Thiên, nay thế là chắc chắn thua rồi!

Có một vị Tiên hỏi:

–Đó là ai?

Một vị Tiên bảo:

–A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la.

Tiên nhân lại nói:

–Pháp luật của A-tu-la kiến thức nông cạn, không có giáo pháp, không tâm tôn kính, cũng như hàng nông phu. Chư Thiên chắc thắng, A-tu-la phải thua.

Sau đó, Đế Thích đến gần chỗ các vị Tiên, cởi bỏ năm loại trang sức của Thiên vương, đi vào bằng cửa, thăm hỏi ủy lạo các vị Tiên, chăm sóc khắp nơi, nói với các vị Tiên:

–Các vị đều an ổn, không có phiền não phải không?

Sau khi thăm hỏi, Đế Thích đi ra bằng cửa. Có một vị Tiên nhân hỏi:

–Đây là ai mà thăm hỏi, chăm sóc, đi xem xét khắp nơi, sau đó mới đi ra, rất đúng giáo pháp, hình dáng đoan chính?

Một vị Tiên đáp:

–Đó là Đế Thích.

Một Tiên nhân nói:

–Chư Thiên rất kính thuận, hành động ôn hòa khiêm tốn. Chư Thiên phải thắng, A-tu-la thua.

Tỳ-ma-chất-đa-la nghe chư Tiên tán thán chư Thiên, chê bai A-tu-la nên rất phẫn nộ. Chư Tiên nghe như vậy, đến chỗ A-tu-la nói:

–Chúng tôi nghe Đại vương rất phẫn nộ.

Liền nói kệ:

*Chúng tôi cố đến đây
Muốn cầu xin ước nguyện
Cho chúng tôi an ổn
Không sanh sân nộ nữa
Nếu chúng tôi có lỗi
Xin chỉ dạy chúng tôi.*

Tỳ-ma-chất-đa nói kệ đáp:

*Không cho người an ổn
Các người xâm phạm ta
Hạ mình cầu Đế Thích
Với ta lại chê bai
Các người cầu an ổn
Ta cho người sợ sệt.*

Chư Tiên nói kệ đáp:

*Con người do hành động
Tự nhận lấy quả báo
Hành thiện tự nhận thiện
Hành ác, quả báo ác
Cũng như gieo hạt giống
Tùy giống được kết quả.
Nay người trồng giống khổ
Sau phải nhận quả báo
Nay ta xin an ổn
Lại cho ta sợ hãi
Từ nay trở về sau*

Nguyện người sợ hãi mãi!

Chư Tiên đối mặt với A-tu-la nói xong, liền nường hư không bay đi. Tỳ-ma-chất-đa-la ngay đêm ấy mộng thấy giao chiến cùng Đế Thích, tâm rất sợ hãi. Đêm thứ hai, thứ ba cũng vậy. Ngay đêm thứ ba, quả nhiên quân lính của Đế Thích đến khiêu chiến. Tỳ-ma-chất-đa cùng chư Thiên giao chiến, A-tu-la thua, Đế Thích tiến thẳng đến cung A-tu-la. Bấy giờ Đế Thích tham dự nhiều trận đánh, đều đắc thắng, sau đó đến chỗ chư Tiên.

Chư Tiên ngồi phía Đông, Đế Thích ngồi đối diện ở phía Tây. Lúc đó có gió Đông thổi, chư Tiên hướng về Đế Thích nói kệ:

*Thân tôi xuất gia lâu
Dưới nách có mùi hôi
Gió thổi hướng Thiên chủ
Hãy tránh sang phía Nam
Những mùi hôi như vậy
Chư Thiên vốn không ưa.*

Đế Thích nói kệ:

*Tập hợp nhiều loại hoa
Làm vòng hoa trên đầu
Đủ các loại mùi thơm
Thưởng thức mãi không chán
Chư Tiên người xuất gia
Mùi như các vòng hoa
Nay tôi đội trên đầu
Lấy đó làm ưa thích.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đế Thích ở ngôi vị vua trời, luôn luôn cung kính người xuất gia. Tỳ-kheo các ông vì lòng tin xuất gia, cần phải cung kính như vậy.

Đức Phật dạy xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

45. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, vào giữa đêm Thích Đề-hoàn Nhân với dung mạo thù diêu vượt hơn trời, người, vào giữa đêm, đến gặp Đức Phật, lay sát chân Phật, ngồi qua một bên. Trong tinh xá Kỳ-hoàn lúc đó hào quang rực rỡ, sáng hơn ban ngày. Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ:

*Trừ diệt điều gì ngủ an ổn?
Trừ diệt vật gì không ưu sầu?
Diệt một pháp gì Cù-dàm khen?
Xin nguyện vì con giải nghi vấn.*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Diệt trừ phần nộ ngủ an ổn
Diệt trừ phần nộ không ưu sầu
Nhỏ sạch gốc rễ gai độc giận
Hãy biết như vậy, này Đế Thích.
Như vậy phần nộ phá thiện mỹ
Trừ diệt phần nộ được ngợi khen.*

Thích Đề-hoàn Nhân nghe lời Phật dạy, nhiễu quanh Phật ba vòng, hoan hỷ phụng hành.

M

46. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

– Vào ngày mồng tám hằng tháng, Tứ Thiên vương sai sứ giả tuần hành khắp thiên hạ, xem xét thế gian để biết có người hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận bậc Tôn trưởng, phụng sự Sa-môn, Bà-la-môn, người tu tập pháp thiện và kẻ làm ác. Vì thế cần phải tu hành pháp thiện, diệt trừ các điều ác, phòng ý giữ giới. Đến ngày mười bốn trong tháng, Tứ Thiên vương lại sai thái tử đi xem xét khắp thiên hạ. Đến ngày mười lăm, Tứ Thiên vương đích thân tuần hành xem

xét, cũng như vậy.

Khi Tứ Thiên vương đã đi xem xét xong, đến gặp Đế Thích trên Pháp thiện đường, tâu:

– Trong chư Thiên và người đời có nhiều kẻ bất hiếu với cha mẹ, bất kính Sa-môn, Bà-la-môn, không phụng sự Sư trưởng và Tôn trưởng trong nhà, cho đến nhiều người không trì giới.

Bấy giờ, Đế Thích và chư Thiên nghe lời tâu này, buồn rầu không vui. Chư Thiên đều bày tỏ:

– Chư Thiên bị tổn giảm, tăng ích cho A-tu-la.

Trong thế gian, nếu có người thường siêng năng hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến nhiều người trì giới, Tứ Thiên vương tâu việc này lên Đế Thích. Khi ấy chư Thiên rất vui mừng, đều bày tỏ:

– Người trong thế gian tu hành việc thiện, rất là hiền thiện, làm việc đáng làm, tăng ích cho chư Thiên, tổn giảm A-tu-la.

Đế Thích hoan hỷ nói kệ:

*Ngày mười bốn, mồng tám
Cùng với ngày mười lăm
Và trong tháng thần túc
Thọ trì giới thanh tịnh
Người này được sanh thiên
Công đức như thân ta.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lời Đế Thích nói chưa gọi là lời thiện. Tại sao vậy? Nếu là bậc A-la-hán đã dứt sạch các lậu, việc làm đã hoàn tất, mới nên nói kệ này:

*Ngày mồng tám, mười bốn
Cùng với ngày mười lăm
Và trong tháng thần túc
Thọ trì giới thanh tịnh
Người này được thắng lợi
Công đức như thân ta.*

Đức Phật và bậc A-la-hán nói lên kệ này, gọi là thật thuyết, gọi

là thiện thuyết.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

47. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, vua A-tu-la là Chấ-đa bị bệnh trầm trọng. Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ vị ấy. A-tu-la vương nói với Đế Thích:

–Mong ông hãy làm cho ta hết bệnh, thân được an ổn, khỏe mạnh, mập mạp như xưa.

Đế Thích nói:

–Ông có thể dạy ta huyền thuật của A-tu-la thì ta sẽ làm cho ông hết bệnh, an ổn, vui vẻ như trước.

A-tu-la lại nói:

–Hãy đợi ta hỏi các A-tu-la. Nếu được, ta sẽ dạy cho ông.

Vua A-tu-la liền hỏi các A-tu-la. Trong nhóm, có một A-tu-la gian dối thừa với Tỳ-ma-chấ-đa-la:

–Từ lâu Đế Thích đã làm việc ngay thẳng, hiền thiện, không có các lời dối trá. Đại vương có thể nói với Đế Thích: “Ông học huyền thuật gian dối của A-tu-la sẽ đọa vào địa ngục Lô lâu”. Nếu Đế Thích nói với Đại vương: “Ta không học huyền thuật kia của A-tu-la”. Đại vương hãy bỏ đi, bệnh chắc chắn sẽ hết.

Vua A-tu-la làm theo lời ấy, nói kệ với Đế Thích:

*Đế Thích ngàn mắt, chồng Xá-chỉ
Nếu biết huyền thuật phải bị đọa
Vào trong địa ngục Lô lâu kia
Suốt cả một kiếp bị thiêu đốt.*

Đế Thích nghe lời nói này, liền bảo:

–Thôi, thôi, ta không cần huyền thuật.

Đế Thích phát ngay lời nguyện:

–Mong cho ông hết bệnh, an ổn, không nguy hiểm.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thích Đề-hoàn Nhân tuy ở địa vị vua trời, vẫn không chịu đối trá, làm việc chân thật, hướng chi các ông đã xuất gia, cạo bỏ râu tóc mà lại không từ bỏ các hành động đối trá, làm việc chân thật ngay thẳng hay sao? Ai hành động ngay thật là đúng pháp xuất gia.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

48. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đế Thích đến chỗ Đức Phật, khi sắp trở về, xin thọ một giới. Một giới là gì? Nếu con trở về cung gặp những kẻ oán ghét, giả như họ đến hại con, con đối với họ quyết không gây hại.

Tỳ-ma-chất-đa-la được nghe Đế Thích trì giới như vậy liền cầm gươm bén đứng đợi trên đường đi. Thích Đề-hoàn Nhân nghe vua A-tu-la đang cầm gươm bén đợi ở bên đường, từ xa nói với vua A-tu-la:

–Hãy dừng lại, dừng lại! Ông đã tự trời.

Tỳ-ma-chất-đa-la nói với Đế Thích:

–Ông ở nơi Đức Phật, thọ một giới, nói: “Nếu con trở về cung gặp những kẻ oán ghét, nếu họ hại con, con đối với họ quyết không gia hại”. Chẳng lẽ ông không có thọ giới như vậy sao?

Đế Thích đáp:

–Ta tuy thọ giới, nay bảo ông: “Hãy đứng tại chỗ! Ông đã tự trời”. Lời nói ấy đối với giới không có phạm.

Tỳ-ma-chất-đa-la nói:

–Kiều-thi-ca hãy thả ta ra.

Đế Thích đáp:

–Người hãy thề rằng đối với ta không còn gây oán ghét, ta sẽ thả người.

Tỳ-ma-chất-đa-la liền tuyên thệ:

Tham, sân, vọng ngữ, báng Hiền thánh

Ác báo việc ấy tôi phải chịu.

Đế Thích nghe lời thề này liền bảo Tỳ-ma-chất-đa-la:

–Nay ta thả ông.

Thích Đề-hoàn Nhân trở lại chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, bạch:

–Thưa Thế Tôn, Tỳ-ma-chất-đa-la nghe con thọ giới, liền cầm gươm bén đợi ở bên đường, mưu đồ hại con. Khi ấy, con nói với A-tu-la: “Hãy đứng lại, đứng lại! Ông đã bị trói rồi!”. Tỳ-ma-chất-đa nói với con: “Ông ở chỗ Đức Phật thọ trì một giới; nếu ta trở về cung gặp kẻ oán ghét, giả như muốn hại ta, ta đối với họ quyết không làm hại. Ông có thọ giới như vậy không?”. Con liền đáp: “Ta tuy thọ giới, chỉ bảo người đứng lại, nay người tự trói, lời nói như vậy không có phạm giới”. Tỳ-ma-chất-đa liền bảo con: “Này Kiều-thi-ca, hãy thả tôi ra”. Con trả lời: “Người phải thể nặng: gặp lại ta không còn sanh oán ghét, ta sẽ thả người”. Tỳ-ma-chất-đa nghe con nói, liền nói kệ:

*Tham, sân, vọng ngữ, báng Hiền thánh
Ác báo việc ấy tôi phải chịu.*

Con nghe lời thề này liền thả ông ta đi.

Đế Thích lại bạch Phật:

–Vị A-tu-la ấy đã phát lời thề trọng thệ. Từ nay về sau có còn gây điều ác do oán ghét không?

Phật bảo Đế Thích:

–A-tu-la nếu như không thề cũng không làm ác, hướng chi đã thề rồi.

Đế Thích nghe lời Phật dạy vô cùng hoan hỷ, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung.

M

49. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Một lúc nọ, Đế Thích cùng A-tu-la đánh nhau. Bấy giờ chư Thiên thua, A-tu-la thắng. Khi ấy Đế Thích thấy đã bị thua, liền hồi giá muốn trở về Thiên cung. Giữa đường, ông ta thấy cây Khổ-sa-la, trên cây có ổ Kim sí điểu. Đế Thích liền ra lệnh cho người đánh xe Ma-đắc-lê:

–Trong ổ này có hai trứng chim, nếu rớt ra ắt bị thương tổn.

Người hãy quay xe lại để tránh cây này.

Đế Thích hướng về Ma-đắc-lê, nói kệ:

*Người xem ở trên cây
Trong ổ có hai trứng
Nếu xe chạy đụng cây
Trứng rơi chắc bị vỡ
Dầu ta đem thân này
Vào trận A-tu-la
Mạng sống bị giết chết
Quyết không hại trứng chim.*

Đế Thích nói kệ xong, liền cho quay xe chạy ngược lại. Chúng A-tu-la thấy Đế Thích quay lại, phát sanh sợ hãi, bảo với nhau:

– Vừa rồi Đế Thích trá bại thoái lui, nay quay trở lại, chắc phá quân ta.

Chúng A-tu-la tức thời thoái lui, chư Thiên cũng lui quân, trở về thành mình.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thích Đề-hoàn Nhân ở ngôi vua trời vẫn luôn luôn thực hành từ bi nhẫn nhục. Các Tỳ-kheo phải học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

50. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ là ban đêm, Thích Đề-hoàn Nhân cùng A-tu-la Bạt-ly-bà-lâu-chi, với hào quang rực rỡ cùng đến chỗ Phật, lạy dưới chân Ngài, ngồi qua một bên. Hào quang của Đế Thích và Tỳ-lâu-chi chiếu khắp khu Kỳ-hoàn sáng như ban ngày.

Bạt-ly-bà-lâu-chi ngồi ở một bên, nói kệ:

*Những người thường tinh tấn
Mong cầu chắc thành tựu
Đã cầu được nghĩa lý*

An ổn hưởng diệu lạc.

Đế Thích cũng nói kệ:

*Những người thường tinh tấn
Mong cầu tất thành công
Đã cầu được sự nghiệp
Tu nhân là tối thắng.*

Đế Thích bạch Phật:

–Thế Tôn, những lời chúng con nói, lời nào lợi ích, lời nào không lợi ích?

Đức Phật bảo Đế Thích:

–Người giỏi phân biệt, lời nói đều khéo léo. Nay các người hãy nghe lời Ta nói:

Đức Phật nói kệ:

*Tất cả chúng sanh đều vì lợi
Sự ham muốn tùy theo tâm niệm
Vui đạt ước muốn, được lợi dục
Người tinh tấn cầu tất thành công
Đã được sự nghiệp, nhân tối thắng
Thế nên cần phải tu hành nhân.*

Đế Thích và Tỳ-lâu-chi nghe lời Phật dạy, lay sát chân Phật, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung.

M

51. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Trong thành ấy có một người nghèo khổ, bần cùng, thật đáng thương, đối với Phật pháp sanh lòng tin thanh tịnh, giữ giới trong sạch, có tụng đọc kinh, bố thí chút ít. Do nhân duyên quả báo của bốn việc ấy, sau khi qua đời, vị đó sanh vào cõi trời Đao-lợi, ở chỗ thắng diệu hoàn toàn. Vị trời mới sanh này có ba việc thù thắng: Một là sắc thù thắng, hai là tiếng khen thù thắng, ba là tuổi thọ thù thắng.

Chư Thiên thấy vị ấy xong, liền cùng nhau cung kính, đến chỗ Đế Thích bạch:

–Vị trời mới sanh có ba việc thù thắng, hơn các vị khác.

Đế Thích nói:

–Trước đây ta đã từng thấy vị trời mới sanh kia, khi còn làm người bần cùng khốn khổ, rất tiêu tụy, với tín tâm ngay thẳng hướng đến Tam bảo, giữ gìn tịnh giới, tu hành bố thí ít nhiều, nay được sanh lên Đạo-lợi thiên.

Bấy giờ Đế Thích nói kệ:

*Ai có tịnh tín với Tam bảo
Tâm ấy vững chắc không lay chuyển
Giữ giới đã thọ không hủy phạm
Nên biết người này không phải nghèo
Gọi là trí tuệ và sống lâu
Vì kính tín Tam bảo Vô thượng
Được sanh cõi trời hưởng thẳng lạc
Thế nên cần phải học như thế.*

Chư Thiên nghe kệ này hoan hỷ tín thọ, làm lễ trở về cung.

M

52. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá.

Trong thành Vương xá, có chín mươi sáu loại ngoại đạo đều cùng nhau cúng tế. Đàn việt nào tín ngưỡng ngoại đạo Già-lặc thì nói: “Phải cúng dường thầy Già-lặc của tôi trước”. Tín đồ của ngoại đạo Bà-la-bà-thật cũng nói: “Phải cúng dường thầy Bà-la-bà-thật của tôi trước”. Tín đồ theo ngoại đạo Càn-đà đều bày tỏ: “Phải cúng dường thật lớn cho thầy Càn-đà của tôi trước, sau mới đến người khác”. Tín đồ của ngoại đạo Tam thủy phát biểu: “Nên cúng dường thầy Tam thủy của tôi trước”. Tín đồ theo ngoại đạo Lão thanh văn phát biểu: “Phải cúng dường thầy Lão thanh văn của tôi trước”. Tín đồ của ngoại đạo Đại thanh văn cũng nói: “Phải cúng dường thầy Đại thanh văn của tôi trước”. Tín đồ của Phật giáo cũng bày tỏ: “Phải cúng dường Đức Như Lai đạo sư và chúng Tăng của tôi trước”.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân tự nghĩ: “Dân chúng thành Vương xá sanh tà kiến lớn. Phật và Tăng đang ở đời, nếu để họ sanh tà kiến thật là bất thiện.”

Đế Thích liền biến hình thành một vị Bà-la-môn già, dung mạo

đoan chính, đi xe ngựa trắng, các thanh niên hầu hạ hai bên, hướng đến đàn tràng, đi thẳng vào giữa. Dân chúng thành Vương xá tự nghĩ: “Vị Bà-la-môn già này trước đây ở đâu? Chúng ta hãy đi theo”.

Đế Thích biết ý nghĩ trong tâm mọi người, liền quay xe về phương Nam, hướng tới núi Linh thú, đến sân để xe dừng lại đó, xuống xe đi bộ vào chỗ Đức Phật, lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên.

Đế Thích nói kệ:

*Thánh vương chuyển pháp luân
Vượt khổ đến bờ kia
Không oán ghét sợ hãi
Con xin đánh lễ Ngài
Có người muốn tu phước
Nên bố thí chỗ nào?
Muốn tinh tấn cầu phước
Phải sanh tâm kính tín
Ngày nay tu bố thí
Đời sau được thiện báo
Trong những phước điền nào
Cho ít, được quả lớn?*

Khi ấy Đức Thế Tôn ở núi Kỳ-xà-quật, vì trời Đế Thích giảng giải về sự tối thắng trong các cuộc tế lễ, đáp bằng kệ:

*Bốn quả và bốn hướng
Thiên định, Minh hạnh túc
Sức công đức sâu xa
Như nước trong biển lớn
Đây mới là thật thắng
Đệ tử Bạc Điều Ngự
Trong thế gian tối tăm
Thấp ngọn đèn trí tuệ
Thường vì các chúng sanh
Thuyết pháp làm hướng đạo
Gọi là tăng phước điền
Rộng lớn không bờ bến
Bố thí phước điền này*

Được gọi là thiện thí,
Cúng tế phước điền này
Được gọi là thiện tế
Đốt vật để tế trời
Nhọc công, không phước đức
Đốt vậy không phải thiện.
Nếu đối với phước điền
Tạo nghiệp thiện chút ít
Sau được lợi ích lớn
Đốt vậy gọi là thiện.
Để Thích cần phải biết
Đấy là phước điền tốt
Cúng dường một vị tăng
Sau quyết được quả lớn
Việc này nói đúng lúc
Thế gian hiểu lời dạy
Phật vô lượng công đức
Nói trăm kệ khen Tăng
Tối thượng trong tế tự
Phước điền, Tăng đứng đầu
Người nào trồng ít thiện
Được quả không thể lường
Thế nên Thiện tượng phu
Nên phải cúng dường Tăng
Bậc tổng trì Chánh pháp
Nên gọi là Tăng bảo.
Thí như trong biển lớn
Có nhiều loại châu báu
Biển Tăng cũng như vậy
Nhiều công đức quý giá.
Ai siêng cúng Tăng bảo
Chính là Thiện tượng phu
Đã có hoan hỷ tín,
Ai tín tâm bố thí
Nên biết người như vậy

Được ba thời hoan hỷ.
 Vì ba thời hoan hỷ
 Nên vượt ba nẻo ác
 Trừ sạch các cấu trần
 Nhỏ tên độc phiền não.
 Tâm tịnh, tự tay cho
 Tự lợi và lợi tha
 Thường cúng tế như vậy
 Người này được gọi là
 Bạc trí sáng thế gian
 Tín tâm đã thanh tịnh
 Được tới chốn vô vi
 Cảnh giới rất an lạc
 Người trí sanh đến đó.

Đế Thích nghe kê xong rất hoan hỷ, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung. Sau khi Đế Thích trở về cung, các Trưởng giả Bà-la-môn trong thành Vương xá đều rời chỗ ngồi, mặc áo bày vai bên mặt, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hướng Phật, bạch:

– Cầu mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo vào sáng mai hoan hỷ thọ thỉnh tối đàn lớn.

Khi ấy Đức Như Lai im lặng nhận lời. Các Trưởng giả Bà-la-môn ở thành Vương xá biết Phật im lặng thọ thỉnh, liền đánh lễ nơi chân Phật rồi trở về nhà. Những người ấy sau khi trở về nhà đều chuẩn bị thức ăn uống thanh tịnh, thơm ngon, mọi chỗ đều tinh sạch.

Sáng sớm, họ bố trí đầy đủ tòa ngồi, nước sạch để rửa và sai sứ giả đến núi Linh thú, bạch Thế Tôn:

– Thưa Ngài, đã đến giờ.

Bấy giờ Thế Tôn mặc y, mang bát dẫn đầu, chúng Tăng theo sau, đến thành Vương xá, vào chỗ tế đàn lớn. Đến nơi, Như Lai trải tòa ngồi trước chúng Tăng. Người trong thành bố trí tòa ngồi đẹp để chúng Tăng ngồi. Các Trưởng giả... thấy đại chúng đã ngồi ổn định, cùng nhau dâng nước sạch. Sau đó, các Trưởng giả Bà-la-môn tự tay dọn các món ăn thơm ngon. Khi ấy mọi người đều muốn được lợi ích.

Thế Tôn quan sát chúng Tăng thọ trai đã xong, liền đưa bát cho A-nan. Mọi người đều tự trải tòa ngồi, ngồi ở trước Đức Phật, nhất

tâm kính ngưỡng, cầu được nghe pháp. Đức Như Lai tán thán sự bố thí ấy, nói kệ:

*Kinh sách Bà-la-môn
Tế lửa là tối thượng
Trong sách vở ngoại đạo
Bà tử thất tối thượng.
Những người trong thế gian
Quốc vương là tối thượng
Trong trăm sông, khe suối
Biển lớn là đứng đầu
Các tinh tú ban đêm
Ánh sáng trăng vượt trội
Trong các loại ánh sáng
Nhật quang sáng đứng đầu
Trên dưới và bốn phương
Thế gian và Trời, Người
Trong các chúng Thánh hiền
Phật tôn quý bậc nhất.*

Đức Thế Tôn vì dân chúng thành Vương xá thuyết pháp giảng dạy lợi ích, làm cho họ hoan hỷ, rời từ già.

Đức Phật giảng như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm lược:

*Tu-tỳ-la, Tiên nhân
Diệt sân, ngày mồng tám
Bệnh và trì một giới
Ổ chim và Bà-lê
Người nghèo và tế lớn.*

M

53. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-tát-la, du hành đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc nghe Đức Phật đang ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ, bèn đến gặp Phật, làm lễ thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, trước đây con nghe Ngài xuất gia cầu đạo đã thành Bạc Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Có thật Ngài đã nói rõ như vậy không? Hay là người khác lưu truyền sai? Hay là vì ganh ghét, cho đến chê bai, nên nói lời này?

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Lời nói ấy là lời chân thật, không phải chê bai, không thêm bớt, đúng là lời Ta nói, nói đúng như pháp, không phải nói phi pháp. Tất cả ngoại đạo không thể chê trách hay dị nghị về Ta.

Vua Ba-tư-nặc lại thưa:

–Con nghe Ngài có lời nói ấy, nhưng con chưa tin. Vì sao không tin? Trước đây có những bậc xuất gia đã lâu, là Trưởng lão Bà-la-môn kỳ cựu như: Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Câu-từ-lê Tử, San-xà-da Tỳ-la-chi Tử, A-xà-đa-sí-xá-khâm-bà-la, Già-cứ-đa Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà Xà-đề-phát-đa-la. Các vị kỳ cựu ấy vẫn chưa tự nói là đã đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Huống chi Ngài tuổi trẻ, xuất gia chưa lâu, mà đã đắc đạo hay sao?

Đức Phật nói:

–Này Đại vương, thế gian có bốn việc tuy nhỏ nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Một là con vua tuy còn nhỏ nhưng không thể khinh thường. Hai là rồng con tuy nhỏ nhưng không thể khinh thường. Ba là đốm lửa tuy nhỏ nhưng không thể khinh thường. Bốn là vị Tỳ-kheo tuy trẻ tuổi nhưng không thể khinh thường.

Thế Tôn nói kệ:

*Vua chúa tuy còn nhỏ
Học đủ các kỹ nghệ
Sanh ở nơi chân chánh
Không xen lẫn uestạp
Có danh vọng đẹp lớn*

Khắp nơi đều nghe biết
Như vậy tuy còn nhỏ
Không thể khinh vị ấy
Muốn giữ gìn mạng mình
Không thể khinh vua nhỏ.
Sát-lợi tuy còn nhỏ
Theo pháp kế vị vua
Sau khi lên làm vua
Ra lệnh hành hình phạt
Thế nên phải kính thuận
Không được sanh khinh mạn.
Ở trong các làng xóm
Hay ở nơi vắng vẻ
Thấy rồng con còn nhỏ
Hình dáng tuy bé tí
Nhưng rồng lớn hay nhỏ
Đều có thể làm mây
Giáng trận mưa to lớn
Ai khinh thường vì nhỏ
Phải bị trúng nọc độc
Ai muốn giữ thân mạng
Không được khinh rồng nhỏ
Vì lợi ích cho mình
Cần phải tự phòng hộ.
Như đóm lửa nhỏ nhỏ
Nếu đầy đủ điều kiện
Cháy bùng lên rất mạnh
Gặp phải trận gió lớn
Đốt cháy sạch núi rừng
Đã cháy rừng, đồng rồi
Gặp duyên lại cháy nữa
Muốn hộ trì tánh mạng
Không được khinh lửa nhỏ.
Nếu đối với tịnh giới
Mạ nhục bằng ác khẩu

*Bản thân và con cháu
Tất cả đều hủy báng
Ngay trong đời vị lai
Thọ ác báo như vậy.
Thế nên tự hộ trì
Đừng gây ác cho hạng
Sát-lợi đủ quyền thế
Rồng nhỏ và lửa nhỏ
Tỳ-kheo giữ tịnh giới
Chớ khinh bốn hạng này
Vì hộ trì thân mạng
Cẩn thận nên tránh xa.*

Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, trong lòng run sợ, toàn thân nổi gai ốc, liền rời chỗ ngồi, bầy vai bên phải, chắp tay hướng Phật, bạch:

–Thế Tôn, nay con biết mình có tội lỗi vì đã hủy phạm Phật. Ví như đứa trẻ điên cuồng, ngu si không biết gì, hành động bất thiện. Cầu xin Thế Tôn thương xót, cho con được sám hối.

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Ta luôn từ bi đối với Đại vương, nên nhận sự sám hối của ông.

Vua Ba-tư-nặc được sám hối xong, tâm rất hoan hỷ, làm lễ rồi từ giả.

M

54. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc bản tánh nhân từ, hiếu thuận. Mẹ nhà vua vừa qua đời, ông ta thương nhớ khốc lóc, không tự chủ được. Sau khi hỏa táng mẹ xong, vua tắm rửa, y phục và mái tóc còn ướt, ngay giữa trưa đi thẳng đến gặp Phật, lạy dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi vua:

–Đại vương từ đâu đến mà y phục và mái tóc còn ướt vậy?

Vua Ba-tư-nặc thưa:

–Bạch Thế Tôn, con đối với mẹ hiền rất yêu thương tôn kính. Vừa rồi, chẳng may mẹ con qua đời, con đưa linh cữu mẹ đến tận

đồng trống hỏa thiêu, an táng xong, vừa mới tắm rửa nên y phục và tóc còn ướt.

Đức Phật bảo:

–Này Đại vương, nhà vua đối với mẹ có yêu thương, kính trọng lắm không?

Nhà vua đáp:

–Con hết lòng kính yêu. Giả sử có người làm cho mẹ con sống lại, con đem đủ các thứ binh: tượng, xa, mã, bộ giao hết cho người ấy để đổi lấy mạng sống mẹ con, tâm con không hối tiếc. Giả như đem một nửa đất nước để đền ơn, con cũng không hối hận.

Nhà vua lại thưa:

–Lời Đức Phật dạy rất đúng. Tất cả chúng sanh hội họp rồi phải trở về cái chết.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Sanh phải có tử, năm cõi bốn loài đều phải chết. Vua chúa, muôn dân, Bà-la-môn chúng... hội họp rồi sẽ phải chết. Vua Quán Đảnh uy lực tự tại, thống lĩnh đất nước, cuối cùng cũng phải chết. Thần tiên đạt năm thần thông ở rừng vắng, uống nước ăn trái cũng phải tử vong. Trời Tam thập tam hưởng an lạc tốt bậc, hào quang rực rỡ, ở cung điện trời, tuổi thọ rất dài rồi cũng phải hết. Các vị A-la-hán đã bỏ các gánh nặng xuống, đạt đến tự lợi, sạch các kết sử, tâm được tự tại, chánh trí giải thoát, thân tối hậu cũng trở về chỗ tan hoại. Các vị Phật Bích chi một mình không bạn, thường ở chỗ tịch tĩnh cũng sẽ tan diệt. Chư Phật chánh giác, đủ mười lực, có bốn vô úy, đắc bốn vô ngại, có thể rống tiếng sư tử, thân cũng vô thường, hội họp quy về tan diệt.

Phật dạy:

–Này Đại vương, Ta vì đại vương phân biệt các trường hợp sanh phải có tử. Tóm lại, không sanh thì không chết.

Đức Phật nói kệ:

*Đã sanh phải có tử
Sống bao lâu cũng chết
Tùy nghiệp thọ duyên báo
Thiện ác đều có quả
Tu phước được sanh thiên*

*Làm ác đọa địa ngục
Hành đạo đoạn sanh tử
Vĩnh viễn nhập Niết-bàn.
Không trên trời dưới biển
Hay vào giữa núi đá
Không có địa phương nào
Thoát khỏi được cái chết
Chư Phật và Duyên giác
Bồ tát với Thanh văn
Còn bỏ thân vô thường
Huống chi những phàm phu.*

Khi vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, tâm ý mở thông, không còn ưu sầu, hoan hỷ từ già.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

55. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Vua Ba-tư-nặc ở chỗ yên tĩnh tự suy nghĩ: “Với con người, thế nào là yêu bản thân, thế nào là hại bản thân?”. Vua lại suy nghĩ: “Nếu thân, khẩu, ý thực hành nghiệp thiện, xa lìa các điều ác, gọi là yêu bản thân. Nếu thân, khẩu, ý làm việc bất thiện, tạo các điều ác, gọi là không yêu bản thân”.

Vua Ba-tư-nặc nghĩ như thế rồi, rời chỗ yên tịnh, đến gặp Đức Phật, lạy dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, con ở chỗ yên tịnh, tự nghĩ: “Thế nào là yêu bản thân? Thế nào là hại bản thân? Ai có thể với thân, khẩu, ý hành thiện, là yêu bản thân. Ai với thân, khẩu, ý hành nghiệp bất thiện, là không yêu bản thân”.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng như vậy! Người nào thân, khẩu, ý làm việc ác, là không yêu bản thân. Vì sao? Người vì điều ác, tuy có kẻ oán thù nhưng không chắc gì gây hại cho họ nhanh chóng. Nhưng nếu họ tự tạo nghiệp ác, thì sự tai hại rất ghê gớm. Thế nên tự mình tạo

nghiệp ác gọi là không tự yêu mình. Lại nữa, có người vì bản thân nên hành động sát, đạo, dâm, đó là gây tổn hại cho mình.

Người nào thân, khẩu, ý hành thiện, giả như họ tự nghĩ: “Ta xả bỏ vợ con, gia đình yêu mến”, người thường thì gọi đó là không yêu bản thân. Thật ra đó chính là yêu bản thân. Tại sao? Người như vậy tuy có thân quyến, bạn bè, cha mẹ, anh em với ân tình ghi xương khắc cốt, nhưng đến lúc họ già, suy, cũng không thể cứu giúp được. Cần phải tự thân, khẩu, ý mình tu hành nghiệp thiện mới có thể tự cứu độ. Đó là yêu bản thân.

Đức Phật nói kệ:

*Người nào tự yêu mình
Không gây ác cho người
Người không làm điều ác
Là kẻ được an lạc.
Nếu ai tự yêu mình
Phải làm các nghiệp thiện
Mau lẹ thu nhận được
Nhiều hạnh phúc khác nhau.
Ai muốn yêu chính mình
Phải giữ gìn ba nghiệp
Thí như thành biên giới
Đồng hoang nhiều giặc cướp
Khi tai nạn chưa đến
Tự bảo vệ nghiêm mật.
Chưa nạn, không phòng hộ
Gặp nạn khổ vô cùng.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

56. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc ở chỗ vắng, tự suy nghĩ: “Thế nào là hộ trì bản thân? Thế nào là không hộ trì bản thân?”. Nhà vua lại tự nghĩ:

“Người nào tu thiện là hộ trì bản thân, người nào làm ác là không hộ trì bản thân”.

Sau khi suy nghĩ như vậy, nhà vua rời chỗ ngồi, đến gặp Đức Phật, lạy dưới chân, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, tự nghĩ: “Thế nào là hộ trì bản thân? Thế nào là không hộ trì bản thân?”. Con lại nghĩ: “Ai tu hạnh thiện là hộ trì bản thân. Ai hành bất thiện là không hộ trì bản thân”.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng vậy! Đúng vậy! Nếu đem bốn loại binh là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh bảo vệ chung quanh tự thân, cũng không được gọi là hộ trì bản thân. Tại sao? Đây không phải là sự hộ trì bên trong. Người nào thân, khẩu, ý làm thiện, tuy không có bốn loại binh hộ vệ, vẫn được gọi là hộ trì tự thân. Vì sao? Đây là có sự phòng hộ bên trong. Sự hộ trì bên trong này hơn là sự giữ gìn từ bên ngoài, nên được gọi là hộ trì bản thân.

Đức Phật nói kệ:

*Người nào muốn tự hộ
Thường hộ thân, khẩu, ý
Tu hành các pháp thiện
Có hổ và biết thẹn
Ai không hộ ba nghiệp
Tà kiến và phiền não
Ngăn che các pháp thiện
Tùy tùng theo ma ác
Chính là tự hại mình
Thế nên phải tự hộ
Tu giới, định, trí tuệ
Phụng hành lời Phật dạy.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

57. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc ngồi ở chỗ vắng, suy nghĩ: “Trong thế gian này ít có người làm được sự nghiệp giàu sang, dồi dào tài sản. Giả sử có được sự nghiệp tài sản mà không sống kiêu sa, khiêm tốn biết đủ, tiết chế thị dục, không hại chúng sanh, người như vậy ít có. Thế gian có rất nhiều người được sản nghiệp hơn người, lại kiêu căng, phóng đãng, tham đắm dục vọng, não hại chúng sanh. Người như vậy rất nhiều”.

Vua Ba-tư-nặc ở chỗ yên tịnh, suy nghĩ như thế, rồi đứng dậy, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát đất, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con ở chỗ vắng, tự nghĩ: “Trong thế gian, nếu có người được sản nghiệp lớn, tâm biết tri túc, không phóng túng, không tham đắm các dục, không não hại người khác; người như vậy rất ít. Nếu có người được cơ nghiệp to lớn, kiêu căng, phóng đãng, tham đắm dục vọng, gây hại cho chúng sanh, người như vậy rất nhiều!”.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, thật vậy! Thật vậy! Trong thế gian có nhiều người được phong bổng lộc rồi sanh kiêu mạn, phóng đãng, tham đắm dục vọng, gây khổ sở cho chúng sanh. Người ngu như vậy chịu khổ lâu dài, bị tổn hại rất nhiều, phải bị đọa vào địa ngục sau khi qua đời.

Này Đại vương, như người đánh cá và đệ tử của họ với phương pháp kỹ thuật bắt cá tinh xảo, dùng lưới dày bủa ngang dòng nước chảy. Con cá, con ngao, con giải, kỳ đà, các loại thủy tộc...đều lọt vào lưới. Các loài thủy tộc này, con nào bị vào lọt lưới đều nằm trong tay người đánh cá, bị lôi kéo, di chuyển tùy theo ý của người đánh cá.

Cũng như thế, có rất nhiều người ở thế gian được phong bổng lộc hơn người, lại kiêu mạn, phóng đãng, tham đắm năm dục, làm hại cho chúng sanh. Vì sao? Người ngu như vậy đã lọt vào lưới của Ma, bị lưới Ma bắt được, cử động, sinh hoạt đều do Ma sai khiến.

Thế Tôn nói kệ:

*Phóng túng, đắm sự nghiệp
Hoang mê mù năm dục
Không biết có quả ác
Như cá vào lưới dày
Nghiệp này đã thành tựu*

Chịu khổ nào vô cùng.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

58. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc ở chỗ vắng, tự suy nghĩ: “Trong thế gian ít có người được phong bổng lộc cao mà không kiêu mạn, phóng túng, không tham năm dục, không làm hại chúng sanh. Trong thế gian có nhiều người được cơ nghiệp hơn người, lại kiêu mạn, phóng túng, tham đắm năm dục, làm hại chúng sanh”. Nhà vua suy nghĩ như vậy xong, liền rời chỗ ngồi, đến gặp Đức Phật, lạy dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Thế Tôn, con ở chỗ vắng, suy nghĩ: Trong thế gian ít có người được cơ nghiệp hơn người mà không kiêu mạn phóng túng, không tham năm dục, không hại chúng sanh. Có nhiều người được cơ nghiệp to lớn, lại tham đắm năm dục, làm hại chúng sanh”.

Phật dạy:

–Này Đại vương, thật vậy! Thật vậy! Đúng như lời nhà vua nói. Như người thợ săn đào hầm bắt nai, đuổi chúng chạy rơi vào hầm, tùy ý bắt chúng. Trong thế gian, có nhiều chúng sanh được cơ nghiệp to lớn, kiêu căng, phóng đãng, tham đắm năm dục, gây khổ sở cho chúng sanh, cũng như vậy. Người ngu như thế đã rơi vào bẫy của Ma, tùy theo Ma sai khiến, sẽ rơi vào địa ngục, chịu khổ lâu dài.

Thế Tôn nói kệ:

*Phóng dật, vướng sự nghiệp
 Mê muội trong năm dục
 Không biết quả ác sau
 Như nai rớt bẫy sâu
 Phải chịu nhiều khổ não
 Người làm nghiệp ác này
 Sâu khổ lại chịu khổ*

*Hối hận làm sao kịp
 Người thực hành nghiệp thiện
 Sau được kết quả tốt
 Lâm chung ý hoan hỷ
 Sau không có hối hận.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

59. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc đến gặp Phật, lạy dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Thế Tôn, có một Trưởng giả tên Ma-ha-nam, nhà rất giàu, có nhiều cửa cải quý giá.

Đức Phật hỏi:

–Giàu to như thế nào?

Nhà vua bạch Phật:

–Nhà vị Trưởng giả ấy, số vàng bạc châu báu đến ngàn vạn ức, không thể kể hết, huống chi các loại tài sản khác. Ông ta tuy giàu có nhưng không dám ăn uống, thức ăn của ông chỉ là cám tạp thô nhám. Khi ông nấu canh, nấu cả gừng vào, nấu xong lại đem bán hết để lấy tiền sử dụng. Y phục của ông chỉ dùng vải thô, chỉ có năm tấm vải xấu để mặc bên trong, đi lại bằng xe cũ, lấy lá cây kết làm lọng để che. Chưa bao giờ thấy ông ta bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo, trẻ con. Khi muốn ăn, trước hết đóng cửa, sợ các Sa-môn, Bà-la-môn... đến khát thực.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, người như thế không phải là trượng phu tốt. Vì sao? Được tài sản giàu có như vậy mà vị ấy lại không thể mở rộng lòng hưởng thụ vui vẻ một cách chân chánh, lại không thể hiếu dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, lại không ban ơn cho nô tỳ, người làm, lại không khi nào bố thí cho các Sa-môn, Bà-la-môn, lại không cầu mong quả báo được sanh thiên. Cũng như chỗ đất mặn, có ao ít nước,

vì nước mặn đắng người không uống được, nên đưa đến khô kiệt. Người ngu trong thế gian cũng như vậy, được tài sản to lớn không chịu sử dụng để tự thân hưởng an lạc, lại không thể cung dưỡng cho cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con. Đối với quyến thuộc, nô tỳ người ở, bạn thân tri thức đều không giúp đỡ tiền của. Tuy họ có tài sản quý báu dồi dào nhưng không lợi ích gì cả.

Phật dạy:

–Này Đại vương, vị Thiện tướng phu có sản nghiệp thường đem ra sử dụng thọ hưởng một cách an lạc chân chánh, đồng thời cúng dường Sư trưởng, cha mẹ, cho vợ con, quyến thuộc, nô tỳ người ở, bạn bè tri thức, cho đến cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn; người nghèo nàn đến xin đều bố thí cho cả. Người thiện như vậy, tài sản quý giá tạo được gọi là thượng nghiệp, tạo những nhân an lạc và duyên sanh thiên. Người này thu hoạch tài sản, thành tựu việc thiện lớn. Ví như bên cạnh làng xóm, thành phố, có ao nước trong xanh, chảy ra nước sạch, bốn phía bằng phẳng, có nhiều cây cối, hoa trái rậm rạp, cỏ mọc mềm mại bao phủ quanh hồ. Tất cả mọi người đều được tắm rửa, được nước uống tốt. Các loại cầm thú bay lượn, chạy chơi thích thú nơi đó. Người tướng phu khéo giỏi cũng vậy... được sanh cõi trời, thành tựu thiện lớn.

Thế Tôn nói kệ:

*Đất có nhiều muối mặn
Giữa có ao nước mát
Mặn đắng không uống được
Sau tự nó khô kiệt.
Kẻ khốn khổ cũng vậy
Tuy có nhiều tài bảo
Nhưng không dám ăn mặc
Cũng không đem cho người
Gọi là kẻ khốn khổ.
Có tài sản bố thí
Như vùng đất bằng rộng
Có hồ nước trong xanh
Cây rừng rậm chung quanh
Người, thú đều ưa thích*

*Đây gọi là người trí
Như con trâu chúa lớn
Khi sống hưởng an lạc
Lúc chết được sanh thiên.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

60. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Trong thành, có một Trưởng giả tên Ma-ha-nam, không có con nối dõi, bị bệnh qua đời. Theo phép nước bấy giờ, ai không có con trai, sau khi qua đời thì gia tài phải nhập vào công quỹ. Vì lý do này, tài sản của Ma-ha-nam phải bị nạp cho vua.

Vua Ba-tư-nặc thân thể đầy bụi, đến gặp Phật, sau khi làm lễ, liền ngồi qua một bên. Đức Phật bảo nhà vua:

–Hôm nay vì sao Đại vương thân thể bụi bặm, dung mạo khác thường mà đến đây?

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, trong thành Xá-vệ có vị đại Trưởng giả tên Ma-ha-nam mới chết hôm qua. Vì không con nên tài sản của ông ta đều phải sung vào công quỹ. Con đi xem xét tài sản ông ta chẳng kể gió bụi, nên thân thể bị bụi bặm như vậy.

Đức Phật hỏi nhà vua:

–Ma-ha-nam có thật là cự phú không?

Nhà vua đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Giàu có như thế nào? Vàng bạc châu báu số ngàn vạn ức, không thể tính toán, huống chi các tài sản khác. Ông ta tuy có châu báu tích chứa rất nhiều nhưng vì keo kiệt nên không dám ăn. Khi ăn, chỉ ăn lúa lép, lúa mạ, cám tạt rất thô cứng. Khi nấu canh chỉ nấu với gừng, nấu xong lại đem bán bớt để lấy tiền tiêu. Khi mặc chỉ dùng áo vải thô. Tất cả y phục chỉ có năm tấm vải xấu để mặc. Đi đâu chỉ dùng xe cũ, xấu, kết lá làm tàng lọng để che. Chưa bao giờ thấy ông ta bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, hay người nghèo khổ xin ăn.

Đức Phật dạy:

–Người ngu thế đó chẳng phải là vị Thiện tướng phu. Vì sao? Tuy có tài sản không thể mở lòng hưởng thọ an lạc chân chánh, lại không thể giúp đỡ nuôi nấng cha mẹ cùng vợ con, không ban bố cho nô tỳ người ở, không khi nào bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không cầu quả báo thiện để sanh thiên.

Đức Phật lại bảo nhà vua:

–Thuở xưa, vị Ma-ha-nam ấy từng ở nơi Đức Phật Bích chi, tên Đa-già-la-sắt, vun trồng một ít căn lành. Khi đó ông ta đã bố thí thức ăn uống nhưng không chí tâm, không bằng tín tâm, không tự tay cho, không cung kính, bố thí cho qua chuyện, sau khi bố thí lại sanh tâm hối hận, tự suy nghĩ: “Thức ăn uống của ta tại sao lại cho Sa-môn trọc đầu này, không bằng đem cho kẻ tôi tớ trong nhà ta”. Khi ông ấy qua đời, được sanh vào nhà Trưởng giả cự phú bậc nhất trong thành Xá-vệ. Tuy được sanh vào nhà Trưởng giả giàu có, nhưng vì đời trước bố thí thức ăn có tâm hối tiếc, nên tự nhiên không ưa mặc y phục đẹp, lại không thích thức ăn ngon, không ưa thích đi xe ngựa có trang trí đẹp.

Đại vương nên biết, Ma-ha-nam vào thuở xưa, gia đình giàu có, vì tham tài sản tiền bạc, giết người em khác mẹ. Vì nhân duyên này bị đọa vào địa ngục, chịu khổ đau trong vô lượng vạn năm. Vì lý do này, bảy lần tài sản của ông ta bị sung công. Ma-ha-nam đối với Phật Bích chi Đa-già-la-sắt nhờ nhân duyên bố thí thức ăn, sau khi hưởng phước hết, như tội nhân lớn bị đọa vào địa ngục sau khi qua đời. Ma-ha-nam qua đời cũng như vậy, bị đọa vào địa ngục kêu gào lớn.

Vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ma-ha-nam sau khi qua đời có thật bị đọa vào địa ngục kêu gào lớn không?

Phật dạy:

–Thật bị đọa.

Nhà vua nghe vậy buồn bã rơi lệ, rồi sửa lại y phục, trích vai áo bên phải, chấp tay nói kệ:

Tiền tài lúa vải và châu báu

Nô tỳ, người hầu và quyến thuộc

Tất cả tài sản và người hầu

Không thể mang theo, dù phần nhỏ.
 Khi sự chết đến, thân cũng bỏ
 Tất cả tài bảo tuy la liệt
 Không có vật gì là của ta
 Cũng không mang theo một vật nào.
 Chẳng có vật gì đi theo ta
 Như là cái bóng đi theo hình
 Quả báo thiện ác làm không mất
 Chỉ có nghiệp như bóng theo người.

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

Thiện ác đi theo người
 Như bóng đi theo hình
 Hình đi đến nơi đâu
 Bóng theo đó không rời.
 Như có ít lương thực
 Vượt hiểm rất khổ não
 Làm ác cũng như vậy
 Không thể đến nẻo thiện.
 Như lương thực dồi dào
 An vui vượt đường hiểm
 Người tu phước cũng thế
 An ổn đến chỗ thiện.
 Như xa nhà đã lâu
 Đến nơi rất xa xôi
 Khi an ổn về nhà
 Trong tâm rất vui thích.
 Vợ con cùng quyến thuộc
 Hoan hỷ cùng đón tiếp
 Tu thiện cũng như vậy
 Nghiệp thiện đến nghinh đón
 Như bà con xa cách
 Gặp nhau rất vui mừng.
 Thế nên phải chứa thiện
 Gây phước cho đời sau
 Muốn được phước đời sau

*Phải tu hành chánh hạnh
Nay không bị chê trách
Đời sau hưởng an lạc.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

61. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc muốn tổ chức tế đàn lớn. Vua nuôi một ngàn con bò trói ở trụ, và trâu mao, trâu cày, trâu sữa, trâu ghé, trâu nhỏ, mỗi loại đều một ngàn con. Các loại dê đực, dê đen cũng một ngàn con. Các loại súc sanh đều bị dắt đến tế đàn.

Các Bà-la-môn ở những nước khác nghe nhà vua tổ chức tế đàn lớn, từ xa cũng đều kéo về tập hợp ở thành Xá-vệ.

Có nhiều Tỳ-kheo từ sáng sớm mặc y, mang bát vào thành khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc muốn tế đàn lớn, nuôi cả ngàn con bò, trâu mao, trâu nước, trâu cày, trâu nhỏ và trâu ghé đều một ngàn con; các loại dê đen, dê đực cũng một ngàn con; các loại súc sanh này đều bị dẫn đến tế đàn. Lại nghe những Bà-la-môn ở những nước khác biết tin vua Ba-tư-nặc tổ chức đại tế đàn nên tất cả tập hợp ở thành Xá-vệ. Các Tỳ-kheo khát thực xong, sau khi thọ trai, xếp y cất bát, rửa chân, đến gặp Thế Tôn, lạy sát chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, hôm nay chúng con vào thành khát thực được nghe sự việc như vậy...

Đức Thế Tôn nghe xong, liền nói kệ:

*Trăm ngàn tháng cúng tế
Cúng vậy để cầu phước
Không bằng phần mười sáu
Của một lần tin Phật.
Trăm ngàn tháng cúng tế
Tu vậy để cầu phước
Không bằng phần mười sáu
Của một lần tin Pháp.*

Trăm ngàn thán^g cúng tế
 Tu vậy để cầu phước
 Không bằng phần mười sáu
 Của một lần tin Tăng.
 Trăm ngàn thán^g cúng tế
 Tu vậy để cầu phước
 Không bằng phần mười sáu
 Một lần tu tâm Từ.
 Trăm ngàn thán^g cúng tế
 Tu vậy để cầu phước
 Không bằng phần mười sáu
 Một lần thương chúng sanh.
 Trăm ngàn thán^g cúng tế
 Tu vậy để cầu phước
 Không bằng phần mười sáu
 Thương tưởng đến quỷ thần.
 Trăm ngàn thán^g cúng tế
 Không bằng phần mười sáu
 Một lần phát tâm thiện
 Thương xót loài súc sanh.
 Trăm ngàn thán^g cúng tế
 Không bằng phần mười sáu
 Sanh tín tâm yêu thích
 Với lời Đức Phật dạy.
 Giả sử tế nhiều cách
 Và phụng sự thờ lữa
 Tu vậy muốn cầu phước
 Lễ các tế đàn này
 Suốt hết cả một năm
 Không bằng đứng thẳng người
 Cung kính Phật một lạy
 Phước đức hơn bốn lần.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

62. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bắt một số người, có cả Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, Sa-môn, Bà-la-môn, người xuất gia giữ giới, phá giới, cho đến kỹ nữ, Chiên-đà-la... giam giữ.

Các Tỳ-kheo vào thành khát thực, nghe sự việc như trên, sau khi thọ trai, rửa chân xong, đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con vào thành khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ những vị Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, Sa-môn, Bà-la-môn, người xuất gia trì giới, phá giới và kỹ nữ, Chiên-đà-la...

Thế Tôn nghe lời ấy xong, nói kệ:

*Vua chúa trói buộc người
 Dùng sắt, gỗ và dây
 Hiền thánh xem việc này
 Biết chẳng phải trói chắc.
 Ai ái luyến vợ con
 Tiền tài và châu báu
 Những thứ ấy trói người
 Chắc chắn hơn lao ngục.
 Vợ con và tài sản
 Người ngu bị trói buộc
 Nó thật như sợi dũ
 Làm phàm phu chìm nổi
 Vậy nên phải vượt qua
 Mau đến chỗ giải thoát.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm lược:

*Tam-bồ-đề và mẹ
 Yêu ta và giữ ta
 Bắt cá và bẫy nai
 Xan cùng với qua đời*

Tế tự cùng trời buộc.



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN IV

TỤNG 1: Phần 4

63. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, thống lĩnh bốn loại binh cùng vua Ba-tư-nặc, bày trận đại chiến.

Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy phá tan quân đội của vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc một mình một xe chạy thoát vào thành.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vào thành khát thực, thấy sự việc ấy, sau khi thọ trai xong, rửa chân, đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, sáng sớm chúng con vào thành khát thực, thấy vua A-xà-thế cùng vua Ba-tư-nặc đều thống lĩnh bốn loại binh, đánh nhau rất lớn. Bốn loại binh của vua Ba-tư-nặc bị phá tan, nhà vua một mình một xe chạy thoát vào thành.

Đức Thế Tôn nghe sự việc này, liền nói kệ:

*Thắng có nhiều kẻ thù
Bị thua khổ, không ngủ
Ai không bị thắng bại
Tịch diệt ngủ an ổn.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

64. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà cùng vua Ba-tư-nặc đều

thống lĩnh bốn loại binh, đánh nhau dữ dội.

Vua Ba-tư-nặc đại phá quân binh và bắt được vua A-xà-thế. Vua Ba-tư-nặc sau khi đắc thắng, đặt vua A-xà-thế cùng ngồi một xe, đến chỗ Đức Phật lay sát chân Ngài.

Vua Ba-tư-nặc bạch Đức Phật:

–Thế Tôn, đây là vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy nước Ma-kiệt-đề. Con đối với ông ta trước đây không oán thù, nhưng ông ta đối với con thường ôm lòng ganh ghét. Nhưng vua này là con trai của người thân hữu với con. Vì lý do ấy, nay con muốn thả vua A-xà-thế trở về nước.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, hãy nên thả ra. Nếu nhà vua thả vua kia thì được nhiều lợi ích lâu dài.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Sức phá tan quân họ
Rồi bị thua lại người
Sức xâm lược xứ người
Lại bị người xâm lược.
Ngu nghĩ không báo ứng
Phải chịu đau khổ lớn
Đến lúc sắp qua đời
Mới biết thật có báo.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

65. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc ở chỗ vắng vẻ tự nghĩ: “Giáo pháp Đức Phật dạy rất đúng và lợi ích, có kết quả trong hiện tại, không có phiền não, bức bách vượt ngoài thời gian, có khả năng làm cho chính người ấy đến ngay chỗ thiện. Giáo pháp ấy như thể báo với mọi người rằng: “Các người hãy khéo đến đây, Ta chỉ dạy cho các người diệu pháp! Người

có trí tuệ tự thân tác chứng, đạt đến hiểu biết tận cùng, siêng năng tu tập với thiện hữu, thiện hữu như vậy, không được gần gũi với bạn ác và tri thức xấu ác, nên xa lìa bạn ác”. Nhà vua suy nghĩ như thế, rời chỗ ngồi đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, suy nghĩ: “Giáo pháp Đức Phật dạy rất đúng và lợi ích, có kết quả trong hiện tại, không có các phiền não bức bách, vượt ngoài thời gian... *cho đến*... không giao du với bạn ác”.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Đúng vậy, đúng vậy! Giáo pháp Phật dạy rất đúng và lợi ích, có kết quả trong hiện tại... *cho đến*... không giao du với bạn ác. Trước đây ta ở nơi rừng Kỳ-lê-bạt-đề, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ Tỳ-kheo A-nan, một mình ở chỗ vắng, suy nghĩ: “Người thiện tri thức đem đến cho ta một nửa đời sống phạm hạnh.” A-nan suy nghĩ như vậy, liền đến gặp Ta, sau khi đánh lễ, thưa như thế này:

–Người thiện tri thức đem đến cho ta một nửa đời sống phạm hạnh, chẳng phải tri thức xấu ác, bạn ác, bạn xấu.

Ta bảo A-nan:

–Thôi, thôi! Đừng bày tỏ như vậy, tại vì sao? Thiện tri thức, người quen thiện, bạn thiện chính là đem đến cho ta toàn phần đời sống phạm hạnh. Lại nữa, người bạn hữu thiện không bè đảng với tri thức ác, bạn ác, bạn xấu. Vì sao vậy? Ta nhờ thiện tri thức nên thoát khỏi sanh tử, thế nên biết rằng người thiện tri thức đem đến cho ta toàn phần đời sống phạm hạnh. Sự việc như vậy, ông cần phải phân biệt rõ, giáo pháp Đức Phật dạy đúng sự thật và đạt được lợi ích lớn, có kết quả trong hiện tại ... *cho đến* không bè đảng với bạn ác, tri thức xấu ác ...

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trong các loại pháp thiện
Không phóng dật hơn hết
Ai đang sống phóng dật
Hiện thánh đều chê trách
Ai sống không phóng dật
Được vương vị Thiên đế
Tối thắng trong chư Thiên*

*Giữa làm và không làm
Không phóng dật tối thắng
Ai sống không phóng dật
Tọa thiền diệt các lậu
Chúng đắc quả thù thắng.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

66. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc ở chỗ vắng, tự suy nghĩ: “Có một pháp nào tạo được lợi ích trong hiện tại và cả trong vị lai?”. Nghĩ như thế, nhà vua đến chỗ Đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, có một pháp nào tạo được lợi ích cho hiện tại và cho cả trong vị lai không?

Đức Phật dạy:

–Ta có một pháp tu hành phát huy rộng rãi đưa đến nhiều lợi ích cho hiện tại và vị lai. Đó là tu hành pháp không phóng dật, được lợi ích trong hiện tại và lợi ích cả trong đời vị lai. Như mặt đất có thể sanh hàng trăm loại lương thực, và tất cả cỏ cây, tất cả pháp thiện đều bắt nguồn từ pháp không phóng dật phát sanh, tăng trưởng từ pháp không phóng dật.

Này Đại vương, cũng như mặt đất, tất cả hạt giống, nhân từ mặt đất mà sanh, nhân từ mặt đất mà tăng trưởng rộng lớn. Tất cả chúng sanh dựa vào nhân không phóng dật cũng như vậy.

Trong các loại hương rễ, hương Hắc-kiên-thật là hàng đầu. Việc này cũng như vậy, tất cả pháp thiện đều bắt nguồn từ không phóng dật.

Trong các loại hương cứng chắc, hương Chiên-đàn đỏ là hạng nhất, việc này cũng vậy. Tất cả pháp thiện đều bắt nguồn từ không phóng dật là gốc, không phóng dật là nhân của Thật pháp. Không phóng dật là chỗ sanh ra pháp thiện.

Trong các loại vòng hoa, vòng hoa Càn-đà-bà-lê-cầm là bậc nhất. Trong tất cả pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất. Ngoài ra như nói ở trên.

Tất cả các loại hoa mọc trong nước, hoa sen xanh là bậc nhất. Trong tất cả pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Dấu chân tất cả loại thú, dấu chân voi là lớn nhất. Trong tất cả pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Như đánh với giặc, ai thắng nhiều trận trước gọi là bậc nhất, tất cả pháp thiện, bất phóng dật là bậc nhất.

Tất cả loài thú, sư tử đứng đầu. Trong các pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả lâu đài, Cao-ba-na-tả là bậc nhất. Trong pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả các cây Diêm-phù-đề, cây Diêm-phù-đề ở thượng giới là bậc nhất. Trong pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả các cây Chiêm-ba-la, cây Cửu-ba-khổ-ba-la, là bậc nhất. Trong tất cả pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả cây Bát-thất-la, cây Cẩm-văn-tiêu-thất-la là bậc nhất. Trong tất cả pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả các núi, núi Tu-di là bậc nhất. Trong tất cả pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả loại vàng, vàng Diêm-phù-đàn là bậc nhất. Trong các pháp thiện, bất phóng dật là bậc nhất.

Tất cả y phục đẹp, y phục Ca-thi là bậc nhất. Trong các pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả màu sắc, màu trắng là bậc nhất. Trong tất cả pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả loài chim, Kim sí điểu là bậc nhất. Trong các pháp thiện, không phóng dật là bậc nhất.

Tất cả ánh sáng, nhật quang là bậc nhất. Pháp không phóng dật cũng như vậy, ngoài ra như trên đã nói.

Như đã trình bày, trong các hạnh tu tập thiện, không phóng dật là căn bản, là nhân sanh ra pháp thiện.

Thế nên, này Đại vương, Đại vương nên tu tập theo pháp không phóng dật, cũng nên y chỉ nơi pháp không phóng dật. Nếu vua

không phóng dật thì phu nhân, phi hậu của vua cũng không phóng dật, vương tử đại thần cùng các quan phụ thuộc cũng vậy. Ai không phóng dật là người gìn giữ trong ngoài nơi hoàng cung. Nhờ không phóng dật nên kho tàng đầy đủ. Nhà vua không phóng dật là tự hộ trì và hộ trì cho tất cả.

Bấy giờ Đức Phật nói kệ:

*Không phóng dật tối thắng
Phóng dật chê bai nhiều
Đời này không phóng dật
Đời sau được lợi lớn.
Đời này, đời khác lợi
Hiểu biết lợi hai đời
Là hành động của bậc
Trượng phu và minh triết.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

67. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc ở chỗ vắng, tự suy nghĩ: “Thế gian có ba pháp: một là đáng ghét, hai là không đáng yêu, ba là không đáng nhớ. Những gì đáng ghét? Đó là già. Cái gì không đáng yêu? Đó là bệnh. Cái gì không đáng nhớ? Đó là chết!”.

Vua Ba-tư-nặc nghĩ như thế rồi, rời chỗ ngồi, đến gặp Phật, làm lễ Ngài, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Đức Thế Tôn, con ở chỗ vắng, tự suy nghĩ: “Trên đời có ba pháp: Một là đáng ghét, hai là không đáng yêu, ba là không đáng nhớ. Cái gì đáng ghét? Đó là già. Cái gì không đáng yêu? Đó là bệnh. Cái gì không đáng nhớ? Đó là chết”.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Đúng vậy, đúng vậy! Ba loại pháp này đúng như vua nói. Nay Đại vương, thế gian nếu không có ba pháp này thì Đức Phật

không ra đời và cũng không thuyết pháp. Vì có ba pháp này nên Đức Phật mới ra đời, vì chúng sanh thuyết pháp.

Đức Phật nói kệ:

*Xe vua trang trí đẹp
Rực rỡ rất kỳ diệu
Lâu ngày màu tàn tạ
Như người cũng phải chết
Pháp thật không già suy
Lần lượt truyền cho nhau
Ôi! già suy, giặc ác
Sắc xinh đẹp tuấn tú
Rồi cũng bị suy tàn
Giả như sống trăm năm
Cuối cùng rồi cũng chết
Bệnh đến sức không còn
Già đến đi về chết
Nên phải vui thiên định
Chánh niệm luôn tinh cần
Thấu tỏ đời sống này
Chiến thắng chống ma quân
Vượt bờ cõi sanh tử.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

68. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, khi bố thí nên cho chỗ nào?

Đức Phật đáp:

–Tùy theo sự ưa thích của người tu hạnh bố thí nơi đâu, thì bố thí nơi ấy.

Nhà vua lại hỏi:

–Bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn?

Đức Phật trả lời:

–Nhà vua đã hỏi khác với câu hỏi trước. Nay Ta hỏi Đại vương, Đại vương hãy trả lời theo ý của mình.

Như khi xuất quân sắp chiến đấu, phương Đông có người Sát-lợi, khỏe mạnh có sức lực đến, nhưng họ không giỏi binh pháp, không biết tự chủ, không biết bắn cung, gặp giặc thì sợ hãi, không dám đối địch, thường bỏ chạy trước; không thể giữ vững vị trí của mình, bắn tên không xa, giả như có bắn cũng không trúng, không gánh vác, điều động được quân trong trận lớn. Khi Đại vương chiến đấu với nước khác, có người như vậy, Đại vương có an ủi bảo: “Người hãy thân cận ta, sẽ được ban thưởng lớn!”. Đại vương có làm như vậy không?

Nhà vua đáp:

–Bạch Thế Tôn, con thật không sử dụng người như vậy. Tại sao? Khi chiến đấu, không cần hạ người như thế.

Đức Phật hỏi:

–Phương Nam có Bà-la-môn, phương Tây có Tỳ-xá, phương Bắc có Thủ-đà cũng như vậy. Những người như thế, nhà vua có sử dụng không?

Nhà vua đáp:

–Khi chiến đấu con không sử dụng họ.

Đức Phật nói:

–Khi chiến đấu, phương Đông có người Sát-lợi đến tuổi cường tráng, thân thể vạm vỡ, sức lực khỏe mạnh, giỏi binh pháp, biết cả bắn cung và các kỹ thuật khác, nhiều thuật tài giỏi bằng tay, khéo tự chủ, dũng mãnh đối địch, gan lớn không sợ, tâm không kinh hãi, thấy địch không lùi, giữ vững vị trí, bắn tên đi xa, luôn đúng vào mục tiêu, không trật, dũng mãnh thẳng tiến, phá được trận lớn. Khi Đại vương lâm chiến sẽ sử dụng người nào?

Nhà vua đáp:

–Con dùng người dũng kiện. Vì sao? Theo phép tắc chiến tranh, cần người dũng kiện, phương Nam, Tây, Bắc cũng vậy.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng vậy! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn không

hội đủ năm yếu tố, thì không phải là phước điền. Ai đầy đủ năm yếu tố, thì xứng đáng là phước điền, bố thí sẽ được quả báo lớn, lợi ích lớn, thịnh vượng vô cùng, quả báo luôn tăng trưởng rộng khắp.

Thế nào gọi là hội đủ năm yếu tố? Là đoạn trừ năm thứ trói buộc, ngăn che. Thế nào là đoạn trừ năm thứ ấy? Là đoạn trừ tham dục, sân hận, thù miên, trạo hối và nghi, gọi là đoạn trừ năm thứ trói buộc, ngăn che.

Thế nào là đầy đủ năm yếu tố? Là đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của bậc Vô học. Ai bố thí các bậc Sa-môn, Bà-la-môn đầy đủ năm yếu tố như vậy thì được kết quả lớn, sự thịnh vượng lớn, được quả báo sâu rộng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thí dụ có một người
 Dũng mãnh có sức mạnh
 Điều luyện cách bắn cung
 Biết đủ các kỹ thuật
 Chiến đấu cần người này
 Nên ban thưởng trọng hậu
 Phong tước, ban châu báu
 Không phân biệt dòng dõi
 Chỉ ban thưởng công lao
 Đại vương nên như vậy.
 Người nào thường hành thiện
 Nhu hòa tu nhân nhục
 Thấy được bốn chân đế
 Được bước vào dòng Thánh
 Cúng dường bậc Trí tuệ
 Không cần chọn giống nòi
 Trú xứ tất phải có
 Thực phẩm và ngọa cụ
 Vật cúng dường như vậy
 Nên cúng người đủ giới.
 Trong dòng nước mệnh môn
 Làm phao nổi hay bè
 Và tạo cầu, ghe thuyền*

Tự độ và độ người
 Chính là người đa văn
 Thí như mây bủa kín
 Giăng trùm cả thế giới
 Điện quang chiếu sáng rực
 Sấm sét chấn động xa
 Giáng xuống trận mưa lớn
 Đất đai đều thấm ướt
 Cả cỏ cây rừng rậm
 Đều nhờ tưới nước mưa
 Lúa mạ thêm xanh tốt
 Nông phu rất vui mừng
 Tín thí chủ như vậy
 Hiểu rộng, thường bố thí
 Không có tâm keo kiệt
 Thấm ướt dụ thực phẩm
 Khuyến khích đem cho nhiều
 Như tiếng sấm vang xa
 Ví như mưa rơi xuống
 Thu hoạch nhiều quả hạt
 Người thường hành bố thí
 Được công đức to lớn
 Sau được vui Niết-bàn.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

69. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên, bạch:

–Đức Thế Tôn, đẳng cấp Bà-la-môn thường sanh trong nhà Bà-la-môn, đẳng cấp Sát-lợi thường sanh trong nhà Sát-lợi phải không?

Đức Phật bảo nhà vua:

–Này Đại vương, không nên nói như vậy. Tại sao? Có bốn hạng người: Một là từ ánh sáng đi vào ánh sáng. Hai là từ ánh sáng đi vào bóng tối. Ba là từ bóng tối đi ra ánh sáng. Bốn là từ bóng tối đi vào bóng tối.

Thế nào là người từ bóng tối đi vào bóng tối?

Như có chúng sanh sanh vào nhà bần cùng, hạ tiện; hoặc sanh vào nhà đao phủ, làm thuê, thân thể gầy ốm, hình dáng đen xấu, điếc mù câm ngọng, các căn không hoàn bị nên bị người khác sai khiến, không được tự do. Người như vậy hoặc thân hành nghiệp ác, khẩu làm nghiệp ác, hoặc tâm niệm bất thiện, sau khi qua đời, họ bị đọa vào địa ngục. Đây là từ bóng tối đi vào bóng tối. Ta nói rõ là người ấy từ nhà xí lại đi vào nhà xí, từ bóng tối đi vào bóng tối.

Nếu như có người sanh vào nhà hạ tiện, đao phủ, làm thuê, thân thể gầy ốm, hình dáng đen xấu, điếc mù câm ngọng, các căn không đủ, bị người khác sai khiến, không được tự do thì đây gọi là bóng tối. Nếu người này, thân thường hành thiện, miệng thường hành thiện, ý thường hành thiện. Sau khi họ qua đời, được sanh cõi trời. Người như vậy từ dưới đất được đưa lên giường, từ giường được ngồi trên xe, từ xe được đưa lên ngựa, từ ngựa được đưa lên voi, từ voi được đưa lên cung điện. Do nhân duyên này, Ta nói rõ là người ấy từ bóng tối đi ra ánh sáng.

Thế nào là từ ánh sáng đi vào bóng tối?

–Có người sanh trong gia đình Sát-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả lớn, nhiều tài sản châu báu, giàu có vô lượng, kho tàng đầy ắp, người phục vụ đông đảo, phụ tướng đại thần, bạn bè thân thuộc đông đúc. Họ có thân hình đoan chính, sức lực mạnh khỏe, đây gọi là ánh sáng. Nếu người ấy thân làm nghiệp ác, miệng nói nghiệp ác, ý hành nghiệp ác, sau khi qua đời, bị đọa vào địa ngục như người từ cung điện bị hạ bệ xuống lưng voi, từ đi voi xuống đi ngựa, từ đi ngựa xuống đi xe, từ đi xe xuống ngồi trên giường, từ giường bị rớt xuống đất, từ dưới đất lại rơi vào hầm phân. Ta nói rõ người này từ ánh sáng đi vào chỗ tối tăm.

Thế nào là từ ánh sáng đi vào ánh sáng?

–Có người sanh vào nhà Sát-lợi, đại Bà-la-môn, Trưởng giả, có nhiều cửa cải châu báu, giàu có vô lượng, kho tàng tràn đầy, có

nhiều tội tở, phụ tướng đại thân thân hữu quyến thuộc đông đảo. Họ có thân hình đoan chính, có uy lực lớn, đây gọi là ánh sáng. Người như vậy thân làm nghiệp thiện, miệng nói nghiệp thiện, ý hành nghiệp thiện, sau khi qua đời, được sanh cõi trời, như từ cung điện này đến cung điện khác, từ voi đến voi, từ ngựa đến ngựa, từ xe đến xe, từ giường đến giường. Người như thế, Ta nói rõ từ ánh sáng đi vào ánh sáng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đại vương, phải nên biết
 Kẻ bần cùng bất tín
 Lòng giận dữ ganh ghét
 Thường khởi ác giác quán,
 Tà kiến không cung kính
 Sa-môn, Bà-la-môn
 Trì giới và đa văn
 Gặp họ thường nhục mạ
 Nếu có ít tài vật
 Không có tâm bố thí
 Lại hủy báng người cho
 Với nghiệp duyên như vậy
 Phải bị đọa địa ngục
 Nghiệp đọa địa ngục này
 Là từ tối vào tối.
 Nay Đại vương, nên biết
 Bần cùng ưa bố thí
 Tín tâm, không giận dữ
 Hổ thẹn, thích bố thí
 Sa-môn, Bà-la-môn
 Trì giới và đa văn
 Và kính lễ thăm hỏi
 Thường hành hạnh chánh thiện
 Tự cho, khen người cho
 Người nhận cũng tán thán
 Người như vậy đời sau
 Sinh cõi trời Ba ba*

Đây là từ chỗ tối
 Đi vào nơi sáng suốt.
 Đại vương, lại nên biết
 Giàu to mà bất tín
 Thường giữ tâm sân hận
 Hành động tham ganh ghét
 Tà kiến, không cung kính
 Sa-môn, Bà-la-môn
 Trì giới và đa văn
 Gặp họ thường nhục mạ
 Không có tâm phụng thí
 Sống như vậy, khi chết
 Phải bị đọa địa ngục
 Là từ sáng vào tối.
 Đại vương, lại nên biết
 Giàu to tín, không sân
 Hổ thẹn được đầy đủ
 Xả bỏ tâm keo kiệt
 Sa-môn, Bà-la-môn
 Trì giới và đa văn
 Cung kính và chào hỏi
 Thường hành việc chánh thiện
 Tự cho, khen người cho
 Được người nhận ca ngợi
 Từ bỏ thân mạng này
 Nhờ quả báo đã làm
 Sanh trời Tam thập tam
 Đây là nơi ánh sáng
 Đi vào chỗ sáng hơn.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

70. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc

nước Xá-vệ.

Vào giữa trưa, vua Ba-tư-nặc với thân thể bụi bặm đi xe đến gặp Đức Phật.

Đức Thế Tôn hỏi vua:

–Đại vương vì sao đến đây vào giữa trưa với thân thể bụi bặm thế này?

Nhà vua bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, việc nước quá nhiều, sự vụ phức tạp, xử lý vừa xong, con liền đến gặp Đức Phật. Thế nên thân thể đầy bụi.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, Ta hỏi, vua tùy ý đáp. Này Đại vương, có người bản tánh chánh trực, chưa từng dối trá, được mọi người tin tưởng từ phương Đông đi đến. Giả như họ nói với vua: “Hiện nay phương Đông có hòn núi đá lớn, trên đặng trời, dưới chạm đất, từ phương Đông đang di chuyển đến, những chỗ nó đi qua, rừng cây và các chúng sanh đều bị đè tan nát”. Phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy, có người được mọi người rất tin tưởng, bảo với vua rằng hiện nay bốn phương có núi đá lớn, cùng di chuyển đến một lượt, không có kẽ hở nào thoát được. Trời, Rồng, Người, Quỷ, các loại hữu tình đều bị đè tan nát, rất đáng sợ hãi.

Đức Phật lại bảo nhà vua:

–Ngay lúc ấy, có phương kế gì để thoát nạn?

Nhà vua thưa:

–Bạch Thế Tôn, ngay lúc ấy, không còn kế gì cả, chỉ còn tin Phật pháp, tu hành chánh hạnh, không còn phương nào khác.

Phật dạy:

–Này Đại vương, như lời vua nói, cho đến ngoại trừ việc tin Phật pháp ra, không còn kế gì cả. Này Đại vương, tại sao vua nói như vậy?

Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, giả sử có vị vua đã thọ lễ quán đảnh, đủ cả tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, với các chiến cụ, nhưng với hòn núi đá lớn ấy, không thể đánh với nó; đao tên cung kiếm cũng không sử dụng được. Nếu dùng chú thuật, cúng hiến bằng tiền tài, những việc như vậy, không sao làm được, lại không thể cầu khẩn hay dùng sức lực đánh thắng được. Thế nên, bạch Thế Tôn, con nói nên tu pháp

thiện xa lìa hư vọng, trừ việc tin Phật pháp ra không còn kể gì nữa.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đúng vậy! Đúng vậy! Núi già hủy hoại tuổi trẻ sắc đẹp. Núi bệnh hủy hoại tất cả sự cường tráng. Núi chết hủy hoại tất cả thọ mạng. Núi suy tàn làm hao tổn, hủy hoại tất cả vinh hoa phú quý, giết chết vợ con, phân ly quyến thuộc hao tổn tiền tài.

Này Đại vương, có bốn cách hủy hoại thế gian luôn đuổi theo loài người. Đúng như vua nói, chỉ có tu hành theo giáo pháp chân chánh, trừ Phật pháp ra không còn kể gì khác.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thí như bốn hướng có núi lớn
To cao rộng lớn không giới hạn
Bốn mặt, đồng thời di chuyển đến
Hoảng sợ bỏ chạy không lối thoát
Voi, ngựa, xe, binh không chống được
Chú thuật, tài sản không thể ngăn
Đại vương, đó là núi vô thường
Núi lão, bệnh, tử, núi suy diệt
Tàn hại tất cả các chúng sanh
Sát-lợi, Thủ đà, Bà-la-môn
Cho đến hạ tiện Chân-đà-la
Tại gia xuất gia tu phạm hạnh
Gồm cả trì giới và phá giới
Đều tàn diệt hết không chừa ai
Thế nên người trí phải tu thiện
Tôn sùng Tam bảo, làm phúc đức
Thân miệng và ý thường thanh tịnh
Đời này được khen sau sanh Thiên.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

71. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc

nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên.

Khi ấy, trong khu Kỳ-hoàn, có bảy vị Phạm chí để tóc dài, bảy vị Ni-kiền lỏa hình, bảy vị ngoại đạo mặc một y. Thân hình họ đều to lớn.

Vua Ba-tư-nặc thấy các ngoại đạo này đi qua lại trong vườn Kỳ-hoàn. Nhà vua đứng dậy chấp tay cung kính, hướng đến các vị ngoại đạo nói lên ba lần tên của mình:

–Con là vua Ba-tư-nặc.

Đức Phật hỏi vua Ba-tư-nặc:

–Vì sao nhà vua thấy người tóc dài, lỏa hình, một y, lại cung kính như vậy?

Nhà vua thưa:

–Bạch Thế Tôn, nước con có ba hạng người này là bậc tối thắng trong hàng A-la-hán.

Đức Phật hỏi nhà vua:

–Nhà vua không biết rõ tâm của họ hướng về đâu, làm sao biết là chân A-la-hán hay phi A-la-hán? Phải cùng sống lâu với nhau một nơi, dùng ý quán sát, vua mới có thể biết được người ấy trì giới hay phá giới. Tuy sống lâu với nhau nhưng người thông minh trí tuệ có thể biết, còn người ngu thì không biết. Cha mẹ của họ, thân bằng quyến thuộc, có người bị chết... mới có thể phân biệt họ. Nếu không có việc này, khó hiểu biết thấu đáo được.

Nếu họ bị tai nạn, bị người cưỡng bức sai làm việc sát hại, hoặc bị người nữ ở chỗ riêng ép buộc mà không phạm giới, mới có thể biết tâm họ bền vững chắc thật. Phải theo dõi quán sát mới biết họ tịnh hạnh hay chẳng tịnh hạnh.

Muốn biết đích xác trí tuệ của họ, hãy lắng nghe họ nói, chỉ có người trí mới phân biệt rõ, chỉ có người trí cùng sống chung lâu dài mới có thể biết rõ họ.

Nhà vua tán thán Đức Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, đúng như lời Đức Phật, phải cùng sống chung lâu dài mới có thể biết được là họ trì giới hay phá giới. Người khi lâm nạn, xem xét hành động của họ, mới biết tịnh hay

bất tịnh. Người có giảng thuyết nghị luận, ta mới phân biệt bậc trí hay kẻ phàm.

Như trên trình bày, người có trí tuệ mới biết được người khác, người ngu không biết được, sống lâu mới biết được, không thể vội vàng biết được. Tại sao? Người sứ giả của con, cũng giả mặc những trang phục như vậy, đến những quốc gia khác ở xa, xem xét những việc trong nước ấy, trải qua tám tháng đến mười tháng. Làm các sự việc xong, trở về nước mình vui hưởng năm dục; làm tất cả sự việc như trước không khác. Thế nên, con biết lời Đức Phật dạy thật là toàn thiện.

Nhà vua lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, trước đây, con đã biết có sự việc như vậy, nhưng vội quá không quán sát, nên mới biểu lộ sự cung kính ấy.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không thể nhìn bề ngoài
Mà phải quan sát kỹ
Khi vừa mới gặp người
Không thể tin tưởng ngay
Tướng mạo như La-hán
Thật không nhiếp các căn
Hình dáng các hành động
Đều không thể phân biệt
Cũng như bông tai giả
Hay đồng tiền mạ vàng
Người ngu cho là vàng
Kỳ thật trong bằng đồng
Những con người như vậy
Ngu si không biết gì
Bên ngoài tướng hiển thiện
Trong lòng thật độc ác
Hành động nhiều người theo
Giả dạng trang Hiền thánh.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

72. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có năm vị Quốc vương cùng tập hợp lại một chỗ, bàn luận về vấn đề: Trong năm dục, cái nào là nhất.

Vua thứ nhất nói:

–Sắc là nhất.

Vua thứ hai nói:

–Âm thanh là nhất.

Vua thứ ba nói:

–Vị là nhất.

Vua thứ tư nói:

–Hương là nhất.

Vua thứ năm nói:

–Cảm xúc êm ái là nhất.

Tâm ý các vua không đồng nhau, ai cũng thấy mình là đúng, nên nói với nhau:

–Tâm ý của chúng ta đối với cái đẹp không giống nhau, ai cũng theo lý của mình. Hãy đến gặp Đức Phật để được Ngài phân tỏ.

Năm vị quốc vương, với vua Ba-tư-nặc là thượng thủ, cùng đến chỗ Phật, lạy sát dưới chân Ngài, đứng qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, chúng con năm vị vua, cùng nhau bàn luận: “Trong năm dục, cái nào là nhất?” Một vị vua nói: “Sắc là nhất”... Như vậy chỗ bày tỏ của năm vua bất đồng nhau, đều cho ý mình là đúng nhất. Do chủ trương không giống nhau nên chúng con cùng đến gặp Đức Phật tham vấn về chuyện này, cái nào là bậc nhất?

Đức Phật dạy:

–Người nào đối với sắc chấp thủ tướng mạo của nó, tâm ý bị vây buộc, ý họ thỏa mãn. Ngay khi ấy, nếu như có diệu sắc nào hơn sắc ấy đi nữa thì họ vẫn cho sắc đã chấp thủ ấy là hơn, không còn để ý đến diệu sắc kia. Thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy. Cho đến khi tiếp xúc sanh cảm giác, tâm ý bị trói buộc vào tướng mạo của nó, thì cho đó là tối thắng.

Bấy giờ có một Bà-la-môn tên Ty-nghi, rời chỗ ngồi, mặc y chừa vai mặt, quỳ chân phải xuống đất, chấp tay hướng Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, con có điều muốn trình bày, xin Ngài cho phép.

Đức Phật bảo Ty-nghi:

–Cứ việc nêu bày.

Ty-nghi liền nói kệ:

*Đại vương Ương-già chứa giáp quý
Chúa Ma-kiệt-đề được lợi lớn
Phật vượt lên trên các quốc bảo
Tiếng khen nghe khắp như sơn vương.
Như hoa sen đẹp mới nở ra
Ánh sáng khắp hồ, hương thơm ngát.
Phật như mặt trời giữa hư không
Hào quang chiếu khắp cả thế gian
Xem kỹ tuệ lực của Như Lai
Cũng như lửa mạnh cháy rụi rở
Mở mắt cho người thấy ánh sáng
Những kẻ nghi hoặc đến thưa hỏi
Tất cả đều được giải quyết nghi.*

Năm vị vua đều khen ngợi bài kệ hay, cùng đem những tấm y quý giá ban cho Ty-nghi.

Năm vị vua nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ, rời chỗ ngồi từ giả.

Sau khi các vua ra về, Ty-nghi chấp tay hướng về Đức Phật, đem năm tấm y dâng lên Ngài, cầu mong nhận cho. Đức Phật liền nhận y.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

73. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc thân thể phì mập, hơi thở nặng nề, đến

gặp Đức Phật, lay sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo nhà vua:

–Hiện nay thân thể nhà vua to béo quá, đến nỗi khi di chuyển, hít thở rất khó khăn.

Nhà vua bạch Phật:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như lời Phật dạy, nay con khốn khổ vì thân này, rất là xấu hổ, đáng chê trách.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Làm người luôn luôn tự chánh niệm
Phải biết điều độ khi ăn uống
Thân thể nhẹ nhàng ít khốn khổ
Tiêu hóa dễ dàng, sống dài lâu.*

Khi ấy, trong chúng có chàng thanh niên tên Ô-đời. Nhà vua bèn bảo với chàng thanh niên ấy:

–Người hãy học thuộc bài kệ đó. Vào lúc ta ăn, có thể thường đọc lên bài kệ này cho ta không? Nếu người tụng được như vậy, ta sẽ thưởng cho người mỗi ngày một trăm tiền vàng, và vào bữa ăn, ta sẽ được nghe người đọc trước khi ăn.

Chàng thanh niên Ô-đời đáp:

–Xin vâng.

Đức Phật lại vì vua Ba-tư-nặc giảng dạy vô số các giáo pháp, chỉ rõ mọi lợi ích, hoan hỷ. Nhà vua im lặng lãnh hội, sau đó lễ Phật rồi lui ra.

Thanh niên Ô-đời ở lại một lúc để học bài kệ ấy. Đức Phật bảo chàng trai:

–Khi nhà vua ăn, nên thường vì nhà vua thuyết bài kệ như trên.

Từ đó, hằng ngày vua Ba-tư-nặc ăn ít lại, thân thể ốm dần trở nên nhẹ nhàng.

Sau đó, nhà vua đến chỗ Đức Phật, thân thể nhẹ nhàng, trở nên tốt đẹp, bạch:

–Con nhờ làm theo lời Đức Phật dạy, thân thể hiện nay cảm thọ vô lượng an lạc. Nam-mô Phật Bà-già-bà Chí Chân Đẳng Chánh Giác, làm cho con hiểu biết quả báo hiện tại và lợi ích hiện tại, do ăn uống có tiết độ.

Kệ tóm lược:

*Đắc thắng, hủy hoại, theo Phật giáo
 Một pháp, phước điền, khả yếm hoạn
 Mù tối, núi đá, vận nhất y
 Các vua, Suyển tức danh Bạt-cù.*

M**74. Tôi nghe như vậy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một thanh niên tên A-tu-la-diêm đến chỗ Đức Phật, với miệng, ý bất thiện, nhục mạ ngay trước mặt Ngài.

Đức Như Lai thấy nghe sự việc này, nói kệ:

*Làm thiện, không giận dữ
 Bố thí thường nói thật
 Người không sân, không hại
 Hơn kẻ ôm ác giận
 Xan tham và nói dối
 Kẻ thân cận người ác
 Phải biết chúng sanh này
 Chứa sân như gò núi
 Phẫn nộ như ngựa lồng
 Chế phục bằng roi cương
 Khống bằng cương chửa vững
 Chế tâm mới vững vàng
 Thế nên Ta ngày nay
 Danh là Thiện Điều Ngự.*

Bấy giờ chàng thanh niên bạch Phật:

–Con thật ngu si, hành động bất thiện, nên ngay trước mặt Đức Phật đã buông lời nhục mạ. Cầu xin Thế Tôn thương xót cho con sám hối.

Đức Phật dạy:

–Này thanh niên, biết người thành tâm, nên Ta thể hiện lòng Từ đối với người. Ta nhận sự sám hối ấy, để người được tăng trưởng pháp

lành, kể từ lúc này không còn thoái chuyển.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

75. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có một thanh niên tên Ty-nghi đến gặp Đức Phật, ngay trước Phật với tâm ý và ngôn ngữ bất thiện, nhục mạ Đức Thế Tôn, còn thêm những lời lẽ phỉ báng thậm tệ.

Đức Như Lai thấy nghe sự việc này, bèn bảo Ty-nghi:

–Như trong thế gian, khi có lễ tiết lớn, vào ngày Cữ vô đề, người vào đêm ấy có bao giờ mang y phục, chuỗi ngọc, các loại món ăn đem tặng cho thân thích không?

Ty-nghi đáp:

–Thật có đem tặng họ.

Đức Phật bảo Ty-nghi:

–Nếu họ không nhận vật tặng của người, thì vật tặng này thuộc về ai?

Ty-nghi đáp:

–Nếu họ không nhận, thì tôi giữ lại.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Ty-nghi, ông đến chỗ Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác nhục mạ trước mặt, hủy báng nhiều lời, xúc phạm nhiều cách, tuy người đem cho Ta, Ta không nhận lấy. Cũng như người đời, có người đưa ra, người trước mặt nhận lấy, thì mới gọi là bỏ ra và nhận lấy. Có người bỏ ra nhưng người trước mặt không nhận, thì chỉ gọi là bỏ ra chứ không gọi là nhận lấy. Người nào bị nhục mạ, giận đánh, hủy báng, có phản ứng lại thì đấy gọi là có bỏ ra và có nhận lại. Còn người nào bị nhục mạ giận đánh hủy báng, nhưng nhẫn nhục, không phản ứng lại thì gọi là có bỏ ra mà không có nhận lấy.

Ty-nghi nói:

–Này Cù-đàm, trước đây tôi nghe những vị Trưởng lão đạo đức

kỳ cựu, đều nói: “Trên đời có Đức Phật là Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bị mạ ly ngay trước mặt vẫn không sanh phiền não”. Nay tôi nhục mạ Ngài, tâm Ngài vẫn an định không dấy khởi phiền não.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Người không còn phần nộ
 Làm sao còn nổi sân
 Bạc Điều Thuận Chánh Mạng
 Không sân, người nên biết
 Bị giận không trả giận
 Vì sợ tranh không thắng
 Thắng nhưng không phản ứng
 Đó gọi là Thượng sĩ
 Không sân thắng được sân
 Hành thiện thắng bất thiện
 Bố thí không xan tham
 Nói thật thắng dối trá
 Người không sân không hại
 Thường gần gũi Hiền thánh
 Thân cận những kẻ ác
 Chứa giận như núi đồi
 Phần nộ như ngựa cuồng
 Chế phục bằng roi cương
 Roi cương chưa vững chắc
 Chế tâm mới vững bền
 Thế nên Ta ngày nay
 Là Bạc Thiện Điều Thừa.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

76. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang kinh hành nơi đất trống, bên ngoài Kỳ-hoàn. Bà-la-môn Đột-la-xà tánh tình hung ác, đến gặp Đức Phật, ngay trước mặt Ngài, nói lời thô ác nhục mạ, bày tỏ sự phẫn nộ, thêm lời hủy báng, mong Phật xấu hổ.

Khi thấy sự việc này, Đức Phật vẫn im lặng như cũ.

Bà-la-môn Đột-la-xà thấy Phật im lặng, lại lên tiếng:

– Ông im lặng nên ta biết ông đã bị thua rồi.

Đức Như Lai nói kệ:

*Người từ bỏ thắng thua
Luôn an ổn, tịch diệt.*

Bà-la-môn thưa:

– Thưa Cù-đàm, con thật có lỗi, như trẻ con ngu si vô trí, làm điều bất thiện. Nay con đã tự biết, cầu xin Thế Tôn cho con sám hối.

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

– Người mắng chửi ngay trước mặt Đức Như Lai A-la-ha Tam-miêu-tam Phật-đà, bằng mọi cách phỉ báng, xúc phạm. Người thật ngu si, mê lầm, vô trí nên đã hành động bất thiện. Ta theo lời cầu xin, cho người sám hối, để người được tăng trưởng các pháp thiện, không thoái lui trong việc tu tập.

Sau khi được sám hối, Bà-la-môn rất hoan hỷ, đánh lễ Phật, rồi từ già.

M

77. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Thế Tôn vào sáng sớm, đắp y bưng bát vào thành khất thực. Bà-la-môn Đột-la-xà từ xa thấy Thế Tôn, vội vàng chạy đến trước mặt Đức Phật, buông lời nhục mạ, hủy báng Thế Tôn, xúc phạm bằng nhiều cách. Ông ta lại bốc đất muốn làm nhơ Phật. Nhưng đất ấy bị gió thổi bay mất, không làm bẩn được Đức Phật.

Đức Như Lai thấy việc này bèn nói kệ:

*Phẫn nộ ngang ngược, người không sân
Hủy báng mắng chửi, người thanh tịnh*

*Cũng như đập đất tự như thân
 Ví như nông phu trồng nơi ruộng
 Trồng loại cây nào hái trái ấy
 Người gây nhân nào hưởng quả đó.*

Bà-la-môn thưa:

–Con thật có lỗi, ngu dại vô trí, nên hành động bất thiện. Cầu mong Đức Như Lai cho con sám hối.

Đức Phật dạy:

–Người đối với Đức Như Lai A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà mắng chửi ngay mặt, hành động ấy rất là ngu si. Theo lời thỉnh cầu, Ta thể niệm lòng Từ nhận sự sám hối của người, để người được tăng trưởng trong pháp thiện không thoái chuyển.

Vì Bà-la-môn được Đức Phật hứa chấp thuận, nên hoan hỷ từ già.

M

78. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la, trở về khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có Bà-la-môn tên Phẩn Liệt, nghe Đức Thế Tôn du hóa từ nước Câu-tát-la trở về nước Xá-vệ nơi khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Vị ấy tự nghĩ: “Ta nên đến gặp Sa-môn Cù-đàm, ông ấy nói gì, ta sẽ nói ngược lại.”

Bà-la-môn ấy nghĩ thế rồi, bèn đi đến chỗ Đức Phật. Bấy giờ có ngàn ức người vây chung quanh Thế Tôn để nghe giảng pháp. Thế Tôn từ xa thấy vị Bà-la-môn kia đi tới, liền im lặng không nói nữa.

Bà-la-môn đến chỗ Đức Phật, hỏi:

–Vì sao không nói pháp, ta muốn nghe.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Kẻ tìm cầu lỗi người
 Ý muốn chê chỗ dở
 Tâm người không thanh tịnh
 Phẫn nộ luôn tức tối
 Có nghe pháp Phật dạy*

*Không bao giờ hiểu rõ
 Tùy thuận, xa tranh cãi
 Từ bỏ tâm bất tín
 Xa lìa những não hại
 Và tư tưởng ganh ghét
 Người nào được như vậy
 Ta vì họ giảng pháp.*

Bà-la-môn tự nghĩ:

–Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta.

Ông ta liền đứng dậy lễ Phật, thưa:

–Con thật có lỗi, đã có ý nghĩ bất thiện, cầu mong Thế Tôn cho con sám hối.

Thế Tôn vì thương xót nên nhận sự sám hối này. Phán Liệt hoan hỷ, đánh lễ rồi cáo từ.

M

79. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có thanh niên tên Vô Hại đến chỗ Phật thăm hỏi về sức khỏe, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Cù-đàm, tôi tên Vô Hại, vậy nhờ tên này có được vô hại không?

Đức Phật dạy:

–Thân, khẩu, ý của người đều không sanh hại, nên mới gọi là vô hại.

Thế Tôn nói kệ:

*Thân, miệng và ý
 Đều không hủy hại
 Thế nên gọi người
 Tên là Vô Hại.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

80. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành Xá-vệ, theo thứ lớp khát thực, đến nhà đại Bà-la-môn Bà-la-đột-la-xà.

Khi ấy Bà-la-môn rửa tay thật sạch, nhận lấy bát của Phật đặt đầy thức ăn thơm ngon, dâng lên Thế Tôn.

Ngày thứ hai, ngày thứ ba, Thế Tôn cũng lần lượt khát thực đến nhà Bà-la-môn Bà-la-đột-la-xà. Bà-la-môn này nghĩ: “Nay Sa-môn đã cạo bỏ râu tóc này thường đến đây khát thực, như người quen cũ của ta”.

Bấy giờ Đức Phật biết ý nghĩ của Bà-la-môn ấy nên nói kệ:

*Trời mưa luôn nhiều trận
 Ngũ cốc nhiều loại chín
 Đạo nhân thường khát thực
 Đàn việt thường cúng dường.
 Thường thường sanh cõi trời
 Thường luôn thọ quả báo
 Phụ nữ thường mang thai
 Luôn thường sanh con cháu
 Thường thường vắt sữa bò
 Thường luôn được tô lạc
 Nhiều lần thọ đời sống
 Nhiều lần bị diệt tận
 Nhiều lần về cõi chết
 Nhiều lần buồn khổ nảo
 Lại nhiều lần bị thiêu
 Nhiều lần chôn nơi mộ
 Cắt đứt đường sanh tử
 Thì đừng mọi lưu chuyển
 Nếu không còn tái sanh
 Và không còn chết nữa
 Không còn phải khổ tu
 Và không còn than khóc.*

*Khi ấy Bà-la-môn
 Nghe nói kệ này xong
 Tâm sanh tín tối thượng
 Rất hoan hỷ, vui mừng
 Liền lấy bát Thế Tôn
 Đặt đầy thức ăn ngon
 Muốn dâng lên Đức Phật
 Phật không nhận bát này
 Ngài không nhận cúng dường
 Sau khi giảng kệ pháp.*

Bà-la-môn bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thức ăn con cúng dường dâng lên Như Lai, Thế Tôn không nhận, sẽ đem cho ai?

Phật dạy:

–Ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Ma, Phạm nào ăn thức ăn này mà có thể tiêu hóa được. Nên bỏ thức ăn này vào chỗ nước không có trùng, chỗ cỏ xanh không có trùng.

Bà-la-môn vâng lời Phật dạy, đem thức ăn ấy bỏ vào nước không trùng. Ngay khi đó lửa khói bốc cháy, nước sôi khuấy động phát ra tiếng kêu to.

Bà-la-môn nhận xét:

–Sa-môn Cù-đàm thị hiện thần túc thật là hy hữu, với một chút thức ăn vẫn tạo ra những thần biến.

Thấy sự việc ấy xong, vị ấy trở về gặp Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, bạch:

–Cầu mong Thế Tôn cho phép con xuất gia.

Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Vị ấy râu tóc tự rụng, thân mặc pháp y, trở thành Sa-môn, đắc giới cụ túc. Vị Tộc tánh tử ấy tin chắc nhà ở đời chẳng phải là nhà đích thực nên bỏ nhà học đạo, ngày đêm tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, chí niệm kiên cố luôn thể hiện rõ, việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, tự thân tác chứng, không còn thọ thân sau, thành A-la-hán, tâm đạt giải thoát.

81. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Trong thành Xá-vệ, Bà-la-môn nữ là Bà-tư-tra phát tâm thanh tịnh, tin Phật, Pháp, Tăng; tận tín quy y Tam bảo, đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo không còn nghi ngờ, thấy được diệu lý Tứ đế, chứng quả thứ nhất, nhận rõ các pháp bình đẳng.

Chồng cô ta là Bà-la-môn Bà-la-đột-la-xà. Đang quỳ gối dưới đất làm việc cho chồng, cô tự đứng dậy chấp tay hướng về chỗ Phật, nói lên:

–Nam-mô Phật-đà Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác, màu sắc vàng ròng, hào quang một tầm, thân thể đoan chính như cây Ni-câu-đà, thuyết pháp đệ nhất, vị Tiên thánh giải thoát thế hùng thứ bảy, Đức Thế Tôn của con.

Khi nghe vợ nói lời ấy, người chồng Bà-la-môn lòng rất phẫn nộ, lên tiếng mạt ly:

–Người là kẻ điên cuồng Chiên-đà-la. Ai đã bỏ thuốc độc cho kẻ Chiên-đà-la ngu si này. Chẳng có ai quá ư hạ tiện như người cả. Người đối với hàng đại Bà-la-môn giỏi Tam minh không chịu cung kính, lại đi kính lễ kẻ đầu cạo nhẵn, gậy ốm đen thui ấy. Người lại hết sức tán thán vị Sa-môn ấy như là Da-na-la-diên đoạn nhân chủng. Nếu người quá tin tưởng nơi họ thì ngay bây giờ ta thỉnh thầy người đến bàn luận cùng ta.

Người vợ trả lời:

–Thiếp chưa bao giờ thấy Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm nào có thể tranh luận với Đức Phật.

Người vợ lại nói:

–Nam-mô Phật-đà Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác, sắc tướng như vàng ròng, thân thể đoan nghiêm, hào quang một tầm, như cây Ni-câu-đà, thuyết pháp bậc nhất, Bạc Thế hùng giải thoát Tiên thánh thứ bảy, Đức Thế Tôn của con.

Ông có thể đi tới chỗ Phật đi!

Bà-la-môn bèn đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, nói kệ hỏi:

*Phá bỏ vật gì được ngủ yên?
 Dứt được pháp gì khỏi lo buồn?
 Có một pháp gì trừ diệt chết?
 Sa-môn Cù-đàm giảng cho ta.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phá bỏ phần nộ được ngủ yên
 Trừ được phần nộ khỏi lo buồn
 Phần nộ đối thân gây chết hại
 Như vậy mọi người cần phải biết
 Diệt trừ sân hận thánh ngợi khen
 Diệt hết phần nộ không lo buồn.*

Đức Phật vì vị Bà-la-môn ứng cơ thuyết pháp, chỉ dạy khiến cho vui mừng, đạt lợi ích. Ngài lần lượt giảng dạy các pháp về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, nguồn gốc của khổ não, giải thoát là an lạc, chỉ dạy rộng những pháp toàn thiện, thanh tịnh.

Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, tâm mở ý thông, hết sức hoan hỷ.

Đức Phật biết chàng thanh niên này tâm ý đã điều hòa, bày tỏ sự hoan hỷ vô cùng, ấy là tâm không còn nghi ngờ, có thể thọ trì giáo pháp, nên Ngài giảng dạy giáo pháp có thể lãnh hội được, như pháp của chư Phật là giảng bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, giảng giải rộng.

Bà-la-môn Đột-la-xà nghe lời Phật dạy, như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, ngay tại chỗ ngồi lãnh hội bốn chân đế, thấy rõ các pháp, đạt đến cảnh giới chân thật của pháp, vượt qua bờ nghi ngờ, bằng khả năng của mình, đắc vô sở úy, liền rời chỗ ngồi, chấp tay hướng Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, con đã thoát ly nghi ngờ, muốn quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, nguyện trọn đời làm vị Ưu-bà-tắc, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Vị Bà-la-môn ấy, ngay tại chỗ Phật, được lòng tin kiên cố, bèn lễ Phật rồi trở về nhà.

Người vợ thấy chồng về, vẫn tán thán Đức Phật như trước và hỏi:

–Thầy tôi như vậy, ông có nói chuyện với Ngài không?

Chồng trả lời:

–Ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Quỷ, Phạm nào trong thế gian này có thể luận nghị bằng Đức Phật.

Chồng lại bảo vợ:

–Hãy mang áo lại đây cho ta.

Người vợ đưa áo, chồng nhận lấy, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, cho con được xuất gia học đạo trong Phật pháp.

Đức Phật cho phép, sai một Tỳ-kheo, độ cho xuất gia.

Sau khi vị ấy xuất gia, sống theo pháp xuất gia, tự mình luôn tinh tấn, như trong kinh Bà-la-đột-la-xà đã nói... cho đến tâm được giải thoát, chứng A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

82. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn tên Ma-khư đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ Ma-khư bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, hiện nay trong nhà con, nếu có một người đến, ba người đến, nhiều người đến, con đều bố thí cho họ. Thưa Đức Cù-đàm, con bố thí như vậy có được phước lớn không?

Đức Phật đáp:

–Thật có được phước lớn. Bố thí cho một người hay bố thí cho nhiều người, được vô lượng a-tăng-kỳ phước.

Bà-la-môn Ma-khư nói kệ:

*Nay con thích bày lễ
Bố thí và bố thí
Vì cầu được phước đức
Con xin hỏi Mâu-ni
Xin Phật giảng giải cho
Con xin thưa Thế Tôn*

*Cùng Phạm thiên, Đế Thích
 Làm sao được giải thoát
 Làm sao đến các nẻo
 Làm sao đến Phạm thiên
 Như thế nào lễ đúng
 Và cúng tế thế nào
 Được sanh cõi Phạm thiên
 Sống lâu dài vô tận.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Khi muốn lập tế đàn
 Phải hoan hỷ bố thí
 Làm thiện ba thời rồi
 Nhờ thiện, tâm hoan hỷ
 Tùy thiện, an tâm thí
 Đều xa lìa lỗi lầm
 Khéo trừ sạch tham dục
 Đoạn được dục, giải thoát
 Nếu tu Từ vô lượng
 Gọi là tế đầy đủ
 Liền được tâm trọn vẹn
 Được sanh vào nẻo thiện
 Người tế đàn như vậy
 Gọi là tế chân chính
 Được sanh cõi Phạm thiên
 Thọ mạng rất lâu dài.*

Bà-la-môn Ma-khư nghe lời Phật dạy, làm lễ từ giả, hoan hỷ phụng hành.

M

83. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy Bà-la-môn Sát-lợi Ba-la-tỳ-không, đến chỗ Phật, thăm hỏi rồi ngồi qua một bên, nói kệ:

*Sát-lợi đã tu nhiều pháp khổ
 Vẫn không được tên là thanh tịnh
 Bà-la-môn đọc ba Vị-đà
 Như vậy được tên là thanh tịnh.*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ông cho là thanh tịnh
 Kỳ thật là bất tịnh.*

Bà-la-môn hỏi Phật:

–Ngài giảng về đạo thanh tịnh, cũng giảng dạy về sự thanh tịnh vô thượng. Vậy thế nào là đạo thanh tịnh? Thế nào là thanh tịnh vô thượng?

Đức Phật nói kệ đáp:

*Khô sạch bùn lầy đục
 Làm khô cả sân, si
 Gọi là tịnh vô lượng
 Chánh kiến, chánh tư duy
 Chánh ngữ và chánh nghiệp
 Chánh mạng cùng chánh chí
 Chánh niệm và chánh định
 Pháp này, Bà-la-môn
 Gọi là đạo thanh tịnh
 Luôn luôn tập chánh quán
 Thường thường tu chánh định
 Pháp huy pháp chánh định
 Đoạn trừ mọi tham dục
 Và đoạn sân hận si.*

Vị Bà-la-môn nói:

–Ngài đã nói về con đường thanh tịnh, cũng nói về sự thanh tịnh vô lượng, nay tôi còn bận nhiều gia sự, xin từ giã trở về.

Đức Phật nói:

–Này Bà-la-môn, hãy làm việc đúng lúc!

Bà-la-môn nghe Phật giảng dạy, hoan hỷ làm lễ từ giã.

Kệ tóm lược:

*Đệ nhất A-tu-la
Ty-nghi, hai sân mạ
Phản liệt và Vô hại
La-xà, Bà-tư-tra
Ma khư và Sát-lợi
Đây gọi là mười loại.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN V

TỤNG 1: Phần 5

84. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn đến gặp Phật, sau khi chào hỏi, ngay trước Ngài, nói kệ:

*Đây đủ những giới nào
Uy nghi không khuyết giảm
Tu tập những nghiệp gì
Thành tựu những pháp gì
Mà được gọi tên là
Bà-la-môn ba minh?
Thế Tôn nói kệ đáp:
Biết rõ được túc mạng
Thấy trời và cõi ác
Tận cùng nghiệp sanh tử
Ba thông và ba minh
Tâm đức thiện giải thoát
Đoạn dục và tất cả
Thành tựu ba minh trên
Ta gọi là ba minh.*

Bấy giờ vị Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, vui mừng hoan hỷ, từ giã ra về.

M

85. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Đức Phật mặc y, bưng bát; A-nan theo hầu Phật, hướng vào thành Xá-vệ.

Khi ấy, trong xóm nghèo nàn có hai vợ chồng tuổi cao, già cả chống gậy bước đi run rẩy như con cò già. Đức Phật từ xa thấy, bảo A-nan:

–Ông có thấy hai vợ chồng rất già cả ở trong chỗ nghèo nàn không?

A-nan bạch Phật:

–Vâng, con thấy.

Đức Phật bảo A-nan:

–Người già này khi tuổi còn nhỏ, tại thành Xá-vệ là hàng Trưởng giả bậc nhất. Khi ấy nếu xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, đã chứng A-la-hán. Khi họ tuổi trẻ, biết giữ gìn tiền tài, là Trưởng giả bậc nhì. Khi đó nếu họ xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, đã chứng A-na-hàm. Nếu họ vào giai đoạn thứ ba của cuộc đời, chứa để tài sản, là Trưởng giả hạng ba. Khi ấy nếu họ cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, thì đã chứng Tu-đà-hoàn. Ngày nay, họ đã già cả, không thể làm ra của cải, cũng không thể tinh tấn, không thể chứng pháp của bậc Thượng nhân.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Trẻ không tu phạm hạnh
Lại không chứa của tiền
Cũng như con cò già
Giữ cái ao trống không
Không siêng tu phạm hạnh
Khỏe không tạo tài sản
Già nhớ lại thời trẻ
Như cung gãy bỏ không.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

86. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc

nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn già, tuổi cao, thân thể suy yếu, ngày trước đã làm nhiều việc ác, rất tệ hại, hủy phạm giới cấm, không tin phước thiện, trước không làm phước, khi lâm chung không có chỗ nương nhờ, đến gặp Đức Phật. Sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, vị ấy bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, ngày trước con làm nhiều điều ác rất tệ hại, hủy phạm giới cấm, không tu phước, không tu thiện, không tạo phước đức trước, đến nay sắp chết không chỗ nương nhờ.

Đức Phật nói:

–Đúng như lời ông nói.

Vị Bà-la-môn già thưa:

–Lành thay Cù-đàm, hãy giảng giải cho tôi, khiến cho tôi được an ổn lâu dài, được lợi ích thiết thực.

Đức Phật dạy:

–Đúng như ông nói, vào ngày trước, thân, khẩu, ý nghiệp của ông không làm thiện, hủy phạm giới cấm, không tu phước đức, không làm từ trước, đến khi sắp qua đời, tìm chỗ nương cậy. Ông ngày nay đã quá già, trước tạo các tội, hành động thô ác, không tạo phước nghiệp, không tu thiện hạnh, không chịu làm trước, đến khi bị sợ hãi, lại tìm chỗ quy y. Như có người khi sắp bị chết mới nghĩ đến việc chạy trốn, vào căn nhà an toàn để tự cứu mình. Những việc như vậy đều không thể được. Thế nên ngày nay thân, khẩu, ý phải làm việc thiện. Ai làm ba nghiệp thiện thì khi lâm chung, đó là căn nhà có thể chạy vào trú ẩn.

Đức Phật nói kệ:

*Đời người sống ngắn ngủi
Đều trở về cái chết
Tàn phá của già suy
Không ai có thể cứu
Thế nên phải sợ chết
Chỉ có vào Phật pháp
Và tu hành pháp thiện
Mới là chỗ quy y.*

Đức Phật dạy như vậy.

Kinh thứ hai không khác. “Nên cầu chỗ quy y, Đại nhân nên tu thiện”. Phần văn xuôi của kinh thứ ba không giống, kệ cũng không đồng. Kệ nói:

*Trẻ mạnh và già suy
Ba thời đều đã qua
Mạng sống không còn bao
Thường bị khổ vì già
Gần đến cõi Diêm vương
Bà-la-môn muốn sanh
Chẳng biết ở chỗ nào
Người không có tư lương
Nên làm đèn sáng nhỏ
Y cứ vào tinh tấn
Trước trừ sạch các Sứ
Sanh, lão, tử không còn.*

M

87. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn già đến chỗ Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, con nay già cả, từ xưa đến giờ chỉ tạo các điều ác, chưa từng làm phước, chưa từng tu thiện, lại cũng không thực hành các pháp, dốc xa lìa sự sợ hãi cùng cứu giúp che chở. Lành thay Cù-đàm, xin Ngài vì con mà thuyết pháp, để khi con qua đời có chỗ cứu giúp che chở, có chỗ để con làm ngôi nhà quy y, trú ẩn.

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Thế gian bị đốt cháy. Cái gì đốt cháy? Đó là lão, bệnh, tử. Vì vậy thân, khẩu, ý cần phải tu thiện. Ông đã không tu thân, khẩu, ý theo thiện, nay nếu ông có thể tu thân, khẩu, ý theo thiện, nó chính là chiếc thuyền chở ông, đến khi ông chết nó cứu giúp che chở, làm nhà cho ông, là chỗ ông quy y trú ẩn.

Đức Phật nói kệ:

*Như nhà bị hỏa hoạn
Đốt cháy cả phòng xá
Hãy mau mang của báu
Ra khỏi chỗ lửa cháy
Lửa sanh, lão, bệnh, tử
Đốt cháy các chúng sanh
Cần phải tu bố thí
Cứu giúp người nghèo nàn
Vàng quý trong thế gian
Nạn vua, giặc, nước, lửa
Khi chết phải bỏ hết
Chẳng có gì theo người
Quả bố thí theo người
Nó là kho vững chắc
Vua, giặc và nước, lửa
Không thể xâm đoạt được
Xan tham không bố thí
Gọi là thường ngủ say
Bố thí giúp người nghèo nàn
Đó gọi là giác ngộ.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

88. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có thanh niên tên Ô-đáp, đến gặp Đức Phật. Sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, chàng thưa với Ngài:

–Thưa Cù-đàm, tôi làm ra tài sản hợp pháp, cung cấp nuôi dưỡng cha mẹ, lại bằng cách hợp pháp hưởng thụ sự an lạc, giúp đỡ hợp lý, thế có được phước lớn không?

Đức Phật dạy:

–Này thanh niên, không chỉ riêng người, tất cả những ai làm ra tài sản một cách hợp lý, lại đem cung cấp cho cha mẹ hợp lý, hưởng thụ an lạc hợp lý, cung cấp hợp lý, đều được phước vô lượng. Tại sao? Nên biết rằng, người này chính là Phạm thiên ở trong nhà ấy, nếu cung cấp nuôi dưỡng cho cha mẹ một cách hợp lý. Cha mẹ là A-xà-lê ở trong nhà, nếu cung cấp cho cha mẹ một cách hợp lý, được hưởng thụ an lạc hợp lý thì tất cả mọi người đều hưởng về kính trọng nhà ấy. Ai có thể cung cấp nuôi dưỡng cho cha mẹ một cách hợp lý, khiến cho an lạc hợp lý, giúp đỡ hợp lý, nên biết Đại thiên ở trong nhà người ấy. Ai cung cấp cho cha mẹ một cách hợp lý, cung cấp sự an lạc hợp lý, nên biết tất cả chư Thiên đều ở trong nhà người ấy. Tại sao vậy? Phạm thiên vương do cung cấp nuôi dưỡng cha mẹ một cách hợp lý nên được sanh cõi Phạm thiên. Ai muốn cúng cho A-xà-lê nên cúng dưỡng cha mẹ, là cung cấp A-xà-lê. Ai muốn lễ bái, trước tiên nên lễ bái cha mẹ. Ai muốn thờ lửa, trước hết nên cúng dưỡng cha mẹ. Ai muốn thờ trời, trước nên cúng dưỡng cha mẹ, tức đã cúng dưỡng chư Thiên.

Đức Phật nói kệ:

*Phạm thiên và thân lửa
A-xà-lê, chư Thiên
Ai muốn cúng dưỡng họ
Nên phụng dưỡng mẹ cha
Đời này được tiếng thơm
Đời sau sanh Phạm thiên.*

M

89. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có thanh niên tên Ưu-tỳ-già đến gặp Phật, đánh lễ thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn tạo dựng tài sản đúng pháp, tụ hợp bày tế đàn lớn, dạy người khác bày tế. Tế đàn như vậy, nên làm hay không làm?

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ đáp:

Ngựa mập và người mập
 Bò mập, thức ăn ngon
 Hơi thở mở cửa tế
 Tế lớn sáu loại này
 Việc làm tuy rộng lớn
 Nhưng Tiên thánh chê bai
 Dê đực và dê đen
 Bò chúa và bò nhỏ
 Tất cả sự sát sanh
 Điều không phải tế cúng
 Sát sanh là tà tế
 Các thánh không thi hành.
 Ai lập đàn tế đúng
 Không não hại quần sanh
 Không giết mạng hữu tình
 Nếu tế không sát sanh
 Là cúng tế chân chánh
 Ai tế đàn như vậy
 Đại tiên tất đến đó
 Bố thí và tế đàn
 Phải cung cấp cho người
 Bố thí với tâm sạch
 Thí đúng lúc, chỗ nào?
 Nên thí thắng phước điền.
 Thắng phước điền là ai?
 Là bậc tu phạm hạnh
 Ai thí vào chỗ ấy
 Gọi cúng tế rộng lớn
 Lập đại tế như vậy
 Bằng tài sản hợp pháp
 Nước sạch tự tay cho
 Ai bố thí như vậy
 Chư Thiên sanh kính tín
 Là tự tha đều lợi

Tất được quả báo lớn
 Thiết tế lớn như vậy
 Chỉ bậc trí làm được
 Thường sanh tâm tin sạch
 Cũng được tâm giải thoát
 Nào hại không phát sanh
 Hưởng nhiều lạc thế gian
 Được sanh vào thắng xứ
 Đây gọi là người trí
 Tổ chức đại tế đàn.

Đức Phật dạy như vậy, thanh niên Ưu-tỳ-già nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giả.

M

90. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có thanh niên tên Ưu-tỳ-già đến gặp Đức Phật đánh lễ, thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thế Tôn, Bà-la-môn tạo nên tài sản đúng pháp, gom lại tế lễ lớn, dạy người tế lễ. Sự tế lễ như vậy, nên làm hay không nên làm?

Bấy giờ Đức Phật nói kệ:

Tổ chức tế đàn lớn
 Không làm hại chúng sanh
 Ai cúng tế như vậy
 Là việc làm thanh tịnh
 Gọi là tế an ổn
 Bậc Phạm hạnh thọ nhận
 Hiện đời trong thế gian
 Tiếng thơm đồn rất xa
 Chiến tranh xa nơi ở
 Tế như vậy đáng khen
 Chư Phật khen rất tốt
 Tế đàn là cách tế

Bồ thí bằng thanh tịnh
 Nên thí bậc Ứng cúng
 Thí đúng lúc nơi nào?
 Gọi là tế rộng lớn
 Chỗ chư Thiên kính tin
 Với tài sản đúng pháp
 Tay rửa sạch tự cho
 Ai cúng tế như vậy
 Là tự lợi, lợi tha
 Điều được quả báo lớn
 Tế đàn lớn như thế
 Chỉ bậc trí làm được
 Phát tâm được tịnh tín
 Và đắc tâm giải thoát
 Nào hại không gia tăng
 Được tối lạc trong đời
 Sanh vào nơi thắng xứ
 Gọi là bậc Trí tuệ.

Đức Phật dạy như vậy, Ưu-tỳ-già nghe lời Phật dạy, hoan hỷ lãnh hội rồi từ giả.

M

91. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một thanh niên tên Phật-di đến gặp Đức Phật, đánh lễ, thăm hỏi, ngỏ qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Ngài có bao nhiêu pháp dạy bảo người tại gia sống đời sống gia đình đạt được kết quả lợi ích và an lạc trong hiện tại?

Đức Phật dạy:

–Này thanh niên, có bốn pháp khiến cho người tại gia đạt được kết quả lợi ích và an lạc trong hiện tại. Thế nào là bốn? Một là siêng năng tinh tấn. Hai là thường giữ gìn các căn. Ba là gần gũi thiện tri thức. Bốn là nuôi dưỡng thân mạng một cách hợp lý.

Thế nào là tinh tấn? Tùy theo khả năng làm nghề nghiệp mưu sinh trong gia đình, hoặc làm quan cho vua, hoặc làm nghề nông, hoặc kinh doanh, hoặc chăn nuôi, tùy theo công việc làm, siêng năng không biếng nhác. Gặp phải lạnh, nóng, gió, mưa, đói, khát hay no đủ, bị xúc phạm do ruồi muỗi mòng ong... tuy có khổ nhọc nhưng không bỏ công việc làm của mình, khiến cho hoàn thành, không nghĩ đến việc bỏ phế, đó gọi là tinh tấn.

Thế nào là giữ gìn các căn? Vị tặc tánh tử tích lũy tài sản hợp pháp, đặt ra những cách thức để không bị vua, giặc, nước, lửa cướp đoạt, không bị kẻ thù ghét xâm phạm, không nuôi dưỡng nghịch tử. Đây gọi là giữ gìn các căn.

Thế nào là gần gũi bạn tốt? Tặc tánh tử gần gũi bạn tốt; bạn tốt này tư chất hiền lương, không gian xảo trộm cắp. Ai cùng với người này kết làm bạn thân thì sâu khổ chưa sanh khiến cho không sanh; sâu khổ đã sanh khiến cho trừ diệt; hỷ lạc chưa sanh khiến cho phát sanh; hỷ lạc đã sanh thì khiến cho không mất. Đây gọi là gần gũi bạn tốt.

Thế nào là nuôi dưỡng thân mạng một cách hợp lý? Tặc tánh tử biết rõ tài sản của mình, xem xét nhiều ít để sử dụng một cách điều độ, thu nhiều hơn chi, không sử dụng phung phí. Như người ăn trái Ưu-đàm, khi mới ăn thì trên cây còn rất nhiều, khi ăn ngủ say bảy ngày, tỉnh dậy mới biết là đã hết trái. Phải sử dụng tài sản hợp lý, trung bình giữa phung phí và keo kiệt. Ai có tiền tài không chịu ăn mặc, không chịu bố thí, sử dụng quá keo kiệt, mọi người đều nói: “Người như vậy chết như chó chết”, phải tự trừ tính, không xa hoa, không keo kiệt. Đây gọi là nuôi dưỡng thân mạng một cách hợp lý.

Người thanh niên lại bạch Phật:

–Tu hành những pháp gì khiến cho người tại gia đời này thọ hưởng lợi ích, đời sau được phước?

Đức Phật bảo thanh niên:

–Có bốn pháp khiến cho thu đạt được phước bảo ấy. Những gì là bốn? Đó là Tín, Giới, Thí và Văn tuệ.

Thế nào là Giới? Thường thực hành không sát sanh cho đến không uống rượu.

Thế nào là Thí? Bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, Sư trưởng, cha

mẹ, người nghèo cùng, người đi xin... các thứ y phục, thức ăn, giường, nệm nằm, thuốc trị bệnh, các loại nhu cầu, hết sức bố thí. Đây gọi là Thí.

Thế nào là Văn tuệ? Tức trí tuệ do học hỏi tìm hiểu mà có. Đó là nhận thức như thật về khổ, tức nhận thức về Khổ đế; nhận thức như thật về nguyên nhân của khổ, tức nhận thức về Tập đế; nhận thức như thật về con đường diệt khổ, tức nhận thức về Đạo đế; nhận thức như thật về sự diệt khổ tức nhận thức về Diệt đế. Đây gọi là Văn tuệ đầy đủ.¹

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nhiệt tâm tạo sự nghiệp
Siêng giữ gìn không mất
Gần gũi với bạn lành
Thường nuôi mạng hợp lý
Tín, giới, thí, văn tuệ
Trừ bỏ hết sân tham
Người nào làm như vậy
Mau đạt đạo thanh tịnh
Như vậy tám pháp này
Được lợi, vui hiện tại
Và trong đời tương lai
Hưởng an lạc cõi trời.*

Đức Phật dạy như vậy, thanh niên Phật-di nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

92. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Am-bà-la, thuộc nước Di-hy-la. Bấy giờ nữ Bà-la-môn Bà-tư-tra có đứa con thứ sáu vừa chết. Vì con chết nên tâm ý bà ta như điên loạn, lố lồ cuồng chạy... chạy dần mãi đến vườn Am-bà-la ở Di-hy-la.

Lúc ấy Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vậy

¹. Thiếu một chi tin; xem Tập 89-A.8.55

quanh. Nữ Bà-la-môn Bà-tư-tra từ xa thấy Thế Tôn, tâm ý phục hồi bình thường, xấu hổ ngồi thụt xuống đất. Đức Phật bảo A-nan:

–Ông hãy đưa y Uất-đa-la-tăng cho bà ta và dẫn đến đây, Ta sẽ giảng pháp.

A-nan vâng lời, đưa y Uất-đa-la-tăng. Nữ Bà-la-môn Bà-tư-tra nhận y mặc vào, đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân. Đức Thế Tôn vì nữ Bà-la-môn thuyết giảng giáo pháp, chỉ dạy, khiến đạt lợi ích, hoan hỷ. Như thuở xưa chư Phật đã giảng các pháp quan trọng, Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, nguồn gốc của khổ não, giải thoát là an lạc. Đức Thế Tôn giảng rộng giáo pháp, biết tâm bà sắp thoát mọi trói buộc che phủ, nên Ngài giảng về bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Vị nữ Bà-tư-tra này thông minh lãnh hội nhanh, nghe pháp có thể thọ trì, như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, Bà-tư-tra ngay tại chỗ đã nhận rõ bốn chân đế, thấy pháp, đạt pháp, vượt khỏi bờ nghi, tự mình chứng pháp, không hiểu theo người, chứng tín không thoái chuyển; ở trong pháp Đức Phật dạy, đặc vô sở úy. Bà liền rời chỗ ngồi, chấp tay lạy Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con đã vượt qua ba ác, trọn đời con xin quy y Tam bảo, làm vị Ưu-bà-di, trọn đời chánh tín thanh tịnh không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Nữ Bà-la-môn nghe pháp hoan hỷ, lễ Phật rồi từ giã.

Vào lúc khác, Bà-tư-tra bị chết đưa con thứ bảy, tâm không ưu sầu, không khổ não cũng không thương nhớ đến nỗi chạy cuồng loạn như trước.

Khi ấy người chồng là Ba-la-đột-la-xà nói kệ hỏi:

*Xưa, khi nàng mất con
Nhớ thương rất đau khổ
Sầu muộn trói tâm ý
Bỏ luôn cả uống ăn
Nay đưa con thứ bảy
Bị bệnh vừa chết đi
Nàng là người từ mẫu
Tại sao không nhớ thương?*

Bà-tư-tra nói kệ đáp lời chồng:

*Vô lượng kiếp đến nay
Thọ thân không bờ bến
Do ân ái cho nên
Con cháu nhiều vô số
Thọ thân khắp nơi nơi
Bỏ mạng không phải một
Trong đường dài sanh tử
Chịu khổ vô cùng rồi
Ta đã thấy rõ đường
Đến đi của sanh tử
Thế nên ngày hôm nay
Không ý niệm sâu khổ.*

Người chồng Bà-la-môn lại nói kệ:

*Như lời nàng vừa nói
Xưa nay chưa được nghe
Nhờ ai nàng tỏ ngộ
Mà không còn ưu tư?*

Bà-tư-tra nói kệ đáp:

*Bà-la-môn nên biết
Trước đây Đức Chánh giác
Ở nước Di-hy-la
Trong vườn Am-bà-la
Giảng đoạn tất cả khổ
Và con đường diệt khổ
Tu bát thánh đạo phần
An ổn đắc Niết-bàn.*

Bà-la-môn lại nói kệ:

*Nay ta cũng muốn đến
Trong vườn Am-bà-la
Thưa hỏi Đức Thế Tôn
Cách trừ khổ nhớ con.*

Bà-tư-tra lại nói kệ:

*Thân Phật chân kim sắc
 Ánh sáng chiếu một tâm
 Đoạn sạch các phiền não
 Vượt trên bờ tử sanh
 Đại Đạo Sư như vậy
 Điều phục được tất cả
 Chúng sanh nhờ ngài độ
 Nên hiệu là Chân Tế
 Nay chàng hãy đi mau
 Đến gặp Đức Phật-đà.*

Vị Bà-la-môn nghe lời vợ nói, vô cùng hoan hỷ, tức thời lên xe đến khu vườn kia. Từ xa thấy Đức Thế Tôn uy quang sáng rực, vị ấy càng sanh tâm cung kính. Đến rồi đánh lễ, ngồi qua một bên. Đức Phật với tha tâm trí quán sát tâm vị ấy, biết đã thuần thực, Ngài liền giảng về Khổ, Tập, Diệt, Đạo và Bát chánh đạo. Những pháp này có thể đưa đến Niết-bàn.

Vị Bà-la-môn sau khi nghe pháp ấy, giác ngộ bốn chân đế, được thấy pháp liền xin xuất gia. Đức Phật cho phép. Vị ấy sau khi xuất gia tinh tấn tu hành, chỉ trong ba đêm, đắc đủ ba minh. Đức Phật ghi nhận vị ấy chứng A-la-hán, nên đổi tên là Thiện Sanh.

Thiện Sanh sau khi chứng ba minh, bảo người đánh xe Bà-la-đề:

–Ông hãy mang chiếc xe quý giá này về nhà, bảo với Bà-tư-tra: Đối với ta, nàng có thể sống tự do tùy ý. Tại sao? Nay Đức Phật giảng bốn Thánh đế cho ta, ta đã xuất gia chứng được ba minh. Thế nên nàng đối với ta phải sanh lòng tin thanh tịnh.

Khi Bà-la-đề đem xe về nhà, Bà-tư-tra thấy xe liền hỏi:

–Chồng ta có gặp Đức Phật không?

Người đánh xe thưa:

–Ông chủ ngay tại chỗ ngồi đã thấy rõ bốn chân đế. Sau khi thấy rõ bốn chân đế, ông cầu xin xuất gia, Đức Phật đã cho người xuất gia. Sau khi xuất gia chỉ trong ba đêm đã chứng quả A-la-hán.

Người vợ bảo với người đánh xe:

–Nay người hãy truyền rộng tin tức này ra. Ta thưởng cho người ngựa và ngàn tiền vàng.

Người đánh xe thưa:

–Nay tôi không cần ngựa và tiền vàng, chỉ muốn đến gặp Đức Phật để nghe diệu pháp.

Bà-tư-tra nói:

–Người được như vậy rất là toàn hảo. Nếu người xuất gia sẽ mau đạt đạo quả A-la-hán.

Bà-tư-tra bảo với con gái:

–Con khéo quản lý gia đình, thọ hưởng năm dục lạc, ta muốn xuất gia

Người con tên là Tôn-đà-lợi, thưa với mẹ:

–Cha con có thể từ bỏ năm dục lạc, xuất gia cầu đạo. Nay con cũng nên theo đó xuất gia, xa lìa tâm niệm về anh em quyến thuộc, như voi lớn đi, voi nhỏ đi theo, con cũng như vậy, sẽ xuất gia theo, ôm bát đất đi khát thực. Con có thể tu hành đối với pháp để nuôi sống, chứ không sống một cách khó nuôi dưỡng.

Bà-tư-tra nói;

–Sự ưa muốn của con thật là tốt đẹp toàn thiện, nguyện này chắc chắn thành tựu. Ta xem con không bao lâu sẽ đoạn sạch dục vọng, xa lìa những thứ trói buộc.

Bấy giờ Bà-la-môn Bà-la-xà, Bà-tư-tra và Tôn-đà-lợi giúp đỡ nhau, đồng thời xuất gia, đều đoạn trừ sạch những cảnh giới đau khổ.

M

93. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu rừng Đại lâm, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Khi ấy Đức Như Lai mặc y, bưng bát vào thành khát thực, sau khi thọ trai, thu xếp y bát, rửa chân, ngồi dưới gốc cây, trụ vào thiền định.

Có một Bà-la-môn tên Uất-thấu-la Đột-la-xà bị mất bò sữa đã sáu ngày, tìm khắp nơi nhưng vẫn chưa gặp. Ông ta tiếp tục tìm kiếm, nên vào rừng Đại lâm, từ xa thấy Đức Như Lai ngồi bên gốc cây, dung mạo đặc biệt, các căn tịch định, tâm ý điềm tĩnh, điều phục tâm ý đạt đến chỗ tối thượng, như lầu bằng vàng, ánh sáng rực rỡ. Thấy như thế, ông ta bèn đến chỗ Đức Phật, đứng trước mặt Ngài nói kệ:

*Vui gì Tỳ-kheo độc cư tịnh
Tư duy như vậy đắc được gì?*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Đối với việc được thua
Ta không còn vui sầu
Người đừng cho là ta
Giống như người không khác.*

Bà-la-môn lại nói kệ:

*Trong này đúng là Phạm trú xứ
Thật như Tỳ-kheo đã nêu bày
Tôi muốn hỏi về việc trong nhà
Xin ngài nghe cho lời tôi nói:*

*Sa-môn Ngài đang ngồi
Yên tịnh giữa rừng cây
Không như tôi mất bò
Đã sáu ngày đau khổ
Nên biết Sa-môn này
Thật là vui tịch nhiên
Người cũng không trồng lúa
Chẳng lo phải tưới nước
Cũng chẳng lo lúa gạo
Có xuất nhập hay không
Những nỗi khổ như vậy
Người từ bỏ đã lâu,
Người cũng không trồng mè
Nên không sợ cỏ hoang
Người cũng đã không có
Khổ não của cày bừa
Nên biết Sa-môn này
Thật hưởng vui tịch nhiên.
Nhà tôi có nệm cỏ
Dùng trải qua bảy tháng
Trong nệm có trùng độc
Bọ cạp chích khổ não
Sa-môn không việc ấy
Ngài thật là an lạc.*

Ngài không có bảy con
 Hoang tàng khó dạy dỗ
 Buôn bán mắc nợ người
 Ngài không có việc ấy
 Sa-môn thật an lạc,
 Ngài không, tôi có bảy
 Con gái đều có chồng
 Có con hoặc không con
 Chồng chết đều về nhà
 Ngài không khổ việc ấy
 Nên biết Sa-môn vui,
 Vì không có chủ nợ
 Sáng sớm đã tới cửa
 Để đòi số nợ kia
 Không có những việc ấy
 Sa-môn thật là vui,
 Ngài không có nhà hư
 Nhiều lu vò trống rỗng
 Trong đó chuột giỡn nhau
 Đụng vật phát ra tiếng
 Nhiều loạn tôi mất ngủ
 Suốt đêm nghĩ chẳng yên.
 Ngài không có vợ ác
 Xấu xí mắt trợn trừng
 Nửa đêm đã bắt dậy
 Sớm chiều mắng chửi luôn
 Hoặc than nhà khổ lạnh
 Hoặc than mắc nợ người
 Sa-môn không việc này
 Nên biết Ngài thật vui.

Thế Tôn nói kệ:

Bà-la-môn nên biết
 Lời người rất thành thực
 Ta không bỏ bị trộm

Đã trải qua sáu ngày
Ta không có việc ấy
Nên thật là an lạc
Ta thật không lúa ruộng
Mà lo toan thiếu nước
Lại không lo lúa gạo
Có thu hoạch hay không
Ta không có khổ ấy
Thường biết là an lạc.
Ta không ruộng trồng mè
Bị cỏ mọc hoang sơ
Ta không lo việc ấy
Nên sống thật an lạc.
Ta không có nệm cỏ
Dùng đến bảy tháng dài
Sanh trùng độc, bò cạp
Cắn đốt khổ cả nhà
Ta không có việc này
Nên sống thật an lạc.
Ta không có bảy con
Ngang ngược khó dạy bảo
Tự gây ra nợ nần
Bị người khác chèn ép,
Ta không bảy con gái
Có con hay không con
Chồng chết về nhà ở
Ta không có khổ ấy.
Ta không có chủ nợ
Sáng sớm đến gõ cửa
Yêu sách đòi nợ nần,
Lại không có nhà hư
Khắp nơi lu trống rỗng
Chuột giỡn đùa bên trong
Đụng nhau gây tiếng động
Nhiều loạn Ta bỏ ngủ

*Suốt đêm ngủ không yên
 Ta không có vợ ác
 Xấu xí mắt vàng khè
 Nửa đêm lời thức dậy
 Sáng chiều mắng chửi luôn
 Hoặc than nhà nghèo khổ
 Kể lẽ nợ người ta
 Khổ này Ta không có
 Nên sống thật an lạc.
 Bà-la-môn nên biết
 Người không bỏ yêu ghét
 Không thoát khổ ấy đâu!
 Đoạn dục, xa lìa ái
 Sau đó mới an lạc.*

Bấy giờ Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp cho Bà-la-môn, khiến cho ông ta được lợi ích, hoan hỷ... *nói rộng như trên... cho đến* ông ta đoạn trừ nghiệp phiền não, không thọ sanh đời sau.

Lúc ấy Tôn giả Uất-thấu-la Đột-la-xà chứng quả A-la-hán, đạt được vị giải thoát, vô cùng hoan hỷ, nói kệ:

*Nay tôi rất hoan hỷ
 Giáo pháp Đại tiên dạy
 Nghe pháp được giải ngộ
 Không còn những dấy bỏ
 Đến Thế Tôn không uống
 Gặp Phật được chứng đạo.*

M

94. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở xóm Bà-la-môn Sa-la. Vào sáng sớm, Đức Thế Tôn mặc y, cầm bát vào xóm Sa-la khát thực. Gặp lúc mây trái mùa nổi lên, trời mưa xuống, Đức Như Lai tránh mưa, nên đi vào xóm ấy. Khi đó, trong khu này, các Trưởng giả Bà-la-môn đang tụ tập bàn luận. Từ xa thấy Đức Phật đến, họ lên tiếng:

–Đạo nhân cạo đầu biết những pháp gì?

Đức Phật nghe nói thế, bảo họ:

–Bà-la-môn các vị có người biết pháp có người không biết pháp? Các hàng Sát-lợi, Cư sĩ... cũng như vậy.

Đức Phật nói kệ:

*Không thể với bạn thân
Làm họ sanh khuất phục
Vua chúa không thể hàng
Phục bậc không chịu phục
Vợ không cầu chồng phục
Cha mẹ khi tuổi già
Làm con phải kính dưỡng
Không được sanh bội nghịch
Không có chỗ đông nào
Không có bậc hiền lương
Vị thiện trọng phu nào
Cũng đều giảng pháp ngữ
Đoạn trừ tham, sân, ái
Là lời nói hợp pháp.*

Bấy giờ các Bà-la-môn nói:

–Ngài hiểu biết giỏi về pháp Bà-la-môn, hãy vào đây với chúng tôi.

Họ trải tòa mời Đức Phật ngồi và thưa:

–Ngài hãy thuyết pháp cho chúng tôi, chúng tôi muốn nghe.

Thế Tôn vào giữa chúng, ngồi nơi tòa của họ, thuyết giảng nhiều giáo pháp khiến cho họ lợi ích, hoan hỷ.

Thế Tôn nói kệ:

*Ai im lặng không nói
Chẳng biết họ trí ngu
Cần phải nhờ lời nói
Sau đó mới thấu đạt
Nếu người giảng diệu pháp
Thuyết pháp hướng Niết-bàn
Thế nên phải giảng nói
Thắp sáng ngọn đuốc pháp*

*Phước Tiên Thánh dựng lên
 Đề do lời giảng pháp
 Nói pháp là phước thánh
 Vậy không nên im lặng.*

Đức Phật giảng như vậy rồi đứng dậy từ giả họ.

M

95. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la. Trong nước này, có vị Bà-la-môn tên là Thiên Kính, ở trong xóm làng có nhà cho khách nghỉ. Khi ấy Tôn giả Ưu-ba-ma-na là thị giả của Phật, đang nghỉ trong nhà khách đó. Bấy giờ Đức Như Lai bị gió động nên đau lưng. Tôn giả Ưu-ba-ma-na mặc y, cầm bát đến nhà Bà-la-môn Thiên Kính. Thiên Kính đang ngồi trong nhà cạo râu, từ xa thấy Tôn giả, bèn nói kệ:

*Cạo tóc mặc pháp y
 Tay cầm bát ứng khi
 Đứng yên bên ngõ tôi
 Ngài muốn cầu chuyện gì?*

Tôn giả Ưu-ba-ma-na nói kệ đáp:

*Đại La-hán, Thiện Thệ
 Mâu-ni đang đau lưng
 Cần chút thuốc nước ấm
 Nên đến nhà này xin.*

Bà-la-môn lấy bát và đựng đầy tô, dầu, một cục đường đen, một thùng thuốc nước ấm, đem ra cúng dường. Tôn giả nhận những thứ ấy rồi đem đến chỗ Đức Phật, dùng tô, dầu và nước thuốc tắm rửa thân Phật, uống mật, đường, bệnh đau lưng liền giảm.

Bà-la-môn Thiên Kính vào sáng sớm hôm sau đến gặp Đức Phật. Sau khi thăm hỏi Thế Tôn xong thì ngồi qua một bên. Thế Tôn nói kệ hỏi vị Bà-la-môn:

*Xin hỏi Bà-la-môn
 Hành pháp Bà-la-môn
 Cho gì được quả lớn*

*Cho khi nào đúng lúc
Cho vào phước điền nào
Được quả báo thù thắng?*

Bà-la-môn nói kệ đáp:

*Bậc học thức, hiểu biết
Đa văn ghi nhớ nhiều
Cha mẹ dòng chánh tịnh
Dung mạo rất đoan nghiêm
Những vị ấy gọi là
Bà-la-môn tam minh
Ai thí những vị ấy
Thu đạt quả báo lớn
Tùy thời thí y thực
Là phước điền thù thắng.*

Bà-la-môn nói kệ hỏi Đức Phật:

*Cù-đàm nói hạng nào
Gọi là Bà-la-môn?
Thế nào là ba minh?
Thí đâu được quả lớn?
Thí khi nào đúng lúc?
Thắng phước điền là gì?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Biết rõ cả ba đời
Thấy trời, người, đường ác
Không còn sanh tử nữa
Chứng đắc những thần thông
Tâm trí đạt giải thoát
Đấy gọi là ba minh
Thí vị ấy quả lớn
Gọi là thắng phước điền.*

Bà-la-môn Thiên Kính nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ già.

96. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la, ban đêm nghỉ ở rừng Sa-la. Có một Bà-la-môn đang canh tác ở gần rừng, sáng sớm đi thăm ruộng nên đến chỗ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, con trồng trọt gần rừng nên ưa thích rừng này. Nay Ngài cũng ưa thích rừng Sa-la này, có phải chăng Ngài cũng muốn canh tác ở đây?

Bà-la-môn nói kệ:

*Ngài vì muốn trồng cây
Phải chăng ưa rừng này?
Không bạn, vui cô tịch
Thích rừng này phải không?*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta ở trong rừng này
Chẳng phải làm gì cả
Nhỏ sạch hết góc rẽ
Tất cả đều phá khô
Ở rừng nhưng không rừng
Đã xa lìa hẳn rừng
Ta bỏ hẳn thú vui
Thiên định, đoạn nhiễm đấm.*

Vị Bà-la-môn lại nói kệ:

*Ngài thật tên Phật-đà
Tôn quý nhất thế gian
Diệt trừ các phiền não
Xa lìa sự tích chứa
Bậc Tối Thượng thế gian
Nên hiệu là Thế Tôn.*

Bà-la-môn này nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

97. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Câu-tát-la, trụ nơi rừng Sa-la. Cách rừng không xa, có một Bà-la-môn dạy học cho năm trăm thanh niên. Bà-la-môn ấy thường nghĩ: “Bao giờ Đức Thế Tôn du hành đến tại rừng này ta sẽ tới thăm hỏi, Ngài sẽ giải thích cho ta những điều nghi ngờ!”

Lúc đó vị ấy sai các thanh niên vào rừng chặt củi để tế lửa. Các thanh niên kia vào rừng thấy Đức Như Lai ngồi bên gốc cây, đoan nghiêm đặc biệt, dung mạo hòa nhã, như lều bằng vàng ròng, hào quang rực rỡ. Những thanh niên thấy Như Lai rồi, vội vác củi về, thưa với thầy:

–Trước đây thầy thường nghĩ đến việc thấy Phật, nay Đức Như Lai ở tại rừng này rất gần, nếu thầy muốn gặp thật là đúng lúc.

Vị Bà-la-môn nghe nói như vậy, liền đến gặp Đức Phật, thăm hỏi sức khỏe, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Rừng sâu rất rậm rạp
 Trông thấy thật đáng sợ
 Vì sao ngồi một mình
 Tu thiền tâm không hã
 Lại không có tiếng ồn
 Nên tự thân hoan hỷ
 Vì sao vui tĩnh lặng
 Thật là chưa từng có
 Ngài vì cầu Phạm thiên
 Chúa tự tại thế giới
 Hay cầu làm Đế Thích
 Vua cõi trời Ba ba?
 Vì sao vui ở riêng
 Trong rừng sâu đáng sợ
 Thường tu hành khổ hạnh
 Nhằm mong cầu điều chi?*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người nào còn mong cầu
 Nghi hoặc đầy tâm ý*

Với vô số cảnh giới
 Tâm nhiễm đắm chạy theo
 Tất cả các kết sử
 Sinh ra vì không trí
 Ta nhỏ gốc ngu si
 Cạn khô bùn đục buộc
 Đoạn sạch ý mong cầu
 Không còn các đối trá
 Ở trong các pháp thiện
 Chúng biết được thanh tịnh
 Đắc đạo quả vô thượng
 Bạc tu thiền ly dục.

Vị Bà-la-môn lại nói kệ:

Nay con xin đánh lễ
 Quy y Đấng Mâu-ni
 Tự tại trong các thiên
 Giác ngộ Chánh biến tri
 Thế Tôn trong Trời, Người
 Đầy đủ ba hai tướng
 Đoan chánh không ai bằng
 Giống như vua Tuyết sơn
 Trong rừng được giải thoát
 Nhưng không đắm vướng rừng
 Bạc Thanh Tịnh Giải Thoát
 Vô sanh nhỏ tên độc
 Giáo pháp Như Lai thuyết
 Cao thượng trong các luận
 Lời lẽ vi diệu nhất
 Sư tử rống trong đời
 Thuyết giảng bốn Thánh đế
 Độ khắp cho tất cả
 Tự xa lìa khổ lớn
 Lại hóa độ quần sanh
 Khiến đạt được an lạc

*Nguyện vì thuyết pháp này
 Nay con hướng về lạy
 Được sang bờ giải thoát
 Xa lìa những sợ hãi.
 Lành thay! Ngài đến đây!
 Để con được gặp gỡ
 Bạc Thầy của Trời, Người
 Trừ diệt được tất cả
 Khổ não của chúng sanh.*

Vị Bà-la-môn nói kệ ấy xong, hoan hỷ từ giả.

M

98. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ở bên bờ sông Tôn-đà-lợi. Bên bờ sông này, có một Bà-la-môn đang sống ở đó. Ông ta đến gặp Đức Phật, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa Phật:

–Ngài muốn xuống sông tắm phải không?

Đức Phật hỏi lại:

–Xuống tắm ở sông này có lợi ích gì?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Sông này là nơi ngày xưa Tiên nhân đi qua. Ai xuống sông tắm rửa, trừ những điều xấu, được thanh tịnh, xinh đẹp tinh khiết, gọi là an lành lớn lao.

Đức Phật nghe như vậy liền nói kệ:

*Dầu là sông Tôn-đà
 Đắc bố hay Hằng hà,
 Yết-xà, Bà-bát-đề
 Tắm trong những sông ấy
 Không thể trừ sạch được
 Những nghiệp ác đã tạo.
 Đại lực Bát-kiện-đề
 Cùng kẻ ngu hèn kém
 Nếu cùng tắm một sông*

Cho đến trăm ngàn năm
 Vẫn không thể trừ ác
 Cấu ố của phiền não.
 Nếu tâm người thanh tịnh
 Trì giới thường bố tát
 Người thường tu nghiệp tịnh
 Thường được đầy đủ giới
 Không giết và không trộm
 Không tà dâm, vọng ngữ
 Người thường tin tội phước
 Không ganh ghét người khác
 Nước pháp rửa bụi trần
 Nên tắm ở chỗ ấy.
 Tuy nơi Tôn-đà-lợi,
 Kiệt-xà, những dòng sông
 Đều là nước thế gian
 Uống nước và tắm rửa
 Không thể trừ cấu ố
 Và trừ những nghiệp ác.
 Tắm, uống để làm gì!
 Chân thật, nói nhu hòa
 Bỏ sân, không hại vật
 Nước này chân tịnh thủy
 Ai vào sông tịnh giới
 Tẩy trừ những phiền não
 Tuy không trừ bản ngoài
 Nhưng sạch ố bên trong.
 Người hung ác tàn hại
 Ngu bướng tạo nghiệp ác
 Những bất tịnh như vậy
 Như ố, ô, cấu, ác
 Nước chỉ tắm ngoài thân
 Không thể trừ nghiệp ác.

Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ngài dạy. Người tắm rửa

chỉ trừ cấu bản trên thân. Người tạo nghiệp ác không thể trừ ác bằng cách tắm rửa.

M

99. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa, bên bờ sông Tôn-đà-lợi, thuộc nước Câu-tát-la. Khi ấy Đức Thế Tôn vừa mới cạo râu tóc, trú đêm bên bờ sông. Đêm tàn, trời sắp sáng, Ngài dùng y phủ lên đầu, chánh thân ngồi thẳng, đặt niệm ở trước mặt.

Bấy giờ, bên bờ sông ấy có vị Bà-la-môn tế lửa. Theo pháp tế lửa, phần vật phẩm tế xong phải đem cho các vị Bà-la-môn khác. Khi trời sắp sáng, vị ấy cầm vật tế xong đi tìm Bà-la-môn để thí cho họ, trên đường đi gặp Đức Phật. Đức Thế Tôn nghe tiếng ông ta đi, lấy y che đầu xuống, tăng hắng lên tiếng. Bà-la-môn này khi thấy Đức Phật, liền lên tiếng:

–Đây không phải là Bà-la-môn, mà là đạo nhân đầu trọc.

Ông ta muốn trở về nhà, lại suy nghĩ: “Người cạo đầu chưa chắc là Sa-môn, Bà-la-môn cũng có người cạo tóc, ta nên đến gặp ông ấy để hỏi về nguồn gốc, đẳng cấp, tộc họ”.

Vị Bà-la-môn ấy bèn đến gặp Đức Phật, thưa hỏi:

–Người sanh ở đâu và thuộc dòng họ nào?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đừng hỏi sanh ở đâu
Nên hỏi đã làm gì?
Cây nhỏ cũng sanh lửa
Ti tiện sanh hiền đạt
Khéo điều phục đời sống
Hổ thẹn, làm việc thiện
Siêng năng tự điều thuận
Vượt khỏi bờ Vi-đà
Định ý thu nhiếp tâm
Tu phạm hạnh đầy đủ
Sáng sớm nên bố thí
Phẩm vật tế tự xong.
Này vị Bà-la-môn,*

*Nếu ai muốn tu phước
Hãy cúng dường vị ấy
Là bậc thiện tượng phu.*

Vị Bà-la-môn nói kệ:

*Nay tôi đang cúng dường
Nơi này thật tế lửa
Nay tôi quán sát Ngài
Đã vượt bờ Vi-đà
Xưa nay tế lễ xong
Đem cúng dường người khác
Chưa gặp ai như Ngài
Bậc Thắng Diệu Ứng Cúng.*

Vị Bà-la-môn liền đem thực phẩm dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật không nhận và nói kệ:

*Trước không nghĩ bố thí
Nghe thuyết pháp rồi cho
Thức ăn uống như vậy
Thật không nên nhận lấy
Thường pháp quy định vậy
Nên Ta không thọ nhận
Thế nên không được nhận
Vì thuyết giảng kệ pháp.
Các Đại nhân hiện tại
Tận diệt hết phiền não
Nên đem thức ăn uống
Cúng dường các vị ấy
Người muốn cầu phước điền
Nên cúng dường chốn đó
Nếu ai muốn làm phước
Ta chính là phước điền.*

Bà-la-môn lại bạch Phật:

–Nay con nên đem thực phẩm này bố thí cho ai?

Đức Phật dạy:

–Ta không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm nào

trong thế gian này có thể ăn thực phẩm ấy mà tiêu hóa được. Nên bỏ chúng vào chỗ nước không có trùng.

Vị Bà-la-môn vâng lời Phật, đem thức ăn bỏ vào chỗ nước không trùng, lửa khói bốc lên, nước sôi phát tiếng. Bà-la-môn thấy sự việc ấy rất sợ hãi, toàn thân nổi ốc. Vì sợ hãi nên ông ta chặt thêm củi dùng để tế lửa.

Đức Thế Tôn đến nơi kia nói kệ:

*Người đốt lửa đàng hoàng
Cho là được thanh tịnh
Người ít phước vô trí
Chỉ đốt lửa bên ngoài
Bà-la-môn nên biết
Người bỏ đốt lửa đi
Nên tu lửa trong tâm
Cháy mãi không thể tắt.
Thêm rộng lửa như thế
Gọi là tế chân chánh
Thường tín tâm bố thí
Người nên tế như vậy.
Nay người kiêu mạn nặng
Chẳng xe nào chở nổi
Sân độc như khói tỏa
Như dầu tưới vào lửa
Lưỡi luôn dấy lời ác
Tâm chứa đựng lửa dữ
Không thể tự điều thuận
Sao gọi là trượng phu?
Ai lấy tín làm sông,
Giới làm bờ tế độ
Nước thanh tịnh như vậy
Được người thiện tán thán.
Ai tin tấm bằng giới
Là thân chú Tỳ-đà
Diệt được các tướng ác
Được sang bờ bên kia*

Dùng pháp để làm ao
 Cù-dàm chân tế độ
 Nước tịnh thủy thanh khiết
 Thiện tượng phu rất quý
 Những người thường tắm rửa
 Người công đức Tỳ-đà
 Thân thể không như bản
 Được sang bờ bên kia
 Nói thật, điều các căn
 Chế ngự cả ba nghiệp
 Tu đầy đủ phạm hạnh
 Nhân, hổ thẹn tối thượng
 Tín đến người chất trực
 Đấy là pháp tắm rửa
 Thế nên ông ngày nay
 Cần phải biết như vậy.

Vị Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, bỏ dụng cụ tế lửa, đứng dậy lễ Phật, chấp tay cung kính, bạch:

– Cầu mong Đức Phật cho phép con được xuất gia thọ giới cụ túc trong Phật pháp, được làm vị Tỳ-kheo, theo pháp Phật tu phạm hạnh.

Đức Phật đồng ý cho vị ấy xuất gia, thọ giới cụ túc. Vị Tôn giả ấy siêng năng, dốc tâm tu tập, hết mực tự kiểm chế, vui ở chỗ vắng, xa lìa phóng dật, không ưa gần gũi kẻ tại gia, xuất gia. Vì sao vậy? Tộc tánh tử đó cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, chánh tín xuất gia, tu vô lượng phạm hạnh, hiện tại thấy biết tự thân chứng đạo. Bấy giờ Tỳ-kheo ấy tu tập định tuệ, đắc quả A-la-hán, diệt tận hữu lậu, phạm hạnh đã lập, hoàn tất công việc, không thọ đời sau.

M

100. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn bện tóc tên là Bà-la-đột-ra-xà, đến gặp Đức Phật. Sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, vị ấy nói kệ:

*Tóc bên ngoài bị bện
 Trong có tóc bện không?
 Thế gian bị tóc quấn
 Ai có thể thoát được?*

Thế Tôn nói kệ:

*Bậc trí sáng lập giới
 Tâm tu bằng trí tuệ
 Tinh tấn chuyên cần học
 Tuổi trẻ trừ tóc bện.*

Bà-la-môn nói kệ:

*Bên ngoài bị tóc quấn
 Trong có tóc quấn không?
 Thế gian bị tóc quấn
 Ai có thể đoạn trừ?*

Thế Tôn nói kệ:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
 Cùng ý căn pháp trần
 Danh sắc đều không còn
 Tâm, ý, xứ đều diệt
 Ai chứng được như vậy
 Đoạn trừ được tóc quấn.*

Tổng nhiếp tụng:

*Chiên đà, Bà-tư-tra
 Mất bò, giảng tập xứ
 Thiên kính, rừng Sa-la
 Lấy củi, hai Tôn Đà
 Nhất bện tóc là mười.*

M

101. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại gốc cây Bồ-đề, bên bờ sông Nê-liên, thuộc xóm Ưu-lâu-tần-loa, thành đạo chưa được bao lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi im lặng một mình, suy nghĩ: “Người nào không có tâm cung kính, không kính thuận với Tôn trưởng của mình, không nhận lãnh sự dạy bảo, không có chỗ để kính sợ, mặc tình phóng túng, thì vĩnh viễn mất sự lợi ích chân thật. Những người như vậy bị các khổ ràng buộc. Người nào hiếu thuận, phụng sự Sư trưởng, kính dưỡng, biết sợ, tùy thuận không nghịch, ước nguyện thành tựu, được lợi ích chân thật lớn. Người như vậy sống ở đâu cũng an lạc”.

Đức Phật lại suy nghĩ: “Tất cả trong thế gian như: Trời, Người, thế giới chư Thiên, thế giới nhân loại, thế giới Ma, thế giới Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn ... tất cả sanh loại trong thế gian, nếu người nào có Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến hơn Ta, Ta sẽ gần gũi, nương tựa, cúng dường cung kính. Sau khi quán sát khắp, Ta đều không thấy tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trong thế gian, không có vị nào hơn Ta về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến để Ta nương tựa”.

Ngài lại suy nghĩ: “Pháp mà Ta đã giác ngộ được, nay Ta nên gần gũi, cúng dường, cung kính, thành tâm tôn trọng. Vì sao? Tất cả chư Phật trong quá khứ đều gần gũi, nương tựa, cúng dường, cung kính, tôn trọng pháp ấy. Chư Phật trong vị lai và hiện tại cũng gần gũi, nương tựa pháp ấy, cúng dường, cung kính, sanh tâm tôn trọng. Nay Ta cũng như chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại gần gũi, nương tựa, cúng dường, cung kính, tôn trọng Pháp”.

Bấy giờ Thiên chủ Phạm thiên lại suy nghĩ: “Ta nên rời chỗ này đến nơi gốc cây Bồ-đề, bên sông Nê-liên, thuộc xóm Ưu-lâu-tần-loa, suy nghĩ: “Quán sát trong thế gian cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả chúng sanh nếu có ai hơn Ta về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Ta sẽ nương tựa vị ấy, nhưng Ta chẳng thấy có người nào hơn Ta cả”. Ngài lại quán sát chư Phật ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều gần gũi, nương tựa Pháp, cúng dường cung kính, sanh tâm tôn trọng. Hiện nay Ngài cũng tùy theo chư Phật đã làm, gần gũi, nương tựa, cúng dường cung kính, tôn trọng Pháp.

Khi ấy vua trời Phạm thiên lại suy nghĩ: “Ta nên rời chỗ này đến gặp Đức Phật”.

Vua trời Phạm thiên, chỉ trong thời gian như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến gặp Đức Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, thật như ý nghĩ của Ngài, đúng như ý nghĩ của Ngài!

Phạm thiên nói kệ:

*Quá khứ, hiện tại chư Như Lai
Tất cả Phật-đà trong hiện tại
Bậc Chánh Giác này đã trừ não
Tất cả đều lấy Pháp làm thầy
Gần gũi, nương tựa sống với Pháp
Đấy chính là pháp ba đời Phật
Thế nên muốn tôn trọng bản thân
Trước phải tôn trọng kính Pháp ấy
Cần phải ghi nhớ lời Phật dạy
Tôn trọng cúng dường pháp vô thượng.*

Bấy giờ Phạm vương tán thán Thế Tôn, sanh tâm hoan hỷ sâu xa, rồi làm lễ từ giã.

M

102. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại gốc cây Bồ-đề, bên bờ sông Nê-liên, thuộc xóm Ưu-lâu-tần-loa, thành đạo chưa bao lâu.

Ngồi một mình bên gốc cây, Đức Phật suy nghĩ: “Có con đường duy nhất đưa chúng sanh đến thanh tịnh, khiến cho xa lìa khổ não, cũng trừ diệt được nghiệp ác, bất thiện, đạt được lợi ích đúng pháp. Pháp ấy là bốn Niệm xứ. Bốn Niệm xứ là gì? Đó là: Quán thân niệm xứ, quán thọ niệm xứ, quán tâm niệm xứ, và quán pháp niệm xứ. Người nào không tu bốn Niệm xứ là xa lìa pháp Hiền thánh, rời bỏ nẻo thánh. Ai xa lìa nẻo thánh là xa lìa pháp cam lộ. Ai xa lìa pháp cam lộ thì không thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Những người như vậy, Ta nói rõ: họ không thể nào thoát ly tất cả các khổ. Ai tu bốn Niệm xứ là gần gũi pháp Thánh hiền. Ai gần gũi Thánh hiền là gần gũi đạo Hiền thánh. Ai gần gũi đạo Hiền thánh là gần gũi pháp cam lộ. Ai gần gũi pháp cam lộ là có khả năng thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, chính những người ấy thoát ly hoàn toàn sự khổ”.

Lúc ấy vua trời Phạm thiên từ xa biết ý nghĩ của Đức Thế Tôn nên tự nghĩ: “Nay ta nên đến gặp Đức Thế Tôn, tùy hỷ tán trợ”. Nghĩ như thế xong, trong khoảng thời gian nhanh như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, vua trời Phạm thiên đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đứng qua một bên, bạch Phật:

–Đúng như ý nghĩ của Đức Thế Tôn, có con đường duy nhất đưa chúng sanh đến thanh tịnh... cho đến được thoát khỏi ưu bi, khổ não.

Khi ấy Phạm thiên nói kệ:

*Chỉ có đạo cam lộ
Chốn ấy phải tinh cần
Muốn cầu xa lìa khổ
Chỉ có một đường kia
Ai đi trên đường đấy
Như nhạn vượt không gian
Đức Thích-ca Mâu-ni
Đã chứng đắc Phật đạo
Tất cả Chánh Đạo Sư
Đều đem đường giác đó
Chỉ dạy cho chúng sanh
Nên nêu giảng nhiều lần
Để mong mọi người biết
Tận ranh giới sanh hữu
Mong Ngài thuyết nhất đạo
Tế độ các chúng sanh
Chư Phật trong quá khứ
Giải thoát bằng đường này
Phật vị lai, hiện tại
Đi đường ấy giác ngộ.
Thế nào gọi là độ?
Vượt qua được dòng thác
Cứu cánh nơi vô biên
Điều phục được cực tịnh
Thế gian đều sanh tử
Ngài biết các cảnh giới
Vì những người có mắt*

*Chỉ dạy con đường này
 Như dòng Hằng hà kia
 Chảy hướng về biển lớn
 Thánh đạo cũng như vậy
 Phật khai thị hiển nhiên
 Đạo này như sông kia
 Hướng về biển cam lộ
 Xưa nay chưa từng nghe
 Tiếng chuyển diệu pháp luân
 Cầu mong Thiên Tôn Nhân
 Đấng Vượt Già, Bệnh, Chết
 Nơi tất cả quy y
 Xin chuyển diệu pháp luân.*

Vua trời Phạm thiên nói kệ xong, đánh lễ dưới chân Phật, từ giả biến mất.

M

103. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, vào giữa đêm, vua trời Phạm thiên với hào quang chiếu sáng, đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi qua một bên. Phạm thiên, với hào quang rực rỡ chiếu sáng cả nơi ấy, ngay tại chỗ ngồi, nói kệ:

*Sát-lợi, Lương Túc Tôn
 Bạc Chủng Tánh Chân Chánh
 Đầy đủ cả minh hạnh
 Tối thắng trong Trời, Người.*

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Lời nói rất đúng! Lời nói rất đúng!

*Sát-lợi, Lương Túc Tôn
 Đấng Chủng Tánh Chân Chánh
 Đầy đủ minh và hạnh
 Tối thắng trong Trời, Người.*

Vua trời Phạm thiên nghe lời Phật dạy, hoan hỷ vui mừng, đánh lễ nơi chân Phật, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung.

M

104. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la. Trong nước ấy có một trú xứ A-lan-nhã, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo nghỉ đêm ở đó. Đức Thế Tôn khen ngợi trú xứ ấy, thuyết giảng về pháp trú xứ A-lan-nhã.

Vua trời Phạm thiên biết Đức Như Lai đang du hóa ở nước Câu-tát-la, cùng đại chúng Tỳ-kheo nghỉ đêm tại trú xứ yên tịnh, tán thán trú xứ ấy, thuyết giảng về pháp trú xứ A-lan-nhã. Vua trời Phạm thiên suy nghĩ: “Nay ta nên đến gặp Thế Tôn, tùy hỷ tán thán”.

Phạm thiên vương biến mất ở cung trời, nhanh như thời gian người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Trải tọa cụ chỗ vắng
Nên đoạn mọi trói buộc
Nếu không thích như vậy
Nên về sống giữa Tăng
Luôn luôn tự chánh niệm
Thu nhiếp căn, khát thực
Giữ gìn đủ giới cấm
Nên đến nơi yên tịnh
Xả bỏ hết sợ hãi
Trú vững tâm không sợ
Đoạn trừ sạch kiêu mạn
Kiên tâm trú nơi ấy
Điều con nghe như vậy
Không nên nghi hoặc nữa
Một ngàn A-la-hán
Tại đây đoạn sanh tử
Học hữu hai ngàn rưỡi
Ngàn một trăm Dự lưu
Nhập lưu tu chánh đạo*

*Không còn đi đường tà
 Không thể trình bày hết
 Người hành đạo đặc quả
 Lý do không thể nói
 Sợ họ không kính tín.*

Khi ấy Phạm thiên chủ nói kệ xong, đánh lễ chân Phật, trở về Thiên cung.

M

105. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở rừng Thích-sí, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán, diệt sạch hết các lậu, đã làm xong việc, bỏ gánh nặng xuống, đạt đến tự lợi, hết nghiệp đời sau, không còn bị phiền não trói buộc, trí tuệ chân chánh giải thoát. Lại có chư Thiên đại uy đức trong mười thế giới đến gặp Phật, thăm hỏi Đức Phật và Tăng.

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết pháp tùy thuận Niết-bàn. Có bốn vị trời ở cõi Phạm thân, tự nghĩ: “Hiện nay Đức Phật đang ở rừng Thích-sí, thành Ca-tỳ-la-vệ, cùng năm trăm vị Tỳ-kheo Tăng, đều là bậc A-la-hán, đã hết các lậu, việc làm đã xong, bỏ gánh nặng xuống, đạt đủ tự lợi, hết nghiệp đời sau, không còn phiền não trói buộc, trí tuệ chân chánh giải thoát. Lại có chư Thiên đại uy đức trong mười thế giới đến chỗ Phật, thăm hỏi Đức Phật và Tăng. Thế Tôn vì họ thuyết giảng pháp tùy thuận Niết-bàn. Nay ta nên đến chỗ Đức Thế Tôn”.

Các vị thiên cõi Phạm thân nghĩ như thế rồi, liền biến mất tại chỗ, trong khoảng thời gian nhanh như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên.

Vị thiên thứ nhất ở cõi Phạm Thân nói kệ:

*Hiện nay tại rừng này
 Cả đại chúng tập hội
 Thế nên chúng con đến
 Vì muốn xem chúng Tăng
 Không dùng tâm bất thiện
 Hoại phá hòa hợp Tăng.*

Vị thiên thứ hai cõi Phạm thân nói kệ:

*Tỳ-kheo tâm thành thật
Phải làm việc tinh cần
Như người khéo chế ngự
Khiến ngựa phải phục tùng
Tỳ-kheo cũng như vậy
Nên chế ngự các căn.*

Vị thiên thứ ba cõi Phạm thân nói kệ:

*Thí như ngựa rừng bị cương cột
Nhỏ trụ vượt hào thoát an ổn
Các vị Tỳ-kheo cũng như vậy
Nhỏ ba trụ độc, vượt hào dục
Được Đạo sư Thế Tôn điều phục
Nên đời có những voi quý lớn.*

Vị thiên thứ tư cõi Phạm thân nói:

*Những người quy y với Phật đà
Từ bỏ thân người được thân trời.*

Bốn vị trời Phạm thân, mỗi người nói kệ xong, hướng về chúng Tăng cung kính khép nép làm lễ, rồi từ giả.

M

106. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ, vào giữa đêm, vua trời Phạm thiên với hào quang sáng chói, đến gặp Đức Phật.

Khi ấy Thế Tôn nhập pháp tam-muội Hỏa quang. Vua trời Phạm thiên tự nghĩ: “Hiện nay Đức Như Lai đang vào chánh định. Ta đến đây thật trái thời”.

Trong thời gian ấy, thân hữu của Đề-bà-đạt-đà là Tỳ-kheo Cù-ca-lê hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên. Vị Phạm thiên ấy bèn đến chỗ Ca-lê gõ cửa phòng ông ta, gọi:

–Này Cù-ca-lê, Cù-ca-lê, ông nên sanh tâm tịnh tín đối với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên. Hai vị Tôn giả ấy tâm tịnh, hòa dịu,

phạm hạnh đầy đủ. Ông hủy báng như vậy, sau này phải chịu nhiều đau khổ lâu dài.

Cù-ca-lê hỏi Phạm thiên:

–Người là ai?

Đáp:

–Ta là vua trời Phạm thiên.

Cù-ca-lê nói:

–Đức Phật thọ ký ông đã đắc A-na-hàm phải không?

Phạm thiên đáp:

–Đúng vậy.

Cù-ca-lê nói:

–A-na-hàm nghĩa là không trở lại (*Bất hoàn*). Tại sao ông trở lại?

Vua trời Phạm thiên tự nghĩ: “Những hạng người này không nên nói chuyện với họ”. Phạm thiên nói kệ:

*Muốn lường pháp vô lượng
Bậc trí không làm vậy
Ai lường pháp vô lượng
Tất phải bị thiêu hại.*

Phạm thiên nói kệ xong, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Đức Phật, ngồi qua một bên, đem sự việc với lời nói của Cù-ca-lê trình bày đầy đủ với Đức Thế Tôn. Phật bảo Phạm thiên:

–Đúng vậy, đúng vậy. Muốn lường pháp vô lượng, có thể đốt cháy kẻ phạm phu.

Thế Tôn nói kệ:

*Con người sống trong đời
Lưỡi búa để trong miệng
Do lời ác của họ
Tự chặt lấy thân mình
Hủy báng bậc đáng khen
Ca ngợi kẻ đáng chê
Người xấu ác như vậy
Không bao giờ an vui.
Cù-ca-lê vu báng*

*Với Phật-đà, Hiền thánh
Ca-lê bị đọa lạc
Vào trăm ngàn địa ngục
Ngay khi A-phù-đà
Hủy báng bậc Thánh hiền
Do khẩu ý ác độc
Đọa vào địa ngục ấy.*

Vua trời Phạm thiên nghe kê xong, lễ Phật rồi từ giả.



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN VI

TỤNG 1: Phần 6

107. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có hai vị trời, vị thứ nhất tên là Tiểu Thắng Thiện Bế Phạm, vị thứ hai tên Tiểu Thắng Quang Phạm, cùng muốn đến gặp Đức Phật.

Phạm thiên Bà-già thấy hai vị ấy bèn hỏi:

–Các vị muốn đến đâu?

Hai vị Phạm thiên đáp:

–Chúng tôi muốn đến chỗ Đức Thế Tôn để thăm hỏi, lễ kính.

Phạm thiên Bà-già nói kệ:

*Bốn Phạm tên Hạc Tước
Ba Phạm tên là Kim
Bảy mươi hai năm trăm
Tên gọi là Dư-tỳ
Người xem ta sắc vàng
Chiếu sáng rất rực rỡ
Uy quang mình của ta
Ánh sáng che Phạm thiên
Tại sao không ngắm ta
Mà muốn đến thăm Phật?*

Hai vị trời nói kệ đáp:

*Ngài có chút ánh sáng
Chói che cả Phạm thiên
Nên biết sắc quang ấy
Đều có nhiều nguy hại*

*Bậc minh trí giải thoát
Nào thích sắc quang này.*

Hai vị trời ấy nói kệ xong, liền đến gặp Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Đức Thế Tôn, chúng con muốn đến gặp Ngài, vì thế Phạm thiên Bà-già hỏi chúng con: “Muốn đến chỗ nào?” Chúng con đáp: “Muốn đến gặp Đức Phật”. Phạm thiên Bà-già nói kệ:

*“Bốn Phạm tên Hạc Tứ
Ba Phạm tên là Kim
Bảy mươi hai năm trăm
Tên gọi là Dư-tỳ
Người xem ta sắc vàng
Chiếu sáng rất rực rỡ
Uy quang minh của ta
Ánh sáng che Phạm thiên
Tại sao không ngắm ta
Mà muốn đến thăm Phật?”*

Chúng con nói kệ đáp:

*“Ngài có chút ánh sáng
Chói che cả Phạm thiên
Nên biết sắc quang ấy
Đều có nhiều nguy hại
Bậc minh trí giải thoát
Nào thích sắc quang này”.*

Đức Phật nói:

–Này Phạm thiên, đúng vậy! Đúng vậy! Vị Phạm thiên kia tuy có chút ít ánh sáng che cả Phạm thiên, nên biết ánh sáng ấy đều có lỗi lầm nguy hiểm. Bậc trí hiểu rõ không nên ưa thích nó.

Đức Phật vì hai vị Phạm thiên thuyết giảng giáo pháp khiến họ được lợi ích, vui vẻ.

Hai vị Phạm thiên nghe pháp hoan hỷ đảnh lễ, rồi trở về Thiên cung.

108. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy Phạm thiên Bà-ca sanh tà kiến, bày tỏ:

–Chỗ này thường còn vững chắc, không hư hoại, không bị thay đổi trong vòng sanh tử. Nếu ngoài chỗ này ra, có chỗ không bị thay đổi thì không có chuyện ấy.

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm Phạm thiên Bà-ca, nên chỉ trong khoảng thời gian như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, Đức Như Lai đi đến cung Phạm thiên Bà-ca. Phạm thiên Bà-ca nói với Đức Phật:

–Này Đại Tiên, chỗ này thường còn vững chắc, không hư hoại, không bị thay đổi. Nếu ngoài chỗ này thì không thể nào có chỗ không bị thay đổi.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Chỗ này vô thường, tại sao ông sanh vọng tưởng cho là thường? Chỗ này hư hoại, lại sanh vọng tưởng cho là không hư hoại. Chỗ này bất định lại sanh vọng tưởng cho là cố định. Chỗ này thay đổi, lại sanh vọng tưởng cho là không thay đổi. Có thắng xứ khác hoàn toàn không bị thay đổi, ông lại sanh vọng tưởng không có thắng xứ khác.

Phạm thiên Bà-ca nói kệ:

*Bảy mươi hai Phạm tạo thắng phước
Đều từng qua đời tại chỗ này
Tất cả Phạm thiên đều biết tôi
Duy một mình tôi ở đây mãi.*

Thế Tôn nói kệ:

*Ông cho là trường thọ
Kỳ thật sống ngắn ngủi
Ta biết thọ mạng ông
Trăm ngàn Ni-la-phù.*

Phạm thiên Bà-ca nói kệ đáp:

*Bà-ca-bà Thế Tôn
Trí Ngài thật vô tận*

Vượt khỏi sanh, lão, ưu
 Vì người đủ mắt nói
 Trước tôi tạo nghiệp gì?
 Tu những giới hạnh gì?
 Được ở trời Phạm này
 Tuổi thọ được dài lâu.

Thế Tôn nói kệ:

Thuở xưa có toán giặc
 Cướp đoạt phá xóm làng
 Trấn lột, trói cột người
 Lấy rất nhiều tài vật
 Ông vào lúc bấy giờ
 Có sức khỏe mạnh mẽ
 Cứu giải thoát mọi người
 Làm họ không bị hại
 Ông cùng những người ấy
 Tu thiện trong một kiếp
 Từ bi, ưa bố thí
 Lại thường giữ giới hạnh
 Khi ông thức hay nghĩ
 Luôn nhớ bản hạnh mình.
 Lại có người đi thuyền
 Ngay giữa dòng sông Hằng
 Bị rồng ác muốn bắt
 Muốn phun độc làm hại
 Ông là vị Thần tiên
 Cứu cho họ được sống
 Ngày xưa ông đã từng
 Tu giới đến như vậy.

Phạm thiên Bà-ca nói kệ:

Ngài thật biết rõ tôi
 Tuổi thọ ngắn và dài
 Lại có những việc khác
 Ngài cũng đều biết rõ

*Ánh sáng Ngài rực rỡ
 Che ánh sáng chư Thiên
 Ngài thông suốt tất cả
 Nên hiệu Bà-già-bà.*

Bấy giờ Thế Tôn vì Phạm thiên Bà-ca giảng dạy giáo pháp, khiến vị ấy được lợi ích, hoan hỷ, rồi biến mất tại chỗ, trở về Kỳ-hoàn.

M

109. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy có một vị Phạm thiên khởi lên tà kiến lớn, bày tỏ:

–Ta ở đây thường tồn, không thấy ai có khả năng sanh vào cung của ta, huống chi có khả năng hơn ta.

Đức Thế Tôn nhập chánh định, biến mất ở cõi Diêm-phù-đề và hiện ra trên đỉnh cõi Phạm thiên, ngồi nơi hư không.

Tôn giả Kiều-trần-như dùng thiên nhãn thanh tịnh quan sát Thế Tôn đang đến đâu, biết Thế Tôn đang ngồi trong hư không, trên đỉnh cõi Phạm thiên, nên Tôn giả Kiều-trần-như cũng nhập định, biến mất ở cõi này, hiện ra trên đỉnh cõi Phạm thiên, bên dưới Đức Như Lai, hướng về phương Đông.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp với thiên nhãn thanh tịnh quan sát Đức Như Lai đến chỗ nào, biết Đức Như Lai đang ở trên đỉnh cõi Phạm thiên, liền nhập định, biến mất ở nơi này, hiện ra trên đầu cõi Phạm thiên, ngồi dưới Đức Như Lai, mặt quay về hướng Nam.

Tôn giả Mục-liên dùng thiên nhãn thanh tịnh quan sát Đức Như Lai đến chỗ nào, biết Đức Thế Tôn đang ở trên đầu cõi Phạm thiên, liền nhập định, biến mất ở nơi này, hiện ra trên đầu cõi Phạm thiên, ngồi dưới Đức Như Lai, mặt quay về hướng Tây.

Tôn giả A-na-luật dùng thiên nhãn thanh tịnh quan sát Đức Như Lai đến chỗ nào, biết Đức Như Lai ở trên đầu cõi Phạm thiên, liền nhập định biến mất ở cõi này, hiện ra trên đầu cõi Phạm thiên, ngồi dưới Đức Như Lai, mặt quay về hướng Bắc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Phạm thiên:

–Ông đã bỏ tà kiến trước đây chưa?

Ngài lại bảo Phạm thiên:

–Tâm niệm của ông trước đây là: “Ta không thấy có người nào có khả năng sanh vào cung của ta, hưởng chi vượt hơn ta”. Nay ông thử xem các vị Đại nhân này dung mạo quang minh, có hơn ông không?

Phạm thiên bạch Phật:

–Thưa vâng, đã thấy. Nay con nhận ra hào quang của các vị này xưa nay thật chưa từng thấy. Ánh sáng của các vị ấy thù thắng, từ nay về sau con không còn dám nói chỗ này thường tồn, không có thay đổi.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Chỗ này là vô thường, là không, chẳng tự tại.

Đức Phật vì Phạm thiên ấy giảng thuyết, chỉ dạy khiến vị ấy được lợi ích, hoan hỷ. Sau đó Ngài nhập định, biến mất ở cõi Phạm ấy, trở về Kỳ-hoàn.

Tôn giả Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, A-na-luật... cũng vì vị Phạm thiên ấy giảng thuyết giáo pháp, chỉ dạy tạo mọi lợi ích, hoan hỷ và nhập định biến mất tại chỗ, trở về Kỳ-hoàn. Riêng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vẫn ngồi ở chỗ cũ.

Phạm thiên ấy hỏi Mục Liên:

–Đệ tử của Thế Tôn có vị nào đạt đại uy đức, thần túc như Tôn giả không?

Mục-kiền-liên đáp:

–Các vị Thanh văn khác cũng có uy đức thần túc như vậy.

Tôn giả Mục-kiền-liên nói kệ:

*Đại La-hán đệ tử Mâu-ni
 Có đại uy đức đủ ba minh
 Diệt tận hữu lậu chứng tha tâm
 Thanh văn như vậy số rất nhiều
 Thế nên nay người phải cung kính.*

Tôn giả Mục-kiền-liên nói kệ xong, giảng thuyết giáo pháp, chỉ dạy, đem lại lợi ích, hoan hỷ, sau đó nhập định biến mất tại chỗ, trở về Kỳ-hoàn.

M

110. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Sa-la, thuộc nước Câu-thi-na-kiệt, quê hương của những người lực sĩ. Bấy giờ Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn.

Ngài bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy vì ta trải tòa giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phương Bắc.

Tôn giả A-nan vâng lệnh Đức Phật, trải tòa giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phương Bắc. Sau khi trải tòa xong, Tôn giả đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Đức Thế Tôn, giữa hai cây Sa-la con đã trải tòa đầu hướng về phương Bắc.

Đức Thế Tôn dời chỗ ngồi, đi đến tòa giữa hai cây Sa-la, nằm nghiêng về bên phải, đầu hướng về phương Bắc, hai chân xếp lên nhau, đặt tâm ở ánh sáng, chánh niệm lĩnh giác, hướng đến Niết-bàn.

Tại nước Câu-thi-na-kiệt, có một Phạm chí tên Tu-bạt-đà-la, sống ở nước này đã lâu, tuổi tác quá già: một trăm hai mươi tuổi.

Khi ấy, trong nước ấy, các vị lực sĩ thường cúng dường, cung kính, tôn trọng vị ấy, tán thán cho là vị A-la-hán. Bấy giờ Tu-bạt-đà-la nghe mọi người đồn Đức Bà-già-bà trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn, nên suy nghĩ: “Ta đối với pháp còn có chỗ nghi ngờ, chỉ có Đức Cù-đàm mới đủ khả năng giải thích, quyết đoán sự nghi ngờ của ta.”

Tu-bạt-đà-la nghĩ như thế rồi liền rời khỏi Câu-thi-na-kiệt, đi đến rừng Sa-la. Tôn giả A-nan đang kinh hành bên ngoài, Tu-bạt-đà-la thấy A-nan liền đến gặp và thưa:

–Tôi nghe mọi người nói Sa-môn Cù-đàm trong đêm nay sẽ vào Niết-bàn Vô dư. Hiện tại tôi muốn được gặp Ngài để thưa hỏi về sự nghi ngờ.

A-nan đáp:

–Này Phạm chí, thân Đức Phật đang mệt mỏi, ông lại muốn làm phiền Ngài sao?

Tu-bạt-đà-la thưa với A-nan:

–Tôi nghe rằng vào giữa đêm nay, Đức Như Lai nhập Niết-bàn Vô dư. Trước đây tôi đã từng nghe các bậc Tiên kỳ cựu nói: “Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian như hoa Ưu-đàm-bát, rất khó được gặp”. Tôi có chút nghi ngờ, mong muốn được thưa hỏi, giải quyết. Xin cho phép tôi được gặp.

Tu-bạt xin như vậy ba lần. A-nan đáp:

–Đừng nên làm phiền Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh từ xa nghe A-nan ngăn Tu-bạt-đà không cho tiến vào. Đức Phật bảo A-nan:

–Đừng ngăn người ấy, cho phép ông ta vào, được tùy ý hỏi.

Tu-bạt nghe Đức Phật từ bi cho phép đi vào, nên rất vui mừng đến gặp Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn, con có ít nghi ngờ, cho phép con được hỏi?

Đức Phật nói:

–Cho phép ông hỏi.

Tu-bạt-đà sau khi được Phật đồng ý, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, sáu vị sư ngoại đạo có ý kiến khác nhau. Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-ca-lê Câu-xa-lê Tử, A-xà-da Tỳ-la-chủ Tử, A-xà-đa-xí-xá-bà-la-ca, Ni-đà Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà Xà-đề Tử, sáu vị thầy ấy đều tự xưng mình là Thế Tôn. Vậy họ có thật chứng đắc Nhất thiết trí không?

Đức Phật Thế Tôn nói kệ:

*Ba một tuổi xuất gia
Đến nay năm mươi năm
Tìm cầu các pháp thiện
Tu chứng Giới, Định, Tuệ
Chúng sanh trong thế gian
Không biết phương hướng đúng
Hướng chi biết chánh pháp
Ai tu Bát chánh đạo
Chúng được quả Dự lưu
Cho đến quả thứ tư
Ai không tu Bát chánh
Dự lưu còn không biết
Nói gì quả thứ tư*

*Ta ở giữa đại chúng
Sư tử gầm thuyết pháp
Ngoài chánh pháp này ra
Thật không có Sa-môn
Và Bà-la-môn quả.*

Khi Đức Phật dạy như vậy, Tu-bạt-đà-la liền xa lìa được mọi thứ bụi bặm cấu nhiễm, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Ông ta sửa y Uất-đa-la-tăng, chấp tay hướng Phật, bạch:

–Thưa Đức Thế Tôn, hiện nay con đã vượt qua ba đường ác.

Tu-bạt-đà-la bạch với A-nan:

–Lành thay A-nan, Tôn giả được lợi ích lớn, là đệ tử thị giả của Đức Phật. Hiện nay con cũng được lợi ích trọn vẹn, mong được xuất gia trong Phật pháp.

A-nan chấp tay bạch Phật:

–Tu-bạt-đà-la muốn được xuất gia trong Phật pháp.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la:

–Lành thay! Hãy đến đây Tỳ-kheo!

Tu-bạt-đà-la râu tóc tự rụng, thân mặc pháp y, đắc giới cụ túc. Sau khi đắc giới, chứng A-la-hán, Tu-bạt-đà-la tự nghĩ: “Nay ta không nữa nào nhìn thấy Đức Như Lai nhập Niết-bàn. Ta nên nhập trước”.

Tu-bạt-đà-la tức thời nhập Niết-bàn trước. Đức Như Lai sau đó cũng nhập Niết-bàn. Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo nói kệ:

*Nhập diệt nơi song thọ
Cành nhánh che bốn bên
Mưa hoa trên rơi xuống
Tung rải lên Đức Phật
Thế Tôn nhập Niết-bàn
Nên mưa hoa rơi xuống.*

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ:

*Các hành đều vô thường
Nó là pháp sanh diệt
Diệt hết sanh diệt rồi
Đấy gọi là Niết-bàn.*

Vua trời Phạm thiên nói kệ:

*Chúng sanh trong thế gian
Bỏ thân quy về diệt
Hiện nay Đức Đại Thánh
Đầy đủ cả mười lực
Thế Tôn, Đấng Vô Thượng
Nay đã nhập Niết-bàn.*

Tôn giả A-na-luật nói kệ:

*Đấng Pháp Chủ dừng nghỉ
Hơi thở đã không còn
Thành tựu của Như Lai
Hạnh lực đều tròn đủ
Nay nhập vào Niết-bàn
Tâm Ngài không sợ hãi
Xả tất cả các thọ
Như dầu hết đèn tắt
Diệt nghiệp, nhập Niết-bàn
Tâm ý đạt giải thoát.*

Khi mọi người thấy vậy, lông tóc đều dựng ngược. Đức Phật nhập Niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan thực hiện việc trà tỳ nhục thân của Đức Như Lai, đi nhiễu theo phía phải nói kệ:

*Đức Đại Bi Thế Tôn
Thân thể như vàng ngọc
Có sức thần thông lớn
Thân tự phát lửa đốt
Ngàn lớp vải quấn thân
Trong ngoài đều không cháy.*



TỤNG 2: Phần 1

111. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông cần phải siêng năng tu hành thiện hạnh, dần dần tăng trưởng, như mặt trăng mới mọc. Có những Tỳ-kheo vừa mới thọ giới, từ từ tu hạnh tâm quý, giữ gìn uy nghi trọn vẹn, du hóa trong nhân gian, nhu hòa kính thuận, không làm việc trái nghịch, chế ngự thân tâm. Như người có mắt sáng tránh những chỗ giếng sâu, gành, bờ núi, Tỳ-kheo cũng như vậy, như mặt trăng bắt đầu mọc, dần dần tăng trưởng, hành động ngày càng tinh tấn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hiện nay trong hội này, Tỳ-kheo Ca-diếp siêng năng tu thiện hạnh, như mặt trăng mới mọc, dần dần tăng trưởng, dần dần tu hạnh tâm quý, du hóa trong nhân gian, chế ngự thân tâm, nhu hòa kính thuận, không trái nghịch lại. Như người mắt sáng có thể tránh giếng sâu, xa lìa hố, bờ núi, Tỳ-kheo Ca-diếp cũng như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo như thế nào là tương ứng với pháp, gánh vác được việc đến từng nhà?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Như Lai là căn bản của các pháp, là Bạc Dẫn Đường, là chỗ nương cậy của các pháp. Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài vì chúng con diễn giải ý nghĩa này. Chúng con được nghe, sẽ chí tâm thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Chí tâm ghi nhớ! Như có Tỳ-kheo không bị nhiễm đấm, không bị ràng buộc do sự yêu mến gia đình, không có thêm hay bớt, tâm không tức giận, cũng không ganh ghét, không thấy lợi dưỡng của họ tâm sanh ưa thích. Thấy họ cho người khác cũng không phẫn nộ. Đối với người tu phước đều phát tâm tùy hỷ. Không được tự tán thán đức hạnh của mình. Những lời lẽ nói ra đều vì tất cả. Thấy Tỳ-kheo khác cùng đến nhà người khác,

không chê bai hủy báng. Đối với ta và người, không có tâm so sánh cao thấp. Nếu các Tỳ-kheo thường tu thiện tâm như đã nói ở trên mới được gọi là tùy thuận, như pháp chuyển biến, lui tới khắp nơi trong thế gian.

Khi ấy Đức Thế Tôn di chuyển cánh tay trong không trung, bảo các Tỳ-kheo:

–Hiện nay tay của Ta không bị vướng ở không trung, không bị cột vào khoảng không, không có hiềm khích, không có phần nộ, tay này có bị trói buộc, vướng mắc thêm bớt hay không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, tay ấy ở không trung không bị trói, không bị vướng, không thêm bớt.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có Tỳ-kheo tâm không bị trói buộc, như cánh tay di chuyển trong hư không, mới có thể ra vào, qua lại nơi những nhà người, không có thêm bớt, không sanh áo não, không ganh ghét, thấy người được lợi dưỡng tâm sanh hoan hỷ. Thấy người bố thí không cho đến mình cũng không tức giận. Thấy người tu phước đều tùy hỷ cho đến tâm không phân biệt cao thấp.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo Ca-diếp thực hiện được như vậy, du hóa trong thế gian không bị ràng buộc... *cho đến...* tâm không phân biệt cao thấp.

Đức Phật lại vẫy tay lần thứ hai trên khoảng không, bảo các Tỳ-kheo: *(như nói ở trên... cho đến Tỳ-kheo Ca-diếp như vậy).*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo ra vào nơi các gia đình, thuyết pháp cho người như thế nào? Như thế nào được gọi là thuyết pháp thanh tịnh? Thế nào gọi là thuyết pháp không thanh tịnh?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Như Lai là căn bản của các pháp, là Bạc Dẫn Đường, là chỗ nương cậy của các pháp. Lành thay! Đức Thế Tôn, xin Ngài diễn giải, chúng con nghe rồi chí tâm thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe! Chí tâm ghi nhớ! Như có Tỳ-kheo thuyết pháp cho người, nếu khởi suy niệm: “Ta thuyết pháp cho người

kia, sẽ khiến người ấy kính tín ta, để thưởng cho ta nhiều thức ăn uống, y phục, thuốc trị bệnh”. Ai thuyết pháp vì mục đích ấy gọi là bất tịnh. Nếu có Tỳ-kheo vì người thuyết pháp, muốn người nghe hiểu rõ Phật pháp, trừ khổ hiện tại, xa lìa các phiền não, vượt mọi vướng mắc, hướng dẫn đến chỗ toàn thiện, khiến họ tự thấy rõ, cho đến làm cho người trí tự hiểu được, không phải hiểu bằng lời của người khác. Ngay nơi sự sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, làm cho thính giả nghe được lời giảng dạy, như pháp tu hành khiến người nghe ở trong cõi sanh tử được đắc pháp, đắc nghĩa, đạt được lợi ích an lạc lâu dài. Người thuyết pháp như vậy gọi là thuyết giảng với lời từ bi, thanh tịnh, thương xót, đem lại lợi ích cho muôn loài, khiến chánh pháp được trường tồn. Thuyết pháp như vậy gọi là thanh tịnh. Thế nên Tỳ-kheo phải suy nghĩ như vậy, vì người thuyết pháp cần phải học hỏi như thế. *(Lần thứ ba cũng nói như trên, Tỳ-kheo Ca-diếp có khả năng thuyết pháp như vậy, khiến thính giả hiểu rõ Phật pháp,... cho đến vì khiến chánh pháp được trường tồn, do đấy luôn thương xót, đem lại lợi ích cho chúng sanh).* Nên thuyết pháp như vậy đấy gọi là tuyên dương Phật pháp một cách thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

112. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo sắp đi đến nhà đàn việt, trước khi đi tự suy nghĩ: “Người nào có cho hãy cho ta nhanh, đừng chậm trễ, hãy chí tâm cho ta, đừng không chí tâm. Ta mong được nhiều, không phải được ít. Hãy cho ta vật tinh khiết mềm mại, không nên thô cứng”; vị ấy suy nghĩ như vậy rồi quyết định đi đến nhà đàn việt. Đàn việt tuy cho nhưng không chí tâm, không cung kính. Tuy họ cho thức ăn nhưng không đầy đủ, cho vật thô cứng không cho vật tinh khiết mềm mại. Nếu họ có cho thì chậm chạp không nhanh nhẹn, nên Tỳ-kheo kia vì không vừa ý, nên xấu hổ buồn rầu, sanh tâm tổn giảm.

Vị Tỳ-kheo ấy phải tự nghĩ: “Ta đến nhà đàn việt, họ chẳng

phải gia đình ta, làm sao vừa lòng ta được. Tại sao ta lại nghĩ: muốn đàn việt cho nhanh, đừng chậm trễ, cả đến cho vật tinh khiết mềm mại, đừng có thô cứng”. Nên suy nghĩ như vậy: “Nếu như không được gì, tâm ta cũng không hối hận, xa lia tăng giảm, không có tức giận. Cũng vậy nếu như đàn việt cho ít, cho không chí tâm, chậm trễ không nhanh,... cho đến cho vật thô cứng, không cho vật tinh khiết mềm mại”. Như vậy Tỳ-kheo tâm không tức giận, cũng không xấu hổ, tâm không tăng giảm.

Tỳ-kheo Ca-diếp cũng có tâm niệm như vậy. Khi đến chỗ đàn việt, Tôn giả suy nghĩ: “Nơi đó chẳng phải nhà của ta, tại sao muốn được vừa với ý của ta? Tức mong muốn họ cho nhanh không chậm... cho đến vật tinh khiết mềm mại, đừng cho vật thô cứng”. Tỳ-kheo Ca-diếp tự nghĩ: “Ta đến nhà đàn việt, tuy không được cho vẫn không xấu hổ, tâm không tổn giảm”.

Vì thế, Tỳ-kheo nên suy nghĩ thế này: “Ta đến nhà đàn việt không nên sanh ý niệm: hãy mau đem cho ta... cho đến tinh khiết mềm mại”.

Thế nên, nay các Tỳ-kheo, cần phải học như Tỳ-kheo Ca-diếp trong khi đến nhà đàn việt.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

113. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giảng đường Tỳ-xá-khư, trong khu lâm viên cũ tại Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vào đêm ấy xuất định. Sau khi xuất định, Tôn giả đến gặp Đức Phật, đảnh lễ nơi chân Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo Ca-diếp:

—Ông hãy chỉ dạy, trao truyền cho các Tỳ-kheo, hướng dẫn họ về pháp thiền định, giảng dạy pháp cốt yếu. Vì sao? Ta thường làm công việc chỉ dạy, trao truyền cho các Tỳ-kheo ấy, ông cũng làm như vậy. Ta thường vì các Tỳ-kheo giảng dạy pháp quan trọng, ông cũng làm như Ta.

Ca-diếp bạch Phật:

–Các Tỳ-kheo ấy không thể dạy dỗ, khó hướng dẫn trao truyền.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hiện nay, ông vì nhân duyên gì mà không thuyết pháp cho họ?

Ca-diếp bạch Phật:

–Nay có hai Tỳ-kheo, một là đệ tử cùng đi với Tôn giả A-nan, tên Nan-đồ; thứ hai là đệ tử của Tôn giả Mục-liên, tên là A-tỳ-phù. Hai đệ tử này thường tranh hơn thua. Họ đều tự cho là: “Tri kiến của tôi hơn, lời nói của tôi hơn”. Họ giằng co nhau, quyết định hơn kém về tri kiến và bằng lời lẽ: “Tôi nói hay, hoặc là ông nói hay, câu và nghĩa của tôi đầy đủ, hoặc là câu và nghĩa của ông đầy đủ”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang quạt hầu Thế Tôn. A-nan nói với Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả, hãy bỏ qua đi! Cho phép tôi được sám hối. Tỳ-kheo như thế vì mới vào Phật pháp, ngu si không trí, chưa có sự hiểu biết.

Tôn giả Ca-diếp bảo Tôn giả A-nan:

–Thôi đi A-nan, Tôn giả chớ nên ở giữa Tăng chúng phát biểu lời thiên vị.

Thế Tôn sai một vị Tỳ-kheo:

–Ông hãy đi gọi hai Tỳ-kheo ấy đến đây.

Tỳ-kheo kia vâng lệnh, đi gọi hai Tỳ-kheo:

–Thế Tôn gọi các ông!

Hai Tỳ-kheo vâng lệnh gọi, liền đến chỗ Đức Phật, đánh lễ nơi chân Ngài, đứng qua một bên. Thế Tôn bảo hai Tỳ-kheo:

–Cả hai người thật có nói thế này: “Tôi đọc tụng nhiều, tôi hiểu biết nhiều, lời lẽ văn kệ tôi nói không sai”. Các người muốn tranh hơn thua, có phải không?

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật lại dạy:

–Nếu hai ông hiểu lời Ta giảng dạy như Tu-đa-la, Kỳ dạ, Thọ ký, Thuyết kệ, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Bản sanh, Tỳ Phật lược, Vị tăng hữu, Ưu-ba-đề-xà, Bốn sự, là mười hai bộ. Nếu đọc tụng thông thạo thì trong những kinh ấy có nói sự hơn thua hay không?

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong mười hai bộ này, thật không có nói như vậy.

Đức Phật lại bảo hai Tỳ-kheo:

–Mười hai bộ kinh được thuyết ra là nhằm diệt trừ sự tranh tụng hơn thua. Nay hai ông tại sao lại có lời lẽ như thế? Các người là người ngu tối nên mới nêu bày như vậy. Chẳng lẽ Ta không có nói như vậy hay sao: “Ai phát sanh tranh tụng thì không đúng với Phật pháp, lại không đúng với pháp xuất gia”. Trong Phật pháp của Ta, không bao giờ có chuyện tranh nhau: tôi thắng người thua, cho đến... pháp cú được tôi nói với nghĩa đầy đủ, pháp người nói thì nghĩa không đầy đủ. Tranh tụng như vậy thật không phải là lời Ta dạy. Nay hai Tỳ-kheo, sự việc như thế, các ông có nên làm không?

Khi ấy hai Tỳ-kheo lạy sát chân Đức Phật, bạch:

–Chúng con nghe lời Phật dạy, tự biết mình có lỗi, thật như đứa bé ngu si không hiểu biết, làm việc không nên làm, làm việc bất thiện, cùng nhau tranh cãi, quyết định hơn thua, thật là có lỗi. Cầu mong Thế Tôn thương xót, cho chúng con được sám hối.

Đức Phật dạy:

–Biết các người thành tâm, ân cần sám hối, các người thật như đứa bé ngu, chưa biết gì cả, hành động bất thiện, không đúng lời Phật dạy, không đúng pháp xuất gia, mới tranh hơn thua. Ai cũng nói mình biết nhiều, cho nên bảo lời tôi nói cú nghĩa đầy đủ, lời người kia nói không đầy đủ. Tranh hơn thua như vậy thật không nên làm. Nay Ta nhận sự thành tâm sám hối của các người, để các người được tăng trưởng các pháp thiện, không có thoái thất. Tại sao? Người nào thành tâm, thật biết có tội, sau đó sám hối, quyết không làm nữa. Người sám hối như vậy thì các pháp lành tăng trưởng, không hề bị thoái chuyển, hủy hoại.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

114. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp ở giảng đường Tỳ-xá-khư, nơi khu

lâm viên cũ. Tôn giả Ca-diếp vào chiếu tối, xuất thiền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy chỉ dạy trao truyền cho các Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho họ. Tại sao? Ta luôn làm công việc chỉ dạy trao truyền cho họ, ông cũng nên làm như vậy. Ta thường vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, ông cũng nên như thế.

Ca-diếp bạch Phật:

–Các Tỳ-kheo ấy khó có thể giảng dạy, trao truyền. Họ không chịu nghe lời chỉ giáo.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hiện tại, ông thấy có nhân duyên gì mà không muốn thuyết pháp?

Ca-diếp thưa:

–Người nào không có lòng tin, thoái thất đối với pháp thiện liên sanh biếng nhác, không có hổ thẹn, ngu si vô trí, tham đắm vật của kẻ khác, có tâm phẫn nộ, gây hại, bị che đậy do phiền não vây phủ, dao động không dừng, đối với pháp có nghi ngờ, cố chấp, ngã kiến, tâm đầy phiền não cấu uế, ưa sân hận, thất niệm, không lúc nào định tĩnh. Người nào có đủ các pháp bất thiện ấy thì không còn có một chút pháp thiện nào, huống chi nói tới việc làm tăng trưởng pháp thiện, khiến không bị thoái chuyển, hủy hoại.

Nếu người nào có đầy đủ tín tâm, không thoái thất các pháp thiện thì tinh tấn không biếng nhác, thường biết hổ thẹn. Người có trí thực hành đủ các pháp thiện, không có tưởng tham, xa lìa sân hận, hiềm khích, trừ bỏ sự tham đắm về ngủ nghỉ, tâm không xao động, không có nghi ngờ, không chấp thân kiến, tâm tịnh vô nhiễm, không ưa phẫn nộ, trụ tâm chánh niệm, đầy đủ thiền định, không thoái thất pháp thiện. Người nào có đầy đủ các pháp thiện như trên, con không hề nói người ấy bị dừng lại trong pháp thiện, huống chi nói là không tăng trưởng. Những người như vậy, ngày đêm pháp thiện luôn tăng trưởng.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Ai không có lòng tin, thoái thất với pháp thiện... *cho đến* những người như vậy là không thể có một chút thiện, huống chi nói tới việc tăng trưởng. Còn người

nào có đầy đủ lòng tin, không thoái thất pháp thiện... *cho đến* ta không hề nói người ấy bị dừng lại trong pháp thiện, huống chi nói là không tăng trưởng các pháp thiện.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

115. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp trú ở giảng đường Tỳ-xá-khư thuộc khu lâm viên cũ.

Tôn giả Ca-diếp vào chiều tối, xuất thiền, đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông có thể giảng dạy, trao truyền cho các Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho họ. Tại sao? Ta luôn làm công việc chỉ dạy, trao truyền cho họ, ông cũng nên như vậy. Ta thường vì các Tỳ-kheo thuyết giảng pháp quan trọng, ông cũng nên như thế.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, các Tỳ-kheo ấy không chịu nghe lời dạy, khó dẫn dắt trao truyền.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông vì sao không làm công việc giảng dạy, trao truyền, không thuyết pháp cho họ?

Ca-diếp đáp:

–Thế Tôn là căn bản của pháp, là người dẫn đường, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài diễn giải, con được lãnh hội, chí tâm trì thọ.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Nay ông hãy lắng nghe, ghi nhớ, thọ trì. Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng giải.

Ca-diếp bạch Phật:

–Xin vâng, Thế Tôn, con rất muốn nghe.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Trước đây có Tỳ-kheo tu theo hạnh A-luyện-nhã, tán thán người tu hạnh A-luyện-nhã, đi khát thực mặc y phẩn tảo, tán thán

người khát thực mặc y phẩn tảo, ít dục biết đủ, thường ưa thích chỗ yên tịnh vắng lặng, tinh tấn tu tập, tâm không tán loạn, thường vui với thiền định, tự sạch các lậu, tán thán người dứt sạch các lậu. Vì vậy, tất cả các Tỳ-kheo đều luôn đến thăm hỏi gần gũi. Các Tỳ-kheo đều nói với vị ấy:

–Thiện lai Tỳ-kheo! Xin mời ngồi chỗ này. Hiền giả tên gì? Đệ tử của ai? Hành hóa hiền thuận, ứng hợp pháp Sa-môn, làm người xuất gia cần phải như Hiền giả, hành hóa đúng pháp Sa-môn. Ai được thấy Hiền giả, tu tập theo pháp của Hiền giả, không bao lâu sẽ thu đạt được tự lợi.

Tỳ-kheo mới tu học, thấy được sự việc này, tự suy nghĩ: “Ồ đó có vị Tỳ-kheo được mọi người cùng nhau cung kính. Nay ta cũng nên tu tập theo hạnh của vị ấy. Vị ấy tự tu hành hạnh A-luyện-nhã, tán thán người tu hạnh A-luyện-nhã, đi khát thực, mặc y phẩn tảo, tán thán người đi khát thực mặc y phẩn tảo, ít dục biết đủ, thường ưa thích chỗ yên tịnh vắng vẻ, tinh tấn tu tập, tâm không tán loạn, thường vui với thiền định, tự đoạn sạch các lậu, tán thán người dứt sạch các lậu. Vì lý do ấy, tất cả Tỳ-kheo đều đến thăm hỏi gần gũi an ủi. Các Tỳ-kheo nói với vị Tỳ-kheo ấy: “Thiện lai Tỳ-kheo! Xin mời ngồi chỗ này. Hiền giả tên gì? Đệ tử của ai? Hành hóa hiền thuận, ứng hợp pháp Sa-môn, làm người xuất gia cần phải như Hiền giả, hành hóa đúng pháp Sa-môn. Ai được thấy Hiền giả, tu tập theo hạnh của Hiền giả, không bao lâu sẽ thu đạt được tự lợi”.”

Các vị mới tu học, ai có ý nghĩ này thì được lợi ích lâu dài, được tốt đẹp, được an lạc. Đây gọi là tự cứu độ, có khả năng khiến chánh pháp được tồn tại lâu dài ở thế gian. Người này luôn tiến bước không bị thoái chuyển.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Như có Tỳ-kheo, đời này có phước báo, mới vừa xuất gia đã được nhiều lợi dưỡng về y phục, thuốc thang, giường nằm, ngọa cụ, bốn món cúng dường luôn đầy đủ, sung túc. Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo này tìm đến gần gũi nói chuyện, thăm hỏi. Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo này:

–Hiền giả tên gì? Là đệ tử của vị nào, đời này có phước báo, được nhiều lợi dưỡng về y phục, thuốc thang, giường nằm, ngọa cụ,

bốn thứ đầy đủ. Có Tỳ-kheo nào gần gũi với Hiền giả thì tứ sự không thiếu.

Nếu có Tỳ-kheo mới tu học, thấy sự việc ấy, suy nghĩ: “Nơi đó có Tỳ-kheo với đời sống nhiều phước báo, được mọi người cung kính. Nay ta nên tu hạnh như vậy, thì y phục, ngọa cụ, thức ăn uống, thuốc thang, bốn thứ cúng dường cũng đều sung túc”. Tỳ-kheo mới tu học nào tác ý như vậy, học sự việc như vậy thì bị hao tổn lâu dài, không có lợi ích, an vui gì cả, hành hóa không đúng với pháp của Sa-môn, chịu nhiều khổ họa, gọi là tự khinh hủy, phạm hạnh không đứng vững, chìm trong bùn lầy, bị điều xấu ác lừa dối, kết sử trói buộc, thường thọ nhiều nghiệp, phiền não luôn phát sanh quả báo khổ, chắc chắn mãi chịu sanh, lão, bệnh, tử.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp và các Tỳ-kheo nghe theo lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

116. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giảng đường Tỳ-xá-khư, thuộc khu lâm viên cũ. Tôn giả vào buổi chiều tối, xuất thiền, đến gặp Đức Phật, lay sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Nay ông đã già, tuổi tác lớn, sức lực suy yếu, mặc y phần tảo vải gai này thô xấu, dầy nặng. Nay ông nên vào ở cùng trong Tăng, ăn uống theo các vật dùng của Tăng. Đàn việt cúng y thì cắt và nhuộm cho hoại sắc để mặc.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, y vá này con dùng đã lâu. Con cũng tán thán người mặc y vá. Làm sao có thể bỏ được?!

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông thấy người mặc y vá có lợi ích tốt đẹp gì mà ưa thích mặc mãi; tự hành hạnh A-luyện-nhã, tán thán người hành A-luyện-nhã; tự mình khát thực, tán thán người khát thực?

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con thấy người mặc y vá có hai điều lợi: ngay

đời hiện tại sống an lạc, trong đời vị lai vì các Tỳ-kheo làm sáng tỏ giáo pháp, khiến cho người đời sau học tập. Những người đời sau sẽ có ý nghĩ: “Thuở xưa, khi Đức Phật còn tại thế, các Đại Tỳ-kheo luôn dốc tu tập phạm hạnh, an lạc trọn vẹn với Phật pháp, thông đạt đường lối của giáo pháp, ít dục, biết đủ; tự hành hạnh A-luyện-nhã, tán thán người hành hạnh A-luyện-nhã; mặc y phẩn tảo, tán thán người mặc y phẩn tảo; thứ lớp đi khát thực, tán thán người khát thực”. Người trong đời vị lai phần nhiều sanh ý nghĩ này, mến mộ pháp ấy, tạo nên hành động cứu độ, đem lại lợi ích tốt đẹp, an lạc.

Đức Phật khen ngợi Ca-diếp:

–Lành thay, lành thay! Nếu ông hành hóa như vậy ở trong cõi sanh tử, mãi mãi thương xót thế gian, tạo lợi ích rộng khắp, vì hành động cứu giúp, đem lại nghĩa lợi, an lạc.

Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào hủy báng người tu hạnh Đầu đà là hủy báng Ta. Ai tán thán công đức của hạnh Đầu đà, những người ấy đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta đã dùng nhiều nhân duyên với vô số phương tiện tán thán công đức đạt được do tu hạnh Đầu đà, an lập hạnh Đầu đà, tán thán hạnh Đầu đà là hơn hết trong các hạnh. Ông từ nay về sau nên hành hạnh A-luyện-nhã tán thán những người thực hành hạnh A-luyện-nhã.

Đại Ca-diếp cùng các Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

117. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở nơi xa xôi vắng vẻ, y phục cũ rách, bạc màu sắc, râu tóc đều dài, đi đến gặp Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh. Các Tỳ-kheo thấy Tôn giả Ca-diếp đều suy nghĩ: “Vị Tôn giả kia không biết uy nghi phải có của người xuất gia, màu y trở nên bạc nhợt, râu tóc dài, uy đức không đầy đủ.”

Lúc đó Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của các Tỳ-kheo, muốn khiến

cho họ sanh tâm kính trọng mến chuộng, nên thấy Ca-diếp từ xa đến, liền bảo Tôn giả:

–Lành thay! Ca-diếp hãy tới đây, cho phép ông ngồi vào nửa tòa của Ta. Ta đang suy nghĩ: “Ông xuất gia trước, Ta xuất gia sau.” Thế nên Ta mời ông cùng ngồi một tòa với Ta.

Ma-ha Ca-diếp nghe lời dạy này của Đức Phật, rất kính sợ, bàng hoàng, vội đứng dậy chấp tay đánh lễ dưới chân Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, Ngài là Đại sư, con là đệ tử. Tại sao được cùng thầy ngồi chung một tòa?

Tôn giả thưa ba lần như vậy, Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng như lời ông nói, Ta là Thầy, ông là đệ tử.

Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

–Ông nên ngồi nơi chỗ ngồi thích ứng.

Tôn giả Ca-diếp vâng lời Đức Phật, trái tòa và ngồi. Khi ấy Đức Thế Tôn muốn cho các Tỳ-kheo tăng trưởng lợi ích, chán bỏ điều ác, tự chê trách mình, vì muốn tán thán công đức của Ma-ha Ca-diếp để họ tôn trọng như Phật, nên bảo các Tỳ-kheo:

–Ta tu định lìa dục, nhập định sơ thiền, tác ý suy nghĩ. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng tùy ý muốn lìa dục, ác, bất thiện, có giác, có quán, nhập vào sơ thiền, cả ngày lẫn đêm. Ta tùy ý muốn vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, Ca-diếp cũng vậy. Nếu Ta phát tâm muốn nhập tâm Từ, không có tâm oán giận, không có tâm phiền não, tâm hiện rộng khắp, tu tâm vô lượng, ở phương Đông dụng tâm như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên dưới cũng dụng tâm này, trong ngày hay đêm, Ta tùy ý tu tâm ấy, Ma-ha Ca-diếp cũng như vậy, tùy ý muốn nhập tâm Từ, không có tâm oán giận, không có tâm phiền não, tâm hiện rộng khắp, khéo tu tâm vô lượng, dụng tâm này ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới cũng dụng tâm ấy. Nếu Ta tu tâm Bi, Hỷ, Xả, trong suốt ngày đêm, tùy ý nhập tâm này, Ma-ha Ca-diếp cũng như vậy, trong suốt ngày đêm cũng nhập tâm ấy. Ta muốn diệt trừ phiền não, trừ khước sắc tướng, trừ nhiều loại tướng, nhập vô biên hư không, tùy ý trong cả ngày đêm thường nhập định này. Thức xứ, Bất dụng xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy. Khi Ta muốn nhập các định về thần thông, có thể với một thân hóa ra vô lượng thân, với vô lượng thân

hợp thành một thân. Ta muốn quan sát các phương trên dưới, nhập vào vách đá không bị chướng ngại cũng như vào hư không, nằm ngồi trong hư không như vua loài nhạn, đi vào đất như xuống nước, đi xuống nước như trên đất, thân đến trời Phạm thiên, cũng như tay sờ mặt trời, mặt trăng. Trong ngày hay đêm Ta tùy ý muốn tu định này, Tỳ-kheo Ca-diếp cũng như vậy, tùy ý muốn nhập vào định về thân thông kia, có thể với một thân hóa ra vô lượng thân, từ vô lượng thân hoàn lại một thân. Quan sát bốn phương trên dưới, có thể với thân này nhập vào vách đá không bị chướng ngại như nhập vào hư không, nằm ngồi trên hư không như vua loài nhạn, đi vào đất như xuống nước, đi dưới nước như trên đất, thân lên đến cõi Phạm thiên, sờ vỗ mặt trời, mặt trăng thì tùy ý muốn ngày đêm nhập vào định này. Thiên nhãn, thiên nhĩ và tha tâm trí, túc mạng, lậu tận cũng như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng tán thán công đức của Tôn giả Ca-diếp, tôn trọng như vậy, với nhiều việc tu tập, thể hiện bằng Ngài.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

118. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, rồi núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan đều ở trong núi Kỳ-xà-quật. Đến giờ ăn, A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Thưa Đại đức, đã đến giờ ăn, có thể cùng đi khát thực.

Bấy giờ Ma-ha Ca-diếp mặc y, cầm bát, cùng A-nan ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khát thực. A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Trời còn sớm, con muốn đến tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni quan sát pháp thức tu hành của các Tỳ-kheo-ni.

Ca-diếp đáp:

–Được!

Cả hai cùng đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni từ xa thấy hai Tôn giả đến, liền sắp đặt chỗ ngồi. Sau khi bày biện tòa xong, họ mời hai Tôn giả ngồi vào tòa ấy. Hai vị Tôn giả liền an tọa.

Các Tỳ-kheo-ni thấy hai vị đã an tọa, liền lay sát chân, đứng qua một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni thuyết giảng giáo pháp, chỉ dạy, khiến họ đạt được lợi ích hoan hỷ.

Trong chúng ấy có Tỳ-kheo-ni tên Thâu-la-nan-đà, nghe giảng pháp quan trọng ấy, tâm không ưa thích, liền nói ra lời ác:

–Hiện nay, tại sao Trưởng lão Ca-diếp ở trước mặt Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết giảng giáo pháp? Như người bán kim, đến cửa thợ làm kim muốn bán kim thì không thể nào bán được. Hiện nay, Tôn giả Ca-diếp cũng như vậy, tại sao ở trước mặt Tôn giả A-nan mà giảng thuyết giáo pháp?

Tỳ-kheo-ni này nói như vậy rồi im lặng đứng yên. Ma-ha Ca-diếp với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe lời nói này, bảo với Trưởng lão A-nan:

–Ông có nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà tâm không hoan hỷ, bày tỏ lời nói thô không?

Tôn giả A-nan nói với Ca-diếp:

–Cô ấy nói gì?

Ca-diếp đáp:

–Cô ấy nói: “Tại sao Tôn giả Ca-diếp ở trước mặt Tôn giả A-nan Tỳ-đề-hê Tử Mâu-ni mà giảng nói giáo pháp, cho ông giống như con người thợ làm kim, cho ta như người bán kim.

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Thôi thôi, Tôn giả! Họ còn trẻ con, ngu si ít hiểu biết, không đáng trách. Cầu mong Đại đức cho họ sám hối.

Ca-diếp bảo Tôn giả A-nan:

–Đức Như Lai, Thế Tôn, Đa-đà-a-già-độ A-la-ha Tam-miêu-tam-phật-đà đã thuyết giảng, hướng dẫn bằng thí dụ về mặt trăng, ngày càng lớn dần, có thể đủ hỏ thẹn, xa lìa việc không biết hỏ thẹn, nhần nhục đối với sự mạ ly, chế ngự thân tâm, qua lại trong nhân gian, Ngài nói ta hay ông giống như mặt trăng kia?

Tôn giả A-nan đáp:

–Đức Như Lai Thế Hùng thật sự không nói con giống như mặt trăng kia.

Ca-diếp lại nói:

–Chỉ có Đức Phật, Thế Tôn, Vô Thượng Sĩ, Ứng Cúng, Chánh

Đẳng Giác Tri đã nói rõ rằng ta cũng như mặt trăng khi mới mọc, dần dần tăng trưởng, đầy đủ sự hỏ thẹn, xa lìa việc không biết hỏ thẹn, nhẫn nại đối với sự mạ ly, chế ngự thân tâm, qua lại nơi những gia đình ở thế gian!

A-nan bạch:

–Đúng vậy.

Tôn giả Ca-diếp bảo với Tôn giả A-nan:

–Đức Như Lai, Thế Tôn ở trước vô lượng trăm ngàn đại chúng, khen tên họ của ta: “Vị Đại đức này là người có tầm quý, trí tuệ sâu xa, tương tự như Ta”. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nay Ta lìa dục ác, bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc nhất tâm, nhập Sơ thiền, ngày đêm thường trú trong định này. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng thường lìa dục, ác, bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc nhất tâm nhập Sơ thiền, ngày đêm thường trú trong định này”.

A-nan đáp:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp, đúng như vậy. Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả và bốn thiền định, ba minh, sáu thông cũng như vậy.

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trước đại chúng Tỳ-kheo-ni, đã giảng nói, nêu bày như tiếng gấm của sư tử, rồi rời khỏi chỗ ngồi, trở về nơi mình ở.

M

119.

Bấy giờ Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn. Tôn giả A-nan, Ma-ha Ca-diếp ở tại núi Kỳ-xà-quật.

Thời gian ấy trong dân gian gặp lúc đói kém, rất khó khất thực. Do đó Tôn giả A-nan đưa các Tỳ-kheo mới tu học đi về khu xóm Nam sơn. Trong số Tỳ-kheo mới tu học có các Tỳ-kheo trẻ tuổi ưa thích đùa giỡn, ham thích ăn uống, không giữ gìn các căn, không có uy nghi, đầu đêm cuối đêm, không siêng năng hành đạo, đọc tụng kinh điển, thường nằm nghiêng xuống đất theo phía bên trái, mặc tình ngủ nghỉ.

Sau khi đến nơi ấy, trong số các Tỳ-kheo có hơn ba mươi người bỏ đạo hoàn tục. Vì lý do này, đồ chúng giảm xuống còn ít. Sau khi du hành, họ trở về đại thành Vương xá, vào núi Kỳ-xà-quật, thu xếp y bát, rửa sạch chân, đi đến chỗ Tôn giả Ca-diếp, lạy sát chân Tôn giả,

ngồi qua một bên. Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi A-nan:

– Ông từ đâu đến? Đồ chúng sao ít vậy?

A-nan đáp:

– Con đi đến khu xóm Nam sơn, trong số đệ tử có hơn ba mươi người, trước đây đều là đồng chân xuất gia, đã bỏ đạo hoàn tục, vì lý do này nên đồ chúng còn ít.

Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan:

– Vì sao Đức Như Lai đã chế ra pháp “Biệt chúng thực”, mà ông lại cho phép ba người cùng ăn một chỗ? Ý nghĩa của việc cấm chế như vậy là muốn giúp đỡ cho nhiều người, khiến họ không bị tổn giảm, lại nhằm chế ngự các dục xấu ác nơi các Tỳ-kheo, ngăn trừ kẻ có nhiều quyến thuộc, lấy danh nghĩa của Tăng chúng, mong cầu cho nhiều, làm hao tổn của cải nơi nhiều nhà, phá bỏ chúng Tăng, chia rẽ làm hai phe, khiến cho Tỳ-kheo đúng như pháp không được cúng dường y phục, thức ăn, Tỳ-kheo phi pháp thì được nhiều lợi dưỡng. Tỳ-kheo tham dục xấu ác đã được lợi dưỡng rồi lại tranh tụng với các bậc tịnh hạnh. Vậy vì sao ông, vào lúc dân gian đói kém, lại nhận nhóm Tỳ-kheo mới tu học trẻ tuổi ấy làm đồ chúng? Những Tỳ-kheo này ưa thích đùa giỡn, ham thích việc ăn uống, các căn tán loạn, không có uy nghi, mặc sức ngủ nghỉ, không biết đủ, đầu đêm cuối đêm không siêng năng hành đạo, đọc tụng kinh điển. Tại sao với đồ chúng như vậy mà du hành đến khu xóm Nam sơn. Khi đến chỗ kia, hơn ba mươi người trước đây đều là đồng tử xuất gia, đều bỏ đạo hoàn tục. Nay ông như thế là đã phá hoại đồ chúng, thật là vô trí cũng như trẻ con.

A-nan đáp:

– Nay tôi đã lớn tuổi, tại sao Tôn giả nói tôi như trẻ con?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

– Chẳng phải vô cớ ta nêu tên họ ông, gọi là trẻ con. Hiện nay gặp lúc đói kém, khát thực khó khăn. Tại sao ông lại đưa nhiều người du hành đến khu xóm Nam sơn? Trong nhóm đệ tử của ông có những người trẻ tuổi ưa thích đùa giỡn, tham lam ăn uống, các căn tán loạn, không có uy nghi, ưa thích ngủ nghỉ, không biết chán, đầu đêm cuối đêm không siêng năng hành đạo, đọc tụng kinh điển, đến nổi hơn ba mươi người bỏ đạo hoàn tục. Xử lý sự việc như vậy chẳng phải là trẻ

con hay sao?

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Đế-xá-nan-đà nghe Tôn giả Đại Ca-diếp chê trách Tôn giả A-nan làm việc như trẻ con, nên tâm không vui, rất buồn bực, bày tỏ lời ác:

–Đại Ca-diếp này vốn là ngoại đạo, mà nay tại sao chê mắng Tôn giả A-nan Tỳ-đề-ê-mâu-ni là làm việc như trẻ con?

Tôn giả Ca-diếp, với thiên nhãn thanh tịnh, nghe Tỳ-kheo-ni phát ra lời thô hủy báng này rồi, nên bảo A-nan:

–Tỳ-kheo-ni Đế Xá Nan-đà trong tâm không vui, phát sanh khổ não lớn, bày tỏ lời ác: “Đại Ca-diếp này vốn là ngoại đạo, tại sao chê trách Tôn giả A-nan Tỳ-đề-ê-mâu-ni hành động như trẻ con?”.

Tôn giả A-nan thưa với Tôn giả Ca-diếp:

–Tỳ-kheo-ni này còn nhỏ tuổi, kém trí, cũng như trẻ con, cầu mong Đại đức cho họ sám hối.

Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan:

–Khi ta xuất gia, phát thệ nguyện: “Thế gian, nếu có bạc A-la-hán, ta sẽ quy y. Từ khi xuất gia đến nay, chẳng có hướng về đường khác, chỉ nương tựa nơi Đức Như Lai Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Trước đây, khi ta còn ở thế gian, lúc chưa xuất gia, quan sát khắp cõi đời đều là sự tụ tập các khổ về sanh, lão, bệnh, tử, sầu, bi, ưu, não, những việc này luôn tranh nhau đến bức bách. Bấy giờ, lúc ta chán sự phiền não của đời sống gia đình, không có gì vừa ý, ưa thích pháp xuất gia, có thể xa lìa bụi bặm cấu nhiễm. Ta xem xét cuộc sống tại gia vốn nhiều sự ồn ào, cũng như đi vào trong rừng nhiều gai móc, bị gai đâm móc kéo, khiến thân thể bị thương, y phục bị rách, khó thoát ra được. Đời sống tại gia cũng vậy, nhiều duyên sự trói buộc, chìm trong bùn dục, không thể tu hành phạm hạnh thanh tịnh. Ngày đêm suy nghĩ, không thấy một pháp nào hơn pháp xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, từ bỏ gia nghiệp vì lòng tin xuất gia. Lúc sắp xuất gia, chọn lựa loại y áo tầm thường nhất trong nhà, được một áo xấu, vậy mà giá trị còn đến mười vạn lượng vàng bèn lấy áo ấy làm Tăng-già-lê. Ta bỏ tất cả sản nghiệp đã có và xa lìa hết quyến thuộc thân thích. Lại suy nghĩ: “Trên thế gian nếu có vị A-la-hán nào ta sẽ quy y, theo vị ấy xuất gia”. Khi đó, trong đại thành Vương xá, có La-la-kiền-đà. Tại chỗ La-la-kiền-đà, nơi có nhiều tháp, ta được gặp Đức

Thế Tôn dung mạo trang nghiêm đặc biệt, các căn tịch định, tâm ý điềm đằm, tâm đạt được sự điều phục vô thượng, tướng hảo sáng rực như châu bằng vàng ròng. Khi ta được thấy Đức Thế Tôn, trong tâm rất kích động, tự nghĩ: “Trước đây, ta cầu mong vị thầy xuất thế, nay đáng ta thấy chính là Đức Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác của ta”. Ta nghĩ thế rồi tâm không tán loạn, chánh niệm quán Đức Phật, sửa lại y phục, đi nhiều bên phải ba vòng, quỳ xuống chấp tay, bạch:

–Đức Phật là Thế Tôn của con, con là đệ tử của Phật.

Nói ba lần như vậy, Đức Phật cũng nói ba lần:

–Này Ca-diếp, đúng vậy. Ta là Thế Tôn của ông, ông là đệ tử của ta.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Trong thế gian, nếu có đệ tử Thanh văn nào tâm không một chút chí thành, thật chẳng phải Thế Tôn mà nói là Thế Tôn, thật chẳng phải là La-hán mà nói là La-hán, chẳng phải Nhất thiết trí nói là Nhất thiết trí. Người như vậy đầu họ sẽ bị vỡ làm bảy phần. Hôm nay Ta là Bạc Chánh Tri, Bạc Thấy Đúng, thật là La-hán nên xưng là La-hán, thật là Chánh Đẳng Giác nên xưng là Chánh Đẳng Giác. Những pháp Ta nói ra đều có nhân duyên, chẳng phải là không nhân duyên, để giảng dạy pháp yếu, thật có đưa đến giải thoát, chẳng phải không đưa đến giải thoát, thật có đối trị, chẳng phải không đưa đến đối trị, thật có tinh tấn, chẳng phải không tinh tấn, có khả năng đoạn trừ kết lậu, chẳng phải không có khả năng đoạn trừ. Này Ca-diếp, nay ông nên học như vậy, những điều ông đã nghe là pháp thiện tốt đẹp, cần phải chí tâm thọ trì đừng quên, tôn trọng ghi nhớ, từ bỏ loạn tâm, cần phải chuyên ý quán sát sự tăng trưởng, tổn giảm của năm thọ ấm, thường nên quán sát sự sanh diệt của sáu nhập, an tâm trụ nơi bốn Niệm xứ, tu Bảy giác ý khiến luôn tăng trưởng, rộng chứng Tám giải thoát, hệ niệm tùy thân không lúc nào rời, luôn tăng trưởng sự tu tỉnh, biết hổ thẹn.

Khi ấy Đức Như Lai vì ta thuyết giảng phân biệt các pháp quan trọng, chỉ dạy đem lại mọi lợi ích, hoan hỷ. Bảy giờ ta luôn theo sau Đức Phật không rời một chút, lại tự nghĩ: “Nếu Đức Phật ngồi, ta sẽ dùng Tăng già lê giá trị mười vạn lượng vàng để trải cho Ngài ngồi”. Đức Phật biết ý của ta, đứng lại bên đường. Ta vội xếp y trải nơi chỗ

ngôi, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, mong Ngài ngồi lên chỗ này.

Đức Phật ngồi lên, sau khi ngồi, nói với Ca-diếp:

– Y này êm nhẹ.

Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, đúng vậy. Cầu mong Thế Tôn thương mến con, nhận lấy y này.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

– Ông có thể nhận lấy y và vải thô của Ta không?

Ca-diếp đáp:

– Con có thể nhận y này.

Đức Như Lai nhận đại y của Ca-diếp đang mặc. Ngay lúc đó ta nhận lấy y gai phẩn tảo từ tay Phật. Đức Phật trao y cho ta xong liền đứng dậy ra đi. Ta theo sau Đức Phật, nhiễu Phật ba vòng, làm lễ Ngài rồi trở về chỗ ở, trong tám ngày ta đạt được ba quả, đến ngày thứ chín ta dứt sạch hữu lậu, đắc A-la-hán.

Này A-nan nên biết, nếu người nào có thể bày tỏ lời chân chánh thì phải nói thế này:

– Ta là trưởng tử của Đức Phật, được sanh ra từ miệng Đức Phật, được hóa sanh từ pháp, giữ gìn gia tài Phật pháp, thiên định giải thoát trong các tam-muội, tự tại xuất nhập, như vua Chuyển luân Thánh vương có trưởng tử chưa lên ngôi vua, thọ hưởng đầy đủ năm dục. Nay ta cũng như vậy, là trưởng tử của Phật, từ miệng Phật sanh ra, hóa sanh từ pháp, giữ gìn gia tài Phật pháp, xuất nhập vô ngại nơi các pháp tam-muội thiên định, giải thoát. Như con voi quý của Chuyển luân Thánh vương, rất cao lớn, cầm một lá cây Đa-la che thân thể mình, muốn không bị lộ ra, có thể được hay không?

Tôn giả A-nan thưa:

– Lá cây như vậy không thể nào che thân con voi lớn kia được.

Tôn giả Ca-diếp bảo với A-nan;

– Che được voi còn dễ, không ai có thể che đậy sáu thần thông của ta. Người nào có chỗ nghi ngờ về Như ý thông, ta sẽ vì họ giảng thuyết ý nghĩa của nó, làm cho họ được hiểu rõ. Có người nào nghi ngờ về Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Sanh tử trí thông, Lậu tận thông, ta đều vì họ diễn thuyết về ý nghĩa nơi các thần

thông ấy, khiến hiểu rõ.

A-nan đáp:

–Con suốt ngày đêm, khi kính ngưỡng Tôn giả thì tâm sanh tịnh tín.

Khi ấy hai vị Tôn giả nói như vậy xong, làm lễ nhau và từ giả.

M

120. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, rồi núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá. Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Ca-diếp cùng trú nơi núi ấy.

Trong nước có các nhóm người của lục sư ngoại đạo dị kiến đến gặp Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Đức Như Lai Thế Tôn có nói về việc ta chết chỗ này sanh ra ở chỗ kia không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Sự việc như vậy, Đức Phật không nói.

Ngoại đạo lục sư lại hỏi:

–Nếu như vậy thì cho rằng thân ta ở mãi thế gian này phải không? Không còn sanh trở lại chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

–Sự việc như vậy, Đức Phật cũng không nói.

Ngoại đạo lại hỏi:

–Ta chết chỗ này, vừa sanh vào chỗ kia, vừa không sanh vào chỗ kia phải không?

Xá-lợi-phất nói:

–Đức Phật cũng không nói như vậy.

Ngoại đạo lại hỏi:

–Sau khi ta chết, chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh, phải không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Phật cũng không nói như thế.

Ngoại đạo lại hỏi:

–Đầu tiên ta hỏi ông: chết ở đây sanh ra nơi chỗ kia... *cho đến...* chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh, đều không thấy đáp. Nếu

ông được gọi là xuất gia lâu ngày, đáng ra nên phân biệt giảng giải rộng được ý nghĩa này cho chúng tôi. Nay chúng tôi xem ông không thể đáp được, chúng tôi cho ông là người ngu, mờ, tối, vô trí.

Các ngoại đạo bày tỏ xong liền đứng dậy bỏ đi về chỗ của họ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa. Khi ngoại đạo đi rồi, Xá-lợi-phất đến gặp Ma-ha Ca-diếp, đem câu hỏi của ngoại đạo nói với Ca-diếp:

– Vì sao Đức Như Lai, với bốn câu hỏi như vậy, ngài đã im lặng không đáp. Vì sao không diễn ra loại tương tự, so sánh để trả lời. Trước đây tôi đã từng nghe có người hỏi Đức Phật: “Chết ở đây rồi có thọ thân đời sau chăng?”, Đức Phật im lặng không trả lời. Lại hỏi: “Sau khi chết không thọ thân đời sau chăng?”. Đức Phật cũng không đáp. Lại hỏi: “Tôi qua đời ở đây, vừa thọ thân đời sau, vừa không thọ phải không?”. Đức Phật cũng không đáp. Lại hỏi: “Sau khi tôi chết, chẳng phải thọ thân đời sau, chẳng phải không thọ thân đời sau chăng?”, Đức Phật cũng im lặng.

Tôn giả Ca-diếp nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Nếu Như Lai có thể nói sau khi sắc bị diệt sanh vào thân đời sau... *cho đến*... chẳng phải sanh, chẳng phải là không sanh. Thế Tôn đã diệt tận đối với sắc kia, chánh trí giải thoát, không còn chết chỗ này sanh chỗ kia, chết chỗ này không sanh chỗ kia, cũng sanh cũng không sanh, chẳng sanh chẳng không sanh. Thế nên Ngài không đáp. Ý nghĩa này thật hết sức sâu xa rộng lớn, vô lượng vô biên, không thể lường tính... cho đến tận diệt thọ, tưởng,... thức, chết ở đây sanh ở kia... cho đến chẳng sanh chẳng không sanh, cũng như vậy. Đây là sự luân chuyển, đây là kiêu mạn, đây là phóng dật, đây là sự tạo tác hữu vi nơi nghiệp, đây là ái kết, ở đây còn ái thì sanh chỗ kia, ở đây còn ái không sanh chỗ kia, ở đây còn ái vừa sanh chỗ kia, vừa không sanh chỗ kia; chỗ này còn ái chẳng phải sanh chỗ kia, chẳng phải không sanh chỗ kia. Đức Như Lai đã tận diệt ái, đạt giải thoát hoàn toàn, ái đã bị đoạn tận nên không còn sanh chỗ kia, không còn không sanh chỗ kia, không còn sanh chỗ kia không sanh chỗ kia, không còn chẳng không có sanh chỗ kia, không còn chẳng không có không sanh chỗ kia. Ý nghĩa này thật sâu xa, rộng lớn vô biên, không thể tính toán... đến chỗ tận diệt. Đại đức Xá-lợi-phất nên biết,

vì nhân duyên này nên Như Lai đối với những câu hỏi ấy không trả lời trực tiếp: Chết ở đây sanh chỗ kia. Chết ở đây không sanh chỗ kia. Chết ở đây vừa sanh vừa không sanh chỗ kia. Chết ở đây chẳng phải sanh chẳng phải không sanh chỗ kia.

Hai vị Đại đức ấy cùng nhau nói lên những điều tốt đẹp, rồi trở về chỗ của họ.

M

121. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở nước Xá-vệ, nơi giảng đường Tỳ-xá-khư, trong rừng Tây viên.

Tôn giả Đại Ca-diếp vào lúc chiều tối, ra khỏi thiền định, đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì khi Đức Như Lai bắt đầu đặt ra rất ít giới luật mà người tu hành nhiều. Vì sao ngày nay giới luật tăng nhiều, người tu hành lại ít?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Chúng sanh do năm thứ dục nơ là mạng trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiếp trước, kiến trước khiến họ trở nên xấu ác, chánh pháp vì vậy mà suy giảm. Thế nên Như Lai vì các đệ tử chế ra nhiều giới cấm, ít có Tỳ-kheo thuận theo lời Phật dạy, thọ trì giới cấm. Các loại chúng sanh cũng dần dần thoái thất. Ví như vàng quý dần dần bị tổn giảm, cho nên vàng giả xuất hiện. Chánh pháp của Như Lai cũng như vậy, dần dần tiêu diệt thì Tượng pháp xuất hiện. Tượng pháp đã xuất hiện thì chánh pháp diệt mất. Nay Ca-diếp nên biết, như ghe thuyền đi trong biển, chở quá nhiều vật quý tất bị chìm đắm. Giáo pháp của Đức Như Lai cũng thế, đã dần dần giảm thiểu, diệt vong. Chánh pháp của Như Lai không phải bị tiêu diệt do đất, nước, lửa hay gió. Người nào trong giáo pháp của Ta sống với ái dục, hành theo uy nghi xấu ác, tạo tác các điều ác, pháp thì nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, chẳng phải luật nói là luật, phạm nói chẳng phạm, chẳng phải phạm nói phạm, tội khinh nói trọng, tội trọng nói khinh. Sự việc như vậy xuất hiện trong thế gian đều do Tượng pháp với câu và nghĩa tương tự với

chánh pháp, khiến chánh pháp của Phật dần dần diệt mất. Ca-diếp nên biết, có năm nhân duyên khiến cho chánh pháp bị diệt, tất cả đều do quên mất chương cú, pháp thiện bị thoái chuyển. Những gì là năm?

1. Không cung kính Phật, không tôn trọng Phật, không cúng dường Phật, không chí tâm quy y Phật, nhưng lại sống dựa dẫm vào pháp Phật.

2. Không kính Pháp, không tôn trọng Pháp, không cúng dường Pháp, đối với chánh pháp không chí tâm, lại sống dựa dẫm nơi Pháp.

3. Không cung kính Giới, không tôn trọng Giới, không cúng dường Giới, không chí tâm trì giới đã thọ, lại sống dựa dẫm vào Giới.

4. Không cung kính người truyền dạy, không tôn trọng người truyền dạy, không cúng dường người truyền dạy, không chí tâm với người truyền dạy, nhưng lại sống dựa dẫm vào người truyền dạy.

5. Đối với vị đồng phạm hạnh được Đức Phật tán thán thì không cung kính, không tôn trọng, không cúng dường, không thường chí tâm lễ bái thăm hỏi, nhưng vẫn nhờ họ mà được sống an ổn.

Này Ca-diếp, vì năm nhân duyên kể trên, khiến chánh pháp dần dần bị suy thoái, diệt vong.

Này Ca-diếp, có năm nhân duyên khiến chánh pháp trụ thế lâu dài, không chìm đắm, không suy thoái, không quên, không mất. Những gì là năm? Cung kính Đức Thế Tôn, tôn trọng Phật, cúng dường Phật, thường chí tâm quy y Phật. Đối với Pháp, với Giới, với bậc Giáo thọ, với vị đồng phạm hạnh cũng phải cúng dường, cung kính, tôn trọng, chí tâm hướng về. Do năm nhân duyên thiện này khiến chánh pháp an trụ lâu dài ở thế gian, không chìm mất, không thoái chuyển, không quên, không mất. Do ý nghĩa này cần phải cung kính Phật, Pháp, Giới, người truyền dạy, vị đồng phạm hạnh.

Các Tỷ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

Kê tóm lược:

Nguyệt dụ, bố thí

Phụ thắng, vô tín

Phật vi căn bản

Cực lão, nạp y trùng

*Thị thời, chúng giảm thiểu
Ngoại đạo, pháp tổn hoại.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN VII

TỤNG 2: Phần 2

122.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại rừng trúc Ca-lan-đà trong thành Vương xá.

Trong thành có một nghệ sĩ trưởng, hiệu là Động Phát. Ông ta đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Đức Cù-đàm, trước đây con đã từng gôn gủi và được nghe các nghệ sĩ kỳ cựu lão thành nói: “Bày biện dụng cụ trên sân khấu, trình diễn nhiều màn vui chơi, khảy đàn, tấu nhạc, đánh trống, ca hát cho cả trăm ngàn vạn người đến xem, ai làm những việc ấy, sau khi qua đời, được sanh lên cõi trời Quang chiếu”. Lời nói như vậy là đúng hay sai?

Đức Phật bảo ông ta:

–Thôi đi, thôi đi! Đừng hỏi việc này.

Người nghệ sĩ trưởng hỏi hai, ba lần như vậy, nhưng Đức Phật vẫn không đáp.

Đức Như Lai nói với người nghệ sĩ trưởng:

–Ta hỏi, ông tùy ý đáp. Người nghệ sĩ nào bày biện dụng cụ vui chơi trên sân khấu, khảy đàn, đánh trống, ca nhạc, vì vậy có trăm ngàn người tụ tập đến xem. Người này vốn bị ái dục, sân hận ngu si trói buộc sẵn, nay lại làm thêm những hành động phóng dật, lẽ nào không tăng thêm tham, sân, si hay sao? Ví như có người bị dây trói, lấy nước rưới vào dây, thì càng bị cột chặt thêm. Những người kia trước đây vốn bị ba độc trói buộc, nay lại chơi đùa ca nhạc trên sân khấu, họ chỉ tăng thêm ba độc, hưng thịnh như ca tấu nhạc vậy. Nay nghệ sĩ trưởng, ông cho rằng nhờ vào việc này, khi chết được sanh lên cõi trời Quang chiếu, không thể có điều ấy.

Ai cho rằng người nào nhờ tấu nhạc trên sân khấu, khi chết được

sanh nơi cõi trời Quang chiếu. Ta nêu rõ rằng: “Ai nói như vậy là tà kiến. Quả báo của tà kiến, là sanh vào hai chỗ: Một là địa ngục, hai là súc sanh”.

Đức Phật dạy như vậy, người nghệ sĩ trưởng khóc rơi nước mắt.

Đức Phật bảo vị nghệ sĩ trưởng:

– Vì lý do này nên ông thưa hỏi ba lần, Ta vẫn không đáp.

Người nghệ sĩ trưởng bạch:

– Thưa Thế Tôn, con không phải khóc vì vừa nghe lời Phật dạy. Con chỉ thương cho những nghệ sĩ kia trẻ dại ngu si, không có trí tuệ nên hành động bất thiện. Từ lâu trong cuộc sống họ đã có tri kiến như vậy, vào đời vị lai sẽ thọ nhận khổ lớn, thường bị khinh khi đối gạt, bị người xem thường. Người nghệ sĩ nào nói rằng: “Chơi nhạc, ca hát trên sân khấu, khi qua đời được sanh đến cõi trời Quang chiếu”. Lời nói như thế là đại vọng ngữ. Ai nhờ nghiệp này được sanh lên cõi trời Quang chiếu, việc này không thể có. Bạch Thế Tôn, từ hôm nay, con không tạo tác nghiệp ác như vậy nữa.

Đức Phật bảo:

– Ông đã hiểu biết chân chánh, chắc chắn được sanh vào cõi thiện trong đời vị lai.

Người nghệ sĩ trưởng và các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

123. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Trong thành có một đầu tướng giỏi làm thôn trưởng. Ông ta đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, trước đây con đã từng nghe các hàng Trưởng lão kỳ cựu nói: “Khi ai muốn chiến đấu phải trang bị binh khí cầm tay, tự phòng hộ vững chắc, dũng mãnh tiến tới, không có khiếm nhược, có thể phá quân địch ở trước, tiêu diệt các sanh mạng, khiến cho quân đội kia bị thua, tan rã. Ai làm được việc này thì được sanh cõi trời Tiển trang nghiêm”.

Người đấu tướng hỏi như vậy, Đức Phật đáp:

–Hãy ngừng lại, đừng hỏi nữa! Nay ý nghĩa của điều ông hỏi thật bất thiện.

Người đấu tướng hỏi ba lần như vậy. Đức Phật bảo:

–Ông đã ba lần ân cần hỏi Ta. Nếu ông có thể lãnh thọ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Những kẻ có việc đánh nhau, sẽ cố gắng tự trang bị về sự hiểu biết đối với chiến thuật giỏi, dẫn đầu mặt trận, dũng mãnh tiến tới. Như vậy, lẽ nào chiến tướng không tác ý tìm phương tiện để tàn sát cho được quân đội bên kia, với suy nghĩ: Làm sao bắt trời được chúng, làm sao tàn sát được chúng, làm sao cho chúng tan nát hết. Có khi nào họ không sanh ý niệm như vậy không? Nay Chiến tướng, như thế là ông đối với chúng sanh đã khởi lên ba nghiệp tà ác. Ba nghiệp tà ác là gì? Đó là thân, khẩu, ý ác. Ai sử dụng ba nghiệp ác, bất thiện ấy, sau khi qua đời, lại được sanh lên cõi trời, không thể có sự việc này. Nay Chiến tướng, nhận thức đang có của ông chính là tà kiến. Nghiệp tà kiến chắc chắn sanh vào hai chỗ, địa ngục hay súc sanh.

Sau khi người đấu tướng nghe lời Phật dạy, khóc lóc rơi lệ.

Đức Phật hỏi:

–Do vậy ông đã hỏi ba lần, Ta vẫn không nói. Nay đã nói cho ông, tại sao lại khóc?

Đấu tướng bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, không phải con nghe Ngài nói vậy mà khóc lóc, chỉ thương cảm các đấu tướng lâu nay ngu si, khờ dại vô trí, hành động bất thiện nên thường làm việc này, trong đời vị lai sẽ bị khổ lớn. Nghiệp ác như vậy thật sự không có sanh lên cõi trời, thật không có sự việc người nào làm nghiệp này mà được sanh lên cõi trời Tiển trang nghiêm. Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con không làm theo các tà kiến này nữa.

Đức Phật tán dương:

–Lành thay, lành thay! Lời ông vừa nói thật là ít có.

Người đấu tướng nghe lời Phật dạy, đánh lễ từ giã.

124. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Có người chủ khu xóm giỏi nghề huấn luyện ngựa đến gặp Đức Phật, lay sát chân Ngài, ngồi qua một bên.

Đức Phật bảo ông huấn luyện ngựa:

–Có bao nhiêu điều kiện làm cho ngựa thuần thực?

Vị ấy đáp:

–Thưa Đức Cù-đàm, có ba điều kiện làm cho ngựa được thuần thực là:

1. Một mặt cần phải mềm dẻo.
2. Một mặt cần phải cứng rắn.
3. Một mặt cần phải dung hòa.

Đức Phật bảo ông ta:

–Nếu thực hiện cả ba điều kiện trên, vẫn không điều phục được nó, thì phải làm thế nào?

Người huấn luyện ngựa đáp:

–Đánh cho chết.

Ông ta hỏi tiếp:

–Thưa Đức Cù-đàm, Ngài là Bạc Điều Ngự Vô Thượng, bằng bao nhiêu cách Ngài điều phục kẻ trượng phu.

Đức Phật đáp:

–Ta cũng điều phục bằng ba cách:

1. Có khi cần phải nói lời ôn hòa.
2. Có khi nói lời cứng rắn.
3. Có khi nói lời dung hợp.

Thế nào là có khi cần phải ôn hòa? Như Ta dạy các Tỳ-kheo: “Nếu các ông tu ba nghiệp thiện sẽ được quả báo tốt đẹp của trời hay người”. Đây là một mặt dùng lời ôn hòa để điều phục.

Thế nào là điều phục bằng lối cứng rắn? Như thuyết giảng về ba đường ác. Đây là do nghiệp nơi thân, khẩu, ý tạo quả xấu.

Thế nào là điều phục bằng cách dung hợp giữa cứng rắn và ôn hòa? Là giảng dạy về thân, khẩu, ý, làm các việc thiện được sanh vào cõi trời, cõi người. Đây là quả báo thu đạt được do thân, khẩu, ý thiện.

Thuyết giảng về các nghiệp xấu do thân, miệng, ý sẽ bị đọa vào ba đường ác, đây là quả báo của thân, khẩu, ý. Đó gọi là dùng cách dung hợp giữa ôn hòa và cứng rắn để điều phục chúng sanh.

Người huấn luyện ngựa bạch Phật:

–Nếu dùng ba cách này mà không điều phục được, thì phải điều phục bằng cách nào?

Đức Phật bảo:

–Nói lời tha thiết mà họ không thuận thực, thì gây hủy hại nặng cho họ.

Vị ấy nói:

–Đức Cù-đàm thường thuyết giảng không sát hại. Tại sao lại nói hủy hại?

Đức Phật bảo ông ta:

–Đúng vậy! Đức Như Lai giảng nói điều không sát hại. Đây là hành động không được làm. Đức Như Lai Thế Tôn dùng ba cách này để điều phục chúng sanh: Nếu người nào không chịu điều phục thì sẽ không nói chuyện, không răn dạy, không hướng dẫn cho họ nữa.

Đức Phật hỏi người huấn luyện ngựa:

–Ý ông thế nào? Nếu Đức Như Lai không dạy dỗ, không nói chuyện, không hướng dẫn, với cách thức như vậy gọi là hủy hại, là thực sự hủy hại phải không?

Người dạy ngựa đáp:

–Bạch Đức Cù-đàm, đúng như vậy! Nếu Đức Như Lai không nói chuyện với họ, không dạy bảo, không hướng dẫn là đã thành hủy hại rồi. Thật sự rất tai hại cho đời sống của họ.

Ông ta lại thưa:

–Bạch Đức Cù-đàm, từ nay về sau, con sẽ đoạn trừ sự hủy hại bằng cách không làm việc ác.

Đức Phật tán dương:

–Này người dạy ngựa, lời ông nói rất đúng, đó là việc rất chân chánh.

Người dạy ngựa nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ từ giả.

125. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Có người thôn trưởng tên Ác Tánh đến gặp Đức Phật, lay sát dưới chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong thế gian có người không tu tập, gây phiền não cho người khác, nói lời phiền não với người khác. Vì vậy, mọi người đều gọi họ là cực ác.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Có một người nào đó xúc phạm người khác, nói lời xúc phạm. Người khác bị lời nói kia xúc phạm nên nổi sân hận, vì vậy nên tên là Ác Tánh, do không tu hành chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, chánh niệm, chánh phương tiện, chánh chí, chánh định. Vì không tu chánh định nên xúc phạm người khác và khi bị xúc phạm thì sanh ra phần nộ, dữ dội, vì phần nộ nên nói lời giận dữ, phát ra lời phần nộ nên gọi là Ác Tánh.

Thôn trưởng thưa:

–Hy hữu thay Đức Cù-đàm! Đúng như lời Ngài nói. Xúc phạm người khác đúng tên là Ác Tánh. Con vì không tu hành chánh kiến nên xúc phạm người khác, vì bị xúc phạm nên họ gọi con là Ác Tánh. Tất cả mọi người gọi con là Ác Tánh. Từ đó đến nay con có tên là Ác Tánh.

Thôn trưởng lại thưa:

–Bạch Đức Cù-đàm, làm thế nào không bị xúc phạm, không gây xúc phạm và không phát ra lời nói xúc phạm?

Đức Phật dạy:

–Tuy bị người xúc phạm nhưng không xúc phạm lại người. Bị người khác nói lời xúc phạm nhưng không nói lời xúc phạm trở lại. Tuy bị xúc phạm nhưng tâm không bị khổ não. Vì tự thân không xúc phạm nên được người đời gọi là khéo nhẫn nhục và đối với người khác có ý tưởng nhẫn nhục. Ai muốn được vậy phải thường tu tập chánh kiến. Do có chánh kiến nên có chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, chánh chí, chánh phương tiện, chánh định, chánh niệm. Do có tu tập chánh định nên khi bị người khác xúc phạm không sanh tâm phiền

não, không sanh phiền não thì gọi là khéo nhẫn nhục.

Thôn trưởng thưa:

–Hy hữu thay Đức Cù-đàm! Lời nói của Ngài thật toàn thiện. Đúng như lời Ngài dạy, con vì không tu tập chánh kiến nên bị người khác xúc phạm. Khi bị xúc phạm con nói ra lời xúc phạm lại. Do đó người đời gọi con là Ác Tánh. Do con phát sanh ý tưởng ác nên gọi là Ác Tánh. Con vì không tu tập Bát chánh đạo nên khi bị xúc phạm liền nói ra lời xúc phạm lại, đưa đến phẫn nộ. Do có ý tưởng ác này nên người đời gọi con là Ác Tánh. Thưa Đức Cù-đàm, từ nay về sau, con xin từ bỏ những tánh xấu ác, dữ tợn, ngã mạn, hung hiểm như vậy.

Đức Phật tán thán:

–Ông làm như vậy thật hết sức tốt đẹp.

Thôn trưởng nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ từ già.

M

126.

Bấy giờ có thôn trưởng, tên Như Ý Châu Đảnh Phát, đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trước đây trên điện nhà vua, con cùng các phụ tướng quyến thuộc, quần thần, ngồi chung một nơi cùng nhau đàm luận về việc Sa-môn có được cầm tài vật quý báu hay không? Trong chúng có người nói: “Giá như có cầm, nào bị lỗi gì? Vậy được phép cầm!” Người khác nói: “Không được cầm! Sa-môn Thích tử không được cầm vàng, vật quý”.

Bạch Thế Tôn, hai thuyết này, thuyết nào đúng pháp, thuyết nào không đúng pháp? Những lời bày tỏ ấy, lời nào là hủy báng Phật và lời nào có lỗi? Thuyết nào đúng lời Phật dạy, thuyết nào không đúng lời Phật dạy?

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Ai bày tỏ lời nói không đúng như thế này là lời nói có lỗi, là vu báng Ta, lời nói của Ta thật không phải như vậy. Tại sao? Theo đúng pháp thì Tỳ-kheo, Sa-môn Thích tử không được cầm giữ vàng tiền, vật quý... Ai cầm tiền, vàng, vật quý..., người ấy không phải làm theo

pháp Sa-môn Thích tử. Giáo pháp của Phật làm cho con người trở thành toàn thiện đặc biệt, thế nên Đức Phật đã thuyết giảng: “Là Tỳ-kheo không được cầm giữ tiền, vàng, vật quý... Người nào cầm giữ chúng là chẳng phải đúng pháp Sa-môn”.

Thôn trưởng nói:

–Bấy giờ, giữa mọi người, con sẽ bày tỏ: Sa-môn Thích tử không được cầm giữ tiền vàng vật quý... Nếu ai cầm tiền thì mặc sức, tùy ý phóng túng nơi năm dục.

Người thôn trưởng nghe lời Đức Phật dạy, đánh lễ từ giã.

Khi ấy Tỳ-kheo A-nan đang đứng hầu, cầm quạt quạt Đức Phật. Đức Phật bảo A-nan:

–Ông hãy gọi các Tỳ-kheo đang trú tại thành Vương xá này, tập trung tất cả ở giảng đường.

A-nan vâng lời Phật dạy, triệu tập tất cả Tỳ-kheo đến họp ở giảng đường. Khi các Tỳ-kheo đã tập họp, A-nan đến gặp Phật đánh lễ dưới chân, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, các Tỳ-kheo Tăng đang trú ở thành Vương xá đều đã đến tập họp hết ở giảng đường. Kính thưa Thế Tôn, nên biết đúng lúc.

Thế Tôn đến giảng đường, trải tòa ngồi trước chúng Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

–Có vị thôn trưởng là Như Ý Châu Đánh Phát đến gặp Ta. Sau khi đánh lễ, vị ấy thưa với Ta: “Trước đây trên điện vua, con và các phụ tướng cùng nhau bàn luận: Pháp của Sa-môn Thích tử là được cầm giữ vàng, tiền, vật quý hay không? Bấy giờ trong chúng có người nói: “Giả sử Sa-môn Thích tử cầm giữ tiền vật quý, vàng bạc... nào có lỗi lầm gì! Ai chỉ cầm giữ chúng, không có khổ”. Có người khác nói: “Pháp của Sa-môn đúng ra không được giữ vàng, tiền, vật báu...”. Hai người ấy nói lời không giống nhau. Như vậy lời nói của hai người lời nào đúng pháp?”

Ta trả lời: “Sa-môn Thích tử không được cầm giữ tiền, vàng, vật báu...”.

Người thôn trưởng bày tỏ: “Bấy giờ khi ở giữa hội chúng ấy, con sẽ bày tỏ: Nếu Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc, tiền, vật quý... thì sẽ phóng túng đưa đến thọ hưởng năm dục.

Người thôn trưởng nghe lời Ta dạy, hoan hỷ từ già.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông phải biết, người thôn trưởng Như Ý Châu Đánh Pháp, ngay trước mọi người, đã gầm lên tiếng gầm của sư tử. Pháp của Sa-môn Cù-đàm là không được nhận giữ vàng, bạc, tiền vật quý. Nay các Tỳ-kheo, từ nay về sau, ai có nhu cầu cần thiết muốn cầm vàng bạc... phải quán tưởng chúng như cỏ, cây và như phải cầm phấn, thà cầm phấn uest chứ không nên cầm vật quý.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ rồi lui ra.

M

127. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Kiệt thành kỳ, thuộc nước Chiêm-ba. Có thôn trưởng tên Vương Đánh Pháp đến gặp Đức Phật, lay sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Phật bảo ông ta:

–Trong thế gian có nhiều chúng sanh sống dựa vào hai pháp: Một là tham đắm dục lạc, hai là luyện tập khổ hạnh vô ích, tự thân thực hành pháp phi thánh đạo. Do đó họ chịu sự tổn hại, không chút lợi ích gì. Tham đắm theo dục lạc gọi là pháp trói buộc, chìm sâu trong hạ tiện. Người thọ hưởng dục lạc có ba hạng.

–Thế nào là ba hạng?

1. Hạng tích tụ tài sản phi pháp nên tàn hại chúng sanh, vì thương yêu tự thân, chỉ vì tự thân nên làm những công việc đưa đến sung sướng cho mình. Họ không nuôi dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, người giúp việc, không giúp đỡ thân hữu tri thức, quyến thuộc, người hỗ trợ, không cúng dường Sa-môn Bà-la-môn, những chỗ phước điền. Người như vậy không tu đạo cao thượng, không tạo nhân an lạc nên không được kết quả an lạc. Đây là hạng thứ nhất thọ hưởng dục lạc.

2. Có hạng người thọ hưởng dục lạc, có khi đúng pháp, có khi phi pháp, có khi hành động tàn hại, có khi không tàn hại để đem mọi an lạc cho bản thân và đối với cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc, người hỗ trợ của mình, họ đều cúng dường cung cấp đủ sự an vui. Nhưng họ không bố thí cho Sa-môn Bà-la-môn và các chỗ phước điền. Họ cũng không tu tập chánh đạo, không tạo nhân an lạc, không

cầu quả báo an lạc, không tạo nhân duyên để sanh thiên. Đây gọi là hạng thứ hai thọ hưởng dục lạc.

3. Có hạng người tích trữ tài sản, vật báu, để dành đúng pháp, không làm việc tàn hại, sống đúng pháp nên không hành động tàn hại, tự thân có tu tập, thọ hưởng an lạc đầy đủ. Họ cúng dường đúng pháp cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc, người phụ trợ, đều được bố thí, cúng dường đầy đủ. Họ luôn luôn cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn tạo lập ruộng phước, tu tập theo con đường hưởng thượng, trồng nhân an lạc, cầu quả báo an lạc, tạo nhân duyên sanh thiên. Đây là hạng thứ ba thọ hưởng dục lạc.

Với những người thọ hưởng dục lạc như vậy, Ta nói rõ: Có trường hợp thọ hưởng dục lạc gọi là hạ tiện. Có trường hợp thọ hưởng dục lạc gọi là trung bình. Có trường hợp thọ hưởng dục lạc gọi là cao thượng.

Trường hợp nào là hạ tiện? Có người bằng cách phi pháp hay đúng như pháp tích trữ tài sản để tạo sự sung sướng cho mình, chỉ gây nhân an lạc cho riêng tự thân. Họ không cúng dường cha mẹ, không giúp đỡ vợ con, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc, cũng không tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc phước điền, không tu tập theo đường hưởng thượng, không gây nhân an lạc, không được quả báo an lạc, không gây nhân duyên sanh thiên. Đây gọi là trường hợp hạ tiện.

Trường hợp nào là trung bình? Có người thọ hưởng dục lạc, có khi như pháp, có khi phi pháp, có khi hành động tàn hại, để đem lại sự an lạc cho mình, hoặc đem sự an lạc đến cho cha mẹ, vợ con, tôi tớ, thân thuộc... nhưng không tạo nhân duyên sanh thiên. Đây gọi là trung bình.

Trường hợp nào là cao thượng? Đó là tích tụ tài sản đúng như pháp, không gây tàn hại cho chúng sanh, tự thân thọ hưởng đầy đủ an lạc, đúng pháp, cúng dường cha mẹ cung cấp cho vợ con, tôi tớ, thân hữu... cho đến làm những nhân duyên để sanh thiên. Đây là trường hợp cao thượng.

Thế nào là ba hạng người hành động vô ích làm khổ thân?

Đó là khổ hạnh không đúng pháp của bậc Thánh, không có nội dung lợi ích. Ai có thân khổ thì tâm đã bị biến động. Như người mới phạm giới lần đầu, cả trong ngoài thân tâm bức rức, luôn luôn hối

hận về việc này. Trong đời hiện tại họ luôn luôn bị phiền não, không thể nào chứng đắc pháp vượt hơn người. Đây là pháp khổ hạnh vô ích thứ nhất.

Có người tuy không phạm giới, tâm không bị biến động, hành động thân tâm điều hòa nhau, trong ngoài đều an ổn. Họ tu tập khổ hạnh, nhưng trong đời hiện tại cũng không thoát ly phiền não, không thể nào đắc được pháp vượt hơn người. Đây gọi là pháp khổ hạnh vô ích thứ hai.

Có người tuy không phạm giới, tâm không biến động, hai nghiệp thân tâm điều hòa nhau, trong ngoài an ổn. Họ tu tập khổ hạnh, trong đời hiện tại, tuy không thoát ly phiền não nhưng có tăng tiến chút ít về pháp vượt hơn người, hoặc chứng đắc ít phần trí tuệ để được thấy pháp, chứng chút ít thiền định. Đây là pháp khổ hạnh vô ích cho thân thứ ba.

Này thôn trưởng, Ta không nói rõ các loại khổ hạnh vô ích đều giống như nhau. Có loại khổ hạnh là hạ phẩm. Có loại khổ hạnh là trung phẩm. Có loại khổ hạnh là thượng phẩm.

Thế nào là khổ hạnh hạ phẩm? Người khi mới phạm giới, tâm đã bị biến động, cả trong ngoài thân tâm đều bứt rứt, luôn luôn hối hận về việc ấy. Họ tu khổ hạnh, ngay trong đời này không thoát ly phiền não, không chứng đắc pháp vượt hơn người. Đây là hạ phẩm.

Thế nào là trung phẩm? Có người tuy không phạm giới, tâm không thay đổi, hai nghiệp thân tâm điều hòa, trong ngoài đều an ổn. Họ tu khổ hạnh, ngay trong đời này không thoát ly phiền não, không chứng đắc pháp vượt hơn người. Đây là trung phẩm

Thế nào là thượng phẩm? Có người tuy không phạm giới, tâm không bị biến động, hai nghiệp thân tâm điều hòa, trong ngoài an ổn. Họ tu tập khổ hạnh, trong đời hiện tại này tuy không đoạn trừ phiền não, nhưng có tiến bộ một phần nhỏ về pháp vượt hơn người, chứng đắc phần nhỏ trí tuệ, hoặc được thấy pháp, tự thân thọ hưởng thiền lạc. Đây là thượng phẩm.

Này thôn trưởng, hãy từ bỏ hai cực đoan này, hướng đến với đạo pháp. Đó là từ bỏ ba loại dục lạc, ba loại khổ hạnh vô ích ở trên, hướng đến trung đạo

Thế nào là từ bỏ ba loại dục lạc và ba loại khổ hạnh vô ích

hướng đến trung đạo?

Này thôn trưởng, người tham đắm dục lạc, làm hại tự thân, làm hại người khác, làm hại cả hai. Hiện tại duyên tập nghiệp ác, đời vị lai cũng duyên tập nghiệp ác. Do nhân duyên này, tâm ý phiền não ưu bi, chịu các loại khổ đau. Ai dứt sạch mọi trói buộc của dục, không còn tự làm khổ, không làm khổ người, không làm khổ cả hai. Trong đời hiện tại không nhận lấy đau khổ, trong đời vị lai cũng không bị các loại khổ. Với ý nghĩa này: Được pháp lạc hiện tại, thoát ly các khổ não, đến gần Niết-bàn, không bị lệ thuộc vào hoàn cảnh, ngay trong đời này có thể chứng đạo quả, người trí tự mình hiểu biết, sáng suốt không trở ngại, tự đến để thấy. Đây là Trung đạo thứ nhất.

Này thôn trưởng, lại có trung đạo khác, viễn ly phiền não, không bị lệ thuộc vào hoàn cảnh, được gần Niết-bàn, người trí tự biết, tự mình đến để thấy, đó là: Chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh định, chánh phương tiện, chánh chí, chánh niệm. Đây là Trung đạo thứ hai.

Đức Phật thuyết giảng pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh Phát liền xa lìa mọi bụi bặm cấu uế, đắc pháp nhãn thanh tịnh.

Thôn trưởng Vương Đảnh Phát hiểu biết pháp, thấy pháp, đắc pháp, không còn nghi ngờ, lìa bỏ nghi hoặc, liền rời chỗ ngồi, sửa y phục, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, hôm nay con đã không còn bị mê lầm nữa. Con xin quy y Phật bảo và hai bảo Pháp, Tăng; xin thọ trì giới Ưu-bà-tắc. Từ nay đến trọn đời, con xin quy y Tam bảo.

Thôn trưởng Vương Đảnh Phát nghe lời Phật dạy, hoan hỷ vô cùng, đành lễ từ già.

M

128.

Một thời, Đức Thế Tôn du hành từ thôn Mạt lao đi dần đến rừng Anh vũ diêm vô quả thuộc thôn Ưu-lâu-tần-loa.

Thôn trưởng tên Lư Tánh, từ xa đã nghe đồn Đức Thế Tôn du hành từ thôn Mạt lao đến rừng Anh vũ diêm vô quả thuộc khu xóm Ưu-lâu-tần-loa, nên suy nghĩ: “Ta nghe đồn giáo pháp do Thế Tôn Cù-đàm nói ra có thể diệt trừ tất cả khổ, tập trong hiện tại. Ta đang

muốn diệt trừ được những thứ ấy, vậy nên đến gặp Ngài để được nghe diệu pháp đó. Có thể Ngài sẽ giảng dạy cho ta về con đường diệt tận khổ, tập”. Sau khi suy nghĩ, Lư Tánh rời khỏi thôn đến gặp Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con nghe rằng giáo pháp do Như Lai thuyết giảng có thể diệt trừ khổ, tập của chúng sanh trong hiện tại. Lành thay! Thế Tôn, xin Ngài từ bi thương cảm, chỉ dạy cho con về phương pháp có thể diệt trừ khổ, tập trong hiện tại.

Đức Thế Tôn bảo ông ta:

–Nếu Ta giảng cho ông về khổ, tập và pháp diệt khổ đã từng có ở vô số đời trong quá khứ thì ông có khi tin hoặc không tin; có khi ưa thích hay không ưa thích.

Nếu ta giảng cho ông về khổ, tập và pháp diệt khổ sẽ có ở vô số đời trong vị lai thì ông có khi tin, hoặc không tin; có khi ưa thích hoặc không ưa thích.

Đức Phật lại dạy:

–Ngay lúc này và tại đây, Ta sẽ giảng cho ông về khổ, tập và pháp diệt khổ. Ông hãy lắng nghe và chí tâm thọ trì. Chúng sanh đều có những đau khổ dù nhỏ nhặt. Khổ này có nhiều loại khác nhau, đều được sanh ra từ dục, tập khởi từ dục, lấy dục làm căn bản, có nhân duyên từ dục.

Người thôn trưởng bạch Thế Tôn:

–Lành thay! Thế Tôn, con căn tánh ám độn, không hiểu lời nói tóm lược, cầu mong Ngài từ bi giảng rộng ý nghĩa này cho con được khai ngộ.

Đức Phật dạy:

–Ta hỏi ông, tùy ý đáp. Trong thôn Ưu-lâu-tần-loa này với số dân chúng ở đấy, giả sử có người bắt trói, hủy nhục, giết chết họ, ông đối với việc này, có sanh khổ não không?

Thôn trưởng đáp:

–Tuy có buồn thảm nhưng không phải con quá đau khổ đối với tất cả mọi người. Bạch Thế Tôn, trong thôn Ưu-lâu-tần-loa này, người nào được con yêu mến, mới làm cho con đau khổ, sâu não, tâm không vui vẻ. Người nào mà con không yêu mến, không tham ái, không nhớ đến, với tất cả những người không thân thiết ấy, con không có ưu, bi,

khổ não.

Đức Phật bảo ông ta:

–Này thôn trưởng, thế nên phải biết tất cả các loại khổ phát sanh đều do dục, đều nhân nơi dục; dục là căn bản.

Đức Phật lại bảo:

–Này ông chủ thôn, ông nghĩ thế nào với đứa con chưa sanh của ông, chưa có trong bụng mẹ, chưa thấy, nghe về nó bao giờ, ông đối với nó có tâm ý yêu mến thân thiết không?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, không có.

Đức Phật lại bảo:

–Đứa con ông do vợ ông đã sanh ra, khi thấy nó, ông có tâm ý ưa muốn thân thiết yêu mến không?

Đáp:

–Vâng! Có như vậy.

Đức Phật nói:

–Con của ông do vợ sanh, vừa mới lớn lên, giả như nó làm việc bại hoại, làm giặc cướp chống lại vua. Nó làm như vậy, ông có khổ não, ưu, bi không?

Thôn trưởng thưa:

–Nếu gặp phải trường hợp này, ngay lúc ấy tâm con đau khổ như chết hay gần chết, nói gì đến ưu, bi, khổ não.

Đức Phật lại bảo:

–Vậy nên biết rằng: Tất cả khổ não đều phát sanh từ dục, lấy dục làm nhân; dục là căn bản.

Thôn trưởng nói:

–Hy hữu thay Đức Thế Tôn! Lời Ngài dạy rất đầy đủ, với ví dụ rất tinh tế.

Ông ta lại bạch Phật:

–Giả như con của con đang ở nơi xa, con sai người đến thăm viếng. Nếu người ấy trở về chậm, con cùng mẹ nó tâm ý không yên, lo ngại vì người ấy về muộn, bởi con muốn biết con của con có bình an không.

Đức Phật nói:

–Này thôn trưởng, như vậy, nên biết chúng sanh bị khổ não với

nhiều loại ưu, bi đều bắt nguồn từ dục, sanh ra từ dục, có căn bản từ dục. Giả như bốn ái bị hư hoại, thay đổi thì sanh ra bốn loại ưu, bi, khổ não. Ai có ba loại ái cũng còn sanh ưu, bi, khổ não... Ai có một loại ái cũng sanh ưu, bi, khổ não. Người nào không có ái thì không có ưu, bi, khổ não, xa lìa trần cấu, như hoa sen trong ao không bị dính nước.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp này, thôn trưởng Lư Tánh xa lìa bụi bặm cấu nhiễm, đắc pháp nhãn thanh tịnh, thấy pháp, đắc pháp, hiểu pháp, tri pháp, vượt qua nghi hoặc, tự tâm tác chứng, không đi sai đường, chứng đắc sức hiểu biết trong giáo pháp của Đức Phật.

Ông ta rời chỗ ngồi, sửa lại phục, chấp tay bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đã giải thoát, từ nay về sau xin quy y Tam bảo làm vị Ưu-bà-tắc, trọn đời con nguyện chánh tín thanh tịnh.

Thôn trưởng nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, từ giả. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

129.

Một thời Đức Thế Tôn cùng đoàn người gồm đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, một ngàn vị Ưu-bà-tắc, năm trăm hành khát, du hành ở nước Ma-kiệt-đề, từ thôn xóm này đến thôn xóm khác, từ thành này đến thành khác, đi đến khu lâm viên Mại điệp thuộc thành Na-la-kiền-đà và tạm nghỉ ở đó.

Có người thôn trưởng họ Bế Khẩu, là đệ tử của Ni-kiền Tử, nghe Đức Phật từ nước Ma-kiệt-đề du hành đến đây và đang ở trong khu lâm viên này, nên tự nghĩ: “Ta nên đến thưa với thầy Ni-càn-đà trước, sau đó mới đến gặp Cù-đàm”. Bế Khẩu liền đi đến gặp Ni-càn-đà, đánh lễ sát dưới chân, ngồi qua một bên.

Ni-càn-đà bảo Bế Khẩu:

–Ông có thể dùng song phương luận để vấn nạn Cù-đàm không? Như cho cá cắn lưỡi câu hai ngạnh, nuốt vào không được, nhả ra không xong. Song phương luận này cũng vậy, có thể làm cho đối phương không thể nhả ra hay nuốt vào.

Thôn trưởng đáp:

– Xin thầy dạy cho con, con sẽ đến hỏi. Thế nào là song phương luận, có thể làm cho Cù-đàm nhả không ra, nuốt không vào.

Ni-càn-đà nói:

– Ông đến gặp Cù-đàm, nói theo lời ta: Này Cù-đàm, có phải Ngài muốn tạo lợi ích cho các gia đình phải không? Nếu ông ta nói không muốn tạo lợi ích, thì nói ông ta có khác gì kẻ phàm ngu. Nếu ông ấy nói, muốn tạo lợi ích cho các gia đình, thì hỏi rằng: Vậy tại sao hiện nay Ngài đưa một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn Ưu-bà-tắc, năm trăm hành khát đi từ thôn xóm này đến xóm thôn khác, từ thành này đến thành khác, phá hại nhiều nhà, những nơi đã đi qua bị Ngài chà đạp phá hoại làm thương tổn như mưa đá phá lúa. Đây gọi là phá hoại, chẳng phải là làm lợi ích.

Bế Khẩu học lời dạy xong, đến rừng Mai điệp, vào gặp Đức Phật, thăm hỏi qua loa rồi ngồi qua một bên, thưa với Đức Phật:

– Này Cù-đàm, Ngài muốn làm việc tăng trưởng lợi ích cho các gia đình phải không? Ngài thường tán thán về sự tăng trưởng lợi ích phải không?

Đức Phật đáp:

– Đối với cuộc sống này, Ta luôn luôn muốn thực hiện pháp tăng trưởng lợi ích.

Thôn trưởng lên tiếng:

– Nếu Ngài mong muốn sự lợi ích, vì sao hiện nay trong dân gian bị đói kém, lại cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn Ưu-bà-tắc, năm trăm hành khát, cùng nhau đi từ thôn này đến xóm khác, từ thành phố này đến thành phố khác, làm tổn hại nhiều gia đình. Đây không phải là pháp tăng trưởng lợi ích, đó là tổn giảm, như mưa đá phá lúa. Ngài phá hoại dân chúng cũng như vậy.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

– Ta nhớ trong chín mươi một kiếp đã qua, không hề có một gia đình nào tự ý đem thực phẩm đã chín bố thí mà đến nỗi bị tổn giảm. Ông hãy xem, tất cả các gia đình có nhiều tài sản, của báu quyền thuộc, tôi tớ, voi ngựa bò dê... cơ nghiệp giàu có ấy, có trường hợp nào không do bố thí mà được như vậy. Chính Ta do bố thí vô hạn nên được quả báo này. Có tám nhân duyên làm tổn hại các gia đình:

1. Bị vua xâm chiếm.

2. Bị giặc cướp đoạt.
3. Bị lửa đốt cháy.
4. Bị nước lụt cuốn trôi.
5. Mất dấu chỗ chôn của cải.
6. Sinh con ác không biết làm ăn.
7. Bị người có uy thế làm tổn hại tài sản.
8. Con xấu sử dụng tài sản không hợp lý.

Người thế gian đều nói tám việc này thường phá hoại gia đình. Nay Ta nói thêm về việc phá hoại thứ chín. Điều phá hoại thứ chín là vô thường.

Ngoài chín thứ này ra, ai cho rằng Sa-môn Cù-đàm hay phá hoại các gia đình, sự việc này không đúng. Ai loại trừ chín nhân duyên này, nói Sa-môn Cù-đàm hay phá hoại các gia đình, làm cho không phát triển, việc này cũng không đúng. Những người nào không từ bỏ lời nói này, không từ bỏ ý muốn này, như phí sức đập vào quả banh bằng da, rồi cũng bị đọa địa ngục.

Thôn trưởng Bế Khẩu khi nghe lời dạy này, rất sợ hãi, ưu sầu, lông tóc dựng ngược, đứng dậy lạy sát chân Phật, hướng về Phật thưa:

–Con xin thành tâm sám hối với Đức Phật, con quá ngu si, cũng như trẻ con, hành động bất thiện, ngay trước Đức Phật, nói ra lời dối trá hạ tiện, hư vọng không thật. Cầu xin Ngài thương xót cho phép con sám hối.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Ta biết rõ ông thành tâm, biết rõ tội mình, biết rõ sự ngu si như trẻ con, hành động bất thiện, nên đối với Đức Như Lai A-la-hán đã tạo hành động đại hư vọng hạ tiện. Hiện nay, ông đã tự biết tội, thành tâm sám hối, tăng trưởng pháp thiện, diệt trừ pháp ác. Ta thương xót ông, nhận sự sám hối này làm cho ông tăng trưởng pháp thiện, thường không thoái chuyển, hư hoại.

Khi ấy vị thôn trưởng họ Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ từ giã.

M

130. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Mạ điệp, thuộc thành Na-la-kiền-

đà.

Có người thôn trưởng họ Bế Khẩu suy nghĩ: “Ta muốn gặp Sa-môn Cù-đàm nhưng không gặp thầy Ni-càn-đà của ta trước thì không được”. Ông ta đến gặp Ni-càn-đà, lay sát dưới chân, ngồi qua một bên.

Ni-càn-đà bảo ông ta:

–Ta dạy ông cách vắn nạn bằng song phương luận, làm cho Sa-môn Cù-đàm không thể nhả ra mà cũng không thể nuốt vào.

Bế Khẩu hỏi:

–Thưa A-xà-lê, dùng luận song phương gì mà có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm nhả không được, nuốt không trôi.

Ni-càn-đà nói:

–Ông hãy đến gặp Sa-môn Cù-đàm, nói rằng: Ngài không muốn tạo lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh hay là Ngài tán dương pháp đem lại lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sanh? Nếu ông ấy nói không muốn tạo lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh thì khác gì phàm phu ngu si ở thế gian. Nếu ông ấy nói muốn đem lại lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sanh, thì tại sao không bình đẳng thuyết pháp cho mọi người. Có trường hợp không được nghe thuyết pháp như nhau.

Người thôn trưởng ghi nhận lời dạy, đến gặp Đức Phật thăm hỏi qua loa rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Có phải Ngài không muốn tạo lợi ích an lạc cho các chúng sanh phải không? Hay là Ngài tán dương pháp đem lại an lạc, lợi ích?

Đức Phật nói:

–Ta luôn luôn muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh và thường tán thán pháp này.

Bế Khẩu nói:

–Như vậy, tại sao Ngài không thuyết pháp cho tất cả chúng sanh một cách bình đẳng. Có người không được nghe pháp?

Đức Phật bảo:

–Nay Ta hỏi, ông tùy ý đáp lại. Ví như người đời có ba loại ruộng. Có loại ruộng thượng hảo hạng, màu mỡ phì nhiêu. Loại ruộng thứ hai tốt trung bình. Loại ruộng thứ ba ở đồng hoang xa xôi, lẫn cát, muối mặn. Như vậy, những người nông phu nên gieo giống ở loại ruộng nào trước.

Bế Khẩu đáp:

–Ai vì lợi ích đều gieo giống ở ruộng tốt trước để mong muốn thu đạt ích lợi lớn.

Đức Phật hỏi:

–Nếu ruộng tốt không còn thì gieo giống ở ruộng nào?

Bế Khẩu đáp:

–Sau đó là gieo giống ở ruộng trung bình. Sau khi gieo giống khắp ruộng trung bình thì mới gieo giống đến ruộng xấu nhất để mong thu hoạch chút ít về sau.

Đức Phật bảo:

–Ông nên biết ruộng thượng hạng cũng như các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, đầu giữa và cuối luôn toàn thiện, câu văn và ý nghĩa đều vi diệu, thành tựu lợi ích cho bản thân, lợi ích hoàn toàn, trong sáng đầy đủ, hiển lộ phạm hạnh. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy được nghe pháp của Ta rồi, y chỉ nơi Ta, quy y nơi Ta, nương tựa nơi Ta. Ta là thuyền trưởng đưa họ qua sông. Ta làm cho họ mở mắt thấy rõ, sống an lạc. Họ được nghe pháp rồi, bày tỏ: “Đức Phật vì chúng ta giảng dạy, chúng ta cần phải tận tâm tu hành, khiến cho chúng ta được lợi ích lâu dài, được an lạc thật sự”.

Ruộng trung bình như đệ tử Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, trước sau đều toàn thiện, câu văn và ý nghĩa đều vi diệu, thành tựu lợi ích cho bản thân, lợi ích hoàn toàn, đầy đủ trong sáng, hiển lộ phạm hạnh. Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe pháp của Ta rồi, y chỉ nơi Ta, quy y nơi Ta, nương tựa nơi Ta. Ta là thuyền trưởng đưa họ qua sông. Ta làm cho họ mở mắt thấy rõ, sống an lạc. Họ được nghe pháp, bày tỏ: “Đức Phật vì ta giảng pháp. Chúng ta cần phải chú tâm tu hành, để cho chúng sanh được lợi ích lâu dài, được thật sự an lạc”.

Ruộng bậc hạ có lẫn cát, muối mặn như ngoại đạo. Ta cũng thuyết pháp cho họ, đầu giữa và cuối toàn thiện... hiển lộ phạm hạnh. Những ngoại đạo ấy đều có thể nghe, ghi nhận, tùy theo sự ưa thích của họ, cho đến chỉ với một câu hiểu được nội dung để hưởng đến. Ta cũng vì họ, luôn luôn giúp đỡ tạo lợi ích, để họ thật sự an lạc.

Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, thưa:

–Hy hữu thay Đức Cù-đàm! Ngài nói ví dụ thật hoàn toàn chính xác.

Đức Phật bảo:

–Để làm sáng tỏ ý nghĩa này, Ta nói thêm ví dụ: Ví như người đời có ba cái bồn để đựng nước. Cái thứ nhất rắn chắc lành lặn, không bị nứt, không bị thấm chảy. Cái thứ hai cũng lành lặn không bị hư, không bị nứt, nhưng bị thấm chảy chút ít. Cái thứ ba vừa bị hư vừa bị thấm rỉ.

Có người muốn rót nước vào, nên dùng bồn nào trước?

Đáp:

–Đầu tiên rót vào bồn không bị hư, thấm chảy. Sau khi bồn này đầy mới rót qua bồn thứ hai. Bồn này tuy nguyên vẹn không bị hư nhưng có thấm rỉ chút ít.

Đức Phật hỏi:

–Bồn thứ hai đầy rồi thì rót vào đâu?

Đáp:

–Bồn thứ ba tuy bị hư, thấm chảy, nhưng có thể rót nước đến chỗ không bị chảy để dùng tạm thời.

Đức Phật nói:

–Bồn thứ nhất dụ cho các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta. Ta thuyết pháp cho họ... *cho đến*... làm cho họ thực sự an lạc.

Bồn thứ hai dụ cho các đệ tử Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của Ta. Ta thuyết pháp cho họ... *cho đến*... được thật sự an lạc.

Bồn thứ ba dụ cho các ngoại đạo. Ta thuyết pháp cho họ nghe và ghi nhớ nhiều ít... *cho đến*... khiến họ được lợi lạc thật sự.

Khi thôn trưởng Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, tâm rất kinh sợ, ưu sầu lo lắng, toàn thân nổi gai ốc, đứng lên lạy sát dưới chân Phật, thưa:

–Con xin thành tâm sám hối với Đức Thế Tôn. Con quá ngu si như đức bé khờ, hành động bất thiện, đối trước Đức Phật, nói lời hạ tiện đối trá không thật. Cầu mong Ngài từ bi cho con được sám hối.

Đức Phật bảo ông ta:

–Ông đã chí tâm biết rõ tội mình, biết rõ thật ngu si như đứa bé, hành động bất thiện. Ông trực tiếp nói với Đức Như Lai lời đối

trá hư vọng hạ tiện. Nay ông đã biết tội, thành tâm sám hối thì pháp thiện ngày càng tăng trưởng, điều ác bị tiêu diệt. Ta thương cảm ông, cho ông được sám hối, để tăng trưởng pháp thiện, không bị thoái chuyển.

Thôn trưởng Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đánh lễ từ giã.

M

131. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong rừng Mai điệp, thuộc thành Na-la-kiền-đà.

Bấy giờ vị thôn trưởng, người họ Kết Tập Luận, suy nghĩ: “Ta không cần đến gặp Ni-kiền, nên đến chỗ Đức Phật”. Nghĩ thế rồi, ông ta đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi thôn trưởng Kết Tập Luận:

–Ni-càn-đà-nhã-đề Tử giảng thuyết những pháp gì cho các đệ tử?

Thôn trưởng thưa:

–Bạch Thế Tôn, Ni-càn-đà thường giảng dạy: Ai gây nghiệp giết hại, do giết hại nhiều lần, chắc chắn bị đọa vào cõi ác, đọa địa ngục. Cũng như vậy, trộm cắp, tà dâm, nói dối... do làm nhiều lần phải đọa địa ngục.

Đức Thế Tôn bảo thôn trưởng:

–Theo như chủ thuyết của Ni-càn-đà thì không có chúng sanh nào bị đọa xứ ác, địa ngục cả. Tại sao? Như Ni-càn-đà giảng dạy ai gây nghiệp sát hại nhiều lần phải bị đọa xứ ác, địa ngục. Ai gây nghiệp trộm cắp, tà dâm, nói dối... cũng như vậy. Trong đời sống, tất cả chúng sanh dùng thời gian sát hại thì ít, thời gian không sát hại thì nhiều. Nếu cho rằng do nhiều thời gian sát sanh mới bị đọa địa ngục. Trong khi đó thời gian để sát sanh thì ít, thời gian không sát sanh thì nhiều. Thế nên không thể nào bị đọa vào xứ ác địa ngục. Đối với trộm cắp, tà dâm, nói dối... cũng như vậy, thời gian để gây nghiệp thì ít, thời gian không gây nghiệp thì nhiều, tất nhiên không thể nào bị đọa vào xứ ác, địa ngục.

Đức Phật lại bảo thôn trưởng:

–Như vậy, theo lời ông nói, không có người nào bị đọa địa ngục cả.

Thôn trưởng bạch Phật:

–Thưa Đức Cù-đàm, đúng như vậy.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Ở thế gian có những đạo sư với khả năng suy nghĩ khéo léo, với trí tuệ phân biệt, trên cơ sở suy nghĩ ấy, trong phạm vi phạm phu, dùng ngôn ngữ biện tài của mình, thuyết giảng cho các đệ tử về pháp như thế này: “Ai tạo nghiệp sát sanh nhiều lần phải bị đọa xứ ác, địa ngục. Bởi vì nhiều thời gian tạo nghiệp nên bị đọa địa ngục. Đối với trộm cắp, tà dâm, nói dối cũng vậy, do nhiều thời gian tạo nghiệp nên bị rơi vào xứ ác, địa ngục”.

Các đệ tử của họ nhất tâm tín kính lời dạy của vị thầy ấy, chí tâm thọ trì, và bày tỏ: “Vị đạo sư của ta hiểu biết như thế kia, nhận thức như thế kia”.

Đến lượt các đệ tử này dạy các đệ tử của mình cũng giảng nói: “Đạo sư của ta đã nói rằng khi người nào sát sanh, do nhiều lần sát sanh bị đọa xứ ác, địa ngục”. Các đệ tử hạng cháu, tự nghĩ: “Trước đây ta sát sanh, chắc chắn phải bị đọa địa ngục. Trộm cắp, tà dâm và nói dối chắc chắn bị đọa xứ ác và rơi vào địa ngục”. Từ nguyên nhân trên phát sanh nhận thức này. Nhận thức đó gọi là tà kiến. Ai không xả bỏ tà kiến ấy thì không giải trừ được nghi hoặc, không tu sửa việc ác đã làm. Do nghiệp ác này thường tạo thêm các nghiệp ác. Vì tâm không được sửa đổi đầy đủ nên không có được tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn. Vì không có tâm giải thoát, tuệ giải thoát hoàn toàn nên phỉ báng Hiền thánh. Do phỉ báng Hiền thánh nên gọi là tà kiến.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Nếu có ai sanh tà kiến ấy thì chắc chắn đọa xứ ác, địa ngục. Tất cả chúng sanh do có nguyên nhân này làm tâm cấu bần nhiễm ô. Do nguyên nhân ấy khiến cho chúng sanh có tất cả nghiệp trôi buộc.

Có Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, A-la-ha Tam-miêu-tam Phật-đà ra đời. Ngài dùng nhiều cách để chê trách việc sát

sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... Ngài tán dương người có thắng pháp, có tin hiểu, xác quyết đúng đắn.

Họ bạch với Phật:

–Thế Tôn của con với tri kiến chân chánh thuyết giảng các loại giáo pháp, làm cho con được hiểu biết đúng như thật. Đệ tử của Ngài cũng giảng pháp như vậy, bằng nhiều nhân duyên chê trách sát sanh, tán dương không sát sanh, dùng nhiều nhân duyên tán dương không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ. Trước đây ta đã từng sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... Ta vì sự việc này thường tự hối trách. Tự hối trách nên không gây thêm nghiệp ác. Do rất hối trách nghiệp ác này bằng cách sám hối, nên các nghi, hối đều được trừ diệt, tăng trưởng nghiệp thiện, không còn tiếp tục sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... Sám hối những điều đã làm trước đây và sau này không còn gây nghiệp ác nữa. Vì thực hiện như vậy nên đạt được đầy đủ tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Do tâm và tuệ đầy đủ nên không phỉ báng Hiền thánh. Do không phỉ báng Hiền thánh nên được chánh kiến.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Nhờ thường tu tập chánh kiến nên sau khi qua đời được đi vào xứ thiện, sanh lên cõi Trời. Tâm tất cả chúng sanh được thanh tịnh nhờ thường sám hối với chánh kiến. Sám hối làm cho thanh tịnh các nghiệp ác buộc với phiền não, tội lỗi cấu uế của chúng sanh.

Đệ tử của bậc Hiền thánh nghe được việc này liền quan sát tu tập: “Trong suốt ngày đêm, giờ phút giây đã trôi qua, thời gian giết hại nhiều hay thời gian không giết hại nhiều? Suy luận cho chính xác thì thời gian sát hại ít, thời gian không sát hại nhiều. Trong thời gian ta hành động sát hại, ta thật bất thiện, hành động phi lý. Từ nay về sau ta không sát sanh nữa. Ta đối với tất cả các loài không còn hiềm khích, hận thù, đố kỵ nữa. Do vậy nên sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm hoan hỷ nên ái lạc phát sanh, do ái lạc sanh nên được hỷ lạc, do hỷ lạc sung mãn nên thọ hưởng an lạc, do thọ hưởng an lạc nên tâm được an định”.

Đệ tử của bậc Hiền thánh vì tâm được định nên kết hợp với tâm Từ. Đã kết hợp với tâm Từ thì không oán hận, không đố kỵ, tâm quảng đại, tâm vượt xa vô lượng, vô biên. Do tu tâm Từ một cách

thiện xảo nên đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông không có oán hận. Phương Nam, Tây, Bắc bốn hướng và trên dưới cũng như vậy. Tâm Từ bao trùm khắp cả thế giới.

Đệ tử của bậc Hiền thánh hiểu biết như thế rồi phải tu hành theo tâm thiện này, trụ trong pháp thiện này.

Bấy giờ Thế Tôn lấy chút ít đất đặt trong móng tay, hỏi thôn trưởng:

–Đất trên mặt đất nhiều hay đất trong móng tay Ta nhiều?

Thôn trưởng đáp:

–Đất trong móng tay quá ít, không thể so sánh với đất trên mặt đất, đến gấp trăm lần, ngàn lần, ngàn ức lần cũng không thể tỉ dụ so sánh được.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Những tội do nghiệp đã tạo tác như đất trên móng tay, tâm Từ như đất trên đại địa, không thể lường được bằng tính toán, ví dụ.

Thôn trưởng thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nghiệp ác có thể so sánh tính toán được. Với nghiệp ác hạn hẹp như vậy không thể đưa người vào cõi ác đạo. Cũng không thể trụ, cũng không thể tính kể. Phạm người hành tâm Từ thì công đức đạt được như đất ở đại địa, tội sát sanh như đất trên móng tay. Công đức của tâm Bi như đất trên đại địa, tội trộm cắp như đất trên móng tay. Công đức của tâm Hỷ như đất trên đại địa, tội tà dâm như đất trên móng tay. Công đức của tâm Xả như đất trên đại địa, tội nói dối như đất trên móng tay.

Khi Đức Như Lai phân biệt giảng dạy pháp này, vị thôn trưởng nghe lời Phật dạy liền xa lìa bụi bặm cấu uế đạt được nhãn thanh tịnh, chứng pháp, thấy pháp, tri pháp, thông suốt các pháp, vượt qua các nghi hoặc, tự mình thấu triệt, không phải do tin người khác. Ông ta rời chỗ ngồi, sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đã được độ, con đã được độ. Con xin quy y Phật, quy y Pháp, Tăng, trọn đời tín tâm thanh tịnh làm vị Ưu-bà-tắc.

Thôn trưởng lại bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, ai vì lợi dưỡng nên mắng chửi thô ác, ngày càng tăng thêm ác, tài sản của mình đã mất thì làm sao được lợi ích.

Con cũng như vậy, vì lợi lộc nên thân cận Ni-kiền ngu si, bất thiện. Con vì ngu si khờ dại nên thân cận họ, cúng dường cung kính. Với họ, con không được lợi ích gì, bị họ che đậy, sắp bị đọa địa ngục. Thế Tôn đã cứu con thoát ly cõi ác. Lần nữa con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, trọn đời làm Ưu-bà-tắc. Nay con từ bỏ tất cả tâm tin tưởng, kính ngưỡng, tôn trọng trước đây đối với Ni-kiền ngu si. Lần thứ ba, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, trọn đời tín ngưỡng làm vị Ưu-bà-tắc.

Khi ấy thôn trưởng họ Tào Luận nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ rồi từ giã.

Kệ tóm lược:

*Động dao và đấu tranh
 Điều mã với ác tánh
 Đánh phát cùng Mâu-ni
 Vương phát và họ Lư
 Đói kém với ruộng giống
 Thuyết luận gì là mười.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN VIII

132. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ đến chỗ Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên. Ánh sáng của vị trời ấy chói lọi, chiếu sáng khắp cả Kỳ viên. Vị trời ấy sau khi an trụ, nói kệ:

*Sống ở A-lan-nhã
Tịch diệt, tu phạm hạnh
Ngày chỉ ăn một bữa
Dung mạo rất hoan hỷ.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không sầu nhớ quá khứ
Không lo cầu vị lai
Chánh trí hiện tại, ăn
Chỉ để nuôi thân thể
Sáu tình đều vui vẻ
Nên dung mạo nhu hòa.
Lo lắng việc chưa đến
Hối tiếc việc đã qua
Như cỏ non mới mọc
Bị cắt phơi giữa trưa
Phàm phu tự phơi khô
Việc này cũng như vậy.*

Vị trời lại nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn*

*Từ lâu bỏ ghét sợ
Vượt tham ái thế gian.*

Vị trời ấy nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

133. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm có vị trời hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, lay sát dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên, bạch Phật bằng kệ:

*Có những kẻ kiêu mạn
Không chế ngự các căn
Giả dạng tu thiền định
Sống phóng dật trong rừng
Do phóng dật như vậy
Không thể thoát bờ chết.*

Thế Tôn nói kệ:

*Lìa mạn, thường nhập định
Quán tưởng biết rõ pháp
Giải thoát hết trở ngại
Rừng vắng, không phóng dật
Do sống không phóng dật
Vượt qua khỏi bờ chết.*

Vị trời nói kệ khen:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Vứt bỏ sợ và ghét
Vượt qua ái ở đời.*

Vị trời này nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

134. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát dưới chân rồi ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm sao suốt ngày đêm
Phước nghiệp thường tăng trưởng
Trì giới đúng như pháp
Ai đến được cõi thiên?*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trồng cây, gây vườn rừng
Làm cầu đò qua sông
Đào giếng nơi đồng khô
Làm nhà trọ đường chính
Người này suốt ngày đêm
Phước nghiệp thường tăng trưởng.
Người trì giới chánh pháp
Đúng vậy, hưởng cõi trời.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Bỏ hẳn ganh tị, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

135. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm gì được sức mạnh,
Làm gì được sắc đẹp,
Cho gì được an lạc
Duyên gì được mắt tịnh?
Cho tất cả là gì?
Xin vì con giảng dạy.*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Cho ăn uống được sức
Cho áo được sắc đẹp
Cho xe được an lạc
Cho đèn được mắt sáng
Cho tất cả chỗ ở
Dạy đệ tử đúng pháp
Thường bố thí như vậy
Gọi là thí cam lộ.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Xả lìa hấn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

136. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả Kỳ viên, đến gặp Phật, lay sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Trời, người trong thế gian
Ăn uống sanh vui mừng
Trong thế gian không có
Ăn uống không vui thích.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ai tín tâm bố thí
 Khiến tâm rất thanh tịnh
 Đời này và đời sau
 Phước ăn uống theo luôn.*

Vị trời ấy nghe lời Phật dạy, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Ngài nói kệ này rất hay! Bạch Thế Tôn, con nhớ thời quá khứ có một vị vua ở cõi người, tên là Trì Hoãn, vị Quốc vương này thường bố thí thức ăn uống ở bốn cửa thành và chợ búa trong thành.

Phu nhân của vua tâu với vua:

–Nay nhà vua làm phước, xin cho phép chúng thiếp hỗ trợ theo vua làm phước.

Nhà vua nghe tâu, đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Đông giao lại cho phu nhân.

Thái tử của vua cũng tâu lên phụ vương:

–Cha mẹ tu tập phước đức, con cũng muốn làm theo.

Nhà vua nghe tâu, đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Nam giao lại cho Thái tử.

Sau đó, phụ tướng tâu lên vua:

–Nay nhà vua, phu nhân, thái tử đều làm phước nghiệp. Xin cho phép hạ thần được hỗ trợ công việc ấy.

Nhà vua nghe tâu, đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Tây giao lại cho quan phụ tướng.

Khi ấy, quần thần cùng tâu vua:

–Phu nhân, thái tử, quan phụ tướng đều tu tập phước đức, chúng hạ thần muốn hỗ trợ công việc này.

Nhà vua nghe tâu, bèn đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Bắc giao lại cho quần thần.

Lúc ấy dân chúng trong nước lại tâu vua:

–Phu nhân, thái tử, phụ tướng, quần thần đều tu phước đức, xin cho phép chúng thần được tu tập phước nghiệp.

Nhà vua nghe tâu lại đem của bố thí giao cho dân chúng. Khi ấy người quản lý việc bố thí tâu vua:

–Sở hữu của vua để bố thí ở bốn cửa thành đều giao lại cho phu nhân, thái tử, phụ tướng, đại thần, dân chúng trong nước, như vậy sự bố thí ấy đã cắt đứt công việc bố thí của vua và làm kiệt quệ kho tàng.

Nhà vua liền ra lệnh:

–Những vật đã xuất thì đem cho hết. Từ nay về sau những vật tiến cống của các nước nhỏ ở phương khác, một nửa nhập kho tàng, một nửa dùng bố thí, tu phước.

Bạch Thế Tôn, bây giờ con luôn luôn làm phước, con luôn luôn được quả báo đầy đủ, thường được hỷ lạc, được thọ hưởng phước báo vô cùng tận, không thấy giới hạn. Theo như quả báo lớn con đã thọ nhận được, mới biết Thế Tôn nói kệ này thật hoàn toàn.

Bấy giờ thiên tử Trì Hoãn nghe lời Phật dạy, vô cùng hoan hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi trở về Thiên cung.

M

137. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Đi xa đến nước khác
Lấy ai làm người thân
Trong đời sống gia đình
Lấy ai làm người thân
Trong vấn đề tài sản
Lấy ai làm bạn thân
Và khi đến đời sau
Lấy ai làm người thân?*

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

*Ai đi đến nước khác
Bạn đường là người thân,
Sống trong gia đình mình
Mẹ hiền là chí thân*

*Trong kinh doanh tài lợi
Quyển thuộc là thân hữu
Phước đức người thường tu
Là bạn thân đời sau.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ, ghét và sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Bấy giờ vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giả.

M

138. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến chỗ Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

*Tuổi thọ người không định
Từng ngày về đường chết
Bị vô thường cướp đoạt
Mạng sống quá ngắn ngủi.
Già đến giết trẻ đẹp
Không ai có thể cứu
Lo sợ hướng về chết
Làm phước đến cõi vui.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tuổi thọ người bất định
Từng ngày đi đường chết
Bị vô thường cướp đoạt
Mạng sống quá ngắn ngủi.
Già đến cướp trẻ đẹp
Không có ai cứu được*

*Lo sợ hướng về chết
Muốn được vui tịch diệt
Nên bỏ năm dục lạc
Không được tham đắm nữa.*

Vị trời tán thán bằng kệ:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét sợ
Vượt hẳn ải thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, rồi từ giả.

M

139. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng khắp khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

*Bốn mùa trôi qua mãi
Mạng sống cạn theo ngày
Tráng niên không dừng lâu
Sợ hãi chết đến nơi
Vì hướng đến Niết-bàn
Phải siêng năng tu phước.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Bốn mùa trôi qua mãi
Mạng sống cạn theo ngày
Tráng niên không ngừng lại
Sợ hãi chết đến nơi
Thấy được khổ sanh tử
Nên sanh tâm sợ hãi
Bỏ năm dục ở đời
Nên cầu nơi giải thoát.*

Vị trời nói kệ:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời này nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ già.

M

140. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng khắp khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật bằng kệ:

*Chánh tư duy pháp gì?
Nên vứt bỏ pháp gì?
Tu hành thắng sự gì?
Thành tựu những điều gì?
Vượt qua dòng nước mạnh
Được gọi là Tỳ-kheo?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ai đoạn trừ năm che
Vứt bỏ hẳn năm dục
Tu năm căn tăng trưởng
Thành tựu năm phần pháp
Vượt qua dòng nước mạnh
Được gọi là Tỳ-kheo.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét sợ
Vượt hẳn ái thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ già.

M

141. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng khắp cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

*Ai ngủ gọi là thức
Ai thức nhưng là ngủ
Nhiễm trần cấu là gì
Thế nào được thanh tịnh?*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Người nào giữ năm giới
Tuy ngủ gọi là thức
Ai làm năm điều ác
Tuy thức gọi là ngủ
Ai bị năm ám che
Gọi là nhiễm trần cấu
Chứng năm phần vô học
Là thanh tịnh lìa bụi.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét sợ
Vượt hẳn ái thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy hoan hỷ từ già.

Kệ tóm tắt:

*A-luyện-nhã, kiêu mạn
Tu phước ngày đêm tăng
Làm sao được sức mạnh
Vật gì sanh hoan hỷ
Viễn chí, cường thân bực
Ngày đêm có tổn giảm
Tư duy và ngủ thức.*

142. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến chỗ Đức Thế Tôn, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Người nào có con cháu
Thì sống được hoan hỷ
Có của báu, vật nuôi
Thì cũng được hoan hỷ
Khi người nào thọ thân
Thì cũng được hoan hỷ
Người nào thấy không thân
Thì tâm không hoan hỷ.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người nào có con cháu
Thì thường sanh phiền não
Của báu và vật nuôi
Đều là gốc khổ não
Khi người nào thọ thân
Thời còn khổ ưu não
Nếu ai không thọ thân
Thì sống vui tịch diệt.*

Vị trời nói kệ tán dương:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hết ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ già.

M

143. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trên đời có ba loại ngựa chưa được điều phục, mà tất cả mọi người đều biết. Có loại ngựa chạy nhanh, không có sắc đẹp, không đủ khả năng để vận tải. Lại có loại ngựa chạy nhanh, có sắc đẹp, không đủ khả năng để vận tải. Có loại ngựa tốt, chạy nhanh, có sắc đẹp, lại có đủ khả năng để chuyên chở.

Có ba hạng người như ba loại ngựa chưa được điều phục. Ba hạng này biểu hiện cho tri kiến của họ trong giáo pháp của Đức Phật. Thế nào là ba?

Có người đủ khả năng chạy nhanh, không có sắc đẹp, không có khả năng vận tải.

Có người đủ khả năng chạy nhanh, sắc đẹp đầy đủ nhưng không có khả năng vận tải.

Có người có khả năng chạy nhanh, sắc đẹp, khả năng vận tải đều đầy đủ.

Hạng người nào đủ khả năng chạy nhanh, không đầy đủ sắc đẹp, không có khả năng vận tải?

Sống trong giáo pháp, có người như thật tri về khổ, như thật tri về nguyên nhân của khổ, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt. Với tri kiến này, họ đoạn trừ ba kết sử là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Sau khi đoạn trừ ba kết sử này, họ đắc quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào xứ ác, đã quyết định với đạo, chỉ còn sanh tử trong các cõi Trời, Người bảy lần là chấm dứt cảnh giới khổ. Đây gọi là hạng có khả năng chạy nhanh.

Hạng người nào không đầy đủ sắc đẹp?

Người được hỏi về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni thì không hoàn toàn thông suốt. Họ không thể hiểu và giải thích câu hỏi sâu xa, không thể giảng thuyết với câu và ý nghĩa tương ứng, không thể thuyết minh đầy đủ, đúng lý. Đây gọi là người không đầy đủ sắc đẹp.

Thế nào gọi là hạng không vận tải đầy đủ?

Hạng người ít phước đức, sống trong hoàn cảnh không có phước đức, không được lợi dưỡng về y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược. Đây là hạng không vận tải đầy đủ.

Trên đây là hạng có khả năng chạy nhanh, không đầy đủ sắc đẹp và không vận tải đầy đủ.

Thế nào là hạng đủ khả năng chạy nhanh, đầy đủ sắc đẹp, nhưng không vận tải đầy đủ?

Hạng đủ khả năng chạy nhanh là gì?

Sống trong giáo pháp, có người như thật tri về khổ, như thật tri về khổ tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt. Với tri kiến này, họ đoạn trừ ba kết sử, đó là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Sau khi đoạn trừ ba kết sử này, họ chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào xứ ác, đã quyết định với đạo, chỉ còn sanh tử trong cõi Trời, Người bảy lần là chấm dứt cảnh giới khổ. Đây là hạng đủ khả năng chạy nhanh.

Thế nào là hạng đầy đủ sắc đẹp?

Khi được vấn nạn về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, họ đủ khả năng giải thích với văn từ và ý nghĩa thích ứng, phô diễn hợp lý. Đây là hạng đầy đủ về sắc đẹp.

Thế nào là hạng vận tải không đầy đủ?

Hạng người ít phước đức, sống trong hoàn cảnh không có phước đức, không được lợi dưỡng về y phục, thức ăn, ngọa cụ và thuốc thang.

Đây là hạng đầy đủ việc chạy nhanh, đầy đủ sắc đẹp, nhưng không vận tải đầy đủ.

Thế nào là hạng có sức chạy nhanh, có sắc đẹp, khả năng vận tải đầy đủ?

Hạng nào là có sức chạy nhanh?

Trong giáo pháp này, người như thật tri về khổ, như thật tri về tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt. Với tri kiến như thật này, họ đoạn trừ ba kết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn, chỉ bảy lần sanh lại trong cõi trời, người, không còn đọa vào xứ ác. Đây gọi là hạng có đủ sức chạy nhanh.

Hạng nào là có đầy đủ sắc đẹp? Nếu có người vấn nạn về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, họ có khả năng giải thích thông suốt, văn nghĩa khế hợp nhau, trình bày hợp lý. Đây gọi là hạng đầy đủ sắc đẹp.

Hạng nào vận tải đầy đủ? Hạng người có nhiều phước đức, sống trong cảnh có nhiều phước đức, thường được lợi dưỡng về y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang. Đây gọi là hạng vận tải đầy đủ.

Đấy gọi là hạng đầy đủ cả ba phương diện: chạy nhanh, sắc đẹp và vận tải.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

144. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trên đời có ba loại ngựa được huấn luyện thuần thực. Có loại ngựa đầy đủ sức khỏe, chạy nhanh nhưng không đầy đủ về sắc đẹp và vận tải. Có loại ngựa đầy đủ sức chạy nhanh, sắc đẹp nhưng không đầy đủ về vận tải. Có loại ngựa đầy đủ cả ba việc ấy.

Có ba hạng người khác nhau như ba loại ngựa trên. Ba hạng này được biểu hiện bằng tri kiến của họ trong Phật pháp.

Có người đầy đủ sức chạy nhanh, nhưng sắc đẹp và khả năng vận tải không đầy đủ. Có người đầy đủ hai điều kiện sau nhưng không đầy đủ điều kiện thứ nhất. Có người đầy đủ cả ba điều kiện.

Người nào đầy đủ điều kiện một, không đầy đủ hai điều kiện sau?

Trong Phật pháp có người như thật tri về khổ, như thật tri về khổ tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt, đoạn năm hạ phần kết, đắc quả A-na-hàm. Người này không còn trở lại, không còn đọa vào xứ ác.

Thế nào là không đầy đủ sắc đẹp?

Có người vấn nạn về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, họ không thể giải thích với văn và nghĩa hợp lý, không thể trình bày thích đáng. Đây gọi là sắc đẹp không đầy đủ.

Thế nào là vận tải không đầy đủ?

Người có ít phước đức, đời sống không thuận tiện, không có phước đức lớn, không được lợi dưỡng về y phục, ăn uống, ngựa cù, thuốc thang. Đây gọi là không đầy đủ điều kiện vận tải.

Thế nào là hạng thứ hai? Đầy đủ hai điều kiện đầu, không đầy đủ điều kiện thứ ba?

Hạng người này ở trong Phật pháp thấy bốn Chân đế, cho đến đoạn trừ năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm. Có người vấn nạn về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, họ có khả năng diễn giải thuyết minh. Ngoài ra như đã

trình bày ở trên. Điều kiện thứ ba không đầy đủ như trình bày ở trên. Đây là hạng thứ hai, đầy đủ hai điều kiện trên, không đầy đủ điều kiện thứ ba.

Thế nào là hạng thứ ba đầy đủ cả ba điều kiện?

Người này ở trong Phật pháp đã như thật tri về kiến về bốn Chân đế, đắc quả A-na-hàm... cho đến có nhiều phước đức, được nhiều lợi dưỡng. Đây là hạng thứ ba đầy đủ cả ba điều kiện.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

145. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong thế gian đã có ba loại ngựa đã được điều phục hoàn toàn. Người cũng có ba hạng như vậy.

Hạng thứ nhất đầy đủ một trong ba mặt: chạy nhanh, sắc đẹp, vận tải. Có người sống trong Phật pháp như thật tri về bốn Chân đế, đã đoạn trừ ba lậu; là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đầy đủ giải thoát tri kiến, đoạn tận các hữu kết, tâm được tự tại, sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc đã làm xong, không thọ thân sau, đắc A-la-hán. Đây là đầy đủ về chạy nhanh. Ngoài ra như đã nói ở trên.

Thế nào là hạng thứ hai đầy đủ mặt một và hai, không đầy đủ mặt thứ ba?

Có người ở trong Phật pháp như thật tri về kiến về bốn Thánh đế... cho đến đắc A-la-hán. Nếu có người hỏi, trả lời thông suốt... *như trên...*

Thế nào là hạng thứ ba, đầy đủ cả ba mặt?

Người này ở trong Phật pháp như thật tri về kiến về bốn Thánh đế,... cho đến có phước đức... được lợi dưỡng,... đây gọi là ba sự việc đều đầy đủ.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

146. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba loại ngựa được khéo huấn luyện để cỡi, xứng đáng được vua và vương tử cỡi. Thế nào là ba loại? Đó là đầy đủ về chạy nhanh, đầy đủ về sắc đẹp, đầy đủ về vận tải.

Có ba hạng Tỳ-kheo cũng như ba loại ngựa kia. Tỳ-kheo nào đầy đủ ba việc, đáng được lễ bái, cúng dường, tán thán. Đây gọi là đầy đủ ba việc.

Thế nào là đầy đủ về sắc đẹp?

Tỳ-kheo nào trì giới đầy đủ, hộ trì hoàn toàn Ba-la-đề-mộc-xoa, qua lại, ra vào, đầy đủ các uy nghi, tâm sợ hãi đến những tội lỗi nhỏ nhặt, kiên trì về giới luật, không có vi phạm. Đây gọi là đầy đủ sắc đẹp.

Thế nào là đầy đủ về sức lực?

Tỳ-kheo nào đối với pháp ác chưa sanh, làm cho không sanh; pháp ác đã sanh, làm cho tiêu diệt; pháp thiện chưa sanh, làm cho phát sanh; pháp thiện đã sanh làm cho tăng trưởng. Đây gọi là đầy đủ sức lực.

Thế nào là đầy đủ về chạy nhanh?

Tỳ-kheo nào ở trong Phật pháp đã như thật tri về kiến về bốn chân đế, đây gọi là đầy đủ về chạy nhanh.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

147. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại ngựa hay, xứng đáng để hàng vương giả cỡi. Thế nào là bốn? Được điều phục hoàn toàn, chạy nhanh, kham nhẫn ở yên, không đá lộn.

Tỳ-kheo thành tựu bốn đức tánh như vậy, xứng đáng được mọi người quy y, cúng dường, lễ bái, chấp tay cung kính là phước điền vô thượng trong thế gian. Thế nào là bốn? Đó là được điều phục hoàn toàn, nhanh nhẹn, kham nhẫn an định, không tán loạn.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

M

148. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại ngựa đáng để người hiền cỡi, có mặt trong thế gian này. Thế nào là bốn?

• Loại thứ nhất: Thấy bóng roi giơ lên liền kinh sợ, tùy ý người điều khiển.

• Loại thứ hai: Roi vừa chạm vào lông trên thân liền kinh sợ, tùy ý người điều khiển.

• Loại thứ ba: Roi chạm đến thịt thì sợ, tùy ý người điều khiển.

• Loại thứ tư: Roi buốt đến thịt xương sau đó mới kinh sợ, tùy ý người điều khiển.

Bậc trượng phu cũng có bốn hạng. Thế nào là bốn?

• Hạng thứ nhất: Nghe ở thôn xóm khác có người nam hay nữ bị bệnh nặng, rất đau khổ đến gần chết; nghe nói như vậy, người này đối với pháp thế tục nhằm chán, biết rõ, do nhằm chán nên chí tâm tu tập pháp thiện. Đây gọi là hạng trượng phu được điều thuận, như ngựa thấy bóng roi liền theo ý người điều khiển.

• Hạng thứ hai: Nghe ở trong xóm làng của mình có người nam hay nữ bị bệnh nặng đến gần chết rồi qua đời; thấy sự việc này rồi, người ấy sanh tâm nhằm chán, do nhằm chán nên chí tâm tu tập pháp thiện. Đây gọi là hạng trượng phu được điều thuận, như ngựa bị roi vừa chạm vào lông thân liền tùy ý người điều khiển.

• Hạng thứ ba: Tuy thấy trong làng xóm mình có người bị bệnh, chết vẫn không sanh tâm nhằm chán, nhưng khi thấy thân thuộc, bạn bè, người hỗ trợ mình bị bệnh quá nặng, cho đến qua đời, sau đó mới

sanh tâm nhằm chán thế gian. Do nhằm chán nên siêng năng tu hành hạnh thiện. Đây là hạng trượng phu được điều thuận như ngựa bị roi chạm vào thịt liền theo ý người điều khiển.

• Hạng thứ tư: Tuy thấy bà con thân thuộc, bạn bè bị bệnh qua đời, vẫn không sanh lòng nhằm chán, nhưng khi tự thân bị bệnh rất nguy kịch, rất đau đớn, quá đau khổ, không vui chút nào, sau đó mới sanh tâm nhằm chán. Do tâm nhằm chán, tu hành các hạnh thiện. Đây là bậc trượng phu như ngựa bị roi đánh buốt vào xương cốt mới theo ý người điều khiển.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

149. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ngựa có tám tánh xấu, cả thế gian đều biết và thấy trong hiện tại. Những gì là tám?

• Thứ nhất: Khi người cỡi ngựa, giật dây cương điều khiển bằng roi để đi đường xa thì ngựa dữ này cắn ngàm, nhảy vòng vòng, bứt dây cương, phá nát dụng cụ để cỡi, làm thân thể bị tổn thương. Đây là tánh xấu của ngựa.

• Thứ hai: Khi được người cỡi, ngựa dữ này không tiến tới, nhảy vọt lên, không chịu sự khống chế, phá nát dụng cụ cỡi ngựa.

• Thứ ba: Khi được người cỡi, không chịu đi trên đường lộ, nhảy bừa vào hào, vào hố.

• Thứ tư: Khi được người cỡi, không chịu tiến tới lại chạy thụt lui.

• Thứ năm: Không biết sợ đau đớn chút nào với roi vọt của người điều khiển.

• Thứ sáu: Khi bị người cỡi điều khiển bằng roi, ngựa nhảy chồm lên đứng bằng hai chân.

• Thứ bảy: Người cỡi muốn ngựa chạy, nó lại nằm lăn ra đất, không chịu chạy tới.

• Thứ tám: Người cỡi muốn ngựa đi, nó lại đứng yên.

Những người tu học trong Phật pháp cũng có tám lỗi như vậy. Thế nào là tám?

• Thứ nhất: Tỳ-kheo nào được vị đồng phạm hạnh đem việc thấy, nghe, nghi để cảnh giác cho, liền bảo với vị kia rằng: “Hiện nay ông còn nhỏ, không trí tuệ, không hoàn thiện, không hiểu rõ, hãy đi cảnh giác người khác, tại sao lại muốn cảnh giác ta? Ông đã có lỗi còn đi nêu việc của người khác ra”. Tỳ-kheo như vậy giống như loại ngựa thứ nhất.

• Thứ hai: Vị đồng phạm hạnh thấy Tỳ-kheo có tội về kiến, văn, nghi nên nhắc bảo với người có tội rằng: “Hiện nay ông đã phạm tội như thế”. Khi ấy người có tội lại bảo với vị kia: “Hiện nay ông cũng đã phạm tội như vậy, hãy sám hối đi rồi mới nêu tội tôi lên”. Người như vậy có những lỗi lầm như loại ngựa thứ hai.

• Thứ ba: Tỳ-kheo nào có tội về kiến, văn, nghi, bị người khác nêu ra, liền nói quanh co, tùy theo nơi ái, sân, sợ, si mà tâm sanh phần nộ. Người như vậy có lỗi như loại ngựa thứ ba.

• Thứ tư: Tỳ-kheo nào có tội về kiến, văn, nghi, bị người khác nêu lên, liền bảo người cử sự: “Về việc phạm tội ấy, tôi không nhớ gì cả”. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ tư.

• Thứ năm: Tỳ-kheo nào phạm vào tội về kiến, văn, nghi, bị vị đồng phạm hạnh đến nêu tội ấy ra. Khi đó người phạm tội thu xếp y bát tự ý bỏ đi nơi khác, tâm không nể sợ chúng Tăng và người cử sự gì cả. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ năm.

• Thứ sáu: Tỳ-kheo nào phạm tội về kiến, văn, nghi, bị đồng phạm hạnh cử tội ấy lên. Khi đó, người phạm tội vẫn ngồi ở chỗ cao, cùng các vị Trưởng lão Tỳ-kheo tranh luận đạo lý, quơ tay nói lớn, bày tỏ: “Tất cả các người đều phạm tội về kiến, văn, nghi vậy mà nói tôi phạm tội ấy”. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ sáu.

• Thứ bảy: Tỳ-kheo nào phạm tội về kiến, văn, nghi, các Tỳ-kheo thanh tịnh cùng nêu việc ấy ra, người phạm tội đứng im lặng không chịu nói có tội hay không có tội, làm náo loạn chúng Tăng. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ bảy.

• Thứ tám: Tỳ-kheo nào phạm tội về kiến, văn, nghi, Tỳ-kheo thanh tịnh phát hiện và nêu việc ấy ra, người phạm tội liền xả giới, thiện căn thoái chuyển, bỏ đạo hoàn tục. Sau khi hoàn tục vị ấy đứng

bên cửa chùa nói với các Tỳ-kheo: “Nay tôi đã hoàn tục, làm thỏa mãn ý nguyện các người chưa? Nay các người có vô cùng hoan hỷ, thích thú không?”. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ tám.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

150. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có tám loại ngựa xứng đáng để bậc Hiền nhân cỡi. Bậc Hiền nhân là Chuyển luân Thánh vương. Thế nào là tám?

- Tướng hiền thứ nhất của ngựa là sanh ra từ giống ngựa hiền.
- Thứ hai: Được điều phục hoàn toàn, không gây phiền não cho các ngựa thường khác. Đây là tướng hiền thứ hai của ngựa.
- Thứ ba: Khi ăn cỏ không chọn tốt xấu, ăn hết không rơi vãi. Đây là tướng ngựa hiền thứ ba.
- Thứ tư: Không bao giờ đứng lại, nằm nghỉ nơi có vật ô uế, bất tịnh, nơi đại tiểu tiện. Đây là tướng ngựa hiền thứ tư.
- Thứ năm: Thường chỉ cho người điều khiển về lỗi lầm của ngựa dữ và dạy người điều khiển sửa trị ngựa dữ về những tật xấu. Đây là tướng ngựa hiền thứ năm.
- Thứ sáu: Thường kham chịu chở nặng không cầu nhẹ, luôn suy nghĩ: “Khi ta gặp ngựa khác chuyên chở, ta sẽ chở thay cho nó”. Đây là tướng ngựa hiền thứ sáu.
- Thứ bảy: Thường đi giữa đường, bắt đầu đi không nháy vọt, đường đi nhỏ hẹp thì biết rõ để đi qua. Đây là tướng ngựa hiền thứ bảy.
- Thứ tám: Tuy bị bệnh nặng đến gần chết vẫn không thay đổi sức làm việc. Đây là tướng ngựa hiền thứ tám.

Bậc Trưởng phu hiền thiện cũng có tám hạng. Những gì là tám?

- Thứ nhất: Tỳ-kheo nào trì giới trọn vẹn, đầy đủ uy nghi, quan hệ với thế gian không bị phạm giới, lỡ phạm vào tội nhỏ tâm cũng rất sợ hãi, giữ giới đã thọ như người bị chốt giữ gìn con mắt còn lại. Nên biết người này giống như hạng ngựa hiền thứ nhất sống hiền thiện.

• Thứ hai: Tỳ-kheo nào sống với đầy đủ pháp thiện, không bao giờ làm phiền vị đồng phạm hạnh khác, sống chung một cách an lạc như nước hòa với sữa. Nên biết người này như loại ngựa thứ hai sống hiền thiện.

• Thứ ba: Tỳ-kheo nào khi thọ nhận sự ăn uống không chọn ngon dở, ăn hết không để rơi vãi. Nên biết người này như loại ngựa thứ ba sống hiền thiện.

• Thứ tư: Tỳ-kheo nào thấy các pháp ác, không thanh tịnh, tâm sanh nhàm chán, ba nghiệp đều xa lìa hành động bất thiện, chê trách pháp ác là xấu xa hạ tiện. Nên biết người này như loại ngựa thứ tư sống hiền thiện.

• Thứ năm: Tỳ-kheo nào sau khi đã phạm tội, tự thân đến trước Đức Phật hay các vị đồng phạm hạnh để phát lộ sám hối tội lỗi của mình. Phải biết người này như hạng ngựa thứ năm sống hiền thiện.

• Thứ sáu: Tỳ-kheo giữ gìn đầy đủ học giới, thấy các vị Tỳ-kheo đồng phạm hạnh khác bị phạm giới, nên tâm sợ sệt tự nghĩ: “Ta phải tu học đừng để phạm giới như họ”. Phải biết người này như hạng ngựa thứ sáu sống hiền thiện.

• Thứ bảy: Tỳ-kheo nào hành tám Chánh đạo, không đi đường tà, phải biết người này như hạng ngựa thứ bảy sống hiền thiện, không đi sai đường.

• Thứ tám: Tỳ-kheo nào tuy bị bệnh rất nặng đến gần chết nhưng vẫn tinh tấn không biếng nhác, tâm chí kiên cố không thay đổi, luôn luôn tiến tới cầu các pháp thắng diệu, tâm không mệt mỏi. Phải biết người này như hạng ngựa thứ tám, tận lực đến chết luôn sống hiền thiện, chắc chắn chứng quả chân thật trong giáo pháp của Phật.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

151. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Bôn-thật-ca, nước Na-đề-ca.

Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-chiên-diên:

–Hãy định ý, chớ loạn tưởng, phải như ngựa toàn thiện chế ngự các căn, đừng như ngựa dữ tán loạn các căn. Như con ngựa dữ bị cột

trong chuông, chỉ nghĩ đến cỏ và nước, ngoài ra không biết gì cả, nếu không được cho ăn, bứt cả dây cương. Như có người tương ứng với nhiều dục trói buộc, vì tham dục nên tâm có nhiều giận hờn, sanh ra nhiều dục giác, vì có dục giác nên sanh ra nhiều não hại, nhiều loại ác giác do đó phát sanh. Do sự việc này nên không biết xuất ly, cuối cùng không thể nhận thức được thể tướng của dục.

Lại có người đam mê ngủ nghỉ, vì thường ngủ nghỉ nên sanh nhiều loạn tưởng, các loại phiền não phát sanh từ đấy. Do sự việc này nên không biết pháp đối trị để xuất ly.

Lại có người sanh nhiều trạo hối, vì tâm thường sanh trạo hối nên không thể phân biệt rõ hình tướng của các pháp. Phải biết trạo hối là nguyên nhân đưa đến tán loạn. Vì lý do này không biết pháp đối trị để xuất ly.

Như con ngựa được huấn luyện hoàn toàn, bị cột trong chuông, tâm không nghĩ đến cỏ và nước, không bứt dây cương. Như có người tâm không bị dục trói buộc, chỉ có tưởng tịnh, vì không nhiễm đắm dục tưởng nên không sanh ra sự che phủ, chướng ngại cho trạo hối, do nghi, do thù miên... vì họ có năng lực không dấy tâm với năm thứ vây buộc, ngăn che nên biết pháp đối trị để xuất ly. Tỳ-kheo như vậy không dựa vào địa, thủy, hỏa, phong, cũng không dựa vào bốn định vô sắc mà sanh các pháp thiền, không căn cứ vào đời này, không căn cứ vào đời khác, cũng không căn cứ vào nhật, nguyệt, tinh tú, không căn cứ vào thấy nghe, không căn cứ vào chỗ phân biệt của thức, không nương vào trí tri, không nương vào cảnh giới do tâm thức suy cầu, không dựa vào giác tri mà chứng đắc thiền vô sở y chỉ. Tỳ-kheo nào không nương tựa vào các cảnh giới thiền pháp như vậy mà đạt được định thâm sâu thì được Thích Đề-hoàn Nhân, trời Tam thập tam và các Phạm chúng đều chấp tay cung kính, tôn trọng, quy y. Họ bày tỏ:

–Hiện nay chúng con không biết Tôn giả nương tựa vào phép tắc nào mà đắc thiền định như vậy.

Khi ấy Tôn giả Bạc-ca-lê đứng ở sau Phật, cầm quạt quạt Phật, lên tiếng thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo tu các thiền định mà không căn cứ vào bốn đại hay bốn vô sắc, cho đến không căn cứ vào tưởng

giác quán. Nếu như thế thì các Tỳ-kheo làm sao đắc được thiền định như vậy để được Thích Đề-hoàn Nhân cùng đại chúng chấp tay cung kính, tôn trọng, tán thán người đắc thiền định này, và bày tỏ: “Vị thiện nam này là bậc cao thượng trong hàng trượng phu đã nương tựa vào pháp gì mà tu tập các thiền định như vậy!”

Đức Phật bảo Bạc-ca-lê:

–Tỳ-kheo nào tu tập thâm sâu nơi thiền định, quán sát địa đại đều hư ngụy, hoàn toàn không thấy có một tướng trạng của địa đại nào là chân thật, đối với thủy, hỏa, phong đại chủng và bốn vô sắc, đời này đời khác, nhật, nguyệt, tinh tú, phân biệt, biết, thấy, nghe, cảnh giới do tâm ý suy cầu, xem biết cùng với cảnh giới không do trí tri đạt được, tất cả đều hư giả, không có pháp thật, chỉ là giả hiện, do nhân duyên hòa hợp nên có tên gọi. Quán sát sự không tịnh ấy, không thấy có pháp và phi pháp.

Thế Tôn nói kệ:

*Này ông Bạc-ca-lê
Cần phải biết thế này
Tu tập pháp tọa thiền
Quan sát vô sở hữu
Thiên chủ Kiều-thi-ca
Và trời Tam thập tam
Bậc chúa tể thế giới
Trời Đại Phạm thiên vương
Chấp tay cung kính lễ
Bậc tôn quý trong đời
Đều xưng tán bằng lời
Nam-mô Thiện Trượng Phu
Chúng tôi không biết ngài
Dựa nơi phương pháp nào
Chúng đắc thiền định này
Mà không ai biết cả.*

Khi Đức Thế Tôn giảng pháp này, Đại Ca-chiên-diên xa lìa bụi bặm cấu nhiễm, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo Bạc-ca-lê diệt sạch phiền não, không còn thọ đời sau, đoạn hết kết nghiệp.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm lược:

*Ác mã, điều thuận mã
Hiền thừa, ba và bốn
Tiên ảnh tịnh điều thừa
Hữu quá, tám loại ác
Ca-chiên-diên ly cấu
Mười việc đều hoàn thành.*

M

152. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ, Thích-ma-nam đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát dưới chân rồi ngồi qua một bên, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ưu-bà-tắc nghĩa là gì? Cầu mong Như Lai giảng cho con.

Đức Phật bảo Ma-ha-nam:

–Người tại gia bạch y, quy y Tam bảo thì gọi là Ưu-bà-tắc, ông chính là hạng này.

Ma-ha-nam lại bạch Phật:

–Thế nào là Ưu-bà-tắc có lòng tin?

Phật bảo Ma-ha-nam:

–Ai đối với Như Lai có tâm tận tụy, an trú trong lòng tin ấy, không bị Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm, Người, phá hoại mất lòng tin, đấy gọi là Ưu-bà-tắc có lòng tin.

Ma-ha-nam lại bạch Phật:

–Thế nào là giới của Ưu-bà-tắc?

Đức Phật bảo Ma-ha-nam:

–Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đây là giới của Ưu-bà-tắc.

Hỏi:

–Thế nào là bố thí đầy đủ?

Phật bảo Ma-ha-nam:

–Pháp của Ưu-bà-tắc là cần phải bỏ tham lam keo kiệt, tất cả chúng sanh đều bị tham lam ganh ghét như vậy. Vì thế cần phải xa lìa tâm ý tham lam keo kiệt, ganh ghét, phát tâm buông bỏ, hết sức tự mình bố thí không có một mảy. Đây gọi là bố thí đầy đủ.

Hỏi:

–Thế nào là trí tuệ đầy đủ?

Đức Phật bảo Thích-ma-nam:

–Vị Ưu-bà-tắc như thật tri về khổ, như thật tri về khổ tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường dẫn đến khổ diệt, biết bốn Thánh đế này một cách chắc chắn rõ ràng, đây gọi là trí tuệ đầy đủ.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

153. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Lúc ấy Thích-ma-nam cùng năm trăm Ưu-bà-tắc đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, như lời Phật dạy, Ưu-bà-tắc là người tại gia bạch y, đủ tâm trí trượng phu, quy y Tam bảo, tự mình nói rõ tôi là Ưu-bà-tắc. Họ làm thế nào để đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-na-hàm?

Phật bảo Thích-ma-nam:

–Ai đoạn trừ hết ba kết là thân kết, giới cấm thủ và lưới nghi thì chứng Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ba đường ác, có lòng tin quyết định với đạo vô thượng, qua lại bảy lần trong cõi Trời, Người thì đoạn sạch cảnh giới khổ, chứng Niết-bàn. Đây gọi là Ưu-bà-tắc chứng Tu-đà-hoàn.

Hỏi:

–Làm thế nào để đắc quả Tư-đà-hàm?

Đức Phật bảo Ma-ha-nam:

–Ai sau khi đoạn xong ba kết, giảm thiểu dâm, nộ, si, gọi là Tư-đà-hàm.

Hỏi:

–Làm thế nào đắc quả A-na-hàm?

Đức Phật bảo Ma-ha-nam:

–Ai đoạn trừ được ba phần kết và năm hạ phần kết sử, thì chứng A-na-hàm.

Ma-ha-nam cùng năm trăm vị Ưu-bà-tắc nghe pháp này rồi, sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, rất là ít có. Những người tại gia mà được lợi ích thù thắng này, tất cả nên trở thành Ưu-bà-tắc.

Ma-ha-nam thưa như vậy xong, lễ Phật rồi từ giã.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

154. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Lúc ấy Ma-ha-nam đến gặp Đức Phật, sau khi lễ kính thì ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, thế nào gọi là Ưu-bà-tắc đủ chí khí trượng phu... như đã trình bày ở trước. Lại phải như thế nào mới có đầy đủ các hạnh?

Đức Phật bảo Ma-ha-nam:

–Vị Ưu-bà-tắc đầy đủ lòng tin nhưng không giữ giới đầy đủ, gọi là có tín nhưng chưa đủ giới. Người muốn cầu đầy đủ tín và giới cần phải siêng năng tu tập các phương pháp làm cho đầy đủ. Đây là Ưu-bà-tắc có đầy đủ tín và giới. Nay Ma-ha-nam, vị Ưu-bà-tắc đầy đủ tín giới, nhưng chưa đầy đủ xả, cần phải tu tập các phương pháp làm cho đầy đủ.

Ma-ha-nam bạch Phật:

–Hiện nay con đầy đủ cả ba chi: tín, giới, xả.

Đức Phật bảo Ma-ha-nam:

–Ông nay tuy đầy đủ ba việc trên, nhưng không thường lui tới tăng phòng, tinh xá, vì lý do này gọi là không đầy đủ, cần phải siêng năng tìm phương pháp thường đến chùa, tháp.

Bấy giờ Ma-ha-nam bảo các Ưu-bà-tắc:

–Chúng ta cần phải có đầy đủ lòng tin, giữ giới, tâm xả và thường lui tới chùa.

Đức Phật bảo Ma-ha-nam:

–Ai có thể có đầy đủ cả lòng tin, giữ giới, tâm xả, thường đến chùa thân cận Tăng bảo, được gọi là đầy đủ. Nay Ma-ha-nam, nếu có đầy đủ bốn việc trên nhưng không chịu nghe pháp, là không đầy đủ.

Ma-ha-nam thưa:

–Con thường nghe pháp.

Phật bảo:

–Này Ma-ha-nam, người nào tuy thường nghe kinh, nhưng không thọ trì thì không gọi là đầy đủ. Ai tuy thường thọ trì mà không hiểu nghĩa, cũng là không đầy đủ. Ai tuy hiểu ý nghĩa mà không tu hành đúng lời nói, cũng là không đầy đủ. Ai đầy đủ lòng tin, giữ giới, tâm xả, thường đến chùa nghe pháp, thọ trì, hiểu đúng ý nghĩa, theo đúng như thuyết tu tập, đây là hành động đầy đủ viên mãn. Nay Ma-ha-nam, người nào đủ tín, giới, tâm xả, thường đến chùa, thân cận Tăng bảo, nhưng không chuyên tâm nghe pháp, cũng gọi là không đầy đủ hạnh. Vì lý do này cần phải có phương tiện chuyên tâm nghe pháp, nhưng có nghe pháp mà không thọ trì cũng gọi là không đầy đủ. Thế nên cần phải thọ trì chánh pháp. Tuy thường thọ trì, nếu không hiểu nghĩa cũng gọi là không đầy đủ. Thế nên cần phải hiểu rõ nội dung ý nghĩa của lời nói. Tuy hiểu rõ đúng nghĩa nhưng không tu tập theo đúng lời nói ấy, cũng gọi là không đầy đủ. Thế nên cần phải tu tập đúng như giáo thuyết. Ai có thể đầy đủ cả tín tâm, trì giới, tâm xả, thường đến chùa, chuyên tâm nghe pháp, thọ trì không quên, hiểu rõ ý nghĩa... nhưng không tu tập đúng theo giáo thuyết cũng gọi là không đầy đủ. Nay Ma-ha-nam, vị Ưu-bà-tắc nhờ tín tâm nên trì giới, nhờ trì giới nên đầy đủ tâm xả, nhờ đầy đủ tâm xả nên thường thân cận Tăng bảo, nhờ thân cận Tăng bảo nên chuyên tâm nghe pháp, do chuyên tâm nghe pháp nên thường thọ trì, do thường thọ trì nên hiểu được ý nghĩa, do hiểu được ý nghĩa nên thường tu tập đúng lời nói, siêng năng tu tập các phương pháp làm cho đầy đủ.

Ma-ha-nam lại bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, vị Ưu-bà-tắc đủ bao nhiêu chi phần để tự lợi và chưa lợi tha?

Phật bảo Ma-ha-nam:

–Người nào có đầy đủ tám chi phần là tự lợi, chưa lợi tha. Những gì là tám? Vị Ưu-bà-tắc có tín tâm không dạy người có tín tâm, có giữ giới không dạy người giữ giới, tự tu hạnh xả không dạy người bố thí, tự đến chùa tháp thân cận Tăng bảo nhưng không dạy người đến chùa tháp thân cận Tăng bảo, tự mình nghe pháp không dạy người nghe chánh pháp, tự mình thọ trì không dạy người thọ trì, tự mình hiểu nghĩa không dạy người hiểu nghĩa, tự mình tu tập đúng lời nói không dạy người tu tập đúng lời nói. Đây là Ưu-bà-tắc đủ tám chi phần tự lợi, không lợi tha.

Ma-ha-nam lại bạch Phật:

–Đầy đủ bao nhiêu chi phần thì gọi là đầy đủ tự lợi và lợi tha?

Đức Phật dạy:

–Ai có thể đầy đủ mười sáu chi phần thì người ấy tạo được tự lợi và lợi tha. Đó là: Tự mình sanh lòng tin, dạy người có lòng tin. Tự trì giới, dạy người trì giới. Tự tu tập tâm xả, dạy người bố thí. Tự đi đến chùa, dạy người đến chùa thân cận Tăng bảo. Tự nghe pháp, dạy người nghe chánh pháp. Tự mình thọ trì, dạy người thọ trì. Tự mình giải rõ ý nghĩa, dạy người giải rõ. Tự mình tu hành đúng lý thuyết, dạy người tu hành đúng lý thuyết. Ai thực hành đầy đủ mười sáu chi phần này, được gọi là tự lợi và lợi tha đầy đủ. Người như vậy đến với chúng Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn nào, đều làm cho những chúng hội ấy sáng rực lên, như ánh sáng mặt trời phá tan các bóng tối. Nên biết người này thật ít có.

Đức Phật dạy như vậy, Thích-ma-nam lễ Phật rồi từ giã. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

155. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ Thích-ma-nam đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, thành Ca-tỳ-la này dân chúng phồn thịnh, giàu có an lạc. Con sống trong cảnh này có lúc suy nghĩ: “Nếu có voi dữ,

xe chạy nhanh, ngựa lồng, người cuồng, chạy đùng vào người con, vào trường hợp ấy có khi con không còn nhớ đến Phật, Pháp, Tăng”. Con lại nghĩ: “Nếu ta qua đời trong lúc tâm không có nhớ đến Tam bảo thì sẽ sanh vào nơi nào, cảnh giới nào và thọ quả báo gì?”.

Đức Phật dạy:

– Trường hợp ấy ông không nên sợ hãi. Sau khi qua đời, ông sẽ sanh vào cảnh giới thiện, không bị đọa nơi cõi ác, không thọ quả báo ác. Như cây đại thọ khi mọc lên luôn luôn hướng về phương Đông, nếu nó bị hạ xuống sẽ ngã về phương nào? Phải biết cây này chắc chắn ngã về phương Đông. Cũng như vậy, ông đã luôn luôn tu tập pháp thiện lâu ngày, nếu bị đọa vào cõi ác, thọ ác báo là điều không thể có.

Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy, đánh lễ sát chân Phật, trở về nhà. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

156. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ Thích-ma-nam đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát dưới chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, vị Tỳ-kheo ở địa vị hữu học, việc làm chưa xong, thường muốn tiến tới quả vị A-la-hán, nhập Niết-bàn, vị ấy cần phải tu tập bao nhiêu pháp để diệt sạch các hữu lậu, đặc tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này chứng đắc quả vị La-hán, đạt được giới vô lậu, tự biết chắc chắn: “Ta không còn sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân đời sau nữa”?

Phật bảo Ma-ha-nam:

–Vị Tỳ-kheo ở địa vị hữu học, chưa đắc vô học, ý luôn cầu tiến, muốn chứng đắc Niết-bàn, phải thường tu tập sáu niệm. Như có người thân thể gầy yếu muốn an vui phải ăn món ngon, các Tỳ-kheo cũng vậy, vì muốn chứng Niết-bàn, phải tu tập sáu niệm. Thế nào là sáu?

Một: niệm Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Khi niệm Phật không có tham dục, sân

hận, ngu si, chỉ có tâm thanh tịnh chân chính. Nhờ tâm chân chính nên đắc pháp và nghĩa, thân cận Phật. Thân cận Phật nên tâm hoan hỷ, nhờ hoan hỷ nên thân hỷ lạc, thân hỷ lạc nên tâm đắc định, do đắc định nên đối với kẻ oán gia và thân tộc của mình, không nghĩ đến yêu, ghét, giữ tâm bình đẳng, an trụ nơi dòng nước pháp, tâm nhập định, nhờ tu tập niệm Phật, tiến đến Niết-bàn, gọi là niệm Phật.

Thứ hai: niệm Pháp là niệm công đức của Như Lai có mười Lực, bốn Vô sở úy, chắc chắn đưa đến Niết-bàn, cần phải chí tâm quan sát pháp này, chỉ có người trí mới biết rõ. Thánh đệ tử cần phải niệm Pháp, ngay khi ấy xa lìa tham dục, sân hận, ngu si, chỉ có tâm chân chính thanh tịnh, nhờ tâm chân chính nên hiểu đúng Pháp, thân cận Pháp nên tâm sanh hoan hỷ, nhờ hoan hỷ nên thân hỷ lạc, do hỷ lạc nên tâm đắc định, tâm đã định nên bình đẳng, đối với thù oán không còn yêu ghét, trụ nơi dòng nước pháp, tâm nhập định nhờ tu tập quán niệm pháp hướng đến Niết-bàn. Đây là niệm Pháp.

Thứ ba: niệm Tăng. Chúng Tăng là đệ tử Đức Như Lai, đắc pháp vô lậu, xứng đáng là ruộng phước tốt của thế gian. Những gì là ruộng phước tốt? Tăng có Tu-đà-hoàn hưởng và quả, Tư-đà-hàm hưởng và quả, A-na-hàm hưởng và quả, A-la-hán hưởng và quả nên gọi là ruộng phước tốt. Tăng có đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến, nên xứng đáng được chấp tay cung kính. Ai niệm Tăng thì được pháp và nghĩa, thân cận với Tăng, tâm sanh hoan hỷ, vì hoan hỷ nên hỷ lạc, vì hỷ lạc nên đắc định, vì tâm định nên bình đẳng với oán thù, không có tham dục, sân hận, ngu si, chỉ có tâm thanh tịnh chân chính, trụ nơi dòng nước pháp, nhờ tu tập quán niệm Tăng, tiến đến Niết-bàn. Đây là niệm Tăng.

Thế nào là niệm Giới?

Nghĩa là niệm giới không hoại, giới không khuyết, giới không tạp, giới không cấu uế, giới thoát ly sợ hãi, giới lìa hạnh tà, giới lìa trộm cắp, giới thanh tịnh, giới hoàn toàn thiện. Ai niệm các giới như vậy thì xa lìa tham dục, sân hận, ngu si, tà kiến, xa lìa pháp ác, đắc pháp và nghĩa, thân cận giới, tâm sanh hoan hỷ, vì hoan hỷ nên hỷ lạc, nhờ hỷ lạc nên tâm đắc định, tâm định nên bình đẳng đối với oán thù, thanh tịnh chân chính, trụ nơi dòng nước pháp, tâm nhập định nhờ tu quán niệm giới. Đây là niệm Giới.

Thế nào là niệm Thí?

Niệm sự bố thí của ta có kết quả hoàn hảo. Khắp thế gian đều bị keo kiệt, ganh tỵ phũ vây, nay ta được thoát ly cấu uế của sự tham lam keo kiệt, đem tất cả các vật bố thí với tâm không luyến tiếc. Sau khi bố thí, ta hoan hỷ như gặp ngày hội lớn, phân phối tài vật của ta cho người khác. Người nào có thể tu tập tâm bố thí như vậy, ngay trong đời này đắc pháp với nghĩa, thân cận bố thí, không có tâm tham dục, sân hận, ngu si, chỉ có tâm chân chính thanh tịnh, nhờ đó sanh hoan hỷ, nhờ hoan hỷ nên thân hỷ lạc, thân hỷ lạc nên tâm nhập định, tâm đã định nên bình đẳng đối với oán thù, trụ trong dòng nước pháp. Tâm nhập định nhờ tu tập quán niệm thí.

Thế nào là niệm Thiên?

Đó là Tứ Thiên vương, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên. Ai có lòng tin nơi chư Thiên này, nhờ năng lực ấy sẽ sanh vào các cõi của chư Thiên. Cũng vậy, ta có tín, giới, văn, thí, tuệ, nhờ công đức này sanh lên cõi thiên. Ta cũng thấy những người có công đức như vậy sanh lên cõi thiên. Niệm thiên như vậy nên thoát ly tham dục, sân hận, ngu si, chỉ có tâm thanh tịnh ngay thẳng, ngay trong đời này đắc pháp với nghĩa, thân cận chư Thiên nên tâm hoan hỷ, tâm hỷ nên thân hỷ lạc, thân lạc nên tâm nhập định, tâm định nên bình đẳng đối với oán ghét, trụ nơi dòng nước pháp, tâm nhập định nhờ tu tập quán niệm thiên, gọi là niệm Thiên.

Này Ma-ha-nam, Tỳ-kheo nào ở địa vị hữu học, việc làm chưa xong, thường muốn cầu tiến đến quả A-la-hán, nhập Niết-bàn, cần phải chí tâm tu tập sáu niệm này. Ai tu tập được sáu niệm ấy thì đoạn sạch các hữu lậu, đắc tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này chứng quả giải thoát. Khi đã chứng đắc, vị ấy bày tỏ: “Ta đã hết sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân đời sau nữa”.

Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

Khi ấy Đức Thế Tôn an cư kiết hạ tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ vào cuối mùa hạ, có nhiều Tỳ-kheo tập hợp ở giảng đường may y cho Đức Phật. Sau khi may y, các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Chúng ta đã may vá y xong rồi, hãy theo Đức Phật du hành”.

Thích-ma-nam nghe nói các Tỳ-kheo may vá y đã xong sẽ theo Phật du hành, nghe như vậy, ông ta đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch:

– Thân tâm của con đang rất nặng nề, trì độn, không còn phân biệt được gì cả, tuy có nghe pháp nhưng tâm không cảm thấy thích thú. Tại sao? Con nghe các Tỳ-kheo may vá y đã xong, sẽ theo Phật du hành, nên con suy nghĩ: “Bao giờ mới gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo để tu tâm?”.

Đức Phật dạy:

– Ta và các Tỳ-kheo tuy rời khỏi nơi này nhưng ông muốn luôn luôn được thấy Như Lai và các Tỳ-kheo, phải dùng pháp nhãn, chí tâm quan sát, thường tu tập năm việc. Thế nào là năm?

Đó là đầy đủ tín tâm, thường tùy thuận giáo pháp, chẳng phải không có tín tâm mà tùy thuận giáo pháp. Trì tịnh giới tùy thuận giáo pháp, chẳng phải phá giới mà tùy thuận giáo pháp. Đa văn tùy thuận giáo pháp, chẳng phải ít hiểu biết mà tùy thuận giáo pháp. Không phải keo kiệt mà thực hành bố thí, vì tâm xả nên thường hành bố thí. Không phải tu tâm trí tuệ bằng ngu si, vì tâm trí tuệ nên có thể phân biệt hình tướng các pháp. Thế nên, này Ma-ha-nam, ai muốn thường thấy Đức Phật và các Tỳ-kheo phải thường tu tập năm pháp như vậy và sáu pháp niệm. Ai thực hiện được như thế, ta cùng chúng Tỳ-kheo luôn luôn có ở trước mặt họ. Tăng có nghĩa là hòa hợp.

Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ rồi từ giã.

M

158. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ Thích-ma-nam đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, theo như con hiểu ý nghĩa lời Phật dạy, tâm được định mới đắc giải thoát. Như vậy thì đắc định trước, giải thoát sau; hay giải thoát trước, đắc định sau; hay định và giải thoát cùng đắc một lần? Đây là việc con chưa từng gặp, chưa từng làm, chưa từng phát sanh trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

Thế Tôn im lặng không đáp. Ma-ha-nam hỏi lần thứ hai, thứ ba, Như Lai vẫn im lặng không đáp. Tôn giả A-nan đang ở bên cạnh Như Lai, cầm quạt quạt Phật, suy nghĩ: “Ma-ha-nam đem ý nghĩa thâm diệu thưa hỏi Đức Thế Tôn, Thế Tôn đang vừa mới khởi bệnh, khí lực còn yếu, chưa thuyết pháp được. Ta sẽ thay Ngài lược nói một ít giáo pháp để ông ta đi về”.

Tôn giả A-nan nghĩ như thế rồi, bảo với Thích-ma-nam:

–Đức Như Lai có giảng dạy về hữu học giới và vô học giới, hữu học định và vô học định, hữu học tuệ và vô học tuệ, hữu học giải thoát và vô học giải thoát.

Ma-ha-nam bạch Tôn giả A-nan:

–Thế nào là học giới, vô học giới; học định, vô học định; học tuệ, vô học tuệ; học giải thoát, vô học giải thoát, do Đức Như Lai giảng dạy?

Tôn giả A-nan đáp:

–Thánh chúng của Như Lai sống trong giới luật, hộ trì Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ uy nghi, chánh hạnh, đối với tội lỗi nhỏ nhặt, tâm cũng sợ hãi, giữ gìn đầy đủ giới cấm. Đây là trì giới đầy đủ. Vị ấy nhằm chán pháp ác, dục, bất thiện, lìa dục sanh hỷ lạc, nhập Sơ thiên, cho đến đệ Tứ thiên. Đây là đắc thiên định. Vị ấy như thật tri về khổ, như thật tri về khổ tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về khổ diệt đạo. Với tri kiến như vậy, đoạn năm hạ phần kết là: thân kiến, giới cấm thủ, nghi ngờ, tham dục, sân hận. Sau khi đoạn năm hạ phần kết, được hóa sanh đến cảnh giới khác để đắc Niết-bàn. Vị này gọi là A-na-hàm, không còn tái sanh đến Dục giới này nữa. Đây gọi là hữu học giới, hữu học định, hữu học tuệ, hữu học giải thoát.

Vào lúc khác, vị ấy đoạn tận các hữu lậu, đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong pháp này tự biết chứng đắc vô sanh; sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân ở đời sau. Lúc đó vị ấy đắc vô học giới, vô học định, vô học tuệ,

vô học giải thoát. Nay Ma-ha-nam, vì vậy Đức Phật giảng dạy có hữu học và vô học.

Khi ấy Ma-ha-nam nghe lời dạy này, hoan hỷ đánh lễ rồi từ giã. Sau khi Ma-ha-nam đi chưa bao lâu, Đức Phật hỏi A-nan:

–Các Tỳ-kheo cùng chúng họ Thích ở nước Ca-tỳ-la-vệ này có cùng nhau giảng luận những ý nghĩa sâu xa như vậy không?

A-nan bạch Phật:

–Các Tỳ-kheo và chúng họ Thích ở nước Ca-tỳ-la-vệ này thường bàn luận với nhau về ý nghĩa sâu xa như vậy.

Đức Phật bảo A-nan:

–Các Tỳ-kheo cùng chúng họ Thích ở nước Ca-tỳ-la-vệ này được thuận lợi to lớn, đã hiểu rõ về tuệ nhãn của thánh hiền như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

159. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ Thô Thủ Thích đến gặp Ma-ha-nam hỏi:

–Như Lai giảng dạy về Tu-đà-hoàn, có bao nhiêu bất hoại tín?

Ma-ha-nam đáp:

–Theo lời dạy của Như Lai, vị Tu-đà-hoàn có bốn chi bất hoại tín. Đó là đối với Phật bất hoại tín, với Pháp..., với Tăng..., với Thánh giới đã thọ bất hoại tín.

Thô Thủ Thích nói:

–Bạn không nên nói Đức Như Lai giảng thuyết bốn Bất hoại tín. Vì sao? Như Lai chỉ dạy có ba bất hoại tín. Đó là không được hoại tín đối với Tam bảo.

Hai người phân vân tranh cãi theo ý kiến của mình, không thể xác quyết nên cùng đi đến gặp Phật, đánh lễ sát dưới chân, ngồi qua một bên, thỉnh Phật giải quyết chỗ nghi ngờ. Ma-ha-nam bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Thô Thủ Thích này đến gặp con hỏi: “Như Lai dạy có bao nhiêu bất hoại tín?”. Con đáp: “Như Lai dạy có bốn Bất hoại tín là Tam bảo và Thánh giới đã thọ”. Thô Thủ Thích nói: “Như

Lai chỉ dạy có ba Bất hoại tín là Tam bảo, tại sao nói có bốn?”. Bạn ấy nói ba lần như vậy, con đều đáp: “Sự thật Như Lai nói có bốn, không nói có ba”. Cả hai chúng con không hiểu nhau.

Thô Thủ Thích đứng dậy bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, giả sử Phật không dạy con, Tăng không dạy con, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Ma, Phạm, những hạng ấy đều không dạy con hướng đến với Phật, con cũng nhất tâm hướng về Phật, Pháp, Tăng.

Phật bảo Ma-ha-nam:

–Thô Thủ Thích nêu bày như vậy, ông đáp thế nào?

Ma-ha-nam bạch Phật:

–Như vậy con không còn gì để đáp, ngoài Phật pháp ra không có chỗ thiện nào khác, ngoài Phật pháp ra không có chỗ chân thật nào khác, không còn chỗ nào đúng và hoàn thiện hơn nữa.

Phật bảo Ma-ha-nam:

–Từ nay về sau ông nên hiểu rằng: có đầy đủ bốn Bất hoại tín là Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới đã thọ.

Thô Thủ Thích vì không hiểu rõ nên đã bày tỏ như vậy, khi nghe Phật giảng liền hiểu rõ.

Ma-ha-nam và Thô Thủ Thích nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

160.

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Ni-câu-đà, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ những người họ Thích trong nước tập hợp ở chỗ bình luận. Sau khi an tọa, những người này cùng nhau bàn bạc, nói với Ma-ha-nam:

–Không có liên hệ giữa trước và sau. Theo ý ông thì lấy nhân gì để làm quả sau? Thô Thủ Thích được Như Lai thọ ký ông ấy đắc quả Tu-đà-hoàn, chỉ còn sanh tử bảy lần trong cõi trời, người thì vượt qua bờ khổ, nhưng ông ta đã phạm giới cấm uống rượu, vậy mà Phật còn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn. Như vậy thì có liên hệ gì giữa trước và sau?

Họ lại bảo Ma-ha-nam:

–Ông hãy đến gặp Thế Tôn hỏi về ý nghĩa này.

Ma-ha-nam theo lời nói ấy, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Những người họ Thích ở Ca-tỳ-la tập hợp nơi chỗ bàn luận. Tại đó họ lý luận với con thế này: “Cái gì là trước và sau? Khi Thô Thủ Thích qua đời, Như Lai đã thọ ký ông ta đắc Tu-đà-hoàn, sanh tử bảy lần trong cõi nhân thiên, thì vượt qua bờ khổ, nhưng Thô Thủ Thích phạm giới cấm, phóng dật, uống rượu. Nếu ông ta được thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn, như vậy biết rằng không có quan hệ trước và sau”.

Đức Phật dạy:

–Người nào tôn xưng Ta là Thiện Thệ, Thế Tôn, khi gọi là Thiện Thệ tất họ có tâm hướng đến Thiện Thệ. Đệ tử Hiền thánh có tâm chánh niệm, thấy đúng đắn nên miệng tôn xưng Thiện Thệ. Nay Ma-ha-nam, vị Thánh đệ tử một lòng quy y Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo nên đắc trí nhanh nhạy, trí sắc bén, trí xa lìa, trí hợp với đạo, không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và cõi khác, đắc tám giải thoát, đắc thân chứng, đầy đủ tám giải thoát, sống đầy đủ với giới, dùng trí tuệ thấy rõ, dứt sạch các lậu. Vị này gọi là đắc câu phần giải thoát A-la-hán. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vị Thánh đệ tử như trên đã nói, nhưng chỉ đắc tuệ giải thoát A-la-hán vì không đắc tám giải thoát. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vị đệ tử Hiền thánh hết lòng quy y Phật, ngoài ra như trên..., thân chứng A-na-hàm, thành tựu tám giải thoát, nhưng chưa hết các lậu.

Này Ma-ha-nam, vị đệ tử Hiền thánh một lòng quy y Phật như trên, không đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không đọa vào nẻo ác; đối với chánh pháp của Như Lai, tùy thuận không trái nghịch, gọi là Kiến đạo.

Này Ma-ha-nam, vị đệ tử Hiền thánh một lòng quy y Phật như trên đã nói, tin theo giáo pháp của Phật, tùy thuận với giải thoát, gọi là Tín giải thoát.

Này Ma-ha-nam, vị đệ tử Hiền thánh tin theo lời Phật, hoan hỷ tu tập, chấp nhận năm pháp là: tín, tấn, niệm, định, tuệ, không đọa vào ba đường ác, gọi là Kiên pháp.

Này Ma-ha-nam, vị đệ tử Hiền thánh tin một phần lời Phật, chấp nhận yêu thích năm pháp ở trên, không đọa ba đường ác, gọi là Kiên tín.

Này Ma-ha-nam, nếu ta nói mà rừng cây Sa-la hiểu được ý nghĩa, thì việc này không đúng, nhưng giả sử chúng hiểu được ý nghĩa thì ta cũng thọ ký chúng đắc quả Tu-đà-hoàn. Với ý nghĩa này, tại sao ta không thọ ký cho Thô Thủ Thích đắc quả Tu-đà-hoàn! Vì sao? Thô Thủ Thích không phạm tánh giới, chỉ phạm giá giới, khi lâm chung lại sám hối việc đã làm, nhờ sám hối nên giới được trọn vẹn. Người có phạm tội nhỏ, biết sám hối đầy đủ, tại sao không thọ ký Thô Thủ Thích đắc quả Tu-đà-hoàn!

Thích Ma Nam nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ rồi từ giã.

Kệ tóm lược:

*Ưu-bà-tắc là gì
Đắc quả, tất cả hạnh
Tự khinh và trú xứ
Mười một cùng mười hai
Giải thoát với Xá-ly
Thô Thủ là đủ mười.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN IX

161. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật rồi ngồi qua một bên, nói kệ:

*Không sống vườn Hoan hỷ
Không thể nào được vui
Ở cõi trời Ba ba
Tiếng khen khắp thế giới
Các vị Thiên nhân ấy
Thường ở vườn cõi này.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ông như trẻ ngu si
Trí ông nào biết được
Diệu pháp như thế này
Là lời bậc La-hán
Các hành đều vô thường
Chính là pháp sanh diệt
Diệt sạch sanh diệt rồi
Tịch diệt mới là vui.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Vứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

162. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, rồi ngồi qua một bên, nói kệ:

*Ai từ bỏ gia nghiệp
Đoạn trừ tất cả pháp
Thường dạy cho người khác
Là Sa-môn không tốt.*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dạ-xoa, người hãy biết
Ai trong các chúng tộc
Gặp phải tai nạn khổ
Những người có trí tuệ
Không thể không thương họ
Thiện Thệ dùng đại bi
An ủi dạy, hướng dẫn
Pháp La-hán như vậy.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

163. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Có người hiền thiện nào
Thường tu tập hổ thẹn
Thí như con ngựa thuần
Không hung hăng ngang ngược?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Những người trong thế gian
Tu tập giảm hổ thẹn
Ai xa lìa những ác
Như ngựa thuần được cỡi.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

164. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Không biết rằng pháp mình
Lại ưa học pháp người
Gọi là ngu không thức
Bao giờ mới thấy được?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đã biết rõ pháp mình
Không thích làm pháp người
A-la-hán lậu dứt
Bỏ ác đạt chánh pháp.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

165. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Không khéo tu chánh pháp
Dựa cậy vào tà kiến
Là ngủ say không thức
Bao giờ mới tỉnh giấc?*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Khéo tu tập chánh pháp
Không nương tựa tà kiến
Vượt qua hẳn bờ ái
Phật biết đã Niết-bàn.*

Vị trời nói kệ khen:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

166. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả

khu Kỳ viên, đến gặp Phật, ngồi qua một bên, nói kệ.

*Tỳ-kheo đấng La-hán
Hết các pháp hữu lậu
Người diệt kết như vậy
Thân này là cuối cùng
Nói là ngã cũng sai
Nói phi ngã cũng sai.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tỳ-kheo đấng La-hán
Hết các pháp hữu lậu
Người diệt các kết ấy
Thân này là cuối cùng
Nội tâm không còn chấp
Ngã hay là phi ngã
Tùy thuận theo thế tục
Nên nói ngã, phi ngã.*

Vị trời nói kệ khen:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

167. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua A-tu-la là La-hầu-la lấy tay che mặt trắng. Nguyệt thiên tử rất kinh hãi, toàn thân lông tóc dựng ngược, vội đến gặp Phật, đánh lễ sát chân Phật, rồi nói kệ:

*Như Lai đại tinh tấn
Con đánh lễ quy y
Tất cả trở ngại gì
Cũng đều được giải thoát*

*Nay con gặp nạn lớn
 Xin cho con quy y
 Thiện Thế của thế gian
 Ứng Cúng A-la-hán
 Nay con đến quy y
 Như Lai thương thế gian
 Làm cho La-hầu-la
 Không ngăn che con nữa.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trăng ở giữa hư không
 Diệt trừ hết tối tăm
 Chiếu ánh sáng quang minh
 Trắng sáng và rõ ràng
 Trăng là đèn thế gian
 La-hầu hãy thả mau
 La hầu nghe kệ xong
 Trong lòng rất run sợ
 Mồ hôi ra như tắm
 Liền thả mặt trăng ngay.*

Khi ấy Bạt-la-bồ-lô-chiên thấy vua A-tu-la vội vàng thả mặt trăng, liền nói kệ:

*Tại sao ông kinh sợ
 Vội thả mặt trăng ngay
 Toát mồ hôi như tắm
 Run rẩy như kẻ bệnh?*

A-tu-la lại nói kệ:

*Ta nghe Phật nói kệ
 Nếu không thả mặt trăng
 Đầu sẽ bể bảy phần
 Không còn hưởng an lạc.*

Bạt-la-bồ-lô-chiên nói kệ:

*Phật ra đời hy hữu
 Thấy Ngài, được an lạc*

*A-tu-la nghe kệ
Liên thả mặt trắng ngay.*

M

168. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tay Ngài đã bị cùm
Và xiềng xích trói buộc
Dù không ở trong lao
Không bị gông trói buộc.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tay Ta không bị cùm
Và các loại xiềng gông
Trói bằng dây, bị nhốt
Ta diệt hết tất cả
Này Dạ-xoa phải biết
Ta thoát việc ấy rồi.*

Vị trời nói kệ:

*Thế nào gọi là xiềng?
Thế nào gọi gông cùm?
Thế nào là dây trói?
Thế nào là bị nhốt?*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Mẹ tức gọi là xiềng
Vợ chính là cùm gông
Con gọi là dây trói
Ái chính là bị nhốt
Ta không có mẹ xiềng
Cũng không vợ gông cùm
Không có con trói buộc
Không ái nào nhốt cả.*

Vị trời nói kệ:

*Lành thay không bị xiềng
Và không có cùm gông
Lành thay không dây trói
Không bị nhốt, lành thay!*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Xa lìa hẳn ghét sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

169. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở thôn Cư-la-tỳ-đại-tư, thuộc Thích-sí-la.

Vào sáng sớm, Đức Thế Tôn vừa cạo râu tóc xong, Ngài ngồi thẳng lưng, dùng y che trên đầu. Trong thôn Cư-la-tỳ-đại-tư ấy, có một Thiên thần đến gặp Phật, hỏi:

–Ngài ưu sầu phải không?

Phật đáp:

–Ta không mất gì cả, có gì phải ưu sầu?!

Thiên thần hỏi:

–Ngài vui mừng phải không?

Đức Phật đáp:

–Ta không được gì cả, có gì phải vui mừng.

Hỏi:

–Này Sa-môn, Ngài không ưu sầu, không hoan hỷ phải không?

Đức Phật nói:

–Người nói đúng:

Vị trời nói kệ:

*Tỳ-kheo, Ngài vì sao
Sống không có phiền não
Sống không có vui mừng
Ngồi riêng trong rừng vắng*

*Nơi này chẳng gì vui
Mà Ngài trong lúc ấy
Không hề bị trở ngại
Do hành động không vui?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta không có phiền não
An trú nơi giải thoát
Cũng không có hoan hỷ
Không vui nên không loạn
Thiên thần, người nên biết
Thế nên Ta độc cư.*

Vị trời lại nói kệ hỏi:

*Này Tỳ-kheo, tại sao
Ngài sống không phiền não?
Tại sao không hoan hỷ?
Độc cư nơi rừng vắng
Không hề bị trở ngại
Do đời sống không vui?*

Thế Tôn nói kệ:

*Hoan hỷ tức phiền não
Phiền não tức hoan hỷ
Thiên thần, người nên biết
Ta không vui, phiền não.*

Thiên thần lại nói kệ:

*Tỳ-kheo, thật lành thay!
Không có các phiền não
Cũng không có hoan hỷ
Lành thay! Không hoan hỷ
Lành thay! Sống độc cư
Không vui nên không loạn.*

Thiên thần nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn*

*Xa lìa hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ này xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

170. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Như ngồi trên dao bén
Như lửa cháy trên đầu
Phải siêng nghĩ phương pháp
Để đoạn trừ dục kết.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Như ngồi trên dao bén
Như lửa cháy trên đầu
Tỳ-kheo-niệm giác ngộ
Phải siêng nghĩ phương pháp
Để đoạn trừ biên kiến,
Thân kiến và ngã kiến.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

171. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường,

chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Thiên nữ hầu hai bên
 Quỷ yêu tinh chen lẫn
 Trong rừng ngu tối tăm
 Làm sao được giải thoát?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chánh trực chính là đường
 Không sợ là phượng tiện
 Yên lặng là diệu lạc
 Che bằng thiện giác quán
 Hồ thẹn là dây thừng
 Niệm là quân hộ vệ
 Trí tuệ là xe tốt
 Chánh kiến là hướng đạo
 Người nam hay người nữ
 Đi bằng loại xe này
 Tất xả bỏ danh sắc
 Là dục, dứt sanh tử.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Là bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

172. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

Chín cửa, bốn bánh xe

*Trong đây nặng như đồng
Bị chìm sâu trong bùn
Làm sao được thoát khỏi?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đoạn tận kết hỷ ái
Và trừ ác dục tham
Nhỏ bật gốc ái dục
Sau đó ra an ổn.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời ấy nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

173. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tóc kết trói bên ngoài
Tóc kết trói ở trong
Tóc kết trói thế gian
Nay con hỏi Cù-đàm
Làm sao tóc kết sử
Chúng không còn trói buộc?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Kiên trì giữ giới cấm
Tu định tâm, trí tuệ
Cần hành pháp tinh tấn
Là Tỳ-kheo đủ niệm
Làm cho tóc kết sử*

Chúng không còn trối buộc.

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

174. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Xuất gia thật là khó
Rất khó, khó thấy được
Kẻ ngu làm Sa-môn
Có rất nhiều trở ngại
Kẻ sợ hãi, biếng nhác
Tâm thường không hoan hỷ
Làm sao mà hành trì
Tu tập pháp Sa-môn
Không chế ngự tâm mình
Thường sanh tâm phiền não
Dục tưởng đã chế ngự
Làm sao trừ diệt được?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tỳ-kheo giữ ác giác
Như rùa rút sáu phần
Tỳ-kheo không chấp trước
Cũng không nào hại ai
Tỳ-kheo nhập Niết-bàn
Hoàn toàn không chê bai.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời ấy nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

175. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Duỗi người nằm ngủ say
Biếng nhác lại buồn chán
Ăn uống không điều độ
Cùng với tâm hèn kém
Năm việc đến như vậy
Không thể thấy thánh đạo.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người nào ngủ không chán
Biếng nhác lại buồn rầu
Ăn uống không điều độ
Và tâm ý hèn kém
Siêng bỏ năm pháp này
Chắc chắn thấy thánh đạo*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

176. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm sao cạn ao nước
Để nước không trở lại
Khổ vui của thế gian
Nơi nào tiêu tan hết?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nhãn, nhĩ với tỷ, thiệt
Và thân cùng với ý
Danh sắc đều không còn
Như vậy ao khô cạn
Làm cạn các nghiệp buộc
Khổ vui của thế gian
Do vậy không còn nữa
Và không có trở lại.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời ấy nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

177. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, thưa bằng kệ:

*Mâu-ni, Đấng Thế Hùng
 Cũng như Y-ni-diên
 Ăn ít không cần mùi
 Yên lặng ngồi trong rừng
 Nay con có chút nghi
 Muốn hỏi Đức Cù-đàm
 Khổ từ đâu sanh ra?
 Làm sao giải thoát khổ?
 Nơi nào diệt hết khổ,
 Xin Ngài chỉ cho con.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Thế gian có năm dục
 Ý căn là sáu xứ
 Trừ đoạn sạch hỷ dục
 Xa lìa tất cả khổ
 Đây là đường thoát khổ
 Cũng gọi giải thoát khổ
 Chỗ này diệt hết khổ
 Người nên biết như vậy.*

Vị trời nói kệ khen:

*Ngày xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

178. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

Giữa dòng nước sâu mạnh

*Không có gì bám víu
Không có chỗ để chân
Ai không bị chìm đắm
Phải tinh tấn những gì
Vượt qua dòng nước mạnh?*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Giữ giới cấm thanh tịnh
Tu tập trí, thiền định
Quán sát niệm nơi thân
Khó vượt mà vượt được
Thoát ly được dục kết
Vượt qua nghiệp sắc sử
Diệt hết nghiệp ái hỷ
Qua chỗ sâu như vậy
Vẫn không bị chìm đắm
Thì vượt được dòng thác.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời ấy nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

179. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ-hoàn, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên hỏi:

–Thưa Đức Cù-đàm, Ngài có biết về sự trói buộc của tất cả chúng sanh và sự giải thoát, giải thoát hoàn toàn của tất cả chúng sanh không?

Thế Tôn bảo vị trời:

–Ta hoàn toàn như thật tri về sự trói buộc của tất cả chúng sanh, sự đạt được giải thoát, giải thoát tận cùng, giải thoát hoàn toàn.

Vị trời lại hỏi:

–Làm sao biết được sự trói buộc, đạt được giải thoát, giải thoát tận cùng, giải thoát hoàn toàn của tất cả chúng sanh?

Đức Phật bảo:

–Ta đã quán triệt nghiệp hỷ ái. Nay người nên biết, tâm Ta đã đạt được giải thoát hoàn toàn. Do đạt giải thoát nên biết được sự buộc trói, sự giải thoát, sự giải thoát tận cùng, giải thoát hoàn toàn của tất cả chúng sanh.

Vị trời tán thán:

–Lành thay Cù-đàm! Ngài biết rõ sự trói buộc, sự giải thoát, giải thoát hoàn toàn...

Vị trời lại nói kệ:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

180. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch hỏi Phật:

–Thưa Đức Cù-đàm, Ngài đã vượt qua dòng nước chảy xiết phải không?

Thế Tôn đáp:

–Đúng vậy!

Vị trời nói:

–Thưa Cù-đàm, dòng nước mạnh này rất sâu rộng, không bờ, không có chỗ bám leo, không có nơi đặt chân mà vượt qua được, thật kỳ lạ!

Phật dạy:

–Đúng như vậy!

Vị trời lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm, làm thế nào Ngài vượt qua được dòng nước chảy mạnh, không có bờ để tựa, leo, không có chỗ đặt chân ấy?

Đức Phật đáp:

–Nếu Ta biếng nhác tất bị đắm trong đó, đã bị chìm đắm thì bị cuốn trôi. Vì Ta tinh tấn nên không bị chìm đắm, không bị cuốn trôi, nên ở trong dòng nước lớn chảy mạnh này không có chỗ dựa leo, không có chỗ đặt chân mà có thể vượt qua được.

Vị trời tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo có thể vượt qua được dòng nước mạnh này, không có chỗ vịn leo, thật là hiếm có.

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa Ta từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Xa lìa hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

Kệ tóm tắt:

*Mâu toàn và Thiên nữ
Bốn bánh xe, tóc kết
Ngủ mê, thật khó xong
Y-ni-diên, sử lưu
Vô triền trước giải thoát
Mà hay được tế độ.*

M

181. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Thế gian thường kinh sợ
 Chúng sanh mãi lo phiền
 Chưa được tài danh lợi
 Và khi đã được rồi
 Khi được và chưa được
 Làm sao không mừng sợ?
 Đối với những nghĩa này
 Xin Ngài dạy cho con.*

Thế Tôn nói kệ:

*Người nào có trí tuệ
 Tu tập giữ các căn
 Từ bỏ hết thế sự
 Những người làm như vậy
 Không còn phải tử sanh
 Ai không bỏ thế sự
 Thường ở mãi sanh tử
 Kinh hoàng và sợ hãi
 Ưu sầu các hiểm nguy
 Bị khổ não bức ép
 Ai lìa bỏ tất cả
 Trừ các hiểm nguy trên
 Thời thoát ly sanh tử
 Những pháp ác: lo, sợ.*

Vị trời nói kệ:

*Thuở xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Xa lìa hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

182. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Ai được sắc thắng diệu
Ai cỡi xe thoát qua
Được trú ở chỗ này
Phải tu tập nghiệp gì
Với những chúng sanh nào
Được chut Thiên dâng cúng?*

Thế Tôn nói kệ:

*Trì giới, có trí tuệ
Tự thân khéo tu tập
Niệm, thiền không phóng dật
Trừ bỏ bốn nhiệt não
Đúng pháp ý giải thoát
Như vậy được sắc đẹp
Đạt mỹ diệu tối thắng
Đi bằng đường hòa hợp
Bất cứ ở nơi nào
Đều tu tập pháp thiện
Nếu có bậc như vậy
Nên được trời cúng dường.*

Vị trời nói kệ:

*Thuở xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Lìa bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

183. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác

thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Thương gia nước La-thát
Tài sản giàu vô cùng
Họ cạnh tranh ham lợi
Tham cầu không biết chán
Tranh giành vì tài sản
Kết ái dục chảy tràn
Với những việc như vậy
Làm sao bỏ ái dục?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Lìa bỏ hết các duyên
Vợ con và lục súc
Cùng các thói quen ái
Trừ hẳn dục tham, si
Dứt dục đi xuất gia
Như vậy đoạn dục kết
Vĩnh viễn bỏ tất cả
Nổi chìm và tranh tụng.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Ngày xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Từ bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

184. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, ở nước Câu-tát-la có đám thương gia với năm trăm chiếc xe kết đoàn với nhau đi đến chỗ hoang vắng hiểm nạn, không có nước cỏ. Có năm trăm tên cướp theo dõi đoàn xe, lập mưu muốn cướp

đoạt. Trong chỗ hoang vắng, có vị Thiên thần biết bọn giặc cướp muốn đoạt xe, nên tự nghĩ: “Ta sẽ đến gặp các xe kia và hỏi họ. Họ đáp được ta sẽ cứu giúp. Nếu họ nói không thông ta sẽ để mặc họ”. Sau khi suy nghĩ, vị thần liền đến trước đoàn xe, thân chiếu hào quang sáng rực cả năm trăm chiếc xe, nói kệ hỏi những thương gia:

*Người nào đang thức gọi là ngủ?
 Người nào đang ngủ gọi là thức?
 Ai thấu hiểu được ý nghĩa này
 Đây chính là lúc trả lời ta.*

Trong số thương gia có vị Ưu-bà-tắc quy y Tam bảo đạt được lòng tin đầy đủ, đối với Phật, Pháp, Tăng đã quyết định không còn nghi, đối với bốn Thánh đế không còn ngờ, đã được kiến đế, chứng quả thứ nhất. Sáng sớm, vị ấy thức dậy, ngồi thẳng người, đặt niệm ở trước mặt, tiếng đọc kinh phát rõ, tụng kệ pháp cú, kinh duyên khởi, các bài kinh kệ. Vị Ưu-bà-tắc này nói kệ đáp:

*Ta đối với thức gọi là ngủ
 Đối với người ngủ gọi là thức
 Ta hiểu rất rõ sự việc này
 Thế nên nay ta nói kệ đáp.*

Thiên thần nói kệ hỏi:

*Vì sao người bày tỏ thế này:
 Ta đối với thức gọi là ngủ
 Đối với người ngủ gọi là thức
 Vì sao như vậy, xin trả lời.*

Vị Ưu-bà-tắc nói kệ:

*Đoạn trừ tham dục, sân giận, si
 Các lậu đã hết, chứng La-hán
 Bạc ấy đã thức, tôi đang ngủ
 Không biết khổ, tập và diệt, đạo
 Ta với kẻ ngủ gọi là thức
 Thiên thần, ngài nên biết như vậy.*

Thiên thần nói kệ:

Lành thay! Với thức gọi là ngủ

*Ông đáp lời tôi thật hoàn toàn
Lâu nay không gặp anh em pháp
Nay được gặp nhau thật hoan hỷ
Các bạn của ông nhờ nơi ông
Tất cả được an ổn trở về.*

Đức Phật giảng nói xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

185. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa ở thành Thâu-ba-la có trú xứ của các vị Ưu-bà-tắc. Những vị Ưu-bà-tắc này cùng nhau tập hợp ở hội trường, chê trách lỗi lầm của dục tham, ngoại hình của dục như xương trắng phơi ra. Dục như miếng thịt bị các con chim tranh nhau. Dục như phân độc, nọc độc, ô uế. Dục như hầm lửa, người bị ghẻ lở lói hơ vào lửa để bớt đau đớn nhưng bệnh càng nặng thêm. Dục như cầm đuốc đi ngược gió, nếu không vứt bỏ tất bị đuốc đốt cháy. Dục như mộng huyễn, như vay mượn, như trái cây sắp rụng, như mũi giáo, là bất tịnh, tràn ngập cả xấu xa nhơ bẩn, như ăn không tiêu, hôi hám đáng ghét. Tuy họ cùng nhau bàn luận bằng nhiều lời lẽ chê trách về lỗi lầm của dục, nhưng sau khi về nhà, họ vẫn tự phóng dật.

Khi ấy vị Thiên thần ở chỗ giảng đường, nơi các vị Ưu-bà-tắc tụ tập, suy nghĩ: “Các Ưu-bà-tắc tập hợp ở đây bàn luận về sự lỗi lầm, nguy hiểm của dục, nhưng khi về nhà, họ vẫn thụ hưởng say đắm dục, không thanh tịnh, không hành theo pháp. Nay ta hãy gây phiền phức để họ tỉnh ngộ”. Nghĩ như thế rồi, vị Thiên thần này trong lúc các Ưu-bà-tắc hội họp, nói kệ:

*Ưu-bà-tắc hội họp
Nói dục là vô thường
Các người lại hành động
Chìm đắm trong dòng dục*

*Cũng như lún trong bùn
 Bò già rơi vào đó
 Như nay ta quan sát
 Rất nhiều Ưu-bà-tắc
 Đa văn, trì cấm giới
 Chỉ thuyết lỗi của dục
 Nói dục là vô thường
 Nhưng chỉ là nói suông
 Không thật tâm bỏ dục
 Tham đắm tướng nam nữ
 Tham đắm là phi pháp
 Các người hãy từ bỏ
 Cần tu tập như pháp
 Trong giáo pháp của Phật.*

Khi Thiên thần nói kệ này, các Ưu-bà-tắc nghe kệ đều hiểu biết tỉnh ngộ ra, nhằm chán tham dục, tin nơi nhà chẳng phải nhà, cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo siêng năng tinh tấn, tu tập giới, định, tuệ, đều chứng quả A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

186. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Trưởng giả Tu-đạt-đa có một ít việc, từ nước Xá-vệ đến thành Vương xá, ở nhà trưởng giả Hộ Di, thấy trong nhà này suốt đêm không ngủ, chẻ củi, đốt lửa nấu các món ăn, sắp đặt tòa cao, bày biện ghế giường.

Trưởng giả Tu-đạt thấy sự việc này, suy nghĩ: “Nhà Trưởng giả này đang sửa soạn, bày biện vật dụng để tổ chức tiệc vui chơi cho lễ cưới, hay vì đón tiếp vua Tần-bà-sa-la và các đại thần?”. Ông ta lại suy nghĩ: “Nếu vì đón tiếp nhà vua, đại thần hay lễ cưới thì Trưởng giả này không phải nhọc thân vội vã tự làm những việc lao khổ, đốt

lửa nấu thức ăn, chắc chắn người ấy quan trọng lắm, nhưng không biết là ai? Ta sẽ hỏi ông ta”.

Tu-đạt nghĩ như thế rồi, đem ý tưởng hỏi Trưởng giả kia. Trưởng giả Hộ Di đáp:

–Tôi không phải tổ chức lễ mừng đám cưới, cũng không đón tiếp vua Tần-bà-sa-la cùng các đại thần... mà sáng sớm ngày mai tôi sẽ nghinh đón Đức Phật và chư Tăng, thế nên tổ chức, bày biện như thế này.

Trưởng giả Tu-đạt-đa vừa nghe đến tên Phật, toàn thân rung động, vừa sợ vừa mừng, hỏi:

–Tại sao gọi là Phật?

Hộ Di đáp:

–Vị ấy thuộc chủng tộc họ Thích, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, chứng đạo Vô thượng chân chánh, hiệu là Phật.

Tu-đạt lại hỏi:

–Tại sao gọi là Tăng?

Trưởng giả đáp:

–Người con dòng Sát-lợi cạo bỏ râu tóc theo Phật xuất gia, hay dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la... tin nơi nhà chưởng phủ nhà, theo Phật xuất gia, đấy gọi là Tăng. Nay tôi đang thỉnh Đức Phật và Tăng.

Tu-đạt-đa hỏi:

–Hôm nay có thể gặp Đức Như Lai không?

Hộ Di đáp:

–Đức Như Lai đang ở tại rừng trúc Ca-lan-đà gần đây, bạn hãy chờ thời gian ngắn, Đức Phật sẽ đến thọ sự cúng dường của tôi.

Khi ấy Tu-đạt-đa trong lòng rộn ràng nghĩ đến việc gặp Thế Tôn, nên chỉ ngủ một chút liền thức dậy. Trời vẫn còn tối, Tu-đạt tưởng là đã sáng, liền đứng lên lần hồi đi đến cửa thành. Thường thường cửa thành ấy mở cửa vào đầu đêm và cuối đêm. Khi Tu-đạt đến bên dưới cửa thành, thấy cửa thành mở, cho rằng trời đã sáng, nên ra khỏi cửa thành, muốn đến gặp Đức Phật. Trước đây, ông ta niệm Phật nên có ánh sáng chiếu vào thân ông.

Ra ngoài thành, ông thấy một miếu thờ trời, liền đi nhiều và cung kính lễ bái miếu. Bỗng nhiên ánh sáng bị mất, trời tối lại, ông

suy nghĩ: “Trời còn quá tối, có thể ta bị người hay phi nhân làm hại, ta nên trở vào thành”.

Thiên thần Thi-bà lúc ấy liên phóng hào quang rực rỡ chiếu sáng đến tận Kỳ Hoàn, bảo với Tu-đạt:

–Ông hãy tiến tới, không nên trở về.

Thiên thần nói kệ:

*Giả sử trăm con ngựa
Chở đầy cả châu báu
Với trăm người bưng vàng
Để đem đi bố thí
Lần lượt thí như vậy
Khắp cả cõi Diêm-phù
Hết công đức như thế
Gom lại thành một phần
Chỉ bằng phần mười sáu
Công đức của một người
Phát tâm đi về Phật
Giữ chân bước một bước.
Giả sử trong núi Tuyết
Có voi sức mạnh lớn
Số này đến trăm thớt
Mang đầy vàng ngọc quý
Thân thể rất đẹp đẽ
Bước đi thật là nhanh
Sức lực thật dũng mãnh
Chở nhiều vật quý báu
Đem dùng để bố thí
Không bằng phần mười sáu
Công đức một bước chân
Hướng về với Đức Phật.
Như nước Kiếm-ma-kỳ
Cung cấp nhiều nữ quý
Dung nhan rất xinh xắn
Số này đến cả trăm
Trang sức với chuỗi ngọc*

Vàng ròng là chủ yếu
 Đầu đội vòng ngọc quý
 Dem số này bố thí
 Công đức này đạt được
 Không bằng phần mười sáu
 Giở chân đi một bước
 Đến Phật bằng lòng tin
 Thế nên ta khuyên người
 Đến đây đừng trở về.

Tu-đạt-đa hỏi Thiên thần:

–Người là ai?

Thiên thần đáp:

–Ngày trước tôi là chàng trai tên Thiện Thân, bạn của ông. Trong lúc lâm chung, phát tâm hoan hỷ với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên qua đời được sanh thiên, làm con Tỳ-sa-môn Thiên vương ở phương Bắc. Tôi đối với đệ tử của Đức Như Lai phát tâm tùy hỷ còn được phước như vậy, huống chi đối với Đức Phật.

Tu-đạt-đa tự nghĩ:

–Vị Thiên thần này xưng tán như thế, theo đấy suy luận thì biết Bậc kia có công đức tôn quý, thù thắng.

Khi ấy Thế Tôn đang đi kinh hành trên đất trống, Trưởng giả Tu-đạt-liên đến bên Đức Phật. Do lần đầu gặp Thế Tôn nên ông ta không biết lễ kính, ngồi ngay ở trước. Thiên thần kia hóa thành một Bà-la-môn, đến chỗ Đức Phật đi nhiều ba vòng, cung kính đánh lễ, sau đó mới ngồi. Tu-đạt thấy như vậy rồi nên bắt chước vị kia, sau khi lễ kính, ngồi xuống thăm hỏi:

–Không biết thánh thể Ngài có an lạc không?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Sống hoàn toàn an lạc
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Không nhiễm ô do dục
 Giải thoát tất cả hữu
 Tâm đoạn các dục cầu
 Tâm trừ mọi phiền não

*Tâm Ta đã thanh tịnh
Tịch diệt nghĩ an ổn.*

Thế Tôn đưa Tu-đạt vào phòng, rồi lên ngồi trên tòa. Tu-đạt lay sát chân Phật, ngồi qua một bên. Đức Phật giảng thuyết giáo pháp cho ông, khiến ông hoan hỷ, đạt lợi ích, giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, xuất ly là an lạc. Đức Phật biết tâm ý của Tu-đạt-đa đã thuần chính, rộn rã vui mừng nên Ngài giảng pháp Tứ đế cho ông. Ngay tại chỗ ngồi, Tu-đạt thấy rõ bốn Chân đế, như tấm vải mới, sạch, rất dễ nhuộm màu. Cũng như vậy, Tu-đạt rất dễ giác ngộ, thấy pháp chứng pháp, đoạn trừ tám mươi kết sử sâu dày, đắc Tu-đà-hoàn, liền đứng dậy sửa lại y phục, lay sát chân Phật, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con tên Tu-đạt-đa, vì hay bố thí cho những người nghèo cùng, mọi người tôn xưng con là Cấp Cô Độc.

Đức Phật nói:

–Ông là người nước nào, thuộc chủng tộc nào?

Tu-đạt bạch Phật:

–Con sanh ra ở nước Xá-vệ, cầu mong Thế Tôn đến nước ấy, trọn đời con sẽ cúng dường Ngài.

Phật bảo Tu-đạt-đa:

–Nước ấy có trú xứ cho Tăng chúng không?

Tu-đạt-đa bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, chỉ mong Ngài đến đó, con sẽ tạo lập để các Tỳ-kheo qua lại an trú.

Đức Như Lai im lặng nhận lời. Tu-đạt-đa nghe Phật dạy và nhận lời thỉnh, đảnh lễ chân Phật, hoan hỷ từ giả.

M

187. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy Trưởng giả Tu-đạt bị bệnh rất nặng. Thế Tôn nghe ông ấy bị bệnh nặng, vào sáng sớm, mặc y mang bát đến thăm.

Trưởng giả Tu-đạt từ xa thấy Thế Tôn đến, liền tựa mình muốn ngồi dậy. Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Ông không cần ngồi dậy.

Sau khi ngồi trên tòa riêng, Đức Phật hỏi Trưởng giả:

– Bệnh hoạn, đau đớn, ông chịu đựng được không? Uống thuốc, bệnh tăng giảm thế nào?

Trưởng giả bạch Phật:

– Bệnh khổ của con rất khó chịu, sự đau đớn càng lúc càng tăng, hành hạ thật khó chịu. Như người có sức mạnh dùng dây quấn chặt đầu người yếu ớt, siết mạnh dây, ép sát vào, đầu con đau đớn cũng như vậy. Ví như người đồ tể với con dao thật bén mổ bụng con bò, nạo quậy trong ngũ tạng, bụng con đau đớn cũng như thế. Như hai lực sĩ nắm lấy một người rất gầy yếu bệnh hoạn đem nướng lên lửa, thân bệnh của con nóng sốt, đau đớn cũng như vậy.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

– Nay ông phải sanh tâm tin tưởng không gì hủy hoại được đối với Phật, Pháp, Tăng và Giới.

Trưởng giả bạch:

– Con đã có đầy đủ bốn Bất hoại tín của Đức Phật dạy.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

– Dựa vào bốn Bất hoại tín, nay ông phải tiếp tục tu tập pháp sáu niệm. Ông phải niệm các công đức của Phật, nhớ mười hiệu của Đức Phật là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đây là niệm Phật.

Thế nào là niệm Pháp?

Giáo pháp thù thắng vi diệu do Như Lai thuyết giảng đều tốt đẹp, toàn thiện, có lợi ích trong hiện tại, có đạo thì đắc quả, xa lìa nhiệt não, vượt ngoài thời gian, có khả năng hưởng đến xứ thiện để thấy rõ trong hiện tại... *cho đến...* chỉ có người trí tự mình biết rõ. Đây là niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng?

Thường phải nhớ nghĩ về đức hạnh của Tăng bảo. Thánh tăng của Như Lai đầy đủ hương và quả, tùy bệnh cho thuốc, chân chánh hướng về đạo, tu hành theo thứ lớp, không vượt qua trung đạo, thường tùy theo Phật hành động theo Pháp, Tu-đà-hoàn hương, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hương, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hương, A-na-hàm quả, A-la-hán hương, A-la-hán quả. Đây là Thanh văn Tăng của Như

Lai, đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, là bậc để người khác thăm viếng. Những bậc Tăng như vậy, xứng đáng được kính lễ, chấp tay vái chào. Đây gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm Giới?

Tự niệm, hành động với giới viên mãn, giới thanh tịnh, giới không vết nhớ, giới không khuyết, giới không rò rỉ, giới thuần tịnh, giới không cấu uế, giới vì không cầu tài vật, giới là chỗ người trí ưa thích, giới không thể chê trách. Theo thứ tự niệm như vậy, gọi là niệm Giới.

Thế nào là niệm Thí?

Với hành động bố thí của ta, ta được lợi ích toàn thiện, nên phải xa lìa tham lam keo kiệt, thực hành bố thí, tâm không bị lệ thuộc thì lìa bỏ được. Khi bố thí, cho với tự tay, tâm thường vui với sự bố thí, không nhàm chán mệt mỏi, đầy đủ tâm xả. Có ai cầu xin thường phân chia cho họ. Đây là niệm Thí.

Thế nào là niệm Thiên?

Thường nên hộ trì tâm niệm về Lục dục thiên, niệm Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, sanh vào sáu cõi trời kia.

Tu-đạt-đa bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đã tu tập đầy đủ sáu pháp niệm do Đức Phật dạy.

Tu-đạt lại bạch Phật:

–Cầu mong Thế Tôn nhận lời thọ trai tại nhà con.

Đức Thế Tôn im lặng thọ thỉnh. Đến giờ thọ trai, Trưởng giả Tu-đạt sai người dọn các món ăn thơm ngon tinh khiết dâng lên Đức Như Lai.

Sau khi cúng dường, Trưởng giả chấp tay hướng về Phật, thưa:

–Thế Tôn ra đời, thật khó được gặp.

Đức Phật giảng dạy giáo pháp làm cho Trưởng giả được lợi ích vui vẻ, rồi từ giả ra về. Sau khi Đức Phật ra về, ngay trong đêm ấy, Trưởng giả Tu-đạt qua đời, sanh lên cõi trời.

Sau khi sanh lên cõi trời, thiên tử Tu-đạt với hào quang dị thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, trở lại gặp Đức Phật, lạy sát chân Phật, ngời qua một bên, nói kệ:

Nơi này nay vẫn vậy

Vườn rừng chùa Kỳ viên
 Nơi Tiên thánh trú ngụ
 Rừng ao rất thanh tịnh
 Pháp chủ sống ở đây
 Nay tâm con hoan hỷ
 Tín, giới, định, tuệ nghiệp
 Chánh mạng làm thanh tịnh
 Ai tu tập như vậy
 Là hướng đến thanh tịnh.
 Giòng họ hay giàu có
 Không thể đạt quả này
 Xá-lợi-phất trí tuệ
 Yên lặng giữ cấm giới
 Vui sống nơi chỗ vắng
 Tối thắng không ai bằng.

Đức Phật bảo vị trời ấy:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

Thế Tôn nói kệ:

Tín, giới, định, tuệ nghiệp
 Chánh niệm làm thanh tịnh
 Không phải do dòng họ
 Giàu có đạt quả này
 Xá-lợi-phất trí tuệ
 Tịch diệt thường trì giới
 Vui sống nơi yên vắng
 Tối thượng không ai bằng.

Thiên tử Tu-đạt nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, biến mất khỏi chỗ ngồi, trở về Thiên cung.

Vào lúc trời chưa sáng tỏ, Đức Thế Tôn vào giảng đường, trải tọa cụ ra ngồi, bảo các Tỳ-kheo:

–Vừa rồi có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Ta, đánh lễ sát dưới chân, nói kệ:

Nơi này vẫn như xưa
 Vườn rừng của Kỳ viên

*Nơi Tiên thánh trú ngụ
 Rừng ao rất yên tịnh
 Pháp chủ sống ở đây
 Nay con sanh hoan hỷ
 Tín, giới, định, tuệ nghiệp
 Chánh mạng là thanh tịnh
 Ai tu tập như vậy
 Là hướng đến thanh tịnh
 Chẳng phải do dòng họ
 Giàu có đạt quả này
 Xá-lợi-phất trí tuệ
 Tịch nhiên giữ giới cấm
 Vui sống nơi vắng lặng
 Tối thượng không ai bằng.*

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở sau lưng Đức Phật, nghe bài kệ của vị thiên, bạch Phật:

–Đây chắc là Trưởng giả Tu-đạt được lên sanh cõi trời nên trở lại ca ngợi Xá-lợi-phất.

Phật dạy:

–Đúng như vậy. Tu-đạt-đa được sanh lên cõi trời, trở lại gặp Ta nói bài kệ ấy.

A-nan và các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

188. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong rừng Đệ nhất, thuộc vườn Khoáng dã. Bấy giờ Thủ Trưởng giả bị bệnh nặng. Thế Tôn nghe ông ta bị bệnh nên vào sáng sớm hôm sau, Ngài đắp y bưng bát đến nhà vị ấy.

Thủ Trưởng giả từ xa thấy Thế Tôn đến, chuyển mình muốn ngồi dậy. Phật bảo Trưởng giả:

–Ông không cần ngồi dậy. Ông chịu đựng được đau đớn không? Uống thuốc có thuyên giảm, không tăng thêm chứ?

Trưởng giả bạch Phật:

–Nay con đau đớn rất khó chịu, đau khổ kịch liệt càng lúc càng

tăng, hành hạ thật nguy nan. Như người có sức mạnh lấy tay bóp lấy đầu người sức yếu, ép chặt siết mạnh, đầu con đau đớn cũng như vậy. Như người đồ tể với cái dao bén của ông ta mổ khoét, cắt đứt từng đoạn ruột gan của con bò, bụng con đau đớn cũng như thế. Như hai người lực sĩ nắm chặt một người yếu ớt bệnh hoạn đem nướng trên lửa làm thân thể khô nứt, thân thể con đau đớn, nóng sốt cũng không khác.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Nay ông cần phải đối với Phật, Pháp, Tăng, Giới phát sanh tâm tín tưởng không gì hủy hoại được.

Trưởng giả bạch Phật:

–Con đã có đầy đủ bốn Bất hoại tín của Đức Phật giảng dạy.

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Dựa vào bốn Bất hoại tín để tu tập sáu niệm.

Trưởng giả bạch Phật:

–Sáu niệm này con đã tu tập đầy đủ.

Bấy giờ Trưởng giả bạch Phật:

–Cầu mong Thế Tôn thọ trai ở đây.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Đến giờ ăn, Thủ Trưởng giả sai người dọn các món ăn thơm ngon tinh khiết dâng lên Đức Như Lai. Sau khi Trưởng giả cúng dường, Đức Như Lai thọ trai xong, Trưởng giả chấp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Đức Thế Tôn ra đời rất ít khi được gặp.

Đức Phật giảng giáo pháp làm cho Trưởng giả được lợi ích, hoan hỷ, sau đó đứng dậy cáo từ.

Khi Như Lai trở về, vào đêm ấy, Thủ Trưởng giả qua đời, sanh lên cõi trời Vô nhiệt. Sau khi sanh thiên, vị ấy tự nghĩ: “Ta nên đến gặp Đức Phật”. Suy nghĩ như trên rồi, vị trời ấy đến gặp Đức Phật với hào quang rực rỡ chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đánh lễ sát dưới chân Phật, ngồi xuống qua một bên, thì thân thể bị lún vào đất như bơ dầu rớt trên đất. Đức Phật bảo thiên tử:

–Ông hãy hóa thân thô xấu với ý tưởng trụ lại.

Thủ thiên tử vâng lệnh Phật, liền hóa ra thân hình thô xấu ở Dục giới nên không bị chìm lún nữa. Đức Phật bảo Thủ thiên tử:

–Ông hành bao nhiêu pháp với tâm tinh tấn không nhầm chán nên sau khi qua đời sanh lên cõi trời Vô nhiệt?

Thủ thiên tử bạch Phật:

–Con thực hành ba pháp, tâm không nhầm chán nên được sanh thiên, là gặp Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng không nhầm chán, nên sau khi qua đời được sanh cõi trời Vô nhiệt.

Thủ thiên tử nói kệ:

*Con thường ưa gặp Phật
Không bỏ việc nghe pháp
Cúng dường Tỳ-kheo Tăng
Thọ trì pháp Hiền thánh
Điều phục tâm tham sân
Được sanh trời Vô nhiệt.*

Thủ Trưởng giả nói kệ xong, hoan hỷ đánh lễ, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung.

M

189. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Bảy Tỳ-kheo giải thoát
Sanh cõi trời Vô phiền
Đoạn hết nghiệp phải thọ
Vượt tham ái thế gian
Ai vượt qua dòng dũ
Vượt dòng chảy dũ này
Tự tại thoát sanh tử
Thật khó mà vượt khỏi
Ai dứt dây thân chết
Vượt khỏi cảnh giới trời.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

Ưu-tỳ, La-kiến-đà

Thứ ba Phật Yết-la
 Bạt Trục, Yết-đề-bà
 Bà-hâu, Đề-tỳ-nữu
 Những vị Tỳ-kheo ấy
 Đã vượt khỏi dòng thác
 Tự tại thoát sống chết
 Cắt đứt dây tử sanh
 Vượt qua cảnh giới trời
 Ngôn thuyết rất sâu xa
 Khó biết, khó hiểu rõ
 Lời nói thật toàn thiện
 Ông là vị thiên nào
 Đến hỏi Ta việc ấy?

Vị trời nói kệ đáp:

Con không xa cõi này
 Tên là trời Vô phiền
 Thế nên con biết rõ
 Bấy Tỳ-kheo giải thoát
 Đoạn sạch hết nghiệp ái
 Thoát trói buộc thế gian
 Con sanh lên trời trước
 Nay sẽ nói đầy đủ
 Phạm hạnh, các lậu hết
 Ưu-bà-tắc Ca-diếp
 Thợ gốm nuôi cha mẹ
 Xa lìa hẳn dâm dục
 Ca-diếp và cha mẹ
 Các thanh niên Ái Đáp
 Họ là bạn thân con
 Con, bạn thân của họ
 Tịnh thân, giữ miệng ý
 Đang sống thân cuối cùng
 Những đại nhân như vậy
 Là bạn lành với con.

Thế Tôn nói với vị trời:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Thật như lời ông nói.

*Thọ gồm như ông nói
Ở Tỳ-bà-lăng-già
Thọ gồm Nan-đề-bà
Ưu-bà-tắc Ca-diếp
Hiếu dưỡng nuôi cha mẹ
Phạm hạnh đoạn phiền não
Ông bạn thân với ta
Ta cũng thân với ông
Các đại nhân như vậy
Ngày xưa thân cận nhau
Tu tập thân, khẩu, ý
Thân này là cuối cùng.*

Vị trời nghe Phật dạy, hoan hỷ đảnh lễ từ giã.

M

Kệ tóm lược:

*Thường kinh khủng nhan sắc
La-thát quốc, cổ khách
Du-ba-la, Tu-đạt
Tu-đạt-đa sanh thiên
Thủ Trưởng giả sanh thiên
Lại có trời Vô phiền.*

□

BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN X

190. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ Phạm chí Độc Tử đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con có chút nghi ngờ, muốn thưa hỏi. Ngài là Bạc Đa Văn, xin Ngài cho phép.

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Nếu có nghi ngờ, tùy ý nêu hỏi.

Độc Tử hỏi:

–Ngã và thân là một phải không?

Phật đáp:

–Ta không trả lời về sự việc này.

Hỏi:

–Ngã và thân khác nhau phải không?

Phật đáp:

–Ta cũng không trả lời về sự việc này.

Độc Tử nói:

–Con hỏi Ngài: “Ngã với thân là một phải không?”, Ngài không đáp; “Ngã với thân khác nhau phải không?”, Ngài cũng không đáp. Những câu hỏi này không được Ngài đáp, tại sao Ngài có thể thọ ký cho đệ tử chết chỗ này sanh chỗ kia trong cảnh giới Trời, Người? Nếu Ngài đã thọ ký họ chết chỗ này sanh chỗ kia thì chẳng phải là thân chỗ này còn ngã đến một trong năm cảnh giới kia hay sao? Nếu như vậy thì thân với ngã phải khác nhau?

Phật bảo Phạm chí:

–Ta giảng nói: kẻ nào có thủ thì chắc chắn kẻ ấy thọ sanh, ai không có thủ thì không còn thọ sanh. Nay Độc Tử, như lửa có thủ (*nhiên liệu*) mới cháy, nếu không có thủ thì không thể cháy.

Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm, con cũng thấy lửa không thủ vẫn cháy.

Phật hỏi Độc Tử:

–Người thấy lửa gì không có thủ, vẫn cháy?

Độc Tử đáp:

–Con thấy có trường hợp lửa cháy dữ, bùng lên rực rỡ, có ngọn gió mạnh làm lửa bay đi mà nó vẫn còn cháy.

Phật bảo Độc Tử:

–Ngọn lửa bay đi này vẫn có thủ.

Độc Tử nói:

–Rời đồng lửa, ngọn lửa vẫn cháy, vậy lấy gì làm thủ?

Đức Phật nói:

–Ngọn lửa rời đồng lửa, nhờ gió mà cháy, lấy gió làm thủ, nên ngọn lửa vẫn cháy, nhờ sức của gió nên thấy ngọn lửa rời vẫn cháy.

Độc Tử nói:

–Lửa có thể được, chứ người thì không phải. Tại sao? Thân chết ở đây, ý sanh ở kia, khoảng gián cách này lấy gì làm thủ?

Phật dạy:

–Khi ấy lấy ái làm thủ, do nhân duyên ái thủ nên chúng sanh thọ sanh. Tất cả chúng sanh thế gian đều yêu mến thủ, tất cả đều vì thủ nên yêu mến, tất cả đều lấy thủ làm nhân, chúng sanh thấy thủ đều sanh tâm hoan hỷ. Tất cả chúng sanh đều rơi vào thủ. Đức Như Lai, A-la-hán vì không có thủ nên chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Độc Tử thưa:

–Nay con có việc cần phải làm, muốn trở về nhà.

Phật dạy:

–Này Phạm chí, phải biết tùy thời.

Độc Tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

191. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Độc Tử đến gặp Tôn giả Đại Mục-liên. Sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên. Phạm chí Độc Tử hỏi Mục-liên:

– Vì lý do nào mà Sa-môn, Bà-la-môn đến hỏi Phật về việc chết ở đây sanh nơi kia, cho đến... chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh thì Ngài im lặng không đáp? Trong khi đó các Sa-môn, Bà-la-môn khác thấy có người đến hỏi, đều trả lời tùy ý họ. Trước đây, tôi từng hỏi Sa-môn Cù-đàm về chết nơi này sanh nơi kia nhưng không được Ngài đáp. Hỏi về chết ở đây không sanh nơi kia, chết ở đây cũng sanh nơi kia, cũng không sanh nơi kia, chết ở đây chẳng phải sanh nơi kia, chẳng phải không sanh nơi kia, đều không được đáp. Vì lý do nào Sa-môn Cù-đàm im lặng không đáp?

Tôn giả Mục-liên nói:

– Các Sa-môn, Bà-la-môn khác không biết về nguyên nhân phát sanh ra sắc, không biết sắc diệt, không biết sắc vị, không biết cái hại của sắc, không biết xuất ly sắc. Vì họ không hiểu được những ý nghĩa này nên chấp trước sắc, cho rằng sắc của ta sanh ở kia, ta không sanh ở kia, vì chấp trước sắc nên cho rằng ta cũng sanh ở kia, cũng không sanh ở kia, vì chấp trước sắc nên cho rằng ta phải sanh ở kia, ta chẳng phải không sanh ở kia. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đức Như Lai như thật tri về sắc từ nhân nào sanh, sắc từ nhân nào diệt, biết sắc vị, biết cái hại của sắc, biết xuất ly sắc. Đức Như Lai như thật tri về sắc sanh ở chỗ kia nên tâm không chấp thủ, cho đến biết về sắc chẳng sanh, chẳng phải không sanh, cũng không chấp thủ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Với ý nghĩa này sâu xa vô lượng, không có giới hạn, không thể biết được bằng toán số, không có nơi chốn, không có đến đi, tịch diệt vô tướng.

Phạm chí Độc Tử nghe lời giảng giải của Tôn giả Mục-liên, hoan hỷ phụng hành.

M

192. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Độc Tử đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, vì lý nào các Sa-môn, Bà-la-môn khác, nếu có người hỏi đều tùy thuận trả lời: “Ta chết ở đây sanh chỗ kia, ta chết ở

đây không sanh chỗ kia, ta chết ở đây cũng sanh chỗ kia, cũng không sanh chỗ kia, ta cũng chẳng sanh chỗ kia, chẳng không sanh chỗ kia”.

Độc Tử lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm, câu hỏi như vậy vì sao Ngài không thể tùy thuận mà đáp?

Đức Phật bảo:

–Các Sa-môn, Bà-la-môn khác không biết nguyên nhân sanh ra sắc, không biết sắc diệt, không biết cái hại của sắc, không biết sắc vị, không biết xuất ly sắc. Do họ không biết nguyên nhân sanh ra sắc, cho nên không biết cách lìa khỏi sắc, nên đối với sắc cho rằng ta chết ở đây sanh chỗ kia, chết ở đây không sanh chỗ kia, chết ở đây cũng sanh chỗ kia, cũng không sanh chỗ kia, chết ở đây chẳng phải sanh chỗ kia, chẳng phải chẳng sanh chỗ kia, đều do chấp thủ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Đức Phật lại bảo Độc Tử:

–Đức Như Lai không phải như vậy, Như Lai biết như thật về nguyên nhân sanh sắc, biết sắc diệt, biết sắc vị, biết cái hại của sắc, biết xuất ly sắc. Như Lai đã biết như thật về nguyên nhân sanh ra sắc, sắc diệt, cái hại của sắc, sắc vị, xuất ly sắc, do biết rõ sắc nên đối với sự việc: ta chết ở đây sanh chỗ kia, cho đến chẳng phải sanh, chẳng phải chẳng sanh chỗ kia, đều không chấp trước. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Thế nên ý nghĩa này rất sâu rộng, to lớn, vô lượng vô biên không thể tính toán được.

Này Độc Tử, vì nhân duyên này, các Sa-môn, Bà-la-môn, không thấu triệt ý nghĩa ấy, theo câu hỏi mà đáp bừa. Ai hỏi Như Lai về sắc của ta sanh chỗ kia hay không sanh chỗ kia, cũng sanh chỗ kia, cũng không sanh chỗ kia, chẳng sanh chỗ kia, chẳng không sanh chỗ kia, vì những câu hỏi này vô nghĩa lý nên Ta không đáp. Câu hỏi đã sanh chỗ kia, cho đến chẳng sanh, chẳng phải sanh, Ta cũng đều không đáp.

Độc Tử nói:

–Hy hữu thay Đức Cù-đàm! Ngài cùng đệ tử trình bày những sự việc đều giống nhau cả về hình thức và nội dung, ý nghĩa câu nói đều đúng.

Độc Tử lại thưa:

– Trước đây con đến gặp Sa-môn Mục-kiền-liên, lúc ấy con đem ý nghĩa câu hỏi này hỏi Mục-liên, vị ấy đem câu nói với ý nghĩa đúng trả lời con. Thưa Cù-đàm, nay lời Ngài giảng dạy không khác lời Mục-liên. Thế nên nay con tôn xưng giáo pháp thế này là hy hữu, xưa chưa từng có và chưa được giảng nói với nghĩa lý thuận hợp, trả lời câu hỏi này thật hoàn toàn.

Phạm chí Độc Tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giả.

M

193.

Một thời Tôn giả Tăng-đề Ca-chiên-diên ở tại trú xứ Quần-thật-ca, thành Na-đề.

Bấy giờ Phạm chí Độc Tử có sự việc nên đến thành này. Sau khi đến thành ấy hoàn tất việc kinh doanh xong, Độc Tử đi đến gặp Tôn giả Tăng-đề Ca-chiên-diên, thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa với Tôn giả:

– Tôi có một điều nghi ngờ muốn thưa hỏi Tôn giả, nếu rảnh rỗi cho phép tôi hỏi, mong Tôn giả giải đáp.

Tôn giả nói:

– Nay Độc Tử, tôi cho phép ông hỏi, sau đó sẽ rõ.

Độc Tử hỏi:

– Vì nhân duyên gì các Sa-môn, Bà-la-môn khác, khi có người đến hỏi: Chết đây sanh ở kia, chết ở đây không sanh chỗ kia, cho đến chẳng phải sanh chỗ kia, chẳng phải chẳng sanh chỗ kia, họ đều trả lời. Sa-môn Cù-đàm khi được hỏi về vấn đề sắc chết ở đây sanh nơi kia, cho đến chẳng phải sanh nơi kia, chẳng phải chẳng sanh nơi kia, vì cho rằng vô nghĩa lý nên bỏ qua không đáp, phải không?

Tôn giả bảo:

– Ta hỏi ông, theo sự hiểu biết của ông, tùy ý đáp. Ý ông nghĩ sao? Với nhân, với duyên, với hành, với căn bản, với hành mà từ đó đưa đến đời sống, với sắc hoặc vô sắc, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, với nhân này, với duyên này, với hành này, với căn bản này, với hành này đưa đến chỗ tịch diệt hoàn toàn, vô tướng tận xứ, nếu đã như vậy thì không còn có nhân duyên, không hành, không tướng và các pháp

đã bị tận diệt. Như vậy Như Lai có thể nào nói rằng: chết ở đây sanh ở chỗ kia, cho đến nói chẳng phải sanh chỗ kia, chẳng phải chẳng sanh chỗ kia được không?

Độc Tử nói:

–Này Ca-chiên-diên, với nhân như vậy, duyên như vậy, hành như vậy, căn bản như vậy, với hành như vậy mà từ đó phát sanh sắc như vậy, vô sắc như vậy, tưởng như vậy, vô tưởng như vậy, nếu các pháp này đều đi đến chỗ diệt tận hoàn toàn, vô tướng diệt tận thì với các pháp như thế không còn có nhân duyên gì cả, Như Lai làm sao nói gì về chúng được?

Độc Tử lĩnh hội được điều ấy, trong tâm hoan hỷ hỏi Tôn giả:

–Tôn giả là đệ tử Phật, được thân cận với Phật đã lâu rồi phải không?

Tôn giả đáp:

–Tôi là đệ tử của Phật mới trải qua ba năm.

Độc Tử nói:

–Này Ca-chiên-diên, Tôn giả được lợi ích lớn, có thể ở giữa mọi người với thân khẩu trí tuệ biện tài như thế. Trong thời gian ngắn, Tôn giả có đủ khả năng như vậy, thật là hy hữu!

Độc Tử nói tiếp:

–Nay tôi có việc, cần phải trở về.

Tôn giả nói:

–Hãy biết tùy thời.

Phạm chí Độc Tử nghe lời dạy của Tôn giả Ca-chiên-diên hoan hỷ từ giả.

M

194. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Độc Tử đến gặp Đức Phật. Sau khi thăm hỏi, vị ấy ngồi qua một bên, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn, con có chút nghi ngờ, muốn thưa hỏi. Nếu Ngài rảnh rỗi xin giải đáp cho con.

Đức Phật nói:

–Ông tùy ý hỏi.

Độc Tử thưa:

–Vì lý do nào mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, khi có người đến hỏi: chết ở đây sanh ở kia, cho đến chẳng sanh kia, chẳng phải không sanh kia, họ đều đáp. Sa-môn Cù-đàm khi được hỏi về vấn đề này: chết đây sanh kia, cho đến... chẳng sanh kia, chẳng phải không sanh kia, đều cho rằng vô nghĩa lý nên bỏ qua không đáp?

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Nay Ta hỏi, ông tùy theo chỗ hiểu biết mà trả lời. Ý ông thế nào? Với nhân, duyên, hành, căn bản, với hành đưa đến đời sống, với sắc, vô sắc, tưởng, vô tưởng, với nhân này, duyên này, hành này, căn bản này, với hành này đưa đến tịch diệt hoàn toàn, vô tướng tận xứ. Những pháp như vậy không còn có nhân, duyên, không hành, không tưởng, là pháp tận diệt. Ta làm sao đối với pháp không nhân duyên, tận diệt này mà nói chết đây sanh kia, cho đến nói chẳng phải sanh kia, chẳng phải chẳng sanh kia cho được?!

Độc Tử bạch Phật:

–Với nhân như vậy, duyên như vậy, hành như vậy, căn bản như vậy, với hành như vậy là cơ sở đưa đến đời sống, sắc như vậy, vô sắc như vậy, tưởng như vậy, vô tưởng như vậy, các pháp như vậy, cho đến tận diệt hoàn toàn, vô tướng diệt xứ. Các pháp như thế không còn có nhân duyên, con làm sao có thể nói về nó được?!

Độc Tử lãnh hội được lời Phật dạy, tâm sanh hoan hỷ, bạch Phật:

–Hy hữu thay Đức Cù-đàm! Đệ tử Ngài và Ngài thuyết giảng về sự thật này với câu văn và ý nghĩa không khác nhau.

Độc Tử lại thưa:

–Vào một ngày nọ con có ít sự việc, đến trú xứ Quân-thật-ca thuộc thành Na-đề, hỏi Sa-môn Tăng-đề Ca-chiên-diên về sự việc như vậy. Tôn giả ấy đem ý nghĩa này để trả lời con, câu văn và ý nghĩa cùng với lời Ngài đang nói không khác nhau, không sai lầm. Thế nên con tôn xưng là hy hữu, giáo pháp như vậy là chưa từng có, chưa từng được nghe nói, nghĩa lý thuận hợp, khéo đáp ứng được với câu hỏi.

Phạm chí Độc Tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ già.

195. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, núi Linh thú, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Độc Tử đến gặp Phật, sau khi thăm hỏi ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Cù-đàm, tất cả chúng sanh có ngã không?

Phật im lặng không đáp.

Ông lại hỏi:

–Vô ngã phải không?

Phật cũng không đáp. Độc Tử tự nghĩ: “Ta từng hỏi Sa-môn Cù-đàm về ý nghĩa này nhưng vị ấy im lặng không đáp”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang ở bên cạnh cầm quạt quạt hầu Phật, nghe hỏi như vậy, thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài im lặng không đáp câu hỏi của Độc Tử? Nếu Ngài không đáp, Độc Tử sẽ nói: “Ta hỏi Như Lai, không thấy đáp gì cả! Có thể ông ta sẽ tăng trưởng tà kiến chăng?”

Đức Phật bảo A-nan:

–Trước đây ông ấy hỏi Ta: “Tất cả các pháp có ngã phải không?”. Nếu Ta đáp như câu hỏi của Độc Tử là các pháp có ngã thì ngược lại trước đây trong các kinh dạy các pháp vô ngã, phải không? Nếu Ta trả lời theo câu hỏi của ông ta: các pháp không có ngã, thì ngược với đạo lý. Tại sao? Bởi vì tất cả các pháp không có ngã thì lấy cái ngã nào để đối đáp với ông ta? Làm như vậy càng khiến tăng thêm sự ngu si, nghi ngờ vốn có của ông ta.

Lại nữa, này A-nan, ai nói có ngã là rơi vào thường kiến. Ai nói không có ngã là rơi vào đoạn kiến. Như Lai thuyết pháp xa lìa cả hai bên, nhằm vào trung đạo. Thế nên, phải biết các pháp biến hoại mà không thường còn, liên tục mà không đoạn tuyệt, không thường không đoạn, nhân như vậy thì có như vậy, nhân này sanh thì cái kia sanh, nhân này không sanh thì cái kia không sanh. Thế nên nơi vô minh thì có hành sanh, nhân hành có thức, nhân thức có danh sắc, nhân danh sắc có lục nhập, nhân lục nhập có xúc, nhân xúc có thọ, nhân thọ có ái, nhân ái có thủ, nhân thủ có hữu, nhân hữu có sanh, nhân sanh có lão, tử, ưu, bi, khổ não, cả một khối khổ

lớn. Nhân diệt thì quả diệt: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, tử, ưu, bi, khổ não, tập hợp các khổ bị diệt tận, cả khối khổ lớn bị diệt hết.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

196. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Độc Tử đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, hỏi Đức Phật:

–Thưa Cù-đàm, có phải Ngài đã bày tỏ với tri kiến này, với lý luận này: “Thế giới là thường, chỉ ta riêng hiểu rõ, người khác không biết?”.

Phật bảo Độc Tử:

–Ta không bày tỏ theo tri kiến như vậy, với lời nói như vậy: “Chỉ có Ta biết, người khác không biết.”

Độc Tử lại hỏi:

–Nếu Ngài không bày tỏ với lời nói như vậy thì tất cả thế giới đều vô thường phải không?

Phật bảo Độc Tử:

–Ta cũng không nói là thế giới vô thường, chỉ có Ta biết, người khác không biết.

Độc Tử lại hỏi:

–Có phải Ngài bày tỏ với lý luận: “Thế giới vừa thường vừa vô thường, chỉ có Ta biết, người khác không biết, phải không?”

Phật bảo Độc Tử:

–Ta cũng không giảng nói rằng thế giới vừa thường vừa vô thường, chỉ có Ta biết, người khác không biết.

Độc Tử lại hỏi:

–Có phải Ngài giảng nói: “Tất cả thế giới chẳng thường, chẳng

vô thường, chẳng phải chẳng thường, chẳng phải chẳng vô thường, chỉ có Ta hiểu, người khác không biết, phải không?”

Đức Phật đáp:

–Ta không giảng nói tất cả thế giới chẳng thường,... *cho đến...* người khác không biết.

Độc Tử lại hỏi:

–Thế giới hữu biên hay vô biên? Hay vừa hữu biên vừa vô biên? Hay chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên? Hay chẳng phải chẳng hữu biên, chẳng phải chẳng vô biên? Thân tức là mạng, hay mạng sống là thân? Hay thân thể và mạng sống khác nhau? Thần ngã của chúng sanh chết ở đây sanh ở kia là có hay không? Hay cũng có cũng không? Hay chẳng có chẳng không? Hay chẳng chẳng có, chẳng chẳng không? Này Cù-đàm, Ngài có thể nói như thế nào?

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Ta không bày tỏ với tri kiến, với luận thuyết: Thế giới hữu biên, vô biên,... *cho đến...* chẳng chẳng không.

Độc Tử thưa:

–Này Cù-đàm, trong những pháp này, Ngài thấy có điều gì sai lầm mà không chấp nhận một ý kiến nào cả?

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Ta không giảng nói thế giới là thường, chỉ có đây là sự thật, ngoài ra đều là ngu si sai lầm, vì với tri kiến như vậy chỉ gây ra những trói buộc ngăn che, vì với hành động và quan sát theo tri kiến ấy chỉ đưa đến nhận thức theo phiền não, cấu uế, bất tịnh. Tri kiến trói buộc ấy cùng với khổ đưa đến tàn hại, làm phát sanh buồn não, làm cho hành giả u uất, sanh ra nhiều ưu phiền. Ai cùng tương ứng với tri kiến như thế tức là ngu si trẻ con, gọi là không hiểu biết, cũng gọi là phạm phu, khiến cho sanh tử luân hồi luôn nối tiếp.

Đức Phật lại bảo Độc Tử:

–Thế gian là thường, vô thường... *cho đến...* chẳng phải vô thường. Thế giới hữu biên... *cho đến...* chẳng phải vô biên. Thần ngã của chúng sanh chết đây sanh kia... *cho đến* chẳng phải chẳng không. Nếu có ai chấp trước với tri kiến ấy thì gọi là trẻ ngu, gọi là không hiểu biết, gọi là phạm phu, chỉ tăng trưởng sanh tử phiền não nhiễm ô, làm cho hành giả phải chịu ràng buộc bức bách, sanh nhiều ưu

khổ, không có an lạc. Do sự thật này, Ta đối với các kiến ấy không có chấp trước.

Độc Tử lại hỏi:

–Nếu Ngài không chấp vào các kiến này, vậy Ngài có kiến chấp gì?

Phật bảo Độc Tử:

–Như Lai Thế Tôn từ lâu đối với kiến chấp đều đã đoạn trừ, không còn kiến chấp. Tuy có tri kiến nhưng tâm không chấp thủ. Đó là tri kiến về khổ thánh đế, tri kiến về khổ tập đế, tri kiến về khổ diệt đế, tri kiến đúng sự thật về con đường diệt khổ hoàn toàn. Ta đã có tri kiến sáng suốt như vậy: thấy tất cả các pháp đều là tham ái, các phiền não trói buộc là ngã, ngã sở, là kiến thủ trước, cũng gọi là kiêu mạn, pháp như vậy thật đáng nhàm chán, thế nên cần phải đoạn trừ chúng. Khi đã đoạn trừ xong, chứng đắc Niết-bàn tịch diệt thanh tịnh. Các Tỳ-kheo với nẻo chánh giải thoát như vậy, thì không còn người nào phải bị thọ thân trong ba cõi nữa.

Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm, hiện nay Ngài thấy nhân duyên gì mà nói là không còn tái sanh?

Phật bảo Độc Tử:

–Ta hỏi ông, tùy ý đáp. Như có người đốt đồng lửa lớn ngay trước mắt ông, ông biết đồng lửa đang cháy hay không? Nếu đồng lửa này tắt ngay trước mắt ông, ông biết là nó tắt không? Nếu có người đến hỏi ông: “Lửa này sau khi bị diệt đi về phương Đông hay Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên hay dưới? Đến nơi nào trong các phương này?”. Ai hỏi như vậy, ông sẽ đáp thế nào?

Độc Tử thưa:

–Cù-đàm, nếu có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời một cách đúng đắn: Nếu có cỏ, gỗ, phân bò... thì lửa cũng như củi hỗ trợ nhau cháy không tắt. Nếu cỏ, gỗ, phân bò... hết sạch thì lửa tắt, không đến chỗ nào cả.

Phật bảo Độc Tử:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nếu nói sắc là Như Lai, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai thì không đúng. Tại sao? Như Lai đã đoạn sạch sắc, thọ, tưởng, hành, thức đó. Như có người chặt đứt ngọn cây Đa-la thì nó

không mọc lại được. Như Lai cũng vậy, đã đoạn trừ năm ấm không còn sanh khởi nữa, tịch diệt vô tướng, là pháp vô sanh.

Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm, con muốn nói ví dụ, xin Ngài cho phép.

Đức Phật bảo:

–Ông hãy nói tùy ý.

Độc Tử nói:

–Như cách thành phố, xóm làng không xa, nơi bình nguyên có rừng Sa-la. Trải qua trăm ngàn năm, cành lá, cây Sa-la trong rừng đều rơi rụng, chỉ còn phần lõi. Ngài Cù-đàm hiện nay cũng vậy, Ngài đã đoạn trừ tất cả phiền não trói buộc, đã diệt hết cả bốn tà kiến điên đảo, chỉ còn có pháp thân kiên cố chân thật. Thưa Cù-đàm, hiện nay con có công việc cần phải trở về.

Đức Phật dạy:

–Ông hãy tùy thời.

Phạm chí Độc Tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giã.

M

197. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Độc Tử đến gặp Đức Phật, hỏi:

–Thưa Cù-đàm, có người ngu si phát sanh kiến thức thế này và nói: “Thế gian là thường, chỉ có đây là đúng, ngoài ra không đúng, cho đến ta chết không sanh chỗ kia, chẳng phải chẳng sanh chỗ kia”.

Phật bảo Độc Tử:

–Người không biết rõ về sắc sẽ phát sanh kiến thức với ngôn luận: Sắc nơi thế gian đều là thường. Họ tự chấp chặt tư kiến này cho là chân thật, các điều khác đều sai lầm. Thế gian là thường, vô thường, chẳng thường, chẳng vô thường; thế gian là hữu biên, vô biên, chẳng hữu biên, chẳng vô biên, chẳng phải chẳng hữu biên, chẳng phải chẳng vô biên. Thân với thần ngã là một hay khác nhau? Ta chết ở đây sanh ở kia, chết ở đây, không sanh ở kia. Ta chết ở đây vừa sanh ở kia, vừa chẳng phải sanh ở kia. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm, nếu người có trí không chấp thủ vào kiến này, không chấp thủ ngôn luận như vậy thì không nên phát sanh kiến thức và bày tỏ với ngôn luận: “Thế giới là thường, kiến thức này đúng, kiến thức khác sai”.

Phật bảo Độc Tử:

–Ai có thể biết rõ sắc, hiểu rõ tánh tướng của sắc thì những người ấy không phát khởi tri kiến này với lời lẽ bày tỏ: “Thế giới là thường, là vô thường... cho đến... chẳng phải sanh ở kia”. Cũng như vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như sắc đã nói ở trên. Ai thấu đạt về thức, hiểu rõ tánh tướng của thức, những người ấy không phát khởi kiến thức này và nói: “Thức là thường, kiến thức này đúng, kiến thức khác sai. Thức là vô thường... cho đến... chẳng sanh ở kia, chẳng không sanh ở kia... cũng như vậy”. Người không biết theo như người biết nói; người thấy, người không thấy theo như người biết nói; người hiểu, người không hiểu, như trình bày ở trên. Người thông triệt, người không thông triệt như nói ở trên; hữu tướng vô tướng như nói ở trên. Ý nghĩa sâu và cạn của nó như nói ở trên. Tỉnh ngộ hay không tỉnh ngộ như nói ở trên.

Phạm chí Độc Tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giả.

M

198. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ Phạm chí Độc Tử đến gặp Đức Phật. Sau khi thăm hỏi, vị ấy ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Cù-đàm, con có ít nghi ngờ, nếu Ngài cho phép con mới dám hỏi.

Đức Phật im lặng không đáp. Độc Tử hỏi đến ba lần, Đức Phật đều im lặng.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm, từ lâu con đã gần gũi với Ngài, con có ít câu hỏi, xin Ngài đáp cho con.

Đức Phật suy nghĩ: “Phạm chí Độc Tử tới lui đã lâu, bầm tánh ngay thật, không có tà ngụy. Những câu hỏi của ông ta đều vì cầu giải

thoát chứ không phải vì gây phiền phức. Ta nên cho phép ông ấy tùy ý hỏi về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni”.

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Cho phép ông hỏi về những điều nghi ngờ, chớ có ngại ngùng.

Độc Tử bạch Phật:

–Thưa Cù-đàm, tất cả trong thế gian có pháp bất thiện không?

Phật đáp:

–Có.

Hỏi:

–Có pháp thiện không?

Phật đáp:

–Có.

Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm, xin Ngài giảng cho con về pháp thiện và bất thiện để con được hiểu rõ.

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Ta có thể nói về nhiều loại pháp thiện và bất thiện. Nay sẽ giảng chỗ chính yếu cho ông.

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Dục là bất thiện, ly dục là thiện. Sân hận, ngu si là bất thiện; ly sân hận, si là thiện. Trộm cắp, tà dâm, nói dối, lời nói thô ác, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, tham, sân, tà kiến là bất thiện; xa lìa những pháp ác trên với chánh kiến là thiện. Ta đã vì ông nói về ba thứ bất thiện và ba thứ thiện, mười loại bất thiện, mười loại thiện.

Này Độc Tử, nếu đệ tử của Ta hiểu rõ ba thứ thiện, bất thiện và mười loại thiện, bất thiện này, biết rõ như thật thì có thể đoạn dục; tham, sân, ngu si cũng vĩnh viễn không còn; tham dục, các ác đều bị diệt tận không còn gì. Ai có thể đoạn tận tham dục, ngu si thì các dục lậu đều hết. Vì hết hữu lậu nên thành tựu vô lậu, đắc tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong pháp hiện tại này tự thân hiểu rõ. Chứng biết đã đắc pháp. Tự biết sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, đã làm xong việc, không còn thọ thân đời sau.

Độc Tử bạch Phật:

–Trong giáo pháp của Phật, có một Tỳ-kheo nào thành tựu vô lậu, đạt tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong pháp hiện tại này tự

thân hiểu rõ, chứng biết đã đắc pháp, tự biết sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, đã làm xong việc, không còn thọ thân đời sau hay không?

Phật bảo Độc Tử:

–Người đắc pháp này không phải chỉ một, hai, ba, bốn, cho đến năm trăm. Có nhiều Tỳ-kheo đắc tâm giải thoát, ngay trong pháp hiện tại này tự thân tác chứng.

Độc Tử lại hỏi:

–Trong giáo pháp Đức Phật có một Tỳ-kheo-ni nào đắc tâm giải thoát, tuệ giải thoát không?

Phật bảo Độc Tử:

–Trong giáo pháp của Ta, các Tỳ-kheo-ni chứng đắc pháp này chẳng phải một, hai, cho đến năm trăm mà có rất nhiều vị.

Độc Tử lại hỏi:

–Trừ số Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ấy ra có vị Ưu-bà-tắc nào vượt nghi ngờ đến bến bờ bên kia không?

Đức Phật bảo Độc Tử:

–Trong giáo pháp của Ta, các Ưu-bà-tắc vượt nghi ngờ đến bờ bên kia, số người ấy rất nhiều, chẳng phải một, hai, ba, bốn, cho đến năm trăm, đoạn trừ năm hạ phần kết sử, chứng A-na-hàm, không còn trở lại Dục giới.

Độc Tử lại hỏi:

–Trừ số Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni tu phạm hạnh, trừ số Ưu-bà-tắc ra, có một Ưu-bà-di nào trừ hết nghi hối, vượt qua nghi đến bờ kia không?

Phật bảo Độc Tử:

–Trong Phật pháp của Ta, hạng người đó đắc pháp này chẳng phải chỉ một hai, ba cho đến năm trăm, số người ấy rất nhiều, đoạn năm hạ phần kết, chứng A-na-hàm, không còn trở lại Dục giới.

Phạm chí Độc Tử lại bạch Phật:

–Xin để qua một bên các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, trong Phật pháp này có vị Ưu-bà-tắc nào vẫn sống trong gia đình, hưởng thụ năm dục mà vượt qua nghi ngờ đến bờ kia không?

Phật bảo Độc Tử:

–Trong Phật pháp này chẳng phải một, hai, ba cho đến năm

trăm, số người này rất nhiều. Những người này vẫn sống chung với nam nữ cận kề xung quanh, dùng hương thơm, hoa, chuỗi ngọc, mặc y phục mềm mại, đẹp, dùng các loại bột thơm, chiên-đàn... để thoa thân thể, tích trữ vàng bạc, các loại châu báu, nuôi dưỡng nhiều nô tỳ, người hầu, ở trong chỗ ồn ào chật hẹp, đoạn trừ ba thứ trời buộc, chướng Tu-đà-hoàn, chắc chắn đến chỗ giải thoát, chấm dứt cảnh giới khổ. Người nào quá độn căn sanh lại bảy lần trong cảnh giới Trời, Người không còn đọa vào cõi ác, chắc chắn thoát cảnh giới khổ.

Độc Tử lại hỏi:

– Xin tạm gác các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, và tạm gác các vị Ưu-bà-tắc sống trong năm dục mà đắc Tu-đà-hoàn. Có người nữ nào tin theo giáo pháp của Phật, làm vị Ưu-bà-di sống trong năm dục mà vượt nghi, đến bờ kia không?

Phật bảo Độc Tử:

– Trong Phật pháp của Ta, các vị Ưu-bà-di sống trong cõi Dục, vượt qua nghi ngờ, chẳng phải chỉ một, hai, ba cho đến năm trăm, có rất nhiều các vị Ưu-bà-di tuy sống trong gia đình như Ưu-bà-tắc, đã đoạn trừ ba thứ trời buộc, đắc Tu-đà-hoàn.

Độc Tử thưa:

– Thưa Cù-đàm, đối với đạo Bồ-đề, Ngài đã giác ngộ hoàn toàn, giả sử các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đang tu phạm hạnh; các vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đang sống trong dục, các vị ấy không đầy đủ đạo hạnh thì các chi phần này không đầy đủ, trọn vẹn. Thưa Cù-đàm, Ngài đã đắc Chánh Đẳng Giác; các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đang tu phạm hạnh, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn sống trong dục, đều đắc quả chứng, trong giáo pháp Phật gọi là gồm đủ.

Độc Tử lại nói:

– Thưa Cù-đàm, con muốn nói ví dụ, xin Ngài nghe con nói.

Đức Phật bảo:

– Ông hãy tùy ý nói.

Độc Tử thưa:

– Như trời mưa to, nước chảy theo chỗ thấp đến biển lớn, giáo pháp của Ngài cũng như vậy, nam nữ, người lớn, người trẻ, cả người già đều được nhờ mưa pháp của Phật, trong suốt ngày đêm luôn hưởng

đến Niết-bàn. Lành thay Đức Cù-đàm! Lành thay diệu pháp! Lành thay người có khả năng đi vào Phật pháp!

Độc Tử lại nói:

–Con xin hỏi: giả sử có người muốn xuất gia tu phạm hạnh thì bao lâu được thành tựu?

Phật bảo Độc Tử:

–Nếu có người ngoại đạo theo học thuyết khác, muốn cầu xuất gia trong giáo pháp của Phật, trước hết cạo râu tóc cho họ, cho sống trong Tăng chúng đủ bốn tháng, nếu tâm ý họ tùy thuận, sau đó cho thọ giới. Nhưng tùy theo tâm ý từng người, không nhất thiết phải như vậy.

Phạm chí Độc Tử nghe Phật nói xong, tâm sanh hoan hỷ, thưa:

–Nếu con được xuất gia, được thọ giới, giả sử trải qua bốn năm con cũng làm được, hưởng chỉ là bốn tháng.

Phật bảo Độc Tử:

–Trước đây Ta đã nói cho ông, có hai hạng người, không nhất thiết phải làm như vậy.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm, quả thật trước đây Ngài đã nói như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các ông, hãy cho Độc Tử cạo tóc thọ giới.

Các Tỳ-kheo vâng lệnh Đức Phật, cạo tóc cho Độc Tử và truyền giới theo đúng pháp Tỳ-kheo. Tôn giả Độc Tử tinh cần tu tập, chỉ trong nửa tháng chứng đủ quả hữu học, biết pháp, thấu rõ pháp, thấy pháp, lãnh hội pháp. Đã chứng quả hữu học, hiểu biết chánh pháp rồi, Tôn giả Độc Tử suy nghĩ: “Ta nên đến gặp Phật”.

Sau khi suy nghĩ, Tôn giả đến gặp Phật, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, con đã chứng đắc quả vị hữu học. Cầu mong Thế Tôn giảng dạy thêm pháp cho con, để con được nghe, tâm đắc giải thoát.

Phật bảo Độc Tử:

–Nếu ông mong cầu đắc tâm giải thoát, cần phải tu hai pháp, phải học hai pháp, phải phát triển rộng hai pháp. Hai pháp đó là trí tuệ và thiền định. Ai có thể tu tập rộng lớn hai pháp này thì biết được các

cảnh giới, thông đạt các cảnh giới, biết vô số cảnh giới.

Phật bảo Tỳ-kheo Độc Tử:

–Ai muốn lìa dục và pháp ác, bất thiện, có giác có quán, chứng Sơ thiên, Tỳ-kheo phải tu hai pháp là trí tuệ và thiền định... *cho đến...* đệ Tứ thiên; Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng như vậy. Nay Độc Tử, muốn đắc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm đều cần phải học hai pháp này. Muốn học thần thông, muốn biết tha tâm trí, muốn biết túc mạng, muốn đắc thiên nhãn, thiên nhĩ, muốn đắc lậu tận trí cần phải tu tập hai pháp này, phát triển rộng lớn hai pháp này, thì biết các cảnh giới, thông đạt các cảnh giới, biết vô số cảnh giới.

Tôn giả Độc Tử nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ từ giã.

Đức Đại Bi Như Lai bằng nhiều phương pháp giảng dạy, Độc Tử thọ trì pháp rồi ở chỗ vắng, ngồi yên, siêng năng, tinh tấn, tâm không phóng dật, thường trú nơi thiền định. Sở dĩ Tộc tánh tử cạo bỏ râu tóc chính vì muốn tu tập phạm hạnh vô thượng, ngay trong pháp luật này tự thân tác chứng: Với ta, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, đã làm xong việc, không còn thọ thân đời sau.

Khi ấy có nhiều Tỳ-kheo đi đến gặp Phật, Tôn giả Độc Tử thấy các Tỳ-kheo đi, hỏi họ:

–Các vị muốn đến đâu?

Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi muốn đến gặp Đức Phật để thân cận cúng dường.

Tỳ-kheo Độc Tử bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị đang đi đến chỗ Thế Tôn. Nhân đây, tôi xin kính lời hỏi thăm sức khỏe Thế Tôn, và xin quý vị hãy vì tôi thưa với Thế Tôn: “Tỳ-kheo Độc Tử đã báo ân Phật, cúng dường bằng pháp, tu hành thuận theo Phật”.

Các Tỳ-kheo đến gặp Phật, lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Thế Tôn, Tôn giả Tỳ-kheo Độc Tử lạy sát chân Thế Tôn, hỏi thăm sức khỏe Thế Tôn. Tỳ-kheo Độc Tử có nói: “Hãy vì tôi thưa với Phật, con đã tu phạm hạnh, tùy thuận lời Phật, hành theo Thế Tôn, con đã chứng đắc đầy đủ”.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trước các ông đã có một vị trời đến đây nói với Ta: Tỳ-kheo Độc Tử đã chứng A-la-hán. Ta đã biết trước khi vị trời nói, các ông đã nói sau vị trời.

Thế Tôn ghi nhận Độc Tử đã chứng A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

Kệ tóm lược:

*Thân mạng và Mục-liên
Hy hữu Ca-chiên-diên
Vị tăng hữu, hữu ngã
Kiến cùng với ngu si
Độc Tử được xuất gia.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN XI

199. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ có Phạm chí tên Ưu-trắc đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, vị ấy ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Cù-đàm, thế giới hữu biên hay vô biên?

Đức Phật bảo Ưu-trắc:

–Ta không đáp câu hỏi này.

Ưu-trắc nói:

–Thưa Cù-đàm, tôi hỏi thế giới hữu biên hay vô biên, Ngài đều không đáp. Nếu như vậy, thông thường Ngài thuyết pháp, giải thích vấn nạn là đáp điều gì?

Phật bảo:

–Này Ưu-trắc, Ta đã biết rõ hoàn toàn về các pháp, giảng thuyết Chánh đạo cho đệ tử Thanh văn để họ diệt trừ tận cùng biên giới các khổ.

Ưu-trắc thưa:

–Ngài đã biết rõ hoàn toàn về các pháp, giảng thuyết Chánh đạo cho đệ tử Thanh văn để họ diệt trừ các khổ đến hết biên giới. Như vậy đạo mà Ngài đắc được là để cho mọi người đều hành hay là chỉ dành riêng cho một số người hành đạo ấy?

Lúc ấy Đức Như Lai im lặng không đáp. Ưu-trắc hỏi ba lần như vậy, Như Lai đều im lặng. Bấy giờ Tôn giả A-nan đang quạt hầu Phật, nghe câu hỏi của Ưu-trắc, Tôn giả bảo ông ta:

–Câu hỏi của ông không khác câu trước, cho nên Thế Tôn im lặng không đáp. Tôi sẽ vì ông nói một ví dụ: Như biên giới có thành trì với tường vách kiên cố, lan can cửa sổ đều chắc chắn, đại lộ, đường hẻm, dinh thự, chợ búa sắp xếp khít kín không xen tạp nhau, nhưng thành trì này chỉ có một cửa. Người giữ cửa thông minh trí tuệ, có sức ghi nhớ rất tốt, biết phân biệt rõ những người vãng lai cũ, biết

cho ai vào và không cho ai vào. Khi ấy, trong thành có người muốn ra nhưng không biết đường ra, tìm khắp nơi không có chỗ trống, chỉ có một cửa này mới có thể ra được. Người giữ cửa trí tuệ ấy không cần biết hết các hạng người trong thành, nhưng biết tất cả những người trong thành muốn ra ngoài đều phải đi bằng cửa này. Nay Ưu-trắc, Như Lai cũng như vậy, tuy không suy nghĩ phân biệt đến tất cả mọi người, nhưng biết rất rõ tất cả đều phải ra vào bằng cửa này, biết biên giới của khổ ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều do đường này mà chấm dứt hết khổ.

Phạm chí Ưu-trắc nghe lời Tôn giả A-nan giảng giải, hoan hỷ từ giả.

M

200. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, còn Tôn giả Phú-na ở núi Linh thứu.

Có nhiều Phạm chí dị học ngoại đạo đến gặp Tôn giả, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa với Tôn giả:

–Chúng tôi đều nghe Sa-môn Cù-đàm nói rằng chúng sanh chết rồi không sanh nữa. Sự việc này như thế nào?

Tôn giả đáp:

–Như tôi hiểu ý nghĩa trong lời Phật dạy, thì Đức Phật không bao giờ nói chúng sanh chết rồi lại không có gì cả, chết ở đây sanh ở kia. Đức Phật không thấy có tướng chúng sanh. Vì sao? Phàm phu vọng tưởng có ngã mạn nên nói có chúng sanh. Như Lai đoạn ngã mạn, tán thán đoạn ngã mạn nên không có tướng về chúng sanh.

Các ngoại đạo nghe Tôn giả nói, họ không hoan hỷ, cũng không chê bai, cùng nhau bỏ đi. Họ đi chưa bao lâu, Phú-na liền đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, đứng qua một bên, trình bày đầy đủ với Thế Tôn những lời ngoại đạo nói: “Họ nói rằng Thế Tôn giảng, nói chúng sanh diệt rồi không còn thọ sanh nữa. Sự việc này ... như trên... không có tướng về chúng sanh”.

Phú-na lại thưa:

–Con trả lời với ngoại đạo như vậy có trái với giáo pháp của Đức Phật dạy, có hủy báng hay thêm bớt không? Có giống hay khác

lời Thế Tôn dạy, nói đúng pháp hay không đúng pháp, có giống pháp hay không giống pháp, có đáng chê trách vì sai với Phật pháp không?

Phật bảo Phú-na:

–Lời ông nói rất đúng, không hủy báng, không thêm bớt, không khác lời Ta dạy, nói đúng pháp, không phi pháp, đúng với Phật pháp nên không có gì chê trách ông được. Tại sao? Xưa nay tất cả chúng sanh đều do ngã mạn làm hại, phiền não của chúng sanh đều do ngã mạn sanh trưởng, do hỷ lạc ngã mạn, không biết rõ ngã mạn nên đưa đến không biết gì cả. Như không biết chỗ đầu tiên trên vòng tròn, không biết đầu mối nơi cuộn chỉ rối, như đóng dây rối, như đội quân khi bị địch đánh tan bỏ chạy hỗn loạn. Chúng sanh bị hỗn loạn bất định ở đâu? Ở đời này qua đời khác, chạy mãi không ngừng, lưu chuyển trong sanh tử không thể thoát khỏi. Nay Phú-na, với ngã mạn, như vậy, nếu chúng sanh diệt tận ngã mạn không còn chút nào thì người ấy tuy ở trong cảnh giới Người, Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, nhưng thấy được sự thật, thoát khổ, được an lạc mãi mãi.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

M

201. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Giữa đêm, Tôn giả A-nan đến sông Đa-bạt, cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm, sau đó mặc y tắm, lên bờ hong thân cho khô.

Có ngoại đạo tên Cự-ca-na-đề đang đi đến bờ sông ấy. Tôn giả A-nan nghe tiếng chân và tiếng ho của ông ta. Ông ta cũng nghe tiếng của Tôn giả, hỏi:

–Hiền giả là ai?

Đáp:

–Tôi là Sa-môn.

Hỏi:

–Sa-môn rất nhiều, Hiền giả là Sa-môn nào?

A-nan đáp:

–Tôi là Thích tử.

Ngoại đạo hỏi:

–Tôi có điều thắc mắc, nếu Hiền giả rảnh rồi xin cho phép tôi hỏi.

A-nan đáp:

–Ông cứ hỏi, nghe rồi mới biết.

Hỏi:

–Ta chết ở đây sanh đến chỗ kia phải không?

A-nan nói:

–Như Lai không trả lời.

Hỏi:

–Ta chết ở đây không sanh ở kia; cũng sanh, cũng không sanh; chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh nơi chỗ kia, phải không?

A-nan lại nói:

–Những câu hỏi này, Như Lai đều không đáp.

Ngoại đạo nói:

–Tôi hỏi Hiền giả, ta chết ở đây sanh ở kia... đều không được đáp. Hay là Hiền giả không biết việc này?

A-nan đáp:

–Những việc như vậy, tôi đều thấy biết, chẳng phải là không thấy biết.

Ngoại đạo hỏi:

–Hiền giả thấy biết như thế nào?

A-nan đáp:

–Theo sự thấy biết của tôi, thấy được cảnh giới ấy, thấy hành nghiệp của chúng sanh, cho đến thấy biết chúng sanh từ đâu sanh ra, thấy biết nghiệp trói buộc do hành động đã làm, thấy phiền não vây phủ tụ tập đen như mực. Phàm phu ít hiểu biết tương ứng với tri kiến bị trói buộc, tất nhiên trong vị lai phải trôi theo sanh tử mãi mãi. Sự việc là như vậy, có gì là không thấy biết?!

Ngoại đạo Câu-ca-na hỏi:

–Hiền giả tên gì?

A-nan đáp:

–Tôi tên A-nan.

Ngoại đạo nói:

–Lành thay, lành thay! Đệ tử của Bạc Đại Sư, tôi đã đàm luận từ

nãy giờ mà không biết Hiền giả A-nan. Nếu tôi biết Hiền giả, nào dám có thể cùng đối đáp được.

Ngoại đạo nghe Tôn giả A-nan thuyết giảng, hoan hỷ từ giả.

M

202. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Trưởng giả Tu-đạt-đa muốn đến gặp Đức Phật để được gần gũi cúng dường, lại suy nghĩ: “Ta đến đó khi trời còn quá sớm, có khi Đức Như Lai chưa ra khỏi thiền định, vậy nên đến chỗ ngoại đạo trước”.

Trưởng giả đến chỗ ngoại đạo, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên. Dị học ngoại đạo hỏi Tu-đạt:

–Trưởng giả có thể nói cho tôi biết Sa-môn Cù-đàm hành động với tri kiến nào?

Tu-đạt-đáp:

–Lời dạy của Như Lai, tôi chưa đạt đến được. Tri kiến của Ngài thì ngoài nhận thức của tôi.

Ngoại đạo nói:

–Nếu Trưởng giả không biết về tri kiến của Phật, vậy có biết về tri kiến của các Tỳ-kheo không?

Tu-đạt-đáp:

–Những việc như vậy tôi đều không biết.

Ngoại đạo nói:

–Như vậy, cuối cùng Trưởng giả có kiến thức gì? Nếu biết được chút ít gì xin nói cho tôi nghe.

Tu-đạt nói:

–Hiền giả hãy nói trước về kiến thức của mình, tôi sẽ trình bày sau.

Vị ngoại đạo ấy nói với Tu-đạt:

–Theo nhận thức của tôi, chúng sanh là thường, là thật, nói khác đi là sai.

Một vị ngoại đạo khác nói với Tu-đạt:

–Theo nhận thức của tôi, tất cả đều là vô thường, chỉ như vậy là thật, ngoài ra đều nói sai.

Lại có người nói:

–Chúng sanh cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Chỉ có đây là đúng, nói khác đi là sai.

–Thế giới hữu biên, thế giới vô biên; cũng hữu biên, cũng vô biên; chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, thân là mạng, mạng là thân; thân và mạng khác nhau; thân ngã của chúng sanh chết đây sanh kia, chết đây không sanh kia, chết đây cũng sanh kia, cũng không sanh kia; chết đây chẳng sanh kia, chẳng không sanh kia. Trưởng giả, đây là kiến thức của chúng tôi.

Sau khi các ngoại đạo đưa ra những nhận thức của mình xong, nói với Trưởng giả:

–Nhân giả hãy nói kiến thức của mình đi.

Tu-đạt-đáp:

–Theo nhận thức của tôi, tất cả chúng sanh đều là hữu vi, từ các nhân duyên hòa hợp mà có, gọi là nhân duyên tức chỉ cho nghiệp. Cái gì đã dựa vào sự hòa hợp của nhân duyên mà có tức là vô thường. Vô thường là khổ, khổ tức là vô ngã. Vì sự thật này, tôi không có tâm chấp trước vào kiến nào cả. Ngoại đạo quý vị bày tỏ thế này: “Tất cả các pháp đều thường, chỉ đây là đúng, nói khác đi là sai”, với suy tính như vậy chính là căn bản của các khổ. Ai tham chấp với các kiến này là tương ứng với khổ, phải chịu khổ lớn, phải chịu khổ vô cùng trong sanh tử, đều do kiến chấp về hữu, cho thế giới là thường, cho đến sau khi chết chẳng sanh chỗ kia; chẳng phải không sanh chỗ kia.... Những kiến này thật sự là pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp của nghiệp tập khởi. Theo như vậy, suy luận ra phải biết tất cả đều vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã.

Lại có ngoại đạo nói với Tu-đạt:

–Trưởng giả, nếu chúng sanh do nhân duyên hòa hợp của nghiệp tập khởi mà có, tất nhiên là vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã. Nếu như vậy, hiện nay tôi đang tạo những gốc khổ, cùng tương ứng với khổ, chịu khổ vô cùng trong sanh tử?

Tu-đạt-đáp:

–Trước đây tôi đã nói: Tâm tôi không chấp trước vào tất cả các kiến. Thế nên nay tôi cũng không chấp trước vào kiến này.

Khi ấy ngoại đạo tán thán Tu-đạt:

–Đúng vậy, này Trưởng giả, Trưởng giả đã bày tỏ đúng như vậy.

Sau khi Tu-đạt ở giữa chúng ngoại đạo bày tỏ tiếng gầm của sư tử, khiến cho tâm tà kiến của các ngoại đạo bị tiêu diệt, bèn đi đến gặp Phật, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem sự việc vừa bàn luận với ngoại đạo thưa với Đức Như Lai. Đức Phật tán thán:

–Lành thay! Ông phá tan những tà kiến của ngoại đạo với lý luận như vậy, làm cho chánh pháp hưng thịnh.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

203. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Phạm chí Trưởng Trảo đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bày tỏ:

–Hiện nay, đối với tất cả các pháp, tôi không chấp nhận điều gì cả.

Đức Phật bảo Trưởng Trảo:

–Ông đối với các pháp không chấp nhận điều gì cả. Như vậy ông có chấp nhận tri kiến ấy không?

Trưởng Trảo nói:

–Tri kiến như vậy, tôi cũng không chấp nhận.

Đức Phật bảo Trưởng Trảo:

–Nếu ông đã không chấp nhận tri kiến như vậy tại sao lại bày tỏ: “Đối với các pháp, tôi không chấp nhận gì cả”, vậy lời tỏ bày không chấp nhận của ông nói ra là gì?

Đức Phật lại bảo:

–Này người thờ lửa! Nếu ông thấy, ông biết mà không chấp nhận cái thấy ấy, tức là cắt đứt cái thấy ấy, đã vứt bỏ cái thấy ấy. Cũng như có người đã nôn các kiến ra ngoài, nếu người như vậy, đối với các kiến khác không còn tiếp nối, không còn giữ lấy, không còn phát sanh.

Phạm chí Trưởng Trảo lại nói:

–Theo Ngài nói, tôi đã đoạn trừ kiến này, đã vứt bỏ kiến này, cũng như người đã nôn các kiến ra ngoài, không còn tiếp nối, không

giữ, không sanh nữa.

Phật bảo Trường Trảo:

–Nếu như vậy, có nhiều chúng sanh cùng ý kiến với ông, cũng lý luận như vậy. Có nhiều Sa-môn, Bà-la-môn dị đạo, nếu xả bỏ kiến này, lại không chấp nhận kiến khác, đây gọi là thiếu trí, rất cạn cợt, ngu si.

Phạm chí nên biết, chúng sanh trong thế gian đều dựa vào ba loại kiến:

Một, chấp nhận tất cả.

Hai, không chấp nhận tất cả.

Ba, chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.

Đệ tử của bậc Hiền thánh quán sát loại kiến thứ nhất, thấy nó phát sanh do tham dục, sân hận, ngu si, lại bị ba độc trói buộc không thoát ly được, thường sanh nguy hiểm tai hại, luôn gây phiền não, không thể giải thoát, hỷ lạc với dục là bị giam giữ trong dục, nên gọi là chấp nhận tất cả.

Kiến thứ hai: Không chấp nhận điều gì cả, từ đó phát sanh tham dục, sân hận, ngu si, rồi lại luôn bị ba độc ấy trói buộc, không thể xả ly, giải thoát được. Do hỷ lạc với tham dục, thường bị ái dục quấn thúc trói buộc, nên gọi là không chấp nhận gì cả.

Kiến thứ ba: Chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần, cũng như chấp nhận hay không chấp nhận đã trình bày ở trên. Đệ tử của bậc Hiền thánh nếu chấp nhận tất cả thì tranh cãi với hai kiến kia. Nếu không chấp nhận gì cả hay chấp nhận một phần, không chấp một phần thì cũng cùng với hai kiến còn lại tranh luận, vì tri kiến của mình trái với người khác, nên phát sanh tranh luận. Nếu tranh luận phát sanh thì hủy hại nhau, vì cùng tranh luận thì sanh ra hủy hại.

Sai lầm của các kiến là phát sanh tranh luận: Bỏ kiến này không nhận kiến khác. Do sự thật ấy nên đoạn trừ kiến, vứt bỏ kiến. Cũng như người đã nôn ra, đối với các kiến không còn nối tiếp, không còn giữ, không còn phát sanh. Đệ tử của bậc Hiền thánh nếu bày tỏ: Chấp nhận hay không chấp nhận, chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần thì vẫn có lỗi này.

Này Phạm chí, sắc pháp do bốn đại tạo thành, nên đệ tử của bậc Hiền thánh thấy sắc thân này là vô thường, đã thấy vô thường thì

thường lia dục; thấy thân này hoại diệt nên xa lia. Ai thấy thân vô thường liền xa lia dục về thân, lia ái về thân, lia sự giam giữ về thân, lia tưởng quyết định về thân.

Này Phạm chí, nên biết có ba loại thọ là: Khổ thọ, lạc thọ và xả thọ. Ba thọ này lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập, nhân vào đâu để phát sanh, xuất hiện từ đâu? Chúng lấy xúc làm nhân, nhân xúc tập khởi, tập hợp từ xúc, nhân xúc phát sanh. Nếu xúc diệt thì thọ diệt. Như mặt trời lặn, hết nóng được mát. Có thọ thuộc phạm vi của thân, có thọ thuộc phạm vi của sanh mạng. Khi cảm nhận thân, biết cảm nhận thuộc thân. Khi cảm nhận thuộc sanh mạng, biết thọ thuộc sanh mạng. Biết đúng như vậy, không sai lầm.

Đệ tử của bậc Hiền thánh khi cảm nhận lạc thọ biết sự cảm nhận thuộc thân tất bị hoại diệt. Khi nhận khổ thọ, xả thọ, biết các thọ thuộc thân này tất bị hoại diệt. Khi nhận lạc thọ thì không cùng các thọ khác hòa hợp. Khi nhận khổ thọ, xả thọ cũng vậy. Khi cảm nhận không hòa hợp với sân si, không hòa hợp với sanh, lão, bệnh, tử thì sanh, ưu, bi, khổ não, tập hợp các khổ.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất vừa xuất gia được nửa tháng, đang quạt hâu bên cạnh Đức Phật. Trong khi Như Lai thuyết giảng về pháp đoạn lậu lia dục, Xá-lợi-phất quán sát như thật, thấy các pháp đều vô thường, ngay tại chỗ chứng đắc lia dục, xa lia các tà kiến, các lậu chấm dứt, không còn phát sanh nữa, tâm đắc giải thoát.

Phạm chí Trường Trảo đối với các pháp đặc pháp nhĩn thanh tịnh, như nói ở trên. Sau khi đạt tín tâm, Trường Trảo bạch Phật:

– Cầu mong Thế Tôn cho con xuất gia.

Như Lai cho phép ông ta xuất gia. Sau khi xuất gia, Tôn giả ấy tu tập tinh tấn, đắc đạo quả A-la-hán.

M

204. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ Phạm chí Xa-la-phù nói giữa đại chúng:

– Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn họ.

Khi đó có nhiều Tỳ-kheo vào thành khất thực, thấy Phạm chí Xa-la-phù ở bên bờ sông ấy, bày tỏ: “Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn cả họ”.

Sau khi nghe như vậy, các Tỳ-kheo trở về Tăng xá, thu xếp y bát, rửa sạch chân tay, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, hôm nay chúng con vào thành khất thực, sau khi thọ trai xong, trên đường về, đi ngang qua hồ Tu-ma-kiệt-đà, trên bờ hồ ấy có một Phạm chí tên Xa-la-phù, bày tỏ giữa đại chúng: “Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn cả họ”. Lành thay! Thế Tôn, xin Ngài đi đến bờ hồ ấy.

Đức Thế Tôn im lặng đồng ý, cùng với các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi theo, đến hồ Tu-ma-kiệt-đà. Xa-la-phù thấy Đức Phật đến liền đứng dậy, thưa với Phật:

–Mời Ngài an tọa.

Đức Phật ngồi vào chỗ ngồi, bảo Xa-la-phù:

–Sự thật ông có bày tỏ: “Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn cả họ” hay không?

Khi ấy Phạm chí đứng im lặng. Đức Phật bảo ông ta:

–Tại sao ông im lặng không đáp? Nếu hiểu, ông tùy ý nói. Nếu ông không hiểu, Ta sẽ vì ông phân biệt giảng thuyết, làm cho ông được hiểu biết hoàn toàn. Nếu ông có thể trình bày đầy đủ, Ta sẽ tán trợ ông. Nay Phạm chí, trong đời có người nói: “Đức Như Lai không phải là Bạc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác”. Đối với người bày tỏ như vậy, Ta khen: “Lành thay!” và sẽ hỏi họ: “Ông căn cứ vào sự việc gì bày tỏ Như Lai không phải là Bạc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác?”. Những chúng sanh này không thông suốt nghĩa lý nên không thể đáp được, bèn nói theo những ngôn luận khác của thế gian, xen lẫn vào bằng những lời sai lầm, kiêu mạn, cao ngạo, sanh tâm hủy hại, vì không thể đáp câu hỏi này nên đứng im lặng, xấu hổ, cúi đầu không trình bày gì cả. Nay Xa-la-phù, ông cũng vậy, giả sử có người nói: “Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng giáo pháp có lỗi lầm”. Đối với người bày tỏ như vậy, Ta vẫn khen: “Lành thay”, và hỏi người ấy: “Căn cứ vào trí nào mà biết sự việc này?”. Họ không đáp được nên nói theo ngôn luận của thế gian, nội dung thác loạn, cùng lời đuoối lý, xấu hổ

cúi đầu, đứng im lặng không trình bày được gì cả, cũng như ông hiện nay không khác. Lại có người cho rằng: “Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm không có hướng thiện, không đủ giới luật”, Ta cũng khen: “Lành thay!” và hỏi lại họ rằng: “Ông dựa vào pháp gì mà nghiệm biết việc ấy?”. Họ không thể đáp, lại nói chuyện thế gian với ngôn luận thác loạn, cùng lời đối lý, xấu hổ cúi đầu đứng im lặng, không nói được gì cả, nay ông cũng như vậy.

Khi ấy các bạn đồng phạm hạnh bảo Xa-la-phù:

–Tại sao bạn im lặng không đáp? Ngày trước bạn thường tuyên bố giữa đám đông người: “Hiểu biết của tôi hơn giáo pháp của Cù-đàm”. Đáng lẽ hôm nay bạn phải vấn nạn Sa-môn Cù-đàm, tại sao bạn lại bị Sa-môn Cù-đàm hỏi ngược lại, vắn bạn phải trả lời, bảo rằng: “Nếu lời nói của ông đầy đủ, Ta tán trợ ông, khen tặng lành thay. Nếu lời nói của ông không đầy đủ, Ta sẽ giúp ông phân biệt, trình bày làm cho đầy đủ”.

Xa-la-phù nghe bạn bè đồng phạm hạnh nói như vậy, vẫn im lặng không trình bày được gì cả.

Bên bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà, sau khi nêu bày tiếng rống của sư tử, Đức Thế Tôn đứng dậy, trở về thành Vương xá. Phật đi chưa bao lâu, những người bạn đồng phạm hạnh của Xa-la-phù chê trách ông ta:

–Này bạn, hiện nay bạn như bò gãy sừng, chỉ rống ở chỗ vắng. Bạn cũng vậy, ở chỗ vắng vẻ thì rống lên tiếng sư tử. Khi đến trước Sa-môn Cù-đàm thì im lặng, không biết nói gì. Bạn như con gái, giả nói tiếng đàn ông, nhưng không làm được, vẫn là giọng nữ. Bạn cũng vậy, muốn bắt chước Sa-môn Cù-đàm rống tiếng sư tử nhưng không thành công. Như con dã can cái muốn rống lên tiếng sư tử, nhưng khi phát ra tiếng thì vẫn là âm thanh của loài dã can, không thể giống như âm thanh của sư tử được.

Các người bạn sau khi chê trách Xa-la-phù bằng những lời như vậy xong, cùng bỏ đi tứ tán.

M

205. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Có một Phạm chí tên Trọng Sào ở bên bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà bày tỏ giữa chúng của ông ta:

–Ai có thể phân tích đầy đủ và thuyết minh được ý nghĩa bài kệ của tôi nói ra, tôi sẽ làm đệ tử người ấy.

Đến giờ ăn, các Tỳ-kheo mặc y mang bát, lần lượt vào thành Vương xá khát thực. Sau khi thọ trai xong, trên đường về, đi ngang qua bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà, các Tỳ-kheo nghe lời vị Phạm chí ấy nói; họ trở về Tăng xá, thu xếp y bát, rửa sạch tay chân, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, bên bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà có Phạm chí Trọng Sào bày tỏ: “Người nào phân tích đầy đủ, thuyết minh được ý nghĩa kệ của tôi nói ra, tôi sẽ làm đệ tử người ấy”. Cầu mong Thế Tôn đi đến đó.

Thế Tôn im lặng đồng ý, cùng các Tỳ-kheo trước sau đi đến bờ hồ kia. Phạm chí Trọng Sào từ xa thấy Phật đến, liền bày biện tòa cao, thưa với Phật:

–Xin mời Cù-đàm ngồi ở đây.

Sau khi an tọa, Như Lai bảo Phạm chí:

–Ta nghe ông có nói rằng người nào có thể phân tích đầy đủ, thuyết minh được ý nghĩa kệ do ông nói, ông sẽ làm đệ tử họ phải không?

Phạm chí đáp:

–Thưa Cù-đàm, đúng vậy.

Đức Phật bảo:

–Ông hãy đọc kệ cho Ta nghe. Ta sẽ phân tích giảng giải cho ông.

Bấy giờ Phạm chí Trọng Sào sắp đặt lại tòa cao, ngồi trên đó và nói kệ:

*Ai là Tỳ-kheo
Mang họ Thích-ca
Cần phải như pháp
Sinh hoạt thanh tịnh
Không được làm hại
Các loài chúng sanh
Cần phải xa lìa*

*Các pháp bất thiện
Giữ ý thanh tịnh
Trì giới đã thọ
Điều phục như vậy
Tùy thuận định, tuệ.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu làm được như vậy
Tùy thuận mà thực hành
Trong các thiện trượng phu
Ông là người hơn hết
Tỳ-kheo sống yên lặng
Thanh tịnh tự điều thuận
Không làm hại chúng sanh
Xa lìa tất cả ác
Người điều phục như vậy
Tùy thuận với định, tuệ.
Tâm nhu hòa hoàn toàn
Thân miệng không làm ác
Thường thu nhiếp ba nghiệp
Gọi tùy thuận định, tuệ
Làm phước điền cho đời
Mang bát đến từng nhà
Nhiếp tâm, tu niệm xứ
Khiêm tốn, sống giản dị
Từ dục, bỏ tham cầu
Nên đắc vô sở úy.*

Khi Phạm chí Trọng Sào nghe kệ này xong, bèn suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm thật đã biết rõ tâm ý ta, vậy ta nên quy y Tam bảo”. Sau khi nghĩ như vậy, Trọng Sào bạch Phật:

–Cầu mong Như Lai cho con được xuất gia.

Đức Phật cho phép Trọng Sào xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, trở thành Sa-môn, tinh cần tu tập, đoạn trừ phiền não, đắc A-la-hán.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

206. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ các ngoại đạo ở Ma-kiệt-đà cùng nhau tụ tập trên bờ Tu Ma-kiệt-đà, bày tỏ với ngôn luận:

– Vấn đề này là sự thật của Bà-la-môn, đây là sự thật của Bà-la-môn.

Đức Như Lai đang ở tinh xá, với thiên nhĩ thiên tịnh, nghe lời nói của họ nên sau khi xuất thiền, đi đến bờ ao Tu Ma-kiệt-đà.

Các vị Bà-la-môn thấy Phật từ xa đến, cùng nhau đứng dậy xếp đặt chỗ, mời Phật ngồi. Sau khi an tọa, Đức Phật bảo với họ:

– Các vị tập hợp ở đây bàn luận về việc gì?

Các Bà-la-môn thưa với Đức Phật:

– Thưa Cù-đàm, hôm nay chúng tôi tập hợp nhau cùng bàn luận: Vấn đề này là sự thật của Bà-la-môn, đây là sự thật của Bà-la-môn.

Đức Phật bảo họ:

– Đúng vậy, đúng vậy! Ngày xưa, sau khi tìm đạo Ta đã chứng Chánh Đẳng Giác. Sau khi chứng tri, Ta đã tuyên bố: Tất cả thế gian không ngoài ba sự thật, Ta sẽ phân biệt. Những gì là ba?

Đó là không được sát hại tất cả các loài. Đây là lời chân thật, không dối trá. Nếu chấp nhận đây là sự thật thì cần phải tinh tấn, đối với các chúng sanh thường sanh tâm Từ. Đây là sự thật thứ nhất của Bà-la-môn. Ta biết đúng như vậy và giảng thuyết rộng cho mọi người.

Lại nữa, này Bà-la-môn, tất cả khổ tập là pháp sanh diệt, lời nói này chân thật không sai. Nếu đây là sự thật, cần phải tinh tấn, đối với khổ tập thường phải tu tâm quán sát về tướng sanh diệt, nên tu tập như vậy. Đây là sự thật thứ hai của Bà-la-môn. Ta vì biết rõ tướng sanh diệt ấy nên chứng Chánh Đẳng Giác, thường vì chúng sanh thuyết giảng pháp này.

Lại nữa, sự thật thứ ba của Bà-la-môn là thoát ly ngã và ngã sở, đạt vô ngã chân thật.

Ai xa lìa ba pháp tướng này thì viễn ly các điều ác. Nếu chấp nhận đây là sự thật, cần phải sống như vậy.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp này, các ngoại đạo nghe lời Phật dạy, vẫn ngồi im lặng. Thế Tôn suy nghĩ: “Kẻ ngu si này thường bị ma gây chướng ngại nên trong đại chúng cần có một ai tin nhận lời này để phát sanh chí nguyện cầu học, tu trì phạm hạnh”. Nghĩ như vậy xong, Đức Như Lai đứng dậy ra đi.

Đức Phật vừa đi khỏi, vị thần hồ Tu-ma-kiệt-đà nói kệ:

*Như vẽ trên nước muốn tìm dấu
Ruộng muối, gieo giống muốn mọc mạ
Như dùng mùi thơm ướp vật thối
Dội nước bờ đá mong mềm mại
Thối vào chày sắt cầu tiếng hay
Vào giữa mùa đông tìm Dã mã
Những ngoại đạo này cũng như vậy
Tuy nghe diệu pháp không tín thọ.*

Khi nghe thần hồ nói kệ ấy, các Bà-la-môn liền cùng nhau đi theo Phật, cầu xin xuất gia. Đức Phật cho phép. Sau khi xuất gia họ tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

207.

Một thời Tôn giả A-nan ở tại rừng Cù-sư-la thuộc nước Câu-diêm-di.

Có Phạm chí tên Văn-đà đến gặp Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

– Vì lý do nào Hiền giả xuất gia học đạo trong giáo pháp của Samôn Cù-đàm?

A-nan đáp:

– Vì tôi muốn bỏ ác làm thiện nên xuất gia học đạo trong giáo pháp của Đức Phật.

Phạm chí lại hỏi:

– Bỏ những ác gì?

A-nan đáp:

–Tôi muốn từ bỏ tham dục, sân hận, ngu si.

Phạm chí lại hỏi:

–Hiền giả cũng biết đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si hay sao?

A-nan đáp:

–Chỉ trong Phật pháp mới có pháp chế ngự thân tâm, đoạn trừ tham, sân, si như vậy.

Phạm chí lại hỏi:

–Tham, sân, si có lỗi lầm gì mà bị cấm chế trong giáo pháp của các vị thế?

A-nan đáp:

–Đắm nhiễm ái dục, phát sanh não loạn, ngay trong đời này càng tăng trưởng pháp ác; ưu, bi, khổ não do đó phát sanh, trong đời vị lai cũng như vậy. Tham, sân, si khống chế, phá hoại tâm ta và tâm người khác, làm cả hai đều khổ não, ngay trong đời này tăng trưởng các pháp ác. Lại nữa, ai nhiễm đắm trong tham dục thì bị mù tối không có tuệ nhãn, do nhân duyên tham dục làm cho trí tuệ bị yếu ớt, tổn giảm các điều thiện, không hưởng đến Niết-bàn, không đắc ba minh, sáu thông, xa đường giác ngộ. Đối với tham dục, sân hận, ngu si có nguy hại như thế nên phải cấm chế, đoạn trừ chúng.

Phạm chí lại hỏi:

–Có con đường tu nào rộng lớn, đoạn trừ được tham, sân, si, không?

A-nan đáp:

–Có tám Thánh đạo, đó là chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh định, chánh niệm, chánh chí, đoạn trừ được tham, sân, si; hưởng đến Niết-bàn.

Phạm chí nói:

–Thánh đạo như vậy thật toàn thiện, tu tập phát triển đoạn trừ được tham sân si. Hiền giả A-nan, tôi đang có nhiều công việc phải làm, muốn trở về.

A-nan bảo:

–Nên biết tùy thời.

Phạm chí nghe Tôn giả A-nan giảng giải, hoan hỷ từ giả.

208. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Xá-lợi-phất đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp làm cho Xá-lợi-phất hoan hỷ, rồi Ngài im lặng.

Xá-lợi-phất thấy Phật im lặng nên đứng lên, lạy sát chân Phật rồi từ giả. Trên đường về, chưa đến trú xứ, gặp một Phạm chí tên Ưu-trắc. Ưu-trắc hỏi:

–Hiền giả từ đâu đến đây?

Xá-lợi-phất đáp:

–Này Phạm chí, hôm nay tôi đến gặp Đức Thế Tôn, nghe giáo pháp rồi trở về.

Ưu-trắc nói:

–Vậy là hiện nay Hiền giả vẫn còn lệ thuộc vào giáo pháp, như trẻ con chưa bỏ bú.

Xá-lợi-phất nói:

–Tôi nghe giáo pháp không chán, không giống như trẻ con. Tại sao? Trẻ con lớn lên thì rời sữa mẹ.

Ưu-trắc nói:

–Tôi đã không còn nghe giáo pháp và giáo giới đã lâu.

Xá-lợi-phất nói:

–Trong giáo pháp của ông, tuy có giáo giới, nhưng không có lợi ích thật sự, hành động phi đạo, không phải là phương pháp cứu đời, không đưa đến giác ngộ, là pháp bại hoại, không thể nương nhờ một pháp nào cả. Thầy của ông không phải là Bạc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Ông hãy tránh xa thầy tà với giáo pháp ấy đi. Như con bò tối tệ, tánh tình không thuần thực, ưa phá phách, lại ít sữa nên sanh ra con ghé gầy gò, thường xa rời mẹ, tâm ý buông lung. Tôn sư với giáo pháp vô nghĩa của ông cũng như vậy, tánh tình hời hợt, nóng nảy, giáo pháp không có lợi ích thật sự, đệ tử còn nhỏ không có trí tuệ, rời xa thầy, tùy ý phóng dật, còn cho rằng: “Ta đã không còn lệ thuộc nơi giáo pháp và giáo giới”. Trong giáo pháp của Như Lai có giáo pháp và giới luật đúng nghĩa, có phương pháp xuất ly toàn hảo đưa đến giác ngộ, không bị tà kiến phá hoại, có các pháp thiện để nương

cậy. Đức Thế Tôn của ta là Đấng Như Lai, Vô Thượng Sĩ, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, các đệ tử luôn luôn thân cận không rời. Như con bò khỏe mạnh, tính nết thuần thực, không phá phách, có nhiều sữa nên thân thể con nghé ngày càng phát triển, theo mẹ không rời.

Phạm chí Ưu-trắc khen Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Lành thay! Ông được thiện lợi, pháp và luật đã thọ là pháp xuất thế, đưa đến giác ngộ, có phương pháp xuất ly toàn hảo, hướng đến Niết-bàn, không thể phá hoại. Hiền giả có bậc thầy để y chỉ là Đức Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

Sau khi nói xong, Phạm chí từ già.

M

209. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Phạm chí tên là Ưu-trắc đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Cù-đàm, trước đây các ngoại đạo tập hợp ở đại giảng đường bàn luận nhiều vấn đề, nào là Sa-môn Cù-đàm ở nơi yên tịnh, tu tập thu nhiếp tâm ý, trí tuệ biện tài. Khi ấy tôi cũng bàn luận và bày tỏ: Sự việc này tương ứng, sự việc này không tương ứng. Như con trâu già bị mù, chúng ta cũng vậy, giáo pháp của ta quá tầm thường, mù tối không có con mắt tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, sống nơi chốn vắng lặng, tu tập thu nhiếp tâm ý. Thưa Cù-đàm, hiện nay Ngài đang giáo hóa các đệ tử như thế nào?

Đức Phật bảo ông ta:

–Trong Phật pháp của Ta, gọi sự việc đồng nam, đồng nữ cùng nhau họp mặt, tổ chức hội hè ca múa, vui chơi là tương ứng. Như có người già hơn tám mươi tuổi, tóc bạc, da nhăn, răng rụng mà vẫn ca múa, cỡi trâu, ngựa gỗ, đánh đàn tỳ bà, thổi sáo, thổi tiêu, chơi thuyền nhỏ, đá cầu. Người già với hành động như vậy gọi là không tương ứng. Có người thấy như vậy, nên gọi hành động người này là trí hay ngu?

Phạm chí đáp:

–Như vậy nên gọi là trẻ ngu, không có trí tuệ.

Đức Phật bảo ông ta:

– Trong Phật pháp của Ta, tương ứng, tương thuận như đồng tử vui chơi. Nay Phạm chí, giáo pháp của Thánh hiền tương ứng nhau như đồng tử mà vui chơi.

Ưu-trắc bạch Phật:

– Tỳ-kheo tu pháp thiện như thế nào?

Đức Phật đáp:

– Pháp của Tỳ-kheo là phải xa lìa các pháp ác, bất thiện, tu tập các pháp thiện. Người chưa điều phục thì tinh tấn tu tập làm cho điều phục. Người chưa đắc định, phải tinh tấn tu tập làm cho đắc định. Người chưa giải thoát phải tinh tấn tu tập làm cho giải thoát. Người có chỗ chưa đoạn, phải tinh tấn tu tập làm cho đoạn trừ. Người có chỗ chưa biết, phải tinh tấn tu tập làm cho hiểu biết. Người có chỗ chưa tu, phải siêng năng tu tập để thực hiện việc tu tập. Người chưa đắc phải siêng năng tu tập cho chứng đắc.

Phạm chí hỏi:

– Chưa điều phục những gì vì muốn điều phục nên phải tinh tấn tu tập?

Đức Phật đáp:

– Chưa điều phục được mắt, cho đến chưa điều phục được ý, cần phải tinh tấn tu tập làm cho điều phục.

Phạm chí hỏi:

– Chưa giải thoát những gì nên cần phải tinh tấn tu tập làm cho giải thoát?

Đức Phật đáp:

– Tâm chưa giải thoát nên cần phải tinh tấn tu tập để tâm được giải thoát.

Phạm chí hỏi:

– Cần đoạn trừ những ác gì nên phải siêng năng tu tập?

Đức Phật dạy:

– Vì đoạn trừ vô minh và ái nên cần phải tinh tấn tu tập.

Phạm chí hỏi:

– Không biết những gì cần phải siêng năng tu tập để biết?

Đức Phật dạy:

– Chưa biết về danh sắc, cần phải tinh tấn tu tập để biết.

Phạm chí hỏi:

–Chưa tu tập những gì, vì muốn tu tập nên phải siêng năng tu tập?

Đức Phật dạy:

–Chưa tu tập định tuệ, chưa đắc tám đạo nên cần phải tu tập.

Phạm chí bạch Phật:

–Hạnh của Tỳ-kheo thật là đúng đắn. Con đang có nhiều việc muốn trở về nhà.

Đức Phật bảo:

–Nên biết tùy thời.

Phạm chí Ưu-trắc đứng dậy từ giả.

M

201. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Trong nước có một Phạm chí tên là Thi-bặc, đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, hỏi:

–Thưa Cù-đàm, gọi là học, tại sao gọi là học?

Đức Phật đáp:

–Vì có học tập nên gọi là học.

Phạm chí hỏi:

–Học tập những gì nên gọi là học?

Đức Phật đáp:

–Luôn luôn tu học tăng thượng giới, tăng thượng trí, tăng thượng tâm, nên gọi là học.

Phạm chí lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm, nếu có vị A-la-hán không còn hữu lậu, đã làm xong việc, bỏ gánh nặng xuống, đạt đến vô ngã, tâm được tự tại, không còn phiền não, đắc chánh trí giải thoát, khi ấy sẽ còn học gì nữa?

Đức Phật đáp:

–Khi vị A-la-hán không còn phiền não, chánh kiến, tâm đắc giải thoát, bấy giờ tham dục, sân hận, nghi ngờ đều bị đoạn diệt hết không còn tàn dư, nên gọi là vô học. Lại nữa, vị A-la-hán không những đã

diệt tham, sân, si, mà không còn có hành động xấu ác nơi thân miệng ý nữa, vì ý nghĩa này nên gọi là vô học.

Phạm chí Thi-bặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giả.

M

211. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Thi-bặc đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Cù-đàm, có Bà-la-môn bày tỏ như thế này: “Tùy theo nghiệp đã tạo trong quá khứ làm nhân, các nghiệp trong hiện tại tăng trưởng đều tùy theo nhân bất thiện của ta trong đời quá khứ. Trong đời hiện tại, nếu không tạo nghiệp nữa, thì có thể phá gãy cầu sanh tử, đoạn tuyệt hẳn bốn dòng chảy, không còn luân hồi vì nghiệp đã hết, khổ cũng không còn; khổ hết thì không còn cảnh giới khổ”. Thưa Cù-đàm, sự việc này như thế nào?

Đức Phật bảo Thi-bặc:

–Như lời ông nói, các Sa-môn, Bà-la-môn đã bày tỏ: “Tùy theo nghiệp đã làm... *như trên*... không còn cảnh giới khổ”. Nếu như vậy, vì lý do nào ngay trong đời này có bệnh gió, bệnh lạnh... do bốn đại tăng giảm, do tự thân gây ra, hay yếu tố khác gây ra?

Thi-bặc bạch Phật:

–Do yếu tố khác gây ra.

Đức Phật bảo Thi-bặc:

–Thế nào là nghiệp do bản thân làm? Như luôn luôn nhổ râu tóc, hoặc đứng đưa tay, hoặc không ngồi trên giường, hoặc ngồi xổm, lấy đó làm nghiệp tu tập. Hoặc ngồi trên gai góc, hoặc nằm, ngồi trên cây đòn dài, hoặc ngồi trên tro đất, hoặc ngồi trên đất có phân bò, hoặc đứng một chân, quay người theo mặt trời, hoặc vào tháng hè nóng bức thiêu đốt toàn thân ngoài nắng, hoặc ăn rau, ăn hạt cỏ dại, ăn ngó sen, ăn cám, ăn cặn bã dầu, ăn phân bò, hoặc tế lửa ba lần trong ngày, hoặc vào mùa đông ngâm thân trong nước lạnh... có vô số phương pháp làm khổ thân, như vậy đều là nghiệp khổ do bản thân làm.

Thế nào là khổ do người khác làm? Người khác dùng tay chân, dao gậy, gạch đá đánh ném, những khổ này là khổ do người khác gây ra. Tất cả người đời khi bốn đại tăng giảm, hoặc bị gió lạnh mà phát sanh bệnh hoạn. Những bệnh như vậy có thấy trong hiện tại, tại sao các Bà-la-môn kia thấy như vậy lại còn nói: “Tùy theo nghiệp trong quá khứ... *như trên*... cảnh giới khổ”, tức là bày tỏ sai lầm. Do tất cả sai lầm này nên người đời đều biết họ nói lời không thật.

Có năm nhân duyên làm cho thân tâm chịu các khổ não. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân hận, trạo hối, hôn trầm, nghi ngờ. Năm pháp này làm cho thân tâm chúng sanh ngay trong đời này chịu nhiều khổ não. Lại có năm nhân duyên làm cho thân tâm chúng sanh ngay trong đời này thường được an lạc, không bị cảm nhận khổ não. Những gì là năm? Đó là đoạn trừ tâm tham dục... thì ngay trong đời hiện tại thân tâm được thọ hưởng an lạc. Vì sao vậy? Vì có tham dục, sân hận, trạo hối, hôn trầm, nghi ngờ, thường làm cho chúng sanh chịu nhiều khổ não. Ai đoạn trừ được chúng thì thọ an lạc, không có đau khổ. Thế nên cần phải đoạn trừ năm thứ trói buộc, che phủ ấy. Nếu ai đoạn trừ chúng thì ngay khi đó đắc giải thoát, chắc chắn đến Niết bàn. Nay Thi-bặc, đây gọi là pháp tạo được sự chứng ngộ trong hiện tại.

Lại có pháp khiến chứng đắc ngay trong hiện tiền là chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh chí, chánh niệm và chánh định.

Khi Thế Tôn thuyết pháp này, Phạm chí Thi-bặc xa lìa bụi bặm cấu uế, đắc pháp nhãn thanh tịnh đối với các pháp. Sau khi được thấy đạo, Phạm chí Thi-bặc sửa lại y phục, chấp tay hướng Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, xin Ngài từ bi thương xót cho con được xuất gia.

Như Lai cho phép ông ta xuất gia. Sau khi xuất gia, Tôn giả Thi-bặc sống nơi vắng lặng, ân cần tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán.

M

212. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi rừng Am-bà-la, thuộc thôn xóm bán vải Na-la-kiện-đà. Khu xóm này có một Phạm chí tên Na-lị-bà-lực, đã già cả, một trăm hai mươi tuổi. Dân chúng sống trong thôn đều cho vị ấy

là bậc A-la-hán, nên tất cả đều cung kính cúng dường.

Phạm chí này có một bạn thân đã qua đời, được sanh lên cõi trời. Vị trời ấy suy nghĩ: “Nay nếu ta khuyển Na-li-bà-lực đến gặp Đức Phật, chắc ông ta không chấp nhận. Vậy ta nên thuyết giáo, có thể làm cho ông ta tin nơi ta”. Sau khi nghĩ như vậy, vị Trời bèn đến nơi vị Phạm chí già kia, với hào quang rực rỡ chiếu toàn thân và chung quanh, hỏi Phạm chí:

–Thế nào đúng là oán gia của ta mà giả làm người thân? Thế nào là người xem bạn thân như thân mình? Thế nào là nói về đoạn trừ? Thế nào là không nhiệt nã? Bạn hãy ghi nhớ và suy nghĩ trong lòng, không nên nói ra điều này. Nếu ai hiểu và giải thích được ý nghĩa ấy, bạn nên đến gặp họ, cầu xin xuất gia, tịnh tu phạm hạnh.

Vị trời nói xong liền biến mất. Phạm chí Na-li-bà-lực nghe nói như vậy liền đến gặp Phú-lan-na Ca-diếp và vấn nạn bằng những ý nghĩ trong lòng: Thế nào là oán gia... *như trên*... Nhưng Phú-lan-na Ca-diếp không biết được ý nghĩ của Phạm chí, làm sao đáp được!

Phạm chí lại đến gặp San-xà-da Tỳ-la-chi Tử và cũng hỏi bằng ý nghĩa... cho đến Ni-càn-đà-nhã-đề Tử cũng được hỏi bằng ý nghĩ như vậy. Nhã-đề Tử vẫn không biết Phạm chí nghĩ gì, làm sao đáp được!

Phạm chí Na-li-bà-lực đã gặp hết Lục sư nhưng họ đều không biết ông ta nghĩ gì nên không thể đáp được. Phạm chí suy nghĩ: “Nay ta làm sao xuất gia tu đạo trong pháp của họ, chi bằng hoàn tục hưởng thọ năm dục lạc. Hiện nay gia sản của ta rất giàu, vậy nên sống ở gia đình bố thí làm phước!”. Ông ta lại nghĩ: “Hay là ta đến gặp Sa-môn Cù-đàm”.

Sau khi nghĩ như vậy, ông ta đi đến gặp Phật, trên đường đi, lại suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm xuất gia còn trẻ tuổi, nhóm Lục sư Phú-lan-na... đều là những người kỳ cựu, túc đức, còn không biết được ý nghĩ của ta, huống chi Sa-môn Cù-đàm đã trẻ tuổi, lại xuất gia chưa lâu, học lực còn kém, làm sao có thể hiểu được ý nghĩa này!”. Nghĩ như vậy, ngay giữa đường, ông ta muốn quay xe trở về, nhưng lại suy nghĩ: “Trước đây ta đã từng nghe các Phạm chí Trưởng lão kỳ cựu túc đức nói: Đối với người xuất gia nhỏ tuổi không nên khinh thường. Vì sao? Tuổi tuy nhỏ nhưng có thần thông lớn và nhiều trí tuệ”.

Nghĩ như vậy rồi, Phạm chí đến gặp Đức Phật, cung kính chào hỏi, ngồi qua một bên, trong lòng nghĩ đến bốn câu hỏi... *như trên...*
Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm Phạm chí nên nói kệ:

*Nói xấu, mắng sau lưng
Chê bai trăm ngàn cách
Trước mặt lại khen ngợi
Nói là người tốt đẹp
Thật đã làm những việc
Đối trá không nên làm
Người trí cần phải biết
Đây là oán giả thân.
Giả nói lời thân thiện
Hành động thì gây hại
Người trí cần nên biết
Đây là oán giả thân.
Thế nào với bạn thân
Kính mến như thân mình
Không nên với bạn thân
Tìm kiếm lỗi của họ.
Bạn thân đồng tâm nguyện
Nhớ nhau thường không quên
Bạn mà thân như vậy
Không bị ai chia rẽ.
Cần phải luôn kính mến
Yêu thương như thân mình
Vì sao nói phải đoạn
Đoạn phát sanh hỷ lạc
Cũng hay được thắng lợi
Đến cảnh giới tịch diệt
Siêng tu đến thắng quả
Trượng phu hành chánh đạo
Vì nghĩa này nên đoạn
Làm sao được không nhiệt
Hưởng mùi vị tịch tịnh
Chúng đắc đại trí tuệ*

*Khi ấy được không nhiệt
Xa lìa hẳn các ác
Hưởng pháp vị hoan hỷ
Đây gọi là không nhiệt.*

Phạm chí nghe kệ xong, liền sửa lại y phục, bạch Phật:
– Cầu mong Thế Tôn cho con xuất gia.

Đức Như Lai cho Phạm chí xuất gia. Sau khi xuất gia, Tôn giả tinh tấn tu tập, chứng A-la-hán.

M

213. Về Tu-bạt-đà-la, giống phần kệ tụng của kinh 110.

M

Kệ tóm lược:

*Ưu-trắc, Phân-nặc, Câu-ca-na
Tu-đạt, Trường Trảo, Xa-la-phù
Trọng Sào, tam đế và Văn-đà
Hai không giữ được, Thi-bặc căn
Thi-bặc, Na-lị-bà-lực-ca
Tu-bạt-đà-la thứ mười lăm.*

□

BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN XII

214. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Tỳ-kheo-ni tên Khoáng Dã, vào sáng sớm, mặc y, mang bát vào thành khất thực, sau khi thọ trai rửa bát xong, muốn đi đến rừng Đắc nhãn.

Ma vương Ba-tuần suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang ở trong rừng Đắc nhãn thuộc Xá-vệ. Tỳ-kheo-ni Khoáng Dã, đệ tử của ông ta, vào thành khất thực, sau khi thọ trai rửa bát xong, xếp tọa cụ muốn vào rừng Đắc nhãn. Ta phải quấy nhiễu cô ấy.

Ba-tuần hóa ra một thanh niên, ở bên đường hỏi Khoáng Dã:

–Cô đi đâu vậy?

Tỳ-kheo-ni đáp:

–Tôi muốn đến nơi vắng lặng tịch tĩnh.

Thanh niên nghe nói như vậy liền đọc kệ:

*Khấp cả trong thế gian
Không có ai giải thoát.
Cô đến nơi tịch tĩnh
Vì muốn làm việc gì?
Cô đang tuổi trẻ đẹp
Không hưởng thọ năm dục.
Một mai già suy đến
Thế nào chẳng hối hận!*

Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: “Đây là ai mà muốn quấy nhiễu ta, thật là xác láo, là người hay là phi nhân?”

Sau khi suy nghĩ, Tỳ-kheo-ni nhập định quán sát, biết là Ba-tuần muốn đến quấy nhiễu, liền nói kệ:

*Thế gian có giải thoát
Nay ta tự chứng biết*

*Này Ba-tuần ngu si
 Người nào biết việc này.
 Dục như kích bén đâm
 Như giặc cầm dao rượt
 Người nói hưởng năm dục
 Dục thật khổ đáng sợ
 Dục thường sanh ưu sầu
 Dục thường sanh hối hận
 Dục sanh ra trăm khổ
 Dục là gốc các khổ
 Đoạn trừ tất cả ái
 Diệt vô minh ngu si
 Chúng đến nơi tận diệt
 Sống với pháp vô lậu.*

Khi ấy Ba-tuần suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Khoáng Dã biết hết tâm ta”. Ba-tuần sầu não hối hận, hổ thẹn trở về cung.

M

215. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tỳ-kheo-ni Tô-ma mặc y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, sau khi thọ trai, đem tọ cụ vào rừng Đắc nhãn.

Ma vương Ba-tuần suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tô-ma mặc y mang bát vào thành khát thực, sau khi thọ trai rửa bát xong, đem tọ cụ vào rừng Đắc nhãn”.

Ba-tuần hóa ra một Bà-la-môn đứng bên đường hỏi:

–Này A-xà-lê muốn đi đâu vậy?

Tỳ-kheo-ni đáp:

–Ta đang muốn đi đến nơi tịch tĩnh.

Ba-tuần nói kệ:

*Chỗ chúng của Tiên thánh
 Nơi ấy khó bước đến
 Chẳng phải trí thấp hèn
 Của cô đạt đến được.*

Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: “Đây là người hay phi nhân, mà muốn quấy nhiễu ta vậy?”, bèn nhập định quán sát, biết là Ba-tuần, nên nói kệ:

*Thân nữ chẳng ngại gì
Chuyên ý tu thiền định
Quán sát pháp tăng thượng
Ai chấp tướng nam nữ
Nên cho rằng người nữ
Không thể tu thắng pháp
Ai không chấp nam nữ
Lấy gì sanh phân biệt
Đoạn trừ tất cả ái
Diệt sạch hết vô minh
Chứng đắc đến tận diệt
Trụ nơi pháp vô lậu
Thế nên hãy biết rõ
Ba-tuần người thua rồi.*

Ba-tuần suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Tô Ma đã biết hết tâm ta”. Ba-tuần ưu sầu hối hận, hổ thẹn nên trở về cung.

M

216. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tỳ-kheo-ni Sí-xá Kiêu-đàm-di, vào sáng sớm, mặc y, mang bát vào thành khát thực, sau khi thọ trai rửa bát xong, cầm tọa cụ đi vào rừng Đắc nhãn.

Ma vương Ba-tuần suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang ở trong rừng Đắc nhãn thuộc nước Xá-vệ. Tỳ-kheo-ni Sí-xá Kiêu-đàm-di vào thành khát thực, sau khi thọ trai rửa bát xong, cầm tọa cụ đi vào rừng Đắc nhãn”.

Suy nghĩ xong, Ma vương hóa ra một thanh niên, muốn quấy nhiễu nên nói kệ:

Sư cô đang làm gì

*Buồn bã bên gốc cây
Sụt sùi rơi nước mắt
Vừa mất con phải không
Hay ở riêng trong rừng
Vì muốn cầu nam tử?*

Sau khi suy nghĩ: “Đây là ai, thật là xác láo, người hay phi nhân mà muốn quấy nhiễu ta”, Tỳ-kheo-ni nhập định quán sát, biết là Ma vương nên nói kệ:

*Ta đã đoạn ân ái
Không muốn, không tưởng con
Ngồi thẳng giữa cây rừng
Không sâu không phiền nã
Đoạn trừ tất cả ái
Diệt sạch hết vô minh
Chứng đắc đến tận diệt
An trú pháp vô lậu
Thế nên phải biết rõ
Ba-tuần người thua rồi.*

Ma vương suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Sí-xá Kiều-đàm-di đã biết hết tâm ta. Ba-tuần ưu sầu hối hận, hổ thẹn nên trở về cung.

M

217. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, mặc y, mang bát vào thành khát thực, sau khi thọ trai rửa bát xong, cầm tọa cụ vào rừng Đắc nhãn, ngồi bên gốc cây, chánh niệm tư duy, nhập định.

Ma vương Ba-tuần suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang ở trong rừng Đắc nhãn thuộc nước Xá-vệ. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc vào thành khát thực, sau khi thọ trai rửa bát xong, cầm tọa cụ đi vào rừng Đắc nhãn”.

Suy nghĩ xong, Ma vương hóa ra một thanh niên, đến chỗ Tỳ-

kheo-ni nói kệ:

*Ngồi dưới cây Sa-la
Như hoa nở xinh đẹp
Một mình Tỳ-kheo-ni
Cô đang thiền phải không
Một mình không có bạn
Không sợ kẻ hại sao?*

Sau khi suy nghĩ: “Đây là ai, thật là xác láo, người hay phi nhân mà muốn quấy nhiễu ta”, Tỳ-kheo-ni nhập định quán sát, biết là Ma vương nên nói kệ:

*Trăm ngàn kẻ gian tặc
Đều cùng làm như người
Chẳng động mảy lông ta
Nên không gì đáng sợ.*

Ma vương nói kệ:

*Nay ta tự biến hình
Nhập vào bụng của người
Hoặc vào giữa lông mày
Làm người không thấy được.*

Tỳ-kheo-ni nói kệ đáp:

*Tâm ta được tự tại
Khéo tu định như ý
Cắt đứt buộc trói lớn
Không bao giờ sợ người.
Ta đã vượt kết sử
Nhỏ sạch ba gốc rễ
Phá tan nền móng sợ
Nên ta chẳng sợ gì.
Nay người trụ ở đây
Chẳng làm tâm ta sợ
Quân của người đến hết
Ta cũng chẳng sợ hãi.
Đoạn trừ tất cả ái*

*Diệt trừ hết vô minh
 Chúng đắc nơi diệt tận
 An trú pháp vô lậu
 Thế nên người phải biết
 Ba-tuần người thua rồi.*

Ma vương suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc đã hiểu rõ hoàn toàn tâm ta”. Ba-tuần ưu sầu hối hận, hổ thẹn trở về cung.

M

218. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Thạch Thất mặc y mang bát, vào thành khất thực, sau khi thọ trai, rửa bát, đem tọạ cụ đi vào rừng Đắc nhãn.

Ma vương suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đang ở trong rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Có Tỳ-kheo-ni Thạch Thất... *như trên...* Đắc nhãn. Ta phải quấy nhiễu cô ấy”. Suy nghĩ xong, Ma vương hóa thành một thanh niên đến gặp Thạch thất, nói kệ:

*Chúng sanh do ai tạo
 Chúng sanh tạo ra ai
 Vì sao gọi chúng sanh
 Chúng sanh đi về đâu?*

Nghe kệ xong, Tỳ-kheo-ni Thạch Thất suy nghĩ: “Đây là ai, thật là xác láo, là người hay phi nhân”, bèn nhập định quán sát, biết là Ma vương nên nói kệ:

*Chúng ma sanh tà kiến
 Tưởng có tướng chúng sanh
 Do giả không hội tụ
 Hoàn toàn không chúng sanh
 Như nhân nhiều bộ phận
 Hòa hợp có xe dùng
 Ấm, giới, nhập cũng vậy
 Do nhân duyên mà có*

*Do nghiệp duyên hội tụ
Do nghiệp duyên tan diệt
Đoạn trừ tất cả ái
Diệt tất cả vô minh
Đạt đến nơi tận diệt
An trú nơi vô lậu
Này Ba-tuần nên biết
Người thật đã thua rồi.*

Ma vương suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni đã biết rõ hoàn toàn tâm ta”.
Nên Ma ưu sầu hối hận, hổ thẹn trở về cung.

M

219. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Tỳ-lê ở tinh xá nơi vườn vua nước Xá-vệ, mặc y mang bát, vào thành khát thực, sau khi thọ trai, rửa bát, đem tọ cụ vào rừng Đắc nhãn.

Ma vương suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm... *như trên...*, ta phải quấy nhiễu”. Nghĩ như thế rồi, Ma vương hóa ra một thanh niên đứng bên vệ đường, nói kệ:

*Ai tạo ra hình tượng
Hình tượng tạo ra ai
Hình tượng từ đâu sanh
Hình tượng đi về đâu?*

Nghe kệ xong, suy nghĩ: ai quấy nhiễu ta vậy, thật là xác láo, là người hay phi nhân, Tỳ-kheo-ni bèn nhập định quán sát, biết là Ma vương, nên nói kệ:

*Hình tượng không tự tạo
Chẳng do người khác tạo
Do các duyên mà có
Duyên ly thì tan diệt.
Cũng như trồng hạt giống
Nhờ đất mà sanh trưởng*

*Ấm, giới cùng các nhập
 Hòa hợp thành hình tượng.
 Nhân khổ nên sanh trưởng
 Nhân khổ nên tán diệt
 Đoạn trừ tất cả ái
 Diệt sạch hết vô minh
 Đạt đến nơi tận diệt
 An trú pháp vô lậu
 Thế nên cần phải biết
 Ba-tuần người thua rồi.*

Sau khi suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni này biết hoàn toàn tâm ta”. Ba-tuần ưu sầu hối hận, hổ thẹn nên trở về cung.

M

220. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da, từ tinh xá nơi vườn vua, mặc y mang bát, vào thành khất thực, sau khi thọ trai, rửa bát, đem tọa cụ đến rừng Đắc nhãn, ngồi bên gốc cây nhập thiền định.

Ma vương suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm... *như trên*... nhập thiền định, ta phải khuấy nhiễu vị ấy”. Suy nghĩ xong, Ma vương hóa thành một thanh niên đến nơi Tỳ-xà-da nói kệ:

*Cô đang rất sung sức
 Tôi tuổi trẻ như cô
 Cùng nhau hưởng năm dục
 Hoan lạc theo ý muốn
 Sao ngồi đây một mình
 Không làm bạn với tôi?*

Nghe kệ ấy, Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: “Đây là ai đến khuấy nhiễu ta, thật là xác láo, là người hay phi nhân”, bèn nhập định quán sát, biết là Ma vương, nên nói kệ:

*Ca múa theo tiếng nhạc
 Cùng với năm dục lạc*

Người đem về để dùng
 Không thích hợp với ta.
 Tất cả năm loại dục
 Trong cõi người và trời
 Đưa hết cho người dùng
 Không thích hợp với ta.
 Ta đoạn tất cả ái
 Diệt hết sạch vô minh
 Đạt đến nơi tận diệt
 An trú pháp vô lậu
 Vì vậy nên phải biết
 Ba-tuần người thua rồi.

Sau khi suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni này đã biết rõ hoàn toàn tâm ta”.
 Ba-tuần ưu sầu hối hận, hổ thẹn nên trở về cung.

M

221. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Chiết-la mặc y mang bát, vào thành khất thực, thọ trai, rửa bát xong, đem tọạ cụ đến rừng Đắc nhãn, ngồi bên gốc cây, nhập thiền định.

Ma vương suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm... như trên... nhập thiền định, ta nên đến đó quấy nhiễu”.

Sau khi suy nghĩ, Ma vương hóa thành một thanh niên, đến nơi ấy và nói:

–Này A-lợi-da, người muốn sanh về đâu?

Tỳ-kheo-ni đáp:

–Hiện nay ta không có nơi sanh nữa.

Thanh niên nói kệ:

Có sanh tất được lạc
 Sống tất hưởng năm dục
 Cô nghe ai dạy bảo
 Nói không cần sanh nữa.

Tỳ-kheo-ni Chiết-la nói kệ đáp:

*Có sanh phải có chết
 Bị các khổ trôi buộc
 Phải đoạn tất cả khổ
 Thế nên không cầu sanh
 Đấng Mâu-ni đủ mắt
 Thuyết pháp chân đế này
 Khổ làm nhân sanh khổ
 Nên phải xả ly hết.
 Tu tập tám Thánh đạo
 An ổn hướng Niết-bàn
 Thế Tôn hướng dẫn ta
 Ta mến giáo pháp ấy.
 Ta chứng tri pháp đó
 Nên không muốn tái sanh
 Đoạn trừ tất cả ái
 Diệt tận các vô minh
 Đạt đến nơi tận diệt
 An trú pháp vô lậu
 Vậy nên cần phải biết
 Ba-tuần người thua rồi.*

Ma vương suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni này đã biết rõ hoàn toàn tâm ta”, nên ưu sầu hối hận, hổ thẹn trở về cung.

M

222. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-chiết-la ở tịnh xá nơi vườn vua, mặc y mang bát, vào thành Xá-vệ khát thực, sau khi thọ trai, rửa bát và chân xong, cầm tọa cụ đi vào rừng Đắc nhãn, ngồi thẳng người bên gốc cây nhập thiền định.

Ma vương suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm... như trên... nhập thiền định, ta nên đến đó quấy nhiễu”. Nghĩ như vậy rồi, Ma vương hóa ra

một thanh niên đi đến nơi ấy và hỏi Tỳ-kheo-ni:

–A-lợi-da, muốn thọ thân nơi nào?

Tỳ-kheo-ni đáp:

–Ta không còn nơi nào thọ thân cả.

Thanh niên nói kệ:

*Đao-lợi và Diệm ma
Đâu-suất và Hóa lạc
Trời Tha hóa tự tại
Nơi ấy thật vui sướng
Cô hãy nguyện đến đây
Hưởng an lạc thắng diệu.*

Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-chiết-la nói kệ:

*Đao-lợi và Diệm ma
Đâu-suất và Hóa lạc
Trời Tha hóa tự tại
Các nơi tuy đủ lạc
Không thoát khỏi ngã kiến
Tất bị ma trời buộc
Thế gian đều vô thường
Đều trở về hủy diệt
Không có phàm phu nào
Thoát khỏi cảnh buộc trời
Thế gian bị đốt cháy
Thế gian mù khói tỏa
Thoát ly khỏi vô thường
Ta thích nơi như vậy.
Đoạn trừ tất cả ái
Diệt hắc ám vô minh
Đạt đến nơi tận diệt
An trú pháp vô lậu
Thế nên cần phải biết
Ba-tuần người thua rồi.*

Sau khi suy nghĩ: “Tỳ-kheo-ni này biết rõ hoàn toàn tâm ta”, Ba-tuần ưu sầu hối hận, hổ thẹn nên trở về cung.

M

223. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Động Đầu ở tinh xá nơi vườn vua, mặc y mang bát, vào thành khát thực, sau khi thọ trai, tẩy bát rửa chân xong, cầm tọa cụ đi vào rừng Đắc nhãn, ngồi thẳng người bên gốc cây nhập thiền định.

Ma vương suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm... *như trên*... nhập thiền định, ta nên đến đó quấy nhiễu”.

Suy nghĩ thế, Ma vương hóa ra một thanh niên, đi đến nơi ấy nói với Tỳ-kheo-ni:

–Chín mươi sáu thứ đạo, cô thích đạo nào?

Tỳ-kheo-ni đáp:

–Ta không thích các đạo ấy.

Ba-tuần nói kệ:

*Theo ai mà cắt tóc
Tự xưng là Tỳ-kheo
Không ưa thích ngoại đạo
Cô thật là ngu si.*

Tỳ-kheo-ni Động Đầu nói kệ:

*Các chúng ngoại đạo này
Đều bị tà kiến trói
Các loại kiến trói buộc
Rơi hết vào lưới ma
Đại Thế Tôn họ Thích
Đấng Trượng Phu hơn hết
Tối thắng trong các loài
Ngồi đạo tràng hàng ma
Thiện Thệ, Vô Thượng Sĩ
Giải thoát hết tất cả
Giác ngộ đến tận cùng
Đức Phật dạy cho ta
Là Thế Tôn của ta
Ta mến giáo pháp Ngài*

*Nay ta đã biết Ngài
 Trừ hết các kiến lậu
 Đoạn trừ tất cả ái
 Diệt vô minh tối tăm
 Đạt đến nơi tận diệt
 An trú pháp vô lậu
 Vì vậy nên phải biết
 Ba-tuần người thua rồi.*

Ma vương nghĩ: “Tỳ-kheo-ni này đã biết rõ hoàn toàn tâm ta”, nên Ba-tuần ưu sầu hối hận, hổ thẹn trở về cung.

Kệ tóm lược:

*Khoáng dã, Tố Di, Tô Cù-dàm
 Hoa Liên, Thạch Thất và Tỳ-la
 Tỳ-xà, Chiết-la, Ưu-ba-chiết-la
 Thứ mười tên Động Đầu.*

M

224. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi bờ hồ Yết-xà, thuộc nước Tát-la.

Vào ngày rằm, Đức Thế Tôn ngồi trước chúng Tăng thuyết giới. Ngay đêm ấy, khi mặt trăng vừa mọc, Bà-kỳ-xa ngồi giữa đại chúng suy nghĩ: “Ta muốn lấy mặt trăng làm thí dụ để tán thán Đức Phật”.

Sau khi suy nghĩ, Tôn giả rời chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, con có điều muốn nói, cầu mong Đấng Thiện Thệ cho phép.

Đức Phật bảo Bà-kỳ-xa:

–Cho phép ông nói.

Tôn giả Bà-kỳ-xa nói kệ:

*Như mặt trăng tròn đầy
 Giữa không trung vắng mây
 Ánh sáng chiếu thế giới
 Muôn loài đều thích nhìn.*

*Đức Thích ca Mâu-ni
Đạo Sư của thế gian
Đoan nghiêm rất đặc biệt
Tiếng khen khắp nơi nơi
Trăng mọc, sen trắng tươi
Trời mọc, sen hồng nở
Người được Phật giáo hóa
Như hoa nở tươi tròn
Mở thiện căn đã có
Làm cho thấy nẻo đạo.*

Bà-kỳ-xa nói kệ xong, hoan hỷ vui mừng, trở về chỗ ngồi.

M

225. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh.

Tôn giả Kiều-trần-như, từ nơi khác đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát dưới chân, ngồi qua một bên.

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xa đang ở trong hội suy nghĩ: “Nay đang ở trước Đức Phật, ta muốn nói kệ tán thán Tôn giả Kiều-trần-như”.

Sau khi suy nghĩ, Tôn giả đứng dậy bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, cầu mong cho phép con nói ít lời tán thán.

Đức Phật nói:

–Tùy ý ông nói.

Tôn giả Bà-kỳ-xa nói kệ:

*Thượng tọa Tỳ-kheo Kiều-trần-như
Nói thật, an trú chốn lợi lạc
Thường ưa thích tịch tịnh, lặng lẽ
Là bậc Thanh văn cầu pháp Phật
Chứng đắc hoàn toàn không phóng dật
Có đủ uy đức, đủ ba minh
Biết tâm sai biệt các căn lành
Trưởng tử Như Lai Kiều-trần-như
Quy y đánh lễ Đức Thế Tôn.*

Bà-kỳ-xa nói kệ xong, hoan hỷ trở về chỗ ngồi.

M

226. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong giảng đường đang thuyết pháp cho chúng Tăng với âm thanh đầy đủ, lời lẽ chánh trực, khiến cho người nghe tâm ý được hỷ lạc, hiểu rõ, tâm được thông suốt, lời giảng dạy thật trọn vẹn. Chúng Tỳ-kheo chí tâm lãnh hội, hoan hỷ tôn trọng, cung kính, hết lòng ghi nhớ, cùng nhau hoan hỷ tiếp nhận giáo pháp.

Khi ấy Tôn giả Bà-kỳ-xa đang ngồi giữa chúng, suy nghĩ: “Ta muốn nói kệ ca ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất”.

Suy nghĩ như vậy xong, Bà-kỳ-xa sửa lại y phục, đứng dậy chấp tay hướng về Xá-lợi-phất nói:

– Xin phép Tôn giả cho tôi được nói.

Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất cho phép tùy ý nói, Bà-kỳ-xa nói kệ:

*Lành thay Xá-lợi-phất
Biết rõ đạo, phi đạo
Vì các Tỳ-kheo tăng
Giảng giải rộng và hẹp
Vị Ưu-ba-thất-sử
Nói âm thanh vi diệu
Người nghe đều hoan hỷ
Ngôn ngữ rất hòa nhã
Rất đáng thích đáng yêu
Đại chúng nghe không chán.*

Sau khi nói kệ, Bà-kỳ-xa vui mừng hoan hỷ trở về chỗ ngồi.

M

227. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại sườn núi RỒNG, thuộc thành Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán, đã hết các lậu, việc làm đã xong, bỏ gánh nặng xuống, hết các nghiệp trôi

buộc, tâm đã giải thoát.

Khi ấy Tôn giả Mục-liên quan sát năm trăm Tỳ-kheo đang ngồi đều là bậc lia hết ái dục.

Bấy giờ, vào nửa tháng thuyết giới, Đức Thế Tôn trải tòa ngồi trước chúng Tăng. Tôn giả Bà-kỳ-xa đang ở trong chúng, suy nghĩ: ‘Ta nay đang đứng trước Đức Phật và chư Tăng, muốn tán thán’.

Tôn giả liền đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay hướng Phật, thưa: – Cầu mong Thế Tôn cho con được nói.

Sau khi được Đức Phật cho phép, Tôn giả Bà-kỳ-xa nói kệ:

*Đấng Thương Chủ Vô Thượng
 Tại bên bờ núi Rong
 Trí tuệ giúp đỡ khắp
 Năm trăm Tỳ-kheo tăng
 Mục liên dùng thần túc
 Quán sát năm trăm tâm
 Biết các Tỳ-kheo này
 Điều đoạn dục, kết sử
 Tất cả đều đầy đủ
 Đấng Mâu-ni Đại Thánh
 Vượt qua khỏi bờ khổ
 Thân tối hậu thế gian
 Con nay quy mạng lễ
 Đức Bổn sư Cù-đàm.*

M

228. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, đang an cư mùa hạ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán, đã hết các lậu, việc làm đã xong, bỏ gánh nặng xuống, không còn nghiệp trói buộc, chánh trí, tâm đắc giải thoát, chỉ trừ một người được Như Lai thọ ký trong đời hiện tại sẽ dứt sạch hết các lậu.

Vào ngày rằm tháng bảy, đến lúc tự tứ, Đức Phật trải tòa ngồi trước Tăng chúng, bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết, Ta là vị Bà-la-môn đã chứng Niết-bàn, ở thân cuối cùng là Bạc Lương Y Vô Thượng, đã nhổ sạch mũi tên độc. Các thầy đều là con Ta vì từ tâm, miệng Ta sanh ra, là pháp tử của Ta vì từ pháp hóa sanh. Nay Ta muốn tự tứ, thân, miệng, ý của Ta có lỗi lầm gì không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi giữa đại chúng, bèn đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, đúng như đã Phật nói: “Ta là ... *như trên*... pháp hóa sanh”. Chúng con không thấy nơi thân miệng của Như Lai có chút lỗi lầm nào cả. Vì sao vậy? Thế Tôn đã làm cho người chưa điều thuận được điều thuận, người chưa tịch tĩnh được tịch tĩnh, làm cho người khổ não được an ổn, người chưa nhập Niết-bàn làm cho đạt được Niết-bàn. Như Lai là Bạc Tri Đạo, là Bạc Chỉ Đạo, là Bạc Thuyết giảng đạo, là Bạc Hưởng dẫn theo đạo. Các đệ tử nối tiếp bất tuyệt giáo pháp của Thế Tôn, thứ lớp tu đạo, thường học tập dạy bảo nhau, tùy thuận chánh pháp, thường giúp đỡ thân ái nhau trong pháp thiện. Chúng con không thấy Thế Tôn có một chút lỗi lầm nào về thân, miệng, ý.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Xin Thế Tôn tự tứ, nói lên khuyết điểm về thân, miệng, ý của con phạm phải, xin Ngài từ bi dạy bảo.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ta không thấy thầy có một chút nào lỗi lầm. Vì sao? Xá-lợi-phất luôn kiên trì tịnh giới, rộng nghe, ít dục, biết đủ, xa lìa ồn ào, thích nơi yên tĩnh, có tinh tấn đầy đủ, tâm định, gồm đủ trí tuệ: Trí tuệ nhanh nhạy, trí tuệ sắc bén, trí tuệ rộng mở, có giống trí tuệ lớn lao, đặc biệt. Chỉ trừ Đức Như Lai, còn trí tuệ những người khác không thể bằng trí tuệ của thầy, thầy đã thành tựu thật trí, chỉ dạy đem lại lợi ích, hoan hỷ, tâm không ganh ghét, thấy người khác có khả năng chỉ dạy tạo được lợi ích, hoan hỷ thì luôn tùy hỷ tán trợ, nếu thuyết pháp cho bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, không có một lỗi chán nản. Thế nên hiện nay thầy không có một chút lỗi lầm nào về thân, miệng, ý.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Ngài thấy năm trăm Tỳ-kheo này có chút lỗi

lầm nào về thân, miệng, ý không?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ta không thấy một chút lỗi lầm nào của năm trăm Tỳ-kheo này. Tại sao? Năm trăm vị Tỳ-kheo này đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, đã làm xong việc, bỏ gánh nặng xuống, đạt đến vô ngã, sạch các nghiệp trói buộc, chánh trí, tâm đắc giải thoát. Vì sự thật này, Ta không thấy năm trăm Tỳ-kheo này có một chút lỗi lầm nào về thân, miệng, ý.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Ngài không chê năm trăm Tỳ-kheo có một khuyết điểm nhỏ nào và cũng không thấy họ có một chút lỗi lầm nào về thân, miệng, ý. Thưa Thế Tôn, năm trăm vị Tỳ-kheo này, bao nhiêu vị đầy đủ ba minh, bao nhiêu vị đạt câu phần giải thoát, bao nhiêu vị đạt tuệ giải thoát?

Phật dạy:

–Trong chúng Tỳ-kheo này, có chín mươi vị đủ ba minh, một trăm tám mươi vị đắc câu phần giải thoát, số còn lại đều đắc tuệ giải thoát.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Năm trăm vị này đã xa lìa các phiền não cấu uế, không có phần hư mục, đều là phần cốt lõi tinh túy.

Khi ấy Bà-kỳ-xa đang ở trong chúng, suy nghĩ:

–Đức Phật đang tự tứ, ta muốn nói kệ tán thán sự việc tự tứ ấy.

Tôn giả chấp tay hướng về Phật bạch:

–Thưa Thế Tôn, cho phép con nói kệ.

Sau khi được Phật cho phép, Tôn giả Kỳ-xa nói kệ:

*Hôm nay mười lăm, ngày thanh tịnh
 Năm trăm Tỳ-kheo cùng hội họp
 Tất cả đều đoạn hết kết sử
 Là bậc Đại tiên không còn nghiệp
 Thành tâm thân cận Thế Tôn tịnh
 Tất được giải thoát, không đời sau
 Việc đoạn sanh tử làm đã xong
 Các lậu đã hết, diệt vọng động
 Trừ tham, kiêu mạn, đoạn hữu kết*

*Nhổ tên độc ái, diệt nghiệp ái
 Sư tử trong đời, là các thủ
 Hết sạch hữu kết, diệt sợ hãi
 Như vị Chuyển luân Đại thánh vương
 Quân thần tùy tùng ở chung quanh
 Du hành khắp nơi tận biển cả
 Như được thắng lớn trong chiến đấu
 Đệ tử của Thượng Chủ Vô Thượng
 Đầy đủ ba minh, diệt tử thân
 Họ đúng là con của Đức Phật
 Không còn cấu uế, thuần thanh tịnh
 Kính lễ thân thuộc của mặt trời.*

M

229. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Bà-kỳ-xa ở nơi vắng vẻ, bị dục quấy tâm, suy nghĩ đến tư tưởng xấu, không hỷ lạc, liền chánh niệm tỉnh giác: “Ta đang mất lợi ích thiện, người xuất gia gọi là khó được, nếu có dục tâm thì không gọi là khó được. Ta đang thoái thất tâm thiện, tâm ác xâm nhập, vậy ta nên nói kệ trình bày những lỗi lầm xấu xa của tâm.

Tôn giả nói kệ:

*Dứt bỏ những ưa thích
 Không ưa thích cũng bỏ
 Bỏ áo cảm giác tham
 Không tạo rừng phiền não
 Cành dục tỏa rộng khắp
 Chúng sanh thích vịn kéo
 Chặt đứt sạch cành dục
 Mới tên là Tỳ-kheo.
 Không kéo cành dục xuống
 Không rừng gọi Tỳ-kheo
 Ý thức sanh dục cảm*

Với cảm giác dục này
 Làm thế gian thích thú
 Ai thoát dục giác ý
 Thì thoát ly trói buộc
 Ai không ưa thắng dục
 Ưa nói lời thô ác
 Không gọi là Tỳ-kheo
 Thích cảm thọ thuộc thân
 Từ thấy nghe ý thức
 Dục tưởng từ năm căn
 Xa lìa hẳn dục tưởng
 Không cảm thọ nhiễm ô
 Gọi là được giải thoát
 Mặt đất đến hư không
 Tận thế gian hữu sắc
 Đều phải bị tan hoại
 Tất cả đồng diệt tận
 Thấy biết việc này rồi
 Hành pháp đã quyết định
 Các xứ không sanh thọ
 Chân thật không dối trá
 Cầu chánh niệm giữ thân
 Cũng vì việc lợi ích
 Ai làm được như vậy
 Hiện đời chứng Niết-bàn.

M

230. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Bà-kỳ-xa cùng với Tôn giả A-nan mặc y, mang bát vào thành khất thực, thấy một cô gái trẻ đẹp, nên sanh dục tưởng.

Bà-kỳ-xa tự tỉnh giác, trách lấy mình: “Ta gây bất lợi cho việc xuất gia. Mạng sống của ta rất khó được, nếu sanh tâm này, gọi là bất thiện, thà bỏ thân mạng, không làm theo dục tưởng. Ta thật

không xứng là người xuất gia. Vì sao? Thấy cô gái trẻ đẹp liền sanh tâm yêu mến, nếu sanh tâm này thật không thích hợp với ta!”.

Tôn giả hưởng về Tôn giả A-nan, nói kệ:

*Vì dục kết tâm chiếm
Thieu đốt trong tâm tôi
Cầu mong dạy cho tôi
Phương pháp khéo trừ dục*

A-nan nói kệ đáp:

*Tưởng điên đảo phát sanh
Hay thieu đốt tâm ta
Do tưởng tịnh sanh dục
Nên tu quán bất tịnh
Ở riêng ngồi thiền định
Mau diệt được tham dục
Đừng để cảm thọ đốt
Phải quán sát các hành
Vô thường không có vui
Đều là pháp vô ngã
An tâm chánh niệm thân
Nhiều chán, ác, sanh tử
Tu tập chánh trí tuệ
Trừ bảy mạn, kết sử
Ai biết đoạn hết mạn
Thì không còn khổ đau.*

M

231. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Thắng lợi thật là gì
Ai là bạn thân nhất*

*Chúng sanh dựa vào đâu
Mà tự sinh hoạt được
Làm những sự việc gì
Để dành được tài sản?*

Thế Tôn nói kệ:

*Làm ruộng thật có lợi
Vợ là bạn thân nhất
Chúng sanh nhờ cây chín
Mà tự sanh sống được
Ai siêng năng làm việc
Sản nghiệp để dành nhiều.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

232. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Trong nhà yêu con nhất
Tài sản, bò đứng đầu
Mặt trời ánh sáng nhất
Vực sâu, biển sâu nhất*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Yêu thân mình hơn hết
Của quý nhất, giáo dục
Trí tuệ là sáng nhất
Mưa là vực sâu nhất.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

233. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Trong những loài hai chân
Giòng Sát-lợi hơn hết
Trong các loài bốn chân
Bò là loài hơn hết
Trong các hạng thê thiếp
Đồng nữ là hơn hết
Trong các hàng con cháu
Trưởng tử là hơn hết.*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Trong loài hai chân, Phật tối thắng
Các loại bốn chân, xe hơn hết
Trong số thê thiếp, trinh nữ hơn
Hiếu tử hơn hết, trên con cháu.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

234. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Vật sống nào là hơn
Vật nào vào đất hơn
Hạt giống nào là hơn
Gieo giống ai nào hơn?*

Có vị trời, trước đây là người làm ruộng, nói kệ:

*Lúa mạ mọc là hơn
Hạt giống vào đất hơn
Giúp đỡ cày và bò
Người gieo giống là hơn.*

Vị trời kia nói với vị trời này:

–Tôi không hỏi ông, chỉ muốn hỏi Phật.

Vị ấy nói kệ:

*Vật sống nào là hơn
Vật nào vào đất hơn
Hạt giống nào là hơn
Gieo giống ai nào hơn?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Minh là mạ tối thắng
Diệt vô minh là thắng
Thân cận cúng dường Phật
Gieo giống tăng tối thắng.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

235. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Cái gì sanh thế gian
 Những gì được hòa hợp
 Bao nhiêu ái sanh hữu
 Cái gì khổ thế gian?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sáu ái sanh thế gian
 Hòa hợp do sáu xúc
 Sáu ái phát sanh nghiệp
 Sáu căn sanh các khổ.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

236. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Ai mang thế gian đi
 Cái gì là khổ não
 Nhờ vào một pháp gì
 Thế gian được tự tại?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ý đưa đến các nẻo
 Ý làm khổ thế gian
 Ý chính là một pháp
 Làm thế gian tự tại.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Đứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

237. Tôi nghe như vậy:

Một thời... *như trên*... nói kệ:

*Vật gì trói thế gian
 Làm sao được giải thoát
 Đoạn trừ những pháp nào
 Chúng dắt đến Niết-bàn?*

Thế Tôn nói kệ:

*Dục trói buộc thế gian
 Bỏ dục đạt giải thoát
 Cắt đứt được dây ái
 Gọi là đắc Niết-bàn.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Đứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

238. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Vị trời nói kệ:

*Vật gì trùm thế gian
 Vật gì hay bao vây
 Vật gì trời chúng sanh
 Cái gì tạo thế gian?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Già bao trùm thế gian
 Chết vây quanh đời sống
 Ái trời buộc thế gian
 Pháp xây dựng thế gian.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

239. Tôi nghe như vậy:

Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà... *như trên*... vị trời nói kệ:

*Vật gì mê thế gian
 Vật gì hòa với nghiệp
 Gì ô nhiễm chúng sanh
 Cái gì dựng làm cờ?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Vô minh mê thế gian
 Ái ngã hòa với nghiệp
 Sân ô nhiễm chúng sanh
 Ngã mạn dựng nên cờ.*

Vị trời lại nói kệ hỏi:

*Ai không bị ngăn che
 Ai đoạn trừ được dục
 Ai ra khỏi ô nhiễm
 Ai hạ được cờ mạn?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phật không bị ngăn che
Chánh trí đắc giải thoát
Ngài không còn ngăn che
Đoạn trừ hết ái kết
Vượt ra khỏi trần cấu
Phá gãy cờ ngã mạn.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

240. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ...*như trên*..., vị trời nói kệ:

*Tài sản nào hơn hết
Tu hành hạnh thiện nào
Được quả báo an lạc
Vị ngọt nào tối thắng
Trong các loại thọ mạng
Thọ mạng nào tối thắng?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trong các loại tài sản
Tín tài là hơn hết
Tu hành là chánh pháp
Được kết quả an lạc
Trong các loại quả ngọt
Nói thật là ngọt nhất
Trong các loại thọ mạng
Tuệ mạng là tối thắng.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

241. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... như trên..., vị trời nói kệ:

*Sống trong đường sanh tử
Người bạn thân là ai
Ai là người dạy bảo
Hướng đến đường Niết-bàn
Tỳ-kheo vui pháp nào
Đoạn trừ được kết phược?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trong các đường sanh tử
Lòng tin là bạn thân
Trí tuệ là thầy dạy
Người ưa thích Niết-bàn
Đoạn các triền, kết sử
Đúng tên là Tỳ-kheo.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

242. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... *như trên*..., vị trời nói kệ:

*Thiện gì đến tận già
Thiện gì an trú nhất
Vật báu gì đứng đầu
Vật gì giặc không cướp?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trì giới thiện đến già
Lòng tin an trú nhất
Trí tuệ hơn vật báu
Phước đức giặc không cướp.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

243. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... *như trên*..., vị trời nói kệ:

*Chúng sanh do ai sanh
Thường mong cầu những gì
Tại sao trong sanh tử
Lưu chuyển không giải thoát?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chúng sanh do ái sanh
Ý mong cầu các trần
Tất cả loài hữu tình
Luân chuyển trong sanh tử*

*Thường thọ các khổ nã
Làm sao mà giải thoát.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

244. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... *như trên*..., vị trời nói kệ:

*Chúng sanh do đâu sanh
Tại sao thường tìm cầu
Luân chuyển trong sanh tử
Cái gì làm sợ hãi?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chúng sanh do ái sanh
Tâm ý chạy không ngừng
Chúng sanh trong sanh tử
Khổ làm lo sợ nhất.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

245. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... *như trên*..., vị trời nói kệ:

*Chúng sanh do ai sanh
Cái gì thường tìm cầu
Sanh tử thường luân chuyển
Cái gì đáng sợ nhất?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ái sanh ra chúng sanh
Ý theo các thứ trần
Chúng sanh trong sanh tử
Nghiệp là đáng sợ nhất.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

246. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... như trên..., vị trời nói kệ:

*Cái gì là phi đạo
Vật gì ngày đêm trôi
Ai làm bản phạm hạnh
Ai nào hại thế gian
Thế nào là nước tắm
Mà không cần dùng nước
Cầu mong Phật Thế Tôn
Giảng giải cho con rõ?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dục gọi là phi đạo
Mạng người ngày đêm trôi
Nữ làm ố phạm hạnh
Và nào hại thế gian*

*Người chuyên tu phạm hạnh
Trong sạch hơn cả nước.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

247. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... *như trên*..., vị trời nói kệ:

*Vật gì đứng hàng đầu
Hơn hết trong các vật
Cái gì ở khắp nơi
Được tôn là tối thượng
Có một loại pháp gì
Tự tại trong thế gian.*

Thế Tôn nói kệ:

*Trong các vật thế gian
Bốn uẩn, danh hơn hết
Danh uẩn ở nơi nào
Cũng đều là tối thượng
Một pháp bốn uẩn danh
Tự tại trong thế gian.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

248. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... *như trên...*, vị trời nói kệ:

*Bắt đầu kệ là gì
Và phân biệt bằng gì
Kệ y cứ vào đâu
Và lấy gì làm thể?*

Thế Tôn đáp:

*Ý muốn sanh ra kệ
Kệ phân biệt bằng chữ
Kệ y vào danh từ
Lấy văn chương làm thể.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

249. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà, ... *như trên...*, vị trời nói kệ:

*Làm sao biết xe vua
Làm sao biết đượ lửa
Nhờ đâu biết quốc gia
Làm sao biết người nữ.*

Thế Tôn đáp:

*Nhờ cờ biết xe vua
Thấy khói biết có lửa
Nhờ vua biết quốc gia
Nhờ chồng biết phụ nữ.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ già.

M

Kệ tóm lược:

*Tín và thứ hai và chí lão
Các loại sanh thế gian
Phi đạo, tối thượng thắng
Kệ lấy gì làm đầu
Biết xe, đó là mườì.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN XIII

250. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Trưởng giả thỉnh Đức Phật và chư Tăng thọ trai. Thế Tôn cùng đại chúng đến nhà vị đại Trưởng giả ấy.

Tôn giả Bà-kỳ-xa theo thứ tự được phân công, ở nhà bảo vệ tăng xá. Bấy giờ có nhiều phụ nữ đến tăng xá, trong số đó có một cô gái rất xinh đẹp. Bà-kỳ-xa thấy cô gái ấy, bị sắc đẹp lôi cuốn, tâm sanh dục tưởng, nên suy nghĩ: “Ta đang vọng tưởng mất lợi ích lớn. Thân người khó được, chết rồi khó được lại. Nếu sanh tâm này thật là bất thiện, thà bỏ thân mạng, không làm theo dục tưởng. Ta thật không xứng là người xuất gia. Vì sao? Ta thấy cô gái trẻ tuổi xinh đẹp, không kiềm chế được tâm, phát sanh dục tưởng. Ta nên nói về sự nguy hiểm đáng nhàm chán”.

Tôn giả nói kệ:

*Ta đang bỏ dục lụy
Sống trong pháp xuất gia
Dục, vô minh theo đuổi
Làm mất cả tâm thiện
Như bò ăn mạ người
Ngon quá không nhịn được
Năm dục cũng như vậy
Tham ăn không hổ thẹn
Nếu không ngăn cấm ngay
Tất hại lúa pháp thiện
Ví như người Sát-lợi
Tập đủ các nghệ tài
Giả sử có ngàn người
Cung tên bắn loạn xạ*

Thanh niên Sát-lợi này
 Vẫn chiến thắng số kia
 Tỳ-kheo đủ chánh niệm
 Như người Sát-lợi ấy
 Đang cầm dao trí tuệ
 Chặt đứt các dục giác
 Đã trừ dục giác rồi
 An lạc thường tịch diệt.
 Chính ta nghe Phật dạy
 Có hai loại bạn thân
 Trên đường về Niết-bàn
 An lạc trong tâm ta
 Ta tu không phóng dật
 Ở rừng sống yên tịnh
 Ta tán trợ tâm ý
 Cho là lập chánh pháp
 Sau phải đến chỗ chết
 Ai chứng đắc Niết-bàn
 Biết đó là tâm ác
 Làm sao sai được ta.

M

251. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Bà-kỳ-xa đối với các vị Tỳ-kheo có đức độ nhu hòa khiêm tốn, sanh tâm kiêu mạn, liền tỉnh giác ngay, tự trách bản thân: “Ta đã mất sự lợi ích lớn. Thân người khó được, xuất gia khó hơn. Ta đã được cả hai lại không thể cẩn thận, khinh thường việc xuất gia, khinh thường mạng sống, dùng trí năng của ta khinh miệt Tỳ-kheo có đức độ nhu hòa khiêm tốn. Ta phải nói lên sự nhầm chán đối với tâm kiêu mạn ấy”. Tôn giả nói kệ:

Người phải bỏ các mạn
 Không nên tự kiêu căng

Đừng vì mạn, nên lùi
 Sau hối hận không kịp
 Tất cả các chúng sanh
 Đều bị mạn làm hại
 Hại đến rơi địa ngục
 Thế nên ta ngày nay
 Không nên ỷ tài năng
 Mà sanh tâm kiêu mạn
 Ai xa lìa kiêu mạn
 Thì bỏ được triền cái
 Tâm trong sạch cung kính
 Chúng đắc được ba minh
 Người khiêm tốn như vậy
 Là Tỳ-kheo chánh niệm
 Kiêu-trần-như, Xá-lợi
 Tự tại, không trói buộc
 Không ưa thích dục kết
 Thoát ly hẳn kiêu mạn.

M

252. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Bà-kỳ-xa ở nơi yên tịnh, siêng năng tu tập, tinh tấn không phóng dật, trú nơi quả vị này chứng đắc ba minh. Tôn giả tự nghĩ: “Ta ở nơi yên tịnh, chứng được ba minh. Ta muốn ca ngợi sự chứng đắc ba minh của mình”. Tôn giả nói kệ:

Xưa ta mê đắm dục
 Trải qua nhiều thành phố
 Trên đường đi gặp Phật
 Được hưởng phước lợi lớn
 Đức Cù-đàm thương xót
 Giảng chánh pháp cho con
 Con nghe chánh pháp rồi

Được lòng tin thanh tịnh
 Tư duy việc xuất gia
 Đại Đạo Sư thế gian
 Giáo hóa không phân biệt
 Nam nữ hay lớn bé
 Trung niên hay già lão
 Phật gọi là thân hữu
 Chỉ dạy phương trời thiện
 Cho chúng vô minh, mù
 Hướng dẫn chỉ môn này
 Đó là pháp môn nào
 Chính là bốn Chân đế
 Từ nhân tập sanh khổ
 Từ khổ nên xuất gia
 Thấy được tám Chánh đạo
 Giúp đỡ các chúng sanh
 An ổn hướng Niết-bàn
 Ta tu không phóng dật
 Ở rừng vắng, tĩnh lặng
 Chứng đắc được ba minh
 Làm xong lời Phật dạy

M

253. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta đang muốn dạy bốn câu kệ pháp. Các ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói. Thế nào là ý nghĩa bốn câu kệ pháp?

Bạc Tiên thánh giảng dạy
 Thiện ngữ là tối thượng
 Ái ngữ không thô ác
 Là tối thượng thứ hai
 Thật ngữ không dối trá

*Là tối thượng thứ ba
Không nói lời phi pháp
Đúng pháp là thứ tư
Đây là giảng về bốn
Ý nghĩa tứ cú kệ.*

Tôn giả Bà-kỳ-xa đang ở giữa hội chúng, suy nghĩ: “Phật đang giảng nói về bốn câu pháp, ta muốn khen mỗi kệ một câu tán dương”.

Bà-kỳ-xa đứng dậy, chấp tay hướng về Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, con là Bà-kỳ-xa có điều muốn nói, xin Ngài cho phép.

Sau khi được Đức Phật cho phép tùy ý, Tôn giả Bà-kỳ-xa nói kệ:

*Lời nói ra không hại bản thân
Lại không hại người là lời thiện
Thường nên ái ngữ để người vui
Cũng không nói ra lời thô ác
Làm theo những lời Phật đã dạy
Tất được an lạc đến Niết-bàn
Lời nói thiện thường đoạn các khổ
Lời nói thật vị ngọt tối thượng
Nói thật đúng lúc được lợi lớn
Sống bằng lời thật, Thiện tượng phu.*

M

254. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trên đời có hạng lương y biết trị bệnh bằng bốn cách, xứng đáng là thầy của vua. Thế nào là bốn? Một, biết rõ bệnh; hai, biết nguyên nhân sanh bệnh; ba, biết cách trị hết bệnh đang có; bốn, trị hết bệnh không còn tái phát. Người có khả năng như vậy là lương y trên đời. Đức Phật cũng thành tựu bốn pháp. Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác là Lương y Vô thượng, có bốn cách nhỏ tên độc cho chúng

sanh. Thế nào là bốn? Đó là khổ, là nguyên nhân của khổ, là sự diệt khổ và con đường diệt khổ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Mũi tên độc sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, y sĩ thế gian không thể biết được nguyên nhân khổ sanh, trừ sạch hết khổ và phương pháp có thể đoạn trừ lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, chỉ có Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác là Bạc Vô Thượng Lương Y, biết nguyên nhân khổ sanh, sự hết khổ cho đến biết lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, biết nguyên nhân của nó và sự đoạn trừ. Đức Như Lai biết hoàn toàn về bốn cách nhổ tên độc, thế nên được tôn xưng là Lương Y Vô Thượng.

Tôn giả Bà-kỳ-xa đang ngồi trong hội, suy nghĩ: “Ta nên ca ngợi bốn phương pháp nhổ tên độc của Như Lai”.

Tôn giả đứng dậy chấp tay hướng về Đức Phật, nói kệ:

*Con xin quy y Phật
Thương xót các chúng sanh
Đấng Tối Thượng Đệ Nhất
Nhổ được tên độc ra
Có bốn hạng thầy thuốc
Trị được bốn loại bệnh
Đó là trị thân bệnh
Trẻ con, mắt, tên độc
Như Lai trị bệnh mắt
Hơn thầy thuốc thế gian
Dùng mũi nhọn trí tuệ
Lột mạc mắt vô minh
Như Lai trị thân bệnh
Hơn thầy thuốc thế gian
Thầy thuốc trong thế gian
Chỉ trị bệnh bốn đại
Như Lai giỏi phân biệt
Sáu giới, mười tám giới
Dùng giáo pháp trị liệu
Bệnh nặng tham, sân, si
Hay trị bệnh kẻ ngu*

Tối thắng không ai bằng
 Nên nay con kính lễ
 Đại Tôn Sư Cù-đàm
 Y vương tên Ca-lưu
 Cho nhiều người thuốc thang
 Lại có thầy thuốc giỏi
 Tên là Bà-hô-lư
 Chiêm-tỳ và Kỳ-bà
 Các y vương như vậy
 Trị được nhiều chứng bệnh
 Gặp bốn thầy thuốc này
 Người bệnh liền trị hết
 Nhưng bệnh sẽ tái phát
 Cũng không thoát khỏi chết.
 Như Lai Vô Thượng Y
 Ngài có thể liệu trị
 Nhỏ tên độc hết khổ
 Thoát ly hẳn sanh tử
 Không còn thọ khổ nữa
 Vô lượng na-do-tha
 A-tăng-kỳ chúng sanh
 Phật trị cho hết khổ
 Không bao giờ tái phát
 Con xin thưa đại chúng
 Chư Hiền ở trong hội
 Đều nên chí tâm dùng
 Thuốc cam lộ bất tử
 Mọi người nên tin thọ
 Người trị mất vô thượng
 Trị thân nhỏ tên độc
 Không thầy thuốc nào bằng
 Thế nên phải chí tâm
 Quy y Đấng Cù-đàm.

255. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Tỳ-kheo Ni-cù-đà-kiếp-ba ở trong rừng rộng vắng thứ nhất, trong rừng này lại có một khu rừng nữa. Bấy giờ Tỳ-kheo ấy bị bệnh, Tôn giả Bà-kỳ-xa là người nuôi bệnh. Do cơn bệnh ấy, Tỳ-kheo Ni-cù-đà-kiếp-ba nhập Niết-bàn. Sau khi hỏa thiêu cúng dường Hòa thượng Ni-cù-đà-kiếp-ba, Tôn giả Bà-kỳ-xa lần lượt du hành đến vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Vào sáng sớm, Tôn giả Bà-kỳ-xa mặc y mang bát vào thành Vương xá khát thực, sau khi thọ trai, rửa bát, mang tọa cụ đến gặp Phật, chỉnh đốn y phục, chấp tay hướng Phật, nói kệ:

*Nay con muốn hỏi Phật
 Bậc Trí Tuệ Vô Lượng
 Trừ nghi hoặc hiện tại
 Ở trong rừng rộng vắng
 Tỳ-kheo nhập Niết-bàn
 Sinh ra có phúc đức
 Giữ gìn thân, miệng, ý
 Và có tiếng khen lớn
 Ni-cù-đà-kiếp-ba
 Phật đặt cho tên này
 Phật là Bà-la-môn
 Đặt tên họ như vậy.*

M

256. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy các vị đại Thanh văn kỳ cựu đều cất am cốc chung quanh chỗ Phật và ở đó. Tôn giả Kiều-trần-như đứng đầu các vị Hiền giả như Bạt-câu Ma-ha-nam, Da-xá, Na-tỳ-la-ma-ngưu-tử, Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Câu-hi-la, Ma-ha Kiếp-tân-na, A-na-luật, Nan-đà Ca, Cam-tỳ-la, Da-xá-tử-la, Câu-tỳ-ha-phú-na, Câu-

tỳ-la Câu-bà-ni-nê-ca, Tha-tỳ-la, các vị ấy và các vị đại Thanh văn khác đều ở trong các am cốc bằng cỏ.

Vào ngày mười lăm bố tát, Đức Như Lai trải tọa cụ, ngồi trước chúng Tăng. Tôn giả Bà-kỳ-xa ở trong đại chúng, đứng dậy chấp tay bạch Phật:

– Xin cho phép con nói.

Sau khi được Phật cho phép, Bà-kỳ-xa nói kệ:

*Các vị đại Tỳ-kheo
Ái dục đã khô cạn
Dứt bỏ các tập khí
Dũng mãnh không sợ hãi
Biết thời, và tri túc
Không tham vị nắm dục
Rời tất cả cấu uế
Thâm tâm có trí tuệ
Với đầy đủ như vậy
Gọi là đại Tỳ-kheo*

M

257. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Bà-kỳ-xa ở giảng đường Tỳ-xá-khư Lộc tử mẫu, bị bệnh rất nặng. Phú-nặc là người nuôi bệnh. Tôn giả Bà-kỳ-xa bảo Phú-nặc:

– Ông hãy đến gặp Đức Thế Tôn, nhân danh ta, đánh lễ sát chân Thế Tôn, thăm Thế Tôn, ít bệnh ít phiền não, sinh hoạt có nhẹ nhàng mạnh khỏe không?

Phú-nặc vâng theo lời Tôn giả đến gặp Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên, chấp tay bạch:

– Thưa Thế Tôn, Tỳ-kheo Bà-kỳ-xa ở giảng đường Tỳ-xá-khư bị bệnh rất nặng, bảo con đến gặp Thế Tôn, nhân danh Tôn giả đánh lễ sát chân Thế Tôn, thăm hỏi Thế Tôn, ít bệnh ít phiền não, sinh hoạt có nhẹ nhàng mạnh khỏe không?

Phú-nặc lại bạch Phật:

– Bà-kỳ-xa có thể với cơn bệnh này sẽ nhập Niết-bàn, cầu mong Thế Tôn hạ cố đi đến đó.

Như Lai im lặng nhận lời của Phú-nặc.

Phú-nặc trở lại gặp Bà-kỳ-xa:

– Thưa Hòa thượng, con đã thăm hỏi và thưa thỉnh Thế Tôn: “Tôn giả Bà-kỳ-xa có thể bệnh nặng mà vào Niết-bàn”. Thế Tôn im lặng nhận lời của con.

Sau khi xuất thiên, Thế Tôn đi đến gặp Bà-kỳ-xa ở giảng đường Tỳ-xá-khư.

Khi Tôn giả Bà-kỳ-xa thấy Thế Tôn đang đi đến, nên cố sức muốn ngồi dậy. Thế Tôn bảo:

– Thầy không cần phải dậy.

Thế Tôn ngồi trên một tọa cụ riêng, bảo Bà-kỳ-xa:

– Thân thể ông đang bệnh hoạn, có chịu nổi không, có ăn uống được không?

Bà-kỳ-xa thưa:

– Sự đau đớn này có tăng, không giảm. Bệnh của con, như người lực sĩ bắt lấy người yếu đuối ghệt đầu tóc đè xuống bóp chặt, đầu con đau đớn cũng như vậy. Như người đồ tể lực lưỡng dùng dao mổ bụng, cắt ruột con bò, bụng con đau đớn cũng như vậy. Như người gầy ốm bị người mạnh khỏe bắt đem nướng trên lửa nên thân thể bị cháy khô, thân con bị đau đớn cũng như vậy. Hôm nay con muốn nhập Niết-bàn. Con muốn ca ngợi Phật lần cuối cùng.

Sau khi được Phật cho phép, Tôn giả đã nói kệ:

(nguyên bản thiếu bài kệ)

Kệ tóm lược:

Bổn như tửu túy tứ cú tán

Long hiệp, bạt độc tiến

Ni-cù-đà-kiếp-tân nhập Niết-bàn

Tán đại Thanh văn Bà-kỳ-xa diệt tận.

258. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la trở về nước Xá-vệ, ngự tại lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc.

Có một thanh niên tên là Cực Mạn, thừa hưởng sự thông thái hiểu biết đúng đắn của bảy đời từ tổ tiên đến cha mẹ, tự mình đọc tụng lại dạy bảo người khác. Người này nghe điều gì cũng đều ghi nhận, đạt được chỗ ý nghĩa sâu xa nơi bốn sách Vi-đà, Sa-la-càn-đà Luận, Thanh luận, luận Tỳ-ca-la, luận Hý tiểu, luận Tỳ-đà-la, hiểu biết pháp điển và thông đạt ý nghĩa của các luận ấy. Anh ta với dung mạo đẹp đẽ, tài nghệ hơn người, không ai bì kịp, lại sanh vào nhà hào tộc, sống nơi phú quý, tự thị về tài lực nên rất kiêu mạn, không kính thuận cha mẹ và không lễ kính các bậc Hòa thượng, A-xà-lê, Sư trưởng thân thuộc.

Thanh niên Cực Mạn nghe Đức Phật từ nước Câu-tát-la đến nước Xá-vệ, ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, muốn đến gặp Phật, nên suy nghĩ: “Khi ta đến nơi ấy, nếu Sa-môn Cù-đàm tiếp đãi ta, ta sẽ chào hỏi. Ngược lại, ta sẽ trở về!”

Sau khi suy nghĩ, thanh niên này đi đến gặp Phật. Trong lúc Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng chung quanh, thanh niên Cực Mạn đi vào. Như Lai không để mắt tới. Thanh niên suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm không quan tâm đến ta”, nên muốn trở về. Thế Tôn biết tâm niệm của anh ta nên nói kệ:

*Vì muốn, biết đến đây
Chưa được lại muốn về
Tại sao không hành động
Đạt tâm nguyện tự thân.*

Thanh niên Cực Mạn suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm biết tâm niệm của ta”. Liền sanh lòng tin, muốn làm lễ dưới chân Phật.

Đức Phật bảo thanh niên:

–Ta ghi nhận tâm ông, không cần làm lễ, như vậy là đủ rồi.

Mọi người thấy việc lạ chưa từng có như vậy, nên đều lên tiếng:

–Sa-môn Cù-đàm có thần thông lớn, thanh niên Cực Mạn này đối với cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê của mình còn không cung kính, nay gặp Cù-đàm, lại tự mình khiêm tốn, kính thuận vâng lời. Thanh

niên Cực Mạn nghe tiếng nói của mọi người vừa dứt, liền ngồi qua một bên, thẳng người chánh ý, nói kệ:

*Đối với những nơi nào
Không nên sanh kiêu mạn
Lại đối với chỗ nào
Phải có lòng khiêm nhượng
Ai trừ hết các khổ
Ai cho sự an lạc
Cúng dường ai là hơn
Được hiền trí khen ngợi?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Cúng dường cho cha mẹ
Bằng tâm sạch trắng tròn
Kính thuận anh thân thuộc
Hòa thượng, A-xà-lê
Cùng các Tôn trưởng khác
Không khinh mạn với họ
Cần phải nên khiêm tốn
Thân tâm đều cung kính
Nếu gặp ai đau khổ
Nên giúp họ trừ khổ
Làm cho họ an lạc
Cúng dường khắp tất cả
Với bậc trừ tham sân
Và xa lìa ngu si
A-la-hán dứt lậu
Chánh trí, đắc giải thoát
Các bậc Thượng nhân ấy
Không được tự cao ngạo
Phải hướng về quy y
Chấp tay cung kính lễ.*

Khi ấy Thế Tôn giảng nói pháp quan trọng cho Cực Mạn, ... cho đến ... không thọ nghiệp ở đời sau như đã nói trong kinh Ba-la-mật-xà.

Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

259. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy Bà-la-môn Ưu-kiệt-đề-xá-lị tổ chức đàn tế lớn, cột bảy trăm trâu chừa ở trụ, các loại súc sanh như trâu đực, trâu nghé, dê đực, dê đen... nhiều vô số, bị cột khắp nơi để tế đàn. Tại đó có dọn các món ăn thơm ngon.

Các Bà-la-môn ở những nước khác nghe ông ta tổ chức tế đàn, đều vân tập đến.

Bà-la-môn Ưu-kiệt-đề-xá-lị nghe Đức Phật từ nước Câu-tát-la đi tới khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ, muốn đến gặp Phật, nên suy nghĩ: “Ta đang sắp đặt các phẩm vật để tổ chức tế đàn, nên hỏi Cù-đàm xem có thiếu sót gì không?”.

Bà-la-môn đi bằng xe gấn lông, mặc y phục toàn trắng, cầm chĩa ba bằng vàng, bình vàng đựng đầy nước sạch, các thanh niên hầu hạ hai bên, các Bà-la-môn ở những nước khác cũng cùng đi theo, đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đang tổ chức đại tế đàn, cột bảy trăm trâu chừa và các loại súc sanh... cho đến Bà-la-môn các nước khác đều vân tập tới, vật dụng đã bày biện xong, muốn tiến hành tế đàn lớn, xin Đức Phật dạy con làm sao cho đầy đủ hơn, không có thiếu sót.

Đức Phật dạy:

–Này Bà-la-môn, ông là chủ tổ chức cúng tế, bố thí lớn, cầu phước, mà bị tội rất nặng, dựng lên ba loại dao gọi là bất thiện, gây ra nhân khổ và bị quả báo khổ, làm thuận theo khổ nên thọ lấy quả báo khổ. Những gì gọi là ba thứ dao? Đó là dao nơi ý, khẩu, thân. Những gì là dao nơi ý? Nếu ông tế với ý nghiệp bất thiện, giết hại súc sanh để cúng tế lớn, đó là dựng lên dao bằng ý. Thế nào là dao bằng miệng? Khi ông muốn cúng tế, nên nêu bày: ngày mai ta sẽ giết các loại sanh mạng theo yêu cầu, đó là dựng lên dao bằng miệng. Thế nào là dao bằng thân? Khi ông cúng tế, chính tay lôi kéo

trâu chúa và các loài súc sanh khác để chú nguyện, đó là dựng lên dao bằng thân.

Này Bà-la-môn, có ba loại lửa tối thắng vi diệu, cần phải cẩn thận, cần phải cung kính, chẳng phải tế lửa theo tà kiến của ông đâu. Thế nào là ba? Một là lửa cung kính, hai là lửa cùng khổ vui, ba là lửa ruộng phước. Lửa cung kính là gì? Cần phải cúng dường, cung kính tôn trọng giúp đỡ cha mẹ. Vì sao? Cha mẹ vì cầu có con, nên cúng tế thần linh, sau đó được con. Tinh huyết của cha mẹ hòa hợp thành thân thể, sanh ra con cái nuôi nấng cho khôn lớn. Vì vậy nên gọi là lửa cung kính. Lửa này cần phải cúng dường đầy đủ, làm cho được an lạc, không để thiếu thốn khổ cực. Lửa cùng khổ vui là gì? Tộc tánh tử siêng năng làm việc, tích chứa tài sản tiền bạc, đối với vợ con, thân quyến, nô tỳ, người phục vụ, bạn bè, người giúp đỡ, thân tộc, đều nên cung cấp theo khả năng, làm cho họ được lợi lạc. Những người này đều cùng vui khổ với ta, nên gọi là lửa cùng khổ vui. Lửa ruộng phước là gì? Sa-môn, Bà-la-môn nào đoạn trừ tham dục, giải thoát tham dục, đoạn trừ sân hận, giải thoát sân hận, đoạn trừ ngu si, giải thoát ngu si. Các Sa-môn, Bà-la-môn như vậy gọi là lửa ruộng phước. Thế nên Tộc tánh tử thường nên chí tâm cúng dường cung kính lửa này thì được an lạc. Lại có ba loại lửa, cần phải diệt đi. Ba loại lửa gì? Đó là lửa tham dục, ngu si, sân hận, không phải như lửa ở thế gian, có lúc cần đốt cháy, có lúc cần diệt tắt.

Thế Tôn nói kệ:

*Cung kính, cùng phước điền
Nên tế ba lửa này
Ai chuyên tâm cúng dường
Được ba loại an lạc.
Ba loại lạc là gì?
Thí, giới và tu định
Ba loại quả báo ấy
Lạc Trời, Người, Niết-bàn
Người nào hiểu biết rõ
Tất cả các phương pháp
Vào những lúc phải cúng
Nên cúng dường thân quyến*

*Cúng dường cần phải cúng
Bậc xứng đáng cúng dường
Kết quả tất đạt được
Thoát ly hẳn khổ nạn.*

Khi Bà-la-môn Ưu-kiệt-đề-xá-li nghe Phật dạy liền bảo thanh niên Ô-đáp:

–Người hãy về lại nơi tế đàn, trước hết đến nơi những súc sanh dùng để tế, hãy thả hết chúng ra và đưa tới nơi có nước và cỏ, cho sống hết đời chúng, không được giam giữ.

Sau khi thưa: “Hòa thượng đã ra lệnh, con xin thừa hành”, thanh niên Ô-đáp liền đi đến tế đàn bảo mọi người:

–Ta nhận lệnh của Ưu-kiệt-đề-xá-li, thả hết tất cả súc sanh và cho chúng được tự do.

Lúc thanh niên Ô-đáp đi đến tế đàn, Như Lai liền vì Bà-la-môn Ưu-kiệt-đề-xá-li, theo như thường pháp của chư Phật, giảng thuyết chỉ dạy pháp trọng yếu, làm cho ông ta được lợi ích, hoan hỷ. Khi Bà-la-môn thọ giới... *cho đến...* thấy được chân đế như trong phẩm Đột-la-xà (*kinh 81*).

Bà-la-môn Ưu-kiệt-đề-xá-li sửa lại y phục, lạy sát dưới chân Phật, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, cầu mong ngày mai Ngài cùng đại chúng đến tế đàn nhận sự cúng dường của con.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Sau khi nghe Đức Phật giảng dạy, lại thấy Ngài đã thọ thỉnh, Bà-la-môn hoan hỷ trở về tế đàn, suốt đêm bày biện các món ăn thơm ngon, sắp đặt tòa ngồi và nước sạch. Sáng hôm sau, ông ta đến gặp và bạch Phật:

–Thưa Ngài, đã đến giờ!

Thế Tôn cùng đại chúng đắp y mang bát đi đến tế đàn, Ngài ngồi trước chúng Tăng.

Lúc Bà-la-môn thấy Phật cùng đại chúng đã an tọa, tự tay dâng nước sạch và các món ăn uống thơm ngon.

Đại chúng thọ trai xong, thu xếp bát. Bà-la-môn liền đặt một chỗ ngồi trước Thế Tôn, cầu mong được nghe pháp.

Thế Tôn chú nguyện:

*Trong những cách tế lớn
 Cúng tế lửa đứng đầu
 Các sách Bà-la-môn
 Tát-bà-để đứng đầu
 Trong khắp cả đất nước
 Nhà vua đứng hàng đầu
 Khắp trăm sông các suối
 Nước biển đứng hàng đầu
 Ánh sáng có trong đêm
 Mặt trăng sáng hơn hết
 Trong các loại ánh sáng
 Nhật quang là bậc nhất
 Trong mười phương thế giới
 Đức Phật là Tối tôn.*

Thế Tôn giảng thuyết giáo pháp cho Bà-la-môn, đem lại lợi ích, hoan hỷ, sau đó Ngài từ giả.

M

260. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một thanh niên tên là Tăng-già-la đến gặp Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, quan sát thế nào để biết người bất thiện?

Phật dạy:

–Như quán sát mặt trăng.

Hỏi:

–Quán sát thế nào để biết người toàn thiện?

Phật dạy:

–Như quán sát mặt trăng.

Thanh niên lại hỏi:

–Thế nào là quán sát người bất thiện như mặt trăng?

Phật dạy:

–Người bất thiện như mặt trăng mười sáu, từ ánh sáng tỏa sáng tròn đầy giảm dần đến khuyết, cho đến khuyết hoàn toàn không còn

gì cả. Như trong Phật pháp, người không đủ tín tâm để thọ trì giới cấm, ít đọc tụng hành trì bố thí. Sau đó họ biếng nhác, không siêng năng, mất dần tín tâm, hủy phạm giới cấm, không còn bố thí, lại gần gũi kẻ ác, không thân cận Tăng bảo để nghe giáo pháp. Họ không nghe giáo pháp nên thân, miệng, ý tạo nghiệp bất thiện. Đã tạo nghiệp ác nên sau khi chết, họ bị đọa vào đường ác. Thế nên biết rằng người ác cũng như mặt trăng khuyết dần cho đến mất hẳn.

Hỏi:

– Thế nào là người thiện như mặt trăng?

Phật dạy:

– Như mặt trăng bắt đầu có, ánh sáng phát triển dần dần, đến ngày mười lăm thì tròn sáng hoàn toàn. Trong Phật pháp người có tín tâm tu hành giữ giới, học tập đa văn, tu hạnh bố thí, trừ bỏ tà kiến, tu học chánh kiến, ở trong Phật pháp được thuần tín tâm, kiên trì giới cấm, tu học đa văn, bố thí không keo kiệt, đầy đủ chánh kiến, tăng trưởng dần tín tâm, trì giới, đa văn, bố thí. Người với hành động nơi thân, miệng, ý đều thiện, thân cận bạn thiện, tu tập đầy đủ các pháp thiện, sau khi qua đời được sanh lên cõi trời. Thế nên biết rằng người thiện cũng như mặt trăng.

Thế Tôn nói kệ:

*Ví như trăng tròn sáng
Lơ lửng giữa không trung
Ánh sáng chiếu vằng vặc
Che ánh sáng muôn sao
Như người đủ tín tâm
Giới, văn, bỏ tham ganh
Vượt lên trên ganh ghét
Như trăng che muôn sao.*

Thanh niên Tăng-già-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giả. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

261. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bà-la-môn tên Sanh Thính đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Con từng nghe người ta nói, Thế Tôn nêu giảng: “Chỉ nên cúng dường cho Ta đừng cho người khác. Chỉ nên cúng dường cho đệ tử của Ta, đừng cho đệ tử người khác. Ai cúng dường cho Ta và đệ tử của Ta được nhiều phước báo lớn. Ai cho người khác và đệ tử họ thì không được phước báo”. Ngài có nói rõ như vậy không, hay là người đời phỉ báng?

Phật dạy:

–Đây thật là lời phỉ báng đối trá, Ta hoàn toàn không giảng nói như vậy. Ai nói lời như thế là gây ra hai nạn. Một là nạn ngăn che, hai là khiến người nghe theo bị nạn tổn giảm. Ai nói lời như vậy là gây ra tổn giảm lớn, sau khi qua đời sẽ bị đọa vào ba đường ác. Ông nên biết, thậm chí đối với nước rửa bát, Ta còn nói, đem bố thí cho loài trùng kiến sẽ được phước báo lớn. Đối với việc bố thí, Ta thật có giảng dạy: “Bố thí cho người trì giới thì được phước báo rất nhiều, còn bố thí người phá giới thì chỉ được phước báo rất ít”.

Thế Tôn nói kệ:

*Bố thí đến nơi nào
Ta cũng đều tán thán
Phá giới được phước ít
Trì giới đạt nhiều phước
Bò đen, trắng, đỏ, xanh
Sanh con còn khác nhau
Xe ngựa cần năng lực
Không cần chọn nguồn gốc
Con người cũng như vậy
Sát-lợi, Bà-la-môn
Tỳ-xá, Thủ-đà-la
Chân-đà-la phú thả
Người nào giữ tịnh giới
Cho họ, được quả lớn
Như đi buôn sợi gai
Bỏ gai lấy châu báu
Kẻ ngu si vô trí*

*Chưa từng nghe chánh pháp
 Không tu tập phạm hạnh
 Cho họ được phước ít
 Ai thân cận Hiền thánh
 Chánh giác và Thanh văn
 Chánh tín Bạc Thiệu Thệ
 Có lòng tin vững bền
 Thì cuộc sống tôn quý
 Sau cùng đắc Niết-bàn.*

Sanh Thính nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

262. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào sáng sớm, Thế Tôn mặc y mang bát vào thành khát thực. Có một vị Bà-la-môn già chống gậy cầm bát đi khát thực. Thế Tôn thấy vậy, bảo Bà-la-môn:

–Ông già cả, vì sao phải chống gậy cầm bát đi khát thực?

Bà-la-môn đáp:

–Tôi có bảy đứa con, đã cưới vợ và phân chia tài sản cho chúng. Nay tôi không còn gì, bị con xua đuổi nên phải đi xin ăn.

Phật bảo ông ta:

–Ta vì ông mà nói kệ, ông có thể đến giữa mọi người nói kệ này không?

Đáp:

–Tôi có thể.

Thế Tôn nói kệ:

*Sanh con rất vui mừng
 Vì nó, gom tiền của
 Rồi cưới vợ cho chúng
 Lại xua đuổi cha già
 Những kẻ không hiểu từ
 Miệng gọi là cha mẹ*

*Như con của La-sát
 Ta sắp chết nên đuổi
 Cũng như trong tàu ngựa
 Để đầy cả lúa mạch
 Ngựa nhỏ không kính nhượng
 Chen lấn xô ngựa già.
 Con tôi cũng như vậy
 Không có tâm kính yêu
 Xua đuổi, tôi đi xin
 Không bằng gậy yêu tôi
 Tôi nhờ vào gậy này
 Ngăn ngựa chó dê ngựa
 Giúp sức cho tôi đi
 Đêm tối làm bạn tôi
 Dò nước biết cạn sâu
 Đứng dậy nhờ gậy chống
 Nhờ gậy khởi nghe nhiều
 Chính gậy này yêu ta.*

Bà-la-môn nghe bài kệ này và học thuộc lòng. Lúc bảy người con ở trong đám đông, Bà-la-môn đến đó và bảo:

–Các người hãy nghe tôi nói.

Khi mọi người im lặng, ông liền nói bài kệ trên. Bảy người con xấu hổ, cùng nhau đứng dậy cung kính đỡ lấy cha già, đem cha về nhà, để ở lại chỗ cũ. Các người con đều dâng lên cha hai tấm vải đẹp.

Bà-la-môn suy nghĩ:

–Ta được an lạc là nhờ vào sức của Ngài Cù-đàm, vậy Ngài là A-xà-lê của ta, theo pháp của Bà-la-môn, nên cúng dường Hòa thượng A-xà-lê.

Bà-la-môn bèn chọn lấy tấm vải đẹp nhất, đi đến gặp Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đang sống trong nhà, được nhiều lợi lạc là nhờ ân của Ngài. Trong kinh sách của con có dạy, đối với A-xà-lê nên cúng dường theo phần A-xà-lê, đối với Hòa thượng nên cúng dường theo phần Hòa thượng. Thưa Cù-đàm, Ngài là A-xà-lê của con, xin thương con mà nhận tấm vải này.

Khi ấy vì lòng từ bi, Thế Tôn thọ nhận tấm vải ấy.

M

263. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn mặc y mang bát vào thành khát thực. Có một Bà-la-môn già chống gậy cầm bát đi khát thực, thấy Phật ở từ xa, liền đi đến và nói với Ngài:

–Tôi chống gậy cầm bát đi xin ăn, Ngài cũng xin ăn. Vậy tôi với Ngài đều là Tỳ-kheo.

Thế Tôn nói kệ:

*Chẳng phải xin của người
Được gọi là Tỳ-kheo
Khi sống đời tại gia
Ai tu tập phạm hạnh
Quả phước và ác báo
Đoạn hết không chấp trước
Cạn khô các nghiệp buộc
Mới gọi là Tỳ-kheo.*

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

264. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Khi ấy phía Bắc thành Vương xá có Bà-la-môn làm ruộng tên là Đâu-la-xà. Vào sáng sớm, Thế Tôn mặc y mang bát đến chỗ ông ấy.

Bà-la-môn thấy Thế Tôn từ xa đi tới, liền đến gặp Thế Tôn và thưa:

–Thế Tôn, con gieo giống, cày ruộng mới có ăn, chứ không xin người khác. Thưa Cù-đàm, nay Ngài cũng nên cày ruộng để ăn.

Phật dạy:

–Ta cũng cày gieo hạt để ăn.

Bà-la-môn Đâu-la-xà nói kệ:

*Ngài tự nói biết cày
Nhưng chưa thấy Ngài cày
Nếu Ngài thật biết cày
Xin nói ra phương pháp.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Lấy tín tâm làm giống
Các thiện làm ruộng tốt
Tinh tấn là trâu kéo
Trí tuệ là ách cày
Hổ thẹn là lưỡi cày
Niệm là người cầm cày
Điều thuận thân, miệng, ý
Trì giới dây cột cỏ
Cày tan cỏ phiền não
Trời mưa ngọt đúng lúc
Cào cỏ là tâm thiện
Thu hoạch cây lúa thiện
Đưa về nơi an ổn
Chắc chắn được an toàn
Ta cày bừa như vậy
Nên được quả cam lộ
Vượt lên khỏi ba cõi
Không trở lại luân hồi.*

Bà-la-môn thưa:

–Ngài đã cày bằng phương pháp cày tối thượng, hơn các cách cày khác.

Khi Bà-la-môn nghe kệ, tâm được tin hiểu, liền đem đầy bát thức ăn đến dâng lên Phật. Đức Phật không nhận. Ngoài ra, như lời nói của Bà-la-môn Đâu-la-xà... *cho đến...* không thọ thân ở đời sau.

265. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy có một Tỳ-kheo tên là Phạm Thiên, du hành từ nước Ương-già đến Chiêm-bà, bên bờ hồ Kiền-già. Sáng hôm sau, thầy đắp y mang bát vào thành Chiêm-bà lần lượt khát thực, đi đến nhà cũ của mình.

Bấy giờ mẹ của Tôn giả Phạm Thiên đang ở phía trong cửa dùng gạo trắng và mè rải vào lửa, để cầu sanh lên cõi Phạm thiên. Tôn giả bước vào đứng phía trong cửa nhưng bà mẹ không biết.

Tỳ-sa-môn Thiên vương rất kính ứn Phạm Thiên, đang cùng vô số chúng Dạ-xoa bay trên không trung, thấy mẹ Phạm Thiên đang tế lửa mà không thấy con mình, chỉ thấy đạo nhân, không biết đó là con. Tỳ-sa-môn Thiên vương nói kệ cho người mẹ:

*Này nữ Bà-la-môn,
Phạm thiên xa đây lắm
Tế lửa cầu sanh thiên
Không phải đi đúng hướng
Không rõ cõi Phạm thiên
Siêng tế lửa làm gì?
Phạm thiên giữa Phạm thiên
Đang đứng trong nhà người
Hoàn toàn không chấp trước
Và không còn nuôi dưỡng
Xa lìa cảnh giới ác
Không còn bụi kết sử
Xa lìa các dục cầu
Không nhiễm ô thế pháp
Như voi tốt khéo điều
Không gì gây phiền não
Tỳ-kheo luôn chánh niệm
Tâm hoàn toàn giải thoát
Bạc Ứng chân như vậy*

*Đang đến nhận người cúng
 Hãy đốt sáng đèn tâm
 Mau tịnh tâm cúng dường.*

Khi người mẹ nghe Tỳ-sa-môn nói, tâm liền giác ngộ, đem thức ăn cúng dường cho Tôn giả Phạm Thiên. Sau khi thọ trai, Tôn giả thuyết pháp về nhân an lạc đời sau cho mẹ nghe.

M

266. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn đến gặp Đức Phật, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa với Phật:

–Người đời gọi Ngài là Phật, tên này là từ đâu có?

Bà-la-môn nói kệ:

*Phật đà là thắng danh
 Với nghĩa bậc vượt qua
 Vì cha mẹ đặt cho
 Nên tên Ngài là Phật?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta vì thương đến ông
 Nên phân biệt giảng giải
 Ông hãy chú ý nghe
 Vì sao gọi như vậy
 Phật biết đời quá khứ
 Thông suốt cả vị lai
 Biết hoàn toàn hiện tại
 Tướng sanh diệt các hành
 Thấy rõ hết các pháp
 Việc cần tu đã tu
 Cần đoạn đã đoạn hết
 Thế nên gọi là Phật.
 Tướng chung và tướng riêng
 Điều phân biệt hiểu rõ*

*Thấy biết hết tất cả
 Thế nên gọi là Phật.
 Bà-la-môn nên biết
 Quán sát vô lượng kiếp
 Khổ não của các hành
 Chấm dứt hẳn thọ sanh
 Xa lìa trần cấu nhóm
 Nhỏ tên độc phiền não
 Vượt qua bờ sanh tử
 Vậy nên tên là Phật.*

Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

267. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Kiều-tát-la du hành đến thôn Sa lâm.

Trên đường đi, Đức Phật đến bên gốc cây, ngồi thẳng người, đặt niệm trước mặt.

Có một Bà-la-môn họ Yên đi sau Phật, thấy trong dấu chân Phật có tướng thiên bức luân, nên lấy làm lạ, cho là việc chưa từng có, nên suy nghĩ: “Ta chưa thấy người nào có dấu chân như vậy, ta nên tìm xem đây là dấu chân của ai”.

Sau khi suy nghĩ, tìm theo dấu chân lần lượt đi đến nơi Phật, vị ấy chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Phật với sắc diện hoan hỷ khiến người xem kính tín, thân tâm đều an tịnh, đạt đến chỗ tịch diệt tối thượng, thân Phật vàng ròng như ngôi lâu bằng vàng, nên thưa:

–Thưa Thế Tôn, Ngài là vị trời phải không?

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn, Ta không phải là vị trời.

Bà-la-môn hỏi:

–Ngài là A-tu-la, Rồng, Càn-thát-bà, Dạ-xoa, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già?

Phật đáp:

–Ta không phải là các loài ấy.

Bà-la-môn hỏi:

–Ngài là người phải không?

Phật đáp:

–Ta không phải là người.

Bà-la-môn nói:

–Tôi hỏi Ngài là trời, ..., người, Ngài đều nói không phải. Vậy Ngài là gì?

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Không phải Trời, Rồng, A-tu-la
 Khẩn-na, Ma-hầu, Càn-thát-bà
 Chẳng phải Dạ-xoa hay loài người
 Ta đã hết lậu đoạn phiền não
 Ta đã điều ngự như voi quý
 Không còn bị người khác chế ngự
 Không bị người khác làm trở ngại
 Đoạn ái, giải thoát hẳn luân hồi.
 Biết hết tất cả, đoạn đời sau
 Như hoa sen trắng nở đều đặn
 Luôn luôn tăng trưởng ở trong nước
 Hoàn toàn không bị nước làm nhơ
 Thanh tịnh thơm sạch người ưa thích
 Tắm gió không động như hoa sen
 Ta giữa thế gian cũng như vậy
 Như pháp thế gian nhưng không nhiễm.
 Quán sát vô lượng kiếp đến nay
 Vì duyên các hành chịu khổ não
 Chấm dứt tất cả sự thọ sanh
 Xa lìa trần cấu, đoạn gốc khổ
 Nhỏ hẳn tên độc đoạn ba phiền
 Vượt bờ sanh tử đoạn luân hồi
 Vì vậy danh hiệu Ta là Phật.*

Bà-la-môn họ Yên nghe Phật dạy hoan hỷ từ già.

Kệ tóm lược:

*Mạn, Ưu-kiệt-đề
 Sanh Thính, Cực Lão
 Tỳ-kheo, Chủng tác
 Phạm Thiên, Phật-đà
 Luân tướng là mười.*

M**268. Tôi nghe như vậy:**

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Thế Tôn đắp y mang bát vào thành khất thực, đến nhà Bà-la-môn Hỏa tánh Đạt-lại-thù.

Khi ấy Hỏa tánh Đạt-lại-thù đang tế lửa ở trước cửa nhà trong. Đức Phật tới cửa, Đạt-lại-thù thấy Phật đến, nên nói:

–Dừng lại! Dừng lại! Đây Chiên-đà-la, đừng đến nơi đây.

Phật bảo ông ta:

–Ông có biết về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la không?

Bà-la-môn đáp:

–Tôi không phân biệt và không biết về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la. Ngài hiểu biết và phân biệt về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la hay sao?

Đức Phật bảo:

–Ta hiểu biết và phân biệt về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la.

Bà-la-môn liền đứng dậy, xếp đặt chỗ ngồi cho Đức Phật và bạch:

–Xin Ngài giảng giải cho tôi về pháp của Chiên-đà-la!

Sau khi an tọa, Thế Tôn nói kệ:

*Tánh xấu ưa sân, oán hận lâu
 Ngang ngược ác độc, lòng kiêu mạn
 Hành động tà kiến đối gạt người
 Nên biết người này Chiên-đà-la.
 Phẫn nộ, ganh ghét, tham muốn ác*

Rất khó dạy bảo, không xấu hổ
 Hành động như vậy Chiên-đà-la.
 Làm hại thai nhi, đập trứng sống.
 Tâm không từ bi hại chúng sanh
 Tàn sát noãn, thai, thấp, hóa sanh
 Kẻ này chính là Chiên-đà-la.
 Cướp đoạt đồng thời hại mạng người
 Tài sản của họ đi trên đường
 Vật quý trong nhà hay nơi vắng
 Hành động như vậy Chiên-đà-la.
 Làm những việc ác không hối hận.
 Người ấy chính là Chiên-đà-la.
 Bỏ vợ, đến sống cùng gái điếm
 Ngang nhiên thông dâm với vợ người
 Như vậy tên là Chiên-đà-la.
 Đối với tộc họ và bạn thân
 Vẫn gây tà ác đến cho họ
 Gian dâm chẳng kể gì tốt xấu
 Hạng này cũng là Chiên-đà-la.
 Học hỏi nghĩa lý để nói ngược
 Như vậy cũng gọi Chiên-đà-la.
 Tự tán dương mình chê người khác
 Tham đắm ngã mạn, sống hạ tiện
 Như vậy cũng gọi Chiên-đà-la.
 Ngang ngược phỉ báng, quá ngu si
 Phỉ báng chỉ vì lợi lộc nhỏ
 Như vậy cũng tên Chiên-đà-la.
 Tội lỗi của mình đẩy cho người
 Chuyên môn dối gạt hủy báng người
 Như vậy chính là Chiên-đà-la.
 Tài sản có nhiều, thân tộc đông
 Mình ăn thơm ngon, cho vật dở
 Như vậy cũng là Chiên-đà-la.
 Mình tới nhà người được ăn ngon
 Người đến nhà mình dọn món dở

Như thế cũng là Chiên-đà-la.
 Cha mẹ già cả không khỏe mạnh
 Con không hiếu thuận và phụng dưỡng
 Kẻ ấy tên là Chiên-đà-la.
 Đối với cha mẹ, anh chị em
 Mắng chửi, ác khẩu, không theo phận
 Như vậy tên là Chiên-đà-la.
 Sa-môn cùng với Bà-la-môn
 Đúng giờ họ đến không bố thí
 Lại còn mắng nhiếc và giận dữ
 Như vậy tên là Chiên-đà-la.
 Sa-môn cùng với Bà-la-môn
 Người nghèo, ăn xin, tìm đến nhà
 Không cho ăn uống, không bố thí
 Như vậy tên là Chiên-đà-la.
 Hủy báng Đức Phật cùng Thanh văn
 Mạ lỵ xuất gia và tại gia
 Như vậy gọi là Chiên-đà-la.
 Giả dối tự xưng A-la-hán
 Làm kẻ giặc hại trong Trời, Người
 Sống gia đình lớn Bà-la-môn
 Thông thuộc hết điển tịch Vi-đà
 Nhưng thường tạo ra các nghiệp ác
 Đẳng cấp không ngăn sự chê bai
 Cũng không cứu thoát khỏi địa ngục
 Hiện tại bị người mắng làm nhục
 Vị lai bị đọa cảnh giới ác
 Sanh Chiên-đà-la hay Tu-đà
 Hành động tiếng thơm vang khắp nơi
 Lại được hoan hỷ sanh Phạm thiên
 Đẳng cấp không ngăn sanh cõi trời
 Hiện đời được khen, chết sanh thiên
 Nay Ta giảng giải rõ cho ông
 Nên biết sự thật như thế này:
 Gọi Chiên-đà-la, Bà-la-môn

*Không phải căn cứ vào đẳng cấp
Làm thiện trở thành Bà-la-môn
Làm ác trở thành Chiên-đà-la.*

Bà-la-môn nghe kệ xong, khen:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nay Bậc Đại Tinh Tấn, đúng như lời Ngài nói. Thưa Đại Mâu-ni, Bà-la-môn hay Chiên-đà-la không phải do đẳng cấp, tu tập việc thiện là Bà-la-môn, hành động xấu ác là Chiên-đà-la.

Sau khi nghe kệ, Bà-la-môn hoan hỷ tin hiểu, bưng đầy bát thức ăn dâng lên Phật. Đức Phật không thọ, vì thuyết pháp mà được dâng cúng thức ăn thì không nhận.

Bà-la-môn thưa với Phật:

–Thức ăn này nên đưa cho ai?

Phật dạy:

–Ta không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm nào có thể ăn mà tiêu được thức ăn này, nên đem thức ăn này bỏ vào đất sạch hay nước không trùng.

Bà-la-môn liền đem thức ăn ấy bỏ vào nước không trùng, khói lửa bốc lên, nước sôi sục phát ra tiếng kêu lớn.

Bà-la-môn thấy việc chưa từng có nên nghĩ:

–Đối với thức ăn, mà Phật Thế Tôn còn có đại thần túc như vậy.

Bà-la-môn trở lại gặp Phật bạch:

–Cầu mong Thế Tôn cho phép con xuất gia học đạo.

Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Râu tóc ông ta tự rụng, pháp phục mặc trên thân, được đặc giới cụ túc, như pháp xuất gia, ở nơi yên tịnh, siêng năng tinh tấn. Sở dĩ tộc tánh tử cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y chính vì nhằm tu tập phạm hạnh vô thượng. Tộc tánh tử phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ hữu, thành A-la-hán đắc giải thoát, hoan hỷ nói kệ:

*Trước mê không biết chánh
Ngu si hành động tà
Không biết thanh tịnh đạo
Và không biết đường chết*

Vọng tưởng sanh điên đảo
Khổ nhọc thờ phụng lửa
Thật hư vọng uống công
Không được kết quả gì
Gặp Đấng Thiên Trung Thiên
Nhờ ánh sáng phá tối
Được vui trong an lạc
Đủ giới đức ba minh
Trong giáo pháp Đức Phật.
Đã thực hiện hoàn tất
Trước tuy Bà-la-môn
Nhưng thật Chiên-đà-la
Ngày nay thật đúng là
Bà-la-môn tịnh hạnh
Xa lìa hẳn bần lây
Tắm rửa đã sạch sẽ
Vượt cảnh giới Vi-đà.



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN XIV

269. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-ni, thuộc thành Vương xá.

Vào giữa đêm, có một Thiên nữ tên Cầu-ca-ni-sa, trước đây là Ba-thuần-đề Nữ, với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả núi ấy, đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Miêng, ý nên tu thiện
Không làm những điều ác
Thân không làm ác nhỏ
Gây hại cho thế gian
Quán dục là không, giả
Tu nơi niệm giác ý
Nếu không thích đau khổ
Đừng gây nghiệp tổn giảm.*

Thế Tôn khen Thiên nữ:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Thiên nữ nói.

*Miêng, ý nên tu thiện
Không làm những điều ác
Thân không làm ác nhỏ
Gây hại cho thế gian
Quán dục là không, giả
Tu nơi niệm giác ý
Nếu không thích đau khổ
Đừng gây nghiệp tổn giảm.*

Ba-thuần-đề Nữ nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung.

270. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

–Ta muốn giảng bốn câu kệ pháp. Các thầy đều nên ghi nhận đầy đủ, lắng nghe, ghi nhớ đừng quên. Thế nào là bốn câu kệ pháp:

*Miệng, ý nên tu thiện
Không làm những điều ác
Thân không làm ác nhỏ
Gây hại cho thế gian
Quán dục là không, giả
Tu nơi niệm giác ý
Nếu không thích đau khổ
Đừng gây nghiệp tổn giảm.*

Cách A-nan không xa, có một Bà-la-môn nghe bài kệ này, suy nghĩ: “Ý nghĩa của bài kệ này rất sâu xa, chẳng phải con người làm được, chắc là do phi nhân nói ra, vậy nên đến hỏi Phật.”

Sau khi suy nghĩ, Bà-la-môn đến gặp Đức Phật, chào hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Đức Cù-đàm, sau khi được nghe Tôn giả A-nan nói kệ này, con suy nghĩ, văn nghĩa của kệ ấy không phải do con người làm.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Thật do phi nhân nói, không phải do người nói. Trước đây Ta ở núi Kỳ-ni, thành Vương xá, Thiên nữ Câu-ca-ni-sa đến gặp Ta, sau khi đánh lễ, ngồi qua một bên, nói kệ này, nên kệ này thật là do phi nhân nói ra.

Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giả.

M

271. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở núi Kỳ-ni, thuộc thành Vương xá.

Khi ấy vị trời Câu-ca-ni-bà, trước đây là Ba-thuần-đề Nữ, thân phát hào quang rực rỡ như ánh chớp, chiếu sáng cả núi ấy, thành tín chí tâm quy y Tam bảo, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Con có nhiều ngôn từ
 Ca ngợi Phật, Pháp, Tăng
 Nay chỉ nói tóm lược
 Theo ý người thích đủ
 Miệng ý nên tu thiện
 Không làm những việc ác
 Thân không tạo lỗi nhỏ
 Gây hại cho thế gian
 Quán đục tánh tướng không
 Tu tập niệm giác ý
 Ai không thích đau khổ
 Đừng gây nghiệp tổn hại.*

Khi ấy Thế Tôn bảo Thiên nữ:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Thật như lời Thiên nữ nói.

Thiên nữ Cầu-ca-ni-sa nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung.

M

272. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại tinh xá bên bờ Di-hầu, phía Bắc thành Tỳ-xá-ly.

Khi ấy Thiên nữ Ba-thuần-đề, Thiên nữ Quật-la với hào quang khác thường, đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân, ngồi qua một bên. Ánh sáng của họ chiếu sáng cả khu Di-hầu và Tỳ-xá-ly.

Thiên nữ Quật-la nói kệ:

*Thế Tôn Bà-già-bà
 Vô Thượng Đẳng Chánh Giác
 Ở tại Tỳ-xá-ly
 Trong khu rừng Đại lâm
 Trời Cầu-ca-ni-sa
 Cùng Thiên nữ Quật-la
 Các Ba-thuần-đề Nữ
 Lạy dưới chân Thế Tôn
 Xưa con đã từng nghe*

*Giáo pháp thuyết toàn thiện
Đấng Mâu-ni Thế Tôn
Hiện tại đang giảng pháp
Những ai muốn hủy báng
Giáo pháp thâm sâu này
Thật là kẻ ngu si
Sau phải đọa đường ác,
Ai tán trợ chánh pháp
Thành tựu đủ chánh niệm
Gọi là người có trí
Chắc chắn sanh cõi thiện.*

Thiên nữ Câu-ca-ni-sa nói kệ:

*Miệng, ý nên tu thiện
Không làm những việc ác
Thân không tạo ác nhỏ
Gây hại cho thế gian
Quán đực tánh tướng không.
Tu tập niệm giác ý
Ai không thích đau khổ
Đừng gây nghiệp tổn giảm.*

Thế Tôn bảo Thiên nữ:

–Đúng vậy! Đúng như lời Thiên nữ nói.

Các Thiên nữ nghe lời Phật dạy hoan hỷ từ giã.

M

273. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, sau khi đảnh lễ, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Chớ gây hại người thiện
Gây hại là hại mình
Vì nhân quả như vậy*

*Nên đừng gây hại bậy
Nơi không phải bến đò
Đừng vọng tưởng vượt qua.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đáng sân nhưng nhẫn nhục
Thanh tịnh không kết sử
Đem việc ác hại người
Quả ác hại thân mình
Như ngược gió tung đất
Bị bụi phủ thân mình
Kẻ đem sân hại người
Người bị hại báo thù
Cả hai đều là ác
Đều không thoát đau khổ
Bị sân không báo thù
Hàng phục kẻ oán lớn.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong hoan hỷ, từ giã.

M

274. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Người ngu si thiếu trí
Tạo ra các nghiệp ác
Tự mình gây oán thù
Sau chịu quả khổ lớn.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đã tạo nghiệp không thiện
Làm rồi tự đốt mình
Ngu làm các việc ác
Khóc than khi nhận quả.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ đánh lễ trở về Thiên cung.

M

275. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, đến gặp Đức Phật, sau khi đánh lễ, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Không phải dùng lời nói
Được gọi là Sa-môn
Thật tâm hướng đến đạo
Bước đi thật vững chắc
Có tinh tấn dũng mãnh
Tu thiền định thâm sâu
Chứng đắc pháp giải thoát
Phá dây trói của ma
Nghiệp tạo và không tạo
Đều nói thật cả hai
Bậc trí vượt những điều
Trá ngụy, không thành tín
Tự thân thật không có
Đối khen vì tự kiêu
Nói dối trá không thật
Là giặc lớn trong đời.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Không phô trương đức mình
Không dò xét người khác
Tự đã đến Niết-bàn
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nghe Phật nói kệ, bạch Phật:

–Con thật có lỗi, cầu mong Ngài cho con thành tâm sám hối.

Khi ấy Đức Phật im lặng, vị trời nói kệ:

*Con đang cầu sám hối
Ngài không nhận cho con
Giữ tâm ác không thiện
Không bỏ lòng oán hận.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sám hối tội bằng lời
Nội tâm thật không sám
Làm sao trừ hiềm khích
Làm sao đạt được thiện.*

Vị trời lại nói kệ hỏi:

*Người nào không làm lỗi
Người nào không sai lầm
Ai không bị ngu si
Ai đầy đủ chánh niệm?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Như Lai, Đức Thế Tôn
Chánh trí đặc giải thoát
Ngài không còn làm lỗi
Cũng không còn sai lầm
Đã trừ sạch ngu si
Luôn luôn đủ chánh niệm.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn*

*Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

276. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Khi ấy Cù-ca-lê, bạn của Đề-bà-đạt-đa, đến gặp Phật đứng qua một bên.

Phật bảo Cù-ca-lê:

–Ông với Tôn giả Xá-lợi-phất có quan hệ, đừng sanh ý hiềm khích. Xá-lợi-phất và Mục-liên đều tịnh tu phạm hạnh, tâm ý hòa nhã. Ông chớ nên hiềm khích, phải chịu khổ não lâu dài.

Cù-ca-lê thưa:

–Con tin lời Phật, con vâng theo Phật, nhưng Xá-lợi-phất, Mục-kiên-liên thật có dục ác. Họ thật ung dung trong dục ác và chạy theo dục xấu ác.

Phật lại bảo Cù-ca-lê:

–Ông không nên có tâm thù hận hai vị ấy

Ba lần như vậy, tuy nghe Phật dạy nhưng Cù-ca-lê vẫn không thay đổi tâm ác, nên bỏ Phật ra đi. Rời khỏi Phật không xa, thân ông ta sanh mụn dử, ban đầu như hạt cải, lớn nhanh như hạt đậu, rồi lớn to như trái Tỳ-lê, thân thể lầy nhầy máu mủ tuôn chảy; sau khi qua đời đọa vào đại địa ngục Liên hoa.

Khi ấy có ba vị trời với hào quang sáng chói, vào giữa đêm đến gặp Đức Phật, sau khi đảnh lễ đứng qua một bên. Vị trời thứ nhất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Cù-ca-lê đã qua đời trong đêm nay.

Vị trời thứ hai nói:

–Đọa đại địa ngục Liên hoa.

Vị trời thứ ba nói kệ:

*Con người ở trên đời
Lưỡi búa ở trong miệng
Do nói ra lời ác*

Tự chặt lấy thân mình.
 Đáng khen mà lại chê
 Đáng chê mà lại khen
 Miệng nói lời phù phiếm
 Sau phải chịu đau khổ.
 Ý nghĩ đoạt tài sản
 Đó chỉ là lỗi nhỏ
 Chê mắng Phật thánh hiền
 Là tội lỗi to lớn
 Phải chịu khổ lâu dài
 Đủ số cả trăm ngàn
 Ở ngục Ni-la-phù
 Và ba mươi sáu lần
 Vào ngục A-phù-đà
 Cho đến phải bị đọa
 Vào năm A-phù-đà
 Do chê bai Hiền thánh
 Miệng và ý làm ác
 Đọa những địa ngục ấy.

Sau khi lạy sát dưới chân Phật, ba vị trời trở về Thiên cung.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy có muốn nghe về tuổi thọ dài ngắn ở địa ngục A-phù-đà không?

Các Tỳ-kheo bạch:

–Xin giảng cho chúng con, sau khi được nghe, chúng con tin và thọ trì.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Hai mươi khư-ly hạt mè thì đổ đầy một xe ở Ba-la-nại. Có người sống trường thọ, cứ một trăm năm nhặt ra một hạt mè. Như vậy đến khi hết không còn hạt mè nào, thì tuổi thọ ở địa ngục A-phù-đà vẫn chưa hết. Hai mươi A-phù-đà thành một Ni-la-phù-đà, hai mươi Ni-la-phù-đà thành một A-thất-thất, hai mươi A-thất-thất thành một Hầu-hầu, hai mươi Hầu-hầu thành một địa ngục Liên hoa. Tỳ-kheo Cù-ca-lê vì phỉ báng hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên nên bị đọa vào đại địa ngục Liên Hoa.

Này các Tỳ-kheo, đối với trụ bị đốt cháy còn không nên hủy báng, huống chi là đối với loại có tình thức.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

277. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, sau khi đánh lễ, ngồi qua một bên nói kệ:

*Khinh người khác là gì
Và không khinh là gì?
Bị người khác khinh khi
Trước mắt gì đứng đầu?
Nay con hỏi Như Lai
Đại Tiên giảng cho con.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Biết rõ không khinh khi
Không biết rõ khinh khi
Ưu pháp gọi cung kính
Khinh pháp là không kính
Không gần thiện tri thức
Là dẫn đầu không kính
Thích làm việc phi pháp
Bạn thân thành oán ghét.
Kẻ oán thành bạn thân
Đứng đầu không cung kính
Như có người phụ nữ
Không trinh thuận hiền lương
Ưu gian tâm tư thông
Hành động không hợp lý
Đàn ông trái lễ độ
Nghĩa ấy cũng như vậy*

Những điều ấy chính là
Đứng đầu sự khinh thường.
Cân lường đối gạt người
Xảo ngụy không cân đúng
Chỉ nghĩ đến tham lợi
Đứng đầu sự khinh khi
Cờ bạc gian lận nhau
Tiêu tán hết tiền tài
Những việc ấy chính là
Đứng đầu sự khinh khi
Thích ngủ, tham ăn ngon
Ngủ sớm, dậy quá trễ
Biếng nhác với công việc
Nhưng lại ưa phần nô
Những người sống như vậy
Cũng đứng đầu bị khinh.
Hoa tai và vòng vàng
Che dù mang giày thêu
Trang sức che bần cùng
Dẫn đầu sự khinh khi
Tài sản thì quá ít
Tình ái quá đắm say
Tuy thuộc dòng Sát-lợi
Mong muốn được ngôi vua
Kẻ ngu si như vậy
Đứng đầu sự khinh thường.
Của báu, sản nghiệp lớn
Nhiều quyến thuộc bạn thân
Tham ăn uống riêng mình
Không cho đến kẻ khác
Thọ nhận của người khác
Thức ăn ngon, của báu
Khi họ đến nhà mình
Không có tâm báo đáp
Thậm chí chẳng mời ăn

Là đứng đầu khinh thường.
Cha mẹ đến tuổi già
Thân suy tàn sức cạn
Con ăn đồ thơm ngon
Không cung dưỡng cha mẹ
Những hạng người như vậy
Đáng khinh chê đứng đầu.
Cha mẹ và anh em
Thân thuộc chị em gái
Đánh mắng nói lời ác
Đứng đầu bị khinh khi.
Sa-môn, Bà-la-môn
Đúng giờ họ đến nhà
Không cúng dường bố thí
Là khinh khi đứng đầu.
Sa-môn, Bà-la-môn
Và người nghèo ăn xin
Mắng chửi không bố thí
Là khinh khi đứng đầu.
Chê Phật và Thanh văn
Cả xuất gia, tại gia
Làm việc phi pháp này
Là khinh khi đứng đầu.
Thật chẳng phải La-hán
Tự xưng là La-hán
Là giặc trong Trời, Người
Sa-môn, Bà-la-môn
Kẻ trá ngụy như vậy
Thật đứng đầu khinh khi.
Những hạng người như trên
Bị mọi người khinh chê
Kẻ đáng khinh trong đời
Ta đều thấy biết rõ
Hãy nên mau tránh xa
Như sợ hãi đường hiểm.

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

278. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một vị trời dung mạo hết sức tươi đẹp, hào quang rực rỡ, sáng chiếu khắp khu Kỳ viên, đến chỗ Đức Phật, đánh lễ nơi chân Phật, rồi ngồi qua một bên, nói kệ:

*Ai gọi là kính thuận
Ai gọi là xem thường
Ai là trẻ ngu đù
Như trẻ con vọc đất?*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người nam nếu kính thuận
Người nữ tất xem thường
Người nam nếu coi thường
Người nữ tất kính thuận
Người nữ, trẻ ngu đù
Như trẻ con vọc đất.*

Vị Trời nói kệ thưa:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn, Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị Trời nói kệ xong hoan hỷ từ giã, trở về Thiên cung.

M

279. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một vị trời, thân tỏa hào quang rực rỡ giống như làn chớp, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đi đến chỗ Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Quán biết tâm dục khởi
Ngăn chặn, nên ngăn chặn
Ngăn chặn hết tất cả
Chẳng tạo nẻo tử sanh.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Quán biết tâm dục khởi
Ngăn chặn, phải ngăn chặn
Chẳng nên ngăn chặn hết
Chỉ ngăn giác quán ác
Ý ác phải ngăn chặn
Luôn có thể ngăn chặn
Nếu làm được như vậy
Chẳng bị sanh tử ngăn.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

M

280. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm sao được tiếng khen
Làm sao được tài sản
Làm sao có danh dự
Làm sao được bạn thân?*

Thế Tôn nói kệ:

*Giữ giới được tiếng khen
Bố thí được tài sản
Nói thật được danh dự
Giúp người có bạn thân.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả trở về cung.

M

281. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, lay sát chân Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm người sống thế nào
Thấy đúng trí sáng suốt
Giàu có nhiều tài sản
Ý nghĩa ấy ra sao?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trước học các kỹ năng
Sau để dành của cải
Tài sản chia làm bốn
Một phần dùng ăn mặc
Hai phần dùng kinh doanh
Một phần dành khi thiếu*

Thứ nhất nghề làm ruộng
Thứ hai nghề buôn bán
Lợi tức nhiều, nuôi trâu
Bò, dê cùng lục súc
Lại có nhiều cháu con
Nên cưới vợ cho họ
Gả con em lấy chồng
Trang bị vật gia dụng
Điều hòa được lợi lạc
Bất hòa sanh khổ não
Làm việc phải hoàn tất
Không bỏ phế nửa chừng
Người trí khéo tư duy
Hiểu rõ sự được mất
Hiểu rõ làm, không làm
Của báu đến với ta
Như sông về biển lớn
Siêng năng tạo sự nghiệp
Như ong hút các hoa
Ngày càng được thêm nhiều
Ngày đêm tụ tài sản
Như ong tích tụ mật
Tiền không gởi người già
Không đưa người đi xa
Người ác làm nghề xấu
Thế lực dù hơn ta
Quyết không đem của báu
Giao cho những người ấy
Đưa tiền cho người thân
Khi đòi thì giận cãi
Lạ thay! Tiền, nghĩa, lợi
Hết tiền hết bạn thân
Hãy kiếm tiền đúng pháp
Không làm tiền phi pháp
Trượng phu làm đúng pháp

*Đàng hoàng thì phồn thịnh
Tự thân được no ấm
Lại giúp được cho người
Điều độ và thích ứng
Qua đời sanh cõi trời.*

Vị trời nói kệ:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã về cung.

M

282. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, ở nước Câu-tát-la có một người giỏi đánh đàn, tên là Câu-đâu-la đang đi trên đường. Có sáu Thiên nữ đang cỡi cung điện bay trên không trung. Các vị trời ra khỏi cung, bảo với người ấy:

–Này cậu, hãy đánh thanh cầm để chúng ta nhảy múa ca hát.

Người đánh đàn thấy Thiên nữ dung nhan rực rỡ khác thường, nên lấy làm lạ, hỏi:

–Này các chị em, tạo công đức gì mà được sanh lên cõi ấy. Các vị hãy nói cho tôi nghe về sự việc này trước, tôi sẽ đánh thanh cầm phục vụ các vị.

Thiên nữ đáp:

–Cậu hãy đánh đàn, chúng tôi sẽ trình bày sự việc ngày trước trong tiếng ca.

Ở trước sáu Thiên nữ, Câu-đâu-la liền khảy đàn.

Thiên nữ thứ nhất cất tiếng hát:

*Ai thường đem áo quý
Bố thí cho người khác*

Sanh cõi người tôn quý
 Ở trời như chúng tôi
 Thân như khối vàng ròng
 Hào quang chiếu rực rỡ
 Thiên nữ có hằng trăm
 Tôi là hàng tối thắng
 Bố thí vật mình thích
 Phước ấy hơn như vậy.

Thiên nữ thứ hai nói kệ:

Ai đem các thức ăn
 Thơm ngon nhất bố thí
 Sanh làm nam hay nữ
 Đều là người tối thắng
 Nếu sanh vào cõi trời
 Cũng như tôi ngày nay
 Nhờ cho điều mình thích
 Nên hưởng lạc tùy ý.
 Người xem cung điện ta
 Đi tự do trên không
 Thân như khối vàng ròng
 Ánh sáng rất đẹp lạ
 Thiên nữ có hằng trăm
 Tôi là hàng tôn quý
 Cho thức ăn ngon tuyệt
 Được thắng quả như vậy.

Thiên nữ thứ ba nói kệ:

Ai dùng hương thơm nhất
 Bố thí để tu phước
 Sanh làm người tôn quý
 Ở trời như thân tôi
 Đem cho điều mình thích
 Hưởng an lạc tùy ý.
 Người xem cung điện ta
 Đi tự do trên không

Thân như khối vàng ròng
 Ánh sáng rất đẹp lạ
 Thiên nữ có hằng trăm
 Ta là hàng tối trắng
 Nhờ cho hương thơm nhất
 Được kết quả như vậy.

Thiên nữ thứ tư nói kệ:

Khi ta còn làm người
 Săn sóc cha mẹ chồng
 Bị làm khó, mắng chửi
 Ta đều nhẫn nhục chịu
 Thế nên ngày hôm nay
 Được thân trời như vậy
 Vì nhờ sống hiếu thuận
 Nên an lạc tùy ý.
 Người xem cung điện ta
 Đi tự do giữa trời
 Thân như vàng gom lại
 Ánh sáng rất diệu kỳ
 Thiên nữ có hằng trăm
 Ta là hàng tối trắng
 Vì sống đời hiếu thuận
 Nên được kết quả này.

Thiên nữ thứ năm nói kệ:

Vào đời trước của ta
 Làm tôi tớ cho người
 Hầu hạ nơi nhà chủ
 Tùy thuận không giận khóc
 Siêng năng không biếng nhác
 Dậy sớm, đi ngủ trễ
 Sống ở trong nhà chủ
 Được chút ăn uống nào
 Chia bớt đem cúng cho
 Sa-môn, Bà-la-môn

Nên được thân làm trời
 Hưởng an lạc tùy ý.
 Người hãy xem cung ta
 Đi tự do trên không
 Thân như khối vàng ròng
 Ánh sáng rất rực rỡ
 Trong hàng trăm Thiên nữ
 Ta rất là tôn quý
 Thân hèn trông ruộng phước
 Nên kết quả như vậy.

Thiên nữ thứ sáu nói kệ:

Trong đời trước của tôi
 Được gặp vị Tỳ-kheo
 Và vị Tỳ-kheo-ni
 Nên tâm rất hoan hỷ
 Họ dạy tôi tinh tấn
 Tôi nghe họ thuyết pháp
 Thọ trai giới một ngày
 Nên nay được sanh thiên
 Hưởng an lạc tùy ý.
 Hãy xem cung điện ta
 Đi tự do trên không
 Thân như màu vàng ròng
 Ánh sáng rất kỳ diệu
 Trong hàng trăm Thiên nữ
 Ta thuộc hạng tối thắng
 Người hãy nhìn ngắm ta
 Nhờ thực hiện lời dạy
 Nên được quả báo này.

Người đánh đàn bèn nói kệ:

Ta đến đây thật tốt
 Rừng Tát-la đáng yêu
 Được diện kiến Thiên nữ
 Chói sáng như ánh chớp

*Thấy nghe việc như vậy
Tôi về làm công đức.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

283. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, lay sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ hỏi:

*Cái gì khởi phải diệt
Cái gì ngăn chướng sanh
Cái gì là sợ hãi
Cái gì thành pháp lạc?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phẫn nộ khởi phải diệt
Tham dục sanh tất ngăn
Vứt vô minh, không sợ
Chứng diệt, an lạc nhất
Trừ diệt sân, tham dục
Thoát ra ngoài kết sử
Không vướng vào sắc, danh
Quán pháp như rừng vắng
Dục là gốc sanh tử
Dục sanh ra các khổ
Đoạn dục được giải thoát
Các khổ cũng như vậy
Ai chứng đắc giải thoát
Giải thoát luôn gốc khổ
Người ngu si không trí
Phóng dật không quán khổ
Nên chìm trong biển khổ
Bị trôi buộc không cùng*

Người trí chế ngự tâm
 Không tham đắm dục ác
 Các hành động phóng dật
 Phá hoại thiền định lạc
 Thế nên phải giữ ý
 Không đắm nhiễm vào dục
 Ví như người giàu có
 Giữ châu báu của mình.

Vị trời nói kệ khen:

Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

284. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, lay sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

Tuy đến với năm trần
 Không gọi là tham dục
 Tư tưởng sanh nhiễm đắm
 Mới gọi là tham dục
 Tham dục trói thế gian
 Bạc Hùng được giải thoát.

Thế Tôn nói kệ đáp:

Tánh của dục vô thường
 Đoạn diệt thì ngộ đạo
 Tham dục sanh trói buộc
 Mãi mãi không giải thoát
 Ai lấy tín làm bạn

Và làm với lòng tin
 Tiếng khen được truyền xa
 Qua đời được sanh thiên
 Ai đoạn trừ được dục
 Không còn thọ thân sau
 Không trở lại sanh tử
 Vĩnh viễn nhập Niết-bàn
 Biết thân không, vô ngã
 Quán danh, sắc không bền
 Không tham đắm danh, sắc
 Từ đó chứng giải thoát
 Nhưng không kiến chấp về
 Giải thoát, không giải thoát
 Từ bi giúp quần sanh
 Lợi ích cho tất cả.

Vị trời nói kệ khen:

Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Vứt ghét sợ đã lâu
 Vượt qua ái thế gian.

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

M

285. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với ánh sáng rực rỡ, đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

Nên đứng lại với ai
 Nên thân cận với ai
 Nên học pháp với ai
 Được lợi không sanh ác?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Nên sống với người thiện
 Thân cận với người thiện
 Học pháp với người ấy
 Được lợi ác không sanh.
 Nên sống với người thiện
 Thân cận với người thiện
 Học pháp với người thiện
 Người trí được lợi lạc.
 Nên sống với người thiện
 Thân cận với người thiện
 Học pháp với người thiện
 Người trí được danh dự.
 Thân cận với người thiện
 Học pháp với người thiện
 Người trí được thấu đạt
 Vì vậy nên sống chung.
 Thân cận với người thiện
 Học pháp với người thiện
 Tôn quý trong thân tộc
 Thoát ly khỏi ưu sầu.
 Sống giữa nơi đau khổ
 Nhưng giải thoát tất cả
 Xa hẳn cảnh giới ác
 Đoạn tất cả dây trói
 Hưởng diệu lạc tối thượng
 Được gần gũi Niết-bàn.

Vị trời nói kệ:

Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

286. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật lay sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tham keo bần cùng khổ
 Đều do không bố thí
 Nếu muốn cầu phước đức
 Người trí nên bố thí.*

Thế Tôn nói kệ:

*Không sợ gì bằng tham
 Bần cùng thường đói khát
 Sợ nghèo, không bố thí
 Không thí, thật đáng sợ
 Đời này và đời sau
 Nghèo khổ không kể xiết
 Có ít cũng thường cho
 Có nhiều cũng thường cho
 Đời này được an lạc
 Qua đời được sanh thiên.
 Khó cho lại thường cho
 Gọi là nghiệp khó làm
 Kẻ ngu không hiểu biết
 Pháp chư Phật, Thánh hiền
 Ngu trí đều phải chết
 Nơi tái sanh khác nhau
 Kẻ ngu đọa địa ngục
 Phải chịu nhiều khổ đau
 Người trí sanh cõi trời
 Cho đến được giải thoát
 Kẻ nghèo cùng thu nhặt
 Để nuôi dưỡng vợ con
 Tịnh tâm cất bớt cho*

Phước này thật vô lượng
 Cúng tế lớn trăm ngàn
 Cúng dường cho tất cả
 Không bằng phần mười sáu
 Bần cùng mà bố thí
 Tế lớn có đánh đập
 Xâm phạm tài sản người
 Gây khổ não nhiều người
 Để thành nghiệp cúng lớn
 Với ác, thu của báu
 Mọi người không vui mừng
 Thí không tịnh như vậy
 Thí ít nhưng thanh tịnh
 Quả báo có tốt xấu
 Không thể so sánh được
 Thu tài vật đúng pháp
 Không tìm bằng phi pháp
 Được tiền đem bố thí
 Người cho với chánh trực
 Đủ giới tu thiền định
 Người nhận cũng chánh trực
 Phước nhiều khắp mười phương
 Cũng như nước biển lớn.

Vị trời nói kệ khen:

Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ từ giả.

M

287. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong hang Thất diệp, sườn núi Tỳ-bà, thuộc thành Vương xá.

Đức Phật bị cây Khước-đà-la đâm dưới chân rất đau đớn. Như

Lại tuy đau nhưng im lặng không yêu cầu gì cả.

Khi ấy có tám vị thiên tử với thân hình đẹp đẽ, đến gặp Đức Phật.

Vị trời thứ nhất nói:

–Sa-môn Cù-đàm là Sư tử trong hàng trượng phu, tuy đau đớn nhưng vẫn chánh niệm tỉnh giác, không phiền não. Người nào đối với Đại Sư Tử Cù-đàm mà phỉ báng, nên biết kẻ ấy là đại ngu si.

Vị trời thứ hai nói:

–Sa-môn Cù-đàm là Bạc Long Tượng Trượng Phu, tuy đau đớn, nhưng vẫn chánh niệm tỉnh giác, không phiền não. Người nào đối với Long Tượng Cù-đàm mà phỉ báng, phải biết kẻ ấy rất là ngu si.

Vị trời thứ ba nói:

–Sa-môn Cù-đàm như con Trâu thuần thực hoàn toàn.

Vị trời thứ tư nói:

–Sa-môn Cù-đàm như Tuấn mã thuần thực hoàn toàn.

Vị trời thứ năm nói:

–Sa-môn Cù-đàm như Trâu chúa.

Vị trời thứ sáu nói:

–Sa-môn Cù-đàm là Bạc Trượng Phu Vô Thượng.

Vị trời thứ bảy nói:

–Sa-môn Cù-đàm là Hoa sen trong loài người.

Vị trời thứ tám nói:

–Sa-môn Cù-đàm như hoa Phân-đà-lợi, quan sát thiên định của Ngài ấy tịch tịnh hoàn toàn, không kiêu căng, không ti tiện, dừng lại nên giải thoát, giải thoát nên tịch tĩnh.

Vị trời thứ tám nói kệ:

*Người tâm không thanh tịnh
Giả sử đầy trăm ngàn
Thông đạt năm Vệ-đà
Bị giới thủ trói buộc
Chìm trong biển ái dục
Không thể đến bờ kia.*

Tám vị trời nói kệ xong, đánh lễ sát chân Phật, trở về cung.

Kệ tóm lược:

*Thùy hạ và giá chỉ
 Danh xưng và kỹ năng
 Đàn cầm và khí xả
 Chứng biệt, thiện trượng phu
 Xan tham không bố thí
 Tám trời là thứ mười.*

M**288. Tôi nghe như vậy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Ví như mặt trái đất
 Rộng lớn không biên cương
 Lại cũng như biển cả
 Sâu không có giới hạn
 Tu-di rất cao lớn
 Không gì ví dụ được
 Ai như Na-la-diên
 Tối thượng trong nam tử.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Không gì rộng hơn ai
 Sâu rộng nào hơn lòng
 Kiêu mạn hơn Tu-di
 Chỉ có Phật Thế Tôn
 Trong các hạng nam tử
 Vô thượng chẳng ai bằng.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn*

*Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

289. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Vật gì lửa không đốt
Bão lớn không phá được
Kiếp tận, đại hồng thủy
Tất cả đều nát tan
Trong đó có vật gì
Không hề bị tan nát
Đàn ông và đàn bà
Sở hữu các của báu
Phải dùng phương pháp gì
Vua, giặc không cướp được
Kho tàng kiên cố gì
Không thể phá hoại được.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Phước đức lửa không cháy
Bão tố không phá được
Kiếp tận đại hồng thủy
Không thể làm hư mục
Phước đức của nam nữ
Vua, giặc không cướp được
Phước là kho kiên cố
Không ai trộm phá được.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn*

*Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

290. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Ai đi đường sáng rộng
Đủ hành lý lương thực
Với phương pháp thế nào
Giặc không thể cướp được
Giả như gặp gian ác
Làm sao phòng hộ được
Vì sao kẻ cướp đoạt
Mà sanh hoan hỷ lớn
Làm sao thường thân cận
Kẻ trí sanh hoan hỷ?*

Thế Tôn nói kệ:

*Tín, tư lương đi xa
Phước đức giặc không cướp
Ngăn ngừa giặc giết hại
Sa-môn lấy thì vui
Thường thân cận Sa-môn
Người trí sanh hoan hỷ.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

291. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Suy nghĩ đến diệu lạc
Khi được thật vừa ý
Trong tất cả các lạc
Dục lạc là hơn hết.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Diệu lạc, nghĩ gì nữa!
Đau khổ lại nguyện cầu
Ai bỏ được mong cầu
Là bậc thắng hơn hết.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

292. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Phật là Thiên Nhân Sư
Tối thắng trong muôn vật
Biết rõ tất cả pháp
Lợi ích khắp thế gian
Trong mọi việc khó khăn
Việc gì là khó nhất?*

*Cầu mong Đấng Đại Tiên
Vì con giảng giải rõ.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Bị người gây xúc phạm
Tự tại nhẫn là khó
Nghèo cùng hay bố thí
Nguy ách giữ giới khó
Tuổi trẻ sống phú quý
Lìa dục xuất gia khó.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

293. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Xe do đâu sanh ra
Ai làm xe chạy được
Xe chạy gần hay xa
Làm sao xe hư nát?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Từ nghiệp sanh ra xe
Tâm làm xe chuyển vận
Chạy đến chỗ hết nhân
Nhân hết thì xe hoại.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

294. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, nàng Tu-đa-mật-xà-cứ-đà sanh con trai.

Phật dạy:

–Đây là bất thiện, ngược lại là thiện.

Vị trời nói kệ:

*Sanh con, đời nói vui
Sanh con rất may mắn
Cha mẹ già suy dần
Vì sao nói không thiện?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta biết đã có con
Phải có ái biệt ly
Năm ấm hòa hợp khổ
Đây không phải là con
Thế nên cùng với khổ
Người ngu cho là vui
Thế nên Ta nói rằng
Sanh con là không thiện
Không thiện tưởng là thiện
Không ái tưởng là ái
Khổ lại tưởng là vui
Do tập khí phóng dật.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

295. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tự tư duy thế nào
Không bị phiền não phủ
Như thế nào gọi là
Viễn ly tất cả xứ?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ai tính toán với thiện
Hai lậu không lưu chuyển
Đã diệt hết danh, sắc
Gọi là thoát các xứ
Các xứ không che phủ
Đã thoát hẳn các xứ.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

296. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Vật gì nặng hơn đất
Gì cao hơn hư không
Vật gì nhanh hơn gió
Gì nhiều hơn cỏ cây?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Giới đức nặng hơn đất
Kiêu mạn cao hơn không
Ý nghĩ nhanh hơn gió
Loạn tưởng nhiều hơn cây.*

Vị trời nói kệ khen:

*Từ xưa đã từng thấy
Bà-la-môn Niết-bàn
Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

297. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tu tập giới đức gì
Và hành uy nghi nào
Có sức công đức gì
Gây tạo nghiệp hạnh nào
Đầy đủ những pháp chi*

*Được sanh lên thiên giới?
 Nguyễn Thế Tôn từ bi
 Giảng giải cho con rõ.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta sẽ giảng cho người
 Vậy hãy chí tâm nghe
 Ai muốn sanh lên trời
 Trước phải bỏ sát sanh
 Giữ hoàn toàn giới cấm
 Giữ gìn các căn mình
 Không được hại chúng sanh
 Thì được sanh cõi trời.
 Không trộm vật của người
 Họ cho vui lòng lấy
 Bỏ tâm gian, trộm cướp
 Thì được sanh cõi trời.
 Không gian phụ nữ người
 Không hành động tà dâm
 Biết đủ với vợ mình
 Thì được sanh cõi trời.
 Lợi mình như thế nào
 Dùng lợi người như vậy
 Tuy sử dụng tài lợi
 Nhưng không hề phóng dật
 Nói thật không dối trá
 Thì được sanh lên trời.
 Từ bỏ nói hai lưỡi
 Không chia rẽ hai bên
 Thích nói lời hòa hợp
 Nhờ vào nhân duyên này
 Được sanh lên cõi trời.
 Không nói lời thô ác
 Kích bác, xúc phạm người
 Nói bằng lời hòa nhã*

Người nghe sanh hoan hỷ
 Với hạnh nghiệp như vậy
 Được sanh lên cõi trời.
 Không nói lời thêu dệt
 Không bàn chuyện vô ích
 Nói pháp đúng thời cơ
 Thì được sanh cõi trời.
 Ở làng xóm, đồng trống
 Không sanh tâm tham lợi
 Tài vật của người khác
 Không sanh tâm ngu si
 Thì sanh lên cõi trời.
 Tâm Từ không hại vật
 Không ép người gây oán
 Đối với các chúng sanh
 Tâm không sân nộ hại
 Thì được sanh cõi trời.
 Tin nghiệp và quả báo
 Thường tu tập tín, thí
 Chánh tín hai pháp này
 Đầy đủ sanh chánh kiến
 Thì được sanh cõi trời.
 Các pháp thiện như vậy
 Mười nghiệp đạo thanh tịnh
 Người tu tập theo đó
 Được sanh lên cõi trời.

Vị trời nói kệ khen:

Từ xưa đã từng thấy
 Bà-la-môn Niết-bàn
 Dứt bỏ hẳn ghét, sợ
 Vượt qua ái thế gian.

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

M

Kệ tóm lược:

*Đại địa, lửa không tiêu
Mang hành trang, sở nguyện
Thậm năng và xa thừa
Cứ đà nữ, toán số
Gì nặng và thập thiện.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN XV

298. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời tên là Nhân-đà-la với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Gì không biết thọ mạng
Gì biết rõ thọ mạng?
Gì tham đắm thọ mạng
Gì trói buộc thọ mạng?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sắc không biết thọ mạng
Hành không rõ thọ mạng
Thân ta tham đắm thọ
Ái trói buộc thọ mạng.*

Thiên tử Nhân-đà-la lại nói kệ:

*Như lời Phật đã nói
Sắc không phải thọ mạng
Tại sao cùng ý thức
Mà trở thành thân thể?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Thức dựa Ca-la-la
Đầu tiên Ca-la-la
Ca-la-la sanh bào
Phôi bào sanh cục thị
Cục thị sanh bọc cứng*

*Bọc sanh năm chi bào
 Năm chi sanh lông, móng
 Do đó sanh năm căn
 Phân nam nữ khác tướng
 Thay đổi mãi không dừng
 Do nhân duyên như vậy
 Làm gì có thọ mạng?*

Vị trời nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ trở về cung.

M

299. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời tên Thích ca với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Đoạn tất cả trói buộc
 Là bỏ mọi sự việc
 Nếu có dạy bảo người
 Là Sa-môn bất thiện*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Dạ-xoa, người nên biết
 Các loài bị khổ đau
 Người trí nên thương tưởng
 Thuyết pháp dạy bảo họ
 Không nên từ bỏ chúng
 Đọa lạc trong đường khổ
 La-hán có bi trí
 Cứu độ không lỗi lầm.*

Vị trời Thích-ca nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ đánh lễ trở về cung.

M

300. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Trưởng giả Tối Thắng với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Thường học kệ toàn thiện
Thân cận kính Sa-môn
Luôn thích nơi không, tịch
Giữ các căn tịch tĩnh.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Thường học kệ toàn thiện
Thân cận kính Sa-môn
Luôn thích nơi không, tịch
Tâm ý luôn định tĩnh.*

Vị trời Trưởng giả Tối Thắng nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ đánh lễ trở về Thiên cung.

M

301. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Thi-tỳ với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Nên sống chung với ai
Nên hòa hợp với ai
Với ai được chánh pháp
Kết quả thắng không lỗi?*

Thế Tôn nói kệ:

*Nên sống cùng Hiền thánh
Cùng Hiền thánh hòa hợp*

*Chánh pháp hỏi bậc hiền
Kết quả thắng không lỗi.*

Vị trời Thi-tỳ nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ đánh lễ trở về cung.

M

302. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên là Nguyệt Tự Tại, với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tu thiên đến tận cùng
Ăn cỏ, tránh gà, nai
Thành tựu vui từ bỏ
Đạt đến nơi Tứ thiên.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ai tuy tu thiên kia
Vẫn trong lưới sanh tử
Ai đầy đủ chánh niệm
Độc cư tâm an định
Thoát ra ngoài sanh tử
Như chim khỏi lưới săn.*

Vị trời Nguyệt Tự Tại nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ đánh lễ, trở về Thiên cung.

M

303. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên là Tỳ-nữu với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Những người thân cận Phật
Ai cũng đều hoan hỷ
Làm sao hết mọi người
Vui nơi giáo pháp Ngài
Để cho người tu học
Đạt được không phóng dật.*

Thế Tôn nói kệ:

*Giáo pháp thiện thuyết này
Biết đúng không phóng dật
Thì tự tại giữa ma
Ma chẳng làm gì được.*

Thiên tử Tỳ-nữ nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

304. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Bát-xà-la với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tại gia nhiều việc trôi
Xuất gia rất cao rộng
Mâu-ni nhờ tinh tấn
Thiền định giác hoàn toàn
Mà hoát nhiên đại ngộ
Trí tuệ lớn hiển bày.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tuy sống giữa sự việc
Vẫn có thể đắc pháp
Người đầy đủ niệm lực
Do thường chuyên tinh định
Chỉ có người minh trí
Chứng đắc pháp Niết-bàn.*

Thiên tử Bát-xà-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

305. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên là Tu-thi-ma, cùng với năm trăm thân quyến, đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Trên đời, người nào có thể khen ngợi đúng, thì nên nói thế này: “Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trì giới, hiểu biết rộng, ít dục, biết đủ, thích sống nơi yên tịnh, siêng năng tu tập thiền định, có sức chánh niệm lớn, thành tựu trí tuệ, trí tuệ nhanh nhạy, sắc bén, biết rõ sự xuất ly, hiểu rõ Đạo đế, đầy đủ thật trí”.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, đúng như Ngài dạy, nếu khen ngợi đúng, thì nên nói thế này: “Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trì giới, đa văn đệ nhất... cho đến thành tựu thật trí”.

Khi các thiên tử nghe Đức Như Lai cùng Tôn giả A-nan tán thán Trưởng lão Xá-lợi-phất, thì dung mạo của chư Thiên trở nên xinh đẹp, hào quang trên thân rực rỡ hơn bình thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viên.

Sau khi dung mạo, uy quang, chuyển thành rực rỡ, vị trời Tu-thi-ma chấp tay hướng Phật, nói kệ:

*Xá-lợi-phất đa văn
Mọi người xưng Đại trí
Trì giới khéo điều thuận
Được Thế Tôn tán thán.*

Thế Tôn nói kệ:

*Xá-lợi-phất đa văn
Xứng đáng là Đại trí
Trì giới khéo điều thuận
Được Thế Tôn tán thán*

*Đắc Vô sanh tịch diệt
Phá ma, thân cuối cùng.*

Tu-thi-ma nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

306. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Xích Mã với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, hỏi:

–Ở nơi nào không có sanh, già, chết; nơi không còn chấm dứt hay phát sanh, chỗ tận cùng của chúng sanh; có thể biết được biên giới ấy không?

Thế Tôn bảo thiên tử Xích Mã:

–Đã không còn sanh, già, chết thì không còn chấm dứt hay phát sanh, không có người đi đến biên giới ấy, cũng không có thể đi đến nơi tận cùng của biên giới ấy.

Thiên tử Xích Mã bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, lời Thế Tôn dạy: “Đã không sanh, già, chết.. cho tới không thể đến nơi biên giới của nó”, thật hy hữu, toàn thiện. Tại sao? Nhớ lại thời quá khứ, con từng là vị Tiên tên Xích Mã, đoạn trừ mọi trói buộc của dục, đắc năm thần thông thế tục, thần lực quảng đại, mau lẹ hơn cả nhật nguyệt, đưa chân một bước là có thể qua biển lớn. Con suy nghĩ: “Nay ta có thần lực quảng đại, mau lẹ như vậy, ta nên đi đến biên giới tận cùng của chúng sanh”. Khi ấy, tâm chí con chỉ muốn đến nơi tận cùng của chúng sanh, nên ý tưởng bồn chồn không yên, chỉ trừ lúc rửa tay ăn uống và đại tiểu tiện, trong cả trăm năm cũng không đến được biên giới tận cùng của chúng sanh, rồi qua đời. Thế nên biết Như Lai dạy rất đúng về nơi không sanh, già, chết; nơi không còn phát sanh hay chấm dứt. Muốn đến nơi ấy để biết biên giới của nó thì không thể được.

Phật bảo thiên tử Xích Mã:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có biên giới của chúng sanh không

sanh, già, chết, không phát sanh, không chấm dứt thì không đúng. Nếu muốn biết điều ấy, thì biên giới của chúng sanh, chính là Niết-bàn. Ai chấm dứt biên giới khổ thì gọi là đến được biên giới của chúng sanh.

Thế Tôn nói kệ:

*Tuy thật có thân lực
Trọn không thể đến được
Tận biên giới chúng sanh
Nếu không đến biên giới
Làm sao chấm dứt khổ?
Thế nên Ta, Mâu-ni
Biết hoàn toàn thế gian
Chỉ có bậc Thắng trí
Hiểu rõ hết biên giới
Phạm hạnh đã lập xong
Biết rõ bờ chúng sanh
Vượt sang bờ giải thoát.*

Thiên tử Xích Mã nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

307. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ có sáu thiên tử, trước kia là môn đệ của lục sư ngoại đạo. Một tên là Nan Thắng, hai là Tự Tại, ba là Hiển Hiện, bốn là Quyết Thắng, năm là Thời Khởi, sáu là Khinh Lộng.

Vào giữa đêm, sáu vị thiên tử ấy với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Trúc lâm, đều đến gặp Phật, ngồi qua một bên.

Nan Thắng nói kệ:

*Tỳ-kheo thật đáng chê
Luôn luôn tự cấm chế
Ai thấy nghe họ sống
Người ấy rời các ác.*

Thiên tử Tự Tại nói kệ:

*Khổ hạnh thật đáng chê
Ngăn cấm tự thân mình
Đoạn ác khẩu giận cãi
Khổ vui đồng Thế Tôn
Nơi bậc Chủ của pháp
Không tạo các điều ác.*

Thiên tử Hiển Hiện nói kệ:

*Chặt chém gây thương hại
Hay tế lửa nhiều cách
Đều không quả thiện ác
Ca-diếp nói như vậy.*

Thiên tử Quyết Thắng nói kệ:

*Ni-càn-nhã-đề Tử
Thường dạy như thế này
Ngày đêm tu khổ hạnh
Trừ bỏ nói dối trá
Đã gần bậc La-hán
Dự vào chỗ Thế Tôn.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Từ nay gọi các người
Dù một hay đông người
Ta xem đều thúì mục
Đồng như là thầy chết
Làm sao đặt chó hoang
Ngang vua sư tử được
Người tôn đám lửa hình
Rất ác ưa nói dối
Như các ngoại đạo ấy
Họ rất xa La-hán*

Lại có thiên tử nói kệ:

*Kẻ thực hành khổ hạnh
Rất đáng chê, hủy báng*

Tuy sống nơi yên tịnh
 Ủng công làm việc khổ
 Mong Ngài giúp đỡ họ
 Dạy bảo hướng dẫn họ
 Sinh lên cõi Sắc giới
 Sống vui nơi cõi Phạm.

Thế Tôn nói kệ:

Sắc giới trong thế giới
 Nơi này và chỗ khác
 Cùng tại giữa hư không
 Có ánh sáng rất lớn
 Tất cả cảnh giới ấy
 Đều rớt trong bầy ma
 Ví như người bắt cá
 Dùng lưới tóm bầy cá.

Lại có vị trời nói kệ:

Nói lỗi hữu và dục
 Các ác do huyễn si
 Đều đoạn trừ tất cả
 Tán thán dứt dục buộc
 Phải đến lễ vị ấy
 Cúng dường và khen ngợi
 Vì sao làm như vậy?
 Vị ấy là Thế Tôn.

Có vị trời lại nói kệ:

Nói lỗi hữu và sân
 Các ác do huyễn si
 Đã đoạn trừ tất cả
 Tán thán diệt sân buộc
 Phải đến lễ vị ấy
 Cúng dường và khen ngợi
 Vì sao làm như vậy?
 Vị ấy là Thế Tôn.

Một vị thiên lại nói kệ:

*Nói lỗi hữu và si
Các ác do huyễn si
Đã đoạn trừ tất cả
Tán thán người đoạn si*

Một vị thiên nói kệ:

*Nói lỗi hữu, kiêu mạn
Các ác do huyễn mạn
Đã đoạn trừ tất cả
Tán thán dứt kiêu mạn.*

Một vị thiên nói kệ:

*Nói lỗi hữu, các kiến
Các ác do huyễn kiến
Đã đoạn trừ tất cả
Tán thán trừ các kiến.*

Một vị trời nói kệ:

*Nói lỗi hữu, chấp ái
Các ác do huyễn ái
Đã đoạn trừ tất cả
Tán thán người đoạn ái.*

Một vị trời nói kệ:

*Các núi ở Vương xá
Tỳ-phú-la lớn nhất
Các núi trên quả đất
Tuyết sơn vĩ đại nhất
Thế giới ở bốn phương
Trên dưới và bốn hướng
Với Trời, Người trong đó
Như Lai là tối tôn.*

Chư Thiên nghe lời Phật dạy, đều nói kệ khen, hoan hỷ tán thán và trở về Thiên cung.

Kệ tóm lược:

*Nhân-đà-la hỏi tuổi
Đoạn tất cả kết phược
Nói Trưởng giả thiện xưng
Thi-tỳ hỏi sống chung
Rất nhanh hỏi biên giới
Bà-hầu hỏi vui lớn
Đại hỷ Tỳ-nữu hỏi
Bát-xà-la kiến trì
Tu ma hỏi thứ nhất
Ngoại đạo hỏi các kiến.*

M

308. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Ma-khư với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Giết ai, được ngủ yên
Hại ai, không còn buồn
Diệt trừ một pháp gì
Được bậc Thánh khen ngợi?*

Thế Tôn nói kệ:

*Giết sân, ngủ yên ổn
Hại sân, không còn buồn
Gốc độc của sân hận
Giả người thân, hại người
Diệt sạch một pháp này
Được Hiền thánh khen ngợi.*

Ma-khư nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

309. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Di-khư với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm sao được chói sáng
Rực rỡ giữa thế gian
Bậc nào là Vô thượng
Chiếu sáng rực hơn hết
Nghĩa thâm diệu như vậy
Xin Phật dạy cho con!*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Các vật trong thế gian
Có ba loại chiếu sáng
Ba loại sáng ấy là
Mặt trăng, mặt trời, lửa.
Thường trong ngày và đêm
Chiếu sáng khắp mọi nơi
Trên trời đến nhân gian
Chỉ Phật sáng hơn hết.*

Thiên tử Di-Khư nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

310. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Đam-ma-thi với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Hiện nay Bà-la-môn
Đã đoạn ba dục hữu*

*Không còn mong các hữu
Cuối cùng làm gì nữa.*

Thế Tôn nói kệ:

*Bà-la-môn không còn
Nghĩ làm việc gì nữa
Lội nước chân chạm đá
Đến tận bờ bên kia
Nếu chân không chạm đá
Không thể đến bờ kia.
Tay chân đều vận động
Mới là đang làm việc.
Lấy việc này ví dụ
Làm sáng nghĩa không làm.
Này Đàm-ma, nên biết
Đã sạch hết các lậu
Ở đời sống cuối cùng
Lỗi các hữu, ái, dục
Đều đoạn trừ tất cả
Vượt qua biển tử sanh.*

Thiên tử Đàm-ma nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

311. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Đa-la-kiện-đà với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Đoạn trừ bao nhiêu pháp
Dứt bỏ bao nhiêu pháp
Tiến tu bao nhiêu pháp
Tỳ-kheo đắc mấy pháp*

*Tu tập trừ mấy pháp
Vượt qua khỏi dòng thác?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Trừ năm dục thủ ẩm
Lìa bỏ năm buộc, che
Tinh tấn tu năm căn
Thành tựu ngũ phần thân
Tỳ-kheo làm như vậy
Vượt qua biển sanh tử.*

Thiên tử Đa-la-kiện-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, trở về Thiên cung.

M

312. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Ca-mặc với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Thế nào là khó làm được việc khó làm?

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Khó làm người có học
Đầy đủ giới và định
Thoát mọi sự buộc ràng
Điềm tịnh mà an lạc.*

Thiên tử Ca-mặc thưa Thế Tôn:

–Đúng như lời Ngài dạy, yên tịnh rất là khó.

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hiện nay này Ca-mặc
Khó được mà muốn được
Ngày đêm tu định ý
Tất an ổn tịnh mặc.*

Ca-mặc bạch Phật:

–Tâm ý thật khó định.

Thế Tôn nói kệ:

*Định giữ tâm loạn động
Giữ vững tâm khó trụ
Phá hủy hết lưới chết
Chứng đắc được thánh trí.*

Ca-mặc lại bạch Phật:

–Đường quá hiểm trở làm sao vượt qua?

Phật nói kệ đáp:

*Kẻ phàm tất đọa hiểm
Đọa rồi chẳng biết ra
Hiện thánh qua đường hiểm
An ổn thoát đi ra.*

Ca-mặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, trở về Thiên cung.

M

313. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Ca-mặc với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Tham dục và sân hận
Lấy gì làm căn bản
Vui không vui sợ hãi
Vì sao có như vậy
Bé con ôm vú mẹ
Tình ý từ đâu sanh?*

Thế Tôn nói kệ:

*Từ ái sanh tâm ta
Như cây Ni-câu-đà
Rễ sanh ra từ đất
Lại đi sâu vào đất
Bò đi khắp mọi nơi*

*Ái đấm sanh từ dục
 Cũng như dây ma lâu
 Quấn phủ lên cây rừng
 Nếu biết gốc của nó
 Dạ-xoa nên chặt bỏ
 Thì vượt biển tử sanh
 Qua rồi không thọ khổ.*

Thiên tử Ca-mặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, trở về Thiên cung.

M

314. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Chiên-đàn với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Con hỏi Đức Cù-đàm
 Đại trí tuệ thù thắng
 Trừ khử các chướng ngại
 Thấy biết hết tất cả:
 Phải dừng ở chỗ nào
 Tu tập giáo pháp gì
 Không còn sợ, đời sau
 Được quả báo toàn thiện?*

Thế Tôn nói kệ:

*Trừ bỏ ý, ác ngôn
 Thân không làm điều ác
 Dù sống ở gia đình
 Bố thí như nước chảy
 Tín tâm thường thọ giới
 Chánh niệm, cho tài sản
 Chư Thiên đến ở chung
 Tu học các pháp trên*

*Ai thân tâm chuyên cần
Không sợ gì đời sau.*

Thiên tử Chiên-đàn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ trở về Thiên cung.

M

315. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Chiên-đàn với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm sao vượt dòng thác
Ngày đêm luôn tinh tấn
Trong dòng cuồn lưu này
Sóng lớn rất dữ dội
Không có nơi bám vịn
Chẳng có chỗ đặt chân
Giữa dòng dữ sâu mạnh
Ai không bị cuốn chìm?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Hộ trì giới trọn vẹn
Tâm định đầy trí tuệ
Chánh niệm quán thân tâm
Thì vượt sự khó vượt
Trừ khử những dục tưởng
Vượt qua dòng kết sử
Chấm dứt nghiệp khát ái
Không bị đắm giữa dòng.*

Thiên tử Chiên-đàn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ trở về Thiên cung.

M

316. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Ca-diếp với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Tỳ-kheo, con muốn nói về điều thắng lợi của Tỳ-kheo.

Phật bảo Ca-diếp:

–Cho phép người nói!

Ca-diếp nói kệ:

*Tỳ-kheo luôn chánh niệm
 Tâm hoàn toàn giải thoát
 Các dục và mong cầu.
 Đạt đến nơi vô cấu
 Biết rõ trong thế gian
 Hữu cấu và vô cấu
 Xả ly tất cả hữu
 Không còn chứa sở hữu.
 Nên gọi là Tỳ-kheo
 Có công đức thù thắng.*

Thiên tử Ca-diếp nói kệ này xong, hoan hỷ đánh lễ trở về Thiên cung.

M

317. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một vị trời tên Ca-diếp với hào quang rực rỡ, chiếu sáng cả khu Kỳ viên, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Đại đức Tỳ-kheo, con muốn nói về công đức của Tỳ-kheo.

Phật dạy:

–Này Ca-diếp, hãy nói tùy ý.

Ca-diếp liền nói kệ:

*Tỳ-kheo đủ chánh niệm
 Tâm thiện xảo giải thoát
 Nguyện cầu đắc Niết-bàn
 Đã biết rõ thế gian
 Về hữu và phi hữu
 Biết rõ các pháp không
 Đây gọi là Tỳ-kheo
 Thoát hữu, chứng Niết-bàn.*

Thiên tử Ca-diếp nói kệ này xong, hoan hỷ đánh lễ, trở về Thiên cung.

Kệ tóm lược:

*Ma-khư hỏi sự hại
 Di-khư hỏi chiếu sáng
 Đàm-ma tụng nên làm
 Đa-la thưa sở đoản
 Cực nan và phục tàng
 Ca-mặc quyết hai nghi
 Thật trí và vượt lưu
 Lời nói của Chiên-đàn
 Vô cấu hữu, phi hữu
 Hai bài Ca-diếp nói.*

M

318. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Ma-kiệt-đà, muốn đến cung điện của Dạ-xoa Quạt-mặc.

Dạ-xoa Quạt-mặc đến gặp Đức Phật, đánh lễ, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, cầu mong Như Lai và chúng Tỳ-kheo ở lại trong cung điện của con.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Dạ-xoa Quạt-mặc muốn sắp đặt, bày biện chỗ ở của Phật và

chúng Tăng, liền hóa ra năm trăm cung điện với đầy đủ giường tòa nằm; lại hóa ra năm trăm lò lửa cháy rực rỡ, nhưng không có khói, thỉnh Đức Phật ở phòng trên trong cung, năm trăm Tỳ-kheo tùy theo thứ tự ở các phòng.

Sau khi Đức Như Lai vào phòng, an tọa, Dạ-xoa Quạt-mặc đứng một bên, nói kệ:

*Được chánh niệm là vui
Thường chánh niệm cũng vui.
Chánh niệm thường không quên
Chánh niệm được ngủ yên
Chánh niệm vui bậc Hiền
Không hại, không đánh đập.
Không thắng cũng không thua
Với tất cả chúng sanh
Đem lòng Từ thương khắp
Không bao giờ oán ghét
Đây chính là vui lớn
Không vui nào qua được.*

Dạ-xoa Quạt-mặc nói kệ ấy xong, hoan hỷ đánh lễ, trở về cung.

M

319. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở Bạch sơn, với Tôn giả Tượng Hộ là thị giả.

Vào đêm nọ, Thế Tôn đang đi kinh hành dưới mưa lâm râm, sấm chớp sáng lòa. Khi ấy trời Đế Thích hóa ra tòa nhà bằng lưu ly báu che bên trên Đức Phật. Sau khi biến hóa, Đế Thích đến nơi đánh lễ sát dưới chân Phật. Đức Như Lai vẫn tiếp tục kinh hành.

Thời đó, dân chúng nước ấy, khi trẻ con khóc không nín, thường đem quỹ Bạc-câu-la ra dọa. Theo thường pháp của chư Phật, thầy chưa vào phòng, đệ tử không được vào phòng nghỉ trước.

Tôn giả Tượng Hộ suy nghĩ: “Đêm nay đã khuya, nhưng Thế Tôn chưa nghỉ, ta nên giả làm quỹ Bạc-câu-la gây sự sợ hãi để Ngài đi nghỉ”.

Sau khi suy nghĩ, Tượng Hộ mang dụng cụ giả quỹ, đến đầu

đường kinh hành, nói với Phật:

–Sa-môn! Sa-môn! Quý Bạc-câu-la đến.

Thế Tôn bảo Tượng Hộ:

–Người quá ngu si, nên đem quý Bạc-câu-la để dọa Ta. Chẳng lẽ người không biết là Như Lai đã đoạn trừ hết mọi kinh hãi từ lâu, không còn sợ gì nữa hay sao?

Thích Đề-hoàn Nhân thấy sự việc ấy xong, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong Phật pháp cũng có những người xuất gia như vậy sao?!

Phật bảo Thiên đế:

–Này Kiều-thi-ca, tộc họ của Cù-đàm rất rộng rãi, dung nạp rất nhiều hạng, loại. Người như vậy, không bao lâu cũng sẽ đắc pháp thanh tịnh.

Thế Tôn nói kệ:

*Ai với pháp của mình
Đủ hạnh Bà-la-môn
Đến được bờ bên kia
Hết các kết hữu lậu.
Ai với pháp của mình
Đủ hạnh Bà-la-môn
Gọi là đến bờ kia
Quán các thọ diệt hết.
Ai với pháp của mình
Đủ hạnh Bà-la-môn
Đến được bờ bên kia
Quán diệt tận của nhân.
Ai với pháp của mình
Đủ hạnh Bà-la-môn
Đến được bờ bên kia
Quán tịch diệt kết sử.
Ai với pháp của mình
Đủ hạnh Bà-la-môn
Đến được bờ bên kia
Quán sanh, lão, bệnh, tử.
Ai với pháp của mình*

*Đủ hạnh Bà-la-môn
Đến được bờ bên kia
Vượt khỏi Tỳ-xá-xà
Và bờ Bạc-câu-la.*

Đế Thích nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

M

320.

Một thời, Tôn giả A-na-luật theo Phật du hóa, đến cung Quỷ tử mẫu, nước Ma-kiệt-đà.

Khi ấy Tôn giả A-na-luật dậy sớm vào giữa đêm, thân ngồi ngay thẳng, tụng kệ Pháp cú và kệ Đại đức Ba-la-diên, lại lớn tiếng đọc tụng ý nghĩa về Tu-đa-la...

Bấy giờ đứa con nhỏ thân yêu của Quỷ tử mẫu tên là Tân-già-la khóc lóc rơi nước mắt, Quỷ tử mẫu vỗ về con nói:

–Đạo nhân tụng kinh, con đừng khóc.

Và đọc kệ:

*Tân-già-la ơi! Hãy nín đi
Lắng nghe đạo nhân tụng Pháp cú
Nghe kệ này rồi bỏ phá giới
Được sự thanh tịnh giữ giới cấm
Này Tân-già-la, hãy nín đi
Lắng nghe đạo nhân tụng Pháp cú
Nghe kệ này rồi, không sát sanh
Tân-già-la ơi! Hãy nín đi
Lắng nghe đạo nhân tụng Pháp cú
Nghe kệ này rồi, nói lời thật
Tân-già-la ơi! Hãy nín đi
Lắng nghe đạo nhân tụng pháp cú
Nghe kệ này rồi, thoát thai quỷ
Thế nên con hãy nín đi con.*

M

321. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở cung điện của Dạ-xoa mẫu Phú-na-bà-tu, nước Ma-kiệt-đề.

Vào đêm ấy, Đức Phật ở lại trong cung của Dạ-xoa. Bà-tu, con trai của Dạ-xoa và em gái là Ưu-hằng-la, vào ban đêm kêu khóc. Dạ-xoa mẹ vỗ về hai con đừng khóc nữa, nói kệ:

*Phú-na-bà-tu
Và Ưu-hằng-la
Này các con ơi,
Đừng có khóc nữa
Đức Phật Thế Hùng
Giảng dạy giáo pháp
Làm ta được nghe
Cha mẹ không thể
Làm cho thoát khổ
Chỉ có Thế Tôn
Thuyết pháp thiện xảo
Khiến cho người nghe
Hết hẳn các khổ
Tất cả chúng sanh
Trôi trong dòng dục
Chìm biển sanh tử
Ta muốn nghe pháp
Đoạn dòng dục ấy
Thế nên các con!
Phú-na-bà-tu
Và Ưu-hằng-la
Hãy nên im lặng.*

Phú-na-bà-tu nói kệ:

*Con nghe lời mẹ dạy
Không gây tiếng ồn nữa
Tiểu muội Ưu-hằng-la
Em cũng hãy nín đi
Lặng nghe Sa-môn kia
Thuyết giáo pháp vi diệu*

*Phật ở Ma-kiệt-đề
 Tối thượng trong loài người
 Vì khắp cả chúng sanh
 Dẫn thuyết pháp diệt khổ
 Giảng khổ và khổ tập
 Chỉ con đường thoát khổ
 Là tám đường Hiền thánh
 An ổn đến Niết-bàn
 Lành thay! Được lắng nghe
 Giáo pháp Sa-môn giảng.*

Dạ-xoa mẫu nói kệ:

*Con là người hiểu biết
 Lời nói hợp ý ta
 Con khen Ngài thật hay
 Đạo sư của thế gian
 Nhờ các con im lặng
 Nên ta thấy Tứ đế
 Sau này Ưu-hàng-la
 Cũng sẽ thấy Tứ đế.*

M

322. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Ma-kiệt-đề, đi đến cung điện của Dạ-xoa Ma-ni-hành.

Khi ấy Dạ-xoa Ma-ni-hành cùng các Dạ-xoa, không ở trong cung mình mà tập hợp ở nơi khác. Có một nữ nhân mang hoa thơm đẹp và rượu ngon đến trong cung của Dạ-xoa ấy.

Đức Thế Tôn đang ngồi trong cung của Dạ-xoa, các căn tịch định.

Cô gái ấy thấy Như Lai đang ngồi trong cung, sắc diệu hòa nhã, ý chí trong sáng, các căn tịch định, tâm điều phục hoàn toàn, như lầu bằng vàng. Thấy việc đó rồi, bèn suy nghĩ: “Hiện nay ta đang muốn được gặp Dạ-xoa Ma-ni-hành”, cô gái bèn đến trước Phật, lạy sát chân Ngài và nói kệ:

Ngài thật đáng cúng dường
 Xin cho tôi điều nguyện
 Khiến tôi được hiền thiện
 Người ở Ma-kiệt-đề
 Đều mong cầu nơi Ngài
 Ngài thường đáp ứng cả
 Ban phúc và cứu hộ
 Xin Ngài thỏa nguyện tôi
 Được an lạc hiện tại
 Đời sau sanh cõi trời.

Thế Tôn nói kệ:

Nàng cần phải cần thận
 Không phóng dật kiêu mạn
 Thường phải thích tín giới
 Phải tự cứu lấy mình.
 Cầu thỉnh Ma-ni-hành
 Ông ta làm gì được!
 Nếu người chẳng tự tu
 Nghiệp thiện để sanh thiên.

Cô gái nghe kệ xong, suy nghĩ: “Vị này chẳng phải là Dạ-xoa Ma-ni-hành, chính là Sa-môn Cù-đàm.”

Nàng liền đem hoa thơm và bình rượu để qua một bên, đánh lễ sát chân Phật, chắp tay hướng về Phật nói kệ:

Làm sao hiện tại được
 An vui, chết sanh thiên?
 Hướng đến sự việc gì
 Thường thọ hưởng an lạc
 Phải làm hạnh nghiệp gì
 Nay con hỏi Cù-đàm
 Làm sao hiện tại lạc
 Qua đời được sanh thiên?

Thế Tôn nói kệ:

Bố thí, giữ các căn
 Thường được sanh an lạc

*Chánh kiến sống hiền thiện
 Thân cận với Sa-môn
 Nuôi sống bằng chánh mạng
 Cần gì cầu sanh thiên
 Trong Tam thập tam thiên
 Là nơi lưới đau khổ
 Nàng trừ hết dục ái
 Chí tâm nghe Ta dạy
 Ta sẽ giảng cho nàng
 Về pháp không trần cấu
 Nay các chúng Dạ-xoa
 Lành thay nghe Cam lộ!*

Bấy giờ Thế Tôn liền vì vị ấy thuyết pháp, đem lại lợi ích hoan hỷ, như pháp của chư Phật, thuyết về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, giải thoát là quan trọng. Khi Đức Phật biết tâm chí của người nghe đã điều thuận, nên giảng dạy về bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Cô gái ấy tâm ý thông minh, nghe pháp liền tin hiểu, như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, ngay tại chỗ ngồi thấy được pháp Tứ đế, biết pháp, chứng pháp, thấu triệt đạo pháp, không còn nghi ngờ, vượt bờ nghi đến bờ kia không còn lệ thuộc người khác. Nàng đứng lên lễ Phật, thưa:

–Thế Tôn, con đã được thoát! Con đã được thoát! Trọn đời con xin quy y Tam bảo, thành tựu không sát sanh.

Cô gái ấy nghe pháp hoan hỷ, đánh lễ từ già.

M

323. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Ma-kiệt-đà, đến cung điện Dạ-xoa Tiễn Mao, nghỉ qua đêm. Khi ấy Dạ-xoa Tiễn Mao và các Dạ-xoa kia đi tụ hội ở nơi khác, không có trong cung.

Lúc ấy có bạn của Tiễn Mao tên là Viêm. Dạ-xoa Viêm thấy Phật ở trong nhà của Tiễn Mao, nên đến bảo với Tiễn Mao:

–Bạn được lợi lớn! Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác đang nghỉ đêm trong cung của bạn.

Dạ-xoa Tiễn Mao nói:

– Vì sao vị ấy nghỉ đêm trong cung của tôi như thế?

Dạ-xoa Viêm nói:

– Vị ấy tuy là loài người nhưng thật là Bạc Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tiến Mao nói:

– Ta hãy về cung thì phân biệt rõ có phải là Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác hay không?

Sau khi tụ hội, Dạ-xoa Tiễn Mao trở về cung mình, lấy thân mình chạm vào thân Phật. Thân Phật liền chuyển ra xa.

Dạ-xoa hỏi:

– Nay Sa-môn, Ngài đang sợ phải không?

Phật nói:

– Ta không sợ sự xúc chạm quá hung tợn của người.

Tiến Mao nói:

– Nay Sa-môn, ta vấn nạn, nếu ông giải thích được thì tốt đẹp vô cùng; nếu không đáp, ta sẽ phá tim ông, làm cho máu nóng trào ra mặt, lại bẻ hai giò ông ném đến bờ sông Bà-kỳ.

Phật bảo:

– Ta không thấy trong thế gian này dù là Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn nào có khả năng làm cho tâm ý Ta điên đảo, phá được tim Ta làm máu trào ra miệng, bẻ giò Ta ném đến tận bờ sông Bà-kỳ.

Tiến Mao nói kệ:

Tham dục, sân hận

Lấy gì làm gốc

Thế nào gọi là

Vui và không vui

Sợ hãi lông dựng

Vị ý giác kia

Trụ ở nơi nào

Trẻ con còn nhỏ

Làm sao biết được

Nắm đúng vú mẹ?

Thế Tôn nói kệ đáp:

Ái do chấp ngã sanh
 Như cây Ni-câu-đà
 Dục ái theo ngã chấp
 Như cây Ma-lâu-đa
 Quán chặt cây Ni-câu
 Dạ-xoa cần phải biết
 Ai biết được gốc rễ
 Thời vứt bỏ được hết
 Những gốc rễ như vậy
 Vượt qua biển sanh tử
 Qua dòng chảy dữ Hữu
 Không còn thọ đời sau.

Dạ-xoa Tiễn Mao nghe lời Phật dạy, tâm mở ý thông, hoan hỷ vui mừng thọ ba quy y.

M

324. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Ưu-bà-di nọ có một con trai thọ trì tám giới nhưng lại phạm; vì phạm giới nên bị quỷ làm cho điên cuồng. Ưu-bà-di nói kệ:

Ngày mười bốn, mười lăm
 Và mồng tám trong tháng
 Tháng thần túc Như Lai
 Thanh tịnh giữ tám giới
 Tu hành không khuyết giảm
 Quỷ thần không gây rối
 Tôi nghe sự việc này
 Từ các vị La-hán.

Khi ấy có Dạ-xoa nói kệ:

Ngày mười bốn, mười lăm
 Và mồng tám trong tháng
 Ngày trai tháng thần túc
 Trì giới không hủy khuyết

Thọ đủ tám trai giới
 Quỷ thần không quấy nhiễu
 Người từ A-la-hán
 Nghe điều này thật đúng
 Ta sẽ thả con người.

Dạ-xoa lại nói:

Phá giới, bị quỷ phá
 Ai có hủy phạm giới
 Hiện tại quỷ thần hại
 Vị lai nhận quả ác
 Thọ giới như cầm dao
 Chậm nhanh đều bị thương
 Người trí cầm cho giỏi
 Vừa phải không bị hại
 Không trì pháp Sa-môn
 Sau thọ khổ địa ngục
 Như cầm dao ở lưỡi
 Tất bị họa đứt tay
 Khéo cầm không bị thương
 Thường giữ pháp Sa-môn
 Sau tất đến Niết-bàn
 Dạ-xoa bắt trẻ rồi
 Bắt rồi lại thả ra.

Khi ấy Ưu-bà-di bảo với con mình:

Con hãy nghe lời ta
 Lời Dạ-xoa đã nói
 Có các nghiệp chậm chạp
 Phạm hạnh không thanh tịnh
 Tà mạng và dối trá
 Thì không thành quả lớn
 Cũng như cầm dao ngược
 Tất bị thương đứt tay
 Khéo giữ pháp Sa-môn
 Sau tất gần Niết-bàn
 Như người khéo cầm dao

Không làm đứt tay mình.

Sau khi vị Ưu-bà-di giảng thuyết các pháp cho con xong, người con liền sanh tâm nhàm chán, cầu xin xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục. Người này xuất gia khi tuổi nhỏ nên không ưa thích pháp xuất gia lắm; vì vậy lại trở về nhà.

Vị Ưu-bà-di thấy con trở về, nên đưa tay kêu to và nói kệ:

*Nhà đã bị cháy
Lửa khói ùn khắp
Dọn đồ vật ra
Tại sao mang lại
Đem vào trong lửa
Nhà đã cháy rục
Khói lửa mịt mù
Vì sao chạy vào.
Muốn bị lửa đốt?*

Người con nói kệ:

*Người đời khi bị chết
Tất kể lẽ khóc than
Hiện tại không thấy chết
Mà lại kêu gào khóc
Nay mẹ vì sao lại
Khóc lóc như ngọc quý?*

Người mẹ nói kệ:

*Trước con đã bỏ dục
Xuất gia làm Sa-môn
Nay con muốn về nhà
Sợ con bị ma trói
Ta vì sự việc này
Thương con nên khóc lóc.
Vị Ưu-bà-di
Bằng nhiều lời lẽ
Trách mắng người con
Khiến sanh nhàm chán.*

Bấy giờ người con bèn đi đến nơi yên tịnh, tinh cần tu tập suốt

ngày đêm và chứng được quả A-la-hán.

M

325. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Ma-kiệt-đề, đi đến cung điện của Dạ-xoa Khoáng Dã và nghỉ đêm ở đó.

Khi ấy Dạ-xoa Khoáng Dã cùng các Dạ-xoa đang tập hợp ở nơi khác, không ở cung mình. Có Dạ-xoa tên Lư Câu thấy Đức Như Lai nghỉ đêm trong cung, liền đến gặp Khoáng Dã, nói:

–Ông được lợi lớn! Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đang nghỉ đêm trong cung của ông.

Khoáng Dã đáp:

–Vị nào nghỉ đêm trong cung của ta?

Dạ-xoa Lư Câu nói:

–Tuy là loài người, nhưng thật là Bạc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Khoáng Dã lại hỏi:

–Người xét kỹ thật đúng là Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, phải không?

Sau khi hội họp xong, Khoáng Dã trở về cung mình, thấy Đức Phật, liền nói:

–Sa-môn hãy đi ra!

Lúc đó Như Lai ở trú xứ của họ, nên theo lời nói đi ra.

Dạ-xoa lại nói với Phật:

–Sa-môn hãy đi vào!

Phật đã đoạn ngã mạn, nên theo lời nói mà đi vào. Lần thứ hai, thứ ba, gọi Phật đi ra đi vào, Ngài đều tùy thuận theo. Lần thứ tư Dạ-xoa nói:

–Sa-môn hãy đi ra!

Phật hỏi:

–Người đã ba lần thỉnh Ta, nay Ta không theo lời người đi ra nữa.

Khoáng Dã nói:

–Ta muốn hỏi, nếu ông giải thích được, sẽ cho phép ở lại; nếu không trả lời, ta sẽ làm cho tâm ý ông điên đảo, lại phá tim ông khiến máu nóng tràn ra mặt, xé xác ông ném bên bờ sông Bà-kỳ.

Phật bảo:

–Ta không thấy trong thế gian, có Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn nào làm những điều như người nói đối với Ta. Nhưng người muốn hỏi, hãy tùy ý.

Dạ-xoa Khoáng Dã nói kệ:

*Trong tất cả của báu
Vật gì quý trọng nhất
Tu tập hạnh thiện nào
Thường được quả an lạc
Trong các vị thơm ngon
Vị gì ngon hơn hết
Trong các loại thọ mạng
Hạng nào thọ mạng hơn.*

Thế Tôn nói kệ:

*Tài sản trong loài người
Tín tài là đứng đầu
Tu tập theo pháp ấy
Thường được quả an lạc
Nói thật vị ngon nhất
Thọ mạng trí tuệ hơn.*

Dạ-xoa Khoáng Dã nói kệ:

*Nhờ đâu vượt cuồng lưu
Nhờ đâu vượt biển lớn
Nhờ đâu đoạn trừ khổ
Ai làm cho thanh tịnh?*

Thế Tôn nói kệ:

*Chánh tín vượt thác dữ
Không phóng dật vượt biển
Tinh tấn thoát ly khổ
Trí tuệ làm thanh tịnh.*

Dạ-xoa Khoáng Dã nói kệ:

*Làm sao được chánh tín
Làm sao được tài sản
Làm sao được tiếng khen*

Làm sao được bạn lành?

Thế Tôn nói kệ:

*A-la-hán được tín
Hành pháp đắc Niết-bàn
Cẩn thận khi hành động
Siêng năng tài sản đến
Nói thật tiếng khen xa
Rộng rãi được bạn thân
Người có thể hỏi nhiều
Sa-môn, Bà-la-môn
Ai nói được sự thật
Ngoài Ta, ai có pháp!
Chín mươi sáu loại đạo
Người hỏi rồi xét kỹ
Có pháp nào không hại
Và điều thuận người không?*

Khoáng Dã lại nói kệ:

*Cần gì phải hỏi họ
Sa-môn, Bà-la-môn
Đại Tinh tấn giảng dạy
Khéo phân biệt thuyết pháp
Nay con nhớ ân Ngài
Nhờ Ngài chỉ dạy con
Làm con đang được thấy
Đại Thương Chủ Vô Thượng
Con kể từ hôm nay
Đến bất cứ nơi đâu
Thành phố hay làng xóm
Luôn luôn quy y Phật
Phụng hành truyền chánh pháp.*

Dạ-xoa Khoáng Dã nghe lời Phật dạy hoan hỷ vui mừng, quy y Tam bảo và thọ giới cấm, trở thành đệ tử Đức Phật.

326. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Khi ấy, trong tinh xá vườn vua, có Tỳ-kheo-ni tên Tỳ-lê. Gặp lúc mọi người trong nước tập hợp cúng sao Cầu-mật-đầu, vui chơi trong bảy ngày đêm, nên không ai cúng dường cho vị Tỳ-kheo-ni ấy.

Có một Dạ-xoa sanh tâm kính tín Tỳ-kheo-ni Tỳ-lê, biết trong nước không ai cúng dường, nên ở trong ngõ đầu đường nơi xóm làng, nói kệ:

*Những người thành Vương xá
Tất cả đều say ngủ
Tỳ-kheo-ni Tỳ-lê
Tịch nhiên khéo nhập định
Hành giả thật là hùng
Thành tựu pháp đại hùng
Vị Tỳ-kheo-ni này
Hay tu tập thiện căn
Vĩnh viễn lia trần cấu
Tịch diệt đến Niết-bàn
Vị Đại đức như thế
Nên hết lòng cúng dường
Nay vì sao các người
Không cung thỉnh thọ trai?*

Các Ưu-bà-tắc trong thành, nghe kệ này, từng người mang y phục và thức ăn thịnh soạn đến cúng dường cho vị Tỳ-kheo-ni ấy.

Khi Dạ-xoa thấy nhiều người cúng dường, bèn nói kệ:

*Tỳ-kheo-ni Tỳ-lê
Đoạn trừ tất cả kết
Ưu-bà-tắc có trí
Nên cúng dường vị ấy
Nhờ cúng dường thức ăn
Phước lớn được tăng trưởng
Tỳ-kheo-ni Tỳ-lê
Đoạn trừ hết kết sử*

*Ưu-bà-tắc có trí
Cúng y cho Tỳ-lê
Nhờ cúng vị ấy y
Phước lớn được tăng trưởng.*

M

327. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Tại tinh xá trong vườn vua, có Tỳ-kheo-ni tên Bạch Tịnh.

Khi ấy dân chúng trong nước làm lễ hội cúng sao Câu-mật-đầu, tập hợp vui chơi trong bảy ngày đêm, không có ai cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo-ni ấy.

Có một Dạ-xoa đối với Tỳ-kheo-ni Bạch Tịnh sanh tâm kính úc, biết người trong nước không có ai thỉnh vị này cả, nên ở trong ngõ đầu đường, nói kệ:

*Những người thành Vương xá
Tất cả đều ngủ say
Không thỉnh Tỳ-kheo-ni
Vị tu tập các căn
Bạch tịnh, pháp Bạch tịnh
Tỳ-kheo-ni giới định
Thoát ly hẳn cấu ố
Tịch diệt đến Niết-bàn
Vời vị Đại đức ấy
Phải siêng năng cung cấp
Nay tại sao các người
Lại không ai mời thỉnh?*

Bấy giờ những người trong thành nghe kệ này, mỗi người đều mang y phục, thực phẩm đến cúng dường Tỳ-kheo-ni.

Dạ-xoa thấy Tỳ-kheo-ni nhận được y phục, thực phẩm, lại nói kệ:

*Tỳ-kheo-ni Bạch Tịnh
Đoạn trừ hẳn tham ái
Ưu-bà-tắc có trí*

*Dâng thức ăn cho người
 Nhờ dâng cúng thực phẩm
 Được phước báo vô lượng
 Tỳ-kheo-ni Bạch Tịnh
 Đoạn trừ hẳn nạn tham
 Ưu-bà-tắc có trí
 Dâng y phục cho người
 Nhờ dâng cúng y phục
 Được vô lượng phước đức.*

M

328. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Có hai Dạ-xoa, một là Thất Khuừ, hai là Tuyết Sơn, làm bạn thân với nhau, cùng thề hẹn: “Nếu trong cung của chúng ta có vật báu đẹp xuất hiện, thì bảo cho nhau biết.”

Khi trong cung của Dạ-xoa Tuyết Sơn xuất hiện hoa sen ngàn cánh như bánh xe với cọng bằng lưu ly màu biếc, râu bằng kim cương, Dạ-xoa Tuyết Sơn thấy sự việc này, sai người đến nói với Thất Khuừ:

–Trong cung tôi có vật lạ như thế, bạn hãy đến xem!

Dạ-xoa Thất Khuừ nghe nói vậy, liền suy nghĩ: “Đức Như Lai Thế Tôn ở gần đây, nên sai người đến bảo với Dạ-xoa Tuyết Sơn, sau đấy ta mới đến đó xem hoa.” Suy nghĩ rồi, Dạ-xoa sai người đến bảo:

–Tại chỗ của ta, có Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện. Trong cung của bạn tuy có hoa báu, nhưng có ích gì!

Khi Dạ-xoa Tuyết Sơn nghe lời nói ấy liền mang theo năm trăm Dạ-xoa tùy tùng, đi đến cung của Dạ-xoa Thất Khuừ.

Dạ-xoa Tuyết Sơn hướng về Thất Khuừ nói kệ:

*Trăng rằm đêm mười lăm
 Tròn đầy sáng trong ngần
 Vâng lệnh đem đồ chúng*

*Đến đây gặp gỡ nhau
 Vậy phải thân cận ai
 La-hán bạn là ai?*

Dạ-xoa Thất Khứu nói kệ đáp:

*Đức Như Lai Thế Tôn
 Tối thượng ở Vương xá
 Thuyết pháp bốn Thánh đế
 Diệt trừ tất cả khổ
 Dạy khổ do nhân sanh
 Nhân sanh khổ là Tập
 Thánh đế Bát chánh đạo
 Đưa đến tận Niết-bàn
 Là La-hán của tôi
 Bạn nên thân cận Ngài.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Ai với các chúng sanh
 Có tâm Từ, bình đẳng
 Hiểu rõ ái, không ái
 Thì được tự tại không?*

Dạ-xoa Thất Khứu nói kệ đáp:

*Tâm ý rất điều hòa
 Đối với các chúng sanh
 Thấu rõ tất cả pháp
 Đại Đạo Sư của đời
 Giác ngộ ái, không ái
 Tâm hoàn toàn tự tại.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Ai nói lời chân thật
 Không nói lời giả dối
 Từ bi khắp chúng sanh
 Từ bỏ hãm giết hại
 Tinh tấn không phóng dật
 Luôn an trú thiền định.*

Dạ-xoa Thất Khuư nói kệ:

*Phật luôn luôn nói thật
Từ bỏ hẳn sát hại
Tinh tấn không phóng dật
Ngài lúc nào cũng định.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Ai không tham đắm dục
Tâm không còn loạn động
Là có pháp nhãn không?
Đã hết ngu si chưa?
Đã dứt hết phiền não
Chứng đắc giải thoát chưa?*

Dạ-xoa Thất Khuư nói kệ:

*Vượt khỏi bùn lầy dục
Tâm tịnh không loạn động
Pháp nhãn rất trong suốt
Hoàn toàn hết ngu si
Thoát hẳn các kết sử
Đã chứng đắc giải thoát.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Ai không sầu ly biệt
Ai không nói phù phiếm
Ai thấy vật không tham
Ai không sanh tà kiến.*

Dạ-xoa Thất Khuư nói kệ:

*Không còn ái biệt khổ
Chưa từng nói vô nghĩa
Trừ diệt tâm tham dục
Hoàn toàn không tà kiến.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn lại nói kệ:

*Đầy đủ các minh chưa
Giới hạnh thanh tịnh chẳng
Các lậu sạch hết chưa*

Còn thọ hậu hữu không?

Dạ-xoa Thất Khuru nói kệ:

*Đầy đủ mình và hạnh
Trì giới hạnh thanh tịnh
Sạch các lậu từ lâu
Không còn thọ hậu hữu.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Ba nghiệp của Như Lai
Nghiệp nào đủ hạnh thiện
Mà nay bạn tuân hành
Tán thán pháp chân thật.*

Dạ-xoa Thất khuru nói kệ:

*Thân, miệng, ý Như Lai
Đầy đủ các hạnh thiện
Ngài mình đạt hoàn toàn
Tôi tán thán pháp thật.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Mâu-ni thiên thể hùng
Đùi Ngài như Ni-diên
Ăn ít không đắm vị
Như Tiên thiên trong rừng
Chúng ta cùng nhau đến
Kính lễ Đức Cù-đàm.*

Bấy giờ hai Dạ-xoa Thất Khuru và Tuyết Sơn dẫn hai ngàn Dạ-xoa đồng thời đến nơi Phật, y phục chỉnh tề, chấp tay cung kính, nói kệ:

*Thế Tôn Bà-già-bà
Phật-dà, Lưỡng Túc Tôn
Điều chư Thiên không biết
Ngài thấy rất rõ ràng.*

Sau khi nói kệ, Tuyết Sơn và Thất Khuru ngồi qua một bên. Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ hỏi:

*Thoát khổ, con đường nào
 Làm sao xả ly khổ
 Thế Tôn dạy cho con
 Nơi nào không còn khổ?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Năm dục căn, với ý
 Nếu không dục, tại đây
 Giải thoát các đau khổ
 Đây là đường thoát khổ
 Giải thoát khổ như vậy
 Chính là nơi khổ diệt
 Nay người đã hỏi Ta
 Giảng cho người như vậy.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Hồ gì nước chảy xoáy
 Nơi nào không đứng yên
 Ở nơi nào khổ vui
 Bị diệt không còn gì?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
 Ý căn là thứ sáu
 Hồ sáu căn chảy xoáy
 Nơi ấy không đứng yên
 Danh sắc không chuyển nữa
 Nơi này được diệt tận.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Thế gian từ đâu sanh
 Do đâu được tập hợp
 Thọ sanh ra từ đâu
 Khổ cầu vì việc gì?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Sáu xứ sanh thế gian
 Tập hợp do sáu xứ*

*Sáu xứ sanh ra thọ
Khổ cầu vì sáu xứ.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Tu pháp thiện thế nào
Ngày đêm không biếng nhác
Làm sao vượt dòng thác
Không có nơi đặt chân
Cũng không nơi vịn nắm
Giữa chỗ sâu không chìm?*

Thế Tôn nói kệ:

*Không phạm giới nào cả
Đủ thiền định trí tuệ
Tư duy các lỗi lầm
Đầy đủ sức chánh niệm
Thì vượt nơi khó vượt
Viễn ly tập hợp dục
Bỏ các nghiệp kết sử
Diệt tận nghiệp hỷ ái
Người như vậy gọi là
Không chìm giữa vực sâu.*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Ai vượt khỏi dòng dữ
Ai vượt qua biển lớn
Ai thoát được các khổ
Làm sao được thanh tịnh?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Lòng tin vượt cuồng lưu
Không phóng dật vượt biển
Tinh tấn thoát khổ đau
Trí tuệ làm thanh tịnh
Ông đến các Sa-môn
Và các Bà-la-môn
Hỏi nhiều chuyện khác nhau*

*Ai là người biết pháp
Ai dạy thật thoát khổ
Ngoài Ta, ai dạy được?*

Dạ-xoa Tuyết Sơn nói kệ:

*Con được nghe Phật dạy
Phá tan mọi lưới nghi
Cần gì hỏi nơi khác
Sa-môn, Bà-la-môn
Thế Tôn khéo hiển bày
Phân biệt đủ rõ ràng
Ân Thất Khuu rất nặng
Làm cho con được thấy
Bậc Đạo Sư Vô Thượng
Những nơi con đang đến
Thành phố và xóm làng
Khắp bất cứ ở đâu
Ngày đêm thường quy y
Như Lai Chánh Đẳng Giác
Chánh pháp trong các pháp
Một ngàn các Dạ-xoa
Trong tâm đều vui mừng
Chấp tay hướng về Phật
Đồng xin làm đệ tử
Quy y Phật, Thế Tôn.*

M

329. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên ở núi Linh thứu.

Vào sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa mới cạo tóc, ngồi thẳng người dùng y che trên đầu.

Có hai Dạ-xoa tên là Vi Hại và Phục Hại. Phục Hại thấy Xá-lợi-phất, bảo với Vi Hại:

–Nay ta muốn dùng quyền đánh vào Sa-môn trọc đầu mới cạo

kia.

Vi Hại nói:

–Nhưng Tỳ-kheo này có thần đức lớn, bạn đừng làm như vậy, phải chịu khổ lâu dài.

Vi Hại can ngăn ba lần như thế, Phục Hại vẫn cố muốn dùng quyền đánh Tôn giả Xá-lợi-phất, nên không nghe lời can gián, cho nên Vi Hại phải hết sức dùng thân giữ lại.

Khi ấy Phục Hại tâm ác dấy khởi mạnh mẽ, tuy nghe bạn can ngăn thậm chí đã ôm giữ lại, nhưng vẫn không thuận theo, liền dùng quyền đánh vào đầu Tôn giả Xá-lợi-phất.

Sau khi đánh, Dạ-xoa Phục Hại bảo với Vi Hại:

–Vì đánh Tỳ-kheo này làm cho ta bị thiêu đốt, bạn hãy cứu lấy ta.

Ngay lúc đang nói như thế thì đất tự nứt ra, Phục Hại bị rơi vào địa ngục Vô gián.

Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ngồi bên gốc cây, cách nơi Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, nghe tiếng đánh Xá-lợi-phất, liền đi đến chỗ Tôn giả, nói:

–Thầy có thể chịu đựng được đau khổ này, không bị kinh sợ, tan nát thân chẳng?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi chịu đựng được, không có đau đớn và không bị tan hoại.

Tôn giả Mục-liên khen:

–Thật có thần đức, giả sử Phục Hại dùng quyền đánh núi Kỳ-xà-quật, núi cũng tan nát vậy mà Tôn giả Xá-lợi-phất không sao cả.

Khi hai Tôn giả nói như trên, Thế Tôn đang ở trong phòng vào ban ngày, với thiên nhãn thanh tịnh, từ xa nghe nói như thế, nên nói kệ:

*Chánh tâm như núi lớn
An trụ không lay động
Những nơi đáng tham đắm
Không bị nhiễm pháp nhiễm
Xa lìa nẻo ái lạc
Pháp ái lạc nghĩa là
Dục lạc thuộc các trần*

*Nếu ai đến gây hại
 Không báo oán trở lại
 Gọi là không gây hại
 Ai tu tâm như vậy
 Không bao giờ bị khổ.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

Kệ tóm lược:

*Nhân-đà-la, Thích-ca
 Quật Ma, Bạch Sơn
 Tân-ca-la, Phú-na-bà-tu
 Mạn-giá-ni-la, Tiễn Mao
 Thọ Trai và Hùng Tịnh
 Thất Khuu cùng Tuyết Sơn
 Hại cùng với Vô Hại
 Gọi tên đệ thập tứ.*



BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM

QUYỂN XVI

330.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong đại giảng đường, bên bờ hồ Di-hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Có bốn mươi Tỳ-kheo Ba-lợi-xà-ca ở nơi thanh vắng, đắp y phẩn tảo, siêng năng khát thực, đang ở địa vị hữu học, chưa ly dục. Họ đồng đến gặp Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên.

Thế Tôn suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo này đều ở nơi thanh vắng, đắp y phẩn tảo, tận lực hành khát thực, nhưng chưa đoạn trừ các kết sử, Ta sẽ thuyết pháp thích hợp cho họ, làm các Tỳ-kheo ngay tại chỗ ngồi tâm đắc giải thoát, sạch các kết lậu.”

Phật dạy:

–Tỳ-kheo nên biết, sanh tử lâu dài không có biên giới, không thể biết được căn nguyên của nó. Tất cả chúng sanh đều bị vô minh che lấp, tham ái phiền não trói buộc nơi cổ, lưu chuyển mãi trên đường dài sanh tử, không thể nào biết hết vô số đau khổ trong quá khứ. Ví như sông Hằng chảy vào bốn biển lớn, nay Ta hỏi các ông, ở trong sanh tử, máu ông chảy ra nhiều, hay nước sông Hằng nhiều?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy, ở trong sanh tử, máu trong thân con chảy ra, nhiều hơn nước sông Hằng và bốn biển lớn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Ông thọ thân voi trong đời quá khứ, bị người khác cắt vòi, cắt tai, chặt chân, niền đầu, chặt cổ, máu chảy ra vô lượng vô số... Lại thọ thân bò ngựa, la, lạc đà, heo gà chó lợn... các loại cầm thú. Như thọ thân gà, bị chặt cánh nhổ lông, chặt đầu chân, nên thân chảy máu. Các thân cầm thú như vậy đều bị chặt cắt, số máu chảy ra không thể lường được. Nay các Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, sắc là vô thường.

Phật lại hỏi:

–Nếu sắc vô thường, vậy là khổ hay không khổ?

Tỳ-kheo đáp:

–Vô thường nên khổ!

Phật lại dạy:

–Nếu vô thường khổ là pháp hư hoại, ở trong pháp ấy vị Thánh đệ tử suy tính có ngã hay ngã sở không?

Tỳ-kheo đáp:

–Bạch Thế Tôn, không.

Phật lại dạy:

–Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

–Đều là vô thường!

Phật lại hỏi:

–Nếu là vô thường có khổ hay không?

Đáp:

–Vô thường là khổ.

Phật lại hỏi:

–Nếu vô thường khổ là pháp hư hoại, vị Hiền thánh đệ tử có cho trong đó có ngã hay ngã sở không?

Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn, không.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường; vô thường là vô ngã; không có ngã thì không có ngã sở. Như vậy quán sát sắc với chánh trí tuệ thấy biết như thật; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo, có sắc nào trong thời gian gần, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài gần xa đều thấy không có ngã và ngã sở. Đây là sự thấy với chánh kiến đúng sự thật. Thọ, tưởng, hành, thức nào nhiều ít trong ngoài gần xa, quá khứ vị lai hiện tại, đều không có ngã, cũng không có ngã sở; đây là thấy biết như thật. Vị Hiền thánh đệ tử với thấy biết như vậy, gọi là đa văn, nhằm chán sắc, nhằm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do nhằm chán nên ly dục, được ly dục nên giải

thoát, được giải thoát nên giải thoát tri kiến. Ai được giải thoát tri kiến thì biết đây là đời sống cuối cùng của ta, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau.

Khi Phật giảng dạy, bốn mươi Tỳ-kheo Ba-li-xà-ca chứng quả Vô sanh, tâm đắc giải thoát.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

331. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết, sanh tử lâu dài không có biên giới, không ai biết được nguồn gốc của nó. Tất cả chúng sanh đều bị vô minh che lấp, bị phiền não trói buộc, trôi lăn trong sanh tử lâu dài vô cùng nơi quá khứ, không ai có thể nhớ hết được. Nay các Tỳ-kheo, như sông Hằng chảy về bốn biển lớn, với sự thọ thân trong sanh tử lâu dài từ quá khứ đến nay, nước mắt chảy ra do buồn khổ khóc lóc thì nhiều, hay nước sông Hằng nhiều?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy, sanh tử lâu dài, nước mắt chảy ra nhiều hơn nước sông Hằng, còn hơn nước bốn biển.

Phật dạy Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói, gom nước mắt lại thật nhiều hơn bốn biển. Từ quá khứ đến nay, với sự xa lìa cha mẹ, từ già bác, chú, anh, chị, em, con cháu thân thuộc qua đời, và bị mất tiền tài voi, ngựa, bò, dê hoặc bị đánh đập, bị gây thương tích, hủy hoại thân thể, cho đến trói nhốt, những đau khổ sâu nặng ấy làm rơi nước mắt không thể kể số. Ví như dòng nước dữ lôi kéo cây cỏ tụ tập lại làm nghẽn đường sá, tham ái tụ tập làm ngăn trở đường Hiền thánh. Số lượng thọ thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các nẻo ác khác nhiều như giọt máu trong thân.

Phật hỏi các Tỳ-kheo:

–Sắc là thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

–Sắc là vô thường.

Phật lại hỏi:

–Sắc là thường vậy khổ hay không khổ?

Tỳ-kheo đáp:

–Vô thường là khổ.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Vô thường khổ là pháp hư hoại, đối với trong pháp ấy, vị Hiền thánh đệ tử thấy có ngã và ngã sở không?

Tỳ-kheo đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật lại hỏi:

–Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

–Chúng đều là vô thường!

Phật lại hỏi:

–Vô thường là khổ hay không khổ?

Tỳ-kheo đáp:

–Vô thường là khổ.

Hỏi:

–Vô thường, khổ là pháp hư hoại, vị Hiền thánh đệ tử thấy trong đó có ngã, ngã sở không?

Tỳ-kheo đáp:

–Bạch Thế Tôn, không.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ thì vô ngã, nếu vô ngã thì không có ngã sở. Như thế quán sát với chánh tuệ để thấy biết như thật; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên Tỳ-kheo, cho đến một chút sắc nào ở quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài gần xa, đều vô ngã, vô ngã sở. Sự thấy biết như vậy thật đúng với chánh kiến. Thọ, tưởng, hành, thức dù ít hay nhiều ở trong ngoài gần xa, quá khứ, hiện tại, vị lai đều thấy biết như thật không có ngã hay ngã sở. Vị Hiền thánh đệ tử thấy biết như vậy rồi, gọi là đa văn, được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức, giải thoát khỏi tất cả ưu, bi, khổ não.

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

332. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài không có biên giới, không thể biết được nguồn gốc của nó. Tất cả chúng sanh đều bị vô minh che phủ, tham ái trói buộc, trôi lăn trong sanh tử không cùng tận, không thể nhớ hết cái khổ trong quá khứ. Nay các Tỳ-kheo, như nước sông Hằng chảy về bốn biển, trong sanh tử lâu dài ở quá khứ, sữa mẹ đã uống so với nước sông Hằng có nhiều hơn không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Theo con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy, sữa mẹ đã uống trong quá khứ lâu xa nhiều hơn nước sông Hằng và bốn biển.

Thọ thân hình đến nay vô lượng vô biên, hoặc thọ thân voi, ngựa, lạc đà, bò, dê, nai... Các loại súc sanh, đã uống vô số sữa mẹ không thể tính hết. Ví như dòng nước dữ cuốn cây cỏ tụ hợp thành đống lớn che lấp cả đường đi, tập hợp tham ái cũng như vậy ngăn che Thánh đạo... *(phần còn lại như bài kinh trên)*.

M

333. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài không có biên giới, không thể biết được nguồn gốc của nó. Tất cả chúng sanh đều bị vô minh che phủ, tham ái trói buộc, trôi lăn trong sanh tử không có cùng tận, không thể nhớ hết cái khổ trong quá khứ. Giả sử có người chặt hết cây cỏ trên mặt đất đem chẻ làm thẻ, đếm hết thẻ này để tính những người mẹ đã sanh ta ra trong quá khứ, cũng không thể hết được. Giả sử chặt hết cây cỏ trên mặt đất chẻ làm thẻ dài bốn đốt ngón tay, để đếm những người mẹ đã sanh ta

ra trong quá khứ, cũng không thể biết hết được. Nay các Tỳ-kheo, sanh tử lâu dài không thể biết hết... *(Như kinh trên)*.

Nay các Tỳ-kheo, cần phải học như vậy, đoạn trừ sanh tử, đoạn trừ các nghiệp không còn thọ đời sau nữa.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

M

334. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài không có biên giới, không thể biết được nguồn gốc của nó. Tất cả chúng sanh đều bị vô minh che phủ, tham ái trôi buộc, trôi lăn trong sanh tử không có cùng tận, không thể nhớ biết hết tất cả đau khổ đã chịu trong vô số kiếp trong quá khứ. Nay các Tỳ-kheo, giả sử có người đem hết đất trên địa cầu vo từng viên như hạt đậu, đem số hạt đậu này để đếm thân làm mẹ thì hết cả địa cầu này cũng không đếm hết... ngoài ra như ở trên. Thế nên các thầy cần phải học, học đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp, tinh tấn tìm phương pháp đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

335. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài không có biên giới, không thể biết hết nguồn gốc của nó. Tất cả chúng sanh đều bị vô minh che phủ, tham ái trôi buộc, trôi lăn trong sanh tử không có cùng tận, không thể nhớ biết hết tất cả đau khổ đã chịu trong quá khứ. Nay các Tỳ-kheo, các thầy hãy quán sát những kẻ sung sướng trong thế gian đang hưởng thọ hỷ lạc tối thượng. Các thầy phải suy nghĩ chắc chắn rằng: “Ta từ quá khứ đến nay đã hưởng thọ hỷ lạc như thế này, những hỷ lạc đã thọ

cũng đã tan rã. Sanh tử như vậy lâu dài... (*Như nói trên*). Nay các Tỳ-kheo, cần phải học như vậy, tinh tấn cầu phương tiện đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

336. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài... *như nói ở trên*, nếu thấy chúng sanh chịu cực nhọc đau khổ tàn độc, ưu buồn áo não, nên nghĩ thế này: “Ta từ vô số kiếp đến nay, cũng chịu khổ não như vậy vô lượng trong sanh tử lâu dài... *như nói ở trên*.” Nay các Tỳ-kheo, nên học như thế, tinh tấn tìm phương pháp đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp, đừng tạo nhân duyên phát sanh sanh tử nữa.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

337. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài... *như trên*. Nay các Tỳ-kheo, nếu thấy ai có tâm sợ hãi lông toàn thân đứng lên, nên biết đời trước từng gây oán hại. Thế nên sanh tử lâu dài... *như trên*. Nay các Tỳ-kheo, nên học tập thế này, tinh tấn tìm phương pháp đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

338. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài... *như trên*. Ai thấy chúng sanh tự nhiên yêu

thích, phát sanh tâm dục, tâm rất thân ái. Các thầy nên biết thân đời trước chắc là cha mẹ, anh em, vợ con, hoặc là Hòa thượng, A-xà-lê, Sư trưởng tôn thân với nhau. Thế nên các thầy phải biết sanh tử lâu dài... *như trên*. Nay các Tỳ-kheo, cần phải học tập, siêng tu tập phương pháp đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp, không gây nhân duyên phát sanh ra sanh tử nữa.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

339. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn đến gặp Phật, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong thời vị lai có bao nhiêu Đức Phật, Thế Tôn ra đời?

Đức Phật đáp:

–Trong thời vị lai, có hằng hà sa số chư Phật xuất hiện ở đời.

Bà-la-môn nghe lời Phật nói, suy nghĩ: “Ta sẽ tu tập phạm hạnh với Phật ở thời vị lai.”

Đi về không xa, ông ta lại suy nghĩ: “Ta đã không hỏi trong quá khứ có bao nhiêu Phật ra đời.”

Sau khi suy nghĩ, ông ta trở lại gặp Phật và bạch:

–Thưa Thế Tôn, trong đời quá khứ có bao nhiêu Phật ra đời?

Đức Phật đáp:

–Trong quá khứ đã có vô lượng hằng hà sa số chư Phật ra đời.

Khi ấy Bà-la-môn suy nghĩ: “Chư Phật ra đời trong quá khứ, vị lai, ta không được gặp, hiện tại đã được gặp Phật, tại sao lại bỏ qua?! Ta phải xuất gia học đạo trong giáo pháp của Phật.”

Ông ta liền đứng dậy chấp tay bạch Phật:

–Thế Tôn, cầu xin Ngài từ bi thương xót cho con được xuất gia, tu tập phạm hạnh trong Phật pháp.

Đức Phật chấp thuận, ông ta được xuất gia, sau khi xuất gia, riêng nơi thanh vắng, tinh tấn tu tập đoạn trừ sanh tử, chứng A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

340. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại chân núi Tỳ-phú-la, thuộc thành Vương xá.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Một người nào luân hồi thọ sanh trong một kiếp, gom xương cốt của họ không cho tản mát lại thành một đồng thì lớn như núi Tỳ-phú-la. Vị Hiền thánh đệ tử tùy thời nghe pháp, như thật tri về Khổ Thánh đế, như thật tri về Khổ tập, như thật tri về Khổ diệt, như thật tri về con đường tu tập Diệt khổ. Với tri kiến như vậy, đã đoạn trừ ba kết sử là: Thân kiến, giới cấm thủ và nghi, gọi là Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào cõi ác, chắc chắn giác ngộ đến Niết-bàn, tối đa bảy lần sanh tử nữa là thoát khổ.

Phật dạy như vậy và nói kệ:

*Một người trong một kiếp
Luân hồi sanh và tử
Gom hết cốt họ lại
Thành đồng tại một nơi
Không để cho tản mát
Thì như Tỳ-phú-la
Ai quán bốn Thánh đế
Thật tri bằng chánh trí
Thấy Khổ đế, Khổ tập
Khổ diệt, tám Thánh đạo
An ổn đến Niết-bàn
Chỉ còn trong sanh tử
Tối đa là bảy lần
Giải thoát cảnh giới khổ.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành, đánh lễ từ giã.

M

Kệ tóm tắt:

*Máu, lệ và sữa mẹ
 Vo đất như hạt đậu
 Sợ hãi và yêu mến
 Hằng sa và đống cốt.*

M

341. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài... *như trên*.

Khi ấy trong chúng có một Tỳ-kheo rời chỗ ngồi, đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

–Thế Tôn, kiếp dài hay ngắn?

Phật bảo vị Tỳ-kheo:

–Ta có thể giảng giải cho ông, nhưng sợ ông không hiểu.

Vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Ngài có thể ví dụ không?

Phật dạy:

–Ví dụ như dùng sắt làm thành quách dài rộng cao đều một do-tuần và đổ hạt cải đầy trong thành ấy. Giả sử có người cứ một trăm năm lấy ra một hạt cải, thì hạt cải trong thành có thể hết sạch, nhưng thời gian một kiếp không thể biết được. Nay các Tỳ-kheo, thời gian lâu dài của một kiếp có thể ví dụ như vậy. Kiếp dài trăm ngàn vạn ức như thế cho đến trăm ngàn ức vạn với khổ não vô lượng vô biên, bao ác đau khổ không vừa ý; thọ thân nhiều như đống bọt giọt mưa, ở địa ngục ngạ quỷ, súc sanh, trong các cảnh ác nơi cõi người. Thế nên các thầy phải đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp, nên tìm phương pháp xa lìa nẻo sanh tử. Nay các Tỳ-kheo, cần phải học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

342. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài... *như trên*.

Khi ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo rời chỗ ngồi, đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, kiếp dài hay ngắn?

Phật bảo vị Tỳ-kheo:

–Ta có thể giảng giải cho ông, nhưng sợ ông không hiểu.

Vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Ngài có thể ví dụ không?

Phật dạy:

–Có thể ví dụ, này Tỳ-kheo, như có một khối đá cứng rắn, không có lỗ trống, đặc một khối đồng thể, dài rộng cao đều là một do-tuần. Giả sử có người cầm tấm vải hay tấm lụa rất mịn, cứ một trăm năm quét lên khối đá ấy một lần cho đến khi đá tan mất, nhưng chưa hết một kiếp. Thế nên Ta nói thời gian lâu xa của một kiếp khó biết được; ví dụ về lâu dài của một kiếp là như vậy. Với số lượng trăm ngàn vạn ức kiếp như thế, chúng sanh trong vô số kiếp ấy chịu nhiều khổ não, đau đớn, không vừa ý, thọ thân ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trong các cõi ác nhiều như đồng bọt giọt mưa. Thế nên các ông nên đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp, chuyên cần hành đạo xa lìa các nguyên nhân tạo ra sanh tử, nên học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

343. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo rời chỗ ngồi, đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, từ xưa đến nay đã trải qua bao nhiêu kiếp?

Phật bảo vị Tỳ-kheo:

–Ta có thể giảng giải cho ông, nhưng sợ ông không hiểu.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Ngài có thể ví dụ không?

Phật dạy:

–Có thể ví dụ. Giả sử có người sống đến một trăm tuổi, vào sáng sớm, trưa và chiều tối, trong ba thời gian này đều nghĩ đến trăm ngàn kiếp. Hằng ngày suy nghĩ như vậy cho tới một trăm năm cũng không thể đếm hết được số kiếp trong quá khứ, đã thọ các khổ não, đau đớn, không vừa ý trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thế nên, này Tỳ-kheo, nên đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp, chuyên cần tu tập các phương tiện đoạn tuyệt các nhân tạo ra sanh tử. Này các Tỳ-kheo, cần phải học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

344. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài... *như trên*, không thể nào biết được vô số ức kiếp trong quá khứ. Trên đại địa này, không có nơi nào mà thân các ông chưa từng sanh tử ở đó. Này các Tỳ-kheo, sanh tử lâu dài khó biết được. Thế nên, này các Tỳ-kheo, phải siêng tu tập phương pháp đoạn tuyệt các nhân tạo ra sanh tử.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

345. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử lâu dài... *như nói ở trên*.

Này các Tỳ-kheo, trong thế gian này không có một người nào đã không từng là cha mẹ, anh chị em, vợ con, quyến thuộc, Hòa thượng, A-xà-lê của các ông. Trong thế gian này, không có một chúng sanh

nào đã không từng giết hại ông, gây thù oán với ông; cũng không có một chúng sanh nào đã không từng ăn thịt ông. Như vậy sanh tử từ vô thủy... *như nói trên*. Nay các Tỳ-kheo, phải siêng tu tập phương pháp đoạn trừ các nhân tạo ra sanh tử; nên học như vậy.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

347. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử dài lâu... *như trên*.

Này các Tỳ-kheo, trời mưa lớn dày kín như buộc chổi quét, Đông, Tây, Nam, Bắc bốn hướng không chừa nơi nào cả. Phương Đông có vô lượng thế giới với chúng sanh đông đúc an lạc, nhiều như hạt mưa, rồi vô lượng thế giới ấy đều bị tan hoại. Vô lượng thế giới đầy cả chúng sanh, rồi vô lượng thế giới ấy đều trống rỗng, không còn có chúng sanh nào ở trong đó; bốn phương, bốn hướng cũng như vậy. Sanh tử từ vô thủy,... *như nói trên*. Thế nên, Tỳ-kheo nên cầu phương tiện đoạn trừ các nhân tạo ra sanh tử, nên học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

348. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sanh tử dài lâu... *như nói trên, cho đến...* Sanh tử từ vô thủy... *như trên*. Nay các Tỳ-kheo, ví như ném cây gậy xuống đất, hoặc gốc xuống trước, hoặc ngọn xuống trước, hoặc rơi vào nơi bất tịnh xấu ác, hoặc rơi vào nơi thanh tịnh. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, bị vô minh che phủ, hoặc sanh lên thiên giới hoặc sanh vào cõi người, hay bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc A-tu-la; vì vậy sanh

tử lâu dài nói rộng như trên. Thế nên, này các Tỳ-kheo, phải đoạn trừ nẻo sanh tử nối tiếp, nên học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

349. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Như có người mạnh khỏe quay bánh xe năm cãm chạy rất nhanh. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, bị vô minh che phủ, luân chuyển trong năm đường là trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, sanh tử như thế từ vô thủy. Thế nên, này các Tỳ-kheo, phải đoạn các nhân tạo ra sanh tử, bằng cách tu tập pháp thiện.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

350. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại chân núi Tỳ-phú-la, thuộc thành Vương xá.

Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các hành vô thường là pháp sanh diệt, không lúc nào đứng yên, không bảo đảm tin tưởng được, là pháp hư hoại. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, đối với các hành phải biết tri túc, sanh tâm nhàm chán, xa lìa ái dục cầu giải thoát. Này các Tỳ-kheo, núi Tỳ-phú-la này xưa kia có tên là Bà-kỳ-bán-xà. Khi ấy thành này tên là Đế-di-la. Dân chúng thời ấy sống tám vạn tuổi. Người dân muốn leo lên núi này, phải đi hết bốn ngày mới đến được đỉnh. Thời ấy có Phật hiệu Ca-tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật. Thế Tôn giảng dạy giáo pháp cho các đệ tử trước sau đều toàn thiện, với ý nghĩa sâu xa, ngôn từ khéo léo, thuần nhất không tạp, đầy đủ hình tướng phạm hạnh thanh bạch. Tỳ-kheo nên biết, hình tướng khi ấy của núi Bà-kỳ-bán-xà nay đã không còn; dân chúng đã chết hết; Đức Phật Thế Tôn ấy đã nhập Niết-bàn; sau đó tuổi thọ của loài

người giảm dần. Vì ý nghĩa này, các hành vô thường, là pháp sanh diệt, không đứng yên, không thể tin tưởng, là pháp hư hoại. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đối với các hành nên tri túc, sanh tâm nhằm chán, xa lìa ái dục cầu giải thoát.

Này các Tỳ-kheo, vào thời xưa, núi này có tên là Bằng-ca; thành này có tên là A-tỳ-ca. Dân chúng thời ấy sống ba vạn tuổi, người dân muốn leo lên núi, phải trải qua ba ngày mới đến đỉnh rồi trở xuống được. Khi ấy có Phật Thế Tôn hiệu Ca-na-hàm Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng... *như trên*. Đức Như Lai vì đại chúng giảng thuyết giáo pháp toàn thiện trước sau như nhau, với ý nghĩa sâu xa, ngôn từ thiện xảo, đầy đủ thanh tịnh, hiển lộ hình tướng phạm hạnh. Tỳ-kheo nên biết, sau khi Đức Phật Thế Tôn ấy nhập Niết-bàn, tuổi thọ của dân chúng giảm dần; hình tướng của núi khi ấy đến nay đã mất, người dân không còn nữa. Thế nên, này các Tỳ-kheo, các hành vô thường, là pháp thay đổi, không thể ỷ lại, đều quy về tan hoại. Các ông đối với các hành phải tri túc, sanh tâm nhằm chán, xa lìa ái dục cầu giải thoát.

Này các Tỳ-kheo, ngày xưa núi này có tên là Thiện biên; quốc gia lúc ấy tên Xích mã, dân chúng sống hai vạn tuổi. Khi ấy có Phật ra đời hiệu Ca-diếp Như Lai... đủ mười hiệu như trên, giảng thuyết rộng giáo pháp cao siêu, toàn thiện, trước sau đều có ý nghĩa sâu xa, ngôn từ vi diệu thuần nhất không tạp, đầy đủ hình tướng thanh tịnh của phạm hạnh. Tỳ-kheo nên biết, tên núi Thiện biên đến nay không còn, dân chúng thời ấy nay đã chết hết; Phật Thế Tôn ấy đã nhập Niết-bàn, tuổi thọ của người dân giảm dần. Vì vậy, các hành vô thường là pháp thay đổi, không đứng yên, không thể ỷ vào được. Thế nên, đối với các hành nên tri túc, sanh tâm nhằm chán, xa lìa ái dục, cầu giải thoát.

Hiện nay, núi này tên là Tỳ-phú-la và nước này tên Ma-kiệt-đà, tuổi thọ của dân chúng trong nước trên dưới một trăm. Những người dân muốn lên đỉnh núi, trong thời gian ngắn có thể trở xuống. Ta, Thích-ca Văn xuất hiện trong thế gian, đầy đủ mười hiệu, giảng thuyết cho mọi người vô lượng kinh điển, với giáo pháp toàn thiện, trước sau như một, với ý nghĩa sâu xa, ngôn từ vi diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo,

núi này và tên cùng đất nước, dân chúng, không bao lâu nữa cũng sẽ diệt tận. Không bao lâu nữa, Ta cũng nhập Niết-bàn. Vì vậy, các hành vô thường là pháp thay đổi, không đứng yên và không thể ý lại, đều quy về tan hoại.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, đối với các hành cần phải chí tâm, tri túc, sanh tâm nhàm chán, xa lìa ái dục, cầu giải thoát.

Thế Tôn nói kệ:

*Bà-kỳ-bán-xà, Đế-di-la
A-tỳ-ca-la, Bằng-già-ca
Núi tên Thiện biên, nước Xích mã
Núi Tỳ-phù-la, Ma-kiệt-đề
Tên núi không còn, người cũng hết
Phật nhập Niết-bàn, thọ mạng diệt.*

Vì ý nghĩa này:

*Các hành vô thường
Là pháp sanh diệt
Diệt hết sanh diệt
Tịch diệt là vui.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm lược:

*Thành, núi, quá khứ
Không có nơi nào
Chúng sanh không là
Nhiều như giọt mưa
Như bó chổi quét
Ném gậy, xe quay
Núi Tỳ-phù-la.*

M

351.

Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo an cư vào mùa hạ ở tại rừng trúc, vườn Câu-tát-la.

Trong khu rừng này có Thiên thần ở. Có Thiên thần buồn rầu suy nghĩ bày tỏ:

–Hôm nay là ngày mười lăm, chúng Tăng sẽ tự tứ, sau đó họ sẽ ra đi!

Có Thiên thần hỏi:

– Vì sao bạn ưu sầu đến như vậy?

Và nói kệ:

*Này bạn Thiên thần ơi!
 Vì sao buồn rầu vậy?
 Các Tỳ-kheo giới tịnh
 Hôm nay sẽ tự tứ
 Được gặp việc như thế
 Phải nên tự vui mừng.*

Thiên thần trong rừng nói kệ đáp:

*Ta biết các vị ấy
 Hôm nay sẽ tự tứ
 Chẳng phải như ngoại đạo
 Không hổ thẹn tội lỗi
 Các vị đều tinh tấn
 Biết đầy đủ hổ thẹn
 Xếp đặt y bát xong
 Sau tự tứ, ra đi
 Tỳ-kheo ra đi rồi
 Rừng này vắng không người
 Không còn được thấy nghe
 Thế nên tôi buồn khổ.*

Sau khi tự tứ xong, các Tỳ-kheo đều ra khỏi rừng, trở về trú xứ của mình. Thấy họ đi tứ tán, Thiên thần cùng buồn rầu áo não, nói kệ:

*Các Tỳ-kheo đi rồi
 Chỉ còn thấy chỗ ở
 Các đệ tử Mâu-ni
 Đa văn có tri kiến
 Khéo phân biệt đầy đủ
 Giảng các pháp thanh tịnh
 Bạc trò pháp như vậy
 Đang đến ở nơi nào?*

Thiên thần khác nói kệ:

*Những vị Tỳ-kheo này
Tản mát không đi chung
Người đến Ma-kiệt-đề
Có người về Bạt-kỳ
Lại có vị đang đi
Về nước Tỳ-xá-ly
Nơi A-lan-nhã này
Các Tỳ-kheo tập hợp
Như chim nai hoang dã
Đậu ở không cố định.
Các vị Tỳ-kheo ấy
Xả ly các duyên sự
Thường cầu nơi thanh vắng
Tịnh tọa được an lạc.*

M

352.

Có một Tỳ-kheo đi từ nước Câu-tát-la đến rừng Câu-tát-la, vào ban ngày, ngủ trong rừng ấy. Trong rừng, có vị thần suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo ấy đang ngủ ngày trong rừng, thật không đúng với pháp Sa-môn, làm ô nhục rừng này. Ta nên cảnh tỉnh vị ấy”. Sau khi suy nghĩ, Thiên thần đến chỗ vị Tỳ-kheo, tăng hắng rồi búng ngón tay, nói kệ:

*Này Tỳ-kheo hãy dậy
Không nên ham ngủ nghỉ
Người ngủ nghỉ như vậy
Cuối cùng có lợi gì
Thân đang mang bệnh nặng
Tại sao yên tâm ngủ?
Tên độc trong tâm thấy
Cầu nhỏ, tại sao ngủ?
Thầy đã được xuất gia
Từ bỏ các duyên sự
Hãy hoàn thành ý nguyện
Đừng để ngủ bao phủ*

Mê mờ không tỉnh thức
 Mất chí nguyện ban đầu
 Bản chất dục vô thường
 Thay đổi không đứng yên
 Chớp mắt hơi thở dứt
 Phàm phu ngu nên đắm
 Nay thầy đã xuất gia
 Thoát dây trói tại gia
 Tại sao thoát trói rồi
 Lại còn tham ngủ nghỉ?
 Ai chưa đoạn ái dục
 Tâm ý chưa giải thoát
 Chưa đắc trí tối thượng
 Chưa đủ quả chứng này
 Không gọi là xuất gia
 Vậy tại sao ham ngủ?
 Muốn xứng pháp xuất gia
 Cần phải siêng tinh tấn
 Ngày đêm không biếng nhác
 Kiên cố cầu Niết-bàn
 Chưa đạt được chí nguyện
 Xuất gia để ngủ sao?
 Trí tuệ phá vô minh
 Diệt sạch các kết lậu
 Khéo điều tâm và hạnh
 Chứng đạt thân tối hậu
 Ai thành tựu như trên
 Mới được an tâm ngủ.

M

353.

Có một Tỳ-kheo ở trong rừng Câu-tát-la, ban ngày ngồi trong phòng phát khởi cảm nghĩ xấu và tham đắm vào đó. Khi ấy vị Thiên thần trong rừng suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này phát khởi cảm nghĩ xấu và tham đắm vào đấy, thật không xứng với pháp xuất gia; ở trong rừng

này mà phát sanh như thế là việc bất thiện. Ta nên cảnh tỉnh vị ấy.”

Sau khi suy nghĩ, Thiên thần đến chỗ vị Tỳ-kheo, nói kệ:

Tỳ-kheo sợ dục ác
 Thế nên đến rừng này
 Thân tuy ngồi trong rừng
 Tâm ý ra khỏi rừng
 Chạy theo trần bên ngoài
 Phát sanh cảm nghĩ xấu
 Ai diệt được tham dục
 Sau đó được giải thoát
 Đã chứng giải thoát rồi
 Mới biết an lạc thật
 Thầy nên bỏ giác ác
 An tâm tu chánh pháp
 Tôi xin cảnh tỉnh thầy
 Để thầy chánh niệm lại
 Dục như núi ác cháy
 Nung khô các pháp thiện
 Ác đốt không biết chán
 Không bỏ sót chút gì
 Đừng tham đắm dục lạc
 Bụi dục nhiễm tâm tịnh
 Hãy như chim dính bụi
 Vỡ cánh rũ bụi nơ
 Tỳ-kheo cũng như vậy
 Thiên quán diệt phiền não
 Trần cấu đến nhiễm tâm
 Chánh niệm trừ diệt được
 Ái dục là bụi bặm
 Chẳng phải bụi bên ngoài
 Dục giác và sân si
 Gọi là những bụi trần
 Bậc nhiếp tâm có trí
 Mới trừ bỏ được chúng.

354.

Có một Tỳ-kheo cũng ở trong rừng Câu-tát-la, ban ngày ngồi trong phòng, phát sanh tưởng về dục cho là thanh tịnh. Vị Thiên thần biết ý niệm của thầy, vì muốn thầy tỉnh giác, nên nói kệ:

*Thầy nghĩ tưởng dục tịnh
Dục giác nuốt trọn thầy
Bỏ tâm dục bất tịnh
Vọng tưởng dục thanh tịnh
Tỳ-kheo thầy đang ngồi
Một mình trong rừng vắng
Phải niệm Phật, Pháp, Tăng
Và giới pháp đã thọ
Tâm được nhiều hoan hỷ
Biết rõ cảnh giới khổ.*

M

355.

Có một Tỳ-kheo du hành đến Câu-tát-la, nghỉ lại trong rừng. Khi ấy giữa trưa, trời nóng bức, nên sanh bực bội.

Tỳ-kheo nói kệ:

*Giữa trưa trời nắng gắt
Rừng cây đầy hơi nóng
Muôn chim vì nóng bức
Tự trú ẩn không bay
Trong rừng vang tiếng động
Ta nghe sanh kinh sợ.*

Thiên thần trong nghe kệ, nên nói kệ:

*Khi giữa trưa nắng gắt
Chim chóc đều đứng yên
Trong rừng vang tiếng động
Thầy nghe nên vui vẻ
Không nên sanh kinh sợ
Nơi này mà sợ gì!*

M

356.

Khi ấy Tôn giả A-na-luật du hóa nơi nước Câu-tát-la, ở trong một khu rừng. Người vợ cũ của A-na-luật, khi còn ở trên trời, đến rừng này, lạy sát chân Tôn giả, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Xưa, khi còn ở trên trời
Ông chơi giỏi âm nhạc
Lại ca hay múa đẹp
Tùy ý hưởng an lạc
Ông nên phát tâm nguyện
Về Thiên cung của mình
Ở trời Tam thập tam
Cõi này dục phong phú
Thiên nữ luôn vây quanh
Đầy hoan lạc vui thích.*

Tôn giả A-na-luật nói kệ đáp:

*Thiên nữ thật là khổ
Sống dựa vào thân kiến
Những người ưa sanh thiên
Tất cả đều đau khổ
Ta không còn nẻo hậu hữu
Không sanh trời ấy nữa
Thiên nữ, cô nên biết
Ta không còn tử sanh.*

M**357.**

Có một Tỳ-kheo ở trong rừng thuộc nước Câu-tát-la, ngày đêm tụng kinh tinh tấn tu tập chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, vị này không tụng niệm tu tập nữa. Thiên thần ở đó nói kệ:

*Thầy thường tụng pháp cú
Tinh tấn không bỏ phế
Nay vì sao im lặng
Không tụng niệm gì cả?*

Tỳ-kheo nói kệ đáp:

*Trước ta tụng Pháp cú
 Vì chưa chứng ly dục
 Nay ta đã ly dục
 Thành tựu nghĩa Pháp cú
 Nay ta đã thấy biết
 Không còn đọa cảnh giới
 Đã giải thoát hẳn rồi
 Dùng vẫn tự làm gì?
 Trong thế gian tất cả
 Hiểu biết thuộc thấy nghe
 Giải thoát, dứt tất cả
 Không còn thọ thân sau.*

M

358.

Có một Tỳ-kheo ở trong rừng thuộc nước Câu-tát-la, bị bệnh mắt thấy không rõ, mời thầy thuốc xem bệnh. Thầy thuốc bảo:

–Này Tỳ-kheo, nếu thầy có thể ngửi hương hoa sen thì mắt được sáng trở lại.

Vị Tỳ-kheo tin lời thầy thuốc, nói:

–Tôi lấy hoa sen ở đâu?

Thầy thuốc bảo:

–Nếu thầy muốn có hương hoa sen, nên đến chỗ ao sen.

Vị Tỳ-kheo làm theo lời chỉ dẫn, đến hồ sen kia ngửi hương.

Thiên thần thấy như vậy nói kệ:

*Trong hồ, hoa sen nở
 Hương thơm thật ngào ngạt
 Thầy không gặp người chủ
 Vì sao trộm hương hoa
 Như vậy, hiện nay thầy
 Thật đáng gọi là trộm
 Này Đại Tiên vì sao*

Người trộm mùi hương sen.

Tỳ-kheo nói kệ đáp:

*Này Thiên thần biết cho
Hoa sen mọc trong hồ
Ta không bẻ phá cành
Và cũng không lấy trộm
Chỉ gửi hương từ xa
Như vậy thì tại sao
Gọi ta là trộm hương
Ta không nhận lời ấy.*

Thiên thần nói kệ:

*Trong hồ có hương hoa
Tự gửi không hỏi chủ
Chưa được người cho phép
Thế nhân gọi là trộm
Đại Tiên, ngài trộm hương
Như vậy đã phạm tội.*

Khi ấy có một người đến hồ này, dùng liềm cắt hoa và củ mang đi. Tỳ-kheo nói kệ:

*Người kia vào trong ao
Nhổ củ bẻ hoa trái
Giày xéo đạp bừa bãi
Vác bó to trở về
Vì sao không ngăn họ
Nói họ là kẻ trộm?*

Thiên thần nói kệ:

*Người kia đi vào hồ
Thường làm những nghiệp ác
Người mẹ cho trẻ bú
Mặc y phục màu đen
Tuy có dãi sữa chảy
Nhưng không thấy như bẩn
Thầy như áo trắng sạch
Dễ thấy dính vết dơ*

Thế nên tôi ngăn thầy
 Mà không thềm ngăn họ
 Người ác như áo đen
 Làm ác đời không chê
 Áo trắng sạch có điểm
 Nhỏ như vết chân ruồi
 Người đời đều thấy rõ
 Như những người hiền trí
 Có lỗi rất vi tế
 Như vết trên vải trắng
 Vết đen trên ngọc kha
 Từ xa cũng thấy rõ
 Người nào đoạn kết sử
 Các nghiệp đều thanh tịnh
 Có chút lỗi tí ti
 Người xem như gò núi.

Tỳ-kheo nói kệ:

Thiên thần giúp ích tôi
 Vì muốn trừ tội lỗi
 Theo hiểu biết của tôi
 Nhiều cách làm giác ngộ.

Thiên thần nói kệ đáp:

Thầy không thể dùng tiền
 Mà mua chuộc được tôi
 Không thể phá chỗ tôi
 Không thể bắt buộc tôi
 Lợi, hại do thầy biết
 Ai làm thầy giác ngộ?
 Nay thầy nên tự nghĩ
 Những việc lợi hay hại.

M

359.

Một thời Tôn giả Thập Lực Ca-diếp ở trong hang Thê-nê, thuộc

nước Câu-tát-la. Có một thợ săn tên Liên-ca giăng bẫy nai cách Tôn giả không xa. Tôn giả vì lòng từ bi nên thuyết pháp cho thợ săn, nhưng người ấy không hiểu pháp. Đầu ngón tay cái của Tôn giả Ca-diếp hiện hào quang, thợ săn tuy thấy nhưng không từ bỏ việc ác ấy, chỉ lo suy nghĩ: “Nai lọt vào lưới này, hay không vào lưới này!”.

Khi đó, vị thần ở hang Thê-nê, nói kệ:

*Thợ săn ở rừng sâu
Thiếu trí mắt mù tối
Thuyết pháp chẳng đúng thời
Thật uổng cho lời nói
Dù mười ngón tay thầy
Đồng thời hiện hào quang
Cũng không thể khiến họ
Thấy được Tứ diệu đế
Họ hoàn toàn không trí
Hành động các pháp sai
Không an lạc, thù miên
Chán ghét, đảo tịnh tưởng
Ca-diếp hãy tu tập
An trụ Xà-lợi-na.*

M

360.

Khi ấy Tôn giả Bạt Kỳ Tử, du hành đến nước Câu-tát-la, trú trong rừng kia.

Khi ấy tất cả dân chúng trong nước đó đều tổ chức đại hội cúng tế sao Câu-vật-đề trong bảy ngày bảy đêm.

Tôn giả Bạt-kỳ Tử thấy như vậy, tâm hơi buồn bã, nói kệ:

*Ta ở trong rừng cây
Cũng như cây bị vứt
Ta như cây bỏ đi
Một mình ở góc rừng
Nay đến ngày trăng tròn
Ai chịu khó đến ta?*

Thiên thần biết ý niệm của vị ấy, nên nói kệ hỏi:

*Thầy đang ở trong rừng
Sao xem như cây bỏ?
Địa ngục tham Đao-lợi
Ham trời, thấy cũng vậy!*

M

361.

Có một Tỳ-kheo du hành đến Câu-tát-la, trú ngụ trong rừng, tu trì cấm giới, cho là đã thỏa mãn, không cầu tiến nữa.

Thiên thần nói kệ:

*Không nên với trì giới
Đa văn và thiền định
Sống ở nơi thanh vắng
Nhưng chưa hết các lậu
Vậy không được tự mãn.
Dùng trí làm tổn giảm
Xa lánh pháp phàm phu
Đạt Bồ-đề an lạc.*

M

362.

Tại nước Câu-tát-la, có một Tỳ-kheo tên là Long Dữ trú trong rừng kia, ưa thích pháp thế tục, sáng sớm đi vào làng, chiều tối mới về.

Thiên thần tự nghĩ: “Tỳ-kheo trẻ tuổi này, thích gần gũi với sự ồn ào, sáng đi chiều tối mới về. Ta nên cảnh tỉnh vị ấy”, liền nói kệ:

*Vì sao đi quá sớm
Trời sập tối mới về
Xem hình dung tướng mạo
Giống như người tại gia
Thường đi đi về về
Khổ vui như thế tục
Long Dữ, thầy nên biết*

*Cần phải chánh tư duy
Chớ tham nhà thế tục
Làm hại hạnh thanh tịnh
Hành động hãy cẩn thận
Không bị phóng dật lời.*

M

363.

Khi ấy có rất nhiều Tỳ-kheo, ở trong rừng thuộc nước Câu-tát-la. Nhiều Tỳ-kheo luôn dao động phóng dật, ít hổ thẹn, thô tháo ngang ngược, không chánh niệm, tâm ý lo lắng, các căn tán loạn.

Thiên thần suy nghĩ: “Pháp của Tỳ-kheo không nên như vậy, đây thật là bất thiện, ta sẽ vì họ nói kệ cảnh tỉnh”.

Thiên thần nói kệ:

*Các đệ tử Cù-dàm
Sinh hoạt bằng chánh mạng
Khi khát thực, an trú
Luôn nghĩ đến vô thường
Khi đi, đứng, ngồi, nằm
Cũng nghĩ đến vô thường
Nay tự khó nuôi dưỡng
Bạo ngược tâm loạn động
Cũng như người thế tục
Khất thực cũng ham ngủ
Không chịu ở nhà mình
Thân cận nhà người khác
Như bị người bắt buộc
Cưỡng bức làm Sa-môn
Thật không có tín tâm
Cũng không cầu xuất gia
Giả mặc Tăng-già-lê
Như trâu già mang cày.*

Khi ấy các Tỳ-kheo đáp:

–Ông muốn chê bai chúng tôi phải không?

Thiên thần nói kệ đáp:

*Ta không nêu dòng họ
Cũng không nói tên họ
Tôi thật kính Tăng bảo
Chỉ chê kẻ có lỗi
Nếu ai sống tinh tấn
Tôi xin lạy sát chân.*

M

364.

Tại nước Câu-tát-la có một Tỳ-kheo sống trong rừng, làm bạn thân với một Trưởng giả.

Bấy giờ Trưởng giả có một người vợ trẻ đẹp. Tỳ-kheo đôi khi cùng cô ta nói ít chuyện. Mọi người đều chê bai cho là phi pháp.

Khi Tỳ-kheo nghe như vậy, trong lòng buồn bã, muốn đi vào rừng để tự hoại.

Thiên thần suy nghĩ: “Tỳ-kheo ấy thật không có lỗi, mà vào rừng này tự hoại thật là phi lý. Ta nên giúp cho ông ta giác ngộ”.

Thiên thần này hóa ra thiếu phụ kia, đến gặp Tỳ-kheo.

Vị Tỳ-kheo thấy thiếu phụ giả, nói với cô ta bằng kệ:

*Như chợ giữa ngã tư
Thật là nơi rộng rãi
Chỉ có lời ô nhiễm.
Giữa nhóm ba bốn người
Tụ tập sanh hủy báng.
Cô biết việc này rồi
Hãy mau đi nơi khác
Chớ nên đứng ở đây.*

Thiên thần giả thiếu phụ nói kệ:

*Xuất gia nên nhẫn thọ
Lời chê bai hủy báng
Lời phỉ báng không thật
Chẳng nên sanh sầu não
Lời trống chẳng vướng ta*

*Chỉ là lời hư vọng
Tự tỉnh không lỗi lầm
Không nên sanh khổ não
Nghe chê mà sợ hãi
Làm sao sống trong rừng?
Như con nai hoang kia
Trọn đời chạy không dừng.
Nhẫn được tiếng khen chê
Thiện ác thượng trung hạ
Hành giả có trí thức
Thành tựu đủ chánh hạnh
Không vì lời của người
Thành Mâu-ni hay giặc
Thầy hãy tự xét mình
Đã không có lỗi lầm
Hiền thánh và chư Thiên
Đều biết thầy không lỗi.*

Thiên thần nói kệ xong, liền biến mất tại chỗ. Khi ấy Tỳ-kheo ngày đêm tinh tấn tâm không nghỉ ngơi, đoạn trừ phiền não, chứng quả La-hán.



SỐ 101

KINH TẠP A-HÀM

Hán dịch: Mất tên người dịch.

-Phụ vào dịch phẩm đời Ngô, Ngụy.

1. Nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Câu-tát. Có nhiều Tỳ-kheo cùng du hành đến rừng trúc. Một số Tỳ-kheo ở trong rừng trúc, đến thôn xóm giữa rừng thông.

Khi ấy có vị Bà-la-môn làm ruộng, họ Bồ lư cùng năm trăm người nông phu cùng nhau tụ tập ăn uống ở ngoài rừng trúc.

Bấy giờ, Đức Phật thấy trời còn quá sớm, nên Ngài từ rừng trúc đi về hướng nhà nông, nơi có nhiều nông phu đang hội họp ăn uống. Khi Đức Phật đến nơi, các nông phu đang ăn. Họ thấy Ngài liền nói:

–Tôi tự cày cấy trồng tía, nhờ vào đó để ăn uống. Bạn cũng đầy đủ sức khỏe để làm việc, vậy hãy cày, hãy gieo trồng và nhờ vào đó để ăn uống.

Đức Phật bảo nông phu:

–Ta cũng cày bừa trồng tía, nhờ vào đó để ăn.

Nông phu nói:

–Tuy Phật nói: “Ta cũng cày bừa trồng tía, nhờ vào đó để ăn uống”, nhưng tôi không thấy bạn có dụng cụ trồng tía như bò, đòn cày, ách, nạng cày; chỉ nói theo kiểu trồng tía của nhà nông, sau đó rồi thôi. Tôi không thấy dụng cụ cày bừa, hãy nói dụng cụ của bạn cho tôi biết.

Phật bảo:

–Lòng tin là hạt giống, hành động là nước, trí tuệ là bò, biết hổ thẹn là cày, tâm là nạng cày, ý là lưỡi cày kim loại, giữ gìn thân, khẩu trong ăn uống là bờ gò, luôn luôn chí thành điều phục là vùng đất, tinh tấn không bỏ đòn cày, làm việc cho đến khi an ổn, tiến tới không lùi, hành động không ưu sầu, gieo trồng như vậy cho đến chỗ pháp giác ngộ. Gieo trồng như vậy khiến giải thoát tất cả các khổ.

Sau khi nghe Phật dạy, nông phu nói:

–Phật đúng là nông gia, thật là nông gia lớn.

Họ đem đầy bát thức ăn dâng lên Phật, thưa:

–Xin Ngài thương xót nhận thức ăn của chúng con.

Phật dạy:

–Không được thuyết kinh rồi để nhận thức ăn, hành giả hãy tự biết về pháp đã hỏi, Phật thuyết kinh điển, pháp thường là như vậy, thuyết pháp không phải hướng về lợi dưỡng mà hướng về đạo vì trừ sạch phiền não, nghi hoặc trói buộc tâm ý, với thức ăn uống này nên cúng dường như pháp, phước lớn như đại địa.

Bà-la-môn bạch Phật:

–Nay con đem thức ăn này cho ai?

Phật dạy:

–Trong thế gian không có Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn nào ăn thức ăn này có thể tiêu hóa được, trừ Bạc Chánh Đẳng Giác. Hãy đem thức ăn này ném vào trong chỗ nước không có trùng, hay nơi đất trống không có cỏ xanh, hoặc đào chôn.

Bà-la-môn vâng lời Phật dạy, đem thức ăn ném vào trong chỗ nước không có trùng. Sau khi ném vào, trong nước sôi sùng sục, phát tiếng kêu lớn, phun lửa khói. Ví như đem miếng sắt nung đỏ một ngày trong lửa, rồi ném vào nước, làm nước sôi sùng sục phát ra tiếng. Bà-la-môn đem thức ăn ném vào nước, lửa khói phát ra, nước sôi sùng sục. Ông ta kinh sợ, toàn thân dựng lông, liền trở về, đem đầu mặt mình làm lễ sát chân Phật, thưa:

–Con xin được theo Phật làm Sa-môn, từ bỏ việc ác, thọ giới pháp của Phật để phụng hành.

Phật dạy:

–Ông được phép hành đạo thanh tịnh.

Bà-la-môn sau khi thọ giới pháp của Phật, tu tập Phật pháp chứng quả Vô sanh.

Phật giảng dạy như vậy.

M

2. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bà-la-môn Sanh Văn đến gặp Đức Phật, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa với Phật:

–Tôi nghe Phật có nói: “Chỉ nên bố thí cho Ta, không nên bố thí cho người khác, bố thí cho Ta được phước lớn, bố thí cho người khác không được phước lớn. Chỉ nên bố thí cho đệ tử của Ta, chớ nên bố thí cho đệ tử của kẻ khác, bố thí cho đệ tử của Ta được phước lớn, bố thí cho đệ tử của kẻ khác không được phước lớn”. Nếu ai nói như thế này: “Bố thí cho Ta và đệ tử của Ta được phước lớn”, giả sử có người nói như vậy, có phải là hủy báng Phật luận nghị không đúng? Nếu là lời Phật nói thì phải chăng lời đó không đúng? Là không đúng pháp? Có phạm pháp hay không? Là hợp lý hay không hợp lý?

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Nếu ai bảo Phật nói thế này: “Chỉ bố thí cho Ta đừng cho người khác, hãy bố thí cho đệ tử của Ta đừng cho người khác, bố thí cho đệ tử của Ta được phước đức lớn, bố thí cho đệ tử của người khác được phước đức nhỏ”; ai nói như vậy là không đúng, và không đúng lời luận nghị của Ta. Nói lời không đúng như vậy là luận nghị phi pháp. Vì sao? Ta không nói rằng bố thí cho Ta đừng bố thí cho người khác... *như trên*. Ai nói như vậy là phá hoại cả ba mặt: phá hoại phước của người bố thí, phá hoại đức của người thọ thí, và tự phá hoại ý của mình. Nếu có người nào đem nước rửa nồi, bồn đựng thức ăn đến khu vườn và đổ trong vườn với ý nghĩ côn trùng trong vườn nhờ ăn thức ăn trong nước ấy mà được an ổn. Ta nói nhờ nhân duyên đó người kia còn có phước, huống chi đem bố thí cho con người. Ta chỉ nói, cho người trì giới thì có phước lớn, cho người

không trì giới thì có phước ít.

Bà-la-môn bạch Phật:

–Con cũng nói như vậy, cho người trì giới thì phước lớn, cho người không trì giới thì phước nhỏ; nên bố thí đến tất cả tùy ý, người không trì giới thì ít phước, người có trì giới thì phước lớn. Như trong đàn bò, có con màu đen, trắng, đỏ, vàng; khổng tước, bồ câu cũng vậy. Căn cứ nơi thân ấy để xét con nào sanh ra thuần chủng, con nào sức lực khỏe mạnh, con nào hung hiền, thì chỉ xét hành động chứ không xét màu sắc. Con người cũng vậy, có người xuất thân là đạo nhân, nông phu, người trong thành hay người khiêng thầy chết, mỗi người đều có chỗ xuất thân của mình, nhưng người nào trì giới thì vượt trên thế gian, bố thí cho họ được phước lớn, cho người ngu si thiếu hiểu biết thì ít phước. Chớ phụng sự hạng không hiểu biết, chỉ nên phụng sự bậc hiểu biết, vị Thánh đệ tử nhiều trí tuệ, vị Thánh đệ tử có lòng tin chắc chắn. Có nhân duyên, mà từ nhân duyên này được sanh thiên. Có nhân duyên, mà từ nhân duyên này bị đọa vào cõi ác. Có nhân duyên mà từ nhân duyên này thoát khỏi thế gian. Tất cả đều từ nhân duyên sanh.

Bà-la-môn Sanh Văn đứng dậy, đầu mặt lạy sát chân Phật, từ đó xin quy y Phật, thọ trì giới luật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy.

M

3. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một thanh niên Bà-la-môn tên Tang-yết-xà, đến gặp Phật, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, hỏi:

–Quan sát thế nào để biết người ác?

Phật đáp:

–Người ác dụ như mặt trăng.

Hỏi:

–Quan sát thế nào để biết người có trí?

Đáp:

–Người trí dụ như mặt trăng.

Hỏi:

–Vì sao người không có trí tuệ như mặt trăng.?

Đáp:

–Như ngày hai mươi chín, ánh sáng bị giảm, màu sắc cũng giảm, bề mặt cũng giảm, không lộ rõ, quá nửa đêm giảm dần, đến khi trăng lặn mất không còn hiện nữa. Người ngu cũng như vậy, Được nghe kinh pháp, giới luật, trí tuệ từ những bậc đắc đạo, nhưng không lắng nghe, không ghi nhớ, không phụng hành, từ bỏ giáo pháp, không chịu tu tập, từ đó tín giảm, giới giảm, văn giảm, thí giảm, tuệ giảm, như trăng qua nửa đêm. Nay Bà-la-môn, có một lúc nào đó làm cho người ngu bị mất hết những pháp lành đã được, không còn hiện hữu nữa như mặt trăng bị mất hoàn toàn vào ngày hai mươi chín. Như vậy, quan sát người ngu si cũng như mặt trăng.

Thưa:

–Xin nói cho biết về người trí tuệ.

Phật đáp:

–Như trăng vào ngày mười lăm ánh sáng càng tăng, bề mặt càng tròn, thấy càng rõ. Lúc trăng tròn sáng hoàn toàn là vào ngày mười lăm. Cũng vậy, người có trí tuệ nghe lời đạo đức, như pháp tu hành, phát sanh tín tâm, từ tín tâm, không quên pháp đã được nghe, nhờ học tập nhiều, được tăng trưởng tín, giới, văn, thí, tuệ thêm cao. Mặt trăng vào giữa đêm tròn sáng là lúc hoàn toàn tăng trưởng. Người có trí tuệ thực hành tất cả pháp luật thanh tịnh, cũng như vào ngày mười lăm trăng tròn sáng hoàn toàn; xem người trí tuệ cũng như vậy. Nay Bà-la-môn, như vậy là theo ví dụ mặt trăng thay đổi để nói với kẻ trí và ngu. Như mặt trăng vận chuyển giữa hư không, vượt lên trên muôn sao trong thiên hạ. Người có tín văn, cũng như vậy, thường bố thí không có tham tiếc những điều khó bỏ. Thế gian nhờ bố thí mà được sáng suốt. Như sấm chớp to, mây nhiều làm mưa xuống thấm ướt đất, người có tín văn cũng như vậy, thường bố thí không có tham tiếc. Có thức ăn uống đem bố thí đầy đủ thì được tiếng khen vang xa như mưa xuống đất, lại được phước đức lớn như trời mưa ngũ cốc là châu báu. Người này được tiếng khen tận cõi

trời, đời hiện tại có đức hạnh, đời sau được sanh vào cõi trời.

Tang-yết-xà đứng dậy, đầu mặt lạy sát chân Phật, thưa:

– Từ nay về sau con xin thọ trì tu tập theo pháp luật của Phật.

Phật giảng dạy như vậy.

M

4. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Khi vừa đắc đạo ở bên gốc cây Ni-câu-loại, bên bờ sông Khuất nhiên, nước Ưu-đọa-la, Ta suy nghĩ: “Thực hành một đạo khiến hành giả có thể thoát khỏi ưu khổ không vừa ý, đắc Niết-bàn, đạt được chánh pháp. Thế nào là chánh pháp? Là bốn ý chỉ.

Bốn ý chỉ là gì? Là Tỳ-kheo quán sát hành động đứng, đi trên thân của thân, tự rõ biết thoát khỏi si mê, không vừa ý của thế gian, quán sát ngoại thân trên thân, quán sát nội ngoại thân trên thân, tự biết rõ, thoát khỏi si mê không vừa ý trong thế gian; đối với thọ ý pháp cũng như vậy. Hành giả nào xa lìa bốn ý chỉ này, thì xa lìa giáo pháp, xa lìa giáo pháp thì xa lìa sự hành đạo, xa lìa sự hành đạo thì xa lìa con đường giác ngộ, đã xa lìa con đường giác ngộ thì không vượt khỏi sanh, lão, tử, ưu não, không thoát khổ, không giải thoát. Nếu hành giả thực hành bốn ý chỉ, thì thọ nhận đạo, đã thọ nhận được đạo thì đắc đạo, đã đắc đạo thì diệt trừ lão, bệnh, tử, ưu não, thoát khổ, đạt giải thoát”.

Phạm thiên biết ý nghĩ của Ta, liền biến mất ở cõi Phạm, xuất hiện trước Ta, trong thời gian nhanh như người khỏe mạnh co duỗi cánh tay, thưa:

– Thật đúng như Phật nghĩ, thật đúng như Phật nói, có một đạo làm cho thanh tịnh, làm cho thoát khỏi ưu khổ không vừa ý, đạt đến Niết-bàn, đạt được lợi ích của chánh pháp, đó là thực hành Bốn ý chỉ, quán sát hoạt động của thân trên thân, tự biết rõ, thoát ly si mê không vừa ý trong thế gian; quán sát ngoại thân trên thân; quán sát nội ngoại thân trên thân, tự biết rõ, thoát ly si mê không vừa ý trong thế gian;

thọ tâm pháp cũng như vậy. Hành giả nào xa rời Bốn ý chỉ thì xa rời giáo pháp, xa rời giáo pháp thì xa rời sự hành đạo, xa rời sự hành đạo thì xa rời nẻo giác ngộ, đã xa rời nẻo giác ngộ thì không thoát ly sanh, lão, tử, ưu não, cũng không thoát khổ, không biết con đường thoát khổ. Đây là biết phương pháp tu tập.

*Như vết chân chim vượt qua nước
Đức Phật thuyết pháp hành của Ngài
Thọ trì lời này tự suy nghĩ
Một đường thoát ra khỏi sanh tử
Giáo pháp từ bi độ thế gian
Thoát khỏi đời này và đời sau
Đây là gốc thanh tịnh vô vi
Sanh, lão, tử, từ đây chấm dứt
Thọ trì pháp này và thực hành
Đây là pháp Bạc Đạo Nhãn dạy.*

Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

5. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào ban đêm với hào quang rực rỡ, Tự Phạm thiên đi đến chỗ Đức Phật, trong khi Phật đang thiền định.

Tự Phạm thiên suy nghĩ: “Đức Phật đang thiền định, gặp Ngài thì sớm quá, vậy ta nên đến gặp Tỳ-kheo Câu-phi-lê thuộc nhóm Điều-đạt trước”.

Tự Phạm thiên đi đến gặp Tỳ-kheo Câu-phi-lê thuộc nhóm Điều-đạt, nói với Tỳ-kheo ấy:

–Này Câu-phi-lê, này Câu-phi-lê, hãy đối với Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên với ý tưởng tốt, như đối với các vị đạo hạnh trí tuệ khác.

Câu-phi-lê thuộc nhóm Điều-đạt nói:

–Ông là ai?

Phạm thiên nói:

–Tôi là Phạm thiên.

Câu-phi-lê thuộc nhóm Điều-đạt nói:

–Phật nói ông đắc A-na-hàm phải không?

Đáp:

–Đúng vậy.

Câu-phi-lê nói:

–Vì sao ông đến đây?

Phạm thiên tự nghĩ: “Vì sao vị này không có tâm Từ?”.

Phạm thiên liền nói kệ:

*Không thể lường, muốn đo lường
 Vì vậy thế gian thiếu trí tuệ
 Không thể lường, muốn đo lường
 Vì vậy thế gian bị che đậy.*

Phạm thiên đến chỗ Phật, sau khi đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Con là Tự Quang Minh, trong đêm đến gặp Phật, trong khi Ngài đang thiền định. Con suy nghĩ: “Thật quá sớm để ta đến gặp Phật. Ngài đang thiền định, vậy ta hãy đến gặp Tỳ-kheo Câu-phi-lê thuộc nhóm Điều-đạt trước”. Con đến gặp Tỳ-kheo Câu-phi-lê. Sau khi gặp nhau, con nói: “Này Câu-phi-lê, này Câu-phi-lê, hãy đối với Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên với tâm tốt như đối với các vị đạo hạnh khác”.

Vị ấy hỏi: “Ông là ai?”

Con đáp: “Tôi là Phạm thiên”.

Vị ấy nói với con: “Phật nói ông chứng A-na-hàm phải không?”

Con đáp: “Đúng vậy!”

Vị ấy nói: “Vì sao ông đến đây?”

Con suy nghĩ: “Ôi! Người này không có tâm Từ!”

*Không thể lường, muốn đo lường
 Vì vậy thế gian thiếu trí tuệ
 Không thể lường, muốn đo lường
 Thế gian chấp ngã, con tự biết.*

Đức Phật nói:

–Câu-phi-lê cùng Điều-đạt thích thú trong việc kết hợp với

nhau.

Thế Tôn nói kệ:

*Không thể lường, lại muốn lường
Nên thế gian khó có tuệ
Không thể lường, lại nói lường
Từ đó thế gian bị vây kín.*

Đức Phật thuyết giảng như vậy.

M

6. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba phương pháp tự mưu sanh, chưa được lợi ích làm cho lợi ích, đã được lợi ích thì không giảm mất. Những gì là ba? Đây Tỳ-kheo, ở đây có người tự mưu sanh bằng cách, sáng sớm nghĩ đến nhiều phương pháp tận lực hưởng đến mưu sanh, giữa ngày cũng vậy, chiều tối cũng vậy, tìm nhiều phương pháp, tận lực làm cho có lợi ích. Tỳ-kheo mưu sanh với ba pháp cũng như vậy, chưa được pháp lành thì làm cho được, đã được pháp lành thì không cho suy giảm. Thế nào là ba? Đây các Tỳ-kheo, ở đây có Tỳ-kheo sáng sớm thọ trì đạo pháp chánh niệm, ý ghi nhớ không quên, giữa trưa, chiều tối cũng vậy, thọ trì nhiều với ý định, thọ trì, thực hành, ý không quên thì thường tăng trưởng đạo nghiệp.

Phật giảng dạy như vậy.

M

7. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc Ô tụ, thuộc thành Vương xá.

Ở thành Vương xá có một Bà-la-môn tên là Bất Tín Trọng. Ông ta suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm ở đang trong vườn Trúc tụ, thuộc thành Vương xá. Ta nên đến gặp Sa-môn Cù-đàm. Đối với kinh pháp ông ta nói ra, ta sẽ bài bác tất cả lời ấy, không tin”.

Bất Tín Trọng ra khỏi thành Vương xá, đến chỗ Phật.

Khi ấy Phật đang thuyết pháp cho hội chúng hằng trăm người ngồi vây quanh, ngài thấy Bất Tín Trọng từ xa đến, nên im lặng không thuyết pháp nữa.

Sau khi đến gặp Phật, Bất Tín Trọng thăm hỏi và ngồi qua một bên, nói với Phật:

– Xin Phật giảng kinh, tôi muốn nghe.

Đức Phật trả lời Bà-la-môn Bất Tín Trọng:

*Người trọng pháp sai lầm
Cũng không hiểu lời nói
Kẻ tâm ý cuồng loạn
Họ đều muốn tranh cãi.
Ai ý không tranh cãi
Chỉ tranh với hỷ tham
Tranh đua với sân hận
Người vậy hiểu lời pháp.*

Bất Tín Trọng liền đứng dậy, đầu mặt lạy sát chân Phật, thưa:

– Con đã hiểu, đã hiểu. Con vì ngu si không hiểu, thật sai lầm nên mang ý ác đến đây, hướng về Đức Như Lai Vô Sở Trước. Con vì có ý ấy nên Ngài từ chối dạy, không muốn tin. Từ nay về sau con xin sám hối điều sai lầm của mình, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng trọn đời.

Phật giảng dạy như vậy.

M

8. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Ta thuyết pháp cho các đệ tử, có khi nói gọn, có khi nói đầy đủ, nhưng khó có người được hiểu.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Nói gọn cũng có đệ tử hiểu, nói đầy đủ cũng có đệ tử hiểu.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nên học như vậy: Nội ngoại thân thức, với tất cả tư tưởng đều không có ngã và ngã sở, kiêu mạn; hiểu như vậy với trí tuệ thì tự thấy pháp, tự hiểu, tự biết pháp tu tập. Trong ngoài thân thức này, với tất cả tư tưởng đều không có ngã, ngã sở, kiêu mạn. Đây Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, trong ngoài thân thức này, với tất cả tư tưởng đều không có ngã, ngã sở, kiêu mạn, hiểu biết như vậy với trí tuệ, thấy pháp với trí tuệ, tự thấy, tự biết hành động đúng. Đây Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, đây gọi là vô sở trước, dứt sạch lậu, đạt đến bậc vô học, vượt thế gian. Vì thế nên Ta dạy như vậy.

Phật thuyết kệ:

*Pháp giải thoát rất nhiều
Phá dục và dục tưởng
Tâm ý nên tránh dục
Và trừ diệt tối tăm
Và trừ luôn nghi kết
Quán ý đến thanh tịnh
Tư duy gốc ngọn pháp
Đã giảng tuệ giải thoát
Và thuyết pháp phá si.*

Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

9. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thân này có da thịt, máu tủy, thịt sống, bên trong chứa đầy phần uế, tự thấy thân này có gì tốt đẹp đâu, chín lỗ bất tịnh thường có bệnh xấu, thường phải lau rửa thật đáng xấu hổ, thường cùng với oan gia hội họp đến già chết, gắn liền với bệnh hoạn. Vì sao không nhàm chán thân thể phải bị ngã xuống, bị hư nát này, sẽ bị vứt ra ngoài đất, vô dụng, bị chồn sói ăn thịt. Thấy như vậy sao lại không sợ, sao còn nói đến tham dâm. Như Phật đã dạy, tự tâm hãy quán sát dục như cái chậu, cái bàn của đồ tế, như đống xương, như bị lửa đốt,

như bị tên độc bắn làm đau đớn, người ngu ưa thích mà không tự biết. Vì sao không sợ lưới tham dâm, thật ngu si lắm thay. Con người vì mạng sống nên cố cầu tiền, lúa thóc, vàng, bạc, bò, ngựa, nô tỳ; mạng sống trong hơi thở, lại rất ngắn ngủi, sống nhiều lắm chỉ hơn trăm tuổi với các khổ vây quanh. Quán sát như vậy có gì đáng ưa! Mạng sống trong quá khứ đã qua nhanh, phần còn lại rất ít, chấm dứt theo ngày, như nước sông chảy nhanh, như mặt trời mặt trăng lặn, mạng người đã trôi qua trong quá khứ rất nhanh, mạng sống trôi qua không trở lại, như vậy mạng sống trôi qua không hẹn đến khi chết. Giả sử có rất nhiều tài sản quý báu ở cõi trời vô số kể, nhưng đến khi chết, đem đến cũng không làm vui được, không thể ngăn được, không thể làm cho an vui, cũng không tự an vui. Không gì bằng hãy tự làm thiện, không có gì bằng sự làm thiện như vậy. Ai thấy biết về cái chết như thế, thì người nào còn chạy theo tham dâm. Nếu sống thọ hay yếu rồi cũng phải chết, vì sao tâm ý chạy theo dục lạc. Vì sao vậy? Vì không nghĩ đến sự thanh tịnh, tâm ý yêu con cái, nếu con chết khóc lóc chẳng qua chừng mười ngày, sau đó thì quên ngay; vợ con yêu cũng vậy; quyến thuộc, gia đình, bạn bè cũng vậy. Khổ nhọc một đời làm ra tài sản, khi chết phải chia lìa, thân thể đáng yêu này cũng bị vứt bỏ, bị chôn xuống đất, các ấm tan rã. Cái chết theo đời sống của người như trái chín trên cành. Thấy rõ như vậy thì người nào còn ý tham đắm. Một người được cả vạn vật trong thiên hạ cũng chưa vừa ý, nếu được một phần làm sao vừa ý. Vô số kiếp hưởng thọ năm dục, rồi có ích lợi gì cho người, đến khi thọ khổ, bị tội thì có ích gì, khi ấy muốn được an tịnh thì nào khác gì bị rắn độc quấn thân, ít nhiều cũng vậy. Như bị bệnh thì ít nhiều cũng khổ. Như khúc xương không còn thịt, con chó gặm mãi không chán, dục cũng vậy, như con chó gặm mãi không được gì, nếu được thì có nhiều sợ hãi, con người tập theo dục không bao lâu sẽ đọa vào chỗ ác. Như người tỉnh mộng không còn tham dâm, còn như trong mộng thì có thích thú. Dục như rắn hổ, như thịt trên móc câu, như trái cây đã chín trên cành còn ít, rụng nhiều. Tăng trưởng kết sử, hành động theo căn bản ác, người ấy không thích hợp với hàng xuất gia. Hưởng mọi dục lạc trên cõi trời với cây đẹp trong vườn, với Thiên nữ, với năm dục

làm cho người không chán, vậy nay làm sao chán thế gian? Hãy xem thân này với hai trăm đốt xương, một trăm đốt xương, một trăm hai mươi đoạn được ràng buộc bởi gân, chín lỗ thường chảy ra chín mươi ba loại, với hằng trăm loại bệnh, máu thịt hòa nhau sanh trưởng dưới lớp da, bên trong là phong hàn nhiệt, là phần uế, với ngàn loại trùng, đều từ thân sanh ra. Có hằng ngàn lỗ chân lông chảy ra bất tịnh, mũi dãi từ mũi chảy ra, đàm, nước miếng từ miệng chảy ra, mồ hôi từ nách chảy ra, phần uế từ đại tiểu tiện chảy ra, các thứ như vậy trong thân chảy ra rất nhiều. Thân người chết trong nghĩa địa thật đáng gớm, sau khi rã tan thật đáng gớm, đều là vật bất tịnh. Thân này xưa nay như vật được mạ vàng bên ngoài, được che đậy thoa bôi do y phục, lụa là, phấn sáp đỏ xanh. Người ngu thấy vậy nên tâm ý cuồng loạn, như cái bình được vẽ bên ngoài, như hố bần được đậy cỏ. Con người yêu mến thân này sau phải hối hận.

Các Tỳ-kheo đảnh lễ, nghe lời Phật dạy.

M

10. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật gọi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo xin thọ giáo.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, con người có bốn nhân duyên gây nên tham ái nặng nề, từ đó xa rời đạo. Này Tỳ-kheo, như một kẻ có bốn người vợ.

Người vợ thứ nhất được chồng xem trọng, đi đứng nằm ngồi, làm việc ngủ nghỉ luôn luôn gần nhau, được ưu tiên về tắm rửa, trang sức, ăn uống, hưởng năm dục, chăm sóc khi nóng lạnh, đói khát; nghịch thuận thường chiều theo ý muốn, không làm phiền lòng.

Người vợ thứ hai thường trực hai bên khi đứng ngồi nói chuyện, được vậy thì vui, không được thì buồn, cả khi đau bệnh hoặc tranh tụng.

Người vợ thứ ba thường hiện diện bên nhau, thường xuyên thăm

hỏi sự khổ vui, khó khăn đau bệnh cùng chịu với nhau, xa nhau thì mong nhớ.

Người vợ thứ tư, bị chồng sai khiến, chạy đi làm việc rất là khổ cực, gặp nhau không thèm hỏi không thèm nói, chỉ mong chồng để ý đến nhưng không toại nguyện.

Người chồng có bốn vợ này, một hôm có việc tang chế, cần phải đi xa, nên bảo người vợ thứ nhất cùng đi theo.

Người vợ thứ nhất trả lời:

–Thiếp không theo chàng được.

Người chồng nói:

–Ta yêu trọng nàng vô cùng, việc lớn nhỏ nhiều ít đều làm theo ý, nuôi nấng luôn luôn vừa ý, tại sao nàng không đi với ta?

Vợ đáp:

–Chàng tuy yêu thương thiếp vô cùng, nhưng thiếp không bao giờ theo chàng.

Người chồng tức giận đi gọi người vợ thứ hai:

–Nàng hãy đi với ta.

Người này đáp:

–Người vợ cả được chàng yêu mến nhất, nhưng bà ta đã không đi theo; thiếp cũng không bao giờ theo chàng.

Chồng nói:

–Khi ta mới tìm nàng khó khăn không thể nói, chịu nóng lạnh, đói khát, nước lửa, quan lại, giặc cướp, lại tranh giành với người, thật khó khăn mới được, tại sao nàng không đi với ta?

Vợ nói:

–Chàng vì tham lợi nên cố cầu được thiếp, còn thiếp không cần chàng, vậy đem những việc khó nhọc ra nói làm gì!

Người chồng tức giận đến nói với người vợ thứ ba:

–Nàng hãy đi với ta.

Người vợ này nói:

–Thiếp thọ ân chàng giúp đỡ, sẽ đưa chàng ra khỏi thành nhưng không theo chàng đi xa đến tận nơi kia.

Người chồng tức giận, trở lại bàn luận với người vợ thứ tư:

–Ta sẽ đi khỏi nước này, nàng hãy đi theo ta.

Người vợ này nói:

–Thiếp đã xa rời cha mẹ đến đây tùy thuộc chàng sai khiến, dù sống chết, vui buồn cũng sẽ theo chàng đến nơi.

Người chồng không được ba người vợ vừa ý đi theo, chỉ có người vợ xấu, khổ, không vừa ý thì đi theo.

Phật dạy:

–Người chồng ở trên, chỉ cho thần thức của con người. Người vợ thứ nhất chỉ cho thân thể. Con người yêu mến thân thể mình còn hơn người vợ thứ nhất, đến khi chết thần thức tùy theo tội phước ra đi một mình, thân thể cứng đơ trên đất, không chịu đi theo.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo không dốc tu tập bốn hành thì không thể giải thoát. Những gì là bốn? Một là ưu khổ, hai là tập dục, ba là diệt tận không còn, bốn là con đường làm tiêu diệt các nẻo ác có tám nhánh; thực hành bốn Thánh đế.

Người vợ thứ hai là tài sản của người, được thì mừng, không được thì buồn; đến khi qua đời tài sản vẫn còn lại trên thế gian, không đi theo người, uổng công sâu khổ.

Người vợ thứ ba là cha mẹ, vợ con, anh em thân thuộc, bạn bè, nô tỳ. Khi còn sống ân ái, yêu mến nhau, đến khi qua đời thì khóc lóc đưa tiễn nhau ra ngoài thành, tới nghĩa địa, sau khi vứt bỏ thân chết rồi cùng nhau ai về nhà nấy, ưu tư bất quá chừng mười ngày, tiếp đó thì xúm nhau ăn uống, quên hẳn người chết.

Người vợ thứ tư là ý của con người, trong thế gian không có ai yêu mến và giữ gìn ý cả, đều phóng tâm buông ý, tham dục sân giận, không tin chánh đạo, sau khi chết bị đọa đường ác, hoặc địa ngục, súc sanh, ngã quý, đều do vì buông lung tâm ý.

Này Tỳ-kheo, hành đạo cần phải chánh niệm tỉnh giác, loại trừ tâm ngu si, không hành động ngu si, chấm dứt hành động ác. Không hành động ác thì không bị quả báo khổ, không thọ quả khổ thì không sanh, không sanh thì không già, không già thì không bệnh, không bệnh thì không chết, không chết là đắc đạo Niết-bàn giải thoát.

Đức Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

M

11. Nghe như vậy:

Một thời Phật ở núi Kê, thuộc thành Vương xá.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người sống trong thế gian, sanh tử trong một kiếp, tập trung xương của họ lại, giữ không bị hư hoại, thì nhiều bằng núi Tu-di. Con người dù có sanh tử trong trăm kiếp, trong ngàn kiếp vẫn chưa đắc đạo quả A-la-hán, Niết-bàn.

Này các Tỳ-kheo, gom xương của người trong một kiếp thì bằng núi Tu-di, thế nên Ta dạy nhân duyên về nguồn gốc sanh tử ấy. Này Tỳ-kheo, các ông cần phải nhỏ sạch, xa lìa gốc sanh tử; tu tập như vậy thì không còn sanh tử. Không còn sanh tử thì chứng Niết-bàn, giải thoát khỏi thế gian.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

12. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật gọi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo vâng dạ, nghe lời Phật dạy.

Đức Phật dạy về sắc:

–Này các Tỳ-kheo, hãy niệm về nguồn gốc của khổ, niệm về vô thường tan hoại, là quán sát đúng. Tỳ-kheo quán sát đúng về sắc, thì biết rõ nguồn gốc của sắc, biết rõ sắc là vô thường tan hoại. Ai biết rõ với quán sát đúng như vậy thì xa lìa sắc ái; sắc ái hoại thì sắc tham cũng hoại; ái tham hoại thì ý giải thoát. Ta dạy về thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Tỳ-kheo-niệm về nguồn gốc của thức, niệm về vô thường và quán sát đúng như thế. Tỳ-kheo nào quán sát đúng như vậy thì lìa được ái, ái hết thì ái tham cũng hết, ắt thoát sanh tử, đắc đạo.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

13. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta giảng cho các thầy về nơi phát sanh ra ác và nơi phát sanh ra thiện. Các Tỳ-kheo hãy lắng nghe và ghi nhớ.

Các Tỳ-kheo bạch:

–Xin vâng.

–Này các Tỳ-kheo, ý ác có từ những nơi nào? Từ sắc quá khứ, vị lai, hiện tại phát sanh tham, sân, sợ hãi, si, tất cả ác kiến; đây là nguồn gốc của ác. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đây gọi là nguồn gốc phát sanh ra ác. Ý thiện có từ đâu? Từ sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, không có ác kiến phát sanh, không có sân, sợ hãi, si, không có một chút ý ác nào cả; đây gọi là ý thiện. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Phật dạy:

–Ta dạy về gốc của thiện ác là như vậy.

M

14. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có Bốn ý chỉ. Thế nào là bốn? Ở đây, có vị Tỳ-kheo quán sát nội thân trên thân, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê, những ưu khổ do si mê. Quán sát ngoại thân trên thân, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê, những đau khổ do si mê. Quán nội ngoại thân trên thân, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê, những khổ đau do si mê.

Quán sát nội thọ trên thọ, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và các đau khổ do si mê. Quán sát ngoại thọ trên thọ, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và những đau khổ do si mê. Quán sát nội ngoại thọ trên thọ, tận lực

chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và những đau khổ do si mê.

Quán sát nội ý trên ý, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và các đau khổ do si mê. Quán sát ngoại ý trên ý, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và các đau khổ do si mê. Quán sát nội ngoại ý trên ý, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê, và các đau khổ do si mê.

Quán sát nội pháp trên pháp, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và các đau khổ do si mê. Quán sát nội ngoại pháp trên pháp, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và các đau khổ do si mê. Quán sát ngoại pháp trên pháp, tận lực chánh niệm, tỉnh ý, không quên, thoát khỏi si mê và các đau khổ do si mê.

Phật dạy:

– Đây là Bốn ý chỉ, đệ tử Phật nên thọ trì tinh tấn thực hành để đắc đạo.

M

15. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nay các Tỳ-kheo, có một pháp, một pháp này, nếu thực hành, tưởng niệm, tu tập nhiều thì thân an tịnh, ý được chánh niệm, sẽ đạt đến sự chấm dứt mong cầu, có trí tuệ, pháp đi với niệm. Thế nào là một pháp? Là một pháp tu tập An ban thủ ý. Tỳ-kheo nào với pháp An ban thủ ý này, tu tập nhiều, niệm nhiều, an trú nhiều thì thân an tịnh, ý chánh niệm, chấm dứt mong cầu, có trí tuệ, đầy đủ niệm và pháp. Nay các Tỳ-kheo, đây là một pháp, là một pháp mà thường xuyên tu tập, đưa đến nhiều lợi ích làm thân an tịnh, chánh ý, chánh niệm, chấm dứt mong cầu, đem đến trí tuệ, niệm pháp này khiến cho sự hành trì tăng trưởng viên mãn. Nay các Tỳ-kheo, đây là một pháp, nếu thường xuyên tu tập sẽ đưa đến đắc đạo.

Phật giảng dạy như vậy.

M

16. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai sức mạnh khiến đạt đạo cao thượng. Hai sức mạnh ấy là gì? Đó là sức quán sát và sức hộ trì.

Thế nào là sức quán sát? Ở đây có vị đệ tử là bậc chân đạo, học tập như thế này: “Thân làm ác thì chịu quả ác, trong đời này và đời sau. Nếu ta làm ác thì tự thân ta đã phạm tội như vậy, mà còn gây hại cho kẻ khác. Đạo sư và đồng đạo đều cho là ta phạm giới, mọi người sẽ nói ta là ác. Ta cũng do nói lời không tốt đẹp, sau khi mất thân này, đọa vào địa ngục. Đây là thân làm ác nên có quả báo ác, đời này có quả ác như vậy, đời sau quả ác cũng không khác. Thế nên thân phải từ bỏ làm ác, làm việc thiện, quán sát thanh tịnh trừ thân ác cho đến không phạm. Thân và tâm đều như thế. Đây gọi là sức quán sát.

Thế nào là sức hộ trì? Ai với chỗ nắm giữ, với chỗ hướng đến, chỗ an trú, có sức hộ trì; thực hành như vậy đạt đến chánh niệm, đến chỗ thành tựu. Đây gọi là sức hộ trì.

Đạo sư giảng dạy như vậy. Các Tỳ-kheo hoan hỷ đánh lễ.

M

17. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba lực. Những gì là ba? Một là Tín lực, hai là Tinh tấn lực, ba là Trí tuệ lực.

Tín lực là gì?

Ở đây có vị Thánh đệ tử thực hành Phật đạo với tâm bất hoại, đi đứng luôn nghĩ đến Phật, nói đúng lời Phật, nói đúng pháp vô sở trước, quán sát đúng với trí tuệ, được hoàn toàn an vui. Như vậy đi đến giác ngộ, bỏ ác, đạt tới trí tuệ sáng suốt. Như vậy gọi là Tín lực.

Thế nào là Tinh tấn lực?

Ở đây có vị Tỳ-kheo đoạn trừ ý ác đã sanh, siêng năng tinh tấn chánh ý làm cho ý ác chưa sanh không phát sanh, ý thiện chưa sanh được phát sanh, ý thiện đã sanh làm cho không quên không mất, ngày càng tăng trưởng chánh niệm viên mãn, tinh tấn làm cho ý giải thoát. Đây là Tinh tấn lực.

Thế nào là Trí tuệ lực?

Tỳ-kheo nào như thật tri về khổ, về khổ tập, về khổ tận, về xuất ly khổ. Đây gọi là Trí tuệ lực.

Đức Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo tín thọ phụng hành.

M

18. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn lực. Bốn lực là gì? Một là Ý lực, hai là Tinh tấn lực, ba là Bất phạm lực, bốn là Thủ lực.

Thế nào là Ý lực? Tỳ-kheo biết rõ, biết thật rõ về thiện và ác lậu; biết phạm, biết không phạm; biết nên làm, biết không nên làm; biết phi pháp, biết đúng pháp; biết pháp trắng, biết pháp đen; biết thật rõ về nguyên nhân phát sanh ra lậu. Đây gọi là Ý lực.

Thế nào là Tinh tấn lực?

Ở đây có vị Tỳ-kheo đối với lời hữu lậu thô ác, lời xúc phạm, lời không nên nói, lời nói đen, lời nói không làm lợi ích cho người; với những lời ấy đều vứt bỏ hết. Nếu đối với lời làm sạch phiền não, lời nói không xúc phạm, lời nói đáng tu tập, lời nên nói, lời nói trắng, lời nói hợp đạo, thế này là các phiền não, làm thế này là tham dục, làm thế này là tinh tấn, thế này là ý nên thọ trì, thế này là ý nên chế ngự. Đây gọi là Tinh tấn lực.

Thế nào là Bất phạm lực?

Ở đây có vị Tỳ-kheo không phạm những điều ngăn cấm về thân, về miệng, về tâm. Đây gọi là Bất phạm lực.

Thế nào là Thủ lực?

Thủ lực có bốn. Những gì là bốn? Một là khéo nói, hai là bố thí, ba là quý mến giúp đỡ, bốn là tương trợ hạnh thiện. Đây là Thủ lực.
Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

19. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Phụ nữ có năm thế lực nên xem thường đàn ông. Những gì là năm? Một là sắc, hai là đoan chính, ba là nhiều anh em trai, bốn là gia đình giàu có, năm là nhiều tài sản.

Sắc là gì? Nghĩa là người phụ nữ không tốt, đã không tốt thì không muốn mưu sanh, thường giận hờn, không muốn chăm sóc việc nhà. Phụ nữ mà tự cho mình xinh đẹp không ai bằng, tự cho mình có nhiều thế lực của anh em trai, tự cho mình là nhà giàu có, tự cho mình nhiều tài sản, là phụ nữ không tốt. Người phụ nữ nào trình thuận tốt đẹp thì không cần sắc như trên. Người trình thuận chỉ cần dạy hai điều thiện, đã được nghe dạy hai điều thiện là muốn làm ra tài sản, không ưa giận hờn, muốn chăm sóc việc nhà. Người như vậy không cần xinh đẹp. Thế nên làm người chỉ nên chú trọng ở tâm tính, không cần thế lực của nhiều anh em trai, không cần nhà sang giàu mà tự cao, không cần nhiều tài sản mà buông lung tâm ý, nên nghe lời dạy, đã được dạy thì khéo giữ gìn không lười biếng, siêng năng mưu sanh, tâm hòa nhã, không sân hận, thì không bỏ bê gia sự, muốn mưu sanh thì lo lắng giữ gìn gia nghiệp. Người như vậy là phụ nữ trình thuận tốt đẹp.

Phật giảng dạy như vậy.

M

20. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, những kẻ ít hiểu biết thì cùng liên hệ với đồng loại, tập hợp, tương ứng, thích hợp với những kẻ ít hiểu biết. Những người đa văn thì gắn bó với đồng loại, tập hợp, tương ứng, thích hợp với những người đa văn. Những kẻ tham lam keo kiệt thì cùng liên hệ... *như trên*... người tham lam keo kiệt. Người bố thí thì cùng liên hệ... *như trên*... người bố thí. Người có trí thì cùng liên hệ... *như trên*... người có trí. Người ngu si thì cùng liên hệ... *như trên*... người ngu si. Người đa dục thì cùng liên hệ... *như trên*... người đa dục. Người thiếu dục thì cùng liên hệ... *như trên*... người thiếu dục. Người khó trì giới thì cùng liên hệ... *như trên*... người khó trì giới. Người dễ trì giới thì cùng liên hệ... *như trên*... người dễ trì giới. Người khó nuôi thì cùng liên hệ... *như trên*... người khó nuôi. Người dễ nuôi thì cùng liên hệ... *như trên*... người dễ nuôi. Người không biết đủ thì cùng liên hệ... *như trên*... người không biết đủ. Người biết đủ thì cùng liên hệ... *như trên*... người biết đủ. Người không thủ hộ cùng liên hệ... *như trên*... người không thủ hộ. Người thủ hộ cùng liên hệ... *như trên*... người thủ hộ.

Này các Tỳ-kheo, như vậy người có trí phải phân biệt các nhân duyên này, nên đi chung với người xứng đáng, không nên đi với người không xứng đáng.

M

21. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trời Đế Thích khi còn là người ở nhân gian có bảy nguyện, trọn đời thực hiện thành tựu sự mong cầu này, nhờ đó được làm trời Đế Thích. Bảy nguyện ấy là gì? Trọn đời hiếu dưỡng cha mẹ. Trọn đời kính lễ người trưởng thượng. Trọn đời miệng không nói ra lời như lửa cháy. Trọn đời nói lời đúng như pháp theo ý muốn. Trọn đời không nói lời phẫn nộ, dua nịnh, dối trá. Trọn đời nói lời chí thành, hoan hỷ chí thành, cử chỉ chí thành, thường thủ tín, không dối gạt mọi người. Trọn đời tuy sống trong đời tham lam keo kiệt, nhưng

trong ý không tham lam, bõn xẽn, sống trong gia đình nhưng thực hành bố thí, tự tay cho theo yêu cầu, ưa thích bố thí, bố thí bình đẳng. Đây là bảy nguyện của Thiên vương Đế Thích khi còn làm người ở thế gian. Trọn đời thực hiện thành tựu các việc ấy, nhờ đó được làm thân Đế Thích.

Đức Phật nói kệ:

*Hiếu dưỡng với cha mẹ
Kính lễ bậc Trưởng thượng
Không nói lời thô ác
Từ bỏ dối, dua nịnh
Không tham keo, bố thí
Không sân, nói hoan hỷ
Khi còn làm thân người
Đã thực hành như vậy
Được sanh lên cõi trời
Chư Thiên đều cung kính.*

Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

22. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật lấy một ít đất để trên móng tay, rồi bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy biết thế nào, đất trên móng tay nhiều hay đất trên mặt đất nhiều?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Đất trên móng tay của Phật rất ít, không thể so sánh với đất trên mặt đất, không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần vạn, một phần ức, một phần vô số, không thể dùng số học hay lời nói ví dụ được; vì đất trên mặt đất rất nhiều.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Cũng vậy, người không hiểu biết, không có trí tuệ, không có đạo nhãn như đất trên mặt đất. Người có trí tuệ, có đạo nhãn, như đất

trên móng tay. Như vậy là người có trí tuệ, có đạo nhân; hãy học trí tuệ đạo nhân thì không có lỗi, trí tuệ sanh sẽ tự giúp mình. Các Tỳ-kheo muốn hành đạo, phải học như thế.

Phật giảng dạy như vậy.

M

23. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thân không có đền đáp, thân không nhớ ân. Ai có đau bệnh nhỏ, toàn thân đều thấy đau đớn, thường chiều theo ý muốn mắt ưa sắc đẹp, tai thích tiếng hay, mũi ưa mùi thơm, lưỡi thích vị ngon, thân ưa mềm mại. Đến khi người bại hoại, thân lại không muốn giúp người. Vì sao vậy? Vì thân không tận lực giữ giới pháp, chỉ gây tội.

Này các Tỳ-kheo, thời quá khứ có vị vua tên là Đại Hoa, khi sắp chết nói rằng: “Than ôi! Nuôi dưỡng thân này thật vô dụng, cả trăm năm tận lực cung phụng nó như vậy, khi cái chết đến, thân liền hư hỏng”. Như vậy là thân không có đền đáp; biết rõ như vậy thì thân được nuôi dưỡng chiều chuộng này như oan gia. Thân tự tạo tội, chỉ đau đớn một chút đã ưu sầu, thường ưa thích năm dục. Hãy xem kỹ thân này lão, bệnh, tử đang hội họp. Tỳ-kheo hãy quán niệm như vậy chớ quên, đã biết rõ, hãy chỉ dạy người khác.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

24. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Sư tử, vua của các loài thú khi ra khỏi hang thì vươn mình ngáp, nhìn bốn hướng, rống lên ba tiếng, rồi ra đi theo ý muốn. Sau khi thấy giữa núi có sông sâu rộng, khó vượt qua, sư tử liền dừng nghỉ lại bên bờ này và chỉ nghĩ đến chuyện vượt qua bờ kia, tiếp đó thì đi xuống lại

chỗ đã đi qua và trở về. Vua sư tử biết nơi không đến được nên trở về, hay nơi không vượt qua được nên trở về, nếu cứ muốn vượt qua tới chỗ theo ý mình thì đến chết vua sư tử cũng không thể tới được nơi muốn biết, vì không thể đi đến nơi.

Không đạt được chỗ hiểu biết cũng vậy. Có người ngu si không học đến nơi đến chốn, liền vì mọi người giảng nói cho họ, với sự ngu si của mình nên người nghe không hiểu, do thái độ ngu si nên không đạt được chỗ mong muốn, vì không thọ trì đúng chỗ quan trọng của kinh pháp. Do vậy người có trí luôn tự cảnh tỉnh rằng ta phải nỗ lực học hành kinh pháp, ta sẽ ra sức học tập, ta sẽ ra sức tinh tấn, ta sẽ không phóng dật. Như vua sư tử sợ chết nên không vượt qua. Người phải biết thiếu dục để hành đạo, các ông muốn tu học đạo phải học như trên.

Phật giảng dạy như vậy.

M

25. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại giảng đường trong thành Vương xá.

Khi ấy có một Bà-la-môn tên là A-tốc-luân Tử đến gặp Phật dùng những lời thô ác mắng Ngài dữ dội.

Đức Phật nói ví dụ cho Bà-la-môn A-tốc-luân Tử. Nếu người không làm ác, bị người khác đem điều ác đến mắng chửi, họ vẫn sống trong sáng bình thường. Người ác từ đó bị tai họa. Như người ngược gió tung bụi thì bị bụi bám vào người ấy.

Bà-la-môn A-tốc-luân Tử đem đầu mặt lay sát chân Phật, bạch:

–Con là kẻ ngu si, đã biết lỗi xin sám hối. Con như kẻ không hiểu, không biết gì, thật là người ngu, đem lời tệ ác mắng chửi Bạc Giải Thoát, lại được Phật dạy bảo. Xin Phật vì kẻ ngu si này mà nhận cho con sám hối, từ nay về sau con không vi phạm nữa.

Đức Phật dạy:

–Bà-la-môn đã biết sám hối, vì ngu si không hiểu biết nên mắng chửi Như Lai bằng lời ác độc, đã thấy rõ nên tự sám hối, tự giữ về sau không tái phạm. Người như vậy được tăng trưởng không thoái thất trong đạo. Ai đã thấy lỗi tự sám hối, tự trình bày ra, không che giấu,

giữ như vậy không tái phạm.

Bà-la-môn xin quy y Phật.

Phật giảng dạy như vậy.

M

26. Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Vương xá.

Có vị Bà-la-môn tên Không Gây Hại (*Bất xâm hành giả*) đến gặp Đức Phật, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, an tọa xong, Không Gây Hại nói với Phật:

–Tôi tên là Không Gây Hại.

Đức Phật trả lời:

–Danh và nghĩa phải hợp nhau, ông là Bà-la-môn nên không gây hại.

Thế Tôn nói kệ:

*Ai thân không gây hại
Miệng thiện, ý cũng thế
Đúng tên là Không Hại
Lành thay! Không Gây Hại.*

Không Gây Hại liền đứng dậy, đầu mặt lay sát chân Phật, thưa:

–Từ nay con xin thọ trì năm giới, không hủy phạm.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

M

27. Phật nói kinh Thất xứ tam quán

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Phải biết rõ bảy xứ và quán sát ba cách, thì nhanh chóng ngay trong đạo pháp này giải thoát được mọi trói buộc, không còn ý trói buộc, từ trí tuệ này chứng đắc pháp, thấy pháp, tự chứng đạo, đã chấm dứt thọ sanh, đạt được đạo hạnh, đã làm xong việc cần làm, không còn sanh trở lại.

Phật hỏi các Tỳ-kheo:

– Thế nào là biết bảy thiện xứ?

Ở đây có vị Tỳ-kheo biết như thật về sắc, biết về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sắc diệt tận, biết con đường đưa đến diệt tận sắc, biết sắc vị, biết sắc khổ, biết sự xuất ly khỏi sắc. Như vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng biết như thật, biết về sự tập khởi của thức, về thức diệt tận, về con đường đưa đến diệt tận thức, thức vị, thức khổ, về sự xuất ly khỏi thức.

Thế nào là biết như thật về sắc? Sắc là bốn đại chủng căn bản và sắc do bốn đại tạo thành. Đây là biết rõ như thật về sắc.

Thế nào là biết như thật về sắc tập khởi? Ái tập khởi là sắc tập khởi. Đây là biết rõ như thật về sắc tập khởi.

Thế nào là biết như thật về diệt tận sắc? Biết diệt tận ái là diệt tận sắc. Đây là biết như thật về sắc tận.

Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến diệt tận sắc? Thánh đạo tám ngành từ Chánh kiến đến Chánh định là tám. Đây là biết rõ con đường đưa đến diệt tận sắc.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Biết từ sắc sanh ra dục hỷ. Đây là biết rõ về vị ngọt của sắc.

Thế nào là biết như thật về khổ não của sắc? Biết sắc là pháp vô thường khổ, thay đổi. Đây là biết rõ về khổ não của sắc.

Thế nào là biết như thật về sự xuất ly khỏi sắc? Giải thoát, lìa bỏ, vượt qua dục tham về sắc. Đây là biết rõ về sự xuất ly khỏi sắc.

Thế nào là biết về thọ? Có sáu thọ, mắt tiếp xúc sanh thọ, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh thọ. Đây là biết về thọ.

Thế nào là tập khởi của thọ? Xúc tập khởi là thọ tập khởi. Như vậy là biết về sự tập khởi của thọ.

Thế nào là biết rõ về diệt tận thọ? Biết về diệt tận xúc là diệt tận thọ. Đây là biết rõ về diệt tận thọ.

Thế nào là con đường đưa đến diệt tận thọ? Tám Thánh đạo từ Chánh kiến đến Chánh định là tám. Đây là biết rõ con đường đưa đến diệt tận thọ.

Thế nào là biết vị ngọt của thọ? Từ thọ đưa đến hỷ lạc theo mong cầu. Đây là biết rõ về vị ngọt của thọ.

Thế nào là biết về khổ não của thọ? Thọ là pháp thay đổi hư hoại không vừa ý. Đây là biết rõ về khổ não của thọ.

Thế nào là biết sự xuất ly thọ? Giải thoát vượt qua sự hoạt động của tham ái, của dục do thọ. Đây là biết về sự xuất ly thọ.

Thế nào là biết rõ về tướng? Biết rõ sáu tướng thuộc thân là mắt tiếp xúc sanh tướng; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh tướng. Như vậy là biết sáu tướng.

Thế nào là biết tướng tập khởi? Xúc tập khởi là tướng tập khởi. Đây là biết về tướng tập khởi.

Thế nào là biết về diệt tận tướng? Biết về diệt tận xúc là diệt tận tướng. Như vậy là biết về diệt tận tướng.

Thế nào là biết con đường đưa đến diệt tận tướng? Biết tám chánh đạo từ Chánh kiến đến Chánh định là tám. Như vậy là biết con đường đưa đến diệt tận tướng.

Thế nào là biết vị ngọt của tướng? Do tướng làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, thích ý. Đây là biết vị ngọt của tướng.

Thế nào là biết về khổ não của tướng? Tướng là pháp vô thường, khổ, thay đổi. Đây là biết về khổ não của tướng.

Thế nào là biết xuất ly tướng? Là sự giải thoát dục tham, diệt tận dục tham, vượt qua dục tham do tướng. Đây là biết sự xuất ly tướng.

Thế nào là biết hành? Biết sáu hành thuộc thân là mắt tiếp xúc sanh hành; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh hành. Như vậy là biết về hành.

Thế nào là biết về tập khởi của hành? Tập khởi của xúc là tập khởi của hành.

Thế nào là biết về diệt tận hành? Diệt tận xúc là diệt tận hành.

Thế nào là biết con đường diệt tận ái dục thuộc hành? Là tám chánh đạo từ Chánh kiến đến Chánh định. Như vậy là biết con đường diệt tận ái dục thuộc hành.

Thế nào là biết vị ngọt của hành? Hành làm nhân duyên sanh ra ý hỷ lạc. Như vậy là biết vị ngọt của hành.

Thế nào là biết về sự khổ não của hành? Hành là pháp vô thường, hoại diệt, khổ não, thay đổi. Như vậy là biết về sự khổ não

của hành.

Thế nào là biết sự xuất ly hành? Là tránh né dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham thuộc hành. Như vậy là biết nẻo xuất ly hành.

Thế nào là biết sáu thức thuộc thân? Mắt tiếp xúc sanh thức; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh thức. Đây là biết thức.

Thế nào là biết thức tập khởi? Danh sắc tập khởi là thức tập khởi. Đây là biết thức tập khởi.

Thế nào là biết thức diệt tận? Danh sắc diệt tận là thức diệt tận. Đây là biết thức diệt tận.

Thế nào biết con đường diệt tận thức? Tám Chánh đạo từ Chánh kiến đến Chánh định là tám. Đây là biết như thật về con đường diệt tận thức.

Thế nào là biết vị ngọt của thức? Do thức làm nhân duyên sanh ý hỷ lạc. Đây là biết vị ngọt của thức.

Thế nào là biết về sự khổ não của thức? Thức là pháp bị hoại diệt, khổ, thay đổi. Đây là biết về sự khổ não của thức?

Thế nào là biết xuất ly thức? Điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua dục tham thuộc thức. Đây là biết rõ nẻo xuất ly thức.

Này Tỳ-kheo đây là bảy xứ cần phải biết rõ. Thế nào là bảy? Ấy là sắc, tập, tận, đạo, vị, khổ, ly. Ngay trong năm ấm đã có đầy đủ bảy pháp này.

Thế nào là quán sát ba cách? Biết rõ bảy xứ đối với năm ấm và sáu nhập. Quán sắc thân là một, quán năm ấm là hai, quán sáu nhập là ba. Thế nên gọi là quán ba cách. Này Tỳ-kheo, phải hiểu rõ về bảy xứ và thường quán ba cách, thực hành như vậy không lâu thì đoạn trừ kết sử, không còn phiền não, giải thoát kết sử, thấy được sự xuất ly, chứng đắc tịnh chỉ, hết sanh tử, chỗ làm đã xong, không còn trở lại nẻo sanh tử.

Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 102

PHẬT NÓI KINH NĂM UẨN ĐỀU KHÔNG

Hán dịch: Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Như vậy tôi nghe.

Một thời Đức Thế Tôn ở rừng Thi lộc, Tiên nhân đọa xứ, thuộc Ba-la-nê-tư.

Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Bí-sô:

–Sắc không phải là ta, nếu sắc là ta thì sắc không thể bị bệnh và chịu đau khổ. Ta muốn sắc như thế này, ta không muốn sắc như thế kia, nhưng sắc không thể tùy thuận ý muốn như vậy. Thế nên biết rằng, sắc không phải là ta. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này các Bí-sô, các thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

Đáp:

–Bạch Đại đức, sắc là vô thường.

Phật dạy:

–Sắc đã là vô thường, thì chính là khổ: Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Như vậy, bậc Thanh văn đệ tử đa văn có cho rằng có ta không? Có cho rằng sắc tức là ta, ta có các sắc, sắc thuộc về ta, ta ở trong sắc không?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Này các Bí-sô, phải biết thọ, tưởng, hành, thức thường hay vô

thường cũng như vậy. Phạm là sắc gì ở quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, đẹp xấu, xa gần đều không phải là ta. Các thầy nên biết như vậy, cần phải dùng chánh trí để quán sát thật kỹ. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức gì ở quá khứ, vị lai, hiện tại... đều phải dùng chánh trí quán sát như trên. Chúng Thánh đệ tử Thanh văn của Ta nếu quán sát Năm thủ uẩn này thì biết không có ta và của ta. Đã quán sát như vậy thì biết rõ thế gian, không còn chấp trước vào ta hay của ta, được an trú như vậy nên tự giác ngộ, chứng Niết-bàn: “Thọ sanh của ta sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, chỗ làm đã xong, không còn thọ hậu hữu”.

Khi Phật thuyết pháp này, năm vị Bí-sô đoạn trừ phiền não, đắc tâm giải thoát, tín thọ phụng hành.



SỐ 103

PHẬT NÓI KINH THÁNH PHÁP ẤN

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ,
người nước Nguyệt Chi.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tạ khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe.

Các Tỳ-kheo vâng đáp lời của Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về Thánh pháp ấn, thích ứng với uy nghi, đưa đến thanh tịnh trong hiện tại. Hãy lắng nghe và ghi nhớ rõ.

Này các Tỳ-kheo, giả sử có người phát biểu không cầu Không, không dụng Vô tướng, nếu muốn thì phát sanh thiền định Vô sở hữu vô tướng, cho đến không tự đại, kiêu mạn; việc này chưa từng có. Giả như có người ưa thích pháp Không, chí an trú trong Vô tướng, hưng khởi đạt đến tâm thiền định tối yếu, tiêu trừ tâm tự đại, kiêu mạn; điều này có thể đạt được, đúng như ý nguyện, có thật như vậy. Vì sao? Ưa thích pháp Không, muốn đắc Vô tướng, không còn tà kiến kiêu mạn, tự đại thì có thể thành tựu sự nghiệp trí tuệ.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh pháp ấn? Thánh pháp ấn này được tu tập đưa đến tri kiến thanh tịnh. Tỳ-kheo nào ở nơi yên lặng, hoặc ngồi bên gốc cây, nơi vắng vẻ quán sát sắc là vô thường,

thấy sắc vốn là không, đã ngộ sắc là vô thường, nếu thấu đạt lý không, đều không bền chắc biến đổi, vô ngã, vô dục, tâm được yên tịnh, tự tại thanh tịnh, được giải thoát; đây gọi là không. Như vậy nhưng vẫn chưa xả ly được kiêu mạn, tự đại.

Lại có thiền định với nhận thức thanh tịnh, tuy đắc định đến nhuần nhuyễn, ngay khi với tri kiến đó trừ các sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, thế nên nói rằng đạt đến vô tưởng, gọi là vô dục, nhưng vẫn chưa tiêu trừ được tự đại, kiêu mạn.

Lại có thiền định với tri kiến thanh tịnh, tâm luôn trú tương tục trong trạng thái nhu nhuyễn của định. Với tri kiến ấy, vị ấy trừ được tham dục, sân nhuế, ngu si đang hiện hữu, nên gọi là định Vô dục, nhưng vẫn chưa trừ được tự đại, kiêu mạn.

Lại có thiền định với tri kiến thanh tịnh, tự tâm quán sát: “Sự sanh diệt của ngã, ngã sở có từ đâu?” Do tư duy nên hiểu biết được ngã và ngã sở ấy tập khởi từ nguyên nhân vị ngọt, sự phân biệt của các thức, đều từ nhân duyên mà có nghiệp này, từ nhân duyên đó mà có thần thức. Lại tự suy nghĩ: “Các nhân duyên này là thường hay vô thường?” và tư duy: “Do sự hòa hợp của nhân duyên đưa đến thần thức; chúng đều là vô thường, không có căn bản. Thần thức này dựa vào vô thường mà có vọng tưởng, nên có mười hai nhân duyên khởi lên, tất cả đều trở về vô thường, khổ, không, hủy hoại, biệt ly, ly dục, diệt tận”. Hiểu rõ như vậy, mới biết không có nguồn gốc, đạt đến tâm hàng phục, tiêu diệt tất cả sanh khởi, được nhập thánh đạo. Đây mới chính là đạt đến chỗ trừ diệt tự đại, không còn mạn, phóng dật; tác ya theo thiền định, hiện hạnh thanh tịnh. Đây được gọi là Thánh pháp ấn, tri kiến thanh tịnh hoàn toàn từ đầu đến cuối.

Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, đánh lễ từ giã.

M

Ngày 25, tháng 12, năm Nguyên Khang thứ tư (249). Nguyệt Chi Bồ-tát Sa-môn Đàm Pháp Hộ dịch kinh này bằng miệng tại Tỳu tuyền. Đệ tử Trúc Pháp Thủ ghi chép, làm cho diệu pháp sâu xa ấy phổ biến rạch rỡ khắp mười phương.



SỐ 104

PHẬT NÓI KINH PHÁP ẤN

Hán dịch: Đời Tống, Pháp sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ, cùng với chúng Bí-sô.

Khi ấy Phật bảo chúng Bí-sô:

–Các thầy nên biết có Thánh pháp ấn, Ta sẽ giảng giải cho các thầy, hãy phát khởi tri kiến thanh tịnh, lắng nghe ghi nhận, tập trung tâm ý, chánh niệm tư duy.

Các Bí-sô bạch Phật:

–Lành thay Thế Tôn! Xin Ngài giảng giải, chúng con muốn nghe.

Phật dạy:

–Này các Bí-sô, tánh Không là thật không, không vọng tưởng, không chỗ sanh, không chỗ diệt, vượt ngoài các tri kiến. Vì sao vậy? Tánh Không không xứ sở, không sắc tướng, chẳng có tướng, vốn không có chỗ sanh, không thể nhận thức bằng tri kiến, xa lìa các chấp trước về hữu. Do xa lìa chấp trước nên thu nhiếp tất cả các pháp, trú nơi bình đẳng kiến, là chân thật kiến. Bí-sô nên biết, tánh Không nơi các pháp là như vậy. Đây gọi là pháp ấn.

Lại nữa, này các Bí-sô, pháp ấn này là ba cửa giải thoát, là pháp căn bản của chư Phật, là mắt của chư Phật, là nơi hướng tới, quay về của chư Phật. Thế nên, này các thầy, hãy lắng nghe thọ trì, ghi nhớ tư duy, quán sát như thật.

Này Bí-sô, có vị tu hành vào trong rừng, hoặc bên gốc cây, các

nơi thanh tịnh, như thật quán sát sắc là khổ, là không, là vô thường, nên sanh nhàm chán, trú nơi bình đẳng kiến; quán sát như thật đối với thọ, tưởng, hành, thức là khổ, là không, là vô thường, nên sanh nhàm chán, trú nơi bình đẳng kiến. Nay các Bí-sô, các uẩn vốn là không, do tâm sanh; tâm pháp diệt rồi, các uẩn không còn tác dụng. Thấu rõ như vậy là chánh giải thoát; đã giải thoát rồi, thì lìa bỏ các tri kiến, gọi là Không giải thoát môn.

Lại nữa, trú vào Chánh định, quán sát các sắc cảnh đều diệt tận, xa lìa các tướng về hữu. Cũng vậy đối với thanh, hương, vị, xúc, pháp, đều diệt tận, xa lìa các tướng về hữu. Quán sát như vậy gọi là Vô tướng giải thoát môn. Vào cửa giải thoát này rồi thì được tri kiến thanh tịnh. Do thanh tịnh như vậy nên tham, sân, si đều bị diệt tận. Chúng bị diệt tận rồi thì trú nơi bình đẳng kiến. Trú ở kiến này là xa lìa ngã kiến và ngã sở kiến, tiêu diệt các kiến, không còn sanh khởi, không còn chỗ nương tựa.

Lại nữa đoạn trừ ngã kiến rồi thì không còn phân biệt bằng thấy, nghe, hay biết nữa. Vì sao? Do nhân duyên sanh ra các thức, nhân duyên kia và thức được sanh ra, đều là vô thường; vì vô thường nên không thể giữ được thức. Thức uẩn đã là không, không có chỗ tạo tác. Đây gọi là Vô tác giải thoát môn. Vào cửa giải thoát này rồi, biết rõ tận cùng các pháp, không bị pháp làm trở ngại, chứng pháp tịch diệt.

Này các Bí-sô, đây gọi là Thánh pháp ấn, tức ba cánh cửa của giải thoát. Nay các Bí-sô, ai tu tập như vậy thì được tri kiến thanh tịnh.

Khi các Bí-sô nghe pháp này rồi, đều rất hoan hỷ, đánh lễ tín thọ phụng hành.



SỐ 105

KINH NGŨ ẤM THÍ DỤ

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Pháp sư An Thế Cao,
người nước An tức.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Ma thắng, đi qua bến sông, thấy một đồng bọt lớn trôi theo dòng nước. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, như đồng bọt lớn này đang trôi theo dòng sông, người có mắt thấy vậy, quán sát xem xét, biết rõ nó không chắc thật mau bị tiêu diệt. Vì sao? Vì bọt nước không bền chắc. Như vậy, này Tỳ-kheo, tất cả các sắc trong quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, gần xa, các Tỳ-kheo hãy quán sát xem xét kỹ sắc này là hư giả không thật, chỉ là bệnh, phiền não, mọt gẻ, giả dối, không thật, không thường còn, là khổ, là không, là chẳng phải thân, là tiêu diệt. Vì sao vậy? Bản chất của sắc là không thật.

Này Tỳ-kheo, như trời mưa, nước rơi xuống, bong bóng này sanh ra, bong bóng kia liền diệt. Người có mắt quán sát xem xét kỹ biết rõ chúng hư giả không thật, mau tan hoại. Vì sao? Là vì bong bóng không bền chắc. Này các Tỳ-kheo, cũng như vậy, tất cả thọ trong quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, gần xa, Tỳ-kheo nên quán sát kỹ thọ ấy là hư giả không thật, chỉ là như bệnh, phiền não, giả dối, mọt gẻ, không thật, không thường còn, là khổ, là không, là chẳng phải thân, là tiêu diệt. Vì sao? Bản chất của thọ là không thật.

Này Tỳ-kheo, ví như cuối mùa hạ nóng bức, có bóng nắng giữa

trưa. Người có mắt xem quan sát xem xét biết nó là hư giả, không thật, mau tiêu diệt. Vì sao? Bóng nắng là không thật. Nay các Tỳ-kheo, cũng như vậy, tất cả các tướng trong quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, gần xa, Tỳ-kheo nên quan sát kỹ tướng ấy là hư giả không thật, chỉ là mê mờ, phiền não, mục ghẻ, giả dối, không thật, không thường còn, là khổ, là không, là không phải thân, là tiêu diệt. Vì sao? Bản chất của tướng là không thật.

Này Tỳ-kheo, như có người muốn tìm cây tốt nên mang búa vào rừng, thấy cây chuối thân thẳng đứng to lớn, nhân đó hạ gốc, chặt ngọn, róc lá, lột từng bẹ ra, bên trong hoàn toàn không có lõi cứng. Người có mắt thấy vậy quán sát xem xét kỹ, biết rõ chúng là hư giả, không chắc thật, mau tiêu diệt. Vì sao? Là vì cây chuối không cứng chắc. Nay Tỳ-kheo, cũng như vậy, tất cả hành ở quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, gần xa, Tỳ-kheo quán sát thật kỹ chúng là hư giả không thật, chỉ là mê mờ, phiền não, mục ghẻ, hư giả, không chân thật, là khổ, là không, là không phải thân, là tiêu diệt. Vì sao? Bản chất của hành là không thật.

Này Tỳ-kheo, như nhà ảo thuật và đệ tử ở giữa đám đông người tại ngã tư đường, biểu diễn nhiều trò ảo thuật như bầy voi, bầy ngựa, các loại xe theo nhau. Người có mắt xem xét quán sát biết chúng là hư huyễn không thật, đều là hình ảnh do biến hóa. Vì sao? Huyễn hóa nên không thật. Nay Tỳ-kheo, cũng như vậy, tất cả các thức hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, gần xa, Tỳ-kheo quan sát kỹ chúng đều là hư giả không thật, chỉ là mê mờ, phiền não, mục ghẻ, hư dối, không chân thật, không còn thường, là khổ, là không, là chẳng phải thân, là tiêu diệt. Vì sao? Vì bản chất của thức là không thật.

Đức Phật nói kệ:

*Đống bọt dụ cho sắc
Thọ như bong bóng nước
Tướng bóng nắng trời nóng
Hành như thân cây chuối
Thức như người ảo thuật
Chư Phật dạy như thế*

*Phải quán sát pháp này
Xem xét kỹ, tư duy
Thấy rõ là không, giả
Biết rõ nó vô thường
Muốn quan sát các ấm
Chân trí thấy như vậy
Khi đoạn tuyệt ba việc
Biết thân không bền vững
Thọ mạng, noãn, và thức
Sau khi lìa bỏ thân
Thì thân nằm trên đất
Như cỏ không biết gì
Xem hiện tượng như vậy
Là giả, lại ngu tham
Tâm, tâm niệm đổi thay
Và không có bền vững
Biết năm ấm là vậy
Tỳ-kheo nên tinh tấn
Thế nên ngày và đêm
Tự giác niệm chánh trí
Thực hành đạo tịch tịnh
Đạt an lạc tối thượng.*



SỐ 106

PHẬT NÓI KINH BỌT NƯỚC

*Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan,
người Tây vực.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở vườn A-nghinh-xà (*do vua Ba-tư-nặc xây dựng*), bên bờ sông Hằng, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị hội đủ.

Khi ấy có đồng bọt lớn trôi theo dòng nước, Thế Tôn thấy vậy, bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy có thấy đồng bọt lớn trôi theo dòng nước sông Hằng không?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Bạch Thế Tôn, có thấy.

Thế Tôn bảo:

–Người có mắt quan sát xem xét đồng bọt này, tư duy phân biệt, sau khi tư duy phân biệt thấy rõ chúng là không, không thật có, không cố định, không bền vững, bọt nước này có gì bền vững! Như vậy, đối với sắc nào thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, thô tế, xa gần, người có mắt quan sát, tư duy phân biệt, sau khi quán sát, tư duy phân biệt kỹ, thấy là không, không thật có, không cố định cũng không bền chắc. Sắc ấm này có gì bền vững!

Ví như mùa hạ, trời mưa nổi bong bóng, cái này sanh ra thì cái kia tan mất. Người có trí thấy vậy quan sát, tư duy phân biệt, sau khi

quan sát, tư duy phân biệt kỹ như vậy, thấy rõ nó là không, không thật có, không cố định, không bền vững; như bong bóng nước có gì bền vững! Cũng như vậy, thọ trong thân này thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, thô tế, đẹp xấu, xa gần, người có mắt quán sát, tư duy phân biệt kỹ chúng, say khi đã quán sát, tư duy phân biệt, biết rõ là không, không thật có, không cố định, không bền vững.

Ví như sau mùa hạ, vào giữa trưa không có mây, có nhiều bóng nắng, người có mắt quan sát, tư duy phân biệt bóng nắng này, sau khi quan sát, tư duy phân biệt, biết rõ nó là không, không thật có, không cố định, không chắc thật, bóng nắng này có gì là thật đâu. Cũng vậy, các tướng thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, thô tế, tốt xấu, xa gần, người có trí quan sát, tư duy phân biệt nó, sau khi quan sát kỹ biết rõ là không, không thật có, không cố định, không chắc thật, trong tướng ấy không có gì chắc thật cả.

Ví như có người ra khỏi thành phố xóm làng, tìm kiếm gỗ làm vật dụng, đi vào trong rừng cây, thấy cây chuối to lớn tươi tốt. Thấy vậy, người ấy rất vui mừng, vì cây này không cành nhánh nên hạ gốc, chặt thành ba khúc, lột tại chỗ từng bẹ từng bẹ ra, tìm mãi không có lõi, hướng chỉ muốn tìm chỗ cứng. Người có mắt quan sát, tư duy phân biệt như vậy, sau khi quan sát, tư duy biết rõ nó là không, không thật có, không cố định, không bền chắc; cây chuối này không có gì bền chắc cả. Cũng vậy, với tất cả các hành thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, thô tế, tốt xấu, xa gần, người có mắt quán sát, tư duy phân biệt sau khi đã quán sát, tư duy phân biệt, thấy rõ nó là không, không thật có, không cố định, không chắc thật, hành uẩn này chẳng có gì chắc thật cả.

Ví như nhà ảo thuật có trí tuệ và đệ tử biểu diễn ảo thuật trước mắt mọi người. Người có mắt biết quan sát, tư duy phân biệt, sau khi quan sát, tư duy phân biệt, thấy rõ là không, không thật có, không cố định không chắc thật, ảo thuật này không có gì chắc thật cả. Cũng như vậy, các thức thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, thô tế, tốt xấu, xa gần, người có mắt biết quan sát, tư duy phân biệt kỹ, sau khi quán sát, tư duy phân biệt thấy là không, không thật có, không cố định, không chắc thật, thức uẩn này không có gì chắc thật.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Sắc như đồng bọt tụ
Thọ như bong bóng nước
Tưởng như bóng nắng hè
Hành uẩn như cây chuối
Thức như trò ảo thuật
Lời dạy Bạc Tối Thắng
Ai quán sát như thật
Chánh tư duy phân biệt
Là không, không thật có
Ai năng quán như vậy
Quán sát kỹ thân này
Bằng lời Bạc Đại Trí
Sẽ diệt ba pháp này
Diệt trừ hẳn sắc uẩn
Hành này cũng như thế
Ảo thuật không chân thật.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 107

PHẬT NÓI KINH BÁT TỰ THỦ Ỗ

*Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm,
người nước Nguyệt chi.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật gọi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo vâng dạ.

Phật dạy:

–Hãy lắng nghe Ta nói về việc tự thủ hộ và không tự thủ hộ.

Các Tỳ-kheo chắp tay nghe lời Phật dạy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có bao nhiêu nhân duyên không tự thủ hộ? Nếu nhân căn không được thủ hộ, mắt chạy theo sắc thì ý thức phóng túng, ý thức đã phóng túng thì sanh khổ, đã sanh khổ thì ý thức không định, đã không định thì ý thức không biết được sự việc đến như thật, đã không biết thì không thấy như thật; đã không biết, không thấy như thật thì không xả bỏ được mọi trói buộc và không vượt nghi, đã không xả bỏ trói buộc và không vượt được nghi thì tùy thuộc vào nhân duyên khác, bị dị kiến; đã có dị kiến thì bị khổ, không an ổn. Tai, mũi, miệng, thân, ý cũng như vậy. Hành động như vậy là không tự thủ hộ.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Có bao nhiêu nhân duyên tự thủ hộ? Nếu nhân căn tự thủ hộ, tịnh chỉ nhân thức không chạy theo sắc thì ý không phóng dật, ý

không phóng dật thì không nhiễm đấm, đã không nhiễm đấm thì định được ý, ý đã định thì biết rõ như thật, thấy rõ như thật, đã thấy biết rõ như thật thì không còn bị trói buộc và thoát khỏi nghi, chánh tín như thật, được trí tuệ, ý hoan hỷ an lạc; sáu căn cũng như vậy. Như thế gọi là tự thủ hộ. Như vậy là giảng dạy về tự thủ hộ và không tự thủ hộ.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 108

PHẬT NÓI KINH MÃN NGUYỄN TỬ

Hán dịch: Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa ở Ma-cưu-la, trong núi Vô chủng, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Vào buổi xế chiều, Tôn giả Bân-nậu xuất thiền, đi đến gặp Thế Tôn, đắp y kín vai trái, quỳ gối phải xuống đất, đánh lễ sát chân Phật, chấp tay thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin giảng giáo pháp cho con, con sẽ theo lời dạy tu tập để được an lạc lâu dài.

Phật dạy:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ!

Tôn giả Bân-nậu vâng lời Thế Tôn chăm chú lắng nghe.

Phật dạy Bân-nậu:

–Mắt ưa thích nhìn sắc đẹp vừa ý, sanh ra yêu thích tham dục; tai tham ưa nghe tiếng hay, mũi thích ngửi mùi thơm, lưỡi thích nếm vị ngon, thân ưa tiếp xúc mềm mại trơn láng, ý yêu mến chỗ ham muốn, ái mộ chỗ tham cầu. Tỳ-kheo nào tâm tham đắm vào chỗ ái lạc thì bị mê hoặc trong ưa thích; từ đó đưa đến lo buồn, khổ não.

Này Tỳ-kheo Bân-nậu, nếu như mắt thấy sắc thích hợp với mắt, nhưng không hoan lạc, tâm không bị lôi cuốn theo, thì không bị khổ não. Tai, mũi, miệng, thân, ý cũng như vậy. Đây là lược nói giáo pháp của Ta để chỉ dạy cho ông. Nay ông muốn du hóa ở đâu?

Bân-nậu bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, có một nước tên Thủ-na-hòa-lan (đời Tấn dịch là Sở Văn Dục Thắng). Con muốn đến nước ấy.

Phật dạy:

–Người nước ấy hung ác, tánh tình thô bạo, không nhu hòa, ưa đánh nhau. Giả sử ở nước ấy, có người với tâm hung ác, mắng chửi hủ nhục ông, thì phải thế nào?

Đáp:

–Giả sử ở nước ấy, có người với tâm hung ác mắng chửi hủ nhục con, con sẽ tự nghĩ: “Họ vẫn còn yêu con, kính con, tha cho con vì không dùng tay đánh con”.

Phật nói:

–Giả sử họ đánh ông thì sao?

Bân-nậu đáp:

–Khi ấy con sẽ nghĩ: “Họ vẫn còn yêu con, kính con, hiền thiện nhu hòa với con, vì không dùng gạch đá, ném đánh con”.

Phật nói:

–Giả sử họ dùng đá, gạch ném đánh ông, thì ông sẽ làm thế nào?

Bân-nậu bạch Phật:

–Người nước ấy vẫn còn nhân từ hòa nhã, vì không dùng dao, gậy đá thương con.

Phật dạy:

–Giả sử họ dùng dao, gậy đá thương thân ông thì phải thế nào?

Bân-nậu thưa:

–Con sẽ tâm niệm, người nước ấy vẫn còn nhu hòa, nhã nhặn, vì họ không dùng dao bén để giết chết con.

Phật dạy:

–Giả sử họ dùng dao bén giết chết ông thì làm sao?

Bân-nậu thưa:

–Con tâm niệm, thân có sáu căn, là sự nguy hiểm, thân đáng chán này tích lũy khổ não, tạo ra bao thứ bất tịnh, có người cầu mong được con dao làm thức ăn với tâm ý chánh niệm, nay con được vào nẻo tịch tịnh với thức ăn là con dao.

Phật dạy:

–Lành thay Bân-nậu! Ông có khả năng điều thuận, an tịch nhiên, nhẫn nhục theo bậc nhân hiền như vậy thì có thể tùy ý đến giáo hóa nước ấy theo ý muốn.

Tôn giả Bân-nậu đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, đi nhiều ba vòng, trở về phòng mình, ngay đêm ấy thu xếp ngọa cụ, y bát. Sáng sớm hôm sau, Tôn giả mặc y, mang bát đi đến nước kia.

Tại nước ấy, trong một mùa hạ, Tôn giả giáo hóa tiếp độ được năm trăm thanh tín sĩ, năm trăm thanh tín nữ, lập năm trăm tính xá, năm trăm am thất với giường tòa, với đầy đủ năm trăm tọa cụ, gối mềm, giáo hóa năm trăm người làm Sa-môn. Ngay trong tuổi hạ này, Tôn giả chứng Tam đạt và diệt độ.

Sau khi Tôn giả diệt độ chưa bao lâu, có chúng Tỳ-kheo đến số ngàn tới gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, cùng nhau bạch Phật:

–Có một Tỳ-kheo tên Bân-nậu, chỉ được Phật dạy sơ qua pháp cốt yếu, vừa rồi đã diệt độ. Vị ấy đã đạt được gì và chứng được gì?

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, vị Tộc tánh tử ấy đã chứng Tam đạt, đắc Lục thông, quán sát như thật tùy thuận theo pháp, không tranh với ai, chỉ giảng dạy giáo pháp, không quan tâm việc khác, các lậu đã tận, không còn trần cấu nữa, vượt qua các tướng, chứng đắc trí tuệ, hiện tại thông đạt các pháp, chứng cụ túc, cắt đứt sanh tử, phạm hạnh thành tựu, đã làm xong việc, đoạn tận danh sắc, chứng trí tuệ vô sanh, đầy đủ thánh trí, đã chứng A-la-hán.

Khi ấy Thế Tôn hết sức xưng tán Tôn giả Bân-nậu Văn-đà-ni.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều rất hoan hỷ.



SỐ 109

PHẬT NÓI KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao,
người nước An tức.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ngồi bên gốc cây trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại.

Khi ấy có hàng ngàn Tỳ-kheo và chư Thiên tập hội đầy cả hư không.

Có pháp luân tự nhiên bay đến ngay trước Đức Phật. Đức Phật lấy tay vỗ pháp luân, nói:

–Hãy ngừng lại! Ta từ vô số kiếp đến nay, vì luân chuyển theo Danh sắc nên thọ khổ vô cùng. Ngày nay si ái đã chấm dứt, lậu hoặc đã giải, các căn đã định, đã đoạn sanh tử, không còn luân chuyển trong năm đường nữa.

Bánh xe liền ngừng lại.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế gian có hai việc rơi vào hành động cực đoan. Người đệ tử xuất gia hành đạo trọn đời không nên theo cực đoan ấy.

Những gì là hai? Một là tâm niệm đắm trong tham dục, không có chí khí thanh tịnh, hai là yêu mến thân xác không chịu tinh tấn. Vì vậy bị rơi vào hành động cực đoan, không gặp được Phật và bậc Chân nhân đạo đức. Tỳ-kheo nào không tâm niệm về tham dục, không yêu

mến thân xác, là thuận theo ở giữa. Đức Như Lai khi chứng Chánh giác, đắc nhãn, đắc tuệ, vượt trên hai cực đoan, tự chứng Niết-bàn. Thế nào là thuận theo ở giữa? Nghĩa là theo tám Chánh đạo. Một là Chánh kiến, hai là Chánh tư, ba là Chánh ngôn, bốn là Chánh hành, năm là Chánh mạng, sáu là Chánh tri, bảy là Chánh chí, tám là Chánh định. Nay các Tỳ-kheo, đây là đạo chưa từng được nghe, nay Ta đã thấu đạt, là chân đế về Khổ nên đã được nhất tâm, đắc nhãn, đắc thiên tư, đắc tuệ kiến, giác ngộ giải thoát. Ta đã biết chân đế về Khổ tập, Khổ tận nên đắc nhãn, đắc thiên tư, tuệ kiến, giác ngộ, giải thoát; như vậy là Tận chân đế (*Diệt đế*).

Thế nào là Khổ? Đó là sanh lão khổ, bệnh khổ, ưu, bi, não khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, yêu thương ly biệt là khổ, cầu chẳng được là khổ; tóm lại năm thọ ấm bốc cháy là khổ.

Thế nào là Khổ tập? Nghĩa là từ tham ái nên sanh ưa thích, tham hỷ chỗ này chỗ kia, dục ái, sắc ái, vô sắc ái, chính Tập này sanh ra khổ.

Thế nào là Khổ tận? Là giác ngộ hỷ lạc từ ái phát sanh, nên xả ly tham ái, xả ly tham ái không còn gì, xả ly không phát sanh trở lại; như vậy là Khổ tận.

Thế nào là con đường đưa đến diệt tận Khổ tập? Đó là tám Chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư, Chánh ngôn, Chánh hạnh, Chánh mạng, Chánh tri, Chánh chí, Chánh định. Đó là chân đế về con đường đưa đến diệt tận khổ tập.

Lại nữa này Tỳ-kheo, Khổ là chân đế, Khổ tập là chân đế, Khổ tận là chân đế, Khổ tập tận đạo là chân đế. Trước đây đối với pháp chưa từng nghe ấy, chính Ta đã tu tập pháp Tứ đế chưa từng nghe này, thì sẽ được đạo nhãn, tuệ kiến sanh, giác niệm sanh khiến tâm ý được giải thoát. Nếu tu tập pháp Tứ đế chưa từng nghe này, thì cũng sẽ được đạo nhãn, tuệ kiến sanh, giác niệm sanh, khiến ý được giải thoát.

Đây là ba lần chuyển Tứ đế hợp thành mười hai hành. Nếu biết mà chưa chứng được, thì Ta không đối với tất cả thế gian chư Thiên, loài người, Phạm, Ma, Sa-môn, Phạm chí, tự biết đã chứng đắc giới,

định, tuệ, giải thoát tri kiến, đó là bốn pháp tối thượng, không còn trở lại đời sau, thoát khỏi luân hồi, không còn đau khổ.

Khi Phật dạy như vậy, Hiền giả A-nhã-câu-lân và tám ngàn chư Thiên xa lìa mọi trần cấu, pháp nhãn sanh. Ngàn vị Tỳ-kheo nghe pháp dứt sạch lậu tâm, ý giải thoát, đắc A-la-hán, đoạn tận phiền não tập pháp ở trên. Âm thanh của Đức Thế Tôn ba lần chuyển pháp luân, tất cả chư Thiên và thế gian đều nghe biết, cho đến trời đệ nhất Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Đâu-thuật, trời Bất khiêu lạc, trời Hóa ứng thanh, tới các cõi trời Phạm thiên trong khoảnh khắc thủy đều nghe thấy.

Khi ấy, ba ngàn cõi Phật, một vạn hai ngàn trời đất đều chấn động mạnh, đó là vì Đức Phật Thế Tôn lần đầu tiên chuyển pháp luân vô thượng chưa từng được chuyển, độ vô số Thiên, Nhân được đắc đạo.

Phật thuyết giảng pháp này, mọi người đều hoan hỷ.



SỐ 110

PHẬT NÓI KINH TAM CHUYỂN PHÁP LUÂN

Hán dịch: Đồi Đường, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, thuộc Ba-la-ni-tư.

Thế Tôn bảo năm vị Bí-sô:

–Này các Bí-sô, đây là chân lý về Khổ, đối với pháp được nghe này theo đúng diệu lý mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt. Này các Bí-sô, đây là nguyên nhân của Khổ, là sự đoạn diệt Khổ, là con đường diệt trừ khổ, đối với pháp được nghe này, theo đúng diệu nghĩa mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về Khổ này là pháp đã được thông tỏ, như vậy các ông phải biết, đối với pháp được nghe, theo đúng diệu lý mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về nguyên nhân của Khổ này là pháp đã được thông tỏ, như vậy các ông phải đoạn, đối với pháp được nghe, theo đúng diệu lý mà lãnh hội, thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về sự Khổ đã diệt trừ này là pháp đã được thông tỏ, như vậy các ông phải chứng, đối với pháp được nghe, theo đúng diệu lý mà lãnh hội, thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về con đường diệt Khổ này là pháp đã được thông tỏ, như vậy các ông cần phải tu, đối với pháp được nghe, theo đúng diệu lý mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về sự Khổ này là pháp đã được thấu đạt, như vậy Ta đã biết, đối với pháp được nghe theo đúng diệu lý mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về nguyên nhân của Khổ này là pháp đã được thông tỏ, như vậy Ta đã đoạn, đối với pháp được nghe theo đúng diệu lý mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về Khổ đã diệt này là pháp đã được thấu đạt, như vậy Ta đã chứng, đối với pháp được nghe theo đúng diệu lý mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, chân lý về con đường diệt Khổ này là pháp đã được thấu đạt, như vậy Ta đã tu, đối với pháp được nghe theo đúng diệu lý mà lãnh hội thì phát sanh trí tuệ giác ngộ sáng suốt.

Này các Bí-sô, nếu đối với pháp bốn Thánh đế này, Ta chưa hiểu rõ về ba chuyển, mười hai hành tướng, thì trí tuệ giác ngộ sáng suốt đều không thể phát sanh. Ta cũng không thể đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả thế gian, mà dứt bỏ phiền não, tâm đắc giải thoát, không thể chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Này các Bí-sô, do Ta đối với pháp bốn Thánh đế này, đã thấu rõ ba chuyển, mười hai hành tướng, nên phát sanh tất cả trí tuệ giác ngộ sáng suốt, cho đến Ta đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả thế gian, đã dứt bỏ phiền não, tâm được giải thoát, mới chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Khi Thế Tôn thuyết pháp này, Cụ thọ (*Tôn giả*) Kiều-trần-như và tám vạn chư Thiên đều xa lìa mọi trần cấu đắc pháp nhãn tịnh.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

– Ông đã thông tỏ pháp này chưa?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, con đã thấu đạt.

– Ông đã thông tỏ pháp này chưa?

Đáp:

–Bach Thiện Thệ, con đã thấu đạt.

Do Kiều-trần-như đã lãnh hội thấu đạt pháp ấy nên có tên là A-nhã Kiều-trần-như (*A-nhã có nghĩa là lãnh hội thấu đạt*).

Khi ấy vị thần Dược-xoa cư trú ở đất ấy nghe Đức Phật thuyết pháp xong, liền lớn tiếng gọi to, bảo với chư Thiên:

–Quý vị nên biết, Đức Phật ở trong rừng Thi lộc, Tiên nhân đọa xứ, thuộc Ba-la-ni-tư, đang giảng thuyết rộng ba chuyển mười hai hành tướng pháp luân. Pháp này có thể làm cho Thiên, Nhân, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả thế gian đều được lợi ích lớn, làm cho những vị đồng phạm hạnh mau đạt đến Niết-bàn an ổn, Trời, Người phồn thịnh, A-tu-la suy giảm.

Do thần Dược-xoa ấy bày tỏ như vậy, nên trên hư không chúng chư Thiên, Tứ đại thiên vương đều nghe biết. Như thế, chỉ trong khoảng sát-na, tin này cũng được truyền đến Lục dục thiên; trong khoảnh khắc tin này truyền lên khắp cõi Phạm thiên. Phạm chúng được nghe rồi lại truyền rộng ra như trước. Nhân đó kinh này tên là Ba lần chuyển pháp luân.

Bấy giờ năm vị Bí-sô và chư Thiên, loài người nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 111

PHẬT NÓI KINH TƯƠNG ỨNG KHẢ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ, Ngài gọi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo tập hợp đến xin thọ trì lời Phật dạy.

Đức Phật dạy:

–Người không học cùng với người không học giống nhau, thân cận nhau, tương ứng nhau, thích hợp nhau.

Người đa văn cùng với người đa văn... *như trên...*

Người tham dâm cùng với người tham dâm... *như trên...*

Người không tham dâm cùng với người không tham dâm... *như trên...*

Người sân hận cùng với người sân hận... *như trên...*

Người không sân hận cùng với người không sân hận... *như trên...*

Người ngu si cùng với người ngu si... *như trên...*

Người trí tuệ cùng với người trí tuệ... *như trên...*

Người bố thí cùng với người bố thí... *như trên...*

Người xan tham cùng với người xan tham... *như trên...*

Người thiếu dục cùng với người thiếu dục... *như trên...*

Người đa dục cùng với người đa dục... *như trên...*

Người không trì giới cùng với người không trì giới... *như trên...*

Người trì giới cùng với người trì giới... *như trên...*

Người khó nuôi cùng với người khó nuôi... *như trên...*

Người dễ nuôi cùng với người dễ nuôi... *như trên...*

Người không biết đủ cùng với người không biết đủ... *như trên...*

Người biết đủ cùng với người biết đủ... *như trên...*

Người tự hộ trì cùng với người tự hộ trì giống nhau, thân cận nhau, tương ứng nhau, thích hợp nhau.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, người có trí tuệ cần phải phân biệt rõ những điều như vậy, nên đi với người thích hợp, không nên đi với người không thích hợp.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo vâng giữ thọ trì.



SỐ 112

PHẬT NÓI KINH BÁT CHÁNH ĐẠO

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao,
người nước An tức.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các đệ tử:

–Hãy lắng nghe Ta dạy về tà đạo và chánh đạo.

Những gì là tà đạo? Tà kiến, tà niệm, tà ngữ, tà tri, tà cầu, tà hạnh, tà ý, tà định; đây là Tám tà đạo.

Những gì là tám Chánh đạo?

Thứ nhất là Chánh kiến. Thế nào là Chánh kiến? Tin bố thí, tin lễ nghĩa, tin cúng tế, tin thiện ác chắc chắn đưa đến quả báo, tin cha mẹ, tin người tu trong đời, tin cầu đạo, tin có tu hành, tin có kết quả chân chánh, đời này đời sau, tự mình chứng đắc với trí tuệ dạy bảo cho người; đấy là Chánh kiến.

Thứ hai, Chánh niệm là gì? Ý nghĩ bỏ dục, xuất gia, không sân hận, phần nộ, không làm hại; đấy là Chánh niệm.

Thứ ba, Chánh ngữ là gì? Không nói hai lưỡi, không nói phù phiếm, không mắng chửi, không nói dối; đấy là Chánh ngữ.

Thứ tư, Chánh hành là gì? Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm là Chánh hành.

Thứ năm, Chánh thọ là gì? Người đệ tử có học đạo không tìm cầu sanh sống phi pháp, tìm cầu thức ăn, chỗ ở, thuốc men đúng pháp,

không phi pháp; đấy là Chánh thọ.

Thứ sáu, Chánh trí là gì? Tâm ý tinh tấn, nỗ lực thực hành các phương tiện, tinh tấn không nhằm chán, giữ vững tâm ý; đó là Chánh trí.

Thứ bảy, Chánh ý là gì? Tâm ý ghi nhớ không quên, không phóng dật; đó là Chánh ý.

Thứ tám, Chánh định là gì? Tâm ý hợp nhất niệm, chỉ tướng, chỉ hộ, dĩ chỉ, tụ chỉ, không gây ra tội lỗi, không bị tán loạn; đó là Chánh định.

Này Tỳ-kheo, vị đệ tử có học đạo phải thọ trì tám Chánh đạo này, hành trì đúng như lời dạy, có thể đắc đạo với tám hạnh giác ngộ.

Chánh kiến là tin bố thí đời sau được đầy đủ phước. Tin lễ là thấy Sa-môn, Đạo nhân, kính lễ thì được phước. Tin cúng tế là treo phướn, đốt hương, dâng hoa, đốt đèn. Tin hành thập thiện thì chắc chắn được phước báo. Tin cha mẹ là hiếu thuận. Tin Đạo nhân trong đời là hoan hỷ thọ trì kinh pháp. Tin cầu đạo là hành đạo. Tin chánh hành là đoạn ý ác. Tin chánh thọ là không phạm giới. Tự thân với trí tuệ, ở đời này đời sau đạt được trí giác, có thể dạy bảo người khác được chứng đắc, tự thành tựu là tự thân thành tựu và có thể dạy bảo cho người khác được thành tựu. Đây gọi là thấy biết đúng, như vậy là tự giải thoát và giải thoát cho người khác.

Thứ hai, Chánh niệm là những gì do ý khởi lên biết là lầm lỗi, muốn xuất gia là niệm đạo, không sân hận, phần nộ là nhẫn nhục, không gây hại là chánh ý.

Thứ ba, Chánh ngữ là không mắng chửi, không phạm bốn lỗi về miệng, chỉ nói lời thành thật, hợp với đạo.

Thứ tư, Chánh hành là không giết hại, trộm cắp, dâm dục mà thực hành thành tín.

Thứ năm, Chánh thọ là không tham lam, chỉ một bộ y, một bữa ăn, dùng thuốc cũ.

Thứ sáu, Chánh trí là hướng đến Ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Thứ bảy, Chánh ý là tâm ý ngày càng tăng trưởng, không rời Ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Thứ tám, Chánh định là tịnh chỉ, không vọng động. Tịnh chỉ là luôn phòng hộ tâm ý, dĩ chỉ là không còn phạm vào bất kỳ tội gì, tụ chỉ là được phước đạo.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ thọ trì.



SỐ 113

KINH NAN-ĐỀ-THÍCH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nước Câu-xá-lê, rừng cây Ni-câu-loại.

Khi ấy có nhiều Tỳ-kheo tập hợp ở giảng đường Ca-lê, ngồi giữa rừng cây, may y cho Phật. Lúc đó Đức Phật không còn bao lâu sẽ mãn hạ.

Sau khi mãn hạ, Đức Phật tuyên bố:

–Đã hết ba tháng hạ, sau khi may y xong, Ta sẽ đi du hóa trong nhân gian.

Nan-đề-thích nghe có nhiều Tỳ-kheo tập hợp ở giảng đường, ngồi dưới gốc cây, may y cho Phật. Không bao lâu nữa, Đức Phật sẽ chấm dứt an cư mùa hạ. Sau khi mãn hạ, Đức Phật đã tuyên bố: “Ba tháng an cư đã mãn, may y xong, Ta sẽ du hành trong nhân gian”.

Sau khi nghe như vậy, Nan-đề-thích đến gặp Đức Phật. Đến nơi, Nan-đề-thích làm lễ sát chân Phật và ngồi qua một bên. Sau khi an tọa, Nan-đề-thích bạch Phật:

–Con nghe như vậy: có nhiều Tỳ-kheo... *như trên...* nhân gian. Con nghe như vậy nên ưu sầu, ăn không biết ngon, không còn phân biệt phương hướng nào cả, không còn nhớ đến thiện pháp đã nghe, không còn màng đến công việc trong thế gian. Vì sao? Vì phải rất lâu mới được gặp lại Đức Phật và các Tỳ-kheo thanh tịnh.

Nan-đề-thích nói xong, Phật bảo Nan-đề:

–Ai thấy Ta hay không thấy Ta, thấy Tỳ-kheo Tăng thanh tịnh hay không thấy Tỳ-kheo Tăng thanh tịnh, đều phải thực hành Năm nội pháp. Thế nào là năm?

Một là luôn phải có tín tâm, xả bỏ tâm bất tín.

Hai là thường phải giữ hạnh thanh tịnh, xả bỏ hạnh bất tịnh.

Ba là thường phải ưa bố thí, xả bỏ xan tham.

Bốn là thường phải có trí tuệ, xả bỏ ngu si.

Năm là thường phải ưa học hỏi, chẳng ưa không học hỏi.

Này Nan-đề, đây là năm nội pháp. Lại có sáu điều niệm. Thế nào là sáu? Một, niệm Phật; hai, niệm Pháp; ba, niệm Tỳ-kheo Tăng; bốn, niệm Giới; năm, niệm Bố thí; sáu, niệm Thiên.

Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ niệm các đức độ của Phật: “Đức Phật có đủ các đức là Như Lai, Vô Sở Trước, Giác Ngộ Tất Cả, Thần Hạnh Túc, Quyết Định (*Thiền Thệ*), Có Đủ Vô Lượng (*Thế Gian Giải*), Vô Hữu Thượng, Nam Tử Sư Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Giác Ngộ Có Đủ Các Đức. Ngài đối với Trời, Người, Ma, Phạm Sa-môn Bà-la-môn, tự thân mình chứng đắc với trí tuệ, sự sanh đã diệt tận, phạm hạnh đã thành, tự biết rõ công việc đã làm, đây là thân cuối cùng”. Này Nan-đề, khi vị đệ tử có trí tuệ niệm Phật như vậy, ý không vướng vào tham dục, sân hận, ngu si; tâm ý chân chánh. Vị đệ tử có trí tuệ tâm ý đã chân chánh thì đắc nghĩa, đắc pháp, thấy pháp, đắc hỷ lạc lớn, từ hỷ sanh lạc, từ lạc được thân diệt, từ thân diệt được khinh an, từ khinh an đắc định, từ định được thấy biết như thật: “Đây là Khổ đế, đây là Tập đế, đây là Diệt đế, đây là Khổ diệt hướng đạo đế”. Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ chánh niệm đối với tà pháp, có hận ý liền xả, ý không chấp trước. Thế nên, vị đệ tử có trí tuệ ưa thích hành đạo là thường niệm đức độ của Phật.

Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ niệm ân đức giáo pháp của Phật giảng dạy là an ổn, là có thể thấy được, là chứng đắc không có thời gian, tự có thể thọ trì, được người có trí tán thán, có thể giải thoát hoàn toàn, có thể nhờ vào pháp ấy thoát ly cõi này. Này Nan-đề, khi vị đệ tử có trí tuệ niệm Pháp như vậy, ý không vướng vào tham dục, sân hận, ngu si; tâm ý chân chánh. Vị đệ tử có trí tuệ tâm ý đã chân chánh thì đắc nghĩa, đắc pháp, thấy pháp, đắc hỷ lạc lớn, từ hỷ sanh

lạc, từ lạc được thân diệt, từ thân diệt được khinh an, từ khinh an đắc định, từ định được thấy biết như thật: “Đây là Khổ đế, đây là Tập đế, đây là Diệt đế, đây là Khổ diệt hưởng đạo đế”. Nay Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ chánh niệm đối với tà pháp, có hận ý liền xả, ý không chấp trước. Thế nên, vị đệ tử có trí tuệ ưa thích hành đạo là thường niệm đức độ của Pháp.

Nay Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ niệm đức của chúng Tỳ-kheo: “Chúng Tăng đệ tử của Đức Phật có giới thanh tịnh, có định, có giải thoát, có tuệ giải thoát kiến, có tu tập, có chứng đắc, là phước điền của thế gian, cúng dường tuy ít nhưng được phước vô cùng. Trong chúng Tăng, có Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hưởng; có Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hưởng; có A-na-hàm, A-na-hàm hưởng; có A-la-hán, A-la-hán hưởng. Chính là bậc trưởng phu có bốn đôi tám vị, là bậc vững chắc nhất trong loài người, là thầy loài người, là bậc đáng được cung kính trong loài người, là bậc tối thượng trong ba cõi”. Nay Nan-đề, khi vị đệ tử có trí tuệ niệm chúng Tăng như vậy, ý không vướng vào tham dục, sân hận, ngu si; tâm ý chân chánh. Vị đệ tử có trí tuệ tâm ý đã chân chánh thì đắc nghĩa, đắc pháp, thấy pháp, đắc hỷ lạc lớn, từ hỷ sanh lạc, từ lạc được thân diệt, từ thân diệt được khinh an, từ khinh an đắc định, từ định được thấy biết như thật: “Đây là Khổ đế, đây là Tập đế, đây là Diệt đế, đây là Khổ diệt hưởng đạo đế”. Nay Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ chánh niệm đối với tà pháp, có hận ý liền xả, ý không chấp trước. Thế nên, vị đệ tử có trí tuệ ưa thích hành đạo là thường niệm đức độ của Tỳ-kheo Tăng.

Nay Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ tự niệm giới đức: “Giới luật do Đức Phật chế ra không thể vi phạm, không thể xem nhẹ, không thể phá hủy, không thể khinh thường, không thể làm qua loa. Người có trí tuệ từ giới đắc định, từ định thoát ly ái, ý không lệ thuộc thế gian, cũng như tảng đá bị bể nát không thể liền trở lại”. Nay Nan-đề, khi vị đệ tử có trí tuệ niệm giới như vậy, ý không vướng vào tham dục, sân hận, ngu si; tâm ý chân chánh. Vị đệ tử có trí tuệ tâm ý đã chân chánh thì đắc nghĩa, đắc pháp, thấy pháp, đắc hỷ lạc lớn, từ hỷ sanh lạc, từ lạc được thân diệt, từ thân diệt được khinh an, từ khinh an đắc định, từ định được thấy biết như thật: “Đây là Khổ đế, đây là Tập đế, đây là

Diệt đế, đây là Khổ diệt hưởng đạo đế”. Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ chánh niệm đối với tà pháp, có hận ý liền xả, ý không chấp trước. Thế nên, vị đệ tử có trí tuệ ưa thích hành đạo là thường niệm đức độ của giới.

Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ niệm công đức của bố thí: “Sung sướng thay ta được làm người mà từ bỏ sự tham lam, không có tâm tật đố, thường ưa thích bố thí, vì bố thí chắc chắn có kết quả sau này, bố thí ít nhưng được kết quả vô cùng, do bố thí được quả vô vi”. Này Nan-đề, khi vị đệ tử có trí tuệ niệm bố thí như vậy, ý không vướng vào tham dục, sân hận, ngu si; tâm ý chân chánh. Vị đệ tử có trí tuệ tâm ý đã chân chánh thì đắc nghĩa, đắc pháp, thấy pháp, đắc hỷ lạc lớn, từ hỷ sanh lạc, từ lạc được thân diệt, từ thân diệt được khinh an, từ khinh an đắc định, từ định được thấy biết như thật: “Đây là Khổ đế, đây là Tập đế, đây là Diệt đế, đây là Khổ diệt hưởng đạo đế”. Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ chánh niệm đối với tà pháp, có hận ý liền xả, ý không chấp trước. Thế nên, vị đệ tử có trí tuệ ưa thích hành đạo là thường niệm công đức bố thí.

Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ thường niệm đức của chư Thiên: “Thứ nhất Chiếu-đầu-ma-lại, thứ hai Đạo-lợi, thứ ba Diễm, thứ tư Đầu-thuật, thứ năm Nê-mạn-la-đề, thứ sáu Bát-nê-mê-đà-hòa-xà-hòa-đề. Người nào bằng tín tâm, bằng thanh tịnh, bằng nghe, bằng bố thí, bằng trí tuệ, với các hạnh này sẽ được sanh lên sáu cõi trời ấy. Ta cũng phải thực hành năm pháp là tín, giới, văn, thí, tuệ; từ nhân duyên này sẽ được sanh lên cõi trời”. Này Nan-đề, khi vị đệ tử có trí tuệ niệm chư Thiên như vậy, ý không vướng vào tham dục, sân hận, ngu si; tâm ý chân chánh. Vị đệ tử có trí tuệ tâm ý đã chân chánh thì đắc nghĩa, đắc pháp, thấy pháp, đắc hỷ lạc lớn, từ hỷ sanh lạc, từ lạc được thân diệt, từ thân diệt được khinh an, từ khinh an đắc định, từ định được thấy biết như thật: “Đây là Khổ đế, đây là Tập đế, đây là Diệt đế, đây là Khổ diệt hưởng đạo đế”. Này Nan-đề, vị đệ tử có trí tuệ chánh niệm đối với tà pháp, có hận ý liền xả, ý không chấp trước. Thế nên, vị đệ tử có trí tuệ ưa thích hành đạo là thường niệm đức độ của chư Thiên.

Phật dạy như vậy, Nan-đề-thích hoan hỷ thọ trì, ghi nhớ trong ý

thường hành sáu niệm và đứng dậy đem đầu mặt lạy sát chân Phật.



SỐ 114

PHẬT NÓI KINH NGỰA CÓ BA TƯỚNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn Chi Diệu.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con ngựa giỏi có ba tướng dùng được việc, dâng cho vua thì vừa ý vua, được gọi là ngựa được việc. Những gì là ba tướng? Một, con ngựa giỏi có ý chí, biết chạy nhanh. Hai, có sức mạnh. Ba, tuấn tú đẹp đẽ. Đây là ba tướng của ngựa giỏi, xứng đáng là ngựa được việc.

Người thiện cũng có ba tướng, tự có thiện ý, tiếng khen đồn khắp, mọi người kính trọng, xứng đáng cho người lễ bái, làm phước cho thiên hạ. Những gì là ba?

Người thiện có ý chí biết chạy nhanh, có sức lực, có sắc đẹp.

Thế nào là người thiện có ý chí, biết chạy nhanh? Người thiện có ý chí biết như thật về Khổ, như thật về Tập, như thật về Diệt, như thật về Đạo. Như vậy gọi là người thiện có ý chí biết chạy nhanh.

Thế nào là người thiện có ý chí với sức mạnh? Là người đối với hành động tệ ác đã làm thì nỗ lực đoạn trừ, tâm ý tinh tấn từ bỏ điều ác, điều ác chưa sanh không cho phát sanh. Điều thiện chưa

phát sanh thì làm cho phát sanh, điều thiện đã sanh thì làm cho không quên, không giảm, luôn luôn tăng trưởng. Ý luôn hành thiện, hành tận lực, chế ngự ý, đoạn trừ ác. Như vậy là người thiện có sức mạnh.

Thế nào là người thiện có ý chí với sắc đẹp?

Ở đây có người thiện với ý chí tránh xa năm dục, từ bỏ tệ ác, tu tập đắc bốn Thánh đế. Như vậy là người thiện có ý chí với sắc đẹp.

Như vậy với ba sự chắc thật này, người thiện được tiếng khen, được đứng đầu, mọi người kiêng nể, đáng được mọi người kính lễ.

Đức Phật dạy như vậy.



SỐ 115

PHẬT NÓI KINH NGỰA CÓ TÁM THÁI ĐỘ, VÍ CHO NGƯỜI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư Chi Diệu, người nước Tây vực.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Tỳ-kheo.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngựa có tám thái độ xấu. Thế nào là tám?

1. Khi vừa thả dây cương, liền kéo xe muốn chạy.
2. Khi cột vào xe, liền đạp đá muốn cản người.
3. Cất cao hai chân trước, lồi xe chạy.
4. Đạp vào thùng xe.
5. Người vừa chạm vào càng xe, liền chạy.
6. Chạy bừa ra lề đường.
7. Đang kéo xe chạy, gặp phải bùn nhơ, liền dừng lại không đi nữa.
8. Treo thức ăn vào chỉ nhìn chứ không ăn. Khi chủ dẫn ra cột vào xe, cố há miệng cắn nhưng không ăn được.

Con người cũng có tám thái độ xấu. Những gì là tám?

1. Nghe thuyết kinh liền bỏ đi không muốn nghe, như ngựa vừa được thả cương liền kéo xe bỏ chạy.
2. Nghe thuyết kinh không hiểu, không biết mục đích của câu

nói, liền nổi sân, quấy phá không muốn nghe, như ngựa khi cột vào xe liền đạp đá, cắn người.

3. Nghe thuyết kinh liền chống lại không thọ trì, như ngựa cất cao hai chân lên muốn kéo xe chạy.

4. Nghe thuyết kinh liền mắng nhiếc, như ngựa đạp vào thùng xe.

5. Nghe thuyết kinh liền đứng dậy, như ngựa bỏ chạy khi có người chạm vào xe.

6. Nghe thuyết kinh, không chú ý, cúi đầu nhìn bậy, thàm nói chuyện riêng, như ngựa chạy bừa ra lề đường.

7. Nghe thuyết kinh muốn hỏi bất bí, khi được hỏi lại thì không đáp được, bí lối nên nói dối, như ngựa khi gặp bùn liền dừng lại không đi nữa.

8. Nghe thuyết kinh không chú ý, lại nghĩ đến việc dâm dật, tham muốn đủ thứ, không muốn lắng nghe; chết đọa vào đường ác, khi ấy có muốn học tập hành đạo cũng không làm được, như ngựa khi được treo thức ăn, chỉ nhìn không ăn; khi bị chủ đưa vào xe thì cố há miệng cắn nhưng ăn không được.

Phật dạy:

–Ta dạy về tám thái độ của ngựa, con người cũng có tám thái độ xấu như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe kinh đều hoan hỷ, làm lễ lui ra.



SỐ 116

PHẬT NÓI KINH
HƯƠNG CỦA GIỚI ĐỨC

*Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc-đàm-vô-lan,
người nước Thiên Trúc.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Hiền giả A-nan ở nơi yên lặng suy nghĩ: “Trên đời có ba loại hương là hương rễ, hương cành và hương hoa. Ba loại hương này mùi thơm thuận theo chiều gió, ngược gió thì không nghe; vậy có loại hương thơm gì thuận hay ngược chiều gió đều nghe chăng?”

Sau khi ngồi một mình suy nghĩ về ý nghĩa này, nhưng không biết thế nào, Hiền giả A-nan liền đứng dậy đi đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, quỳ chắp tay bạch Phật:

–Con một mình suy nghĩ: “Trên đời có ba loại hương là hương rễ, hương cành và hương hoa. Ba loại hương này chỉ thơm thuận theo chiều gió, ngược gió thì không nghe. Có loại hương thơm nào thuận hay nghịch gió đều nghe không?”

Phật bảo A-nan:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông hỏi, có loại hương chân chánh thuận hay nghịch gió đều nghe.

A-nan bạch Phật:

–Xin được nghe về hương ấy.

Phật dạy:

Trong đất nước, phố huyện, làng xóm nào, có những người thiện nam, thiện nữ tu tập mười điều thiện, thân không sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng không nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt; ý không ganh ghét, sân, si; hiếu thuận với cha mẹ, phụng sự Tam bảo, nhân từ đạo đức, uy nghi lễ tiết. Phương Đông có vô số Sa-môn, Phạm chí khen ngợi đức độ của người ấy. Phương Nam, Tây, Bắc và bốn hướng có vô số Sa-môn Phạm chí khen ngợi đức độ của người ấy: “Ở đất nước, phố huyện, làng xóm kia, có người thiện nam, thiện nữ tu tập mười điều thiện, kính phụng Tam bảo, hiếu thuận nhân từ, biết đạo đức, ân nghĩa, không mất lễ tiết”. Hương thơm này thuận hay nghịch chiều gió đều tỏa khắp, mười phương đều ca ngợi đức độ, ảnh hưởng đến tất cả.

Đức Phật nói kệ:

*Hoa có sắc và hương
Nhưng không thơm ngược gió
Hương chiên-đàn danh tiếng
Vô số, tất cả hương
Tỉnh hạnh thật hòa nhã
Hương này thơm ngược gió
Bậc trượng phu chân chánh
Ảnh hưởng khắp mười phương
Mộc mật và chiên-đàn
Sen xanh, đủ loại hương
Tất cả các hương này
Hương giới là tối thượng.
Những người sống thanh tịnh
Hành động không phóng dăng
Ma không biết đường họ
Không thấy họ về đâu
Đường này đến Niết-bàn
Đạo này thật tối thượng
Chứng đắc, đoạn nguồn uế
Hàng phục tuyệt lưới ma*

*Vào ngôi nhà Phật đạo
Đạt trí tuệ vô cùng
Thế nên giảng nghĩa này
Trừ sạch các pháp ác.*

Phật bảo A-nan:

-Hương này lan rộng, không bị trở ngại do Tu-di, hay núi sông trời đất, bốn đại chủng: địa, thủy, hỏa, phong, thông suốt mười phương, vô số thế giới đều khen ngợi đức độ của người ấy. Người trọn đời không sát sanh, đời đời trường thọ, không bị chết yếu. Người không trộm cướp, đời đời giàu có, tài sản quý giá không bị thất thoát, thi hành đạo đức căn bản. Người không tà dâm, không xâm phạm vợ người, thường hóa sanh trong hoa sen. Người không nói dối, miệng tỏa hương thơm, lời nói được tin tưởng. Người không nói hai lưỡi, gia đình thường hòa hợp, không bị chia lìa. Người không nói lời thô ác, lưỡi họ xinh đẹp, lời nói thông suốt. Người không nói lời thêu dệt, lời nói của họ được mọi người chấp nhận và tôn trọng. Người không tham lam, đời đời sanh đến nơi nào cũng được mọi người cung kính. Người không sân hận, đời đời xinh đẹp, ai cũng thích nhìn. Người trừ ngu si, sanh ra có trí tuệ, ai cũng thưa hỏi, từ bỏ tà kiến, thường hành chính đạo, tùy theo hành động chắc chắn có kết quả tốt. Thế nên cần phải từ bỏ tà pháp, học theo chân chánh.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời dạy, đều hoan hỷ, làm lễ từ giã.



SỐ 117

PHẬT NÓI KINH HƯƠNG CỦA GIỚI

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở Tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng chúng đại Tỳ-kheo.

Tôn giả A-nan đi gặp Đức Phật, đến nơi lạy sát chân Phật, chấp tay cung kính thưa:

–Thế Tôn, con có chút nghi ngờ muốn hỏi, xin Ngài giảng giải cho. Con thấy trong thế gian có ba loại hương là hương rễ, hương hoa và hương hạt; ba loại hương này tỏa khắp mọi nơi, có gió cũng nghe, không gió cũng nghe, hương ấy như thế nào?

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông chớ nói rằng hương của ba loại này tỏa khắp nơi, có gió hay không gió đều nghe. Ba loại hương này chẳng phải tỏa khắp mọi nơi có gió hay không gió đều nghe. Nay A-nan, nếu ông muốn nghe về loại hương tỏa khắp nơi, hãy chú ý, ta sẽ giảng cho ông.

A-nan bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con muốn nghe, xin Ngài giảng giải.

Đức Phật bảo A-nan:

–Loại hương có gió hay không đều tỏa khắp mười phương là: Trong thế gian, có cận sự nam, cận sự nữ nào giữ tịnh giới của Phật, tu tập các pháp thiện; đó là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Đây là hương thơm giữ giới

của cận sự nam, cận sự nữ, tỏa khắp mười phương, khắp nơi đều khen ngợi với lời tán dương: Trong thành kia có cận sự nam, cận sự nữ giữ tịnh giới của Phật, tu tập các pháp thiện không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ và uống rượu, người đầy đủ giới pháp này là có hương thơm mà có gió hay không gió đều tỏa khắp mười phương, mọi người đều khen ngợi và cung kính.

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

*Các loại hoa quả trong thế gian
Cho đến trầm đàn, long xạ hương
Các loại hương ấy không tỏa khắp
Chỉ nghe hương giới thơm khắp nơi
Chiên-đàn, Uất kim và Tô hợp
Hoa Ưu-bát-la, hoa Ma lệ
Trong các hương thơm hoa đẹp ấy
Chỉ có hương giới là tối thượng.
Các loại chiên-đàn trong thế gian
Hương ấy ít thơm, không bay xa
Hương người giữ gìn tịnh giới Phật
Chư Thiên đều nghe và cung kính
Những người đầy đủ giới thanh tịnh
Cho đến thường hành các pháp thiện
Người ấy mở dây trói thế gian
Tất cả ma quân đều xa lánh.*

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong, đều hoan hỷ tín thọ, lễ Phật từ giả.



SỐ 118

PHẬT NÓI KINH ƯƠNG-QUẠT-MA

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ,
người nước Nguyệt chi.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Trong nước Xá-vệ, có một Phạm chí thông suốt ba kinh và năm sách, trả lời được ngay các câu hỏi, thanh niên, thầy dạy đều bái phục, người già trong nước cũng tìm đến hỏi han, người có học đều quy hướng, môn đồ thường xuyên có năm trăm người. Người đệ tử thượng thủ tên là Ương-quạt-ma (*đời Tấn dịch là Chỉ Man*) uy nghi dũng mãnh, sức khỏe hơn tráng sĩ, tay bắt cả chim bay, chân chạy nhanh hơn ngựa, thông tuệ biện tài, tính tình hòa nhã, hiểu biết cao xa, không có gì làm trở ngại, dung mạo tuấn tú bậc nhất, được thầy đặc biệt hài lòng.

Người vợ thầy dạy rất yêu mến Chỉ Man, chờ khi chồng đi ra ngoài, đến bảo:

–Ta thấy anh hiền ngang tuấn tú, tính ra tuổi tác như ta, vậy có thể cùng ta vui hưởng hoan lạc chăng?

Chỉ Man nghe nói thế thì kinh hoàng khiếp sợ, dựng tóc gáy, quỳ xuống thưa:

–Con xem phu nhân như mẹ, ví thầy như cha, lời dạy tội tệ này thật con không dám nghe theo, trong lòng không chấp nhận vì rất phi pháp.

Vợ người thầy nói:

–Cho người đói ăn cơm, người khát uống nước, có gì là phi pháp. Cho người lạnh áo ấm, cho người nóng mát mẻ, có gì là phi pháp? Che đậy sự lừa dối, cứu giúp sự nguy khốn, có gì là phi pháp?

Chỉ Man đáp:

–Cứu trợ nguy cấp, giúp đỡ nghèo cùng, thật không phi pháp. Phu nhân như mẹ, được thầy tôn trọng, nếu con theo dục đắm sắc, phạm vào điều phi lễ thì như rắn mối nuốt độc làm chết thân.

Vợ người thầy nghe nói, vừa xấu hổ, vừa giận dữ, nên tự đánh đập mình và xé nát y phục, dùng uất kim bôi vàng mặt, giả vờ âu sầu, nằm ủ rũ một nơi.

Khi người chồng trở về, hỏi:

–Tại sao có việc không hay vậy? Ai đã xúc phạm?

Người vợ trách móc:

–Người đệ tử chàng thường khen là thông minh, nhu hòa trong trắng, hành động đàng hoàng, khi chàng vắng mặt, nó đến đây lôi kéo muốn thỏa mãn nên làm hỗn, em chống cự lại, bị nó hà hiếp, đánh đập làm cho khốn đốn. Thế nên, bị nhục không thể đứng dậy.

Vị thầy nghe vậy rất buồn, trong lòng thịnh nộ, muốn giết, để trừng trị kẻ gian bạo, nhưng suy nghĩ, hấn hùng dũng nên không thể hàng phục bằng sức lực, muốn im lặng, nhưng nghĩ kỹ thấy không được vì hấn đã làm nhơ nhuốc trong gia đình, trên dưới hỗn loạn. Vị thầy trầm ngâm, tiến thoái không biết phải làm thế nào, nên mới than thở, thâm nghĩ: “Phải khéo dùng mưu lạ, dạy điều nghịch đạo, bảo giết cho đến một trăm người, chặt một ngón tay của từng người làm vòng đeo cổ. Tội giết người là tội lớn nhất trong các tội, không bị khổ sở tàn khốc thì cũng bị tội giết. Hiện đời bị tai ách, chết đọa địa ngục, không thể thoát khỏi; phải làm đến như vậy”.

Do đó, vị thầy ra lệnh cho Chỉ Man:

–Với sự thông tuệ của con, việc học tập đã đủ, lên nhà trên vào trong phòng, đều đứng đầu trong môn sanh, nhưng có một tài nghệ con chưa thực hành.

Chỉ Man thưa:

–Con xin nghe lời dạy.

Vị thầy nói:

–Con muốn mau thành công, phải cầm kiếm bén, sáng sớm đến ngã tư giết một trăm người, lấy một người một ngón tay để trang sức, làm sao đến giữa trưa đủ số một trăm ngón tay. Nếu con hết sức tuân theo thì đạo đức hoàn hảo.

Vị thầy trao kiếm, Chỉ Man tiếp nhận, rất ngạc nhiên về lời dạy, trong lòng sầu lo, nếu trái lệnh thầy thì không phải là đệ tử có hiếu, nếu làm theo thì sợ trái đạo lý.

Chỉ Man cầm kiếm lui ra khóc nói:

–Tĩnh tu phạm hạnh là pháp của Phạm chí; bỏ tà quy chánh là pháp Phạm chí; nhu hòa nhân tuệ là pháp của Phạm chí; ban bố Từ, Bi, Hỷ, Xả là pháp của Phạm chí; pháp tu đắc năm thần thông là pháp của Phạm chí; vượt lên Phạm thiên là pháp của Phạm chí; nay hung bạo giết hại là phi pháp, trái đạo lý.

Chỉ Man trù trừ buồn bã, không biết làm thế nào, liền đến bên lùm cây ở ngã tư đường, buồn giận kích thích, phần uất, ma ác thừa cơ gây hại, làm loạn tâm Chỉ Man, khiến anh ta liền trợn mắt thở hào hển, nhìn khắp bốn hướng gần xa như quỷ, sư tử, như hổ lang thú dữ nhảy chồm lên, bộ dạng đáng sợ. Người đi trên ngã tư đường đang hướng về thành, phần lớn bị Chỉ Man dùng trường kiếm sát hại, gặp ai giết nấy, mọi người kinh hoàng chạy tứ tán nhưng không biết gì cả. Vô số người kêu gào khóc lóc, vào tận cung vua tâu báo có nghịch tặc chặn ngay đoạn đường quan trọng, hại người vô số, cầu mong Đại vương trừ hại cho dân.

Khi ấy các Tỳ-kheo vào thành khát thực, thấy dân chúng bảo nhau về sự hoảng sợ như vậy. Sau khi khát thực, thọ trai xong, họ đến gặp Đức Phật, lay sát dưới chân Ngài, bạch với Thế Tôn:

–Chúng con thấy dân chúng trong nước đến cửa cung vua, tâu báo có giặc lớn tên Chỉ Man, tay cầm kiếm bén rất là nguy hại, toàn thân nhuộm máu, đường không người đi.

Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy ở đây, Ta đến cứu họ.

Đức Phật đứng dậy đi đến chỗ ấy, trên đường gặp người chặn bò, người khuân vác, người đánh xe, người làm ruộng, mọi người đều thưa với Ngài:

–Đại Thánh hãy đứng lại, chớ theo đường này, ở trước có kẻ nghịch tặc chặn nơi ngã tư đường, giết người ngổn ngang, xin đi đường khác, vì Ngài đi một mình không người hộ vệ.

Thế Tôn bảo:

–Giả như có giặc cướp đầy cả ba cõi, Ta cũng không sao, huống chi là một tên giặc!

Lúc ấy mẹ của Chỉ Man lấy làm lạ vì đến giờ ăn mà con không về, sợ con bị đói nên bà mang thức ăn ra ngoài thành cho con.

Trời sắp trưa số một trăm ngón tay vẫn chưa đủ, sợ khi đến chiều thì đạo nghiệp không thành, nên Chỉ Man muốn giết mẹ để đủ số.

Đức Phật biết nếu Chỉ Man giết mẹ, với mức độ tội tộ này, tội không thể cứu. Do đó, Đức Phật xuất hiện trước mặt Chỉ Man.

Khi Ương-quạt-ma thấy Đức Phật liền bỏ mẹ, hùng hổ như sư tử chạy đến đón đầu Thế Tôn, suy nghĩ: “Mười người, trăm người, thấy ta chạy cũng chẳng dám tranh đua, với họ ta vẫn hùng dũng tung hoành ngang dọc, huống chi Sa-môn này đến đây chỉ một mình. Ta hãy ra tay lấy mạng ông ta!”.

Chỉ Man cầm kiếm rượt theo Đức Phật, nhưng không kịp, cố hết sức chạy cũng không bằng Phật, suy nghĩ: “Ta có thể vượt qua cả sông suối, tháo đứt dây trói, hai tay tung mạnh bốn ngựa không địch lại, thành dày lũy vững đều vượt qua cả, nhưng Sa-môn này chậm rãi đi bộ nhưng ta không theo kịp, dùng hết sức lực cũng không đến gần ông ta được”.

Chỉ Man gọi Phật:

–Này Sa-môn, hãy đứng lại!

Đức Phật bảo với kẻ nghịch tặc:

–Ta đã ngừng lại từ lâu rồi; chỉ có người là chưa ngừng.

Chỉ Man từ xa nói kệ:

*Lời Mâu-ni nghĩa gì
Tự nói đã đứng lại
Nói với mục đích gì
Cho rằng ta không ngừng
Vì sao Phật nói đứng*

*Nhưng thân vẫn đang đi
Ta đang đứng, nói đi
Xin giải thích nghĩa này!*

Thế Tôn nói kệ đáp Chỉ Man:

*Chỉ Man nghe Phật đứng
Thế Tôn trừ lỗi người
Người chạy theo vô trí
Ta ngừng, người không ngừng
Ta trú chánh giải thoát
Ưa pháp tu phạm hạnh
Người chạy theo ngu si
Nay tâm hại chuta ngừng
Đại Thánh tuệ vô cùng
Giảng pháp ở ngã tư
Được nghe nói về tội
Liên giác ngộ pháp nghĩa.*

Bấy giờ tâm Chỉ Man liền được khai ngộ, bèn vứt kiếm, lạy sát dưới đất thưa:

– Cầu mong Thế Tôn tha thứ cho sự mê lầm của con đã sanh lòng tàn hại kết ngón tay người. Nay con muốn thấy đạo, cầu mong Ngài từ bi hóa độ, tiêu trừ nguồn tội, thương xót tiếp độ cho con được xuất gia, thọ giới cụ túc.

Đức Phật liền tiếp độ và Chỉ Man trở thành Sa-môn.

Khi ấy Thế Tôn ngồi kiết già với uy thần rực rỡ, trí tuệ quang minh. Hiền giả Chỉ Man hầu một bên, trở về khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Chỉ Man được hóa độ, tận tín Thế Tôn; các vị Hiền thánh đệ tử khác cùng nhau hộ trợ. Vị Tộc tánh tử ấy cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, từ gia đình phát sanh lòng tin, bỏ nhà học đạo, đầy đủ cứu cánh vô thượng phạm hạnh, chứng đắc lục thông, chấm dứt sanh tử, tịnh đức vang xa, việc làm đã xong, thấu đạt gốc của Danh sắc, chứng đắc bậc Ứng chân (A-la-hán).

Khi ấy vua Ba-tư-nặc (*Tấn dịch là Hòa Duyệt*) tập hợp bốn đội binh là tượng, mã, bộ, kỵ, cùng xa giá xuất chinh để trừ diệt kẻ nghịch tặc, nên thân thể nhà vua mệt nhọc và bụi bặm, đi đến gặp Phật, lạy

sát chân Ngài.

Phật hỏi nhà vua:

–Đại vương từ đâu đến mà thân thể dính bụi vậy?

Vua bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn, có đại nghịch tặc tên là Ương-quật-ma hung bạo tàn hại, chặn đứng nơi ngã tư đường, tay cầm kiếm bén sát hại dân chúng. Thế nên con thống lĩnh bốn bộ binh đi trừ diệt nó.

Khi ấy Chỉ Man đang ngồi trong chúng hội, cách Thế Tôn không xa.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Chỉ Man đang ở đây, đã cạo bỏ râu tóc, trở thành Tỳ-kheo; đối với việc trước đây thì như thế nào?

Vua bạch Phật:

–Đã quyết chí với đạo thì có gì bằng! Phải suốt đời cung cấp y phục, thức ăn, sàng tọa, thuốc uống trị bệnh cho vị ấy.

Nhà vua lại hỏi Thế Tôn:

–Kính thưa Đại Thánh, kẻ hung hại bạo nghịch, đã được chí đạo, đạt đến tịch tịnh hay sao! Nay đang ở đâu?

Phật đáp:

–Vị ấy đang ngồi gần đây.

Nhà vua vừa trông thấy, tâm ý hoảng hốt, dựng tóc gáy.

Phật bảo:

–Này Đại vương, đừng sợ hãi. Nay vị này đã là hiền nhân, không còn tâm ý bạo nghịch.

Nhà vua thi lễ thưa:

–Hiền giả, ngài là Chỉ Man phải không?

Đáp:

–Đúng vậy.

Vua lại hỏi:

–Nhân giả họ gì?

Đáp:

–Họ Ý Giác.

Hỏi:

–Vì sao có họ Ý Giác?

Đáp:

–Đây là họ cha.

Vua nói:

–Xin ngài Ý Giác nhận sự cúng dường về y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc trị bệnh của suốt đời con, cúng dường theo yêu cầu.

Sau khi được chấp nhận, nhà vua đánh lễ lui về, khen ngợi Thế Tôn:

–Ngài hay điều phục kẻ khó điều, hay thành tựu kẻ chưa thành tựu, an trú ban từ bi, ai cũng được hướng dẫn, tiêu trừ tai họa ác nghịch, đưa họ vào giáo pháp và làm cho đời sống của dân chúng được ổn định. Việc nước đa đoan, con xin cáo lui.

Phật dạy:

–Đại vương hãy tùy nghi.

Nhà vua lễ sát chân Phật, từ giã.

Bấy giờ Hiền giả Chỉ Man ở nơi thanh vắng, đắp y năm điều, sáng sớm ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, thấy nhà kia có người phụ nữ mang thai, đủ tháng nhưng khó sanh, tâm mong được sự cứu giúp, hướng về Chỉ Man hỏi:

–Ngài muốn đi đâu, hãy cứu giúp tôi!

Sau khi khát thực, ra ngoài thành thọ trai, rửa và cất bát xong, Chỉ Man ngồi yên suy nghĩ, chỉ tăng thêm sự cung kính, rồi đến gặp Phật, đánh lễ thưa:

–Thế Tôn, sáng nay con mặc y, mang bát vào thành khát thực, thấy có phụ nữ đủ tháng sắp sanh, vì khó sanh nên sợ hãi cầu mong con cứu hộ.

Phật bảo Chỉ Man:

–Ông hãy mau đi đến bảo phụ nữ ấy: “Lời nói của Chỉ Man chí thành không dối trá, là từ khi sanh ra đến nay chưa từng sát sanh. Theo sự thật này, bà chị sẽ sanh được an ổn, không hoạn nạn”.

Chỉ Man bạch Phật:

–Con đã gây quá nhiều tội lỗi, giết hại đến chín mươi chín người, mà nói lời như vậy chẳng phải là nói hai lời hay sao?

Đức Thế Tôn bảo:

–Đời sống trước đây và hiện nay khác nhau; thế nên đó là lời nói thật không phải vọng ngữ. Thầy hãy kịp thời đến cứu nguy cho người phụ nữ ấy.

Chỉ Man vâng lệnh Phật, đến chỗ người phụ nữ, nói đúng lời Phật dạy:

–Đúng như lời chí thành của tôi, không nói dối, từ khi sanh ra đến nay tôi chưa từng sát sanh. Theo sự thật này, làm cho bà chị sanh sản an ổn.

Chỉ Man chưa nói dứt lời, người phụ nữ ấy liền sanh được con một cách an ổn.

Khi ấy Chỉ Man vào trong thành Xá-vệ, bọn thiếu niên thấy Hiền giả đi khát thực, hoặc dùng gói đá ném, hay dùng tên bắn, dùng dao búa đâm chém, dùng gậy đánh đập.

Hiền giả Chỉ Man bị thương vỡ đầu, y phục rách nát, trở về lay sát dưới chân Phật, rồi đứng dậy, ngay trước Phật nói kệ:

*Trước đây con là giặc
 Tên Chỉ Man vang xa
 Vực lớn đã khô kiệt
 Nên quy y Chánh giác
 Nhờ dùng giới nhẫn nhục
 Theo Phật giảng dạy chúng
 Nghe kinh thường đúng lúc
 Thế nên không trở ngại.
 Nay đã quy y Phật
 Thọ pháp giới chân thật
 Chúng đắc ba thông đạt
 Tùy thuận các pháp Phật
 Xưa, hung bạo ác độc
 Làm hại nhiều sanh mạng
 Tuy gây nhiều tàn hại
 Nay, con tên Vô hại
 Những lỗi lầm thân miệng
 Vì giữ tâm sát hại
 Con không hại người nữa*

Không còn gây nguy ách
 Những lỗi lầm đã qua
 Giữ gìn pháp tịch nhiên
 Con đúng tên hung bạo
 Tự điều thành nhân hiền
 Dùng khả năng điều phục
 Như móc câu điều voi
 Như Lai thành tựu con
 Không dùng kiếm, dùng gậy
 Trước đây con phóng dật
 Nhưng sau tự chế mình
 Chiếu sáng trong thế gian
 Như mặt trời thoát mây
 Giả sử phạm các ác
 Nhưng không đoạn Bồ-đề
 Họ chiếu sáng thế gian
 Như mây tan trời hiện
 Nếu Tỳ-kheo tâm học
 Tinh tấn tu Phật pháp
 Họ chiếu sáng thế gian
 Như mặt trăng tròn đầy
 Người gây các tội lỗi
 Sẽ bị đọa đường ác
 Con không còn các nạn
 Ăn mặc không chấp trước
 Không cầu sống đời này
 Cũng chẳng muốn chết đi
 Chỉ sống đúng hiện tại
 Tâm luôn an trú định
 Như vậy Ương-quật-ma
 Đã chứng A-la-hán
 Ngay trước Phật Thế Tôn
 Tự nói lên kệ này.

Phật dạy như vậy, Hiền giả Chỉ Man và các Tỳ-kheo nghe kinh

đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 119

PHẬT NÓI KINH ƯƠNG-QUẠT-MAN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đúng thời, có nhiều Tỳ-kheo đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi họ đang khát thực, nghe ngoài cửa cung vua Ba-tư-nặc, có nhiều người dân dắt díu nhau kêu khóc om sòm với lời lẽ: “Trong đất nước này hiện có đại ác tặc tên Ương-quạt-man, giết hại dân chúng một cách tàn bạo không thương xót. Đời sống trong làng xóm không được an ninh, thành phố cũng vậy, nhân dân cũng vậy. Hắn giết hại người dân chặt mỗi người một ngón tay để làm tràng hoa, nên có tên là Ương-quạt-man. Chúng tôi cầu mong nhà vua trừng trị người ấy”.

Các Tỳ-kheo, sau khi khát thực từ thành Xá-vệ về, thọ trai xong, thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ trên vai, đến gặp Thế Tôn, đem đầu mặt lạy sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo chúng con, đến thời, đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, nghe ngoài cửa cung vua Câu-bà-la có nhiều người dân dắt díu nhau khóc lóc, nói rằng: “Trong đất nước này, có tên giặc lớn tên Ương-quạt-man giết hại nhân dân, chặt mỗi người một ngón tay để làm tràng hoa, nên có tên là Ương-quạt-man”. Xin vua hàng

phục hấn.

Sau khi nghe các Tỳ-kheo nói, Thế Tôn liền đứng dậy đi đến chỗ Chỉ Man. Trên đường đến nơi, Thế Tôn gặp những người gánh củ, vác củi, cày ruộng, họ nói với Ngài:

–Sa-môn đừng đi theo lối này. Vì sao? Trong đường ấy, có Ương-quật-man giết hại nhân dân, không có tâm Từ với chúng sanh, thành phố, làng xóm đều bị nó làm hại. Nó giết người chặt ngón tay làm tràng hoa, nó sẽ gây hại Thế Tôn. Những Sa-môn, thường dân theo đường này, phải đi từng đoàn mười người mới qua, hoặc hai mươi người, hoặc ba mươi người, hoặc bốn mươi người, hoặc năm mươi người, hoặc trăm người, ngàn người mới đi qua, nhưng vẫn bị Ương-quật-man giết theo ý muốn.

Thế Tôn vẫn tiếp tục đi, không đổi ý.

Ương-quật-man thấy Thế Tôn đến liền suy nghĩ: “Những người dân muốn đi qua đường này phải tập hợp từ mười người cho đến ngàn người mới đi qua, vẫn bị ta giết theo ý muốn. Nhưng Sa-môn này đến đây chỉ một mình không có bạn, ta sẽ giết ông ta”.

Ương-quật-man liền rút kiếm bên hông, chạy đến chỗ Thế Tôn.

Thế Tôn thấy Ương-quật-man đi đến liền quay ngược lại. Ương-quật chạy hết sức mình đuổi theo, nhưng không đuổi kịp, bèn suy nghĩ: “Ta chạy đuổi kịp cả voi, ngựa và xe, kể cả bò dữ và người. Sa-môn này đi không nhanh, nhưng ta tận lực mà vẫn không đuổi theo kịp”.

Ương-quật-man nói với Thế Tôn:

–Đứng lại! Đứng lại! Sa-môn.

Thế Tôn nói:

–Ta đứng lại đã lâu, nhưng người không đứng lại!

Ương-quật-man nói kệ:

*Sa-môn đi, nói đứng
Lại bảo ta không dừng
Sa-môn nói nghĩa này
Ông đứng, ta không đứng?*

Thế Tôn nói với Ương-quật-man:

–Người hãy lắng nghe Ta nói về ý nghĩa Ta đứng, người không

đứng.

Thế Tôn nói kệ:

*Thế Tôn thường đứng lại
Tất cả nhờ ân Ngài
Người có tâm sát hại
Và hành động tàn ác.*

Ương-quật-man suy nghĩ: “Phải chăng ta đang làm điều ác?”

Ương-quật-man nói kệ:

*Sa-môn nói kệ này
Tâm Từ con phát sanh
Con liền vứt bỏ kiếm
Quy lạy quy y Phật
Đầu mặt sát chân Ngài
Cầu xin làm Sa-môn
Phật dạy: Này Tỳ-kheo
Liền thọ Cụ túc giới.*

Theo thường pháp của chư Phật, Thế Tôn nói:

–Khéo đến đây, này Tỳ-kheo!

Râu tóc của Ương-quật-man tức thì tự rụng như được cạo sau bảy ngày. Vị ấy mặc ca-sa mềm đẹp, nếu vị ấy mặc áo bằng vải thì cũng biến thành ca-sa.

Thế Tôn dạy:

–Tỳ-kheo, đến đây! Hãy tu tập phạm hạnh trong giáo pháp của Ta, không còn tâm kiêu mạn thì đoạn tận nguồn gốc khổ.

Khi ấy râu tóc Ương-quật-man tự rụng, thân mặc ca-sa theo sau Thế Tôn. Thế Tôn dẫn Ương-quật-man từ vườn Xà-lê về đến Kỳ-hoàn đưa vào chỗ ngồi.

Bấy giờ Ương-quật-man được các Tỳ-kheo Tôn trưởng dạy bảo uy nghi lễ tiết. Sau khi được dạy bảo như vậy, nhờ đó vị Tộc tánh tử ấy có lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh vô thượng, đoạn tận sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ vào thai mẹ nữa. Lúc ấy Tôn giả Ương-quật-man đã chứng quả A-la-hán.

Tôn giả Ương-quật-man tu tập ở nơi thanh vắng, thường hành khát thực không phân biệt nhà nào cả, mặc y năm mảnh của người vứt bỏ.

Khi đó vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn loại binh đi ra ngoài thành Xá-vệ, muốn đến chỗ kẻ giết người Ương-quật-man, nhà vua suy nghĩ: “Ta nên đến gặp Thế Tôn trước, đem sự việc này trình bày với Ngài và sẽ phụng hành theo lời dạy của Ngài”.

Nhà vua đến Kỳ-hoàn, đi bộ vào chỗ Thế Tôn. Thông thường vua Sát-lợi có năm thứ tiêu biểu cho uy quyền của mình; đó là lọng, mũ, phất cán đỏ, kiếm và giày quý. Nhà vua đều bỏ ra hết, đầu mặt lạy sát chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Sau khi nhà vua an tọa, Đức Phật hỏi:

– Vì sao Đại vương thống lĩnh bốn bộ binh, y phục bụi bặm, đến đây gặp Ta?

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

– Tại thành Xá-vệ này, có gã giặc dữ tên là Ương-quật-man sát hại nhân dân, không có tâm Từ. Thành phố làng xóm đều sợ tai họa ấy nên nhân dân ly tán. Tên này giết người chặt lấy ngón tay kết làm vòng hoa. Con muốn đến đó để trừ diệt hắn.

Thế Tôn nói:

– Nếu hiện nay Đại vương thấy Ương-quật-man cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y vì lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo thì ngài có muốn bắt giữ không?

Nhà vua đáp:

– Giữ làm gì! Con sẽ chào hỏi lễ kính, phục vụ cúng dường, không còn tâm làm hại nữa. Nhưng thưa Thế Tôn, kẻ bạo ác ấy không có tâm Từ đối với chúng sanh, làm sao tu tập hạnh Sa-môn được?

Khi ấy, cách Thế Tôn không xa, Tôn giả Ương-quật-man đang ngồi kiết già, chánh tâm chánh ý đặt niệm ở trước.

Thế Tôn đưa tay phải chỉ vào Ương-quật-man, nói:

– Đại vương, đây là tên giặc Ương-quật-man.

Vua Ba-tư-nặc vừa thấy Ương-quật-man liền giật mình kinh sợ, dựng cả tóc gáy.

Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

–Đại vương, đừng sợ hãi. Ngài cứ tự nhiên đến gặp và vị ấy sẽ nói chuyện với Đại vương.

Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Ương-quật-man, đầu mặt lay sát chân Tôn giả rồi đứng qua một bên, thưa:

–Tôn giả Ương-quật-man, nay ngài tên gì?

Tôn giả đáp:

–Đại vương, tôi tên Già-cù, mẹ tên Mạn-đa-da-ni.

Vua thưa:

–Ngài đã tinh tấn hoàn toàn, con xin suốt đời cúng dường Tôn giả Già-cù y phục, thực phẩm, thuốc trị bệnh, giường ngọa cụ, không tiếc gì cả, thường ủng hộ đúng pháp.

Sau khi đánh lễ, đi quanh Tôn giả ba vòng, nhà vua đến chỗ Thế Tôn, lay sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Thế Tôn, Ngài đã hàng phục kẻ không thể hàng phục, Như Lai đã hàng phục kẻ cương cường không bằng dao gậy. Con có nhiều việc phải làm, muốn trở về nước.

Thế Tôn bảo:

–Nay đã đúng lúc, xin ngài tùy ý.

Vua Ba-tư-nặc đứng dậy, đầu mặt lay sát chân Phật, đi quanh ba vòng rồi từ giả.

Hôm ấy Ương-quật-man mặc y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực. Trong khi đang khát thực, Tôn giả thấy một phụ nữ đang có thai, đã đến kỳ nhưng không sanh được.

Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: “Chúng sanh này thật là khổ não!”.

Sau khi vào thành Xá-vệ khát thực, thọ trai xong, Ương-quật-man thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt tọa cụ trên vai đi đến chỗ Thế Tôn, lay sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên, thưa:

–Vừa rồi, con mặc y, mang bát vào thành Xá-vệ khát thực, khi khát thực, thấy một phụ nữ mang thai sắp sanh, nhưng không sanh được. Thấy vậy, con suy nghĩ: “Chúng sanh này thật là khổ não!”.

Thế Tôn dạy:

–Này Chỉ Man, thầy hãy đến gặp người phụ nữ ấy và bảo bà ta rằng: “Theo lời dạy các bậc Thánh, tôi từ khi được sanh vào dòng Thánh đến nay không cố ý sát hại sanh mạng chúng sanh. Với lời

thành thật như thế, làm cho người phụ nữ ấy được sanh an ổn”.

Chỉ Man bạch Thế Tôn:

–Việc này không đúng với con, vậy con có nói dối không? Vì sao? Chính thân này, con đã giết hại hàng bao nhiêu là chúng sanh.

Thế Tôn dạy:

–Khi ấy thầy còn ở thế tục, nay sống đời bậc Thánh, không giống như xưa. Nay Chỉ Man, thầy hãy vào thành Xá-vệ, đến nơi đường đi, tuyên lệnh: “Chư Hiền phải giữ gìn năm việc. Những gì là năm? Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Vì sao? Quả báo của sát sanh là gây hại bằng dao thì nhận quả báo bằng dao. Quả báo của trộm cướp là tăng thêm nghèo khổ. Quả báo của gian dâm vợ người là tăng thêm gian tà. Quả báo vọng ngữ là sanh vào loài miệng bị hôi hám. Quả báo uống rượu là tăng thêm cuồng loạn”. Thầy hãy đến nơi người phụ nữ ấy bảo rằng: “Tôi từ khi sanh vào dòng Thánh đến nay, chưa từng nghĩ đến việc sát hại chúng sanh, với lời chân thật này sẽ làm cho người phụ nữ kia sanh sản được an ổn”.

–Xin vâng! Thế Tôn!

Đến giờ, Chỉ Man đắp y mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực, ngay trên đường lớn, tuyên bố: “Chư Hiền nên giữ gìn năm giới...”.

Tôn giả đến gặp người phụ nữ ấy bảo:

–Tôi từ khi sanh vào dòng Thánh đến nay không tự ý sát hại một mạng người nào, với lời chân thật này làm cho bà sanh sản được an toàn.

Tôn giả nói vừa xong, phụ nữ ấy liền sanh sản an ổn.

Sau khi thọ trai, Chỉ Man muốn ra khỏi thành Vương xá, có một người dùng đá ném vào Tôn giả, có người dùng gậy đánh, lại có người dùng dao chém làm cho Chỉ Man bị vỡ đầu, thân chảy máu. Tôn giả ra khỏi thành, về gặp Thế Tôn.

Thế Tôn trông thấy Chỉ Man đến với đầu và thân thể bị thương, máu loang bẩn cả Tăng-già-lê, nên bảo:

–Thầy hãy kham nhẫn chờ sanh ý ác. Quả báo do hành động của thầy phải bị đọa đến trăm ngàn vô số kiếp trong địa ngục, nay chỉ chịu quả báo này thật không đáng kể.

Chỉ Man bạch Phật:

–Đúng vậy! Thế Tôn. Đúng vậy! Như Lai.

Khi ấy Chỉ Man với tâm ý hoan hỷ, ở ngay trước Phật, nói kệ:

*Con nhẫn thật kiên cố
 Tâm không bị thay đổi
 Nay con nghe chánh pháp
 Nên không lười, kiêu mạn
 Nghe pháp thêm vững chắc
 Tận tín Phật, Pháp, Tăng
 Thân cận thiện tri thức
 Phân biệt rõ các pháp
 Con từng là ác tặc
 Tên gọi Ương-quật-man
 Vì bị chìm trong nước
 Nay nương tựa Chánh giác
 Tự quy y Tam bảo
 Với pháp phân biệt pháp
 Đã chứng ba đạt trí
 Chứng đắc đến giác ngộ
 Xưa hành động phóng dật
 Giết hại mạng chúng sanh
 Nay chứng chân thật rồi
 Không còn sát hại người
 Thân, miệng và tâm ý
 Hoàn toàn không gây hại
 Dù có mang tên Giết
 Cũng không bị oán hận.
 Tỳ-kheo trẻ tuổi nào
 Thành tựu pháp luật Phật
 Họ chiếu sáng thế gian
 Như trăng thoát mây che,
 Trước hành động dâm dật
 Sau hối cải không làm
 Họ chiếu sáng thế gian*

*Như trăng thoát mây che,
 Như lợi theo dòng nước
 Như luyện tập cho cứng
 Như thợ mộc đẽo gỗ
 Người trí tự tu thân,
 Đức Phật hàng phục người
 Không dùng dao hay gậy
 Không dùng roi, cương, cùm
 Không dùng sức bắt giữ
 Con không hy vọng chết
 Cũng không hy vọng sanh
 Tự quan sát thời tiết
 An tường, không loạn động.*

Thế Tôn hoan hỷ quan sát Chỉ Man, bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy có thấy trong hàng Tỳ-kheo đệ tử như pháp của Ta có vị nào trí tuệ thông suốt, nghe pháp liền hiểu như Tỳ-kheo Già-cù, nghe pháp liền hiểu không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo đệ nhất trong chúng Thanh văn của Ta có trí tuệ bén nhạy là Tỳ-kheo Chỉ Man.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 120

KINH ƯƠNG-QUẬT-MA-LA

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la,
người nước Thiên Trúc.*

QUYỂN I

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Thế Tôn cùng vô lượng vị Đại Bồ-tát, tứ chúng và vô số Thiên, Long, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tỳ-xá-giá, Phụ-đa-già-na, A-sai-la-đàn-na-bà vương, Nhật nguyệt thiên tử, A-tu-la và các La-sát, hộ thế chủ Tứ thiên vương, ma thiên... hội đủ.

Khi ấy Thế Tôn giảng rộng diệu pháp độ thoát chúng sanh, tên là kinh Chấp Kiếm Đại Phương Quảng, trước sau như một đều thiện, hiển thị cứu cánh, gồm trọn ý nghĩa và chân thật, thuần nhất thanh tịnh, đầy đủ mọi phạm hạnh.

Về phía Bắc thành Xá-vệ không xa, tại thôn xóm tên Tát-na, có một nữ Bà-la-môn nghèo nàn tên là Bạt-đà-la. Bà ta có một con trai tên là Nhất Thiết Thế Gian Hiện, mồ côi cha từ nhỏ, tuổi vừa mười hai, sức lực và tướng mạo đều hơn người, thông minh trí tuệ, lời nói nhỏ nhẹ khéo léo.

Một thôn khác tên là Phả-la-ha-tư có một vị thầy Bà-la-môn ở từ lâu tên là Ma-ni-bạt-đà-la thông thạo bốn kinh Tỳ-đà. Bấy giờ Thế Gian Hiện đang theo học với ông ta, tùy thuận cung kính, hết lòng cúng dường, các căn thuần thực, phụng trì những điều đã học.

Hôm đó, vừa nhận được lời mời của vua, vị thầy để Thế Gian Hiện ở lại giữ nhà, rồi ra đi.

Vợ người Bà-la-môn ấy tuổi còn nhỏ, xinh đẹp, thấy Thế Gian Hiện, nên sanh niềm tâm, quên cả lễ nghĩa, nắm áo anh ta trước.

Thế Gian Hiện thưa với sư mẫu:

–Tôn trưởng hiện nay như mẹ con, làm sao con dám làm việc phi pháp với tôn trưởng.

Vị phụ nữ ấy quá xấu hổ, nên buông áo anh ta ra, lẩn đi nơi khác. Tâm dâm dục quá mạnh, người phụ nữ ấy khóc lóc suy nghĩ: “Nó đã cự tuyệt, không chiều theo ý ta; nếu không thuận theo, cần phải giết mạng nó, không để cho nó được cưới người khác làm vợ”. Y thị liền dùng ngón tay tự thỏa mãn mình, do dâm loạn quá mạnh tự thiêu đốt thành bệnh. Cô ta thi hành quỷ kế, ngụy trang thân thể, dùng dây tự treo cổ nhưng chân vẫn đứng đất.

Bấy giờ Ma-ni-bạt-đà xong việc trở về, thấy vợ tự treo cổ, liền dùng dao cắt dây, la lớn tiếng hỏi:

–Ai gây ra việc này?

Vợ đáp:

–Vì Thế Gian Hiện muốn làm việc phi pháp, áp chế cưỡng bức nên gây ra việc này.

Ma-ni-bạt-đà biết Thế Gian Hiện có sức mạnh lớn, nên suy nghĩ: “Ngày nó sanh ra, các đao kiếm của tất cả hàng Sát lợi đều tự chui ra khỏi vỏ, kiếm bén cong lại rơi vào trong đất, làm cho các Sát lợi đều rất kinh sợ. Ngày sanh của nó có hiện tượng lạ như vậy, nên biết người này có sức lực lớn”.

Sau khi suy nghĩ, người thầy nói với Thế Gian Hiện:

–Người là kẻ ác, hủy nhục tôn trưởng của mình. Nay người không còn là Bà-la-môn chân chính, cần phải giết một ngàn người để trừ tội này.

Thế Gian Hiện bảm tánh kính thuận, tôn phụng lời dạy của thầy, nên thưa:

–Trời ơi! Thưa Hòa thượng, giết hại cả ngàn người là việc con không nên làm!

Người thầy liền nói:

–Người là kẻ ác không muốn sanh thiên, làm Bà-la-môn hay sao?

Đáp:

–Lành thay! Thưa Hòa thượng, con xin vâng lệnh giết một ngàn người.

Nói xong, Thế Gian Hiện lạy dưới chân thầy.

Vị thầy thấy vậy, sanh tâm mừng rỡ, nghĩ: “Người là đại ác nhân, thoát chết được sao? Vậy hãy làm cho nó chết”.

Người thầy nói:

–Giết người nào thì chặt lấy ngón tay người ấy, giết ngàn người lấy ngón tay làm vòng đội trên đầu đem về đây, sau đó mới thành Bà-la-môn.

Vì sự việc này nên có tên là Ương-quật-ma-la.

Ương-quật-ma-la thưa thầy:

–Lành thay! Hòa thượng, con xin vâng.

Sau đó, anh ta giết đến chín trăm chín mươi chín người.

Bấy giờ mẹ của Ương-quật-ma-la nghĩ con đang đói, liền mang bốn thức ăn ngon đem đến cho anh ta. Người con thấy mẹ liền suy nghĩ: “Hãy làm cho mẹ ta được sanh thiên”, tức thì cần kiếm chạy tới muốn giết mẹ mình.

Nơi đó có một đại thọ tên A-du-ca, cách nước Xá-vệ mười do-tuần thiếu một trượng. Khi ấy Thế Tôn với Nhất thiết trí biết đã đúng lúc, liền như Nhận vương bay đến.

Ương-quật-ma-la thấy Thế Tôn tới, vội vàng cầm kiếm chạy lại, suy nghĩ: “Ta hãy giết Sa-môn Cù-đàm”.

Đức Thế Tôn thị hiện bỏ đi.

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Đứng lại, Đại Sa-môn
Thái tử vua Bạch Tịnh
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộp một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Bác Vô Tham, nhuộm y
Ta là Ương-quật-ma*

*Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Bậc hủy hình cạo tóc
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Bậc biết đủ trì bát
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Sư tử đi không sợ
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Mãnh hổ bước oai hùng
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Uy đẹp như vua Nhạn
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
An tường như voi quý
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Miệng hé mở sáng đẹp
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Như trăng sáng tròn đầy
Ta là Ương-quật-ma
Hãy nộ một ngón tay.
Đứng lại, Đại Sa-môn
Đẹp như núi vàng ròng*

Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Mắt như ngàn cánh sen
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Răng như hoa sen trắng
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Lưỡi nói lời chân thiện
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Bạch hào giữa lông mày
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Tóc xanh biếc sáng mượt
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Hai tay dài quá gối
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Ly dục, mã vương tàng
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Xương gối kín không lộ
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn

Tay chân phủ đồng đở
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Cử động thật nhẹ nhàng
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Tiếng Ca-lăng-tần-già
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Diệu âm Kiều-kiết-la
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Hào quang vượt hơn cả
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Điều phục hết các căn
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Đầy đủ cả mười lực
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Giữ hết bốn Chân đế
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Dạy tám đường lợi ích
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.

Đứng lại, Đại Sa-môn
 Đủ ba mươi hai tướng
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Tám mươi vẻ tốt đẹp
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Diệt hết các ái dục
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Đừng làm ta nổi giận
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Thật lạ, ta chưa thấy
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy nộp một ngón tay.
 Đứng lại Đại Sa-môn
 Tu la, Nhân-dà-la
 Cùng với các La-sát
 Hàng ba kiêu mạn này
 Ngài là hạng người nào
 Mà đi nhanh như vậy
 Khi ta chưa ra tay
 Biết điều hãy đứng lại.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Không nghe tiếng ta sao?
 Ta là Ương-quật-ma
 Hãy mau nộp ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Tất cả các hạng người
 Họ nghe tên của ta

Điều sợ hãi chết khiếp
 Hướng chi đối diện ta
 Mà bảo toàn tính mạng.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Người là ai hãy nói
 Là trời hay là gió
 Mà đi nhanh hơn ta.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Nay ta đã quá mệt
 Không thể theo kịp ông
 Hãy mau nộp ngón tay.
 Đứng lại, Đại Sa-môn
 Giữ tịnh giới hoàn toàn
 Hãy mau nộp ngón tay
 Không thoát khỏi ta đâu!

Lúc ấy Thế Tôn như Nhạn vương bước bảy bước, như sư tử nhìn lại, nói kệ với Ương-quật-ma-la:

Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô sanh
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bậc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử..
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ thật tế

Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử..
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô tác
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô vi
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ

Ta đứng chỗ Vô già
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô bệnh
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Bất tử
 Mà người không hiểu biết
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác

Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô nhiễm
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô lậu
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô tội
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới

Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ chân thật
 Mà người không hiểu biết
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ chánh pháp
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ như pháp
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma

Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ tịch tịnh
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ an ổn
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô ưu
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.

Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ lìa ưu
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô trần
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ lìa trần
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi

Trừ hẩn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ không trói
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẩn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô nạn
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẩn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô não
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng

Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô hoạn
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ lìa hoạn
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô hữu
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người

Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô lượng
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô thượng
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ tối thắng
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác

Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ thường hằng
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ cao tột
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ tối thượng
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,

Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộ cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộ ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Bất hoại
 Mà ngươi không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộ cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộ ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Bất tử
 Mà ngươi không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộ cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộ ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô biên
 Mà ngươi không hiểu biết.

Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đẳng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đừng không thể thấy
Mà ngươi không hiểu được.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đẳng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ pháp sâu
Mà ngươi không hiểu biết.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đẳng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ khó thấy

Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta trụ pháp vi tế
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta trụ pháp viên mãn
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ

Ta đứng rất khó thấy
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộ cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộ người kiếm trí tuệ
 Ta đứng pháp Vô định
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộ cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộ người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô tranh
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộ cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác

Nộp người kiểm trí tuệ
Ta trụ vô phân biệt
Mà người không hiểu biết.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho người
Nước pháp thiện vô thượng
Người hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Người hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp người kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ Vô tế
Mà người không hiểu được.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho người
Nước pháp thiện vô thượng
Người hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Người hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp người kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ giải thoát
Mà người không hiểu được.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho người
Nước pháp thiện vô thượng
Người hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Người hãy giữ tịnh giới

Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ tịch tịnh
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ dừng lặng
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ thượng chỉ
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma

Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô đoạn
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ bờ kia
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ mỹ diệu
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.

Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng lừa hư nguy
Mà ngươi không hiểu biết.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ nhà vỡ
Mà ngươi không hiểu biết.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng hàng phục Mạn
Mà ngươi không hiểu biết.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi

Trừ hẩn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng hàng phục Huyền
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẩn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng hàng phục Sĩ
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẩn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ xả bỏ
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng

Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ pháp giới
Mà ngươi không hiểu được.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ không nhập
Mà ngươi không hiểu biết.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi
Nước pháp thiện vô thượng
Ngươi hãy mau uống đi
Trừ hẳn khát sanh tử.
Đứng lại, Ương-quật-ma
Ngươi hãy giữ tịnh giới
Ta là Chánh Đăng Giác
Nộp ngươi kiểm trí tuệ
Ta đứng chỗ thuần thiện
Mà ngươi không hiểu biết.
Này Ương-quật-ma-la,
Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
Nay sẽ nộp cho ngươi

Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ xuất thế
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Vô động
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ bảo điện
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác

Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ bất hối
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ an nghỉ
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ cứu cánh
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,

Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộ cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộ ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng đoạn ba độc
 Mà ngươi không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộ cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộ ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng đoạn phiền não
 Mà ngươi không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộ cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộ ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng đoạn hữu dư
 Mà ngươi không hiểu biết.

Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đừng diệt ba độc
 Mà ngươi không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng nơi cõi diệt
 Mà ngươi không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho ngươi
 Nước pháp thiện vô thượng
 Ngươi hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Ngươi hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp ngươi kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ xả bỏ

Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ hộ trì
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ nương nhờ
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ

Ta đứng chỗ hướng đến
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộ cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộ người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ bến bờ
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộ cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộ người kiếm trí tuệ
 Ta đứng chỗ dung thọ
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộ cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác

Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng dút tham, ganh
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ không khát
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng bỏ tất cả
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới

Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng lý tất cả
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng dừng tất cả
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ dứt nẻo
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma

Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ không, lạc
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ đoạn kết
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đẳng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ tận ái
 Mà người không hiểu được.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đẳng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.

Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ ly dục
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Ta đứng chỗ Niết-bàn
 Mà người không hiểu biết.
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Ta, Bạc Chánh Đăng Giác
 Nay sẽ nộp cho người
 Nước pháp thiện vô thượng
 Người hãy mau uống đi
 Trừ hẳn khát sanh tử.
 Đứng lại, Ương-quật-ma
 Người hãy giữ tịnh giới
 Ta là Chánh Đăng Giác
 Nộp người kiểm trí tuệ
 Người hãy bỏ kiếm nhọn
 Mau quy y Minh trí
 Đừng theo thầy ác tuệ
 Phi pháp cho là pháp
 Nên ném vị thuốc hay
 Sau đó sẽ tự giác.
 Ai cũng sợ đánh đau

Ai cũng yêu mạng sống
Hãy so sánh tự thân
Chớ giết, chớ bảo giết!
Ta và họ không khác
Họ và ta cũng vậy
Lấy Ta để ví dụ
Không giết không bảo giết
Đừng mang hình La-sát
Thân thể dính máu người
Kiếm bén ướt máu người
Không nên cầm trên tay
Hãy rút vòng ngón tay
Lìa xa nghiệp nhĩ sanh
Cầu phi pháp nhĩ sanh
Chính là La-sát ác.
Cừu dê đối với mẹ
Chúng còn biết hiếu dưỡng
Ôi! người thật đáng thương
Bị thầy ác đối gạt
Hăng hái vung kiếm bén
Muốn giết hại mẹ mình
Nghiệp ác người đang làm
Ác nghịch hơn cầm thú
Giết hại hơn La-sát
Hung bạo quá Tu-la
Gia nhập đảng ma ác
Tách rời hẳn loài người
Than ôi! Kẻ ác nghịch
Ăn mẹ khó báo đền
Mang thai mười hai tháng
Hết sức nuôi dưỡng thai
Sanh ra thường nuôi nấng
Ngày đêm chịu khổ như
Nay hãy nhìn mẹ người
Máu lệ mắt tuôn trào

Yêu người đến quên mình
 Tự mang thức ăn đến
 Gió thổi tóc rối bời
 Bụi đất phủ như thân
 Tay chân đều nứt nẻ
 Các khổ phủ thân già
 Bị đói khát đã lâu
 Lạnh nóng đều nếm đủ
 Bức bách tâm cuồng loạn
 Sầu muộn luôn oán than.

Bấy giờ người mẹ thấy Đức Phật Thế Tôn cùng Chỉ Man nói chuyện qua lại, tâm con đã bị hàng phục, buông xuôi hai tay. Nghĩ đến con, bà nói kệ thừa Phật:

Kho báu mất lâu, nay có lại
 Bụi như phủ mắt nay sáng ra
 Than ôi! Tâm con tôi cuồng loạn
 Thường dùng máu người bôi đầy thân
 Tay luôn cầm kiếm rất sắc bén
 Giết hại nhiều người, thân ngổn ngang
 Xin khiến cho nó tùy thuận tôi
 Thành kính đảnh lễ Chánh Đẳng Giác
 Nhiều người mắng con, mẹ khó nghe
 Nay con, mẹ mong con như vậy.

Thế Tôn bảo Ương-quật-ma-la:

–Người ở bên gốc cây kia là mẹ người, ân sanh dưỡng sâu nặng khó báo đền, tại sao muốn giết để được sanh thiên? Nay Ương-quật-ma-la, phi pháp cho là pháp, như bóng nắng mùa xuân làm mê hoặc loài nai, người cũng như vậy, sanh mê hoặc vì nghe lời thầy ác. Những chúng sanh nào cho phi pháp là pháp, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục Vô trạch. Nay Ương-quật-ma-la, nay người hãy mau quy y Như Lai. Nay Ương-quật-ma-la, đừng kinh sợ, Như Lai đại bi là chỗ không còn sợ, xem chúng sanh bình đẳng như La-hầu-la, cứu trị các bệnh, làm chỗ nương nhờ cho người không có nơi nương nhờ; Như Lai an ổn là chỗ yên nghỉ, làm chỗ thân thiện cho kẻ không

người thân, làm kho tàng quý cho người nghèo khổ, chỉ bày đạo Vô thượng cho người mất đạo Phật, hộ vệ cho những người sợ hãi, làm thuyền cầu cho những kẻ bị chìm đắm. Người hãy mau vớt kiếm bén, xuất gia học đạo, lạy dưới chân mẹ xin sám hối cho sạch tội trước đây, chí thành khẩn thỉnh cầu xin xuất gia, cứu độ mẹ người thoát khổ ba cõi. Nay cho người được xuất gia thọ cụ túc. Người sẽ được uống nước pháp cam lộ. Từ lâu người đi trong đường ác nên mê loạn mệt nhọc, nay phải nghỉ ngơi. Người là chủ thuế, Ta cũng chủ thuế, vì giữ gìn chánh đạo, nhận thuế của tất cả chúng sanh làm cho họ được vượt qua biển sanh tử.

Bấy giờ Ương-quật-ma-la vớt kiếm bén, như trẻ con một tuổi nắm phải lửa liền ném, vung tay khóc, ném bỏ vòng ngón tay, kêu lớn:

–Thật đúng như vậy, như người ngủ say, bị rắn mổ đùi liền kinh sợ tỉnh dậy vung tay ném rắn ra xa, Ương-quật-ma-la vớt vòng ngón tay cũng như vậy.

Khi ấy Ương-quật-ma-la không còn bị phi nhân nhập nữa, nên biết hổ thẹn vì máu thấm đầy thân, khóc lóc như mưa. Ví như người bị nọc rắn, thầy thuốc vì họ đọc chú bảo làm như rắn, bụng của Ương-quật-ma-la chuyển động ba mươi chín lần cũng như vậy, sau đó đến trước Phật đánh lễ sát chân, nói kệ:

*Lạ thay! Chánh Giác, Tối Thượng Từ
Bậc Thầy Điều Ngự đến vì con
Giúp con vượt qua biển vô tri
Sóng mê hoặc ngu si u ám.
Lạ thay! Chánh giác vô thượng Bi
Bậc Thầy Điều Ngự đến vì con
Giúp con qua nạn sanh tử rộng
Rừng có nhiều gai nhọn phiền não.
Lạ thay! Chánh giác, đệ nhất Hỷ
Bậc Thầy Điều Ngự đến vì con
Giúp con vượt qua các mê hoặc
Nạn tà kiến, hổ lang, cầm thú.
Lạ thay! Chánh giác, đệ nhất Xả*

*Bậc Thầy Điều Ngự đến vì con
 Làm con vượt qua ngục Vô trách
 Thoát hẳn vô lượng khổ rứt cháy
 Làm chỗ nương cho kẻ bơ vơ
 Thân thiết với kẻ không người thân
 Gây nhiều nghiệp ác sẽ khổ lớn
 Vì con, ngài đến làm chỗ nương.*

Thế Tôn bảo Ương-quật-ma-la:

–Người hãy đứng dậy đến gặp mẹ, chí thành sám hối cầu xin xuất gia.

Ương-quật-ma-la từ chân Thế Tôn đứng dậy, đến gặp mẹ, nhiễu quanh nhiều vòng, quỳ rạp xuống đất, chí thành sám hối, cảm xúc khốc lớn, hướng về mẹ nói kệ:

*Mẹ hiền ơi! Con gây lỗi nặng
 Tạo nhiều nghiệp ác tội chất chồng
 Nghe lời thầy ác gây tàn hại
 Giết gần ngàn người còn thiếu một
 Hôm nay, con xin hướng về mẹ
 Đồng thời quy y Phật Thế Tôn
 Con cung kính lễ sát chân mẹ
 Ngưỡng mong thương xót cho xuất gia.*

Người mẹ nói kệ:

*Ta đã cho phép con
 Xuất gia vì đời sau
 Ta cũng cầu Như Lai
 Xuất gia thọ cụ túc.
 Lạ thay! Khó nghĩ bàn
 Như Lai, Đấng Vô Tỷ
 Phật độ con của con
 Thương khắp cả thế gian
 Như Lai diệu sắc thân
 Công đức chẳng ai bằng
 Con tán dương chút ít
 Tối thắng Thiên Trung Thiên.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Lành thay! Thiên nữ nhân
Sẽ được an vui mãi
Hãy cho phép con bà
Được xuất gia với Ta
Tuổi bà đã quá già
Đã qua thời xuất gia
Chỉ nên sống tận tín
An ổn bằng chánh pháp
Ngươi hãy đợi một chút
Vua Ba-tư-nặc đến.*

Khi ấy trời Đế Thích đưa chư Thiên, thế nữ, quyến thuộc, với hào quang rực rỡ chiếu xuống nước Xá-vệ, thấy Ương-quật-ma-la chống lại Phật, nhưng đã bị hàng phục cả sức và ý, nên quy y sám hối. Họ cùng nhau hoan hỷ nói kệ:

*Lạ thay! Đấng Mười Lực
Điều ngự không ai bằng
Hàng phục Ương-quật-ma
Kẻ thân dính đầy máu
Đàn-na, Nhân-dà-la
A-tu-la, La-sát
Quý Dạ-xoa hung bạo
Và những kẻ ác khác
Na-già, Khẩn-na-la
Đại lực Ca-lâu-la
Họ nghe Ương-quật-ma
Đều sợ hãi nhắm mắt
Huống chi vua loài người
Thấy sao không kinh hãi!
Khi hấn vừa sanh ra
Rồng, thần đều kinh hãi
Tất cả các La-sát
Vứt giáp, rơi kiếm đao
Huống chi vua loài người*

Thấy mà không run sợ
 Nghiệp hung ác như vậy
 Đều bị Phật hàng phục
 Phật lực thật khôn lường
 Trí tuệ Ngài cũng thế.
 Lạ thay! Ương-quật-ma
 Khéo trú giới vô nhiễm
 Phạm hạnh thật thanh tịnh
 Như ngọn núi bằng vàng
 Lạ thay! Ta hôm nay
 Vui được lợi pháp thiện
 Nay ta nên cúng dường
 Y cho Ương-quật-ma
 Ngưỡng mong vì ta nhận
 Xin Thế Tôn thương xót
 Con cúng dường Quật-ma
 Pháp y của Sa-môn
 Là Vua đại khát sĩ
 Xin Thế Tôn quán sát.

Khi ấy Đế Thích bạch với Ương-quật-ma-la:

–Ngưỡng mong Đại sĩ nhận thiên y này làm pháp phục.

Ương-quật-ma-la nói với Đế Thích:

–Người là hạng ruồi, muỗi, trùng nhỏ nào, ta làm sao nhận của bố thí bất tín? Người là hạng nào, hạng lừa của tham dục, chưa vượt qua được dòng sông dài khổ não sanh tử, tự tính lõa hình, làm sao cho y. Người vốn là tự tính lõa hình, làm sao cho người y vô giá được! Ví như vị Quốc vương có ngàn lực sĩ, chưa đựng độ kẻ địch đã ngã ra đất, thì làm sao chiến đấu cùng Đại vương nước địch có ngàn lực sĩ. Như vậy, nếu ta nhận y vô giá thì làm sao hàng phục cả ức ma phiền não và ma tự tính. Ta phải đoạn trừ vô lượng phiền não mà Phật đã chê trách. Ta cần phải học mười hai pháp hành đầu đà của Sa-môn. Người chẳng phải Thiên vương, không khác kẻ mù bầm sanh. Nay trời Đế Thích, người không biết phân biệt, thế nào gọi là nghiệp hung bạo ác. Người là ruồi muỗi, làm sao biết ta là người

hung ác? Than ôi! Đế Thích, người biết Ương-quật-ma-la là kẻ hung ác lại hiểu biết chánh nghĩa của Phật pháp. Tại sao Sa-môn mới xuất gia lại dùng y vô giá! Người hoàn toàn không biết tịnh pháp của người xuất gia. Than ôi! Đế Thích, đối với chánh pháp của Như Lai, người là người ngoài. Thượng tọa Ca-diếp, trưởng tử của Như Lai, có ngọc ma-ni... tám vạn kho quý và vô số nơi chứa vật báu khác cùng nhiều loại y vô giá khác, nhưng đều vứt bỏ như đồ rác rưởi, xuất gia học đạo hành pháp Sa-môn, thọ trì mười hai pháp đầu đà. Như vậy chẳng phải dùng y vô giá là phóng dật hay sao? Thượng tọa Ca-diếp từ bỏ các món ăn ngon, không ăn mùi thịt ngon, tu tập thọ trì pháp không ăn thịt, khát thực từng nhà không hề có sự chán ghét, trước sau như một, khổ vui không thay đổi. Nơi khát thực, có những hạng người không cho hay mắng chửi, Tôn giả đều đáp lại bằng an lạc, sau đó từ giã, tâm không khuynh động. Khi gặp người nói có, Tôn giả không sanh tâm ham thích, đáp lời an lạc, nhận rồi từ giã, tâm không khuynh động. Ai đem tài sản lớn cúng dường Tăng bảo, chúng Tăng trong tương lai, thì hưởng thụ tất cả kho báu không có cùng tận. Vì lý do nào đó không cúng dường Tăng được thì tự phân phối cho nọ quý, người nghèo, người cô độc, người xin ăn. Nay Đế Thích, pháp Sa-môn là không được tích trữ nhiều, cho đến muối dầu cũng không được nhận cất chứa. Nuôi nô tỳ, chứa ruộng đất nhà cửa, mua bán các vật bất tịnh, đều không phải là pháp Sa-môn, mà là pháp tại gia. Người cho, người nhận các vật bất tịnh đều cũng phi pháp. Người chất chứa quá nhiều ngu si, cần phải điều phục những loại ấy như nhổ cỏ làm hại lúa mạ tốt. Hành động giết người làm vòng ngón tay của ta, đều là hủy hoại pháp chúng sanh, không có một người nào là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cả.

Khi ấy Đế Thích nói với Ương-quật-ma-la:

–Tướng bất hại cũng chính là pháp vì Như Lai xem tất cả chúng sanh bình đẳng như La-hầu-la; vậy tại sao đồng ý cho điều phục kẻ ác?

Ương-quật-ma-la nói:

–Tướng khác nhau giữa hại và bất hại, người biết như thế nào? Như những ảo thuật của huyễn sư, người khác không thể biết. Cảnh

giới như huyễn của Bồ-tát cũng vậy. Người là người ngoài Phật pháp làm sao biết được hại và bất hại đều có hai loại. Có bất hại của Thanh văn, có bất hại của Bồ-tát. Người nhỏ như ruồi muỗi, làm sao biết được hai loại bất hại? Tướng khác nhau giữa cảnh giới của người và cảnh giới Bồ-tát, cũng như con muỗi dùng cánh che hư không. Ví như Sa-môn bị phi nhân bắt giữ, bấy giờ đại chúng cần phải giữ gìn không?

Đế Thích đáp:

–Cần phải giữ gìn.

Hỏi:

–Nếu vì giữ gìn mà chết ai phải bị tội?

Đáp:

–Không có mắc tội, trừ khi có tâm hại.

Ương-quật-ma-la nói:

–Như vậy vì điều phục các hiện tượng ác, nếu làm chúng bị chết thì người giữ gìn không có tội, còn được vô lượng công đức thù thắng vô lượng. Như vậy, khó biết tướng khác nhau giữa hại và bất hại. Đây gọi là bất hại của Bồ-tát.

Hỏi:

–Ví như thầy thuốc trị bệnh cho người dùng móc móc lưỡi, nếu bệnh nhân chết, thầy thuốc bị tội không?

Đáp:

–Không! Thầy thuốc có nhiều lợi ích, trừ khi có tâm hại.

Hỏi:

–Như vậy điều phục các loại hiện tượng ác, nếu làm cho họ chết có tội hay không?

Đáp:

–Không tội, còn được vô lượng công đức thù thắng, trừ khi có tâm hại.

Hỏi:

–Ví như đệ tử theo học với thầy, vì học mà chết, thầy có tội không?

Đáp:

–Không tội, trừ có tâm hại.

Hỏi:

–Như vậy các loại chúng sanh ác bị chết vì thấy những chúng sanh có uy đức, có sáng suốt. Vậy họ mắc tội không?

Đáp:

–Không tội, trừ khi có tâm hại.

–Thế nên, này Đế Thích, người không biết tướng khác nhau giữa nghiệp thiện và nghiệp ác. Không biết tướng khác nhau giữa Sa-môn và phi Sa-môn, cần phải điều phục các loại hiện tượng ác phá hoại chánh pháp. Như Thượng tọa Ca-diếp... tám mươi Đại Thanh văn và Tôn giả Ưu nhĩ, tất cả đều xả bỏ các kho báu lớn, xuất gia học đạo trong chánh pháp, ít dục biết đủ, có Tỳ-kheo nào cần dùng y vô giá! Các vị ấy đều cạo tóc trừ kiêu mạn, một thân ô m bát du hành, sống bằng khát thực, đắp y hoại sắc. Tỳ-kheo như vậy làm sao phóng dật, thường bị lạnh nóng, đói khát quá nhiều, chân giẫm trên bụi đất cũng như loài nai rừng, không phạm đến giới nhỏ như trâu mao yêu mấn đuôi, giữ gìn không bỏ như chim ấp trứng, như voi gầy ngà không còn hình đẹp, làm sao họ còn dùng đến y vô giá. người là kẻ ở ngoài chánh pháp, cần thận chớ nói. Như kẻ ngoại đạo Chiên-đà-la không bao giờ được vào trong chúng nhị sanh, người cũng như vậy, là kẻ Chiên-đà-la ngoài chánh pháp. Người nhỏ bé như ruồi, muỗi hãy im lặng đừng nói gì!

M

KINH ƯƠNG-QUẬT-MA-LA

QUYỂN II

Bấy giờ Phạm Thiên vương chủ thế giới Ta-bà, phóng ánh sáng lớn chiếu đến nước Xá-vệ, nhất tâm chấp tay đảnh lễ dưới chân Phật.

Sau khi cúng dường Đức Như Lai và Ương-quật-ma-la, Phạm thiên nói kệ:

*Lạ thay! Con đang gặp đại chiến
 Như hai sư tử đung mãnh tranh
 Lạ thay! Điều Ngự Thiên Nhân Sư
 Như Lai khéo điều Ương-quật-ma
 Cũng như rắn độc thấy thầy rắn
 Liền phun hơi độc đáng hung tợn
 Thầy liền điều phục rắn nằm im
 Bậc Thầy ba cõi cũng như vậy
 Điều phục Ương-quật-ma hung ác
 Con lạy Thầy thuốc của ba cõi
 Đại thần thông lực, bất tư nghi
 Con xin đảnh lễ Vua Tự Tại
 Thiên vương tạo dựng thật lạ lùng
 Dùng pháp tạo dựng Ương-quật-ma
 Thật là tối thắng khó thí dụ
 Thế nên Ngài hiệu Vô Thí Tôn
 Nay, Ương-quật làm nghiệp thù thắng
 Trụ giới điều phục rất thanh tịnh
 Thân tâm an ổn, không sợ hãi
 Cũng như bản chất của vàng ròng
 Vàng Diêm-phù, tinh chất cực đẹp
 Cầu mong Như Lai thương nhận lấy
 Cho Ương-quật-ma mặc y trời
 Để con được chứng đại Bồ-đề*

*Ương-quật mặc y đắc phạm hạnh
Thanh tịnh cứu cánh tâm thanh tịnh.*

Khi ấy Ương-quật-ma-la nói với Phạm Thiên:

–Người là người nào mà nhiều lời lẩm miệng vậy bảo Ương-quật-ma-la dùng y của người để tu tập phạm hạnh lâu dài. Người đáng bị hủy nhục, người là ác Phạm, phi Phạm, chẳng giống Phạm. Người là muỗi ruồi đến đây nói là Phạm. Phạm nghĩa là gì? Thế nào là nghiệp Phạm thiên trong thế gian? Chẳng lẽ ta mặc y phục của muỗi ruồi mà tu tập Phạm hạnh hay sao? Ta không phải là người làm việc tầm thường. Ta cũng không thể tùy theo ý muốn của người khác. Ta cũng không làm người mắc nợ. Như người huyền thuật (*Giáp đầu la, người huyền thuật ở ngoại quốc làm phi nhân để vui chơi, bay qua lại nhanh chóng trong không trung*) bay đi bay lại nhanh chóng, người là ruồi muỗi nhỏ nhoi cũng vậy, đi thọ vui cõi Phạm, rồi trở lại đọa vào đây, không biết Bồ-tát thọ sanh với công đức chân thật, phi pháp cho là pháp, nên các người không giác, mê hoặc luân chuyển trong sanh tử. Than ôi! Phạm thiên, người thật biết lời nói thiện ác: “Ương-quật-ma-la gây nghiệp ác lớn”. Người là ruồi muỗi, ác Phạm, nào biết gì? Cần phải tu học hành động của Bồ-tát.

Phạm vương đáp Ương-quật-ma-la:

–Hiện nay người sát hại chín trăm chín mươi chín người, vẫn thấy người cương cường, chim dữ như Điêu, Thửu không dám lại gần. Người không phải là kẻ cương cường thì nơi nào lại thật có sự cương cường? Người không phải là ma ác thì nơi nào thật có ma ác? Nay Ương-quật-ma-la, người chớ phóng dật, hãy tạo phương tiện trừ diệt các nghiệp ác đã làm. Lành thay! Đức Như Lai thật đại bi, mới có thể độ những chúng sanh hung bạo như Ương-quật-ma-la này.

Ương-quật-ma-la nói với Phạm vương:

–Ác phạm ruồi muỗi, người sẽ đi về đâu? Người sẽ bị luân chuyển trong nơi mê muội nào mà không biết chúng sanh thiện ác chết đọa nơi cõi ác. Như có người đi đến rừng rậm, thấy trên cây có lửa đom đóm, nên sợ hãi lui về, bảo với người trong thành rừng kia bị cháy. Có những người đến đó xem, thấy là lửa đom đóm, không phải cháy rừng. Nay, ác Phạm, người cũng như vậy, bảo ta ngu si thì chính

tự dối mình và dối người khác. Người và người khác sau này sẽ tự biết là tích tụ huyễn. Thí như có người ngu si đi đến rừng rậm, thấy hoa cây Vô ưu, vội la là lửa, sợ hãi trở về. Sau khi về thành, người ấy báo với mọi người, rừng kia bị đốt cháy. Mọi người đến xem, biết không phải là lửa, người ruồi muỗi thấp hèn cũng như vậy. Người và người khác sau này sẽ tự biết thiện và bất thiện, cũng sẽ tự biết là tích tụ huyễn, đừng phát ra những lời không chân thật này nữa. Người hãy im lặng, đừng học theo kiểu nói dối.

Lúc ấy Tứ thiên vương hộ thế đến gặp Đức Phật, cúng dường Đức Phật và Ương-quật-ma. Sau khi cúng dường, họ hướng về Như Lai và Ương-quật-ma-la, nói kệ:

*Lạ thay, rất hy hữu
Thế hùng đang đại chiến
Hỏi đáp nghĩa đệ nhất
Tuệ quang trừ si ám
Lạ thay! Thiện Điều Ngự
Vô Thượng Thiên Nhân Sư
Ngài có Vô lượng lực
Nên hiệu là Như Lai
Hoa bát đằm đệ nhất
Thanh tịnh và nhu hòa
Nước bản không nhiễm ô
Thế nên con đánh lễ
Nay con quy y Phật
Nhất tâm mong cầu thỉnh
Làm cho Ương-quật-ma
Nhận bát của chúng con
Nay Quật-ma tốt đẹp
Như trăng giữa không trung
Ương-quật-ma trang nghiêm
Tịnh giới sáng tròn đầy.*

Ương-quật-ma-la nói với Tứ thiên vương:

–Người là hạng ruồi muỗi tiểu trùng nào? Chỉ là hộ thế mà tự cống cao, tuyên bố sẽ cúng cho ta bát trời, sẽ thấy hủy nhục, các người

hãy chờ xem việc khó làm của ta, chút nữa ta tự hiện ôm bình bát, cần gì phải dùng bát phóng dật này làm gì, mà lấy việc hộ thế để tự khen mình. Gọi là hộ thế, nghĩa là có thể điều phục các hiện tượng ác, chẳng phải hộ thế gian, hộ pháp chân thật, mà gọi là hộ thế. Như có người nghe tiếng Câu-kỳ-la, lại thấy hình nó, vừa thấy con quạ nên sanh mê hoặc, liền nói: “Câu-kỳ-la, Câu-kỳ-la”. Các người cũng như vậy, phi pháp cho là pháp, thủ hộ phi pháp, như người kia thấy con quạ cho là Câu-kỳ-la. Các người nên hộ pháp, đừng hộ thế gian. Nay ruồi muỗi Tứ thiên vương hãy im lặng.

Bấy giờ ma ác Ba-tuần đến gặp Đức Phật, sau khi cúng dường, ngồi qua một bên, hướng đến Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Người hãy mau xuất gia
Đối trá vào thành ta
Ta không nghĩ đến người
Lại cho thoát địa ngục.*

Ương-quật-ma-la nói kệ đáp:

*Ma tặc cầu đi đi
Ruồi muỗi không sợ nói
Và chưa bị năm buộc
Ba-tuần hãy đi xa
Đừng để ta chút nữa
Đá vào người, chó xấu
Ai khi không, vô ngã
Tùy ý chơi cung điện
Như vua Kim sí điểu
Ở trên đỉnh Tu-di
Hạ xuống xem biển lớn
Các rồng cùng đi dạo
Bồ-tát vua Kim sí
Dạo chơi trên địa ngục
Thích uống nước giải thoát
Cúi xem chúng sanh khổ
Ma tặc cầu hãy im
Lắng nghe pháp cam lộ*

*Sau đó về cõi trời
Tùy ý hưởng dục lạc.*

Lúc ấy thân Ma-hê-thủ-la hiển bày sự cúng dường to lớn đối với Như Lai và Ương-quật-ma-la, rồi đứng qua một bên, vui mừng cung kính, nói kệ:

*Con lạy sát chân Ngài
Mừng cung kính nói kệ
Như Lai diệu sắc thân
Như hoa Ưu-bát-la
Răng như hoa sen trắng
Mắt sạch sen nghìn cánh
Trí tuệ không nhiễm ô
Sạch hơn Phân-đà-lợi
Lạ thay! Ương-quật-ma
Thù thắng rất hy hữu
Ở địa vị phàm phu
Mà hàng phục được ma
Sẽ mau thành chánh giác
Cứu độ khắp thế gian.*

Ương-quật-ma-la nói kệ đáp:

*Ngươi, loài ti tiện nào
Đối xứng Ma-hê-la
Giả danh là Tự tại
Không đúng vua Tự tại
Nay làm sao ngươi biết
Ta ở hạng phàm phu
Quý Tỳ-xá nanh dài
Hãy mau đáp lời ta
Hình sắc ngươi xấu xí
Như người đang bệnh nặng
Lại vì khắp thế gian
Giảng rộng cách trị bệnh
Bệnh mình không cứu được
Làm sao trị cho người*

Người là ruồi muỗi nhỏ
 Si mê cũng như vậy
 Không biết tự tánh mình
 Sao biết tâm người khác
 Mà nói Ương-quật-ma
 Ở địa vị phàm phu
 Người không được quán đảnh
 Cho vua Tự tại khác
 Không biết, hãy im đi
 Chút nữa người sẽ thấy.

Khi đó ngay nơi gốc cây Như Lai ngồi, có vị thần cây thấy Ương-quật-ma-la nên tâm sanh kính tín, nói kệ khen:

Ương-quật-ma mau đến
 Bạc dững trí kiên cố
 Thỉnh mặc lấy pháp y
 Cúng dường bữa ăn đầu
 Cho Ương-quật, Như Lai
 Sẽ chứng quả đệ nhất.

Ương-quật-ma-la nói kệ:

Phật chẳng ăn bao giờ
 Thanh vẫn cũng như vậy
 Nay ông cúng cho ai?
 Mau giải quyết nghi này.

Thọ thần nói kệ hỏi:

Như Lai thường thọ trai
 Thanh vẫn cũng như vậy
 Kiên tâm muốn xuất gia
 Không nên nói vọng ngữ
 Phải bỏ hư ngụy đi
 Gian trá chẳng thanh tịnh
 Người nào vượt một pháp
 Đó chính là vọng ngữ
 Không thoát khỏi đời sau

Không ác nào không làm.

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Người dòng họ ti tiện
 Nay còn muốn nói gì
 Người hãy tự quan sát
 Người nữ bị Phật chê
 Thế gian, ai nói dối?
 Ai là nói chân thật
 Ai tham ăn trong đời
 Ai bệnh chết trong đời
 Như Lai thấy đầy đủ
 Đại ngã công đức thật
 Chúng sanh không thể biết
 Thế nên là nói dối
 Không ăn mà nói ăn
 Thế nên là nói dối
 Hãy còn không xuất gia
 Hướng chi thọ cụ túc
 Không biết lời ẩn dụ
 Thế nên là nói dối
 Đã không có xuất gia
 Hướng chi thọ cụ túc
 Ta không vượt một pháp
 Mà người vượt vô lượng
 Mau hướng đến Thế Tôn
 Sám hối lời hư vọng.*

Thọ thần nói kệ hỏi:

*Người vì lý do nào
 Nói ta hạng ti tiện
 Mang thân quý Tỳ-xá
 Làm sao biết nam nữ.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Ví như vua Chuyển luân
 Tòa trang sức châu báu*

Chó hôi vừa nằm lên
 Trở thành nơi bất tịnh
 Người với tính thấp hèn
 Tạm dùng pháp phương tiện
 Trở lại nơi thân nữ
 Tâm đắm say năm dục
 Nay người nên tìm cách
 Mau bỏ thân nữ cầu
 Đừng giữ tướng nam nữ
 Cần tu pháp không tịch
 Tu tập pháp không rồi
 Chóng được tính nam tử.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, như ngỗng chúa dùng sức thần thông bay tới, đến nơi đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, tâm sanh tùy hỷ.

Đại Mục-kiền-liên nói kệ:

Bạc dũng tuệ siêu tuyệt
 Khéo tu nghiệp thù thắng
 Hãy mau đi theo Phật
 Xuất gia tu tịnh giới
 Cùng các vị phạm hạnh
 Đăng vân đến Kỳ viên
 Mong Phật cho phép ngay
 Xuất gia thọ cụ túc
 Làm cho khắp thế gian
 Tất cả đều chiêm ngưỡng
 Vượt không như ngỗng chúa
 Trong sáng như trăng tròn.

Ương-quật-ma-la dùng kệ hỏi:

Thân thông đời là gì?
 Gốc thân thông là gì?
 Bạc thân lực đệ nhất
 Mau giải nghi của con.

Đại Mục-kiền-liên nói kệ đáp:

*Ai tu tập tịnh xả
Thường thí giày dép xe
Tỳ-kheo trì tịnh giới
Xa lìa không sử dụng
Với hai sự việc này
Mau chứng thân thông lục.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Than ôi! Đại Mục-liên
Tu tập hạnh ruồi muỗi
Không thể biết phân biệt
Chân thân thông đệ nhất
Ruồi muỗi dăng vân đến
Không biết nên im lặng
Thường lợi mình và người
Mong an ổn chúng sanh
Tu phương pháp như vậy
Mau đắc thượng thân thông
Thuyết pháp an ủi người
Hoặc lúc gặp khổ nạn
Xả thân để cứu hộ
Mau chứng thượng thân thông
Ta hãy mau thi hành
Rộng độ các chúng sanh
Đến nơi rừng Kỳ-đà
Sẽ đắc đại thân thông
Không hạn lượng như vậy
Gọi là chiếc xe lớn
Vô lượng và vô biên
Đó là các Như Lai.*

Ương-quật-ma-la nói kệ này xong, liền nói kệ hỏi Xá-lợi-phất:

*Xin hỏi Xá-lợi-phất
Đại trí tuệ của đời
Trí tuệ từ đâu sanh*

Mau giải nghi ngờ này.

Xá-lợi-phất nói kệ đáp:

*Khéo hộ trì năm giới
Thành tựu đại trí tuệ
Qua đời thọ thân sau
Trí tuệ thường cùng sanh
Tiếng khen vang khắp nơi
Trí tuệ không lay động.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Phật dạy thường, không diệt
Từ đó sanh đại trí
Phật dạy đại trí tuệ
Từ đó sanh thuyết pháp
Than ôi! Xá-lợi-phất
Tu tập hạnh muỗi ruồi
Không thể phân biệt biết
Nghĩa trí tuệ chân thật
Hèn thay, tuệ ruồi muỗi
Không biết hãy im lặng.*

Khi đó Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, đứng qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, sanh tâm hoan hỷ, nói kệ:

*Lành thay! Ương-quật-ma
Đã tu nghiệp thù thắng
Ta tùy hỷ với ông
Mau thông chín bộ kinh.*

Ương-quật-ma-la nói kệ hỏi:

*Như Lai xưng tán thấy
Bậc đa văn đệ nhất
Thế nào là đa văn
Đa văn từ đâu khởi?*

Tôn giả A-nan nói kệ đáp:

*Tụng tập chín bộ kinh
Dạy cho người tất cả*

*Từ đó đắc đa văn
Giữ hết, khó nghĩ bàn.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Khen ngợi chư Như Lai
Rốt ráo thường bất diệt
Đây gọi là đệ nhất
Đa văn trong thế gian
Than ôi! A Nan-đà
Tu tập hạnh ruồi muỗi
Không thể biết phân biệt
Cửa đi vào đa văn
Tệ thay! Trí ruồi muỗi
Không biết nên lặng im.*

Lúc ấy Tôn giả La-hầu-la đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Phật, đứng qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, tâm sanh tùy hỷ, nói kệ đáp:

*Lành thay! Ương-quật-ma
Đã tu thắng công đức
Nay tôi xin tùy hỷ
Kính giới, mau thọ trì.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Như Lai khen ngợi thầy
Người kính giới đệ nhất
Thế nào là thế gian
Cung kính giới thanh tịnh
Thầy là con của Phật
Mau giải nghi cho tôi.*

La-hầu-la nói kệ:

*Tất cả lời Phật dạy
Nhất tâm kính thọ trì
Đó chính là thế gian
Cung kính giới đệ nhất.*

Ương-quật-ma-la lại nói kệ:

Nếu nói chư Như Lai
 Thế gian đệ nhất thường
 Đây gọi là thế gian
 Cung kính giới tối thượng
 Than ôi! La-hầu-la
 Tu tập hạnh ruồi muỗi
 Không biết được đệ nhất
 Chân thật cung kính giới
 Tệ thay! Kính theo ruồi
 Không biết nên im lặng.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đến gặp Phật, đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, sanh tâm tùy hỷ, nói kệ:

Lạ thay! Ương-quật-ma
 Khéo tu nghiệp thù thắng
 Nay tôi xin tùy hỷ
 Mau chóng đắc thiên nhãn.

Ương-quật-ma nói kệ hỏi:

Như Lai khen ngợi thầy
 Là đệ nhất thiên nhãn
 Thế nào là thiên nhãn
 Thiên nhãn từ đâu sanh
 Ngài hãy mau giải đáp
 Đoạn trừ nghi của tôi?

Khi ấy A-na-luật nói kệ đáp:

Thường ưa cho đèn sáng
 Thuyết pháp dạy mọi người
 Do đó được thiên nhãn
 Nhìn suốt không chướng ngại.

Ương-quật-ma-lại nói kệ:

Pháp tạng sâu của Phật
 Tinh cần phương tiện dạy
 Chỉ rõ không che đậy
 Mắt cứu cánh tối thắng

*Than ôi! A-na-luật
 Tu tập hạnh ruồi muỗi
 Không thể biết phương tiện
 Thù thắng sanh thiên nhân
 Tệ thay! Mất ruồi muỗi
 Không biết hãy lặng im.*

Lúc ấy Tôn giả Sa-môn Đà-sa đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, sanh tâm tùy hỷ, nói kệ khen:

*Lạ thay! Ương-quật-ma
 Khéo tu nghiệp thù thắng
 Nay tôi xin tùy hỷ
 Cần phải tu nhẫn nhục.*

Ương-quật-ma nói kệ hỏi:

*Thế nào là thế gian
 Thành tựu đệ nhất nhân
 Làm sao sanh nhẫn nhục
 Hãy giải đáp nghi này?*

Sa-môn Đà-sa nói kệ đáp:

*Tay phải thoa chiên-đàn
 Tay trái bị chặt đứt
 Tâm bình đẳng không động
 Thì sanh nhẫn tối thượng
 Đây gọi là thế gian
 Nhẫn, điều phục tối thượng.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Ai nói Như Lai tạng
 Hiện thị khắp thế gian
 Vô tri, ác, tà kiến
 Xả ngã, tu vô ngã
 Nói là chánh pháp Phật
 Nghe họ nói không sợ
 Là mạn, bỏ thân mạng*

*Rộng nói Như Lai tạng
 Đây gọi là thế gian
 Nhẫn, điều phục tối thượng
 Than ôi! Sa-môn Đà
 Tu tập hạnh ruồi muỗi
 Không thể biết phương pháp
 Phát sanh nhẫn tối thượng
 Ruồi muỗi cũng chịu đựng
 Khổ đói khát, nóng lạnh
 Tệ thay! Nhẫn ruồi muỗi
 Không biết nên lặng im.*

Lại có Tôn giả Mãn Nguyên Tử đến gặp Phật, đánh lễ sát chân Phật, đứng qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, tâm rất hoan hỷ, nói kệ:

*Lành thay! Tu thắng nghiệp
 Tôi phát tâm tùy hỷ
 Vì tất cả chúng sanh
 An ủi diễn thuyết pháp.*

Ương-quật-ma-la nói kệ hỏi:

*Như Lai tán dương thầy
 Bạc thuyết pháp đệ nhất
 Thế nào là thuyết pháp
 Thế nào là biết nghĩa
 Xin bậc giỏi thuyết pháp
 Hãy giải đáp chỗ nghi?*

Mãn Nguyên Tử nói kệ đáp:

*Chư Phật và Thanh văn
 Pháp bất đắc của Thánh
 Chánh giác khéo thông đạt
 Rộng vì chúng sanh nói.*

Nói như vậy có nghĩa gì? Nghĩa là tất cả chư Phật trong quá khứ đã dùng hết các phương tiện cầu trong tất cả các pháp, không có tưởng chấp về chúng sanh, ngã, nhân, thọ mạng. Hiện tại, vị lai, tất

cả chư Phật và tất cả Thanh văn, Duyên giác trong ba đời, cũng dùng hết các phương tiện cầu trong tất cả các pháp nhưng đều không có tưởng chấp về ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng. Ta cũng như vậy, vì chúng sanh giảng nói nhưng luôn xa lìa tưởng chấp về chúng sanh, ngã, nhân, thọ mạng, nói pháp vô ngã, nói pháp không; như vậy là thuyết pháp.

Ương-quật-ma-la nói với Mãn Nguyên Tử:

–Than ôi! Mãn Nguyên Tử, tu tập hạnh ruồi muỗi, không biết thuyết pháp. Thương thay ruồi muỗi không biết thì im đi. Không biết Như Lai nói ẩn dụ là pháp vô ngã, rơi vào đèn ngu si như thiêu thân lao vào lửa. Chỗ bất đắc của chư Phật Như Lai, nghĩa là tất cả chư Phật Thế Tôn trong quá khứ đối với tất cả chúng sanh dùng hết phương tiện cầu Như Lai tằng không, bất khả đắc. Tất cả chư Phật Thế Tôn trong hiện tại, đối với tất cả chúng sanh dùng hết phương tiện cầu Ngã tính là không, bất khả đắc. Tất cả chư Phật Thế Tôn trong vị lai, đối với tất cả chúng sanh dùng hết phương tiện cầu Tự tánh là không, bất khả đắc. Tất cả Thanh văn, Duyên giác trong ba đời, đối với tất cả chúng sanh dùng hết phương tiện cầu Như Lai tằng không, cũng là bất khả đắc. Đây là chân nghĩa nơi câu kệ của Như Lai.

Lại nữa, chỗ bất đắc của chư Phật Như Lai, nghĩa là tất cả chư Phật Thế Tôn trong quá khứ đối với tất cả các pháp, dùng hết phương tiện để cầu ngã của thế gian, như ngón tay cái, gạo mè, hạt cải, xanh vàng đỏ trắng, dài ngắn vuông tròn, so sánh như vậy với các loại tướng trạng, hoặc nói là tại tâm, hoặc trên dưới rốn, hoặc nói nơi đầu mắt, hoặc các phần trên thân, hoặc nói khắp thân, cũng như nước miếng, như vậy với vô lượng các loại vọng tưởng. Như thế tục tu tập ngã, cũng nói thường trú an lạc yên nghỉ. Như vậy dùng ngã để so sánh, tất cả chư Phật và Thanh văn, Duyên giác đều không nhận biết đúng về pháp ấy để thuyết cho chúng sanh. Đây là ý nghĩa chân chính nơi câu kệ của Như Lai, chẳng phải lời nói theo vọng tưởng của ông. Lại nữa, chỗ bất đắc của chư Phật Như Lai là tất cả chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, hiện tại và vị lai dùng hết phương tiện cầu Như Lai tằng vô tác, tánh Như Lai là vô tác, có vô lượng tướng hảo thanh tịnh trang nghiêm đối với tất cả chúng sanh. Tất cả Thanh văn, Duyên giác

trong ba đời có Như Lai tạng, mà mắt không thấy, nên giảng nói về nhân duyên, như La-hầu-la kính trọng giới nên nhìn kỹ nước sạch thấy trùng không rõ là trùng hay không phải trùng hay vi trần; nhìn kỹ thật lâu mới thấy là trùng vi tế. Thập địa Bồ-tát cũng như vậy, quán sát tự tánh ngay trong thân phát sanh như vậy về vô lượng các tánh, các loại dị kiến. Tạng của Như Lai cũng vậy, thật khó vào, khuyên giải nói cho người thật khó hơn, nghĩa là trong thời thế ác độc thịnh hành, không tiếc thân mạng mà vì chúng sanh thuyết giảng Như Lai tạng. Thế nên ta nói chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát là bậc hùng trong loài người tức là Như Lai, như A-na-luật thiên nhãn đệ nhất thấy rõ thật dấu chân chim trong hư không; cùng đi với người mất thị, nhưng người mất thị không thể thấy, chỉ tin vào A-na-luật nên biết có dấu chân chim. Phạm phu Thanh văn, Duyên giác cất thị tin kinh Phật thuyết có Như Lai tạng, thì làm sao thấy được thật tính cảnh giới của Phật. Thanh văn, Duyên giác còn tin vào người khác, hướng chi phạm phu mù bắm sanh làm sao tự biết được nếu không nhờ người khác.

Trước đây ta nghe Đức Phật giảng về cõi đất này, vào thời kiếp sơ có bốn mù vị. Khi ấy chúng sanh ăn bốn mù vị như ngày nay ăn từ đất, vì huân tập đã lâu nên đến nay vẫn không bỏ được. Người từng tu tập Như Lai tạng của các Đức Như Lai trong quá khứ cũng như vậy, do tu tập đã lâu, nên nay vẫn còn tin và ưa thích tu tập lâu dài để báo ân Như Lai. Lại nữa trong đời vị lai, người được nghe thuyết về Như Lai tạng, nghe rồi tin thích, như người ăn đất ngày xưa. Người tin thích là con của Đức Như Lai, báo ân Như Lai. Chẳng phải như chúng sanh khác thì như chim Kiêu từ xưa đến nay không có hổ thẹn, không báo ân nuôi dưỡng, theo thói quen nên nay vẫn như vậy. Các chúng sanh kia cũng thế, trong thời quá khứ không có hổ thẹn, nên ngày nay không có hổ thẹn và vị lai không có hổ thẹn, nghe Như Lai tạng không sanh tin thích, trước đây không tin ưa thì hiện nay và vị lai không tin ưa. Ví như con vợ n hình dáng rất xấu xí, thường có nhiều sợ hãi, tâm chúng xao động như sóng cuộn, do thói quen từ xưa nên nay vẫn không ổn định. Các chúng sanh kia cũng như vậy, quá khứ, hiện tại, vị lai, tâm thường hèn mọn nóng nảy, nghe Như Lai tạng không tin ưa. Như chim cú mèo ngày mù đêm thấy, ưa tối ghét sáng, các chúng sanh

kia cũng như thế, ưa tà ghét chánh, không thích thấy Phật và Như Lai tạng, cả trong quá khứ, vị lai, hiện tại cũng không tin ưa, như chim cú mèo ưa tối ghét sáng. Như người từ lâu tu tập tà kiến, thâm nhiễm giáo thuyết bất chính của ngoại đạo, vì huân tập đã lâu nên nay không bỏ được. Các chúng sanh kia cũng như thế, từ lâu đã huân tập về lời dạy ẩn dụ vô ngã, như kẻ phàm ngu kia nhiễm các tà thuyết, cả trong ba đời không hiểu mật giáo, nghe Như Lai tạng không tin ưa, chẳng phải như chúng sanh khác. Người nào quá khứ đã từng gặp chư Phật cúng dường phụng sự, vừa được nghe Như Lai tạng chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, duyên với nghiệp thiện này, các căn thuần thực, phú quý, tự tại thù thắng phát sanh. Nay các chúng sanh này vẫn còn thuần thực, phú quý, tự tại thù thắng có được là do quá khứ từng được gặp chư Phật và được nghe qua Như Lai tạng. Vào đời vị lai, họ nghe Như Lai tạng cũng sẽ tin ưa, như thuyết tu hành, các căn thuần thực, phú quý, tự tại, sắc lực đầy đủ, trí tuệ sáng suốt, phạm âm thanh tịnh, ai cũng ưa thích, hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm vương tử, đại thần, đầy đủ hiền đức, xa rời các kiêu mạn, chế ngự ngũ ngũ, tinh cần tu học, không có các phóng dật, và các công đức khác đều được thành tựu; hoặc làm Thích, Phạm, Hộ thế Tứ thiên vương đều do từng nghe Như Lai tạng, nên đạt đến công đức như vậy, thân thường an ổn không có bệnh, khổ, được sống lâu, mọi người yêu kính, được nghe đầy đủ pháp thường trụ Cam lộ Đại Bát-niết-bàn của Như Lai, kiên cố an ổn trụ lâu dài trong thế gian, tùy thuận thế gian cùng nhau hỷ lạc, biết các Như Lai không từ dục sanh, rộng vì thế gian khai thị diễn thuyết, nhờ công đức lợi ích của trí tuệ này, sanh ra nơi nào con cháu cũng đông đủ, cha mẹ sống lâu, thường thụ hưởng tất cả an lạc của Trời, Người, đều đầy đủ tộc tánh thù thắng. Đây là nhờ nghe biết tất cả chúng sanh đều có Như Lai tạng thường trụ. Trong ba đời ở cõi Trời, Người thường được đầy đủ tất cả an lạc, do nghe Như Lai tạng thường trụ vậy. Chúng sanh nào trong ba đời, sanh trong năm đường thọ thân không đầy đủ, luân chuyển sanh tử thọ tất cả khổ, đều do khinh mạn Như Lai tạng. Chúng sanh nào đã phụng sự, thân cận cúng dường qua nhiều đời Đức Phật mới có thể được nghe Như Lai tạng mà tin ưa thọ trì không phỉ báng. Người nào có thể như thật khuyên giải,

giảng thuyết, phải biết người ấy chính là Như Lai. Những chúng sanh nào quay lưng lại chư Phật, nghe Như Lai tụng liền sanh hủy báng, những chúng sanh ấy tự thiêu đốt hạt giống của mình. Than ôi! Khổ thay, khổ thay! Kẻ bất tín thật đáng thương cả trong ba đời, Những người thuyết pháp nên thuyết như vậy, xưng tán Như Lai thường trụ chân thật. Nếu người thuyết pháp mà không thuyết như vậy, chính là vứt bỏ Như Lai tụng. Người này không được ngồi tòa sư tử, như kẻ Chiên-đà-la không được đi xe voi của nhà vua. Tất cả chư Phật bằng hết các phương tiện cầu Như Lai tụng bất sanh. Bất sanh là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh, trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật bằng hết các phương tiện cầu tự tánh chân thật. Chân thật tánh là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh, trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật dùng hết phương tiện cầu tự tánh thường. Thường tánh là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh, trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật dùng hết phương tiện cầu Như Lai tụng hằng. Hằng tánh là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh, trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật dùng hết phương tiện cầu Như Lai tụng không thay đổi. Tánh không thay đổi là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật dùng hết phương tiện cầu Như Lai tụng tịch tĩnh. Tánh tịch tĩnh là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh, trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật với hết phương tiện cầu Như Lai tụng bất hoại, tánh bất hoại là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật với hết phương tiện cầu Như Lai tụng không thể phá. Tánh không bị phá là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật với hết phương tiện cầu Như Lai tụng không bệnh. Tánh không bệnh là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật với hết phương tiện cầu Như Lai tụng không già chết. Tánh không già chết là Phật tánh, đối với tất cả chúng sanh trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Tất cả chư Phật với hết phương tiện cầu Như Lai tụng vô cấu. Tánh vô cấu

là Phật tánh, đối với vô lượng chúng sanh trang nghiêm bằng vô lượng tướng hảo thanh tịnh. Như dầu và nước không lẫn vào nhau, cũng vậy, vô lượng phiền não che đậy Như Lai tánh nhưng không có sự việc Phật tánh lẫn với phiền não. Nhưng Phật tánh ở trong phiền não như đèn để trong bình, bình vỡ thì đèn hiện. Bình là phiền não, đèn là Như Lai tạng. Người thuyết Như Lai tạng hoặc là Như Lai hoặc là Bồ-tát hoặc là Thanh văn đều có thể diễn thuyết tùy theo khả năng người nghe, hoặc có phiền não, hoặc không phiền não. Nay Mãn Nguyệt nên biết, ta nói người này chính là Chánh giác phá tan vô số bình phiền não của người thọ, sau đó có thể làm cho thấy tự tánh của mình, như thấy trái xoài trong bàn tay. Như mặt trời mặt trăng bị mây che nên ánh sáng không hiện. Sau khi thoát khỏi mây che thì ánh sáng của chúng hiển lộ. Như Lai tạng cũng như vậy, bị phiền não che nên tánh Không hiển hiện. Khi thoát khỏi phiền não thì ánh sáng rực rỡ chiếu khắp. Phật tánh sáng sạch cũng như nhật nguyệt. Thương thay! Mãn Nguyệt, tu hạnh ruồi muỗi không biết thuyết pháp, hãy im lặng đi đi.

Bấy giờ Tôn-đà-la Nan-đà đến gặp Đức Phật, lay sát chân Ngài đứng qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la tâm sanh hoan hỷ, nói kệ khen:

*Lành thay Ương-quật-ma
Đã tu nghiệp thù thắng
Nên tìm phương tiện cầu
Thân sắc vàng của Phật.*

Ương-quật-ma nói kệ hỏi:

*Thế Tôn khen ngợi thầy
Đệ nhất về dung mạo
Thế nào là thế gian
Sắc đẹp đặc biệt nhất
Nhờ đâu được sắc đẹp
Xin giảng giải nghi này?*

Tôn-đà-la Nan-đà nói kệ:

Rửa tay chấp mười ngón

*Đánh lễ xá-lợi Phật
Thường cúng dường người bệnh
Nhờ đó được sắc đẹp.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Thân Phật không gân cốt
Làm sao có xá-lợi
Như Lai không xá-lợi
Pháp thân thắng phượng tiện
Như Lai, không nghĩ bàn
Chưa tin làm tin ưa
Nên dùng phượng tiện khéo
Thị hiện có xá-lợi
Phượng tiện lưu xá-lợi
Đây là các pháp Phật
Thế gian từ xưa nay
Cúng dường Phạm tự tại
Thiên tử và Thiên nữ
Với các loại hình tượng
Vì họ không quy y
Xây dựng tháp xá-lợi
Nếu có những chúng sanh
Hiểu biết phượng tiện này
Nhân phượng tiện trí này
Được sắc đẹp đoan chính
Không như thầy đã nói
Vọng tưởng về nhân đẹp
Than ôi! Tôn-đà-la
Không biết về diệu sắc
Chỉ đủ sắc ruồi muỗi
Không biết nên im lặng.*

Lại có Tôn giả Ưu-ba-ly đến chỗ Đức Phật, lạy sát chân Phật, đứng qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, sanh tâm hoan hỷ, nói kệ khen:

Lạ thay! Ương-quật-ma

*Đã tu nghiệp thù thắng
 Tôi phát tâm tùy hỷ
 Người nên tu tịnh luật.*

Ương-quật-ma-la nói kệ hỏi:

*Như Lai khen ngợi thầy
 Bậc trì luật đệ nhất
 Thế nào giỏi trì luật
 Mau giải quyết nghi này?*

Ưu ba ly nói kệ:

*Không làm tất cả ác
 Thực hành tất cả thiện
 Tinh tấn tu tịnh tâm
 Đây là giỏi trì luật.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Phá pháp, hủy giới cấm
 Tỳ-kheo ác phạm luật
 Cần phải thu sáu vật
 Và tất cả tư cụ
 Cấm chế và xử trị
 Phương tiện điều phục họ.
 Vật dùng tu phạm hạnh
 Chẳng cho phá giới dùng
 Ví như đại quốc vương
 Có đao quý hộ thân
 Nếu hàng thịt sử dụng
 Theo pháp phải lấy lại
 Vật quý giá của vua
 Không được thuộc người ác
 Vật cần phải nhận giữ
 Của người tu phạm hạnh
 Không thuộc người phá pháp
 Thế nên phải thu lại.
 Đây gọi là thế gian*

*Khéo trì luật đệ nhất
 Không phạm Đột-kiết-la
 Cũng chẳng trái uy nghi
 Người trì luật như vậy
 Đây đủ lời Phật dạy
 Như Lai xem tất cả
 Đều như La-hầu-la
 Than ôi! Ưu-ba-ly
 Tu tập hạnh ruồi muỗi
 Không hiểu khéo giữ luật
 Không biết hãy im lặng.*

Bấy giờ Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Ngài, đứng qua một bên, thấy Ương-quật-ma-la, sanh tâm tùy hỷ, nói kệ khen:

*Lành thay! Ương-quật-ma
 Đã tu nghiệp thù thắng
 Nay nên tu đại không
 Các pháp vô sở hữu.*

Ương-quật-ma nói kệ hỏi:

*Pháp vương tử Văn-thù
 Ông thấy không đệ nhất
 Vì sao trong thế gian
 Khéo thấy pháp không tịch.
 Không không có nghĩa gì
 Xin giải quyết nghi ấy?*

Văn-thù-sư-lợi nói kệ đáp:

*Chư Phật như hư không
 Tướng hư không chẳng có
 Chư Phật như hư không
 Tướng hư không không sanh
 Chư Phật như hư không
 Tướng hư không không sắc
 Pháp cũng như hư không*

*Pháp thân Phật vi diệu
 Trí tuệ như hư không
 Trí thân Phật vĩ đại
 Trí Như Lai vô ngại
 Không thể giữ và xúc
 Giải thoát như hư không
 Hư không không có tướng
 Như Lai là giải thoát
 Vắng lặng, không hề có
 Nay Ương-quật-ma-la,
 Làm sao thấu tỏ được.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Như có kẻ ngu si
 Thấy mưa đá vọng tưởng
 Cho là ngọc lưu ly
 Nhặt lấy để mang về
 Đặt vào trong bình kín
 Giữ gìn như ngọc thật
 Không lâu chúng tan hết
 Thầm tưởng ngọc không thật
 Gặp lưu ly thật khác
 Vẫn tưởng là không thật.
 Nay Văn-thù, cũng vậy
 Cực lực tu không tịch
 Thường tư duy về không
 Phá hủy tất cả pháp
 Giải thoát thật, bất không
 Mà lại tưởng cực không
 Như thấy mưa đá tiêu
 Làm tưởng ngọc cũng tan
 Nay ông cũng như vậy
 Tưởng về không quá sâu
 Đã thấy pháp Không rồi
 Cho bất không là không*

Có pháp đúng là không
Có pháp là bất không
Tất cả các phiền não
Cũng như hạt mưa đá
Phá tất cả bất thiện
Như mưa đá tan rã
Như lưu ly báu, thật
Là Như Lai thường trụ
Như lưu ly báu, thật
Là giác ngộ giải thoát
Sắc hư không là Phật
Phi sắc là nhị thừa
Sắc giải thoát là Phật
Phi sắc là nhị thừa
Sao nói tướng cực không
Lại là chân giải thoát
Văn-thù hãy nghĩ kỹ!
Hãy tư duy phân biệt!
Như làng xóm trống rỗng
Sông cạn bình hết nước
Có tất cả vật dụng
Trống rỗng nên gọi không
Như Lai chân giải thoát
Bất không cũng như vậy
Vượt qua tất cả lỗi
Nên nói giải thoát không
Như Lai thật bất không
Là tất cả phiền não
Và các ấm Trời, Người
Thế nên gọi là không
Ô hô! Hạnh ruồi muỗi
Chẳng biết nghĩa Chân không
Ngoại đạo cũng tu không
Ni-cần hãy im lặng.

Văn-thù-sư-lợi nói kệ hỏi:

*Này Ương-quật-ma-la
 Người vì lý do nào
 Khủng bố chúng Thanh văn
 Khinh miệt các Phật tử
 Ý hung bạo lấy lòng
 Dĩ tợn như mãnh hổ
 Ai là hạnh ruồi muỗi
 Sao nói ác như thế?*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Như kẻ nghèo khiếp nhược
 Đi lại trong đồng vắng
 Bỗng nghe hơi mãnh hổ
 Sợ hãi vội chạy nhanh
 Thanh văn và Duyên giác
 Không biết Ma-ha-diễn
 Vừa nghe hương Bồ-tát
 Sợ hãi cũng như vậy.
 Ví như vua sư tử
 Ở sâu trong hang núi
 Bước đi thì rống lớn
 Các thú khác đều sợ
 Bậc hùng trong loài người
 Bồ-tát sư tử rống
 Tất cả chúng Thanh văn
 Và các thú Duyên giác
 Học vô ngã đã lâu
 Mê nơi pháp ẩn dụ
 Nói ngã như chó sủa
 Chẳng ai đáp ứng lại
 Huống chi lại lắng nghe
 Không bằng tiếng sư tử.*

Văn-thù-sư-lợi nói kệ hỏi:

Người là ruồi muỗi nhỏ

Gây ra hành động ác
 Nếu người thật Bồ-tát
 Thì ma ở nơi nào!
 Than ôi! Người thế gian
 Không thể tự giác tri
 Không tự tỉnh lỗi mình
 Chỉ thấy ác của người
 Nay Ương-quật-ma-la
 Người gây biết bao tội.

Ương-quật-ma-la nói kệ đáp:

Than ôi! Nay người đời
 Hai hạng phá chánh pháp
 Kẻ thuyết không cực đoan
 Kẻ lại thuyết có ngã
 Hai hạng người này làm
 Nghiêng, che chánh pháp Phật
 Ô hô! Nay Văn-thù
 Không biết ác, phi ác
 Không biết hạnh Bồ-tát
 Sư tử khác ruồi muỗi
 Lạ thay! Ta biết được
 Các Bồ-tát vô úy
 Văn-thù hãy lắng nghe
 Phật khen hạnh Bồ-tát
 Như ảo thuật sư giỏi
 Làm những pha ảo thuật
 Chặt, cắt, ăn chúng sanh
 Biểu diễn cho mọi người
 Chư Phật và Bồ-tát
 Hành động cũng như huyễn
 Thị hiện thay đổi thân
 Khi sanh, khi Niết-bàn
 Hoặc vào kiếp đau bệnh
 Xả thân làm thức ăn

*Hoặc ở vào kiếp lửa
Mặt đất chảy ra nước
Chúng sanh chấp vào thường
Làm họ biết vô thường
Hoặc ở kiếp đao binh
Thị hiện thêm binh lính
Giết giặc, đoạn mạng chúng
Số lượng thật vô cùng
Mà thật không nào hại
Cũng như làm huyền thuật
Cả thế giới ba ngàn
Đưa vào trong hạt cải
Không một chúng sanh nào
Bị chèn ép bất an
Bốn biển, núi Tu-di
Vào một lỗ chân lông
Đều không bị chèn ép
Hiện trở lại chỗ cũ
Hoặc dùng một ngón chân
Lay thế giới mười phương
Chúng sanh vẫn an ổn
Thế nên các Phật pháp
Hoặc làm Phạm thiên chủ
Tứ thiên vương hộ thế
Vô lượng tướng khác nhau
Làm an ổn chúng sanh
Vương tử hay đại thần
Chủ làng hay thương gia
Trưởng giả hay cư sĩ
Hòa hợp an chúng sanh
Hoặc làm các Thiên nhân
Chuyển hóa tà kiến họ
Đời này, tất cả đời
Nên gọi là bốn sanh
Ví như ảo thuật sư*

Thấy ảo thuật giết người
 Chẳng khi nào buồn rầu
 Than thở là đại ác
 Vì người ảo thuật gia
 Hiểu rõ tính ảo thuật
 Ta nay cũng như vậy
 Thị hiện giết chúng sanh
 Vì điều kẻ hủy pháp
 Thật không người bị hại
 Như Đức Phật Thế Tôn
 Hóa hiện kiếp đao binh
 Nay ta cũng như vậy
 Khéo tu hạnh Bồ-tát
 Than ôi! Này Văn-thù
 Tu tập hạnh ruồi muỗi
 Không có chí long tượng
 Đại trí tuệ hơn đời.

Thế Tôn với nhất thiết trí, nhất thiết kiến, hưởng đến Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

Như Ương-quật-ma nói
 Hạnh Bồ-tát như vậy
 Hãy biết kẻ phàm kia
 Mà cứu độ chúng sanh
 Họ là Đại Bồ-tát
 Dũng mãnh như các ông
 Lành thay, này Văn-thù
 Phải biết công đức họ.

Phật lại nói kệ khen:

Lành thay! phương tiện khéo
 Thù thắng hùng trong đời
 An ổn cho chúng sanh
 Hiện sức tinh tấn lớn
 Nay Ta sẽ diễn thuyết
 Để thành A-la-hán

*Các công đức như vậy
 Nghiệp thiện và tinh tấn
 Dựa tất cả chúng sanh
 Đến an lạc vĩnh viễn.*

Khi ấy Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thế Tôn, cầu xin Ngài thương xót cho tất cả chúng sanh, chỉ dạy cho con, những người muốn mau chứng quả A-la-hán, dùng công đức gì, hạnh nghiệp gì, tinh tấn gì, để tạo lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sanh?

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Khi cha mẹ hòa hợp
 Con nhập vào thai mẹ
 Tâm cha mẹ hoan hỷ
 Được công đức tùy thuận
 Tinh tấn rất sáng lạ
 Thế gian rất phong phú
 Vua hoan hỷ vô cùng
 Mẹ mộng thấy đẹp lạ
 Con sanh nhà giàu có
 Oán địch sanh lòng từ
 Bảy tuổi đi đến trường
 Thầy bạn không tranh cãi
 Người phục vụ hoan hỷ
 Cùng siêng làm việc nhà
 Đến năm hai mươi tuổi
 Lục súc đều không tranh
 Xem nhau như cha mẹ
 Có rất nhiều sữa thơm
 Lớn thay, con hiền minh
 Không tham, sân, ghét, mạn
 Gian dối và hư ngụy
 Nói sai và gây hại
 Trẻ con, không uy nghi
 Nghiệp ác, ác bất thiện*

Từ hiếu với cha mẹ
 Tôn trọng và thầy dạy
 Gặp các bậc Trưởng thượng
 Cung kính chấp tay chào
 Thân cận trung, thanh niên
 Vui chơi cùng trẻ nhỏ
 Cung kính khéo chu cấp
 Thương mến kẻ đau khổ
 Bỏ ác, biết hổ thẹn
 Thường tu tập chính pháp
 Không tập huyền thuật chơi
 Thường ưa gặp chư Phật
 Chú trọng học kinh luật
 Học tập giỏi các minh
 Tránh xa rượu, cờ bạc
 Cung kính Bạc Tội Thắng
 Biết đủ trong ăn ngủ
 Không thích việc bất tịnh
 Được trời, người mến yêu
 Tất cả đều cung kính
 Công đức lớn như thế
 Nhiều không thể ví dụ
 Công đức nghiệp tinh tấn
 Vậy sẽ thành Chánh giác.
 Xá-lợi-phất nên biết
 Ương-quật-ma-la này
 Có những pháp như vậy
 Sẽ mau thành chính giác
 Làm sao người như vậy
 Lại có những điều ác
 Ương-quật có rất nhiều
 Các công đức đặc biệt
 Uy hùng như Văn-thù
 Siêu tuyệt chẳng tầm thường
 Xem tất cả chúng sanh

*Tưởng như là con một
 Nên biết Ương-quật-ma
 Là bậc Đại Bồ-tát
 Nguyên độ người chưa độ
 Thế gian là của ta
 Nếu muốn phát thẳng nguyện
 Cứu độ khắp thế gian
 Mà làm hạnh bất thiện
 Là việc không thể có.*

Thế Tôn nói kệ tiếp:

*Hiện làm trời Nhật nguyệt
 Phạm vương chủ chúng sanh
 Địa, thủy, hỏa, phong, không
 Vô lượng đức như thế
 Bồ-tát bậc uy hùng
 Như vậy độ chúng sanh.*

Đại Mục-kiền-liên nói kệ khen:

*Lạ thay! Ương-quật-ma
 Công đức lớn như vậy
 Vừa gặp Phật Thế Tôn
 Vượt lên tất cả hữu.*

Ương-quật-ma-la nói kệ hỏi:

*Đại Mục-liên, vì sao
 Có các hạng chúng sanh
 Không gặp Phật Thế Tôn
 Có thể biết chánh pháp?*

Đại Mục-kiền-liên nói kệ đáp:

*Như Phật Thế Tôn thuyết
 Có ba hạng người bệnh
 Ba hạng là tà định
 Chánh định và bất định
 Thế nào là tà định?
 Là Phật không giáo hóa*

*Thế nào là Chánh định?
Như là Đại Ca-diếp...
Bất định, Phật chưa có
Giác ngộ được thật pháp.*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Người chớ nói như thế
Thượng tọa Đại Ca-diếp
Khi Phật chưa xuất hiện
Đã nhập chân thật pháp
Tại vì sao như vậy?
Như Lai thường trụ đời
Người nào hành chánh pháp
Trong nhà luôn có Phật
Nhờ mưa sông có nước
Không mưa sông cạn khô
Người trí giỏi phương tiện
Cần phải khéo quan sát
Không mưa, sông có nước
Thật không có việc này
Phải biết trên mưa xuống
Nên sông chảy không ngừng
Vì vậy, này Mục-liên
Thế và xuất thế gian
Tất cả các thắng pháp
Đều do Phật giảng dạy
Thế nên Đại Ca-diếp
Nhờ Phật được xuất gia.*

Đại Mục-kiền-liên nói kệ hỏi:

*Nếu các vị Như Lai
Thường trụ trong thế gian
Ta và các chúng sanh
Sao không thấy ở đây?*

Ương-quật-ma-la nói kệ:

Chỉ cho Ca-diếp biết

Cũng như mưa nơi khác
 Vậy nên đời không Phật
 Chúng sanh không tự độ
 Trực tiếp gặp chư Phật
 Thì mới được giải thoát
 Ví như có người nào
 Vào thiền trong phòng kín
 Trời trăng chiếu sáng đến
 Nhưng họ vẫn không thấy
 Cũng vậy này Mục-liên
 Đừng nói đời không Phật
 Tất cả các Như Lai
 Thường trụ ở thế gian
 Tế độ hết quần sanh
 Xuất gia thọ cụ túc
 Thế nên tà hại chánh
 Không xen lẫn bất định.

Đại Mục-kiền-liên nói kệ:

Thế gian có năm giới
 Phật ra đời cũng vậy

Ương-quật-ma-la nói kệ đáp:

Cho đến thế gian có
 Giới, uy nghi tùy thuận
 Thế gian, xuất thế gian
 Nên biết do Phật dạy.

Đại Mục-kiền-liên nói kệ hỏi:

Vì sao bệnh thế gian
 Nói chia làm ba loại
 Có bệnh uống thuốc hết
 Có bệnh không thuốc trị
 Và có người bị bệnh
 Uống thuốc nhưng không hết
 Thế nên những người bệnh
 Phân biệt thành ba loại.

Ương-quật-ma-la nói kệ:

Ý nghĩa này không đúng
 Không nên nói ba loại
 Trị được, không trị được
 Chỉ có hai, không ba
 Ai phân biệt thành ba
 Cũng là Thanh văn thừa
 Nếu các Thanh văn thừa
 Phật nói thừa ruồi muỗi
 Bởi vì họ không biết
 Nên phân thành ba loại
 Gọi là kẻ tà định
 Là hạng Nhất xiển đề
 Chánh định là Như Lai
 Bồ-tát và nhị thừa
 Mục-liên cần phải biết
 Hai hạng rất ít có
 Là Đức Phật Thế Tôn
 Cùng với Nhất xiển đề
 Như Lai, Bạc Tối Thượng
 Không còn gì trên nữa
 Hạng thấp hèn cùng cực
 Chính là Nhất xiển đề
 Ví như Đại Bồ-tát
 Mãn mười Ba-la-mật
 Xiển đề cũng như vậy
 Đầy đủ mười hạnh ác
 Bồ-tát xả thân cho
 Đầu, mắt, máu, tủy, não
 Xương chất hơn Tu-di
 Rất nhiều, không thể tính
 Xiển đề cũng như vậy
 Cho đầy đủ hạnh ác
 Sanh vào đường ngạ quỷ
 Tham dục rất mãnh liệt

Tâm luôn luôn tham dục
 Nhiều phụ nữ đáp ứng
 Và sanh rất nhiều con
 Ngày đêm không được vui
 Quá khổ vì đói khát
 Nên phải ăn con mình
 Có loài ngạ quỷ khác
 Hóa thành Bà-la-môn
 Do nghiệp ác đời trước
 Theo bắt trẻ con ăn
 Phóng túng tùy ý muốn
 Có loại tự ăn mình
 Đây là Nhất xiển đề
 Đây đủ các hạnh ác
 Thế nên Phật Thế Tôn
 Bậc Vô Thượng Hy Hữu
 Hạng cực hạ hy hữu
 Đó là Nhất xiển đề
 Tà định là xiển đề
 Chánh định là Như Lai
 Trụ địa các Bồ-tát
 Và Thanh văn, Duyên giác.

Khi ấy, Thế Tôn hưởng về Ương-quật-ma-la nói kệ:

Ương-quật-ma đến đây
 Xuất gia thọ tam quy.

Ương-quật-ma-la nói kệ:

Xe này là xe lớn
 Gọi là trí vô ngại
 Một xe một quy y
 Phật đệ nhất nghĩa y
 Phật pháp là một nghĩa
 Như Lai diệu pháp thân
 Tăng số về Như Lai
 Như Lai tức là Tăng

*Pháp và Tỳ-kheo Tăng
 Cả hai phương tiện y
 Như Lai phi phương tiện
 Là đệ nhất nghĩa y
 Thế nên, hôm nay con
 Quy y nơi Như Lai
 Trong các chỗ quy y
 Phật là chân thật y
 Như muốn ăn ngó sen
 Cần phải giữ chân thật
 Bỏ chân ăn hư ngụy
 Tự tha không lợi ích
 Người ngu si như thế
 Ngàn thầy không cứu được
 Bỏ một chân thật y
 Tu theo phương tiện y
 Chúng ngu si như vậy
 Ngàn Phật không cứu được.*

Thế Tôn bảo Ưng-quật-ma-la:

–Ông hãy thọ trì đồng chân tịnh giới.

Ưng-quật-ma-la nói kệ hỏi:

*Đồng chân nghĩa là gì
 Cụ túc giới là gì
 Chân Sa-môn là gì
 Thế nào là phước điền?*

Đức Thế Tôn im lặng không đáp.

Ưng-quật-ma-la lại nói kệ:

*Ai không biết một y
 Là đệ nhất nghĩa y
 Không thể biết hai y
 Là phương tiện kiến lập
 Nên biết người như vậy
 Là thế gian đồng chân
 Chưa thọ giới cụ túc*

*Sao gọi là Sa-môn
 Không biết một quy y
 Làm sao tịnh quy y?
 Ai không biết Như Lai
 Là đệ nhất nghĩa y
 Quy y không thanh tịnh
 Sao gọi là Sa-môn
 Không biết chân thật y
 Sao gọi là phước điền
 Với hai quy y này
 Chân thật và phương tiện
 Không biết rõ sai biệt
 Là thế gian đồng chân.*

Khi ấy Thế Tôn bảo Ương-quật-ma-la:

–Ông hãy thọ trì giới không sát sanh.

Ương-quật-ma-la nói kệ:

*Con quyết định không thể
 Thọ trì giới không giết
 Con sẽ thường thọ trì
 Đoạn tuyệt mạng chúng sanh
 Nói chúng sanh ở đây
 Là vô lượng phiền não
 Ai thường giết phiền não
 Gọi là giữ giới sát.*

Thế Tôn lại bảo Ương-quật:

–Như vậy thì thọ trì giới không nói dối.

Ương-quật-ma-la nói kệ đáp:

*Con quyết định không thể
 Thọ trì không nói dối
 Đối với tất cả pháp
 Thọ trì lời nói dối
 Thọ trì lời hư vọng
 Chính là chut Phật pháp
 Lời hư vọng ở đây*

Là tất cả pháp Không
Lại có pháp hư vọng
Thanh văn cùng Duyên giác
Hành động của Bồ-tát
Tùy thuận theo chúng sanh
Lại có pháp hư vọng
Ta vượt khỏi thế gian
Thọ trì giới cụ túc
Đắc thành A-la-hán
Ta nhận những ăn uống
Tạo cho họ bố thí
Hoặc qua lại kinh hành
Chín lỗ chảy bất tịnh
Ta thọ dụng giày dép
Tăm, y phục, thuốc thang
Đói khát và ngủ nghỉ
Cắt móng tay, cạo tóc
Các bệnh khổ trong thân
Tùy bệnh mà uống thuốc
Ta sẽ nhập Niết-bàn
Như củi hết lửa tắt
Như vậy với tất cả
Các pháp hư nguy khác
Là do ta phương tiện
Truyền cho khắp thế gian
Thường ngay trong lúc ấy
Vọng ngữ là bất tịnh
Nay thuyết thật và chân
Mục-liên hãy lắng nghe
Pháp thật và chân ấy
Chính là Như Lai tạng
Thân đệ nhất nghĩa thường
Thân Phật bất tư nghị
Đệ nhất không thay đổi
Thân thường hằng cũng vậy

Thân đệ nhất nghĩa tịnh
 Diệu pháp thân chân thật
 Bất tư nghị như thế
 Thân ấy làm sao hiện
 Vì vậy pháp nguy sanh
 Thế nên chư Phật dạy
 Viễn ly các hư nguy
 Nên gọi Bạc Toàn Giác
 Cũng như người chẵn bò
 Khi bò ghé bị chết
 Lột da che ghé khác
 Làm bò mẹ hoan hỷ
 Như Lai cũng như vậy
 Luôn tùy thuận thế gian
 Ai với những người điếc
 Làm dấu theo người điếc
 Mà thuyết pháp cho họ
 Như người chẵn bò kia
 Chúng sanh có suy nghĩ
 Như Lai đồng thế gian
 Như kẻ chẵn bò kia
 Dùng vô lượng cách thức
 Nhiều phương pháp khéo léo
 Hướng dẫn chúng quần sanh
 Nếu người chẵn bò kia
 Không thay bằng ghé khác
 Sữa bò mẹ không chảy
 Vậy nên lập phương tiện
 Như Lai cũng như vậy
 Nếu hiện thân tự tánh
 Thì khắp cả thế gian
 Ai có thể thấy được
 Nên dùng phương tiện khéo
 Thị hiện tùy thế gian
 Làm giải thoát khắp cả

Đó là các Phật pháp
 Vậy nên con từ nay
 Thường làm việc hư nguy
 Cho đến giết chúng sanh
 Tất cả trong hư vọng
 Không thọ rời hư vọng
 Là giới tịnh của con.

Thế Tôn bảo Ưng-quật-ma-la:

–Ông nên thọ giới không uống rượu.

Ưng-quật-ma-la nói kệ:

Con cũng không có thể
 Giữ giới không uống rượu
 Thường giữ giới uống rượu
 Ngày đêm luôn phóng dật
 Vì vậy kêu gào lớn
 Luân hồi trong năm đường
 Nhất hướng rất vui thích
 Thế nên gọi là rượu.
 Từ xe lớn kia sanh
 Rượu vô thượng Phật tạng
 Nay con uống rượu này
 Đủ tự khuyên chúng sanh
 Thường trụ không thay đổi
 Lành thay! Hoan hỷ uống
 Nói lớn tám loại tiếng
 Say sưa không cùng tận.

Thế Tôn bảo Ưng-quật-ma-la:

–Ông hãy thọ tịnh giới không dâm dục.

Ưng-quật-ma-la nói kệ:

Con cũng không có thể
 Thọ trì giới không dâm
 Con sẽ thường thọ trì
 Tham luyến yêu người khác
 Thường đến nhà dâm nữ

*Hoan lạc cùng với họ
 Thiên lạc chính là vợ
 Pháp chân đế là con
 Tâm từ bi là gái
 Pháp Không làm nhà cửa
 Vô lượng Ba-la-mật
 Lấy làm tòa cao rộng
 Phiền não làm lính canh
 Thức ăn, lời ẩn dụ
 Tổng trì là vườn hoa
 Trang trí hoa giác chi
 Pháp ngữ là rừng cây
 Trí giải thoát là quả
 Những cái gọi thế gian
 Là thắng lạc đệ nhất
 Tuệ là pháp tự tánh
 Chẳng phải cảnh người ngu.*

Thế Tôn bảo Ương-quật-ma-la:

–Ông nên thọ trì giới không trộm cắp.

Ương-quật-ma-la nói kệ đáp:

*Con cũng không có thể
 Thọ trì giới không trộm
 Thường lấy của không cho
 Cướp tài vật người khác
 Không cho là giác ngộ
 Không có người trao cho
 Không cho mà tự lấy
 Con lấy của không cho
 Phật dưới gốc Bồ-đề
 Không đắc cũng không mất
 Đây là pháp tự tánh
 Tối thắng không gì hơn.*

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Ông hãy thọ giới không ca múa.

Ương-quật-ma-la nói kệ đáp:

*Con thường tập múa nhạc
Hát kệ Càn-thát-bà
Nêu bày Như Lai tạng
Tán dương khen lành thay
Đối với chư Phật kia
Nghe Như Lai thường trụ
Bằng diệu âm thường tụng
Kinh điển của xe lớn
Cũng như là kỹ nhạc
Khẩn-na, Càn-thát-bà
Vô lượng âm thanh hay
Cúng dường các quyển kinh
Nếu các chúng sanh ấy
Thường cúng dường như vậy
Tất cả Phật thọ ký
Vị lai đồng một hiệu.*

M

KINH ƯƠNG-QUẬT-MA-LA

QUYỂN III

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Ương-quật-ma-la:

– Thế nào là một học giới?

Ương-quật-ma-la nói kệ thưa:

*Sanh mạng các chúng sanh
Tồn tại nhờ ăn uống
Thế nên xe Thanh văn
Chẳng phải là xe lớn
Gọi là chiếc xe lớn
Kiên cố chẳng do ăn.
Thế nào gọi là một?
Là tất cả chúng sanh
Đều nhờ Như Lai tạng
Cuối cùng thường an trú.
Thế nào gọi là hai?
Đó là danh và sắc
Thế nên xe Thanh văn
Chẳng phải là xe lớn
Danh và sắc khác loại
Xe Thanh văn, Duyên giác
Giải thoát chỉ có tên
Không nói có diệu sắc
Tất cả các Như Lai
Giải thoát có diệu sắc
Cũng như xem xét rõ
Trái xoài trong bàn tay.
Thế nào gọi là ba?
Đó là ba loại thọ
Thế nên xe Thanh văn
Chẳng phải là xe lớn*

Như Lai đệ nhất thường
Nghe vô thường sanh thọ
Ai nghe Pháp, Tăng diệt
Cả hai làm thọ sanh
Đây gọi là xe lớn
Thuyết về nghĩa ba thọ.
Thế nào gọi là bốn?
Đó là bốn Thánh đế
Là xe của Thanh văn
Chẳng phải là xe lớn
Tất cả các Như Lai
Đệ nhất rốt ráo thường
Đó là xe lớn thật
Khổ chẳng phải chân đế
Tất cả các Như Lai
Đệ nhất rốt ráo hằng
Thế nên xe lớn thật,
Tập chẳng phải chân đế
Tất cả các Như Lai
Đệ nhất không thay đổi
Thế nên xe lớn thật,
Diệt chẳng phải chân đế
Tất cả các Như Lai
Đệ nhất rốt ráo tịnh
Thế nên xe lớn thật,
Đạo chẳng phải chân đế
Là xe lớn Bốn đế
Sự khổ chẳng phải đế
Nếu sự khổ là đế
Bốn cõi phải có đế
Là địa ngục, súc sanh
Ngạ quỷ, A-tu-la.
Thế nào gọi là năm?
Có nghĩa là năm căn
Thế nên xe Thanh văn

Chẳng phải là xe lớn
 Gọi là nhãn căn kia
 Với các Như Lai thường
 Quyết định thấy phân minh
 Đầy đủ không tổn giảm.
 Gọi là nhĩ căn kia
 Với các Như Lai thường
 Quyết định nghe phân minh
 Đầy đủ không tổn giảm,
 Gọi là tỷ căn kia
 Với các Như Lai thường
 Quyết định ngửi phân minh
 Đầy đủ không tổn giảm,
 Gọi là thiệt căn kia
 Với các Như Lai thường
 Quyết định nếm phân minh
 Đầy đủ không tổn giảm,
 Gọi là thân căn kia
 Với các Như Lai thường
 Quyết định xúc phân minh
 Đầy đủ không tổn giảm.
 Thế nào gọi là sáu?
 Đó là sáu nhập xứ
 Thế nên xe Thanh văn
 Chẳng phải là xe lớn
 Gọi là nhãn nhập xứ
 Với các Như Lai thường
 Rõ cửa sanh ra thấy
 Đầy đủ không tổn giảm,
 Gọi là nhĩ nhập xứ
 Với các Như Lai thường
 Rõ cửa sanh ra nghe
 Đầy đủ không tổn giảm.
 Gọi là tỷ nhập xứ
 Với các Như Lai thường

Rõ cửa sanh ra người
 Đây đủ không tổn giảm.
 Gọi là thiệt nhập xứ
 Với các Như Lai thường
 Rõ cửa sanh ra nếm
 Đây đủ không tổn giảm,
 Gọi là thân nhập xứ
 Với các Như Lai thường
 Rõ cửa sanh ra xúc
 Đây đủ không tổn giảm,
 Gọi là ý nhập xứ
 Nghe nói Như Lai tạng
 Không sanh tâm chống lại
 Rõ cửa sanh tịnh tín.
 Thế nào gọi là bầy?
 Đó là bầy Giác phần
 Là xe của Thanh văn
 Chẳng phải là xe lớn
 Bầy Giác phần xe lớn
 Cũng như Ưu-đàm-bát
 Với Như Lai thường trụ
 Nở diệu hoa bầy giác.
 Thế nào gọi là tám?
 Đó là tám Thánh đạo
 Thế nên xe Thanh văn
 Chẳng phải là xe lớn
 Xe lớn tám thánh đạo
 Nghe nói Như Lai thường
 Nhờ sức được nghe qua
 Chắc đến thành Niết-bàn
 Như Lai thường và hằng
 Đệ nhất không thay đổi
 Thanh tịnh rất tịch tịnh
 Chánh giác diệu pháp thân
 Thậm thâm Như Lai tạng

Không còn bị già suy
 Vậy cho nên xe lớn
 Đây đủ tám Thánh đạo.
 Thế nào gọi là chín?
 Đó là chín bộ kinh
 Là xe của Thanh văn
 Chẳng phải là xe lớn
 Một thừa của xe lớn
 Như Lai trí vô ngại.
 Thế nào gọi là mười?
 Đó là mười loại lực
 Vậy nên xe Thanh văn
 Chẳng phải là xe lớn
 Xe lớn sức vô biên
 Nên Phật bát tư nghị
 Phương tiện ẩn dụ nói
 Vô lượng Tu-đa-la.
 Thế nào là Nhất đạo?
 Nhất thừa và Nhất quy
 Nhất đế và Nhất y
 Nhất giới cùng Nhất sanh
 Nhất sắc là Như Lai
 Thế nên nói một xe
 Chỉ một xe cứu cánh
 Ngoài ra đều phương tiện.

Khi ấy Thế Tôn tán dương:

–Lành thay! Lành thay! Nay Ương-quật-ma-la, hãy đến đây Tỳ-kheo.

Ương-quật-ma-la liền trở thành Tỳ-kheo, đầy đủ uy nghi như bậc cự Tỳ-kheo, lạy sát dưới chân Phật thưa:

–Thế Tôn, con đến đây nghe được âm thanh liền chứng A-la-hán.

Đức Phật lại bảo:

–Ông hãy đến rừng Kỳ-đà độ các chúng sanh.

Lúc ấy Thế Tôn cũng như vua Nhạn cùng Ương-quật-ma-la, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Văn-thù-sư-lợi... và đại chúng tùy tùng theo như các ngôi sao vây quanh trăng tròn, từ gốc cây Vô ưu bay lên hư không, cách đất bảy cây đa la, đến thành Xá-vệ khoảng cách như tiếng kêu của bốn mươi con trâu.

Mẹ Ương-quật-ma-la cùng với các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhằm bày tỏ sự cúng dường lớn nên đều đến rùng Kỳ-đà.

Thế Tôn như vua Nhạn vào khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, ngôi trên tòa sư tử, cả Tam thiên đại thiên thế giới tất cả đều bằng phẳng như lòng bàn tay, sanh cỏ mềm mại, như nước An lạc.

Khi ấy, các vị Đại Bồ-tát ở các phương khác đều muốn đến gặp Ương-quật-ma-la. Chư Phật ở đấy liền đồng ý và bảo:

–Các ông hãy đi. Phật Thích-ca Mâu-ni đang đấy khởi pháp chiến đấu lớn, hàng phục đại sư tử, độ vô lượng chúng sanh, đang ở nơi khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, sẽ vì đại chúng thuyết pháp vô thượng. Nay các Phật tử, hãy đến nghe và thọ trì, đồng thời chiêm ngưỡng Ương-quật-ma-la.

Các vị Bồ-tát ấy từ các phương vân tập tới đều hiện ra mưa hoa sen lớn như bánh xe. Các chúng sanh ở đấy nghe mùi thơm của hoa sen liền xa lìa phiền não. Bấy giờ các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, và các Thiên nữ bày ra sự cúng dường to lớn bằng cách tuôn xuống như mưa các loại vật quý giá, nhất tâm đồng thanh nói kệ:

*Con cúi đầu kính lạy
Ba hai tướng Đại nhân
Vô lượng các công đức
Như sen nở thanh tịnh
Bạch hào giữa đôi mày
Trong sáng hơn ánh trăng.
Con cúi đầu kính lạy
Sắc Mâu-ni thượng diệu
Thắng từ, đức an ủi
Như sen nở thanh tịnh*

Bạch hào giữa đôi mày
 Trong sáng hơn ánh trăng.
 Con cúi đầu kính lạy
 Thân thường trú đệ nhất
 Chúa Mâu-ni tối thắng
 Đấng Thiên Nhân Vô Thượng
 Bạc an ủi chúng sanh
 Như sen nở thanh tịnh
 Bạch hào giữa đôi mày
 Trong sáng hơn ánh trăng.
 Con cúi đầu kính lạy
 Công đức mãi đệ nhất
 Chúa Mâu-ni tối thắng
 Đấng Thiên Nhân Vô Thượng
 Bạc an ủi chúng sanh
 Như sen nở thanh tịnh
 Bạch hào giữa đôi mày
 Trong sáng hơn ánh trăng.
 Con cúi đầu kính lạy
 Công đức không thay đổi
 Chúa Mâu-ni tối thắng
 Đấng Thiên Nhân Vô Thượng
 Bạc an ủi chúng sanh
 Như sen nở thanh tịnh
 Bạch hào giữa đôi mày
 Trong sáng hơn ánh trăng.
 Con cúi đầu kính lạy
 Đức độ tịch thù diệu
 Chúa Mâu-ni tối thắng
 Đấng Thiên Nhân Vô Thượng
 Bạc an ủi chúng sanh
 Như sen nở thanh tịnh
 Bạch hào giữa đôi mày
 Trong sáng hơn ánh trăng.
 Nam-mô Ương-quật-ma

Nhân nhục tu tịnh giới
 Và đức độ vô lượng
 Nên chúng tôi làm lễ.
 Nam-mô Ương-quật-ma
 Giữ gìn đạo nhất thừa
 Xe lớn từ công đức
 Nên chúng tôi làm lễ.
 Nam-mô Ương-quật-ma
 Trì vô lượng thân, khẩu
 Trì vô lượng bí mật
 Nên chúng tôi làm lễ.
 Nam-mô Ương-quật-ma
 Trì vô lượng tuệ quang
 Nói vô lượng ẩn dụ
 Nên chúng tôi làm lễ.
 Nam-mô Ương-quật-ma
 Giữ gìn vô lượng huyền
 Hàng phục vô lượng ma
 Nên chúng tôi làm lễ.
 Nam-mô Ương-quật-ma
 Trì vô lượng Niết-bàn
 Thuận đời, sanh vô lượng
 Nên chúng tôi làm lễ.

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Thế Tôn, Thế Tôn nói con trụ ở bờ vô sanh; vậy có ý nghĩa gì? Thế Tôn vì sao trụ ở bờ vô sanh, trụ ở đất giải thoát, mà lại trụ ở đây, ai tin được, xin Ngài giảng cho sự việc này.

Đức Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Ông hãy cùng với Văn-thù-sư-lợi đi về phương Bắc, qua một hàng-hà-sa số quốc độ, có một nước tên Vô lượng lạc; Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Vô Lượng Tuệ Công Đức Tích Tự Địa Tự Tại Vương Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, đang giáo hóa ở đời. Các ông cùng đến đó thưa hỏi Đức Phật ấy: “Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai vì sao trụ ở bờ vô sanh, mà còn trụ ở thế giới Ta-bà?”

Khi ấy Văn-thù-sư-lợi và Ương-quật-ma-la cùng bạch Phật:

–Chúng con xin vâng lệnh.

Họ như vua Nhận nương vào sức thần thông đi sang nước Vô lượng lạc ở phương Bắc, đến gặp Đức Như Lai Vô Lượng Tuệ Công Đức Tích Tụ Địa Tạng Vương, đảnh lễ dưới chân Đức Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, hai chúng con được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn sai từ thế giới Ta-bà đến quốc độ này, xin thưa hỏi Thế Tôn, vì sao Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni trụ ở bờ vô sanh, trụ ở đất giải thoát, lại không nhập Niết-bàn, mà lại trụ ở cõi đó?

Đức Phật ấy bảo với hai vị:

–Này Thiện nam tử, Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni chính là thân Ta. Các ông trở về thưa với Đức Phật kia rằng, Phật Vô Lượng Tuệ sai chúng con trở về thưa lại, Đức Phật kia sẽ giảng dạy cho các ông.

Lúc ấy Văn-thù-sư-lợi... như vua Nhận từ cõi ấy trở về, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch:

–Thế Tôn thật kỳ lạ! Như Lai vô lượng, Như Lai vô lượng thân, Như Lai vô lượng đức. Hai người chúng con đã thấy công đức đặc biệt của Như Lai. Đức Như Lai Vô Lượng Tuệ Tự Tại Vương nói: “Ta chính là Đức Phật kia, sẽ giảng cho ông nghe”. Con cầu mong Thế Tôn thương xót diễn giải, vì sao Ngài đã trụ ở cõi vô sanh mà còn trụ ở đây?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi...:

–Tại sao Ta trụ ở thế giới Vô lượng lạc là Đức Phật Vô Lượng Tuệ Công Đức Tích Tụ Địa Tạng Vương, mà còn trụ ở đây. Đừng nói rằng trụ ở bờ xô sanh, vì sao trụ ở kia mà còn trụ ở đây. Thân Như Lai vô biên nên hành động cũng vô biên. Không thể tính toán về Như Lai, nên hành động cũng không thể tính toán. Thân Như Lai vô lượng nên hành động cũng vô lượng. Này Ương-quật-ma-la, vì sao mà sanh ra thân bất sanh, hãy đem ý nghĩa này ra hỏi Như Lai, Ta sẽ giải đáp cho ông.

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Lành thay Thế Tôn! Xin Ngài giảng giải, thương xót đem lại an lạc cho tất cả chúng sanh.

Phật bảo Ương-quật-ma:

–Ta ở trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp tu hành đầy đủ mười Ba-la-mật cứu giúp chúng sanh. Vô lượng chúng sanh chưa phát tâm Bồ-đề, Ta đều làm cho họ khai phát. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp tu hành đầy đủ vô lượng Ba-la-mật và thiện căn, nên sanh thân bất sanh.

Ương-quật-ma-la lại bạch Phật:

–Thế Tôn, vì sao thân của Như Lai đã trụ ở thật tế mà còn sanh nữa?

Phật bảo Ương-quật-ma:

–Ông cùng Văn-thù-sư-lợi đi qua phương Bắc, vượt khỏi hai hàng-hà-sa cõi nước, có quốc độ tên Bất thật điện quang man, Đức Phật hiệu là Tỳ-lâu-giá-na Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đang giáo hóa ở đời. Ông cùng Văn-thù-sư-lợi đến đấy hỏi: “Phật Thích-ca Mâu-ni vì sao đã trụ ở thật tế mà còn ở thế giới Ta-bà?”

Hai vị vâng lệnh ra đi, như vua Nhận bay trên hư không tới cõi Bất thật điện quang man, nơi Phật Tỳ-lâu-giá-na, lạy sát chân Phật, đem đầy đủ sự việc ấy hỏi Phật... *như trên*.

Văn-thù-sư-lợi cùng Ương-quật-ma-la lại bạch Phật:

–Thế Tôn, xin Ngài giảng nói vì sao Đức Như Lai trụ ở thật tế?

Phật bảo nhóm Văn-thù-sư-lợi:

–Trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, Ta tu tập đầy đủ mười pháp Ba-la-mật cứu giúp chúng sanh, tạo dựng cho họ hưởng vui chưa từng có. Ta từ a-tăng-kỳ Ba-la-mật nơi vô lượng trăm ngàn ức kiếp sanh ra thân ở thật tế.

Ương-quật-ma-la lại bạch Phật:

–Thế Tôn, vì sao Như Lai trụ ở bờ Vô vi?

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Ông cùng Văn-thù-sư-lợi đi về phương Bắc, vượt qua ba hàng-hà-sa cõi, có nước tên Ý thủ, Đức Phật nơi đó hiệu là Vô Lượng Ý Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, đang giáo hóa ở đời. Ông hãy đến hỏi: “Vì sao Phật Thích-ca Mâu-ni trụ ở bờ Vô vi...” *như trên*. Đi về phương Bắc, vượt qua bốn hàng-hà-sa cõi, có nước tên Chúng sắc trang nghiêm, Phật hiệu Tối Thắng Hàng Phục... *như trên*. Năm hàng-hà-sa cõi, có nước tên Thâm trần, Phật hiệu

Thâm Thượng... *như trên*. Sáu hằng sa cõi, có nước tên Phong, Phật hiệu Như Phong... *như trên*. Bảy hằng sa cõi, có nước tên Kim cương ý, Phật hiệu Kim Cương Thượng... *như trên*. Tám hằng sa cõi, có nước tên Ly cấu quang, Phật hiệu Ly Cấu Thượng... *như trên*. Chín hằng sa cõi, có nước tên Nguyệt chủ, Phật hiệu Nguyệt Thượng... *như trên*. Mười hằng sa cõi, có nước tên Nhật sơ xuất, Phật hiệu Nhật Sơ Xuất... *như trên*.

Đi về phương Đông, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thiện vị, Phật hiệu Thiện Vị Thượng... *như trên*. Hai hằng sa cõi, có nước tên Bàn-đầu-kỳ-bà, Phật hiệu Bàn-đầu-kỳ-bà Quang... *như trên*. Ba hằng sa cõi, có nước tên Man huân, Phật hiệu Man Hương... *như trên*. Bốn hằng sa cõi, có nước tên Đa-ma-la-bát-đa-la, Phật hiệu Đa-ma-la-bát-đa-la Thanh Lương Hương... *như trên*. Năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nguyệt chủ, Phật hiệu Nguyệt Tạng... *như trên*. Sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Trầm hương chủ, Phật hiệu Trầm Hương Thượng... *như trên*. Bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Mạt hương huân, Phật hiệu Mạt Hương... *như trên*. Tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Minh chiếu, Phật hiệu Quang Minh... *như trên*. Chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hải chủ, Phật hiệu Hải Đức... *như trên*. Mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Long chủ, Phật hiệu Long Tạng... *như trên*.

Đi về phương Nam, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên Châu sa, Phật hiệu Châu Sa Quang... *như trên*. Hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Đại vân, Phật hiệu Đại Vân Tạng... *như trên*. Ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Điện man, Phật hiệu Điện Man Đắc... *như trên*. Bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Kim cương tuệ, Phật hiệu Kim Cương Tạng... *như trên*. Năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Luân chuyển, Phật hiệu Trì Luân Chuyển... *như trên*. Sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Bảo địa, Phật hiệu Bảo Địa Trì... *như trên*. Bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hư không tuệ, Phật hiệu Hư Không... *như trên*. Tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Điều phục, Phật hiệu Điều Phục Thượng... *như trên*. Chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thắng man, Phật hiệu Thắng Tạng... *như trên*. Mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Sư tử tuệ, Phật hiệu Sư Tử Tạng... *như trên*.

Đi về phương Tây, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên

Điêm, Phật hiệu Điêm Vị... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hằng man, Phật hiệu Hằng Đức... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Phổ hiền, Phật hiệu Phổ Hiền Tuệ... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hoa man, Phật hiệu Hoa Man Thượng... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô biên, Phật hiệu Vô Biên Hoa Man... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hiền chủ, Phật hiệu Hiền Tạng... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nhân, Phật hiệu Nhân Vương... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Tràng chủ, Phật hiệu Tràng Tạng... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Cổ âm, Phật hiệu Cổ Tự Tại... *như trên*. Đi về phương Tây, vượt qua mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nhạo kiến, Phật hiệu Nhạo Kiến Thượng... *như trên*.

Đi về phương Tây bắc, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hoan hỷ tấn, Phật hiệu Hoan Hỷ Tấn... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nghiêm sức, Phật hiệu Nghiêm Sức Tạng... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nhân tuệ, Phật hiệu Nhân Tuệ Tạng... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hành ý lạc, Phật hiệu Ý Lạc Thượng... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Chúng sanh tụ, Phật hiệu Chúng Sanh Thượng... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thông minh, Phật hiệu Minh Thượng... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Ý lạc, Phật hiệu Ý Lạc Thanh... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô lượng, Phật hiệu Vô Lượng Thọ... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Trụ, Phật hiệu An Trụ Thượng... *như trên*. Đi về phương Tây bắc, vượt qua mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thủy, Phật hiệu Thủy Vị Thượng... *như trên*.

Đi về phương Đông bắc, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên Bảo chủ, Phật hiệu Bảo Tràng... *như trên*. Đi về phương Đông bắc,

vượt qua hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Ma-ni-đà, Phật hiệu Ma Ny Thanh Lương Tạng... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Bảo tuệ, Phật hiệu Bảo Tuệ Thượng... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Kim sắc, Phật hiệu Kim Sắc Quang Âm... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vĩng, Phật hiệu Vĩng Quang... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Kim chủ, Phật hiệu Diêm Phù Đàn Thượng... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vĩng, Phật hiệu Vĩng Quang... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Tịnh thủy, Phật hiệu Thủy Vương... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Ngọc châu, Phật hiệu Ngọc Tạng... *như trên*. Đi về phương Đông bắc, vượt qua mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Bảo châu, Phật hiệu Bảo Địa... *như trên*.

Đi về hướng Đông nam, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên Kim cương tích, Phật hiệu Kim Cương Tuệ... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nhất thiết giác, Phật hiệu Nhất Thiết Giác Tuệ Tràng... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Tất đàn chủ, Phật hiệu Tất Đàn Nghĩa Thắng... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô cấu, Phật hiệu Vô Cấu Lưu Ly... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Bất na vị, Phật hiệu Bất Na Tụ... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hương Vị, Phật hiệu Hương Nghiêm... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hương chủ, Phật hiệu Hương Tạng... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Trực hành, Phật hiệu Trực Thắng... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô giá, Phật hiệu Vô Giá Thượng... *như trên*. Đi về hướng Đông nam, vượt qua mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô biên châu la, Phật hiệu Vô Biên Vương... *như trên*.

Đi về hướng Tây nam, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước

tên Vô lượng quang, Phật hiệu Vô Lượng Thọ... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô lượng nhân, Phật hiệu Vô Lượng Tự Tại... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hỏa diệm, Phật hiệu Hỏa Diệm Quang... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hoại ám, Phật hiệu Hoại Ám Vương... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Điều phục chủ, Phật hiệu Điều Phục Tạng... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô sanh, Phật hiệu Vô Sanh Tự Tại... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hương chủ, Phật hiệu Hương Tượng Du hí... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Hương khiếp, Phật hiệu Hương Khiếp Vương... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Lạc tán, Phật hiệu Long Lạc... *như trên*. Đi về hướng Tây nam, vượt qua mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thắng man, Phật hiệu Thắng Điều Phục Thượng... *như trên*.

Đi về phương Trên, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nhẫn kiến, Phật hiệu Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Cao Hiển Vương Thần Lực Nghiêm Tịnh Đại Thệ Trang Nghiêm Địa Tự Tại Vương Nhất Thiết Quang Minh Tích Tự Môn... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Phân-đà-lợi, Phật hiệu Diệu Pháp Phân-đà-lợi... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thủy tiểu hoa, Phật hiệu Tiểu Hoa Vương... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô ưu, Phật hiệu Ly Nhất Thiết Ưu... *như trên*. Đi về hướng Trên, vượt qua năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thanh liên hoa, Phật hiệu Bảo Hoa Thắng... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Ba-đầu-ma Chủ, Phật hiệu Ba-đầu-ma Thắng... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Cưu-mâu-đà, Phật hiệu Cưu-mâu-đà Tạng... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Trúc, Phật hiệu Trúc Hương... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Câu-ca-ni, Phật hiệu

Nhất Thiết Thắng Vương... *như trên*. Đi về phương Trên, vượt qua mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Công đức hà, Phật hiệu Nhất Thiết Thế Gian Hà Vương Tự Tại... *như trên*.

Đi về phương Dưới, vượt qua một hằng-hà-sa cõi, có nước tên Sư tử tích tụ, Phật hiệu Sư Tử Du hí... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua hai hằng-hà-sa cõi, có nước tên Sư tử quật, Phật hiệu Sư Tử Hống... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua ba hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nhẫn tác, Phật hiệu Nhẫn Tác Hoa... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua bốn hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thắng, Phật hiệu Nhất Thiết Sanh Thắng... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua năm hằng-hà-sa cõi, có nước tên Vô ngại tích tụ, Phật hiệu Đại Thừa Du hí Vương... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua sáu hằng-hà-sa cõi, có nước tên Tần-đà, Phật hiệu Tần Đà Sơn Đảnh... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua bảy hằng-hà-sa cõi, có nước tên Tôn trọng nan kiến, Phật hiệu Nhất Thiết Cung Kính Vương... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua tám hằng-hà-sa cõi, có nước tên Trì tuệ, Phật hiệu Trì Tuệ Vương... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua chín hằng-hà-sa cõi, có nước tên Địa tuệ, Phật hiệu Địa Tuệ Vương... *như trên*. Đi về phương Dưới, vượt qua mười hằng-hà-sa cõi, có nước tên Thường hoan hỷ vương, Phật hiệu Đoạn Nhất Thiết Nghi... đang giáo hóa ở đời. Các ông nên đến đó hỏi Phật ấy: “Vì sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trụ ở cõi Quảng thuyết trang nghiêm, mà còn ở thế giới Ta-bà không nhập Niết-bàn? Ương-quật-ma-la cùng Văn-thù-sư-lợi hãy cùng đến hỏi vị ấy về ý nghĩa này. Như Lai sẽ giảng cho các ông tất cả những nghi ngờ kia. Vì có thể quyết đoán tất cả nghi ngờ, nên Phật ấy hiệu là Đoạn Nhất Thiết Nghi”.

Khi ấy Văn-thù-sư-lợi cùng Ương-quật-ma-la bạch Phật:

– Thế Tôn, lành thay! Lành thay! Xin vâng lệnh dạy.

Họ đánh lễ sát chân Phật, rồi như vua Nhận bay đến nước Thường hoan hỷ vương, lạy sát chân đức Đoạn Nhất Thiết Nghi Như Lai, rồi ngồi qua một bên bạch Phật:

– Chúng con từ thế giới Ta-bà, nơi Phật Thích-ca Mâu-ni, đã đi đến quốc độ của các Đức Như Lai trong mười thế giới ở khắp mười phương, hỏi ý nghĩa này: “Vì sao Phật Thích-ca Mâu-ni trụ ở thế giới

Ta-bà không nhập Niết-bàn, vào bờ giải thoát”. Các Đức Như Lai ấy đều trả lời con: “Phật Thích-ca Mâu-ni là thân chúng Ta, chính vị Phật ấy sẽ giải quyết sự nghi ngờ cho ông”. Phật Thích-ca Mâu-ni lại sai con đến gặp Thế Tôn, và nói: “Đức Như Lai Đoạn Nhất Thiết Nghi sẽ nói cho ông”. Vì vậy, nay chúng con xin hỏi điều nghi: “Vì sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trụ ở thế giới Ta-bà, mà không nhập Niết-bàn?”

Đức Phật ấy bảo:

–Các ông hãy trở về, chính Đức Phật ấy sẽ giải quyết tất cả sự nghi ngờ cho các người. Đây là lệnh của vô lượng đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai.

Hai người đồng thanh thưa:

–Lành thay! Lành thay! Xin vâng lời dạy.

Họ lạy sát chân Phật, vâng lệnh trở về, đến gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ và tán thán:

–Lạ thay Thế Tôn! Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni với vô lượng a-tăng-kỳ thân, đều bảo con: “Các ông hãy trở về, đức Thích-ca Mâu-ni Phật sẽ giải quyết sự nghi ngờ của ông. Đức Phật Thế Tôn kia chính là thân Ta”.

Thế Tôn bảo Văn-thù và Ương-quật:

–Các Đức Như Lai ấy bảo với các ông, Ta tức là thân của các Như Lai kia phải không?

Văn-thù... nói:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy, tất cả các Đức Như Lai đều nói như vậy.

Thế Tôn bảo Văn-thù...:

–Thế giới của các Như Lai ấy như thế nào?

Văn-thù... đáp:

–Các thế giới ấy không có cát gạch vụn, bằng phẳng như nước trong, tiếp xúc mềm mại vừa ý như lụa là. Như thế giới An lạc không có năm trước, cũng không có người nữ, không có các hàng Thanh văn, Duyên giác, chỉ có nhất thừa, không có thừa nào khác.

Phật bảo Văn-thù...:

–Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào xứng tưng tất cả danh hiệu

của chư Phật ấy, hoặc đọc, ghi chép, nghe, cho đến nói đùa, hoặc thuận theo người khác, hoặc muốn tự biểu hiện thì nếu có tất cả những sự sợ hãi đến, đều bị tiêu diệt. Tất cả các Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... đều không thể nào loạn, nghe thì ủng hộ, đóng chặt cửa của bốn cõi. Ta nói người chưa phát tâm còn tạo được nhân của Bồ-đề, hướng chi người với tâm thanh tịnh, hoặc đọc, tụng, ghi chép, nghe. Nay Ương-quật-ma-la, Như Lai lại có diệu lực uy đức lớn lao kỳ lạ, nói ra đại Tu-đa-la Phương Quảng Tổng Trì: Tám mươi ức Phật đều là một Phật, chính là thân Ta. Nói rộng ra như vậy, Phật độ vô lượng như vậy, Như Lai vô lượng như vậy, sắc thân Như Lai vô lượng vô biên như vậy, Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy. Như thế thì làm sao lại có vô thường, tật bệnh. Như Lai thường trụ với thân vô biên. Nay Ta sẽ nói rộng có căn bản, có nhân, có duyên, tất cả Phật với tất cả nhân, đều không muốn sanh vào thế giới này. Bởi vì chúng sanh ở đây không thể giáo hóa được. Vì ý nghĩa ấy, Ta ở thế giới này dạy những chúng sanh khó dạy, thường thường xả thân nên sanh thân bất sanh. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp vì hộ pháp nên xả bỏ hằng-hà-sa thân. Mỗi mỗi thân bị thương, bị đánh, bị giết nên sanh ra thân vô vi bất hoại này. Ta ở tại nhiều nơi trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp tinh tấn xả bỏ thân mạng nhiều như số cát sông Hằng. Mỗi mỗi thân ở trong vô lượng kiếp tinh tấn khổ hạnh nên sanh thân không già. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, khi sanh vào kiếp bệnh tật thì dốc làm những loại thuốc hay. Mỗi mỗi thân trải qua số kiếp như cát sông Hằng nên sanh ra thân không bệnh. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như số cát sông Hằng, vì đoạn trừ bệnh đói khát cho vô lượng chúng sanh, bố thí mùi vị đại thừa nên sanh thân bất tử. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như số cát sông Hằng, trừ phiền não cấu uế cho vô lượng chúng sanh, làm các việc khó khăn, để chỉ dạy về Như Lai tạng, nên sanh thân không nhiễm ô. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như số cát sông Hằng, vì trừ bệnh đói khát cho vô lượng ngã quỷ bằng mùi vị nhất thừa làm cho họ no đủ, nên sanh thân vô lậu. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như số cát sông Hằng, bình đẳng thương yêu tất cả chúng sanh như cha, mẹ,

con, anh, em, nên sanh thân vô tội. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như số cát sông Hằng, đối với vô lượng chúng sanh, chư Thiên và hạng người nói lời không chân thật mà an lập Đại thừa, nên sanh thân chân thường. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như số cát sông Hằng vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên, và hạng người theo các đấm phi pháp mà an lập pháp xuất thế gian nên sanh Pháp thân này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và hạng người đi theo tà kiến mà lập Chánh kiến, nên sanh thân tịch tịnh đệ nhất này.

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người có sự sợ hãi mà an lập sự vô úy nên sanh thân an ổn. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người nhiều khổ não mà an lập pháp không khổ não nên sanh thân không khổ lìa khổ. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người ưa dâm với kẻ khác mà an lập giới uy nghi lớn nên sanh thân vô trần, lìa trần cấu. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh loại ác độc mà nhiếp hộ làm cho thanh tịnh, an lập chánh pháp nên sanh Pháp thân không yếu ớt, xa pháp yếu ớt. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và loài người, vì những kẻ bần cùng mà bố thí hai tạng tài pháp, an lập Bồ-đề nên sanh Pháp thân không có tai họa. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người chạy theo ái dục mà an lập ly dục nên sanh thân không khổ não này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người mà quét trừ tất cả phiền não như trừ rắn độc nên sanh Pháp thân không khổ hoạn lìa mọi khổ hoạn này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người mà kết pháp thân thuộc, thân tình gắn bó trong thế gian không bằng thân thuộc về pháp, nên sanh diệu thân sáng tỏ pháp Vô tác. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng

chúng sanh, chư Thiên và người, như pháp diễn thuyết pháp tạng thanh tịnh của Như Lai nên sanh thân vô sở hữu này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì an trụ cho tất cả chư Thiên và người được ở cõi Như Lai hy hữu bí mật nên sanh thân hy hữu.

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, đem sự giác ngộ tạo được mọi thành tựu cho vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người nên sanh thân vô lượng vô biên tôn thắng. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì nhằm độ vô lượng chúng sanh, mà thị hiện thọ sanh ở các dòng họ tầm thường khắp nơi nên sanh thân cao thượng này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, độ tất cả nghiệp hữu, an lập Bồ-đề nên sanh thân vô thượng này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, thị hiện tùy theo thế gian với các chi tiết không đủ, khiến cho vô lượng chúng sanh được an lập nơi Bồ-đề nên sanh Pháp thân vô thượng này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, không hề che lấp mất tánh thường hằng Như Lai tạng, vì vô lượng chúng sanh luôn an ủi giảng dạy nên sanh thân thường hằng này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, hộ trì tịnh giới, thấy Thiên nữ, ma nữ và thế gian nữ, không sanh tâm nhiễm ô nên sanh thân không nguy ách. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, đối với tất cả nữ nhân tôn trưởng trong thế gian không sanh tâm nhiễm ô nên sanh thân không hề bị hủy hoại đọa lạc. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người trừ các bệnh hoạn nên sanh thân vô biên không gì hơn này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, cho đến súc sanh an lập pháp thâm diệu nên sanh thân sâu xa. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người mà giảng thuyết về Như Lai tạng như vết chim bay trong hư không, làm cho Phật tánh hiển hiện nên sanh thân bất khả kiến.

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng,

vì vô lượng chúng sanh, chư Thiên và người chấp vô ngã kiến, chỉ bày về Như Lai tạng khó thấy, nên sanh thân tất cả chúng sanh khó thấy. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm cho tất cả chư Thiên và người không não hại chúng sanh, an lập chánh pháp nên sanh thân vi tế. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm cho tất cả chư Thiên và người sanh pháp lạc, nên sanh thân viên mãn. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, dạy khắp Trời, Người về Như Lai tạng đúng như nhận thức của Văn-thù-sư-lợi hiện nay, nên sanh thân bất nan kiến. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, mở trí cho tất cả chúng sanh, an lập nơi giải thoát, nên sanh thân cực nan kiến. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì chư Thiên, người, đường ác, tất cả các hữu mà trụ khắp trong đó làm cho tất cả được an lập nơi nẻo giải thoát chân thật, nên sanh thân vô phần. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm cho tất cả Trời, Người giữ năm giới thanh tịnh nên sanh thân không gân cốt. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, khéo phát đại nguyện độ tất cả chúng sanh nên sanh thân nhất thiết xứ giải thoát. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, nhổ các mũi tên ác kiến cho tất cả chúng sanh, an lập vào pháp chân thật, nên sanh thân tịch tịnh bất biến dịch này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng như La-hầu-la và làm cho họ bình đẳng nên sanh thân tịch chỉ.

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, tự tu tri túc, làm cho người khác tri túc, nên sanh thân thượng chỉ. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì các Thanh văn thuyết giảng về pháp ly thực tri túc, nên sanh thân đoạn nhất thiết, cầu Ba-la-mật. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, lia bỏ tất cả thức ăn ngon cá thịt, và chỉ dạy cho chúng sanh từ bỏ, nên sanh thân mỹ diệu. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm cho vô lượng chúng sanh Trời, Người bỏ tất cả phiền não, nên sanh thân lia hư ngục. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng loài

chúng sanh ác, phá bỏ chỗ ở của chúng đuổi ra khỏi loài người cũng như mưa đá lớn nên sanh thân phá bỏ mọi trói buộc của nhà cửa. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh mê hoặc bốn điền đảo, cho họ uống pháp vị nên sanh thân thanh tịnh lìa kiêu mạn. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, dạy cho vô lượng chúng sanh về Như Lai tạng tịch tịnh thường hằng, xa lìa vọng loạn lỗi ác, khiến họ trở nên chân chánh nên sanh thân tịch tịnh xả. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh nói lời Phật dạy về vô ngã, kiến lập hữu ngã như ngón tay chỉ mặt trăng, nên sanh thân xả ly. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, nhập Niết-bàn rồi nhập Niết-bàn đã vô lượng lần, nhưng vẫn không nhập Niết-bàn, nên sanh Pháp thân như pháp. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, cùng tận nơi cõi của vô lượng chúng sanh, tìm hết phương tiện cầu sự cấu uế của Như Lai tạng nhưng không thể được, nên sanh thân ở thế giới này, tất cả chúng sanh đều có ở thế giới này.

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, diễn thuyết pháp Đại thừa với trí tuệ vô ngại dứt mọi nẻo ngã, ngã sở hội nhập vào cửa chân thật, nên sanh thân vô nhập xứ. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, thành tựu cho vô lượng chúng sanh, làm cho họ biết sợ phiền não, nên sanh thân thiện xuất thế gian thượng thượng. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì tất cả chúng sanh làm chỗ quy hướng, làm chỗ y cứ cho kẻ không y cứ, làm thân thuộc cho kẻ không thân thuộc, nên sanh thân như vạn dòng nước chảy về biển lớn. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, dùng tâm vô úy thuyết kinh Như Lai tạng, nên sanh thân an trụ. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, xả bỏ cung điện cao thượng, ngôi Chuyển luân vương với vô lượng diệu lạc, vào núi học đạo nên sanh thân an lạc như cung điện bất động. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, xa lìa chúng kiêu mạn như tránh Chiên-đà-la, đối với giới giữ thanh tịnh không như chậu đựng nước, nên sanh thân bất hối. Ta ở trong vô

lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, luôn làm nhe gánh nặng phiền não cho vô lượng chúng sanh, nên sanh thân yên nghỉ, chiếu sáng rõ ràng. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, chê trách tại gia như ở lao ngục, nên sanh thân mà tất cả chúng sanh mong cầu. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm cho vô lượng chúng sanh đoạn tham, sân, si, nên sanh thân vô bệnh, vô úy, vô ngã sở. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm cho vô lượng chúng sanh, các Trời, Người chê trách nữ nhân, các thứ ái lạc, phiền não cũng như rắn độc, nên sanh thân tịch diệt này.

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, tu hạnh Bồ-tát ở chỗ Đức Như Lai Đấng Quang, được nghe Ngài thọ ký, tùy thuận sự thật, không bán bỏ pháp, nên sanh thân luôn che chở như nhà cửa. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, lãnh hội Như Lai tạng, đoạn trừ phiền não cho tất cả chúng sanh để thành Phật, nhân đó tin và ưa thích, ủng hộ chúng sanh nên sanh thân ủng hộ. Khi Ta còn là Bồ-tát ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm Tiên nhân tu nhẫn nhục, hành bốn tâm vô lượng, nên sanh thân cho tất cả chúng sanh nương dựa. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, thường vì vô lượng chư Thiên và người đời diễn thuyết đại thừa, nhất thừa, vô thượng thừa, với trí tuệ vô ngại, chiếu sáng rất lớn, thừa mà tất cả chúng sanh đều hướng đến. Họ nghe giảng rồi dùng đại thừa phá a-tăng-kỳ ác, nên sanh thân hướng đến. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, tán thán thế giới, tạo mọi an ổn cho thế giới, làm cho tất cả chúng sanh vào cõi Như Lai tạng đệ nhất, dứt lìa các cấu nhiễm, không còn hội hợp với cấu, nên sanh thân vô hội hợp cấu. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, làm cho vô lượng các Trời, Người vào trong chốn bạch tịnh giải thoát không nhà, nên sanh thẳng thân hư khoáng vô hạn dung thọ. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, đối với vô lượng nam nữ chúng sanh, tưởng như cha mẹ, anh chị em, nên sanh thân người cha vô thượng ở khắp nơi. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, trong đời đói khát dùng vô lượng

thân để cho họ ăn, nên sanh thân viễn ly tất cả chỗ đói khát tật bệnh. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh chê trách ác của Nhất xiển đề làm cho họ sanh sợ hãi, nên sanh thân xả ly tất cả hữu này. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, thị hiện vô lượng phương tiện thân, pháp thân, thắng được thọ thân, vì không tăng nhân bất thiện nên sanh thân nhất thiết vô hành tịch chỉ.

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, độ vô lượng chúng sanh làm cho diệt phiền não, chỉ thị tự tánh của họ, như xem trái xoài trong bàn tay, nên sanh thân đoạn đạo. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh chê trách nhất thiết hữu như bốn rắn độc, như bình rỗng, nên sanh thân viễn ly nước dãi máu gân. Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhiều như số cát sông Hằng, vì vô lượng chúng sanh diệt trừ nhất thiết hữu với vô lượng phiền não, ly dục diệt tận Niết-bàn, nên sanh thân Niết-bàn bất động an lạc.

Này Ương-quật-ma-la, Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp trụ tất cả nơi chốn không bờ mà lại trụ ở đây. Này Ương-quật-ma-la, Niết-bàn tức là giải thoát, giải thoát là Như Lai.

M

KINH ƯƠNG-QUẬT-MA-LA

QUYỂN IV

Bấy giờ, Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Thế Tôn! Lạ thay Thế Tôn! Ngài thương xót tất cả thế gian là việc khó khăn đệ nhất.

Đức Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Đây không phải là việc làm khó khăn đệ nhất của Như Lai. Lại có việc khó khăn đệ nhất khác, nghĩa là trong tương lai chánh pháp trụ thế hơn tám mươi năm, nhằm khích lệ để thuyết kinh Ma-ha-diễn nói về Như Lai tạng thường hằng bất biến này, đây là rất khó. Có chúng sanh nào thọ trì các loại như vậy còn khó hơn. Chúng sanh nào nghe nói về Như Lai tạng thường hằng bất biến, tùy thuận như thật đây chính là khó.

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, thế nào là khó?

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Ví như địa cầu gánh bốn gánh nặng. Những gì là bốn? Một, thủy đại; hai, sơn đại; ba, cây cỏ; bốn, chúng sanh. Địa cầu gánh bốn gánh như thế.

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Đúng vậy! Thưa Thế Tôn.

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Chẳng phải chỉ có địa cầu là gánh bốn gánh nặng. Vì sao? Ngoài ra lại có người gánh gánh nặng khác.

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn là ai vậy?

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Chánh pháp trụ thế hơn tám mươi năm, Đại Bồ-tát vì tất cả chúng sanh diễn thuyết về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, sẽ gánh bốn gánh nặng. Những gì là bốn? Những loại hung

ác thường muốn làm hại, Bồ-tát vẫn xem thường sự tổn vong, vứt bỏ thân mạng, chỉ cần nói lên Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai; đây là gánh thứ nhất, nặng hơn tất cả các núi tụ lại. Những loại hung ác, như Nhất xiển đề hủy nhục mắng nhiếc, Bồ-tát nghe nhưng vẫn nhẫn nhục; đây là gánh thứ hai, nặng hơn tất cả thủy đại tụ lại. Không phải nhằm vào các hàng Quốc vương, đại thần, đại lực dũng tướng và quyến thuộc của họ mà thuyết Như Lai tạng, chỉ kham nhẫn vì hạng hạ liệt tàn tật mà diễn thuyết; đây là gánh thứ ba, nặng hơn sự tập hợp tất cả chúng sanh. Cố thủ tận nơi biên địa nhiều khổ não, y phục, thức ăn, vật dụng đều thô xấu, khổ cực trăm bề chẳng có gì vui, nam thì tà kiến báng bổ, nữ ít lòng tin, không được ở nơi thành phố phồn thịnh an vui tập trung; đây là gánh thứ tư, nặng hơn tất cả cây cỏ tụ lại. Ai gánh bốn gánh nặng này, gọi là Đại Bồ-tát gánh được gánh nặng. Đại Bồ-tát nào vào thời chánh pháp sắp diệt, đã hơn tám mươi năm, vứt bỏ thân mạng, diễn thuyết Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, chính là rất khó. Ai có thể duy trì các chúng sanh kia cũng rất là khó. Các chúng sanh ấy nghe nói Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai mà phát sanh tin ưa, đó chính là rất khó.

Lại nữa, này Ương-quật-ma-la, đây không phải là việc làm khó khăn đệ nhất của Như Lai, nay Ta sẽ nói về việc khó khăn khác. Như có người tuổi thọ vô lượng, trải qua vô lượng trăm ngàn ức năm, lấy một giọt nước biển lớn từ nơi sợi lông, trải qua số lượng năm đó lại cứ lấy một giọt nước biển nơi trên sợi lông, cho tới khi nước biển cạn như vết nước của chân trâu; việc này có khó lắm không?

Ương-quật-ma-la thưa:

– Bạch Thế Tôn, rất khó! Không thể nói được.

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

– Đây chưa phải là khó, lại có điều khó hơn.

Ương-quật-ma-la thưa:

– Bạch Thế Tôn, đó là điều gì?

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

– Chánh pháp trụ thế hơn tám mươi năm, nếu có Đại Bồ-tát xả bỏ thân mạng, diễn thuyết Như Lai tạng thường hằng bất biến của

Như Lai, điều ấy mới thật là rất khó.

Lại nữa, này Ương-quật-ma-la, đây không phải là việc khó khăn đệ nhất của Như Lai, còn có việc khó nữa. Này Ương-quật-ma-la, ví như có người gánh núi chúa Tu-di, quả đất và biển lớn, trải qua trăm ức năm. Người này như thế là có sức mạnh lớn bậc nhất phải không?

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Đúng vậy, cảnh giới của Như Lai chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể sánh kịp.

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Người kia chưa phải là có sức mạnh lớn và cũng không phải làm việc khó lắm. Như đem biển lớn chia thành trăm ngàn ức phần nhỏ như hạt bụi, trải qua trăm ngàn ức kiếp, cứ mang đi một hạt bụi như thế cho đến khi nước biển cạn còn như vết nước chân trâu; trong thời gian ấy lại có thể gánh núi chúa Tu-di, quả đất, sông biển, trải qua trăm ngàn ức kiếp, nhưng người đó không thể ở trong thời gian chánh pháp trụ thế hơn tám mươi năm, diễn thuyết về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai. Chỉ có Bồ-tát là bậc hùng trong loài người, thường thuyết về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, tận lực hộ trì chánh pháp, Ta nói người ấy đã làm được việc khó bậc nhất.

Lại nữa, này Ương-quật-ma-la, như có người đem nước để diệt tắt lửa đang cháy rực rỡ khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới, hành động của người này có khó không?

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Thế Tôn, diệt tắt lửa trong một thiên hạ đã rất khó rồi, huống chi là cả Tam thiên đại thiên thế giới. Việc này rất khó.

Phật đáp:

–Đúng vậy! Này Ương-quật-ma-la, trong đời vị lai, chúng trì giới giảm, chúng phá giới tăng, chánh pháp trụ thế hơn tám mươi năm, Đại Bồ-tát xả bỏ thân mạng cùng những nô tỳ, trâu, dê, tài vật phi pháp, bằng vô số các sự thanh tịnh nhằm tuyên thuyết chánh pháp, diễn thuyết về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai; thế thì đây là hạng người nào?

Ương-quạt-ma-la bạch Phật:

–Chỉ có Phật mới biết được, còn hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết. Khi ấy, hộ trì tịnh pháp thế gian cũng đã khó rồi, huống chi đối với pháp xuất thế gian thượng thượng Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai. Như người đem nước diệt tắt lửa đang cháy rục khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới, việc đó là rất khó khăn. Người nào trong đời vị lai, chánh pháp trụ thế hơn tám mươi năm, các bậc Đại Bồ-tát xả bỏ thân mạng, diễn thuyết về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, phải biết người này chính là Như Lai.

Phật bảo Ương-quạt-ma-la:

–Lành thay! Lành thay! Nay Thiện nam tử, Ta cũng nói như vậy, tất cả Như Lai đều nói hành động của người kia thật là khó, là không bờ bến.

Lại nữa, nay Thiện nam tử, như trăm sông khi chảy vào biển thì không còn dòng riêng nữa. Với người đã đạt được trí tuệ như vậy, thì tất cả những người khác đều đến hội nhập trong biển trí tuệ ấy, đều không còn hiện rõ được.

Lại nữa, Thiện nam tử, như biển lớn không phải là nơi thọ nhận mọi thứ cây chết. Người như vậy là không có các hành động du hí đến nhà ưa thích, đến nhà có hại, nơi tạp loạn phi pháp, không cùng ở với kẻ phỉ báng Như Lai tạng. Người như vậy thật khó có, duy trì đông đảo những người như vậy và cùng khiến họ nghe pháp, thật là rất khó.

Ương-quạt-ma-la bạch Phật:

–Thế Tôn, bậc Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu tướng được gọi là không phải hàng tân học?

Phật bảo Ương-quạt-ma:

–Thiện nam tử, Đại Bồ-tát thành tựu tám tướng, không phải là hàng tân học. Thế nào là tám? Một, biết pháp. Hai, biết và nhớ ân. Ba, hiếu dưỡng cha mẹ. Bốn, biết ân thầy. Năm, nhàm chán các ác kiến. Sáu, xa lìa tất cả tướng khinh mạn, không điều phục, bất thiện, vật bất tịnh. Bảy, không nghĩ đến dục, cho đến trong mộng cũng không tưởng đến. Tám, kính trọng giới. Đại Bồ-tát thành tựu tám

tướng như vậy, thì không phải là hàng tân học.

Lại nữa, Đại Bồ-tát thành tựu tám tướng không phải là hàng tân học. Những gì là tám? Một, thuyết về Ma-ha-diễn. Hai, diễn thuyết phân minh về Như Lai tạng không chán bỏ. Ba, không tham tài vật. Bốn, từ, bi, hỷ, xả, nhẫn. Năm, xem tất cả chúng sanh cũng như con một. Sáu, thân cận thiện tri thức. Bảy, tránh xa ác tri thức. Tám, đầy đủ thuận lợi trong thế gian. Bồ-tát thành tựu tám tướng này, thì không phải là hàng tân học.

Lại nữa, Bồ-tát thành tựu tám tướng không phải là tân học. Những gì là tám? Một, khéo nói an ủi tùy thuận họ. Hai, không đùa giỡn. Ba, nhẫn chịu đối với các thứ phiền não vi tế. Bốn, chịu nghe tất cả các kinh. Năm, hàng phục thù miên. Sáu, không biếng nhác. Bảy, tinh cần không phóng dật. Tám, thường ưa cầu giới. Bồ-tát thành tựu tám tướng này, thì không phải là hàng tân học.

Lại nữa, Bồ-tát thành tựu tám tướng không phải là tân học. Những gì là tám? Một, chân thật. Hai, thanh tịnh và ưa thích sự thanh tịnh. Ba, trong sáng tươi tắn. Bốn, đàng hoàng, đứng đắn. Năm, xa lìa người nữ. Sáu, viễn ly thân tộc. Bảy, nghe các việc ác những sự khủng bố não loạn, thân tâm đều sợ hãi lo lắng. Tám, nghĩ thương đến chúng sanh. Bồ-tát thành tựu tám tướng như vậy, không phải là hàng tân học.

Lại nữa Bồ-tát thành tựu tám tướng không phải là tân học. Thế nào là tám? Một, biết rõ sự khác nhau giữa Phật thuyết và ma thuyết. Hai, cung kính người biết kinh. Ba, biết rõ sự khác nhau về ẩn dụ giữa luật và phi luật. Bốn, biết rõ lời nói ẩn dụ của Như Lai. Năm, biết rõ nẻo sâu xa thâm diệu của Như Lai. Sáu, khéo biết tùy thuận theo việc thế gian. Bảy, biết rõ sự thường hằng bất biến của Như Lai. Tám, biết rõ việc ghét và chẳng phải ghét của Bồ-tát, khéo biết làm đúng thời. Bồ-tát thành tựu tám tướng như vậy, không phải là hàng tân học.

Bồ-tát thành tựu đủ bốn mươi tướng thân niệm pháp, thì không phải là hàng tân học. Nếu không có bốn mươi công đức, hay chỉ còn một nửa hoặc ít hơn một nửa, thì phải biết là thiện nam, thiện nữ này không trụ ở pháp Ma-ha-diễn, cũng không thuộc vào hàng Bồ-tát. Thế

nên nẻo hành trì của Bồ-tát là rất khó khăn, vậy những công đức nào là thù thắng? Đó là không có dục tưởng cho đến trong mộng cũng không sanh dục tâm, nên biết người ấy có tất cả các giác chi với những công đức thù thắng.

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi nói với Ương-quật-ma-la:

–Như Lai tạng có nghĩa là gì? Nếu tất cả chúng sanh đều có Như Lai tạng, thì tất cả chúng sanh sẽ thành Phật. Vậy tất cả chúng sanh đều sẽ làm các nghiệp bất thiện như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nên sẽ có lúc đều được hóa độ. Như người có Phật tánh thì sẽ gây nghịch tội và Nhất xiển đề. Nếu người có ngã và cảnh giới ngã, sẽ được vượt qua tất cả hữu. Thế nên nơi thế gian không có ngã, không có giới. Tất cả pháp vô ngã là lời dạy của chư Phật.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Tất cả chúng sanh có Như Lai tạng bị vô lượng phiền não che đậy như đèn đổ trong bình. Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi, ví như có một người đã được điều phục, Như Lai Ca-diếp thọ ký cho ông ấy là bảy năm nữa sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, trị nước bằng chánh pháp, sau bảy ngày nữa Như Lai cũng nhập Niết-bàn. Người ấy nghe Phật thọ ký cho mình nên rất vui mừng, tự suy nghĩ: “Bậc Nhất Thiết Trí đã thọ ký cho ta sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, ta không nghi ngờ gì cả”. Ông ta liền thưa mẹ: “Hãy cho con cá, thịt, sữa, lạc, mè, đậu đủ thứ các món ăn ngon để con có sức”. Người ấy ăn tạp các thức ăn với thịt, không tiêu hóa được nên chết một cách đột ngột. Thế nào, Văn-thù, Đức Phật kia có nói dối không? Có là Bậc Nhất Thiết Trí không? Vì người kia thật không có thiện căn quả báo của bậc Chuyển luân Thánh vương phải không?

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, kẻ ấy vốn do nghiệp ác nên bị chết.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Đừng nói như vậy, người ấy chết không đúng lúc, không phải là do quả báo của nghiệp ác. Này Văn-thù-sư-lợi, chẳng lẽ Đức Phật kia không biết về quả báo ác nghiệp ở đời trước, mà còn thọ ký cho ông ta hay sao? Ông ta không phải do ác nghiệp ở trước mà do tự làm

lỗi trong hiện tại nên đưa đến cái chết. Vậy nên, Văn-thù-sư-lợi, nếu người nam hay nữ nào suy nghĩ: “Trong thân ta có Như Lai tạng, tự nhiên sẽ được độ, vậy ta cứ việc làm ác”. Nếu người làm ác như vậy, vì Phật tánh nên được độ hay không được độ? Như trên đã nói, người đã điều phục kia thật có vương tánh mà không được độ. Vì sao? Vì phóng dật quá độ. Có Phật tánh mà không độ được cũng lại như vậy, vì chúng sanh kia quá phóng dật. Tất cả chúng sanh như thế là không có Phật tánh phải chăng? Thật là có Phật tánh. Thế nhưng theo quả báo của Chuyển luân Thánh vương ở trên phải chăng là Phật nói dối? Chẳng phải thế, do chúng sanh nói dối, làm nhiều điều phóng dật, vì nghe theo pháp phóng dật, tự gây ra việc ác nên không thành Phật.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, thế thì tất cả chúng sanh không có nghiệp gốc hay sao?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Họ có nghiệp gốc, nhưng chỉ được nghe chút ít về kinh này thì vô lượng a-tăng-kỳ tội đều tiêu trừ hết. Vì sao? Là vì trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, Như Lai đã phát đại nguyện: Tất cả chúng sanh nào chưa được độ làm cho độ, chưa được giải thoát làm cho giải thoát. Với thiện căn, các thế nguyện ấy chiếu soi bằng ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai thì vô lượng a-tăng-kỳ tội đều bị tiêu diệt. Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi, ví như khi mặt trời chưa mọc thì mây mù che khắp thế gian. Nhưng khi ánh mặt trời vừa hé sáng, thì tất cả tối tăm trong thế gian đều bị tiêu diệt. Như vậy, với a-tăng-kỳ tội lớn tích tụ, khi mặt trời kinh này chưa mọc, thì chúng sanh còn bị luân hồi trong sanh tử. Khi mặt trời kinh này mọc lên thì cả a-tăng-kỳ tội ác lớn được tích tụ, chỉ trong khoảng khắc khảy móng tay, đối với Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, hoặc nói đùa giỡn hay tùy thuận, người này và các hàng ngoại đạo, nếu phạm Ba-la-di hay tạo nghiệp ác vô gián và a-tăng-kỳ tội, chỉ trong chốc lát đều bị tiêu diệt hết. Vì sao? Là vì người nào nghe danh hiệu Như Lai Đức Thích-ca Mâu-ni, tuy chưa phát tâm đã là Bồ-tát. Vì sao vậy? Vì với hạnh nguyện thù thắng của Như Lai thì tất cả thế gian là của Ta, nên dốc độ thoát cho những người chưa được độ, dùng chánh pháp giáo

hóa khiến họ đều được giác ngộ. Thế nên, này Văn-thù-sư-lợi, người nghe danh hiệu của Như Lai đều là Bồ-tát, chẳng những tự mình mau chóng diệt trừ phiền não lại còn được thân mà Ta đã được. Này Văn-thù-sư-lợi, như Ta nói kệ:

*Ta đã giảng thuyết đạo
Nhỏ gai độc ưu, bi
Các người hãy thực hành
Lời dạy của Như Lai.*

Ta đã giảng thuyết đạo là thuyết những đạo gì? Đạo có hai: đạo Thanh văn và đạo Bồ-tát.

Đạo Thanh văn là tám Thánh đạo. Đạo Bồ-tát là tất cả chúng sanh đều có Như Lai tạng. Ta tuân tự đoạn trừ các thứ phiền não, đạt được Phật tánh, an lạc bất động, rất đáng ưa thích. Nếu ai không đoạn trừ phiền não thì luôn bị luân chuyển trong sanh tử. Ta đã giảng thuyết đạo nhằm nhỏ sạch gai độc ưu, bi. Ưu, bi nghĩa là phiền não. Người nhỏ gai chính là Như Lai. Ta đã đoạn trừ vô lượng phiền não, là Bạc Đại Y Vương. Các ông phải theo Ta học, Ta sẽ chỉ cho các ông về Như Lai tạng. Các người cần phải thực hành. Từ những ẩn dụ theo lời Như Lai giảng nói, từ đây sanh ra đối gạt các ông. Phật xuất hiện trong thế gian như hoa Ưu đàm bát, người có tín tâm cũng quý như hăng-hà-sa số lúa bằng vàng, cũng như rùa mù gặp bông cây nổi. Như vậy gặp được Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kinh Như Lai tạng thì không còn bị quả sanh tử đối trá. Các người phải tự mình vượt qua tất cả Hữu và tất cả bệnh phiền não. Thế nên Như Lai có nói kệ:

*Tinh cần các thiện pháp
Hàng phục các tâm ác
Người chậm trễ tu phước
Ý chắc ưa việc ác.*

Kệ này Ta vì hàng Thanh văn nói. Lại nữa, Như Lai tạng rất khó gặp, trong thế gian không có gì khó gặp bằng, biết được Như Lai tạng thì cần phải nhanh chóng quan sát. Câu: “Ý chắc ưa việc ác” là tự tánh của Tỳ-kheo vốn thanh tịnh, nhưng tâm niệm do huân tập lỗi

của ác tri thức với năm cấu dẫn đầu, có nhiều phiền não vây quanh trước sau. Năm cấu là gốc có nhiều phiền não vây quanh là gì? Đó là tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi. Năm cấu này phá hoại tâm. Muốn tịnh trừ năm cấu gốc và các phiền não, thì phải siêng năng dùng phương tiện từ tự tánh làm thanh tịnh tâm lực; siêng dùng các phương tiện đưa đến việc không hề phỉ báng kinh, không thành Nhất xiển đề; siêng dùng phương tiện tu tập tự độ. Vì ý nghĩa này, nên nói tâm kia có vô lượng khách trần phiền não, cần phải mau mau nhổ sạch gốc rễ của nó.

*Ý dẫn đầu pháp
 Ý chủ sanh pháp
 Tâm ý tịnh tín
 Nếu nói hay làm
 An lạc đi theo
 Như bóng tùy hình.*

Ta vì Thanh văn thừa nói bài kệ về Ý này, cũng chính là nghĩa của Như Lai tạng. Nếu tự tánh là thanh tịnh, ý là Như Lai tạng dẫn đầu tất cả pháp, thì tất cả pháp là Như Lai tạng. Hành động với tâm ý tịnh tín thì đoạn trừ tất cả phiền não, thấy được ngã giới. Ai tự tịnh tín có Như Lai tạng thì sau đó mới nói hay làm. Khi được thành Phật thì hoặc nói hay làm, là nhằm độ tất cả thế gian. Như người thấy bóng mình, thấy Như Lai tạng cũng như vậy. Thế nên nói như bóng theo hình.

*Ý dẫn đầu pháp
 Ý chủ sanh pháp
 Tâm ý vì ác
 Nếu nói hay làm
 Các khổ đi theo
 Như xe theo vết.*

Kệ này nói về ý nghĩa phiền não. Ý theo pháp ác, là chỉ cho người bị vô số các thứ phiền não che phủ, tạo ra các việc ác, nên gọi là ác. Không biết tự tánh của Như Lai tạng tâm, nên cứ đi sâu vào vô lượng phiền não. Như vậy nói hay làm theo dấu chân ướm trước không

ngừng thì các khổ luôn luôn đi theo mãi không bao giờ hết. Như bánh xe theo dấu chân nghĩa là do các dấu ác trong sanh tử luân hồi, tất cả chúng sanh mãi bị lưu chuyển trong ba đường ác, như bánh xe lăn theo chân thú kéo. Thế nên nói người chậm trễ làm phước thì tâm ưa thích việc ác.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi, như biết trong sữa có bơ nên nấu sữa để lấy bơ mà không nấu nước, vì trong nước không có bơ. Vậy nên, này Văn-thù-sư-lợi, chúng sanh biết có Như Lai tạng nên tinh cần trì giới, tịnh tu phạm hạnh. Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi, như biết núi có vàng nên đục núi tìm vàng mà không đục cây, vì trong cây không có vàng. Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi, chúng sanh biết có Như Lai tạng nên tinh cần trì giới tịnh tu phạm hạnh, nói là mình chắc chắn sẽ thành Phật đạo. Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi, nếu không có Như Lai tạng thì sự tu tập phạm hạnh sẽ không đạt được thành tựu. Như suốt kiếp nấu nước vẫn không thể có được bơ.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, phạm hạnh có nghĩa gì? Vì sao Như Lai lia bỏ năm thứ dục lạc?

Ương-quật-ma-la nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Vô lượng trời, người luôn nhận biết thường biết về những pháp bị đọa nên viễn ly các tướng niệm về dục.

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Đừng nói như vậy, vì tất cả chúng sanh đều có Như Lai tạng, tất cả nam tử đều là anh em, tất cả nữ nhân đều là chị em.

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Thế Tôn, vậy sao Tịnh Phạn vương, Ma-da phu nhân là anh em chị em mà làm cha mẹ?

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Đó là phước thiện thị hiện để độ thoát chúng sanh, nếu không như vậy thì không thể độ. Như vị Đại vương có hai ngàn lực sĩ. Trong ấy có hai người dùng phước thiện hiện tướng phục tùng để vừa lòng vua và làm vui vẻ mọi người; chỉ có người ấy biết, ngoài ra không ai hiểu được. Đức Phật cũng như vậy, thị hiện có cha mẹ để đồng với mọi người, sau đó độ được vô lượng chúng sanh, đưa họ ra khỏi biển

sanh tử rộng lớn vô biên, nhưng chúng sanh ấy vẫn không biết. Như người nhảy múa biến hiện nhiều cách giữa mọi người để làm vui lòng họ. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, biến hiện ra nhiều cách để độ chúng sanh, mà chúng sanh ấy không thể biết được. Như nhà ảo thuật ở giữa mọi người tự cắt thân thể làm cho mọi người vui vẻ, nhưng thân thể ấy thật không có thương tổn. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, tức như nhà ảo thuật biến hóa nhiều cách để độ chúng sanh. Nay Văn-thù-sư-lợi, Như Lai với Nhất Thiết Trí nhận biết tất cả, quan sát tất cả chúng sanh trong thế gian, từ vô thủy đến nay ai cũng là cha mẹ, anh em, chị em với nhau, lên xuống vô thường, thay đổi tôn ty, như người nhảy múa chuyển biến nhiều cách, thế nên Như Lai tịnh tu phạm hạnh.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi, cõi của người đã phân chia đây-kia khác nhau và cùng nhau tạo sự hoan lạc. Vậy thế nào là cảm thọ lạc tự mình với thân phần khác? Thế nào là không đạt được, không thành quả báo? Nên biết rằng hoan lạc ấy là một tích tụ của bao nỗi khổ lớn. Nữ có Phật tạng, nam cũng như vậy. Vì sao cùng một tánh mà bị cấu nhiễm tham đắm? Chỉ vì cùng một tánh, nên Như Lai đã tịnh tu phạm hạnh, trụ nơi tự địa, bất thoái chuyển địa, đạt được Như Lai địa.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, vì sao Như Lai không đem tất cả phạm hạnh ấy để xây dựng cho tất cả hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di? Vì sao Thế Tôn lại nói cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di làm nhân cho chánh pháp, như bốn trụ của ngôi nhà. Hiện nay Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có người làm điều xấu ác, thế làm sao xây dựng họ ở trong giới luật của chánh pháp?

Đức Phật nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Đấy là tướng sai biệt, gọi là thế tục tướng. Như Lai luôn xem tất cả chúng sanh như La-hầu-la, thường muốn dẫn dắt đưa họ an trụ vào chỗ Phật, không có thứ bậc đó. Phật tướng khác với thế tục tướng ấy. Đây gọi là phi vấn luận.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, vì cõi của tất cả chúng sanh đều là một cõi, nên chư Phật xa lìa sát sanh phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Thế gian sát sanh như người tự giết mình, giết cả cõi của mình.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, vì sao xem tất cả chúng sanh như La-hầu-la, lại dạy về sự điều phục, sát phạt đối với những loại ác độc có trong cõi của chính mình?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Thiện nam tử, đừng nói như vậy, Như Lai xem tất cả chúng sanh đều như La-hầu-la. Ví như con người hằng ngày thường ăn uống vì ưa thích, nhưng xem trong một bữa ăn đã giết đến tám vạn con trùng, việc đấy lẽ ra gọi là sát sanh, nhưng không phải là sát sanh bất tịnh. Nay Văn-thù-sư-lợi, nẻo lìa bỏ dứt trừ của bậc Thánh có vô số các thứ dục lạc. Thánh nhân vì bị cái hại của dục nên chính là tự hại. Nếu như vậy thì Thánh nhân có lỗi lầm là tự hại. Nghĩa là vì tâm dục ái mạnh lên, nên đến gặp người khác nêu bày: “Tôi dấy tâm ái dục, xin được chỉ dạy dẫn dắt, để tôi sanh hổ thẹn, tôi còn hay mất không cần nữa”, chính là tìm những phương tiện để bày tỏ sự tự hại. Người như vậy là hại cõi của mình chẳng?

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, không! Người ấy do nhân đó nên công đức tăng trưởng.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy, Văn-thù-sư-lợi, vì sao các vị Thánh lại tự hại thân? Vì do cái nhân rần độc phiền não, Thánh nhân còn vậy hướng chi thân người khác. Phật từng thuyết giảng về các loại ác độc phá hoại chính pháp, như biết được phiền não của mình có lúc dấy khởi mạnh mà chỉ dạy kẻ khác làm được những việc khó khăn, thì đó chính là cúng dường cho cõi của mình. Như tự mình tìm cầu sự an vui rốt ráo, nên vứt bỏ cái vui của thân mạng gồm bao thứ dục lạc về ăn, mặc. Tự hại thân như vậy vì sự điều phục đó gọi là khéo biết Như Lai tạng.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, vì do từ Như Lai tạng nên chư Phật không ăn thịt phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Tất cả chúng sanh luân chuyển trong cõi sanh tử nhiều đời từ vô thủy, cùng là cha mẹ, anh chị em với nhau, cũng như người múa thay đổi liên tục, thịt của ta và thịt của người là một loại, thế nên chư Phật đều không ăn thịt. Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi, tất cả cõi của chúng sanh giới và cõi của Ta là một cõi, chỗ thịt bị ăn chỉ cùng một loại, thế nên chư Phật thấy đều không ăn thịt.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, vỏ sò quý, sấp, mật ong, da, tơ lụa có phải là thịt trong cõi của chính mình không?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Đừng nói như vậy. Như Lai đã xa lìa tất cả thế gian, Như Lai không ăn, nếu nói Như Lai còn tập khí thân cận vật thế gian, thì không có sự việc này. Nếu thân cận là pháp phương tiện, nếu vật do triển chuyển mà đến thì có thể thân cận, nếu là nơi phát sanh ra vật thì không thể thân cận. Nếu do triển chuyển đến, nhưng xa lìa sát sanh thì tay có thể thân cận.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Nay trong thành này có một thợ da chuyên làm giầy da. Như người mua đem bố thí, đó là vật triển chuyển đến, Phật có thọ không? Lại nữa, Thế Tôn, nếu bò, bò chúa tự chết, bị hàng Chiên-đà-la lấy da, đem đến cho thợ làm da để làm giầy, rồi bố thí cho người trì giới. Đây là vật triển chuyển đến, có thể thân cận không?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu dùng da bò, bò chúa tự chết làm giầy da, đem bố thí thì người trì giới có được nhận không! Nếu không thọ nhận là pháp Tỳ-kheo, nếu thọ thì trái với từ bi, nhưng không phá giới.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, không thể dùng nước bất tịnh nấu ăn, Tỳ-kheo không được thọ nhận, nếu như vậy, hiện tại phải làm sao?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Đây gọi là thế gian tưởng. Nếu có vị Ưu-bà-tắc thì dùng nước sạch làm thức ăn, mà không được làm hại trùng. Nếu không có Ưu-bà-tắc thì chư Phật đối với việc ấy phải làm thế nào! Trên bờ, dưới nước,

trong hư không đều có trùng, như vậy đối với việc làm sạch là ác, thế gian làm sao có được việc tu tịnh. Đây gọi là chẳng phải vấn luận.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, thế gian từ lâu cũng đã tự đặt ra sự việc không ăn thịt.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu lời nói ở thế gian tùy thuận theo Phật, nên biết đều là lời Phật.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, thế gian cũng có nói tới giải thoát, nhưng giải thoát của họ không phải là giải thoát, chỉ có Phật pháp mới chính là giải thoát. Họ cũng có nói tới xuất gia nhưng không phải là xuất gia, chỉ có Phật pháp mới chính là xuất gia. Thế Tôn, thế gian cũng nói là ta không ăn thịt, nhưng họ không có cái ta thực và lại ăn thịt. Chỉ trong giáo pháp của Thế Tôn thì có ngã đích thực và không ăn thịt.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Người muốn nghe thế gian tạo lập nhân của ngoại đạo không? Ta sẽ nói cho người rõ.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn! Thưa vâng, xin được nghe.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Thời quá khứ cách đây vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, có vị Phật hiệu Câu-tôn-đà Bạt-đà-la, xuất hiện ở đời, chính trong thành này. Bấy giờ, ở thế giới ấy, không có các thứ đá gạch, không có tên gọi ngoại đạo, chỉ có một pháp Đại thừa. Chúng sanh thời đó sống hoàn toàn an lạc. Khi ấy Như Lai sống lâu ở thế gian cho đến lúc nhận Niết-bàn. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ thế được lâu dài, đến lúc chánh pháp sắp diệt, thì bậc trì giới giảm, kẻ phi pháp tăng. Một Tỳ-kheo sống ở chốn a-lan-nhã tên là Phật Tuệ, được một thiện nhân cúng dường tám y vô giá. Tỳ-kheo vì lòng từ mẫn họ nên thọ nhận y, sau đó bày ra cho các thợ săn cùng xem. Các thợ săn thấy y quý giá này nên sanh tâm trộm cắp, ngay đêm đó bèn bắt Tỳ-kheo này đưa vào núi sâu làm hại, lột hết quần áo trói tay vào cây to.

Cũng vào đêm ấy, có người Bà-la-môn đi hái hoa, đến nơi A-

lan-nhã, gặp phải cọp nên sợ hãi chạy biến vào rừng, thấy vị Tỳ-kheo thân hình chẳng có gì che phủ, tay lại bị trói vào gốc cây. Trông thấy vậy, ông ta kinh sợ than: “Ôi! Sa-môn trước đây thân mặc ca-sa, mà nay lỏa thể như thế này, vậy biết chắc ca-sa không phải là nhân giải thoát; tự trói và đường khổ hạnh mới việc là học đạo chân chính. Người kia lẽ nào đang bỏ thiện pháp, vậy biết rõ đây chính là nhân của đạo giải thoát”. Không hiểu chánh pháp, nên họ vất y phục, bỏ râu tóc, làm Sa-môn lỏa hình. Từ đó phát sanh loại Sa-môn lỏa hình.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bị đám thợ săn mưu hại tự mở trói được, dùng vỏ cây nhuộm đá đỏ để mặc, kết cỏ làm phát để đuổi ruồi muỗi. Lại có Bà-la-môn đi hái hoa, thấy vậy nên suy nghĩ: “Tỳ-kheo ấy bỏ y phục trước đây, mặc y phục như thế, cầm phát như vậy; người ấy lẽ nào đang bỏ thiện pháp, vậy nên biết rõ đây là đạo giải thoát”. Họ liền học theo pháp ấy. Sa-môn xuất gia từ đó phát sanh.

Buổi chiều, Tỳ-kheo ấy xuống nước tắm rửa, nhân vì rửa vết thương trên đầu, nên dùng y ướt che trên vết thương. Có tiểu phu trông thấy vậy, suy nghĩ: “Tỳ-kheo ấy trước đây mặc ca-sa mà nay bỏ hết, vậy biết ca-sa chẳng phải là nhân giải thoát, thế nên che tóc bỏ y phục, ngày đêm tắm ba lần, tu tập khổ hạnh, người ấy lẽ nào đang bỏ thiện pháp, vậy biết rõ đây chính là đạo giải thoát”. Họ liền học theo pháp ấy, Bà-la-môn khổ hạnh phát sanh từ đó.

Tỳ-kheo tắm xong, thân thể có nhiều vết thương nên bị đám ruồi ong bu theo, phải dùng tro trắng bôi lên khắp các vết thương, lấy y ướt che thân. Khi đó có người thấy vậy, cho như thế là đạo, nên học theo pháp ấy, Bà-la-môn bôi tro từ đó phát sanh.

Khi Tỳ-kheo ấy đốt lửa hơ vết thương, vết thương quá đau đớn không thể chịu nổi, nên nhảy xuống vực tự sát. Có người thấy vậy, suy nghĩ: “Tỳ-kheo ấy trước đây mặc y tốt mà nay làm thế này, người đó lẽ nào đang bỏ thiện pháp, vậy nên biết nhào xuống vực là đạo giải thoát”. Các pháp tu nhào xuống vực, thờ lửa từ đó phát sanh.

Như vậy, chín mươi sáu thứ đều do các biểu hiện của Tỳ-kheo mà phát sanh ra các vọng tưởng, tự nhận thức không giống nhau. Ví như có nước, tất cả nhìn nhau liền phát sanh ý tưởng xấu. Ý tưởng xấu đã sanh ra thì gây nên việc sát hại nhau. Chín mươi sáu loại đạo

đều sanh ra những tư tưởng khác nhau cũng như vậy. Như con nai đang khát tưởng bóng nắng là nước nên chạy theo cho đến chết. Khi chánh pháp đã diệt, nhân vì Tỳ-kheo kia mà phi pháp tưởng là pháp, cũng như vậy. Như thế, này Văn-thù-sư-lợi, tất cả những việc làm trên thế gian, về các hành động giới luật uy nghi, tất cả đều là Như Lai hóa hiện. Khi pháp diệt tận, việc như vậy phát sanh, như thế là chánh pháp bị diệt. Này Văn-thù-sư-lợi, đối với ngã chân thật thế gian cho là như vậy, do tà kiến nên sanh ra những vọng tưởng khác nhau, tức là cho rằng giải thoát như vậy, ngã như vậy chính là xuất thế gian. Họ cũng không biết tới lời dạy ẩn dụ của Như Lai, nói vô ngã là lời Phật dạy, theo lời nói mà suy nghĩ, như nhân của ngoại đạo. Những kẻ ở thế gian tùy thuận theo nẻo ngu hoặc còn kẻ xuất thế gian cũng mê muội về lời nói trí tuệ ẩn dụ. Thế nên Như Lai nói về Nhất thừa trung đạo xa lìa cả hai bên, nói về ngã chân thật, Phật chân thật, Pháp chân thật, Tăng chân thật. Do đó, nói trung đạo là Ma-ha-diễn.

Lúc ấy Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Thế Tôn, chúng sanh do không biết trung đạo, nên vọng tưởng nói cái khác là trung đạo.

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Có ít chúng sanh tin tưởng khi nghe kinh này, trong vị lai chúng sanh phần nhiều bài báng kinh này.

Ương-quật-ma-la bạch Phật:

–Xin Thế Tôn cho biết ở đâu và có bao nhiêu chúng sanh hủy báng kinh này, có bao nhiêu Nhất xiển đề? Theo cách nào có thể rộng vì chúng sanh mà an ủi giảng nói, cầu mong Như Lai thương xót giảng cho.

Phật bảo Ương-quật-ma-la:

–Trong đời vị lai, chính nơi trung tâm nước sẽ có chín mươi tám trăm ngàn ức chúng sanh phỉ báng kinh này, bảy mươi ức chúng sanh làm Nhất xiển đề. Phương Đông có chín mươi tám ngàn ức chúng sanh hủy báng kinh ấy, sáu mươi ức chúng sanh làm Nhất xiển đề. Phương Tây có chín mươi tám trăm ức chúng sanh phỉ báng kinh này, năm mươi ức chúng sanh làm Nhất xiển đề. Phương Nam có chín mươi tám

ức chúng sanh hủy báng kinh này, bốn mươi ức chúng sanh làm Nhất xiển đề. Trong nước Kế tân còn lại giáo pháp của Ta, nước Bà-lâu-ca-xa còn tên không bị diệt, nước Tần-đà-sơn cũng như vậy. Tỳ-kheo ở nước Kế tân một phần tư thực hành pháp Ma-ha-diễn, một phần tư thích pháp Ma-ha-diễn, giảng thuyết Ma-ha-diễn. Phương Nam sẽ có người hành đạo kiên cố, hành trì hạnh Như Lai, thoát ly tám việc lớn, thuyết về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai. Đại Bồ-tát Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều hành trì đạo một cách kiên cố, gánh vác chánh pháp của Ta.

Khi ấy Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Thế Tôn, lạ thay Phật pháp sẽ trụ ở phương Nam!

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Pháp của Ta sẽ trụ ở phương Nam một thời gian ngắn. Như hàng Đại Bồ-tát khổ hạnh các ông không tiếc thân mạng dốc cứu giúp cho tất cả chúng sanh, thuyết giảng về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai. Như tất cả chư Phật đều không ưa thích sanh ra ở thế giới này để gánh vác việc hóa độ vô lượng chúng sanh trong ba ngàn thế giới, chỉ riêng Ta là dốc ở đây để độ thoát họ. Đại Bồ-tát của Ta, khi chánh pháp sắp diệt ngoài tám mươi năm, bấy giờ tỏ ra không thích việc giữ gìn chánh pháp cũng như vậy. Nay Văn-thù-sư-lợi, các ông, khi chánh pháp sắp diệt ngoài tám mươi năm, vào lúc đó phải dốc gánh vác chánh pháp trong tất cả cõi Diêm-phù-đề và tất cả các châu, không hề tiếc thân mạng để diễn thuyết về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai. Chúng sanh có kẻ tin người không tin nên các Bồ-tát ấy suy nghĩ: “Nếu cắt chia thân thể ta làm thành nhiều phần, do đó ta sẽ được thân tướng thường trú”. Nay Văn-thù-sư-lợi, các ông,... vô lượng Đại Bồ-tát ở nơi phương Nam ấy sẽ gánh vác chánh pháp là công việc khó khăn bậc nhất. Thế nên, Ta thường tán thán sự thuyết pháp cuối cùng ở phương Nam là do diệu lực của uy đức nơi các Bồ-tát ấy. Tất cả cõi Diêm-phù-đề và tất cả các châu, chúng sanh kia nghe tên nên hướng về, hoặc nhân đó mà sanh hổ thẹn, hoặc nhân đó sanh ra sợ hãi. Như có vị vua được nghe pháp của vua khác mà tự xử trị nước mình. Nước Kế tân và thành Già-lâu-ca-xa vì biết hổ thẹn, sợ hãi

nên thuyết giảng tạng bí mật của Ma-ha-diễn, cũng như vậy, nhưng lại không thuyết Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai. Nay Văn-thù-sư-lợi, ví như đốt lửa vào cỏ ở giữa, chỉ cháy bên trong không cháy bên ngoài. Đạo kiên cố bị diệt ở nơi Ta sanh, nhưng pháp còn trú ở biên giới phương Nam. Các Bồ-tát ở đó sẽ dốc gánh vác chánh pháp cũng như vậy, nên biết trong đó luôn có Như Lai.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân cùng các quyến thuộc ở cõi trời Tam thập tam, đến lạy sát chân Phật, cúng dường lớn, bạch Phật:

–Thế Tôn, chúng con sẽ cùng nhau hộ trì kinh này, mong được giao phó. Cầu mong Ngài thương xót tất cả chúng sanh mà nói tên kinh này.

Phật bảo trời Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca, kinh này tên là Ương-quật-ma-la, hãy thọ trì như vậy. Này Kiều-thi-ca, kinh này khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát.

Khi ấy vị trưởng tử của Đế Thích tên A-tỳ-mạn-nhuyễn, đánh lễ sát chân Phật bạch:

–Như khi phụ vương của con chiến đấu cùng A-tu-la, bảo người đánh xe: “Người hãy nghiêm chỉnh hàng phục quân A-tu-la”. Người đánh xe thưa: “Xin ngài chớ lo buồn, con phải chết trước, sau đó mới đến vua, nay phải hy sinh thân mạng kiên chí quyết chiến, người khác cũng phải xả thân tận lực”. Cũng vậy, thưa Thế Tôn, trong đời vị lai khi chánh pháp sắp diệt còn tám mươi năm, Đại Bồ-tát thuyết Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, lại suy nghĩ: “Khi ta thuyết pháp có nhiều chúng sanh không thể tiếp thu, vậy ta nên không nói. Lúc đó, đừng để cho các hàng thiện nam tử nghe các khó khăn như thế mà sanh tâm thoái chuyển. Nên biết, phải nghiêm chỉnh điều khiển chiếc xe pháp như là nói rộng trong thế gian về Như Lai tạng tịch tịnh thường hằng bất biến của Như Lai. Lúc các Thiện nam tử kia thuyết giảng về Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, thì vào lúc ấy, ta sẽ làm Tỳ-kheo xả bỏ thân mạng để hộ trì”.

Bấy giờ có nhiều chúng nam nữ Đế Thích tử và các chư Thiên khác, cùng đánh lễ dưới chân Phật, phát thệ nguyện: “Con sẽ làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, xả bỏ thân mạng để hộ trì đạo

pháp”.

Đức Phật tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Nay Thiện nam tử, các người đều là người cầu chánh pháp. Ta cũng vì những người ưa thích chánh pháp mà luôn che chở ủng hộ. Ta cũng thường đi trước họ như người ngự xe khéo. Các người cần phải kiên quyết biết ân, phải giảng giải rộng về sự thường hằng, sự tịch tịnh, sự không thay đổi, nơi Như Lai tạng của Như Lai.

Khi ấy vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn loại binh, bảo các đại thần:

–Nay có kẻ như La-sát giết hại đến chín trăm chín mươi chín người, dùng ngón tay làm vòng đeo, lấy máu bôi trên thân, hùng mạnh nhanh nhẹn, tung hoành bạo ác ở xứ này. Hiện, hấn cách thành chừng bốn mươi khoảng tiếng bò rống, có thể hại ta và quần thần để bổ sung cho đủ số lượng người bị giết. Vậy phải cùng đi diệt trừ tên quỷ sát hại. Tất cả nam nữ trong thành muốn bảo toàn, đều không nên ra ngoài. Tất cả cấm thú nghe ác danh của nó đều không đi đâu được. Các người cần phải tuyên lệnh này khắp nơi: Vua Ba-tư-nặc đang dẫn bốn loại binh dốc trừ diệt La-sát Ương-quật-ma-la kia. Tất cả đều phải mang binh khí đến. Người nào cùng nó tận lực chiến đấu, bị thương hay không, theo công đều được ban thưởng voi, ngựa, trâu bảo, thành ấp, đất ruộng, tùy theo nhu cầu đều được ban cho.

Nghe tên kẻ ác ấy, mọi người đều kinh sợ, cho nên dù tuyên lệnh như vậy, nhưng không ai dám hưởng ứng theo. Chỉ có tả hữu của vua, không được tự do nên phải chịu phục tùng tuân theo lệnh vua, còn các phi hậu thì kêu khóc, can gián, thà chịu mất ngôi vua, xin nhà vua đừng thân chinh.

Nhà vua liền triệu bốc sư đến để hỏi việc lành dữ thế nào, nay có nên chế ngự Ương-quật-ma-la không?

Thầy xem quả đều nói, hấn sẽ bị diệt.

Tuy nghe nói như vậy, nhưng vua vẫn không tin, dẫn bốn loại binh, đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân Ngài, có dáng sợ hãi, trán đổ mồ hôi, ngồi qua một bên.

Với Nhất thiết trí, Đức Thế Tôn biết tất cả, nhưng vẫn hỏi:

–Hôm nay, vì sao Đại vương ra vẻ mặt nhọc đổ mồ hôi như thế?

Nhà vua bạch Phật:

–Hiện nay, có La-sát tên Ương-quật-ma-La-sát hại nhân dân thiếu một người nữa là đủ ngàn người, lấy ngón tay làm vòng đeo, dùng máu thoa thân, sợ nó vẫn ngoan cố chiến đấu với con, nhân dân cả nước đều sợ hãi, đóng cửa không dám ra ngoài, bỏ phế các công việc, tất cả cầm thú đều không dám đến gần; nên con đem bốn loại binh để trừ diệt nó.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Nay đại vương muốn trừ diệt kẻ ấy phải không?

–Hiện nay con chỉ hoàn toàn tin theo Phật.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Nếu Ương-quật-ma-la đến đây, Đại vương phải làm thế nào?

Khi ấy bốn bộ binh đều kinh sợ, riêng vua không sợ vì nhờ vào sức uy đức của Phật.

Nhà vua bạch Phật:

–Nếu nó đến đây thật không gì bằng.

Đức Thế Tôn chỉ cho vua:

–Đây là thường thắng Ương-quật-ma-la!

Nhà vua vừa trông thấy Ương-quật-ma-la, liền trở mắt nhìn không chớp, xem kỹ hình dáng Ương-quật mắt đỏ uy hùng, nên tâm vua kinh hãi dựng tóc gáy, như bị phi nhân bắt giữ, ý chí dững mãnh hầu như tan mất, rút cả đao kiếm, từ từ nép vào sát tòa sư tử của Như Lai, nhất tâm chí thành quy y Như Lai, xin Ngài xem chúng con như La-hầu-la.

Bốn bộ binh thấy vậy càng thêm sợ hãi, mê loạn nghiêng ngã, chen lấn bỏ chạy.

Đức Thế Tôn bèn phóng hào quang vô úy an ủi chúng sanh, chiếu đến chỗ các chúng sanh ấy làm cho họ được an lạc.

Bấy giờ quyền thuộc trong ngoài của vua Ba-tư-nặc và nhân dân trong thành, đều suy nghĩ: “Nay Ương-quật-ma-la đã bị Đức Thế Tôn hàng phục”.

Vua Ba-tư-nặc tán thán:

–Lạ thay Thế Tôn! Ngài thật là Bạc Điều Ngự đệ nhất, thật là Bạc Thầy vô thượng của Trời, Người. Kẻ hung bạo gây nghiệp ác to

lớn như vậy, mà Ngài vẫn có cách đưa họ vào trong chánh pháp.

Thế Tôn nói kệ tán thán:

*Ai trước đây phóng dật
Sau từ bỏ không làm
Người ấy chiếu sáng đời
Như trăng thoát mây che.*

Như Đại Bồ-tát nào trước biểu hiện phóng dật, sau biểu hiện công đức, vị ấy chiếu sáng thế gian như trăng thoát mây che, độ vô lượng chúng sanh, biểu hiện công đức của Như Lai. Nay Đại vương, nên biết người ấy không phải là kẻ ác, chính là Bồ-tát với phương tiện thiện xảo vậy.

Nhà vua bạch Phật:

– Vì ý nghĩa gì mà nói không phải là người ác, trước làm nhục vợ của thầy, vâng lệnh thầy ác, hành theo loài Tỳ-xá-già.

Đức Phật bảo vua:

– Vị ấy không hề làm nhục vợ thầy, ông kia cũng không phải là thầy. Thị hiện làm thầy và vợ có sắc là để thay đổi tâm tính của vị ấy, vì thích học tập theo pháp của thầy, cho là thường thanh tịnh. Đại vương nên biết, đây thật là đặc biệt, ví như rồng voi xung kích, thì đám ngựa, lừa không thể chống đỡ được. Như vậy, nay Đại vương, Như Lai là Bạc Đại Long Tượng Vương trong loài người, lời nói ẩn dụ bí mật nói ra, hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể nhận được, chỉ có Phật và Phật mới có thể nhận ra. Nay Đại vương, về phương Nam cách đây sáu mươi hằng-hà-sa cõi, có nước tên Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm, Phật hiệu là Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại Tinh Tấn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác đang giáo hóa ở đời, không có Thanh văn, Duyên giác thừa, chỉ thuần nhất Đại thừa, không có tên thừa nào khác. Chúng sanh ở cõi đó không có già, bệnh, khổ không vừa ý, hoàn toàn an lạc, sống lâu vô lượng, ánh sáng vô lượng thuần một sắc đẹp, tất cả thế gian không thể ví dụ, thế nên nước tên là Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm; Phật hiệu là Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại Tinh Tấn. Đại vương hãy tùy hỉ, chấp tay cung kính, Đức Như Lai đó nào phải là ai khác; Ương-quật-ma-la chính là vị Phật ấy. Cảnh giới của chư

Phật là bất khả tư nghị.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc bảo các thầy chiêm tinh:

–Các người đều nói dối, hãy mau mau đi thật xa, không được nói dối nữa.

Bấy giờ chư Thiên, người, các Rồng, Thần, Thanh văn, Bồ-tát, vua Ba-tư-nặc, tất cả nhân dân trong thành phố xóm làng, nương theo uy thần của Phật, đều tập hợp lại, cung kính lạy sát chân Ương-quật-ma-la, nhất tâm đồng thanh nói kệ khen:

*Nam-mô Như Lai vô biên thân
 Nam-mô phương tiện Ương-quật-ma
 Con đang đánh lễ dưới chân Ngài
 Sám hối dưới chân Ngài mềm mại
 Con xin sám hối Đức Như Lai
 Ương-quật-ma-la thân nhị sanh
 Vì chúng con nên đến nơi này
 Hiện sắc tướng Phật sáng rực rỡ
 Chiếu các chúng sanh chịu nghe nói
 Ta thường sám tạ vô lượng thân
 Phật làm chỗ nương kẻ bơ vơ
 Làm thân thuộc kẻ không thân quyền
 Lạ thay! Hai Phật hiện trong đời
 Chưa từng có pháp này trong đời
 Như hoa sen nở trong lửa cháy
 Thế gian ít khi thấy hai Phật.*

Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

–Về phương Bắc, cách đây bốn mươi hai hăng-hà-sa cõi, có nước tên Thường Hỷ, Phật hiệu Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, đang giáo hóa ở thế gian. Nước ấy không có Thanh văn, Duyên giác, chỉ thuần nhất Đại thừa, không có thừa khác, cũng không có các tên về già, bệnh, đau khổ; hoàn toàn an lạc, sống lâu vô cùng, ánh sáng vô lượng, không thể ví dụ, thế nên nước có tên là Thường Hỷ, Phật hiệu Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Nhà vua nên tùy hỷ chấp tay cung kính. Đức Như Lai ấy nào phải là ai khác, chính là Văn-thù-sư-

lợi vậy. Chúng sanh nào hướng đến Ương-quật-ma-la, Văn-thù-sư-lợi làm lễ, hay nghe danh hiệu hai vị này, thấy nước Hoan hỷ như thấy nhà mình; nhờ nghe tên các vị ấy nên thường ngăn chặn nơi bốn đường ác, hoặc vì vui thích hoặc vì tùy thuận người khác, hoặc vì danh lợi ở đây hay ngoại đạo, hoặc phạm trọng cấm năm tội vô gián, cũng ngăn được bốn đường ác. Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào được danh hiệu của hai vị kia hộ trì, ngay trong đời này hay qua đời sau, đều được hộ trì. Khi gặp phải nơi hoang vắng với các hiểm nạn đe dọa, khắp hết mọi nơi chốn có sự khủng bố đều bị tiêu diệt. Chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tỳ xá xà, đều không xâm phạm được.

Đức Thế Tôn nói tiếp với vua Ba-tư-nặc:

–Lời dạy của Như Lai có uy đức lớn như vậy, hành động của Bồ-tát có uy đức lớn như vậy, Văn-thù-sư-lợi và Ương-quật-ma-la có uy đức lớn như vậy. Đối với hai bậc rồng này nên phát tâm tùy hỷ, từ đây có thể phát sanh vô lượng hạnh Bồ-tát. Nay Đại vương, ngài nên cấp dưỡng cho mẹ của Ương-quật-ma-la, chớ nên quên. Ương-quật-ma-la mẫu này là người giữ gìn các phước thiện của Ta.

Khi ấy mẹ của Ương-quật-ma-la bay lên hư không, cách đất bảy cây đa la, nói kệ:

*Sự biến hóa của Phật
Chúng sanh không thể biết
Ảo thuật của Như Lai
Vua các loại ảo thuật
Đại thân, phước thiện thân
Thế nên là Như Lai.*

Bà nói kệ xong, liền biến mất.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Thế Tôn, đây là sự huyền hóa chẳng?

Phật bảo:

–Nay Đại vương, đây là người mẹ được hóa hiện, như lời người mẹ ấy đã nêu, Bồ-tát hạnh cũng như vậy.

Lúc ấy thầy của Ương-quật-ma-la là Ma-ni-bạt-đà-la bay lên hư không cao bảy cây đa-la, nói kệ:

Ví như thú dã can
 Thường đi cùng sư tử
 Thân cận, tập lâu ngày
 Nhưng tiếng vẫn không giống
 Nghe tiếng sợ muốn chết
 Hướng rống tiếng sư tử.
 Ta như thú nhỏ kia
 Làm thầy họ đã lâu
 Nhưng không thể phát ra
 Tiếng bậc Hùng vô úy
 Nếu họ chẳng phượng tiện
 Ta chắc chắn sẽ chết
 Ta như thú dã can
 Sao đáng nhận họ cúng
 Ta hành pháp ngu si
 Viễn ly pháp Bồ-tát
 Với tất cả chúng sanh
 Xem đồng như con một.
 Phật hóa vô số ảo
 Chúng sanh không thể biết
 Biến hóa trăm ngàn ức
 Sư trưởng Bà-la-môn
 Chúng sanh đều không biết
 Chỉ Phật biết huyền Phật
 Nên biết Phật Thế Tôn
 Vua trong tất cả huyễn.

Khi ấy, vợ vị thầy Ma-ni-bạt-đà-la nói kệ:

Than ôi! Các chúng sanh
 Không biết công Đức Phật
 Nói có chiêm-già nữ
 Không biết do Phật hóa
 Thị hiện làm thân Ta
 Ảo hóa cũng như vậy
 Đại vương, cần nên biết

*Thân Phật bất tư nghị
 Các Chiên-đà-la kia
 Còn không thể gần vua
 Sợ hãi thường đến chết
 Huống chi trực tiếp nói
 Người này cũng như vậy
 Không dám cùng gần gũi
 Huống chi các Thiên nhân
 Thân cận chuyển tâm Phật
 Vô lượng Trời, Rồng, Thần
 Thường cúng dường Như Lai
 Kẻ ác tâm hướng Phật
 Họ giết kẻ ấy ngay
 Phật dùng phương tiện khéo
 Hiện các loại ảo thuật
 Ngăn vô lượng phi pháp
 Cho chúng sanh vị lai
 Phật huyền làm huyền lớn
 Như Lai thân phương tiện.*

Vị ấy nói xong cũng liền biến mất.

Vua Ba-tư-nặc khi thấy nghe những sự việc hy hữu như vậy, bèn hoan hỷ vui mừng, bạch Phật:

–Thế Tôn, Ngài làm huyền thuật phải không?

Phật dạy:

–Này Đại vương, vị thầy và vợ, cùng mẹ của Ương-quật-ma-la, cả ba người ấy đều là huyền hóa của Ta. Ta thị hiện huyền hóa bất khả tư nghị. Nhân việc Ta giáo hóa Ương-quật-ma-la mà độ vô lượng chúng sanh.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Thế Tôn, con sẽ tổ chức hội bố thí lớn trong bảy ngày. Đức Như Lai Ương-quật-ma-la sẽ là phước điền của hội bố thí ấy vì chính Ngài hiện là phước điền lớn.

Phật bảo nhà vua:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

Bấy giờ, các Trời, Rồng, Thần, cùng nhau nói kệ:

*Nam-mô Huyền Hóa Vương
 Đầy đủ đại tinh tấn
 Như Lai phương tiện thân
 Đầy đủ tướng phương tiện
 Phương tiện Bát-niết-bàn
 Thị hiện xả xả-lợi.
 Như Lai vô biên thân
 Trí tuệ cũng vô biên
 Tiếng khen thiện vô biên
 Sự bí mật vô biên
 Lời nói cũng vô biên
 Ấn dụ cũng vô biên
 Chiếu thế gian vô biên
 Sáng chói cũng vô biên
 Công đức vô số lượng
 Không thể nào kể, đếm
 Trí hư không vô ngại
 Như Lai hư không thân
 Việc Văn-thù khích lệ
 Cùng với ta không khác
 Vì Ương-quật-ma-la
 Nên Phật, Thế Tôn đến
 Ai đến và không đến
 Chúng ta chẳng cần biết
 Như Lai xem tất cả
 Cũng như La-hầu-la.*

Khi Thế Tôn nói kinh này xong, các vị Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Thanh văn, Bồ-tát, vua Ba-tư-nặc cùng tất cả chúng hội đều ngưỡng mộ hạnh của Ương-quật-ma-la và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nguyện được sanh đến nước ấy, cùng nhau phát tâm cầu đạo quả vô thượng chánh Đẳng chánh giác, nên vô cùng hoan hỷ vui mừng.



SỐ 121

PHẬT NÓI KINH NGUYỆT DỤ

Hán dịch: Đời Tống, Pháp sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm trong vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng Bí-sô.

Khi ấy Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Như mọi người thấy, trăng tròn sáng đi trên không trung, rực rỡ không bị che. Các Bí-sô không phá uy nghi, thường như hạ đầu tiên, đầy đủ sự hổ thẹn, cả thân tâm đều không tán loạn, theo đúng pháp nghi, đi vào nhà thế tục, thanh tịnh không nhiễm, cũng như vậy. Nay các Bí-sô, như người có mắt sáng, đi vào chỗ nước lớn sâu rộng, hoặc lội qua nơi hiểm nạn ở sông suối, hoặc đi qua chốn cao thấp ở núi gheñh, nhờ mắt sáng nên thấy rõ hết, không nghi ngại sợ hãi, các Bí-sô cũng vậy, như nói ở trên. Nay các Bí-sô, Ta sẽ dạy, hãy như mặt trăng đi trên không trung, trong sáng không trở ngại, ví như người có mắt sáng vượt qua các hiểm nạn, không nghi ngại sợ hãi; hãy như Bí-sô Ca-diếp không phá uy nghi, thường như người một hạ, đầy đủ sự hổ thẹn, cả thân tâm đều không tán loạn, sống đúng pháp nghi, đi vào nhà thế tục, thanh tịnh không nhiễm, không có khiếp sợ.

Thế Tôn lại bảo các Bí-sô:

–Này các Bí-sô, khi vào nhà thế tục, nên vận dụng tâm nào, với cử chỉ thế nào?

Các Bí-sô bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Phật là nơi quy hướng, Ngài là gốc các pháp, là mắt thanh tịnh. Chúng con không biết ý nghĩa ấy như thế nào, cầu mong Thế Tôn dạy rõ, làm cho các Bí-sô sau khi nghe, được hiểu biết thấu đáo.

Phật dạy:

–Này các Bí-sô, các ông hãy lắng nghe, chú ý kỹ, Ta sẽ giảng cho các ông. Các Bí-sô nào khi đi vào nhà thế tục, nên vận dụng tâm không tham đắm, không trói buộc, không chấp thủ, theo đúng luật nghi mà đi vào nhà người, tuy thọ lợi dưỡng chỉ vì muốn tạo phước cho họ, thọ nhận vừa phải tùy theo phần của mình, lại khéo tác ý, không tự cao ngạo, không tự hèn hạ; vận dụng tâm này với cử chỉ như vậy, mới được đi vào nhà thế tục.

Khi ấy Thế Tôn cử động tay trong không gian, bảo các Bí-sô:

–Ý các ông thế nào, hư không có tham đắm, có trói buộc, có chấp thủ không?

Các Bí-sô thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật dạy:

–Bí-sô nào đi vào nhà thế tục với tâm không tham đắm, không trói buộc, không chấp thủ, cũng như vậy.

Thế Tôn lại cử động tay trong không gian, bảo các Bí-sô:

–Này các Bí-sô, ý các ông thế nào, hư không có tham đắm, có trói buộc, có chấp thủ không?

Các Bí-sô đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật nói:

–Bí-sô Ca-diếp cũng vậy, vào nhà thế tục với tâm không tham vướng, không trói buộc, không chấp thủ, tuy nhận lợi dưỡng, chỉ vì muốn tạo phước cho họ, thọ nhận vừa phải theo phần của mình, lại khéo tác ý, không tự cao ngạo, không hèn hạ. Này các Bí-sô, vì ý nghĩa này, cho nên phải như Bí-sô Ca-diếp thì mới đi vào nhà thế tục để nhận lợi dưỡng.

Các Bí-sô lại thưa với Phật:

–Thế Tôn, các Bí-sô khi thuyết pháp cho người thế tục, khi nào

thanh tịnh, khi nào không thanh tịnh, việc này như thế nào, xin Ngài giảng thuyết.

Phật dạy:

–Này các Bí-sô, các ông hãy chú ý lắng nghe, Ta sẽ giảng cho các ông. Bí-sô nào muốn làm cho người khác phát sanh tín tâm để với tín tâm đó, họ cung cấp y phục, thức ăn, vật để nằm, thuốc trị bệnh, vì cầu lợi nên thuyết pháp cho người, đây là không thanh tịnh. Bí-sô nào, học tập lời dạy của Phật, an trú trong Chánh kiến, xa lìa nhiễm ô, như luyện vàng ròng lọc bỏ chất tạp, thấy đúng như pháp, chứng đúng như pháp, như Phật thuyết giảng, pháp này viễn ly sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, đem pháp như vậy chỉ dạy cho người, làm cho họ được nghe pháp này rồi, tùy thuận tu hành, ngay trong đêm dài sanh tử được lợi lạc lớn, nhờ duyên này, phát sanh các tâm Từ, Bi; do nhân này làm cho chánh pháp được trường tồn ở thế gian. Này các Bí-sô, ai phát tâm như vậy để thuyết pháp cho người, đây là thanh tịnh.

Lại nữa, này các Bí-sô, các ông nên biết, Bí-sô Ca-diếp thường phát tâm thanh tịnh, thuyết pháp cho người, vì thanh tịnh nên làm cho chánh pháp của Phật được trường tồn ở thế gian. Thế nên, chúng Bí-sô các ông cần phải tu học đúng lý như vậy. Lại nữa, này các Bí-sô, ai phát tâm như thế, để thuyết pháp cho người, Ta gọi là tối thượng thanh tịnh chân thật, làm cho chánh pháp của Như Lai trường tồn ở thế gian.

Phật dạy kinh này, các Bí-sô đều hoan hỷ tín thọ.



SỐ 122

PHẬT NÓI KINH THÂN VUA BA-TƯ-NẶC DÍNH BỤI VÌ THÁI HẬU QUA ĐỜI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, thái hậu của vua Ba-tư-nặc nước Câu-sa-la qua đời, lúc tuổi đến một trăm, già cả suy yếu, nhưng vẫn tinh tấn tu tập pháp thiện.

Trời đã giữa trưa, sau khi tống táng cho mẹ, vua Ba-tư-nặc với thân thể dính đầy bụi, đi bộ đến gặp Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi:

–Hôm nay vì sao Đại vương người dính đầy bụi, đi bộ đến gặp Ta?

Bấy giờ nhà vua khóc lóc không tự kiềm chế được, lau nước mắt, bạch Thế Tôn:

–Thái hậu đã qua đời! Thưa Thế Tôn. Thái hậu đã không còn! Thưa Như Lai, thái hậu vào tuổi phải nương cây, không còn sức lực, vẫn tích đức tu pháp thiện, con rất yêu thương, ngày đêm chăm sóc chưa từng trái ý. Mạng sống có thể chuộc được để sống mãi, thì con

đem hết cả voi, ngựa, xe cộ để chuộc mạng, đem hết cả dân chúng để chuộc mạng cho thái hậu của con đừng chết. Nếu đem vàng bạc đổi được mạng sống, con cũng đem đổi. Nếu đem châu báu đổi được mạng sống con cũng đem đổi. Nếu đem nô tỳ đổi được mạng sống con cũng đem đổi. Nếu đem làng xóm đổi được mạng sống con cũng đem đổi. Nếu đem thành phố đổi được mạng sống con cũng đem đổi. Nếu đem cả thành phố, xóm làng đổi được mạng sống con cũng đem đổi. Nếu đem một phương đổi được mạng sống, con cũng đem đổi. Nếu đem một vùng dân chúng đổi được mạng sống con cũng đem đổi. Nếu đem một phương dân chúng đổi được mạng sống con cũng đem đổi, để cho mẹ con không bị qua đời.

Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

–Đúng vậy, Đại vương. Như lời Đại vương nói, nếu đem voi trắng đổi được mạng sống thì có thể đem voi đổi mạng cho mẹ. Nếu đem ngựa, xe, dân chúng, châu báu, vàng bạc, nô, tỳ, xóm làng, thành phố, một phương chúng dân đổi mạng cho mẹ được thì nên đem một phương dân chúng để đổi mạng sống cho mẹ, đừng để cho mẹ qua đời. Do vậy, này Đại vương, nên tư duy nhớ nghĩ về vô thường, nên tưởng rộng về vô thường, nên tưởng rộng về sự chết.

Thế Tôn nói kệ:

*Ai cũng phải qua đời
Không có ai sống mãi
Tùy hành động tội phước
Tự nhận quả thiện ác
Làm ác đọa địa ngục
Người thiện chắc sanh thiên
Người trí phân biệt rõ
Làm phước ngăn điều ác.*

Này Đại vương, có bốn việc đáng sợ, là sợ hãi lớn không thể tránh khỏi, không thể dùng sức lực đao gậy tránh được, không thể dùng chú thuật, dược thảo, voi ngựa, xe cộ, dân chúng, châu báu, vàng bạc, nô tỳ, xóm làng thành phố, một phương dân chúng mà có thể tránh thoát được. Bốn việc ấy là: Già là sợ hãi lớn, bắt thịt tiêu hết, không thể dùng dao gậy để tránh thoát, cho đến dùng một

phương dân chúng cũng không tránh thoát được. Bệnh là sợ hãi lớn, không còn ý chí cường thịnh, không thể dùng dao gậy cho đến một phương dân chúng để tránh thoát được. Chết là sợ hãi lớn, tuổi thọ không còn, không thể dùng dao gậy hay một phương dân chúng để tránh thoát được. Ân ái bị biệt ly là sợ hãi lớn, không thể dùng dao gậy cho đến một phương dân chúng để tránh thoát được. Thế nên, này Đại vương, bốn sự sợ hãi lớn này không thể dùng dao gậy cho đến chú thuật, dược thảo, voi ngựa, xe cộ, dân chúng, châu báu, vàng bạc, nô tỳ, làng xóm, thành phố, dân chúng một phương để tránh thoát được. Này Đại vương, ví như mây lớn nổi lên sấm chớp tung tóe, rồi nó tự tiêu tán không tồn tại lâu. Cũng vậy, này Đại vương, mạng người rất ngắn, thọ dài lắm là trăm năm, vượt hơn số này rất ít. Này Đại vương, ví như có bốn núi đá lớn, không có chỗ khuyết. Bốn núi này đồng thời đi đến nghiền nát cây cối được thảo thì không thể dùng dao gậy để tránh thoát được. Cũng vậy, này Đại vương, có bốn sự sợ hãi lớn đến, không thể tránh thoát được. Bốn sự đó là: Già là sợ hãi lớn, bắp thịt tiêu hết, không thể dùng dao gậy tránh thoát, không thể dùng dược thảo chú thuật mà tránh thoát được. Bệnh là sợ hãi lớn, không còn ý chí cường thịnh. Chết là sợ hãi lớn, thân bị tiêu diệt. Ân ái bị biệt ly là sợ hãi lớn, không thể dùng dao gậy, chú thuật dược thảo mà tránh thoát được. Này Đại vương, cần phải tu tập nhiều tướng vô thường, nên trải rộng tướng vô thường. Vì sao? Đã tu tập tướng vô thường, trải rộng tướng vô thường, thì đoạn trừ sạch tất cả dục ái, đoạn trừ tất cả sắc ái, đoạn trừ tất cả vô sắc ái, tất cả vô minh đã bị đoạn trừ, bất kỳ ái gì cũng bị đoạn trừ hết. Này Đại vương, ví như đem lửa đến đốt hết đồng cỏ rơm củi, đốt cả rừng rậm lớn, lầu đài nhà cửa. Đây cũng vậy, ai tu tướng vô thường, trải rộng tướng vô thường thì đoạn trừ sạch dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vô minh, và tất cả ái khác. Thế nên, này Đại vương cần phải học như vậy.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Pháp này tên là gì, phụng trì như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Tên kinh là Trừ Ưu Hoạn. Pháp này trừ hết ưu sầu hoạn nạn.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Thế Tôn, đúng là kinh Trừ Ưu Hoạn, đúng là kinh Trừ Ưu Hoạn. Vì sao? Thưa Thế Tôn, con nghe kinh này xong thì bao nhiêu thương cảm sâu ưu đều bị tiêu trừ hết, cảm giác thân thể nhẹ nhàng hoan hỷ.

Thế Tôn lại vì vua Ba-tư-nặc thuyết pháp vi diệu làm cho hoan hỷ.

Nhà vua đứng dậy đem đầu mặt lạy sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi từ giả.

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-sa-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



SỐ 123

PHẬT NÓI KINH PHÓNG NGŨU

*Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập,
người nước Quy tư.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có mười một pháp mà mục đồng không biết để chăn trâu cho thuận tiện và nuôi dưỡng phát triển trâu. Mười một pháp ấy là:

1. Mục đồng không biết sắc.
2. Không biết tướng.
3. Không biết chà xát cho sạch.
4. Không biết trị vết thương.
5. Không biết xông khói.
6. Không biết chọn đường đi.
7. Không biết thương trâu.
8. Không đường lội qua nước.
9. Không biết tìm chỗ có cỏ nước tốt.
10. Vắt sữa đến khô kiệt.
11. Không biết phân biệt nên nuôi con nào, không nên nuôi con nào.

Như vậy, mục đồng không biết nuôi dưỡng đàn trâu bằng mười một pháp này, thì đàn trâu không phát triển và ngày càng giảm sút.

Tỳ-kheo không biết làm mười một việc như mục đồng, chắc chắn không bao giờ thành tựu Sa-môn cả. Tuy sống trong pháp luật này, nhưng không vun trồng được gốc pháp luật, không có cành lá che phủ. Người không hành mười một pháp này, vẫn cố làm Sa-môn thì khi chết bị đọa ba đường ác. Thế nào là Tỳ-kheo không biết hành mười một pháp?

Tỳ-kheo không biết sắc, không biết tướng trạng, cần phải chà xát mà không biết chà xát, cần phải trị vết thương mà không biết trị vết thương bằng cách xông khói, không biết chọn đường đi, không biết yêu thương trâu, không biết đường nào lợi qua nước, không biết chỗ ăn, không biết kính lễ Trưởng lão.

Này Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo không biết sắc? Tỳ-kheo không biết Bốn đại chủng và sắc do Bốn đại chủng tạo thành.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết tướng? Tỳ-kheo không biết tướng của nhân duyên si mê, không biết tướng của nhân duyên sáng suốt. Thế nào là không biết tướng của nhân duyên si mê? Tỳ-kheo không biết nhân duyên đen, không biết nhân duyên trắng, không biết nhân duyên đen trắng. Tỳ-kheo như vậy là không biết tướng.

Thế nào là Tỳ-kheo nên chà rửa sạch mà không biết chà rửa? Này Tỳ-kheo, giả như có tâm dục phát sanh liền thích thú tham đắm, không xả bỏ, không quên đi, không đoạn tuyệt. Phát sanh ngu si, tham lam và các tâm ác khác thì ôm giữ hết, không xả bỏ. Tỳ-kheo như vậy là nên chà xát mà không chịu chà xát.

Thế nào là Tỳ-kheo cần phải băng bó vết thương mà không chịu băng bó? Tỳ-kheo thấy sắc phát sanh vọng tưởng, nghe âm thanh sanh tham ái, tưởng nhớ đến hình thể không biết là ác. Không giữ gìn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tận lực chạy theo ngoại trần, không chịu phòng hộ. Tỳ-kheo như vậy là cần phải băng bó vết thương mà không chịu băng bó.

Thế nào là Tỳ-kheo cần phải xông khói mà không chịu xông khói? Tỳ-kheo học vấn chưa thông suốt, lại giảng thuyết cho người. Tỳ-kheo như vậy, cần phải xông khói mà không chịu xông khói.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chọn đường đi? Tỳ-kheo không biết đi đường chánh, đi vào đường tà. Thế nào đi đường tà? Tỳ-kheo đi

vào xóm dân nữ, quán rượu, nơi cờ bạc vui chơi. Tỳ-kheo như vậy là không biết đường đi.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết thân ái? Khi Tỳ-kheo nghe giảng pháp bảo, không chí tâm ưa thích lắng nghe. Tỳ-kheo như vậy là không biết thân ái.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chỗ lội qua nước? Tỳ-kheo không biết bốn Thánh đế. Bốn Thánh đế là gì? Tỳ-kheo không biết Khổ đế, Khổ tập đế, Khổ tận đế, Khổ tận đạo đế. Như vậy là Tỳ-kheo không biết đường lội qua nước.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chỗ ăn? Tỳ-kheo không biết Bốn ý chỉ. Bốn ý chỉ là những gì? Tỳ-kheo không biết quán nội thân, quán ngoại thân, quán nội thọ, không biết quán ngoại thọ, không biết quán nội ý, không biết quán ngoại ý, không biết quán nội ngoại ý; không biết quán nội pháp, quán ngoại pháp, quán nội ngoại pháp. Tỳ-kheo như vậy là không biết chỗ ăn.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết ăn không được dùng tận cùng? Tỳ-kheo nào, giả như được vua chúa, trưởng giả, thanh tín sĩ nữ mời thọ trai, dọn các món thơm ngon, chí tâm dâng lên. Tỳ-kheo không tiết độ, ăn xong còn dư, lại mang về. Tỳ-kheo như vậy là không biết ăn không được dùng tận cùng.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết kính trọng bậc Trưởng lão? Tỳ-kheo không biết cung kính cúng dường họ như thế nào? Giả như có Trưởng lão Tỳ-kheo tu tập lâu, đạo đức lớn, học vấn uyên bác. Tỳ-kheo nhỏ không chí tâm cung kính, thấy họ không cung kính, không nhường chỗ ngồi, khinh mạn đùa cợt, không giao tiếp bằng tâm thiện. Tỳ-kheo như vậy là không biết cung kính Trưởng lão.

Tỳ-kheo nào không biết hành mười một pháp này, không được làm Sa-môn trong giáo pháp của Ta, không vun trồng gốc cây pháp luật, nên không có nhánh lá che chở, tự mình hư hoại, không bằng hoàn tục. Ai cố gượng làm Sa-môn chắc chắn bị đọa ba đường ác. Tỳ-kheo nên biết mười một pháp nuôi trâu của mục đồng làm cho đàn trâu phát triển. Thế nào là mười một? Mục đồng biết sắc, biết tướng, chà tầy, băng vết thương, xông khói, chọn đường đi, qua nước, thương

trâu, chọn cỏ nước, vắt sữa biết vừa phải không lấy khô kiệt, phân biệt trâu tốt xấu, trông nom đúng cách. Người chăn trâu như vậy mới có thể nuôi dưỡng làm cho đàn trâu phát triển.

Đức Phật nói kệ:

*Người chăn trâu đúng cách
 Chủ trâu có phước đức
 Sáu trâu trong sáu năm
 Thành sáu mươi không giảm
 Người chăn trâu thông minh
 Biết phân biệt các tướng
 Người chăn trâu như vậy
 Được Đức Phật ngợi khen.*

Có mười một pháp này, Tỳ-kheo phải làm, thì ngay trong pháp ấy trồng gốc cây pháp luật, cành lá sum suê, che khắp mặt đất, không bị hư hoại. Mười một pháp là gì? Tỳ-kheo biết sắc, biết tướng, biết chà xát, biết băng vết thương, biết khi xông khói, biết đường đi, biết thân ái, biết qua nước, biết chỗ ăn, biết không dùng hết, biết cung kính bậc Trưởng lão kỳ cựu có học, cung kính cúng dường.

Thế nào là Tỳ-kheo biết sắc? Tỳ-kheo biết tứ đại và biết sắc do Tứ đại tạo. Đó là Tỳ-kheo biết sắc. Thế nào là Tỳ-kheo biết tướng? Tỳ-kheo biết phân biệt ngu si và hiểu biết. Thế nào là si? Suy nghĩ sự không nên suy nghĩ, hành động việc không nên hành động, nói điều không nên nói, đây gọi là si. Thế nào là hiểu biết? Nghĩ điều đáng suy nghĩ, làm điều nên làm, nói lời nên nói, đây gọi là hiểu biết. Biết phân biệt ngu si và hiểu biết gọi là biết tướng. Thế nào là Tỳ-kheo biết chà xát chỗ nên chà xát? Tỳ-kheo, giả như sanh tâm dục liên chế ngự, lánh xa như thấy điều xấu ác; giả như phát sanh sân hận, tham lam, keo kiệt và các ác khác, đều chế ngự lánh xa như thấy điều xấu ác. Tỳ-kheo như vậy là biết chà xát nơi nên chà xát. Thế nào là Tỳ-kheo biết băng bó vết thương? Tỳ-kheo mắt thấy sắc không phân biệt tốt xấu, giữ gìn nhãn căn không cho tham đắm ngoại sắc, xa lìa các ác, phòng hộ nhãn căn. Tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân tham mềm mại, ý suy nghĩ, đều chế ngự không cho tham đắm, giữ gìn các căn không nhiễm ngoại

trần, như vứt bỏ điều thấy xấu ác. Tỳ-kheo như vậy là biết băng bó vết thương. Thế nào là Tỳ-kheo luôn luôn xông khói? Tỳ-kheo theo như điều đã học, đã nghe, đã biết, đem giảng rộng rãi. Tỳ-kheo như vậy là biết hun khói. Thế nào là Tỳ-kheo biết đường đi? Tỳ-kheo hành động theo Bát chánh đạo, biết chỗ không nên đi đến như xóm dâm nữ, quán rượu, nơi cờ bạc vui chơi, không bao giờ đến tùy tiện. Tỳ-kheo như vậy là biết đường đi. Thế nào là Tỳ-kheo biết thân ái? Tỳ-kheo khi nghe thuyết pháp chí tâm thọ trì, phấn khởi ưa thích. Tỳ-kheo như vậy là biết thân ái. Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ lội qua nước? Tỳ-kheo biết bốn Thánh đế. Bốn Thánh đế là gì? Là Khổ đế, Khổ tập đế, Khổ tận đế, Khổ tận đạo đế. Tỳ-kheo như vậy là biết chỗ lội qua nước. Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ ăn? Tỳ-kheo biết Bốn ý chỉ. Bốn ý chỉ là gì? Tỳ-kheo quán nội thân, quán ngoại thân, quán nội ngoại thân; quán nội thọ, quán ngoại thọ, quán nội ngoại thọ; quán nội tâm, quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm; quán nội pháp, quán ngoại pháp, quán nội ngoại pháp. Tỳ-kheo như vậy là biết chỗ ăn. Thế nào là Tỳ-kheo biết không được ăn đến cùng tận? Tỳ-kheo nào được Vua chúa, Trưởng giả, Thanh tín sĩ nữ với tín tâm vui mừng thỉnh Tỳ-kheo cúng dường các món ăn uống thơm ngon, cung kính dâng mời. Tỳ-kheo biết tri túc nhận vừa đủ nuôi thân, tư duy lời Phật dạy, người bố thí tuy sung túc, nên tự biết giới hạn, không thọ nhận đến cùng tận. Như vậy là Tỳ-kheo biết không được ăn đến cùng tận. Thế nào là Tỳ-kheo biết cung kính Trưởng lão cựu học, cung kính cúng dường. Tỳ-kheo thân cận các vị ấy, lễ kính cúng dường, ra vào nghinh tiếp, thấy đến nhường chỗ ngồi, tùy sức hướng thượng không có kiêu mạn lưỡi biếng. Tỳ-kheo như vậy là biết cung kính Trưởng lão.

Tỳ-kheo nào thường hành mười một pháp này, trong pháp ấy vun trồng gốc cây pháp luật cành là sum suê, che rợp nhiều nơi, thanh tịnh không cấu uế.

Thế Tôn nói kệ tán thán:

*Có tín tinh tấn học
Thọ thực biết tiết độ
Cung kính với Trưởng lão*

*Hạnh này Phật khen ngợi.
Với mười một pháp này
Tỳ-kheo cần phải học
Ngày đêm định tâm ý
Sáu năm chứng La-hán.*

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 124

KINH DUYÊN KHỞI

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng.

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Thất-la-phiệt, cùng với vô số Thanh văn, Bồ-tát, Trời, Người.

Thế Tôn bảo chúng Bí-sô:

–Ta sẽ giảng cho các ông về ý nghĩa nguyên lý và sự khác nhau của duyên khởi. Các ông hãy hết sức chú ý lắng nghe, suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt giảng giải cho các ông.

Các Bí-sô thưa:

–Xin Ngài giảng thuyết, chúng con muốn nghe.

Phật dạy:

–Thế nào gọi là ý nghĩa của nguyên lý duyên khởi? Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh; đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, phát sanh sầu đau, khổ, ưu, não. Đó là toàn bộ tập hợp khổ. Như vậy gọi là ý nghĩa của nguyên lý duyên khởi.

Thế nào là ý nghĩa sai biệt của duyên khởi? Nghĩa là vô minh duyên hành. Vô minh là gì? Nghĩa là không biết về cõi trước, cũng không biết về cõi sau, không biết về cả cõi trước sau; không biết

trong, không biết ngoài, không biết cả trong ngoài; không biết về nghiệp, không biết về dị thực, không biết về nghiệp dị thực; không biết về Phật, Pháp, Tăng; không biết về Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không biết về nhân và quả, không biết về nhân đã sanh ra các pháp, không biết về thiện và bất thiện, không biết có tội hay không có tội, không biết về nên tu tập hay không nên tu tập, không biết về hạ liệt, không biết về thượng diệu, không biết về trắng, không biết về đen, không biết có phần khác, không biết về duyên đã sanh sáu xúc xứ, thông đạt như thật; như vậy đối với các chỗ ấy hoàn toàn không biết, không thấy, không hiện quán, ngu si vô minh hắc ám; đây gọi là vô minh.

Thế nào là hành? Hành có ba là thân hành, khẩu hành, ý hành.

Hành duyên thức. Thức là gì? Là sáu thức thuộc thân: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức.

Thức duyên danh sắc. Danh là gì? Bốn uẩn ngoài sắc là thọ, tưởng, hành, thức uẩn. Sắc là gì? Là sắc của tứ đại chủng và sắc do tứ đại chủng tạo thành. Sắc này và danh tổng hợp lại làm một, nên gọi danh sắc.

Danh sắc duyên sáu xứ. Sáu xứ là gì? Là sáu nội xứ: Nhãn nội xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nội xứ.

Sáu xứ duyên xúc. Xúc là gì? Là sáu xúc thuộc thân: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc.

Xúc duyên thọ. Thọ là gì? Thọ có ba là khổ, lạc và xả thọ.

Thọ duyên ái. Ái là gì? Ái có ba là dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

Ái duyên thủ. Thủ là gì? Có bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ.

Thủ duyên hữu. Hữu là gì? Hữu có ba: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Hữu duyên sanh. Sanh là gì? Nghĩa là các hữu tình, trong các loại hữu tình kia sanh bằng nhiều cách, nhiều đường khác nhau, sự xuất hiện uẩn, hình thành giới, xứ, các uẩn, xuất hiện mạng căn.

Sanh duyên lão tử. Lão là gì? Là tóc bạc, da nhăn, khí lực suy tàn, thân thể gầy còm, đen đúa, hơi thở mệt nhọc, khòm về phía trước, phải chống gậy, không minh mẫn suy nhược, tổn giảm, suy thoái, các căn hư rã, công năng bị hư hoại, các hành hư hoại, thân

hình suy bại.

Tử là gì? Các hữu tình này cho đến các loại hữu tình khác đời sống chấm dứt không còn hơi thở, mạng căn bị diệt, các uẩn tan rã, khi chết không còn gì. Lão và tử hợp lại gọi là già chết.

Như vậy là ý nghĩa sai biệt của duyên khởi.

Này các Bí-sô, Ta đã giảng cho các ông về ý nghĩa nguyên lý và sự khác nhau của duyên khởi.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh này, các chúng Thanh văn, Bồ-tát, Trời, Người nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ chưa từng có, tín thọ phụng hành.



MỤC LỤC CHÍNH LÝ

(SỐ 99 – KINH TẠP A-HÀM)

TIỂU DẪN

Nguyên bản Hán dịch Tập A-hàm hiện tại, ấn hành trong Đại Chánh Tạng, gồm 50 quyển, 1.362 kinh. Tổng số kinh theo sự biên tập của Đại sư Ấn Thuận, «Tập A-hàm Hội Biên», có tất cả 13.412. Tổng số ghi theo «Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh» (Nhật bản), có đến 13.443. Có sự sai biệt số kinh này là do có rất nhiều kinh trùng lặp. Những kinh này, trong bản Hán dịch chỉ ghi tóm tắt mà không tách phân thành các kinh riêng biệt. Tùy theo cách phân tích nội dung được tóm tắt này mà số kinh tăng gia bất đồng.

Trong ấn bản Đại Chánh, từ quyển 1 đến quyển 3, cuối mỗi nhóm kinh, hoặc 8 kinh, hoặc 10 kinh, có một bài kệ gọi là «Nhiếp tụng». Tức kệ tóm tắt nội dung, và cũng được coi là đề kinh, của các kinh trước đó. Nhưng từ quyển 4 về sau, các «Nhiếp tụng» không xuất hiện đều đặn.

Ngay đầu quyển 16, có ghi khoa mục của kinh như sau «Tập nhân tụng đệ tam phẩm chi tứ», bắt đầu với kinh số 407. Có nghĩa là, đoạn thứ tư của phẩm thứ ba thuộc Tập nhân tụng. Trong biên tập của Ấn Thuận, «Tụng iii. Tập nhân, 4. Tương ứng Đế», gồm các kinh trong bản Đại Chánh 379-443 (phần cuối quyển 15, và phần đầu quyển 16). Trong Quốc Dịch, đây là «Tụng iii. Nhân duyên; 2. Tương ứng Tứ đế», phẩm 2, kinh số Đại Chánh 407-443 (phần đầu quyển 16).

Đầu quyển 17, ghi «Tập nhân tụng đệ tam phẩm chi ngũ». Tức phần 5, phẩm thứ 3 của Tập nhân tụng, tiếp theo quyển 16, gồm các kinh 456-489. Trong biên tập của Ấn Thuận, đây là «Tụng iii. 5. Tương ứng Giới», gồm các kinh Đại Chánh 444-465 (phần sau quyển 16 và phần đầu quyển 17). Quốc Dịch, «Tụng iii. Nhân duyên, 3. Tương ứng Giới» phẩm 1 & 2, số kinh như Hội Biên của Ấn Thuận.

Nơi quyển 23, kinh số 604, kể nhân duyên A-dục vương; được xem là tương đương với «A-dục Vương Truyện» (Đại 50, No 2043), và «A-dục Vương Kinh» (Đại 50, No 2042). Quyển 25, kinh số 640, trong đó Phật huyền ký về thời kỳ mạt pháp. Cũng trong quyển 25, kinh số 641, có ghi tiêu đề «A-dục Vương Thí Bán A-ma-lặc Quả Nhân Duyên Kinh». Rõ ràng đây là 3 bản kinh phụ hội, không thuộc Tập A-hàm. Theo Lương Tăng Hựu, «Xuất Tam Tạng Ký Tập», quyển 2, Cầu-na-bạt-đa-la, dịch giả của Tập A-hàm, cũng có dịch một bản kinh có tiêu đề là «Vô Ưu Vương

Kinh”. Nhưng được biết kinh đã thất truyền trong thời Tăng Hựu. Có thể người sao chép nhân cùng dịch giả nên chép chung luôn với Tạp A-hàm. Người sau không phân biệt, cho rằng kinh thuộc A-hàm. Trong «Tạp A-hàm Hội Biên», Ấn Thuận loại bỏ 3 bản kinh này ra ngoài Tạp A-hàm. Quốc Dịch xếp chúng vào 2 quyển cuối cùng. Tóm lại, nếu loại trừ 3 kinh, số 604, 640, 641, được chép trong 2 quyển 23 và 25, số quyển của bản Hán dịch Tạp A-hàm chỉ còn lại là 48 quyển, thay vì 50 quyển.

Như vậy có thể thấy, trong bản dịch nguyên thủy có phân khoa mục các kinh. Nhưng do sự sao chép lưu truyền mà các khoa mục này dần dần bị rơi mất. Nguyên hình của bản dịch như vậy cho thấy tương đồng với khoa mục được lưu hành theo Paøli Samyutta. Nghĩa là, các truyền bản Pali và Sanskrita đều có chung một bản gốc nguyên thủy.

Khi biên tập và phiên dịch, Ấn Thuận và Quốc Dịch đều có chỉnh lý lại mục lục, căn cứ theo các «Nhiếp tụng» hoặc nội dung đối chiếu theo Samyutta/ Paøli, rồi theo đó tổ chức lại hình thức văn bản theo khoa mục thứ tự mạch lạc. Nhưng cũng có sự bất đồng giữa hai bản này. Bản dịch Việt vẫn giữ nguyên thứ tự của Đại Chánh, để những vị nghiên cứu khi cần tham chiếu nguyên bản Hán dịch sẽ dò tìm dễ dàng hơn. Nhưng cũng cần nêu ở đây hai bản mục lục chỉnh lý theo «Tạp A-hàm Hội Biên» của Ấn Thuận, và «Quốc Dịch Nhất Thiết Kinh» để tiện việc tham khảo, khi cần đọc các kinh theo từng khoa mục gọi là «Tương ứng» tương đương với các Samyutta của Paøli. Hai bản mục lục chỉnh lý này được trình bày sau đây.

Ngoài ra, những khác biệt trong các truyền bản của Hán dịch, thứ tự khoa mục, và số quyển của Đại Chánh, đều được ghi ở phần cước chú, để các vị cần nghiên cứu sẽ dễ dàng tham khảo các tài liệu cần thiết.

Tuy nhiên, một ấn bản riêng biệt, với khoa mục đã được chỉnh lý cũng rất cần thiết. Nhưng đó là công trình khác.

Quảng Hương Già-lam,

Mùa an cư 2546

Tuệ Sỹ

MỤC LỤC CHÍNH LÝ 1

ẤN THUẬN HỘI BIÊN	SỐ KINH	ĐẠI CHÁNH KINH SỐ	QUYỂN
Tụng i. NGŨ ẤM			
1. Tương ứng Ấm	178	1-32	1
		256-272	10
		59-87	3
		33-58	2
		103-110	5
Tụng ii. LỤC NHẬP XỨ			
2. Tương ứng Nhập xứ	285	188-255	8
		1164-1177	43
		273-282	11
		304-342	13
Tụng iii. TẬP NHÂN			
3. Tương ứng Nhân duyên	78	283-303	12
		343-378	14
4. Tương ứng Đế	150	379-443	15/b-16/a
5. Tương ứng Giới	37	444-465	16/b-17/a
6. Tương ứng Thọ	31	466-489	17/b
Tụng iv. ĐẠO PHẨM			
7. Tương ứng Niệm xứ	54	605-639	24
8. Tương ứng Chánh đoạn		thiếu	
9. Tương ứng Như ý túc		thiếu	
10. Tương ứng Căn	27	642-660	26/a
11. Tương ứng Lực	60	661-703	26/b
12. Tương ứng Giác chi	67	704-747	26/c-27
13. Tương ứng Thánh đạo phần	114	748-800	28-29/a
14. Tương ứng An-na-ban-na niệm	22	801-815	29/b
15. Tương ứng Học	32	816-832	29/c-30/a
16. Tương ứng Bất hoại tịnh	29	833-86	

			30/b
Tụng v. BÁT CHÚNG			
17. Tương ứng Tỳ-kheo	22	1062-1083	38-39/a
18. Tương ứng Ma	20	1084-1103	39/b
19. Tương ứng Đế Thích	22	1104-1120	40
		1222-1225	46/a
20. Tương ứng Sát-lợi	21	1226-1240	46/b
		1145-1150	42/a
21. Tương ứng Bà-la-môn	38	1151-1163	42/b
		88-102	4
		1178-1187	44/a
22. Tương ứng Phạm thiên	10	1188-1197	44/b
23. Tương ứng Tỳ-kheo-ni	10	1198-1207	45/a
24. Tương ứng Bà-kỳ-xá	16	1208-1221	45/b
		993-994	36/a
25. Tương ứng Chư thiên	108	995-1022	36/b
		576-603	22
		1267-1293	48
26. Tương ứng Dạ-xoa	12	1294-1318	49/a
		1319-1324	49/b
27. Tương ứng Lâm	32	1325-1330	50/a
		1331-1362	50/b
Tụng vi. ĐỆ TỬ SỞ THUYẾT			
28. Tương ứng Xá-lợi-phất	81	490-500	18/a
29. Tương ứng Mục-kiền-liên	53	501-534	18/b-19/a
30. Tương ứng A-na-luật	11	535-545	19/b-20/a
31. Tương Ứng Đại Ca-chiên-diên	10	546-555	20/b
32. Tương ứng A-nan	11	556-565	20/c-21/a
33. Tương ứng Chất-đa-la	10	566-575	21/b
Tụng vii. NHƯ LAI SỞ THUYẾT			
34. Tương ứng La-đà	133	111-132	6/a
35. Tương ứng Kiến	93	133-171	6/b-7/a
36. Tương ứng Đoạn tri	109	172-187	7/b-8/a

37. Tương ứng Thiên	48	861-872	31/a
38. Tương ứng Tu chứng	70	873-891	31/b
39. Tương ứng Nhập giới ẩm	182	892-901	31/c
40. Tương ứng Bất hoại tịnh	62	902-904	31/d
		1121-1135	41/a
41. Tương ứng Đại Ca-diếp	11	1136-1144	41/b
		905-906	32/a
42. Tương ứng Tụ lạc chủ	10	907-916	32/b
43. Tương ứng Mã	10	917-926	32/c-33/a
44. Tương ứng Ma-ha-nam	10	927-936	33/b
45. Tương ứng Vô thủy	20	937-956	33/c-34/a
46. Tương ứng Bà-ta xuất gia	9	957-964	34/b
47. Tương ứng Ngoại đạo xuất gia	15	965-979	34/c-35
48. Tương ứng Tạp	18	980-992	35/b
		1241-1245	47/a
49. Tương ứng Thí dụ	19	1246-1264	47/b
50. Tương ứng Bệnh	20	1265-1266	47/c
		1023-1038	37/a
51. Tương ứng Nghiệp báo	35	1039-1061	37/b

M

MỤC LỤC CHÍNH LÝ 2

Quốc Dịch	Đại chánh	Ấn Thuận Hội biên
	Kinh số	Tương ứng
<i>Quyển 1</i>		
Tụng. i. NGŨ UẨN..... Tụng. i. NGŨ ẤM		
1. Tương ứng Ngũ uẩn Tương ứng Ấm		
Phẩm 1	1- 7	
Phẩm 2	8- 14	
Phẩm 3	15-24	
Phẩm 4	25-29	
Phẩm 5	30-32	
<i>Quyển 2</i>		
Phẩm 5 (tt)	256-262	
Phẩm 6	263-272	
Phẩm 7	62-88	
<i>Quyển 3</i>		
Phẩm 7 (tt)	33-36	
Phẩm 8	37-46	
Phẩm 9	47-56	
Phẩm 10	57-58	
<i>Quyển 4</i>		
Phẩm 11	59-64	
Phẩm 12	65-68	
Phẩm 13	69-71	
Phẩm 14	72-81	
<i>Quyển 5</i>		
Phẩm 15	103-101	

Quyển 6

2. Tương ứng La-đà	34. Tương ứng La-đà
Phẩm 1	111-120
Phẩm 2	121-127
Phẩm 3	không
Phẩm 4	128-129
Phẩm 5	130
Phẩm 6	131-132
3. Tương ứng Kiến	35. Tương ứng Kiến
Phẩm 1	133-138

Quyển 7

Phẩm 2	139-152
Phẩm 3	153-162
Phẩm 4	163-171
Phẩm 5	172-174
Phẩm 6	175-177
Phẩm 7	178-187

Quyển 8

Tụng ii. LỤC NHẬP	Tụng ii. LỤC NHẬP XỨ
1. Lục nhập tương ứng	2. Tương ứng Nhập xứ
Phẩm 1	188-194
Phẩm 2	195-197
Phẩm 3	198-200
Phẩm 4	201-211
Phẩm 5	212-228

Quyển 9

Phẩm 6	230-242
Phẩm 7	243-247
Phẩm 8	248-255

Quyển 10

Phẩm 9	273-282
--------	---------

Quyển 11

Phẩm 10	304-131
Phẩm 11	314-342

Quyển 12

Phẩm 12	1164-1177
---------	-----------

Quyển 13

Tụng iii. NHÂN DUYÊN Tụng iii. TẬP NHÂN

1. Tương ứng Nhân duyên	3. Tương ứng Nhân duyên
Phẩm 1	283-292
Phẩm 2	293-303

Quyển 14

Phẩm 3	343-354
Phẩm 4	355-364

Quyển 15

Phẩm 5	365-370
Phẩm 6	370-378
2. Tương ứng Tứ đế	4. Tương ứng Tứ đế
Phẩm 1	379-406

Quyển 16

Phẩm 2	407-443
3. Tương ứng Giới.....	5. Tương ứng Giới
Phẩm 1	444-455

Quyển 17

Phẩm 2	456-465
4. Tương ứng Thọ	6. Tương ứng Thọ
	466-489

Quyển 18

Tụng iv. ĐỆ TỬ SỞ THUYẾT Tụng vi. ĐỆ TỬ SỞ THUYẾT

1. Tương ứng Xá-lợi-phất	28. Tương ứng Xá-lợi-phất
Phẩm 1. Diêm-phù-xa	490-491

Phẩm 2	492-500		
2. Tương ứng Mục-kiền-liên		29. Tương ứng Mục-kiền-liên	
Phẩm 1	501-503		
<i>Quyển 19</i>			
	504-507		
Phẩm 2	508-534		
13. Tương ứng A-na-luật		30. Tương ứng A-na-luật	
	535-536		
<i>Quyển 20</i>			
	537-545		
4. Tương ứng Đại Ca-chiên-diên		31. Tương ứng Đại Ca-chiên-	
diên			
	546-555		
5. Tương ứng A-nan		32. Tương ứng A-nan	
	556-558		
<i>Quyển 21</i>			
	559-565		
6. Tương ứng Chất-đa		33. Tương ứng Chất-đa	
	566-575		
<i>Quyển 22</i>			
Tụng v. ĐẠO PHẨM		Tụng iv. ĐẠO PHẨM	
1. Tương ứng Niệm xứ		7. Tương ứng Niệm xứ	
Phẩm Niệm xứ	605-639		
<i>Quyển 23</i>			
2. Tương ứng Căn		10. Tương ứng Căn	
Phẩm Căn	642-660		
3. Tương ứng Lực		11. Tương ứng Lực	
Phẩm Lực	661-703		
4. Tương ứng Bồ-đề phần		12. Tương ứng Giác chỉ	
Phẩm 1	704-711		

Quyển 24

Phẩm 2 712-747

Quyển 25

5. Tương ứng Thánh đạo 13. Tương ứng Thánh đạo phần
Phẩm 1 748-796

Quyển 26

Phẩm 2 797-800

6. Tương ứng An-na-ban-na 14. Tương ứng A-na-ban-na niệm
Phẩm An-ban 801-815
7. Tương ứng Học 15. Tương ứng Học
Phẩm 1 816-829

Quyển 27

Phẩm 2 830-832

8. Tương ứng Bất hoại tịnh 16. Tương ứng Bất hoại tịnh
Phẩm 1 833-860

Quyển 28

Phẩm 2 1121-1135 40. Tương ứng Bất hoại tịnh
(Tụng iv.)

9. Chư tương ứng 37. Tương ứng Thiên
Phẩm 1 861-863
Phẩm 2 864-874
Phẩm 3 875-882 38. Tương ứng Tu chứng
Phẩm 4 883
Phẩm 5 884-889
Phẩm 6 890
Phẩm 7 891
Phẩm 8 892 39. Tương ứng Nhập giới ấm
Phẩm 9 893
Phẩm 10 894
Phẩm 11 895-896
Phẩm 12 897
Phẩm 13 898-904

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| 4. Tương ứng Câu-tát-la | 20. Tương ứng Sát-lợi |
| Phẩm 1 | 1226-1235 |
| Phẩm 2 | 1236-1240 |

Quyển 36

1145-1150

- | | |
|------------------------------|-------------------------|
| 5. Tương ứng Bà-la-môn | 21. Tương ứng Bà-la-môn |
| Phẩm 1 | 1151-1160 |
| Phẩm 2 | 1162-1163 |

Quyển 37

88-91

- | | |
|--------|--------|
| Phẩm 3 | 92-101 |
| Phẩm 4 | 102 |

Quyển 38

1178-1187

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| 6. Tương ứng Phạm thiên | 22. Tương ứng Phạm thiên |
| Phẩm Phạm thiên | 1188-1197 |

Quyển 39

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| 7. Tương ứng Tỳ-kheo-ni | 23. Tương ứng Tỳ-kheo-ni |
| Phẩm Tỳ-kheo-ni | 1198-1207 |
| 8. Tương ứng Bà-kỳ-xá | 24. Tương ứng Bà-kỳ-xá |
| Phẩm 1 | 1208-1216 |
| Phẩm 2 | 1217-1221 |

Quyển 40

993-994

- | | |
|------------------------------|-------------------------|
| 9. Tương ứng Chư thiên | 25. Tương ứng Chư thiên |
| Phẩm 1 | 995-1003 |
| Phẩm 2 | 1004-1012 |
| Phẩm 3 | 1013-1022 |

Quyển 41

- | | |
|--------|---------|
| Phẩm 4 | 576-585 |
| Phẩm 5 | 586-595 |

Phẩm 6 596-603

Quyển 42

1267-1269

Phẩm 7 1270-1279

Phẩm 8 1280-1289

Phẩm 9 1290-1293

Quyển 43

1294-1299 26. Tương ứng Dạ-xoa

10. Tương ứng Thiên tử 26. nt.

Phẩm 1 1300-1308

Phẩm 2 1309-1318

11. Tương ứng Dạ-xoa 26. nt.

Phẩm Dạ-xoa 1319-1324

Quyển 44

1325-1330 27. Tương ứng Lâm

12. Tương ứng Lâm 27. nt.

Phẩm 1 1331-1339

Phẩm 2 1340-1350

Phẩm 3 1351-1362

Quyển 45

Tụng viii. NHƯ LAI Tụng vii. NHƯ LAI SỞ THUYẾT

1. Tương ứng Đại Ca-diếp

Phẩm Đại Ca-diếp 1136-1144

905-906

2. Tương ứng Tụ lạc chủ 42. Tương ứng Tụ lạc chủ

Phẩm Tụ lạc chủ 907-916

Quyển 46

3. Tương ứng Mã 43. Tương ứng Mã

Phẩm Mã 917-926

4. Tương ứng Ma-ha-nam 44. Tương ứng Ma-ha-nam

Phẩm Ma-ha-nam 927-936

Quyển 47

- | | |
|----------------------------|-----------------------|
| 5. Tương ứng Vô thủy | 45. Tương ứng Vô thủy |
| Phẩm 1 | 937-947 |
| Phẩm 2 | 948-956 |

Quyển 48

- | | |
|--------------------------------|----------------------------------|
| 6. Tương ứng Bà-sa chủng | 46. Tương ứng Bà-sa xuất gia |
| Phẩm Bà-sa chủng | 957-964 |
| 7. Tương ứng Ngoại đạo | 47. Tương ứng Ngoại đạo xuất gia |
| Phẩm Ngoại đạo | 965-979 |

Quyển 49

- | | |
|------------------------|-----|
| A-dục vương nhân duyên | 604 |
|------------------------|-----|

Quyển 50

	640-641
--	---------

M

MỤC LỤC

TẬP A-HÀM (III) & TẬP A-HÀM BIỆT DỊCH

SỐ 99 – KINH TẬP A-HÀM (III)	1
TẬP A-HÀM QUYỂN 45	3
Kinh 1198. A-lạp-tỳ.....	3
Kinh 1199. Tô-ma	4
Kinh 1200. Cù-dàm-di.....	6
Kinh 1201. Liên Hoa Sắc	7
Kinh 1202. Thi-la	9
Kinh 1203. Tỳ-la	10
Kinh 1204. Tỳ-xà-da	12
Kinh 1205. Giá-la	13
Kinh 1206. Ưu-ba-giá-la	15
Kinh 1207. Thi-lợi-sa-giá-la.....	17
Kinh 1208. Ao Yết-già.....	18
Kinh 1209. Kiêu-trần-như.....	19
Kinh 1210. Xá-lợi-phất.....	22
Kinh 1211. Na-già sơn	23
Kinh 1212. Tụ tứ	24
Kinh 1213. Bất lạc	28
Kinh 1214. Tham dục.....	30
Kinh 1215. Xuất ly	31
Kinh 1216. Kiêu mạn	32
Kinh 1217. Bản dục cuồng hoặc.....	33
Kinh 1218. Bốn pháp cú	35
Kinh 1219. Sườn núi Na-già	36
Kinh 1220. Nhỏ tên.....	38
Kinh 1221. Ni-câu-luật Tướng	39
TẬP A-HÀM QUYỂN 46	43
Kinh 1222. Tổ chim	43
Kinh 1223. Người nghèo.....	44
Kinh 1224. Đại tế tự (1)	45
Kinh 1225. Đại tế tự (2)	48
Kinh 1226. Tam-bồ-đề	49
Kinh 1227. Mẹ	52

Kinh 1228. Thân yêu.....	54
Kinh 1229. Tự hộ	56
Kinh 1230. Tài lợi	57
Kinh 1231. Tham lợi.....	58
Kinh 1232. Bồn sên	59
Kinh 1233. Mệnh chung	62
Kinh 1234. Tế tự	65
Kinh 1235. Hệ phục	66
Kinh 1236. Chiến đấu (1).....	67
Kinh 1237. Chiến đấu (2).....	68
Kinh 1238. Không buông lung (1)	69
Kinh 1239. Không buông lung (2).....	71
Kinh 1240. Ba pháp	73
TẬP A-HÀM QUYỂN 47	75
Kinh 1241. Gia nhân	75
Kinh 1242. Sống cung kính	77
Kinh 1243. Tâm quý	78
Kinh 1244. Thiêu đốt.....	78
Kinh 1245. Ác hành.....	81
Kinh 1246. Luyện kim	81
Kinh 1247. Ba tướng	83
Kinh 1248. Chấn bò (1)	84
Kinh 1249. Chấn bò (2)	86
Kinh 1250. Na-đề-ca (1)	89
Kinh 1251. Na-đề-ca (2)	92
Kinh 1252. Mộc chằm.....	94
Kinh 1253. Bách phủ	95
Kinh 1254. Gia đình	95
Kinh 1255. Dao găm	96
Kinh 1256. Móng tay	98
Kinh 1257. Cung thủ	98
Kinh 1258. A-năng-ha.....	99
Kinh 1259. Hòn sắt.....	101
Kinh 1260. Miêu ly.....	101
Kinh 1261. Chày gỗ	102
Kinh 1262. Dã hồ (1).....	103
Kinh 1263. Phân tiểu	103
Kinh 1264. Dã hồ (2).....	104
Kinh 1265.	105

Kinh 1266. Xiển-đà	110
TẬP A-HÀM QUYỂN 48	115
Kinh 1267. Sử lưu.....	115
Kinh 1268. Giải thoát	116
Kinh 1269. Chiên-đàn	117
Kinh 1270. Câu-ca-ni (1).....	118
Kinh 1271. Câu-ca-ni (2).....	120
Kinh 1272. Câu-ca-ni (3).....	121
Kinh 1273. Câu-ca-ni (4).....	123
Kinh 1274. Câu-ca-ni (5).....	125
Kinh 1275. Xúc	127
Kinh 1276. An lạc	129
Kinh 1277. Hiềm trách.....	130
Kinh 1278. Cù-ca-lê	131
Kinh 1279.	135
Kinh 1280.	138
Kinh 1281.	138
Kinh 1282.	139
Kinh 1283.	140
Kinh 1284.	142
Kinh 1285.	145
Kinh 1286.	146
Kinh 1287.	148
Kinh 1288.	149
Kinh 1289.	150
Kinh 1290.	153
Kinh 1291.	154
Kinh 1292.	155
Kinh 1293.	156
TẬP A-HÀM QUYỂN 49	157
Kinh 1294. Sở cầu	157
Kinh 1295. Xe	158
Kinh 1296. Sanh con.....	158
Kinh 1297. Số	160
Kinh 1298. Vật gì.....	161
Kinh 1299. Giới gì.....	161
Kinh 1300. Mạng	163
Kinh 1301. Trường Thắng.....	165
Kinh 1302. Thi-tì	165

Kinh 1303. Nguyệt Tự Tại	166
Kinh 1304. Vi-nụ	167
Kinh 1305. Ban-xà-la-kiện.....	168
Kinh 1306. Tu-thâm	168
Kinh 1307. Xích Mã	170
Kinh 1308. Ngoại đạo	172
Kinh 1309. Ma-già	176
Kinh 1310. Di-kì-ca	178
Kinh 1311. Đà-ma-ni.....	179
Kinh 1312. Đa-la-kiến-đa	180
Kinh 1313. Ca-ma (1)	181
Kinh 1314. Ca-ma (2)	182
Kinh 1315. Chiên-đàn (1)	183
Kinh 1316. Chiên-đàn (2)	184
Kinh 1317. Ca-diếp (1)	185
Kinh 1318. Ca-diếp (2)	186
Kinh 1319. Khuất-ma	187
Kinh 1320. Ma-cưu-la	188
Kinh 1321. Tất-lăng-già quỷ	190
Kinh 1322. Phú-na-bà-tẩu	191
Kinh 1323. Ma-ni-giá-la	193
Kinh 1324. Châm Mao quỷ.....	195
TẬP A-HÀM QUYỂN 50	198
Kinh 1325. Quỷ ám	198
Kinh 1326. A-lạp quỷ	200
Kinh 1327. Thúc-ca-la	204
Kinh 1328. Tỳ-la	205
Kinh 1329. Hê-ma-ba-đê.....	206
Kinh 1330. Ưu-ba-già-tra	214
Kinh 1331. Chúng đa	216
Kinh 1332. Ham ngủ	217
Kinh 1333. Viễn ly	219
Kinh 1334. Bất chánh tư duy.....	220
Kinh 1335. Giữa trưa	221
Kinh 1336. A-na-luật.....	222
Kinh 1337. Tụng kinh.....	223
Kinh 1338. Bát-đàm-ma.....	224
Kinh 1339. Thọ sần	226
Kinh 1340. Kiêu-mâu-ni.....	227

Kinh 1341. Chỉ tri giới.....	228
Kinh 1342. Na-ca-đạt-đa.....	229
Kinh 1343. Phóng túng.....	229
Kinh 1344. Gia phụ.....	230
Kinh 1345. Kiến-đa.....	233
Kinh 1346. Ham ngũ.....	233
Kinh 1347. Bình rượu.....	236
Kinh 1348. Dã can.....	236
Kinh 1349. Chim Ưu-lâu.....	237
Kinh 1350. Hoa Ba-tra-lợi.....	237
Kinh 1351. Khổng tước.....	238
Kinh 1352. Doanh sự.....	239
Kinh 1353. Núi Tần-đà.....	240
Kinh 1354. Theo dòng trôi.....	240
Kinh 1355. Trăng sáng.....	241
Kinh 1356. Phướn.....	241
Kinh 1357. Bát sành.....	242
Kinh 1358. Người nghèo.....	243
Kinh 1359. Kiếp-bối.....	244
Kinh 1360. Vững sinh.....	245
Kinh 1361. Bên bờ sông.....	246
Kinh 1362.....	246

M

SỐ 100 – BIỆT DỊCH KINH TẬP A-HÀM.....	247
QUYỂN I.....	247
TỤNG 1: Phần 1.....	247
QUYỂN II.....	281
TỤNG 1: Phần 2.....	281
QUYỂN III.....	315
TỤNG 1: Phần 3.....	315
QUYỂN IV.....	350
TỤNG 1: Phần 4.....	350
QUYỂN V.....	385
TỤNG 1: Phần 5.....	385
QUYỂN VI.....	426
TỤNG 1: Phần 6.....	426
TỤNG 2: Phần 1.....	437

QUYỂN VII	461
TỤNG 2: Phần 2.....	461
QUYỂN VIII	486
QUYỂN IX	523
QUYỂN X	561
QUYỂN XI	580
QUYỂN XII	606
QUYỂN XIII	642
QUYỂN XIV	673
QUYỂN XV	711
QUYỂN XVI	757
SỐ 101 – KINH TẬP A-HÀM	787
SỐ 102 – PHẬT NÓI KINH NĂM UẨN ĐỀU KHÔNG	818
SỐ 103 – PHẬT NÓI KINH THÁNH PHÁP ẤN	820
SỐ 104 – PHẬT NÓI KINH PHÁP ẤN	822
SỐ 105 – KINH NGŨ ẤM THÍ DỤ	824
SỐ 106 – PHẬT NÓI KINH BỌT NƯỚC	827
SỐ 107 – PHẬT NÓI KINH BẮT TỰ THỦ Ý	830
SỐ 108 – PHẬT NÓI KINH MÃN NGUYỆN TỬ	832
SỐ 109 – PHẬT NÓI KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN	835
SỐ 110 – PHẬT NÓI KINH TAM CHUYỂN PHÁP LUÂN	838
SỐ 111 – PHẬT NÓI KINH TƯƠNG ƯNG KHẢ	841
SỐ 112 – PHẬT NÓI KINH BÁT CHÁNH ĐẠO	843
SỐ 113 – KINH NAN-ĐỀ-THÍCH	846
SỐ 114 – PHẬT NÓI KINH NGỰA CÓ BA TƯỚNG	851
SỐ 115 – PHẬT NÓI KINH NGỰA CÓ TÁM THÁI ĐỘ, VÍ CHO NGƯỜI	853
SỐ 116 – PHẬT NÓI KINH HƯƠNG CỦA GIỚI ĐỨC	855
SỐ 117 – PHẬT NÓI KINH HƯƠNG CỦA GIỚI	858
SỐ 118 – PHẬT NÓI KINH ƯƠNG-QUẠT-MA	860

SỐ 119 – PHẬT NÓI KINH ƯƠNG-QUẬT-MAN	870
SỐ 120 – KINH ƯƠNG-QUẬT-MA-LA	878
QUYỂN I	878
QUYỂN II	925
QUYỂN III.....	967
QUYỂN IV.....	990
SỐ 121 – PHẬT NÓI KINH NGUYỆT DỤ	1016
SỐ 122 – PHẬT NÓI KINH THÂN VUA BA-TƯ-NẶC DÍNH BỤI VÌ THÁI HẬU QUA ĐỜI	1019
SỐ 123 – PHẬT NÓI KINH PHÓNG NGŨU.....	1023
SỐ 124 – KINH DUYÊN KHỞI.....	1029
MỤC LỤC CHÍNH LÝ (Số 99 – Kinh Tập A-hàm)	1032
MỤC LỤC CHÍNH LÝ 1 (Số 99 – Kinh Tập A-hàm)	1034
MỤC LỤC CHÍNH LÝ 2 (Số 99 – Kinh Tập A-hàm)	1037

